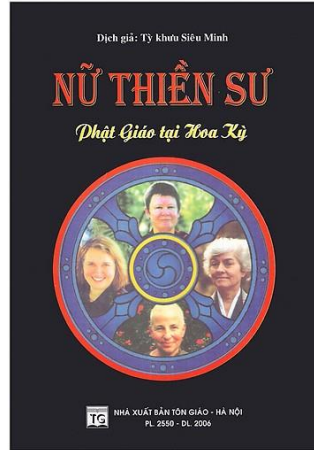


Nữ Thiền Sư Phật Giáo Tại Hoa Kỳ



Nguyên tác: Buddhist teachers in America

Tác giả: Lenore Friedman

Dịch giả: Tỳ khưu Thiện Minh

---o0o---

Nguồn

<http://www.tuvienquangduc.com.au/>

Chuyển sang ebook 01-08-2019

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

Lời Giới Thiệu

Lời Mở Đầu

Lời Giới Thiệu Cho Lần Phát Hành Đầu Tiên

[01] - Thiền Sư Toni Packer

[02] - Thiền Sư Maurine Stuart

[03] - Thiền Sư Pema Chodron

[04] - Thiền Sư Charlotte Joko Beck

[05] - Thiền Sư Ruth Dension

[06] - Thiền Sư Bobby Rhodes

[07] - Thiền Sư Jiyu Kennett

[08] - Thiền Sư Karuna Dharma

[09] - Thiền Sư Sharon Salzberg

[10] - Thiền Sư Gesshin Prabhasa Dharma

[11] - Thiền Sư Sonja Margulies & Yvonne Rand

[12] - Thiền sư Jacqueline Mandell, Colleen Schmitz, & Ayya khema Jacquelin Mandell

[13] - Thiền sư Tsering Everest & Joanna Macy Tsering Everest

Lời Kết Luận

Trường Phái Thiền Định (Zen)

Thiền Minh Sát

Thiền Theo Phật Giáo Tây Tạng

Thuật Ngữ Chuyên Môn

---o0o---

Lời Giới Thiệu

Chim ra đồng tìm thức ăn, dù có xa tới đâu, tối cũng quay về tổ; người có đi xa tới đâu cũng nhớ về nhà. Tôi được duyên may đi du học tới nay thời gian cũng khá khá nên tôi rất muốn về thăm quê hương, thăm nơi mà tôi được gia nhập vào tăng đoàn Chùa Bửu Quang -Tổ Đình Nguyễn Thủy Phật Giáo Nam Tông Việt Nam.

*Lần trở về thăm quê hương, thăm chùa, tôi thật ngạc nhiên vô cùng sau 9 năm ở tại Ấn Độ. Ở Việt Nam ta phát triển nhanh quá, đi tới đâu cũng thấy mới mẻ, nhìn tới đâu cũng thấy đổi thay, ngay cả chùa chúng tôi cũng vậy. Xưa kia không ai biết đến hay đã đi vào lãng quên, và nay đã được sự điều dắt của Đại Đức Thiện Minh một vị sư trông còn rất trẻ và rất trẻ, nhưng tài đức thật vẹn toàn, hết lòng lo cho đạo pháp, và giờ đây Tổ Đình Nam Tông mỗi ngày thêm sáng lạng. Tổ Đình Hệ Phái có một khung cảnh thật tuyệt vời, rất thích hợp với những ai muốn tu thiền. Phật giáo Nam Tông ở các nơi trên thế giới trong những năm gần đây đã gây một tiếng vang trên thế giới qua phương pháp hành thiền Vipassana. Sự đóng góp này không chỉ ở tu sĩ Phật giáo mà thôi, những vị cư sĩ cũng chiếm một vị trí quan trọng trong công cuộc truyền bá thiền Minh Sát. Ví dụ như ở Thái Lan có Nữ Cư sĩ Thiền sư Achaa Nep, Ấn Độ có N. Goenka, và còn nhiều cư sĩ khác nữa, đặc biệt tại Hoa Kỳ có 13 vị Thiền sư Phật giáo đã gây sự chấn động trong những năm gần đây qua tập sách “**Nữ Thiền Sư Phật Giáo**” tại Hoa Kỳ. Điều đặc biệt trong quyển sách này là sự hài hoà cả 3 truyền thống Nam Tông, Bắc Tông và Phật giáo Tây Tạng, bằng sự nhuần nhuyễn trong*

phương pháp giảng dạy. Vipassana đã trở nên một di sản văn hóa Phật giáo trên thế giới.

Do đó, chúng tôi xin được trân trọng giới thiệu đến quý độc giả gần xa qua tập sách này, để chúng ta có cái nhìn rộng rãi hơn ở các nước phương Tây, đặc biệt tại Mỹ nơi ấy vật chất đạt tới đỉnh cao của nó và giờ đây thiền Vipassana cũng chiếm một vị trí quan trọng tại xứ này. Chúng tôi hy vọng rằng một ngày không xa tại Việt Nam chúng ta không chỉ có 13 vị Thiền Sư Nữ Phật Giáo mà thôi, mà còn nhiều hơn thế nữa. Đặc biệt sau khi Mỹ ký kết với Việt Nam gia nhập Thương Mại Quốc Tế (WTO).

Xin trân trọng giới thiệu.

Bửu Quang Tự, ngày 06 tháng 06 năm 2006
Tỳ Khuru TUỜNG QUANG

---oOo---

Lời Mở Đầu

Biến cố đó xảy ra vào một buổi chiều Chúa Nhật giông bão, trung tuần tháng Hai năm 2000, với một nghi thức cổ trăm năm có tên lễ Mountain Seat. Ni Sư Linda Ruth Cutts đã nhận chức Nữ Thiền Viện Trưởng Trung Tâm Thiền San Francisco. Nghi thức diễn ra tại Phật đường thuộc Trung Tâm Thiền San Francisco, có khoảng hơn trăm người tham dự. Trong khi mọi người thính lặng hành thiền, nghi thức tán phong rất tỉ mỉ và mang đậm phong cách nhà Phật được tuân tực diễn ra.

Đối với tôi, sự kiện này vô cùng ấn tượng, vì biết bao đổi thay đã diễn ra trong giới phụ nữ và ngay cả trong thế giới Phật giáo Hoa Kỳ vào những năm sau lần xuất bản đầu tiên cuốn sách này vào năm 1987. Tôi nghĩ chúng ta đang ở trên đỉnh thủy triều. Hiện nay mọi sự đã rõ ràng. Tỷ lệ phụ nữ nắm địa vị lãnh đạo và nữ thiền sư ở mọi cấp và mọi truyền thống đang biến đổi liên tục.

Một tay Ni Sư Linda cầm cây trượng cao bằng gỗ, tay kia mang cây gậy ngắn gắn chùm lông đuôi ngựa ở một đầu. Bằng những cử chỉ lặp đi lặp lại nhiều lần, Ni Sư lắc lư chiếc trượng sang phải, sang trái rồi cúi lạy về phía trước. Từ đầu đến cuối Ni Sư di chuyển rất trịnh trọng, phong thái tự nhiên, đầy nhân cách và thính thoảng lại điểm một nụ cười hóm hỉnh.

Nghi thức đòi hỏi Ni Sư phải hết sức tập trung cả tư tưởng lẫn hành động, đồng thời biểu lộ một ý chí từ bỏ mãnh liệt và trọn vẹn, Có sáu thành viên trong đoàn thể tu trì hiện diện, họ mặc áo cà sa nâu sậm và đưa ra những câu hỏi thăm định ý chí phấn đấu của đương sự, thuần tính nghi thức Phật giáo.

Ni Sư trả lời rất khảng khái, tự nhiên, nhưng vui vẻ hài hước. Khi đã hoàn tất phần thăm vấn, Ni Sư ra hiệu cho vị sư chủ trì nghi thức tiến lại gần mình. Bà tiến lên và hai người ôm chầm lấy nhau.

Trước giờ diễn ra nghi thức thụ giới, Ni Sư Linda đã đề cập đến chồng bà, ông Steve, như là một “người bạn đồng thọ giới của Phật”, họ tự coi mình như hai con bò cùng kéo cày qua vùng đầm lầy. Hiện giờ Steve và con gái 10 tuổi, Sarah, thường nhắc đến những đặc tính tâm linh mẹ đã đem lại với cương vị Thiền Viện Trưởng, cũng như những ân huệ làm phong phú cuộc sống gia đình đầm ấm của họ. Ông Steve quá xúc động đến rơi lệ, giọng nói ông đứt quãng nhiều lần.

Trong dáng vẻ nghi thức thọ giới bộc trực đó, Ni Sư Linda đã lộ rõ bản chất nữ tính của bà. Giọng nói thình thoảng hơi mềm dẻo, luôn bộc trực, thẳng thắn và với lòng thương không nao núng. Đề cập đến chân lý Phật pháp Ni Sư Linda thốt lên “Con trâu vĩ đại, ta đã uống cạn nguồn sữa Phật pháp của người, hư vô, trống rỗng, không một chút thần thánh”. Nói về Đại Thiên Sư Suzuki, “Vị sáng lập những ngôi chùa này”, Ni Sư cho biết, “Ngài đã trao cho chúng tôi tất cả. Lời thề nguyện vừa này lộc sẽ không để lời Phật dạy phải gián đoạn”. Và sau đó Ni Sư còn nói thêm “Chớ vì chúng ta chăm sóc lẫn nhau với tình nghĩa cha con bao la và hân hoan. Hãy luôn chăm sóc đến cây cối, muông cầm và ngay cả cái thế giới xinh đẹp này”.

Ngay những cơ sở Phật giáo khác, từ Bồ Đông sang đến Bồ Tây những giá trị phụ nữ đã thấy xuất hiện như: chấp nhận phụ nữ và gia đình vào tịnh thất. Tôn trọng sự đa dạng, ý thức và hoạt động phục vụ xã hội, kể cả dân chủ hóa cơ cấu tổ chức đang hình thành với một mức độ nào đó. Việc thờ tự hàng ngày cũng được thay đổi cho phù hợp với các vị tiền bối cả nam lẫn nữ.

Ngay tại Trung Tâm Thiền San Francisco hiện nay Tụng kinh ban mai cũng đã tôn vinh “Tất cả những nữ thiền sư hiện diện cũng như vắng mặt”. Những nhân vật nữ như Tara và Quan Âm cũng được bày trong phòng thiền bên cạnh các tượng Phật khác. Thay đổi đang từ từ diễn tiến và rất khó nhận ra. Nhưng khám phá những thay đổi cả về chiều rộng lẫn chiều sâu vị thế của phụ nữ trong Phật giáo thực sự đã làm tôi thật cảm kích.

Tôi có cơ hội nói lại quan hệ với những nữ thiền sư nổi tiếng, tôi đã vinh dự phỏng vấn trong lần xuất bản đầu tiên cuốn sách này, một điều hết sức thú vị. Tuy vậy cũng có nỗi buồn âm ỉ từ ngày cuốn sách được phát hành vào năm 1987 cho đến nay đã có bốn trong số mười bảy vị tôi phỏng vấn đã qua đời. Trong đó có Thượng Tọa Gesshin Probhassa Dharma; Đại sư Jiyu Kennett; Ayya Khema và Maurine Stuart, Đại sư Gesshin qua đời chỉ ít tuần lễ trước khi bản thảo cuốn sách được hoàn tất, thế nên tôi đã có cơ hội tiếp

chuyện thân mật với ni sư nhiều lần, kể cả liên lạc bằng thư từ cho đến cận kề ngày ni sư qua đời. Tôi cũng có cơ hội liên hệ với ba nhân vật cung cấp thông tin thân cận – đó là các thiền sinh, các cộng tác viên và cả các vị thừa kế Phật pháp của các Ngài – để biết thêm những chi tiết về cuộc đời, những thành tựu cũng như cả cái chết của thiền sư và bạn bè của họ.

Điểm phong phú nhất trong quyển sách này chính là sự mới mẻ và nhạy bén trong sự đánh giá mới đây của tôi về tính duy nhất và cách truyền tải Phật pháp (hay đơn giản là thể hiện) cá biệt của mỗi phụ nữ, vị đó tôi muốn ám chỉ đến tính tự nhiên của mọi thực tại. Chúng ta luôn phải ghi ơn những điều nhắc nhở chúng ta thức tỉnh, bớt gắn bó với những tư tưởng phân tán và mang tính cách tình thế. Những điều nhắc nhở và những đổi thay này chỉ có được nơi cá nhân mỗi Thiền Sư tôi đã có dịp trao đổi (hay đề cập đến trong trường hợp ba nhân vật đã qua đời). Đôi khi những khơi gợi đó không những xuất hiện qua thuyết pháp, mà còn xuất phát từ tinh thần của mỗi cá nhân họ, đã tỏa sáng qua thuyết pháp (như trường hợp thiền sư Joko, Karuna và Ruth Dension). Đôi khi những đề tài phỏng vấn lại xoay quanh những điều đặc biệt thúc bách tôi vào một thời điểm nhất thời (như trong trường hợp Lama Tsering). Có đôi lúc những vấn đề chúng tôi đề cập đến lại rất khó khăn và không thể nào tránh khỏi, như bệnh tật và chết chóc, lại xuất hiện thường xuyên hơn như tôi dự đoán được.

Một số ít đề tài cũng gây ấn tượng mạnh với tôi. Một số người đang phải đối mặt với những tán thành và phản đối về cách phổ biến và điều này biểu hiện rõ ràng trong mỗi bài giảng (Sharon, Pema, Gesshin và Collen) và một số thiền sư đã mở rộng hoạt động của mình nơi những lãnh vực và những điểm gặp gỡ mới để truyền bá tư tưởng. Một số khác lại đặc biệt nhấn mạnh đến ước muốn khẩn trương đưa thiền vào các nhà tù của chúng ta. (Colleen, Karuna và Sharon).

Cho phép tôi cảm ơn tất cả các quý vị có mặt đúng lúc, đúng chỗ một cách trọn vẹn. Cuối cùng, cộng với những nhân vật đã được phỏng vấn và nêu danh tánh trong sách này, tôi còn muốn tri ân tất cả những ai đã nhiệt tình quảng đại công hiến thời gian và quan tâm, trong số đó phải kể đến Jyokuko và Kyogen Carlson, Arida Emrys, Trudy Goodman và Sabine Volchok. Cầu mong chúng ta tất cả sẽ còn được gặp lại nhau.

Tháng 11 năm 2000

---o0o---

Lời Giới Thiệu Cho Lần Phát Hành Đầu Tiên

Điều ít thuyết phục nhất nơi Phật giáo là thái độ đối với giới tính. Đức Phật đã miễn cưỡng chấp nhận phụ nữ vào Tăng đoàn (Sangha) và tiên đoán sự có mặt của họ sẽ làm tàn lụi hệ thống tôn giáo của Ngài... Khi chúng ta ôn lại lịch sử Phật giáo Thiền định (Zen) chúng ta nhận thấy mối ác cảm giới tính nhiều đến thế, hay một thái độ giới tính lệch lạc như thường thấy nơi các Ni đoàn Thiên Chúa giáo, nhưng chỉ thấy một thái độ dửng dưng vô tư về giới tính mà thôi. Phụ nữ không thấy xuất hiện trong bất kỳ trích đoạn nào nơi tác phẩm Hekiganroku hoặc Mumonkan. Thế nhưng một cuốn sách mang tựa đề Phụ Nữ Với Phật giáo (Zen) đã được xuất bản. -- R.H. Blyth (1960) ¹

Kính Ngài Blyth, thật đáng khâm phục tinh thần tuyệt vời và con mắt tinh đời của Ngài. Cuốn sách này không phải là câu trả lời chính xác cho thách thức Ngài đề ra, nhưng nhờ đó mà cuốn sách được tăng thêm sinh lực. Có điều chắc chắn làm Ngài thích thú là phiên bản vừa qua đã khai sáng một số phụ nữ nơi những siêu tập về Phật giáo (Zen) mà Ngài đã đề cập. Thực tế thì, những phụ nữ này không được nêu đích danh hoặc đề cập đầy đủ, nhưng những nhân vật trong bóng tối thỉnh thoảng xuất hiện đã vạch ra những đường nét thường rất sắc bén của họ rồi lại biến mất không để lại một vết tích nào cả.

Phật giáo đã xao nhãng phụ nữ là điều có thật. Đức Phật đã chống lại việc thu nhận phụ nữ vào đội ngũ tu trì của Ngài cũng là điều có thật và, cuối cùng Ngài cũng đã đề ra những qui luật có vẻ rất chướng tai gai mắt đối với chúng ta ngày nay. Tính mập mờ và những cấm kỵ mang tính phân biệt đối xử đó đã được giải thích như là một thái độ mang tính xã hội, với mục đích để bảo vệ một đoàn thể tu trì vừa mới được thành lập, Ngài đã chọn không thỏa hiệp. Thực tế là, trừ những tàn dư tại các nước thuộc vùng Mahayana, Ni đoàn nữ suy thoái vào thế kỷ thứ ba sau CN và hoàn toàn biến mất vào thế kỷ thứ 9 sau CN. Cho dù đang có những dấu hiệu phục hồi sức sống đầy ấn tượng vào thời đại chúng ta, căn cứ vào lịch sử mà nói thì nam giới chiếm đa số áp đảo trong giới tu sĩ Phật giáo.

Một điều hết sức tồi tệ là phụ nữ hoàn toàn không có mặt trong một lượng tích truyền thuyết Phật giáo khổng lồ... Và chắc chắn là, tất cả các vị giáo trưởng, các Đại sư cũng như các nhà thông thái đều là nam giới. Ngay cả mới đây một cuốn sách mang tựa đề “Làm Thế Nào Cho Thiên Nga Xuất Hiện Trên Mặt Hồ: Lịch Sử Truyền Kể Về Phật giáo Tại Hoa Kỳ”² do tác giả Rick Field viết, một tác phẩm điển hình như vậy mà hầu như vẫn thấy vắng bóng phụ nữ.

Nhưng, tôi hoàn toàn không muốn phóng đại, bức tranh đó đang thay đổi. Cách vài năm không xa thì sĩ Gay Snyder có nói, “Một biểu hiện duy nhất mang tính cách mạng trong việc hành đạo Phật giáo tại Hoa Kỳ chính là trên thực tế phụ nữ đang tích cực tham gia. Ngay lúc đầu phụ nữ cơ bản đã bị loại. Nhưng tại Hoa Kỳ, toàn bộ 50% tín đồ Phật tử là phụ nữ. Điều gì đó sẽ xảy ra liên quan đến một số phương pháp thuyết giảng và những thái độ đã được truyền lại đang trở thành một đề tài thật hấp dẫn”.³ Snyder chưa đề cập gì đến những Nữ Thiền sư, vì vào thời điểm ông đưa ra nhận định trên, chưa thấy phụ nữ xuất hiện. Sự phát triển tuyệt vời của đương thời, lưu lại nơi cuốn sách này, là một hiện tượng vừa mới xảy ra trong vài năm qua.

Mới đây vào năm 1980 Ni Sư Rita Gross, trong một văn thư trình bày tại Hội nghị mang tên là “Cuộc Gặp Gỡ Các Tôn Giáo Đông Tây: Phật giáo & Thiên Chúa Giáo Đối Mới Và Tương Lai Nhân Loại” đã cho thấy thế hệ những người phụ nữ Phật tử chúng ta “không có phương hướng anh hùng hay các vị thiền sư vĩ đại đương thời để noi gương và bắt chước”. Khi tôi mới khởi sự công trình nghiên cứu vào năm 1983 tôi chỉ biết được có ba nữ thiền sư. Đến bây giờ tôi có thể kể tên ra đây hàng loạt những người đang giữ cương vị quan trọng và còn rất nhiều vị khác đang tiếp bước họ.

Đương nhiên Nữ giới đang “có mặt” ở khắp nơi. Tại những tổ chức tôn giáo phương Tây, trên thương trường và trong lãnh vực chính trị. Phật giáo không phải là tổ chức duy nhất đã e ngại và nghi ngờ trí tuệ người phụ nữ cũng như những khát vọng của họ. Nhưng chính Phật giáo đã thẳng tay đàn áp họ, trong suốt hai mươi thế kỷ qua. Đương nhiên, vẫn có những ngoại lệ – những con người đang tỏa sáng và đầy tinh thần như các đệ tử đầu tiên của Đức Phật Dharmadina và Khema, như Lion Yawn và Queen Srimala và những “phụ nữ pha trà” Nhật Bản khác. Nhưng chúng ta hãy bắt đầu từ điểm xuất phát.

---o0o---

II

Ngay từ thời Đức Phật khởi sự đi hoằng đạo, phụ nữ đã tích cực tham gia Phật giáo. Theo I.B. Horner, tác giả công trình tiên phong buổi đầu viết về Phụ Nữ Dưới Thời Phật giáo Nguyên Thủy (1930)⁴. Những đồ đệ phụ nữ thường dân đầu tiên đã trở lại ngay sau bài thuyết pháp đầu tiên của Đức Phật tại Quảng Trường Con Nai (Deer Park) ở Isipatana. Họ là mẹ và người vợ trước của ngài Yasa, “một thanh niên quý tộc” người đã đạt đến giác ngộ hoàn toàn và ngay cả cha của chàng thanh niên đó cũng đã trở thành tín đồ Phật giáo, Horner viết “Đối với những người phụ nữ này thì Đức Phật Cồ

Đàm (Gotama) đã đề cập đến bằng những lời lẽ tương tự khi ông trao đổi với Yasa và thân phụ của ngài”.

Mức độ Đức Phật chấp nhận phụ nữ bình đẳng đến cỡ nào thì không ai biết chắc. Tuy nhiên, mọi bằng chứng đều dựa trên những bài kệ được viết ra do các vị sư không đáng tin cậy qua những cốt truyện được lưu lại rất lâu sau sự kiện đã xảy ra. Theo tôi việc nghiên cứu có tính thuyết phục nhất là dựa vào tinh thần của hầu hết các lời thuyết pháp cũng như thông tin về những điều kiện xã hội tại Ấn Độ vào thời đó, cho là Đức Phật không chấp nhận phụ nữ được bình đẳng trên tinh thần nhưng xét dưới góc độ con người Đức Phật đã không được miễn trừ khỏi những thành kiến sâu xa nơi không gian và thời gian của người.

Một trong số những thành kiến trên rất cay nghiệt và ăn sâu trong con người chỉ có thể thấy được nơi một vài trích đoạn từ những bản văn Phật giáo thời cổ đại. Kiểu dáng phụ nữ đầu tiên được coi như là quý dữ được tìm thấy trong văn chương Phật giáo Nguyên Thủy (Theravadin), được biết đến như là Quy Luật Pali. Nhưng theo Diana Y Paul trong tác phẩm nổi tiếng của bà mang tên Các Phụ Nữ Phật giáo⁵ hỏa ngục là nơi giam giữ đầy những phụ nữ được tạo thành với hình tượng kỳ cục, già nua và ghê tởm, được đọc thấy trong cả văn chương Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa. Trong “câu chuyện về vua Udayana Vatsa”, trích trong cuốn Collection of Jewels, một trích đoạn kệ có niên đại khoảng 1 thế kỷ sau CN thì phụ nữ được trao cho “quyền lực phi thường”, Paul đã thể hiện trong hai vần thơ sau đây:

*Rắn và chó chết là? hai sinh vật đáng ghét
Nhưng đàn bà còn đáng ghét hơn chúng nhiều
Đàn bà là người đánh cá
Lời phỉnh phờ đàn bà là chiếc lưới
Đàn ông trông tựa con cá
Đang dẫy dựa mắc vướng vào lưới.*

Trích từ kinh *Mahaparinibbana Sutta* qua một mẫu đàm thoại sau đây giữa Đức Phật và đệ tử yêu quý của ngài là Ananda, người sau này đã được chứng tỏ là người biện hộ hùng hồn cho quyền người phụ nữ:

Ananda: Thưa thầy, chúng ta phải hành xử ra sao đối với phụ nữ?

Đức Phật: Ananda thân mến, coi như không nhìn thấy họ.

Ananda: Nhưng trong trường hợp chúng ta cứ phải nhìn thấy họ thì sao?

Đức Phật: Ananda con yêu, đừng tiếp chuyện với họ.

Ananda: Dạ thưa thầy, nhưng nếu họ phải tiếp chuyện với ta thì sao, chúng ta phải làm gì?

Đức Phật: Ananda thân yêu. Con phải cảnh giác tối đa.⁶

Những thái độ Phật giáo truyền thống xem phụ nữ là hạng người thấp kém “phản ánh một quan niệm về người phụ nữ như là một sinh vật nhập thể dâm dăng và xấu xa”. Diana Paul viết, “Đàn bà sẵn có bản chất thú vật đi kèm với những khuynh hướng dâm dục không thấy có nơi bản chất nam giới”. Đàn bà tự bản chất sinh học đã là thứ có khuynh hướng dâm dục không thể nào kiểm soát được. Chỉ có thái độ khinh miệt may ra giúp họ có thể chối bỏ được số phận sinh học tội lỗi đó”.

Một phần, Paul còn giải thích thái độ khinh miệt phụ nữ của các nhà sư dẫn đến việc các sư sãi phải tùy thuộc vào các bà nội trợ trong công việc bổ thí, “những cảm nghĩ bị phụ nữ thao túng và lệ thuộc vào họ đã bộc lộ thái độ tự góm ghét mình, thể hiện trong thái độ ghét phụ nữ”. Họ so sánh mỗi người phụ nữ, với khả năng tiêu cực, như là mầm móng gây xáo trộn và đổ vỡ. Thần *Samasan* được ví như là phụ nữ và phải được khuất phục. Cuộc sống chiến một mất một còn này được ví như cuộc đấu tranh giữa nam giới/ tinh thần/ niết bàn chống lại nữ giới /thể xác/ địa ngục.

Hơn thế nữa, theo như các Phật tử tiên khởi, “người mẹ là biểu tượng của đau khổ và là người không ngừng sản sinh ra sự sống trong đau khổ, hầu như một định luật tự nhiên cho phụ nữ là phải chịu đựng đau khổ”. Những bản văn đề cập đến phụ nữ như là những người tu hành không bao giờ thấy đề cập đến, thiên chức làm mẹ là điều vẫn được coi như ngang bằng với đau khổ, sự bó buộc và lệ thuộc. Và mục đích tôn giáo của Phái Đại Thừa (Mahayana) chính là giải thoát khỏi những thái độ tương tự như vậy.

Một cách duy nhất để cho người mẹ được công nhận là sinh hạ con trai. Những bản văn Phật giáo đầu tiên cho thấy phụ nữ bị xã hội chế diễu và hạ nhục khinh miệt cho đến khi họ sinh hạ được con trai. Paul nhắc lại qui luật không tránh khỏi là mẹ Đức Phật phải chết sau bảy ngày sinh hạ ra Ngài để “loại trừ bất kỳ hành vi giao cấu nào sau biến cố kỳ diệu đó”. Rõ ràng là toàn bộ các bà mẹ của Chư Phật đều bị định mệnh dành cho một số phận oan nghiệt.

Một câu chuyện về Ni đoàn Phật giáo (nữ tu) nguyên thủy. Bản tường trình truyền thống cho thấy, “rất có thể đó là một phát minh tu trì”, theo nhà văn Francis Wilson, vừa mới dịch câu chuyện trên thì có những chi tiết huyền thoại đã được đưa vào.⁷ Điển hình cụ thể là vai trò quan trọng của Bà Mahaprajapati, người dì và mẹ nuôi của Đức Phật. Ta thường thấy vọng lại trong lịch sử về Ni đoàn các ni sư thuộc nhánh đạo Jainism (xuất hiện một

thời gian ngắn trước những Ni đoàn Phật giáo tại Ấn-độ) do vai trò tương tự bà dì của Mahavira, người sáng lập ra nhánh đạo Jain.

Ngày nay ta thấy nguồn sinh lực mới nơi các Ni đoàn ni sư trên khắp thế giới, nhưng cộng đoàn Nữ Tỳ Kheo đã không thể tồn tại như là một lực lượng sinh động ngay từ lúc đầu cũng như trong truyền thống Phật giáo Mahavira. Cho dù trên nguyên tắc nó vẫn tồn tại, bước đường của các nữ tỳ kheo đã sụp đổ ngay từ lúc đầu. Paul tin rằng, chính vì cảm thấy mình là mối đe dọa sâu xa đặt ra cho xã hội và tôn giáo, cho nên các phụ nữ đã rời bỏ gia đình.

Đức Phật hiển nhiên đã ngờ vực trầm trọng chính mình. Lịch sử cứ diễn tiến, năm năm sau khi Ngài chính thức bắt đầu hoằng đạo, ngay tại công viên Nirodha Ngài đã phải gặp một đoàn đông đảo các phụ nữ mặc áo dài màu vàng, do Mahaprajapati dẫn đầu. Họ đã âm thầm tiến bước, chân xung húp vì đã đi một quãng đường dài. Họ muốn từ bỏ thế tục và thực hiện một cuộc sống khổ hạnh và cầu xin Đức Phật chấp thuận. Ba lần họ yêu cầu Đức Phật và cả ba lần đều bị từ chối. Họ than khóc nhưng không hề nản lòng, Mahaprajapati và các đồ đệ đã xuống tóc như là một dấu hiệu từ bỏ và đi bộ theo Đức Phật đến Vesali. Tại đó họ gặp được một đồ đệ thân cận nhất của Đức Phật, “Ngài Ananda nhân hậu”, Ngài rất cảm kích nhìn thấy họ trong tình trạng khổ sở bất hạnh như vậy, đồng thời cảm kích vì lòng nhiệt tình và quyết tâm của họ, đã cam kết đưa lời thỉnh cầu của họ trình bày với Đức Phật Cồ Đàm (Gotama).”

Ngài đã thỉnh cầu ba lần, mà không đạt hiệu quả (chúng ta có thể nhận thấy nhịp điệu được lặp lại trong cốt truyện dân gian ở đây, vì tất cả các cốt truyện dân gian mỗi nơi mỗi khác). Cuối cùng thì Ananda phải nại đến cảm thức công lý và chính trực của Đức Phật; phải chăng phụ nữ không có năng lực như nam giới để theo đuổi cuộc sống phạm hạnh và tiến bước trên con đường giác ngộ? Đức Phật đã thừa nhận đúng là phụ nữ có khả năng đó và rằng không có trở lực tự nhiên nào ngăn họ đạt đến Niết bàn. Ngài đã phải cúi lòng nhận thấy “những người phụ nữ có giáo dục tinh tế đến vậy luôn luôn di chuyển bằng xe kéo, nhưng họ đã đi bộ băng qua những cánh đồng bằng vùng bắc Ấn độ để đến với Ngài tại vùng Vesali này”, Horner đã ghi lại như vậy. Tác giả cũng đã cho biết đây là một ví dụ độc nhất được ghi lại về việc Ngài bị thuyết phục trong tranh luận.

Nhưng chỉ sau đó ít lâu Ngài đã đưa ra lời phân giải chính thức liên quan đến mục đích của Ni đoàn Phật giáo. Theo quan điểm của Horner thì “điều đó không hàm ý ở những từ đã được cân nhắc và hình như thoát nhìn là theo bản năng trước sự buồn thảm và than vãn về những hy vọng không

mấy sáng sửa”. Theo những gì kể lại thì: “Ananda thân mến, nếu như phụ nữ không được phép thoát ra khỏi cuộc sống gia đình và gia nhập vào một tình trạng vô gia cư nào đó, chiếu theo giáo lý và kỷ luật được đấng Như Lai (Tathagata - có nghĩa là Đức Phật) tuyên xưng, thì Ananda thân yêu, tôn giáo tinh truyền này sẽ trường tồn lâu dài, Phật pháp sẽ kéo dài hàng ngàn năm. Nhưng, Ananda thân yêu, một khi phụ nữ được phép tham gia như thế thì đạo giáo tinh truyền này sẽ không thể tồn tại lâu đến thế, còn luật pháp sẽ chỉ kéo dài được năm ngàn trăm năm mà thôi”.

Mặc dù lời tuyên bố trên hình như chỉ để diễn đạt sự miễn cưỡng chấp nhận phụ nữ vào các Ni đoàn. Trước tiên Horner chỉ ra những hậu quả tất yếu của các nhà sư sẽ lộ rõ ra đây (họ có thể “đương nhiên” giới hạn tầm quan trọng đã được dành cho phụ nữ) và thứ hai là không thấy bất kỳ biểu hiện khó chịu nào được lộ ra. Cuối cùng, Horner kết luận là quãng thời gian dài nhiều năm các Ni đoàn tồn tại ít quan trọng đối với Đức Phật hơn là mở các Ni đoàn đó cho càng nhiều người tham gia càng tốt, rằng “phần nửa số năm (năm trăm) với những điều kiện như hiện nay còn giá trị hơn hai lần con số đó (một ngàn) với những điều kiện trong quá khứ”.

Quan điểm trên đã được Sulak Sivarksa chia sẻ khi viết trên tạp chí Kahawai⁸. Ông tin là không chỉ những lời tuyên bố của Đức Phật thường đã bị cắt nghĩa sai lệch đi, nhưng rất có thể còn ám chỉ cả sự không liên tục của Ni đoàn Thánh Thiện Các Ni Sư Khất Thực. Ông còn kết luận thêm, “tốt hơn nên chỉ đường vào Niết Bàn cho càng nhiều người nhiệt tình tìm kiếm bao có thể còn hơn chờ cho đến khi cơ hội đã trôi qua. có thể vượt khỏi cả hồi tưởng và ngay cả những yêu cầu đã biến mất. Rất có thể đến tận diễm tàn lụi”.

Nhưng trong trích đoạn bản dịch của Francis Wilson đang tranh cãi, hình như có rất ít nghi ngờ về những kỳ vọng của Đức Phật:

Ôi! Ananda, chỉ có điều này là nếu phụ nữ tiếp tục tiến bước theo luật của Giáo pháp, thì luật pháp này sẽ không còn tồn tại lâu dài. Ôi Ananda thân yêu, điều đó tương tự như trong một cánh đồng rộng lớn bao la thuộc quyền sở hữu của một chủ nhà, có một lượng sấm sét với cường độ sấm chớp đánh liên tục đến mức độ cánh đồng đó bị phá hủy, tiêu tan và biến thành tro bụi. Ôi Ananda, chính vì thế, theo Phật pháp, khi mà phụ nữ rời khỏi cuộc sống gia đình (xuất gia) cũng sẽ không tồn tại được bao lâu. Ananda thân yêu, giả sử như có một cách đồng mía thuộc sở hữu một chủ nhà. Xuất hiện một thiệt hại do cơn bệnh Crimson cho đến khi những cây mía đường bị phá hủy, tàn lụi và trở thành tro bụi. Cũng giống vậy, một khi phụ nữ xuất gia, thì Phật pháp cũng không còn tồn tại được bao lâu.

Tới điểm đó trong bản tường trình của Wilsons, Đức Phật đã đưa ra chi tiết Tám Điều Luật Chính Yếu (bát kinh Pháp) rất nổi tiếng cho Ni đoàn ni sư, giống như một lối đi cao ráo được xây cất ngay trên miệng dòng sông hay là một con kênh để ngăn chặn nước lại. Horner cho biết, “ngài rất am tường thế giới ngài đang sống và có thể mừng rỡ ra được những bất ổn miệng lưỡi vu khống thế gian có thể tạo ra trong trật tự tự nhiên nếu như những cơ may gây ra gương mù trong quan hệ phải bị cắt đứt. Vì thế... ngài đã tìm xén phương pháp của ngài một cách thích hợp”.

Sự công kích lớn nhất đối với những quy luật này chính là đặt Ni đoàn phụ nữ ngay dưới hiện trạng và quyền hạn cao hơn của các vị sư. Các Nữ Tỳ Kheo bị lệ thuộc vào các đồng sư nam giới của họ đối với những nghi thức quan trọng và những điều cần phải được nắm giữ và phải thuận theo hoặc chấp nhận ý kiến của họ trong mọi trường hợp, tuy nhiên nhà sư có thể trẻ tuổi hơn hoặc phải được tự huấn luyện. Quy luật đầu tiên (hay thứ tám tùy theo nguồn tư liệu) ta đọc thấy: “Một Ni sư khát thực, cho dù có tuổi đời hàng trăm năm vẫn phải chào, phải đứng dậy khi có sự hiện diện của nhà sư, phải cúi chào trước và thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ thích hợp đối với một sư khát thực nam giới cho dù người này mới chỉ khởi sự công việc tu trì”.

Đơn cử những qui luật xã hội vào thời đó, có lẽ chi tiết thú vị nhất được kể lại là điều Mahaprajapati sau này đã xin với Đức Phật, qua lời chuyển cầu của Đức Ananda, xem có phải cùng một luật lệ về điều ưu tiên đó được áp dụng cho cả hai Ni đoàn và tùy thuộc vào hiện trạng của mỗi cộng đoàn thay vì do tình trạng giới tính. Điều Horner gọi là những “bản tính nữ” đó đã rõ ràng đi trước thời gian và đương nhiên đã bị khước từ.

Những qui luật liên quan đến kỷ luật nữ giới cũng được tăng cường thái độ ưu thế là phụ nữ thường “say đắm” nhiều hơn nam giới bằng cách kê ra, (chỉ dành cho nữ giới) một thời gian thử thách thêm với mục đích làm dịu đi, nếu không phải là loại trừ hẳn, tính đam mê của họ”.

Nhưng khi Mahaprajapati nghe được nguồn tin cho rằng sự chấp nhận những luật lệ như trên sẽ tạo thành bước khởi sự gia nhập đời tu. Bà cho hay, để so sánh các qui luật đó như một vòng hoa nhài một người phụ nữ trẻ có thể với hai tay đặt lên đầu sau khi tắm. “Ôi Ananda, ngay cả khi cha làm như thế, hãy nhân danh chính cha đừng bao giờ để cho tám điều luật này bị lỗi phạm trong suốt cuộc đời”.

Chính vì thế Ni đoàn Tỳ Kheo, hay tu hội ni sư được thành lập. Ayya Khema là một nhân tố chính làm sống lại các tu hội nữ Tỳ Kheo ngày nay. Sau đây chúng tôi sẽ đề cập đến người phụ nữ này nhiều hơn. Bà đã viết, các

phụ nữ thuộc mọi tầng lớp xã hội đã qui tụ lại để áp ử một nếp sống mới dành riêng cho họ. “Những ngăn cách đã tồn tại hàng thế kỷ đã bị phá bỏ. Dần dà họ đã nổi lên từ những ranh giới phân cách, họ đã bị giam hãm trong đó quá lâu. Các bà góa thoát ra từ những cách biệt đã áp đặt lên họ, các bà mẹ cô đơn, người thân mới qua đời hay không có con cái đã tìm được an ủi trong Phật pháp. Những người hầu gái thoát khỏi cảnh hạ nhục vì bị bán cho các ông chủ ngã giá cả cao nhất. Những đầy tớ gái tìm thấy được tự do khỏi ông chủ của mình, các gái nhảy và những gái điếm loại sang cũng được chấp nhận và đã phấn đấu sống một cuộc đời gương mẫu hơn”.⁹

Tinh chị em nơi Phật giáo cũng tương tự như “không gian người phụ nữ” đầu tiên tại Ấn độ như J. Hughes viết trong cuốn sách nhỏ thật kích động mang tựa đề Nữ Tính Nơi Phật giáo (Buddhist Feminism)¹⁰. Phật giáo đã đem lại cho người phụ nữ một cơ hội có “một cuộc sống tách biệt khỏi các vị sư sãi, nếu như không phải là lệ thuộc vào họ; Các sư sãi có thể đi đây đó, học hỏi và trao đổi kinh nghiệm với các phụ nữ khác, không bị bó buộc về con cái hay gia đình”.

Thế rồi, thoát tiên các đoàn thể này phát triển và rất nhiều phụ nữ đã đạt đến mức thể hiện cao nhất. Một số trong họ được kể đến như là những đồ đệ có khả năng nhất của Đức Phật. Chúng ta biết được danh tánh của họ qua kinh và kinh Therigatha, một tập thư đem lại giác ngộ tên là Theris, vì những nữ tỳ khéo đầu tiên có tên gọi như thế. Dharmmadina được coi như một người “siêu việt”, và Khema được liệt kê vào số những người có địa vị cao nhất vì trực giác tuyệt vời của bà. Punnika Their, một người nô lệ, được kể như đã khuyên cáo Bradmin: “là đồ ngu trong số các kẻ ngu! Là người được nhắc đến đã thoát khỏi những hành vi xấu xa nhờ phép rửa bờ nước, (water Baptism). Nếu thế thì, tất cả con rùa, con ếch, rắn và cá sấu sẽ được vào Niết Bàn cả!”¹¹.

Sau đây là ba bài kệ trích trong tập kệ Therigatha, Susan Murcott và John Tarrant¹² viết theo thể kệ. Tính phổ quát và tính tức thời hình như vượt không gian và thời gian (đã xuất hiện cả 2.500 năm).

MUTTA

*Ôi tự do, tôi đã được tự do
Đã thoát khỏi ba điều uẩn khúc
Súng đạn, chày cối và người chồng bất lương*

*Tôi đã được giải thoát khỏi
Sinh tử và những gì
Ghì kéo tôi lại.*

*

VIMALA
(gái điếm đã hoàn lương)

Trẻ trung,
Thân xác tôi, vẻ mặt tôi
Sự hấp dẫn lôi cuốn và
Cả danh tiếng khắp nơi tôi
Cũng không đâu độc nổi.
Tôi khinh miệt ghê tởm các chị em

Ăn mặc hở hang
Lấp ló cửa nhà chứa
Như thợ săn đang giăng bẫy
Để vồ kẻ ngu xuẩn
Cười vang tôi chòng ghẹo họ
Tại trong cung lòng
Tất cả đã dọn sạch
Đầu cạo trọc, khoác áo cà sa,
Một kẻ khát thực
Chính tôi con người tôi toàn vẹn
Ngồi ngay dưới gốc cây Bồ đề
Không còn lý do nào hết

Mọi ràng buộc đã được phá bung
Tôi đã cắt đứt mọi quan hệ với người và thần thánh
Ra khỏi cuộc sống tôi.

Tự trở về hư vô
Tôi hoàn toàn tươi mát, đã cơn khát

*

CITTA

Tuy thể xác gầy yếu,
Ôm đau và chống gậy
Tôi vẫn gắng trèo lên Đỉnh Chim Ưng

Vứt bỏ lại áo cà sa
Bình khát thực đổ nhào

*Đứng tựa nơi vành đá
Một màn đêm mù mịt vây quanh.*

Dưới thời trị vì của vị vua Phật giáo Ấn độ vĩ đại, Asoka (269-232 trước công nguyên) có một cuộc gặp gỡ khoảng 96.000 nữ tỳ kheo tại Jampudipa. Cho dù sự phỏng đoán đó có phần phóng đại thì rõ ràng là Ni đoàn vẫn còn tiến triển mạnh mẽ. Con gái đức vua Asoka, có tên Shanghamitta, được xuất gia ở tuổi 18 và sau đó được cha mình là đức vua Asoka sai đi truyền đạo để thiết lập tại Sri Lanka. Bà đã mang theo từ Gaya một nhánh cây Bồ Đề. “Cây được trồng tại vườn Mahamegha tại Anuradhapura với một nghi thức đặc biệt”, theo Ayya Khema “Cây này vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay đó là một cây có tuổi thọ lâu đời nhất hiện nay trên thế giới”.

Sau nhiều thế kỷ Ni đoàn vẫn phát triển tại Sri Lanka và còn lan tràn sang các quốc gia khác tại Đông Nam Á. Cộng đoàn này cũng được thiết lập tại Trung Hoa vào thế kỷ thứ 5 sau công nguyên do một đoàn truyền đạo các nữ tỳ kheo đến từ Sri Lanka. Tuy nhiên, đường hướng xuất gia đầy đủ này đã hoàn toàn biến mất vào giữa những năm 900 và 1000 nơi tất cả các quốc gia theo truyền thống Nguyên Thủy (Theravadin) (như Miến điện, Thái lan, Cam-Bốt và Sri Lanka)”.

Khó lòng có thể thuật lại đầy đủ việc Ni đoàn đã được thiết lập hoàn chỉnh như thế đã biến mất như thế nào, Ayya Khema viết. “Rất có thể chính các tỳ kheo đã chống lại bất kỳ cố gắng nào nhằm tái thiết lập các Ni đoàn như thế. Và các nhà sư chỉ khoan nhượng sự có mặt của các nữ tỳ kheo như là chuyện đã rồi, vì ngay tại Đại Hội (sau khi Đức Phật viên tịch), Thượng Tọa Ananda đã được yêu cầu phải xin lỗi Đại Hội vì đã thuyết phục Đức Phật ban phép xuất gia cho nữ giới”.¹³

Ngày nay Ayya đang hy vọng muốn làm sống lại đầy đủ Ni đoàn được xuất gia tại Sri Lanka. Bà đã thiết lập một Trung Tâm Phật giáo Phụ Nữ Quốc Tế tại Colombo (cũng dành cho cả người đời nữa) và cù lao Parappuduwa thuộc quyền sở hữu của các Ni Sư nằm trên chiếc hồ lớn trong đất liền (trên vùng đất đã được chính quyền Sri Lanka ban tặng). Bà cũng chủ trương tăng uy tín cho các nữ tỳ kheo tại quốc gia đó bằng cách đem lại cho họ một nền giáo dục và đào tạo hoàn hảo. Nhìn chung, ni giới phải gánh chịu một mức sống rất thấp trên khắp vùng Đông Nam Á.

Trong phần nhập đề cuốn: Nữ Giới Trong Phật giáo, Diana Paul có viết rằng, tương tự như Do Thái và Thiên Chúa giáo, “Phật giáo là một tổ chức trong đó tuyệt đại bộ phận các tổ chức đoàn thể đều do nam giới chiếm lãnh và được các thế lực cơ cấu giáo trưởng điều hành... Nữ giới thường được coi như là thành phần đời, không có quyền hạn, bị coi thường và bất toàn”.

Trong những bản văn Mahayana ta thường tìm thấy hàng loạt những hình ảnh phức tạp và không mấy xây dựng chối bỏ những đóng góp của giới nữ trong phạm vi đạo Phật. Chúng ta nên nhớ rằng những văn bản này là những phán quyết lý tính đã được phê chuẩn của các vị tu hành ưu tú và tính chất phổ thông cũng như ảnh hưởng luôn kèm theo định kiến. Nhưng một hội đoàn với bản chất và giới tính – có thể gây ô nhiễm và chết chóc cho nam giới – vẫn thấy được tồn tại. Có điều làm tôi hết sức thú vị là, giống như thần thoại trong Kinh Thánh Do Thái giáo, cuốn Sáng Thế Ký, trong đó cho thấy đàn bà là nguyên cố sa ngã, trong Kinh Sutra Pali cũng gán cho phụ nữ là nguồn gốc hư đốn tình dục cùng với sự sa ngã của nhân loại; nhiều bản văn Phật giáo Cổ đại cũng buộc tội phụ nữ có trách nhiệm trong việc sa ngã này.

Nhưng lại có một mặt khác. Một văn bản thứ hai xuyên suốt trong thứ văn chương này, người ta thấy phụ nữ là hiện thân của khôn ngoan, có giáo dục, sáng tạo, nhân hậu và đầy lòng trắc ẩn. Mặc dù phụ nữ được coi như là những nhân vật tôn giáo luôn được mô tả như là thành phần đối kháng với nam giới, nhưng cũng có nhiều luật trừ. Một tác giả tôi ưa thích nhất là Lion Yawn, nhà văn xuất hiện trong văn chương Sutra với một cái tên thật đẹp: The Harmony of the Young sapling Sutra (viết vào khoảng sáu trăm năm sau khi Đức Phật viên tịch). Francis Wilson đã cống hiến cho chúng ta bản dịch tiếng Anh.¹⁴ Trong đó kể lại đứa con của một thương gia tên là Sudhana trên đường hành hương. Cậu ta đến một công viên rất lớn có tên là Sun Bright cây cối um tùm, người ta thường gọi là cây Moonrise (cây mặt trăng mọc) tỏa sáng xa cả dặm đường, chiếu sáng tứ phía. Còn có nhiều cây với lá Lapis Lazuli, cây đổ mưa hoa muôn màu, cây ăn trái, cây đá quý, cây âm nhạc, cây nước hoa. Cùng với suối nước phun, hồ nước, đầm nước và cả ao sen kê ghé bao quanh Sandal Paste, tất cả những thứ đó đều là công trình của ni cô nhân hậu có tên Lion Yawn.

Khi Sudhana nhìn thấy Ni cô đang ngồi “trên ngai những con sư tử” dưới lùm cây, có các tớ gái bao quanh. Ni cô trông tựa như mặt hồ nước yên tĩnh, một viên ngọc ước luôn sẵn sàng thi ân mọi điều cầu xin”. Nàng giống như một bông hoa sen, một con sư tử, một ngọn núi lớn, một mùi hương thơm tỏa lan, một loại gỗ quý mát dịu và một nhân vật thuộc đẳng cấp cao trong xã hội An Độ, không vương vấn tính tham lam, thù hận hoặc lừa dối. Nàng như mặt nước phẳng lặng làm mát dịu tâm can mọi chúng sanh. Và nàng được phong tặng là Dharma của roi đoàn, bao gồm nhiều chúng sanh đang tìm kiếm chân lý thuộc nhiều lứa tuổi khác nhau. “Đối với họ ni sư Lion Yawn đang giảng Phật pháp cho mỗi người lui tới nơi đây và hành thiền. Ngài dạy

mỗi người tùy theo vị thế trong xã hội, tùy theo quyết tâm lòng tin của họ để tất cả chiếm được đỉnh Tồi cao, hay đạt đến giác ngộ hoàn hảo”.

Ngài nữ Thiên sư Boddhisattva Lion Yawn đã trở thành một nhân vật “giác ngộ” và một thiên sư hoàn hảo. Chỉ có một người đàn bà có thể vượt trội hơn nữ thiên sư theo truyền thống Phật giáo là Hoàng Hậu Srimala. Người có tài hùng biện như “tiếng sư tử gầm” và là người mà Diana Paul cho là một Phật nữ hiện thân”.

Liên quan đến khả năng người phụ nữ đạt đến giác ngộ hoàn toàn, các bản văn Đại Thừa (Mahayana) đưa ra ba nhận định quan trọng: 1) người phụ nữ phải chờ đợi cho đến khi sanh hạ được một người con trai thì mới có thể biến thành Bồ Tát hay Phật hóa, 2) một người phụ nữ ngoại lệ có thể trải qua “thay đổi giới tính” trong cuộc sống trần gian này và 3) người phụ nữ được chấp nhận vào hàng ngũ Bồ Tát hay có khả năng Thành Phật. Quan niệm đầu tiên hòa hợp với ý nghĩa là thân xác người phụ nữ không được trong sạch, cho nên không có khả năng tiếp thu chân lý Phật pháp. (Phụ nữ giống như “vùng đất bị nhiễm mặn” ta không thể trồng bắp hay cỏ cây trên đó”, trích tư liệu của Abhidharma Kosa, trong tư liệu siêu hình cuối thế kỷ thứ Tư sau công nguyên). Quan điểm thứ hai, sự biến đổi giới tính tự nhiên từ nữ sang nam tượng trưng cho sự thay đổi hiện trạng tình dục sang một hiện trạng vô dục khi đã giác ngộ. Như Đức Phật đã tuyên bố trong Kinh Sutra Về Sự Biến Đổi Giới Tính Phụ Nữ, “Nếu như người phụ nữ ý thức được hiện trạng giác ngộ, họ sẽ có được trạng thái siêu thoát của một con người vĩ đại và một người tốt, hay hiện trạng siết thoát của người đàn ông hay của người thông thái... Họ sẽ vĩnh viễn tách biệt ra khỏi nữ tính và sẽ trở thành người con trai”.¹⁵

Trong trích đoạn Kinh Sutra Cuộc Đối Thoại Với Bà Gái Candrottara, được viết vào thế kỷ thứ Ba hay thứ Tư sau công nguyên. Diana Paul đã dịch sang Anh ngữ lần đầu tiên. Bà là một phụ nữ trẻ phi thường, tên của bà mang ý nghĩa “Trên Đỉnh Cung Trăng” vì bất kỳ sự gì đụng tới người nàng đều phát sáng chói chang – cho ta thấy nhiều dấu hiệu của tình trạng sớm giác ngộ và sau này đã chứng minh cách hùng hồn những chiều kích sâu sắc nhất nơi Phật pháp. Ngoài ra Diana cũng để lại một nhận định nhỏ về điều bất hợp lý của chuyện đổi giới tính xét dưới bối cảnh vô vi (trống rỗng) – kể cả việc bà đã thanh thân biến đổi giới tính khi vừa nghe được lời tiên tri của Đức Phật là nàng sẽ được thành Phật. Khi nghe được những lời trên, Candrottara đã “quá sức vui mừng”, nhiều lần như được nhắc bổng lên tới tận đỉnh ngọn núi bầy cây Tala. Trên đỉnh ngọn cây thứ bảy, cô gái biến đổi thân xác phụ nữ thành một cậu trai xinh đẹp”.

Những hình ảnh hào phóng và bình đẳng nhất của những người phụ nữ - ở trạng thái đạt đến chân lý tột đỉnh (bodhisattvas) - được thể hiện rất ít trong một số những bản kinh Sutras. Tuy vậy một vài đoạn cũng đã gây nhiều ảnh hưởng và rất phổ biến trong văn chương Mahayana (thí dụ., Kinh *Vimalakirtinirdesa* và Kinh *Sutra Về Hoàng Hậu Scrimala Người Có Tiếng Gầm Sừ Từ*). Trong đó chúng ta tìm thấy những lời tuyên bố mang tính siêu hình. Thí dụ: nếu mọi hiện tượng đều chỉ là vô thường và không bền vững, sẽ không tồn tại nam tính và nữ tính. Sự phân biệt này chỉ mang tính ảo giác. Phật pháp và Đạo pháp chẳng phải là nam tính cũng như nữ tính bao giờ. Như trong Kinh *Diamond Sutra* cho thấy, trong lãnh vực vô thường, không thấy xuất hiện sự phân biệt giữa hai giới tính nam nữ. Và sự giác ngộ cũng không phân biệt giới tính và tuổi tác, theo nhận định đương thời về kinh *Lotus Sutra* và *Fa-bua I-shu*.

Trong kinh *Vimalakirtinirdesa Sutra* ta thấy có một cuộc đối thoại rất sinh động giữa Sariputra và một nữ thần (theo bản dịch của Diana Paul):

Sariputra: Tại sao nữ thần lại không biến đổi nữ tính của ngài?

Nữ thần: Tôi đã hiện thân là nữ giới được 12 năm và đồng thời tìm hiểu những đặc tính bẩm sinh trong đó và không cách nào tìm ra, thì làm sao có thể biến đổi thành nam giới được. Tương tự như nhà ảo thuật tạo ra một ảo giác về người phụ nữ, nếu như ai đó đưa ra câu hỏi tại sao ngài không biến đổi nữ tính của ngài đi, quả thực họ đang yêu cầu điều chi vậy?

Sariputra: Nhưng ảo giác làm sao có được những đặc tính nhất định, vậy thì làm sao mà thay đổi được?

Nữ Thần: Vạn vật đều là vô thường, vì thế cho nên làm sao bạn có thể nêu thắc mắc: “Tại sao lại không biến đổi nữ tính cho rồi?”

Rồi sau đó nữ thần với quyền phép siêu phàm đã biến đổi Sariputra trở thành hình ảnh của chính mình và biến hóa hình ảnh nữ thần thành hình ảnh của Sariputra rồi hỏi lại: “Tại sao ngài lại không thay đổi nữ tính của ngài luôn đi?”

Sariputra, trong hình ảnh một nữ thần, trả lời: “Tôi không biết tại sao tôi lại phải thay đổi cũng như bằng cách nào tôi đã biến đổi thành hình tượng một phụ nữ”.

Nữ thần đáp lại: “Sariputra thân yêu, nếu con có thể biến đổi thành phụ nữ, thế rồi tất cả những phụ nữ khác (trong trạng thái tâm linh) cũng có thể làm được như thế, nếu như con không thực sự là một người phụ nữ nhưng thể hiện ra là nữ giới ở ngoại hình, thì tất cả phụ nữ đều có thể làm được như

vậy, nhưng thực sự họ không là phụ nữ. Vì thế cho nên, Đức Phật cho là tất cả chúng ta thực sự chẳng phải là nam mà cũng chẳng phải là nữ là vì vậy”.

Theo ý kiến Diana Paul, Hoàng Hậu Srimala có được tiếng sư tử như là một Phật tính, chẳng phải là gì của riêng bà”. Ngày giờ chính xác của trích đoạn kinh Sutra mang tên bà cũng không được biết đích xác, nhưng rất nhiều bài bình luận về trích đoạn đó đã được viết từ những năm 400 đến những năm 600 sau CN. Trích đoạn Sutra kể lại, ngay sau khi đã tự đạt đến tình trạng giác ngộ (cho dù có nhiều bất đồng giữa các nhà bình luận liên quan đến những giai đoạn giác ngộ của Hoàng Hậu – cho là có tám giai đoạn, như một số người công nhận như vậy, chính là muốn gán cho phụ nữ một địa vị nổi bật). Srimala tiến hành cảm hóa tất cả tất cả các phụ nữ trong thành phố, rồi đến chồng bà và sau cùng là những người đàn ông khác. Bà gọi những người theo bà là các “con trai con gái của mình”. Paul cho biết, không thấy một ám chỉ nào về phân biệt cấp bậc, địa vị hay phân công lao động theo giới tính ở đây. Toàn bộ mạch văn của Sutra đều mang tính cách tượng trưng về phụ nữ. Tác giả cảm thấy chính Hoàng Hậu Srimala có nhiều điểm rất tương đồng với hình ảnh của một Phật Bà.

Kinh *Sutra về Hoàng Hậu Srimala* là một cảm hứng dân gian rất lôi cuốn các phụ nữ Ấn độ, Trung Hoa và Nhật bản. Paul gợi ý cho biết, vì Sutra đã mô tả người phụ nữ đầy tính nhân hậu cũng như phải chiến đấu để tồn tại và am hiểu cuộc sống trên đời này trong tự do.

Cũng cần nhắc lại một nhân vật nữ khác nữa rất được tôn kính, tuy chỉ đề cập ngắn gọn ở đây, vì đã được nghiên cứu đầy đủ ở chỗ khác, đó là Bồ tát Kuan Yin (Quan Âm), rất nổi tiếng tại Trung Hoa và khắp vùng Đông Nam Á. Tại Nhật Bản bà được gọi với tên Kannon (Kanzeon). Bà còn là bồ tát Avalokiteshavara, một vị bồ tát đàn ông người Ấn Độ nhân hậu tuyệt đối và đồng cảm với những đau khổ của nhân loại. Nguồn gốc mô hình phụ nữ như Quan Âm có liên quan đến việc du nhập những bản văn Phật giáo Đại Thừa vào Trung Hoa từ đời nhà Tần và tiếp theo sau là sự pha trộn với vị Bồ tát White Tara, nguyên thủy là một phụ nữ thâm giao với Bồ tát Phật Bà Avalokiteshvara. Diana Paul còn bổ sung nhiều chi tiết về sự biến hóa này. Xem trong cuốn sách do John Blofeld viết mang tựa đề *Bồ Tát Từ Bi* (Bodhisattva of Compassion)¹⁶.

Xuyên suốt những lời giảng dạy nơi truyền thống Đại Thừa (Mahayana và các trường phái phương Bắc), giới tính được coi như đối kháng với trạng thái giác ngộ. Nhưng theo Phật giáo Đại Thừa thì bán âm bán dương – là sự kết hợp giữa đặc tính tuyệt hảo nhất của hai phái – lại được coi là trạng thái hoàn thiện. Với sự kết hợp giữa giáo thuyết Phật giáo với giáo thuyết Đại

Thừa thì phụ nữ nắm giữ vai trò quan trọng sâu xa hơn nhiều so với Phật giáo nguyên thủy. Trong Kinh Tantra, các nguyên lý nữ tính và nam tính được hiểu như là những xu hướng chảy xuyên suốt qua thân thể cả người nam cũng như người nữ, tích cực và thống nhất thực hiện Phật pháp. Hình ảnh người phụ nữ nổi lên với những đặc tính vừa nhục dục lại vừa siêu nhiên, vừa thỏa mãn lại vừa thông minh, vừa giận dữ điên cuồng lại vừa an nhiên tự tại. Tsultrim Allione viết trong bài giới thiệu cho cuốn sách của bà mang tên Người Phụ Nữ Khôn Ngoan (Women of Wisdom) cho biết “Làm thế nào để được khoan khoái thoải mái mà vẫn cảm thấy trong lòng trong trắng và bình yên, với con mắt sâu thẳm để có thể trở thành siêu nhiên được”.¹⁷

Người Tây Tạng cho rằng nguyên lý nam tính sẵn tính năng động sôi nổi (thật thú vị, nó được so sánh với mặt trăng) còn nguyên lý nữ tính lại được cho là khôn ngoan hoàn hảo (tựa như mặt trời) hợp nhất cả hai lại là điều hết sức quan trọng trong việc thực hành Phật pháp của người Tây Tạng.

Như một lời chú thích khôi hài ở cuối trang sách, đây là một nhận định (được một thiền sinh hành thiền tại San Francisco, do Susan Murcott tường trình trong cuốn Kahawai, xuất bản mùa hè 1981) về nguyên lý nữ tính như là một cái gì “trống rỗng” và nguyên lý nam tính là “sinh động hoạt bát”. Đây là lời của anh ta: “Điều đó ngụ ý các phụ nữ dọn dẹp bàn sau bữa ăn, còn nam giới ngồi hút thuốc xì- gà”.

Một điển hình cuối cùng đề cập đến một nữ Phật tử đã chứng tỏ sự phấn đấu liên tục trích trong văn chương Thiền định (Zen). Tên là Myoshin, đồ đệ của Thiền sư Kyozan. Câu chuyện về bà được kể lại trong cuốn Raibai Tokuzui, một phần trong tác phẩm kiệt tác mang tên Shobogenzo của nhà hiền triết Phật Thiền Zen kiêm thiền sư lỗi lạc Dogen Zenji, trong câu chuyện trên, Kyozan nhận ra được Myoshin đặc thủ tính khí của một chiến binh can trường. Ông đã cắt cử bà đứng đầu một thiền viện. Một buổi chiều nọ có khoảng 17 nhà sư từ Szechwan đến thăm chùa trong một cuộc hành trình tìm kiếm một thiền sư để thọ giáo và hy vọng sẽ được tiếp chuyện với Kyozan. Đêm xuống họ tá túc tại thiền viện và tranh luận sôi nổi với nhau về đáng tổ phụ thứ Sáu. Và mỗi người cứ luân phiên tranh luận với nhau, chẳng có ai nắm được điểm chính. Bên kia bức tường Myoshin nghe thấy họ tranh cãi to tiếng liền la lên: “Đồ lừa chết tiệt! Biết bao đôi giày cỏ họ đã lê mòn trên đường tìm kiếm Phật pháp mà chẳng gặp được cho dù ngay cả trong mơ”.

Khi mười bảy nhà sư nghe thấy lời bình phẩm của bà, họ thấy mắc cỡ, chỉnh lại áo cà sa và thấp nhang, đồng thời tỏ lòng tôn kính và xin được thọ giáo

ngài Myoshin. “Phật pháp đâu có phải ngọn gió di chuyển; không phải ngọn cờ lay động; cũng chẳng phải tâm trí chuyển động”. Nghe bà diễn đạt về Phật pháp như vậy, các nhà sư tự kiểm định lại chính mình và vái chào biết ơn, họ quyết định thọ giáo nữ thiền sư. Và không cần chờ đợi được trao đổi với Kyozan họ đã lên đường trở về thẳng Szechwan.

Dogen kết luận, “Thật vậy, điều trên chẳng ăn nhằm gì tới ba điều khôn ngoan và mười kiểu thánh đức; đó chỉ là hành vi của một con người truyền đạt trực tiếp Phật pháp từ Đức Phật và các Thiền sư”.¹⁸ Ở vào thời đó (1240 sau công nguyên) tác phẩm Raibai Tokuzui của Dogen đã là phán quyết mạnh mẽ khẳng định sự bình đẳng của người phụ nữ, đặc biệt đối với những ai “nghiêm chỉnh nghiên cứu Phật pháp”, (xem chương 7).

Xét dưới góc độ lịch sử Phật giáo vốn thường áp ủ một mối ác cảm lớn đối với phụ nữ. Chính Phật pháp vượt trên mọi ác cảm, tồn tại ở đâu đó và chỉ là những quan niệm tản mạn. Lời Phật dạy lại là một vấn đề khác, vì được phát xuất từ tâm trí và ngôn ngữ bị lịch sử và kinh nghiệm con người chi phối. Điều này có thực nơi tất cả các tôn giáo khác— biết làm thế nào được? Như thế nếu lời Phật dạy càng trở thành “vững chắc” bao nhiêu thì các tôn giáo đó lại càng phản bội lại những cảm hứng siêu việt nguyên thủy hoặc cái cốt lõi thần bí của tôn giáo bấy nhiêu. Điều này sản sinh ra những điều bí ẩn không rõ rệt như các Phật tử thường cảm thấy gần gũi với điều siêu nhiên cốt lõi nơi Thiên Chúa giáo hơn là một vài biểu hiện bề ngoài của Phật giáo. Điều đó cũng làm rõ tại sao Meister Eckhart, Martin Buber, Mẹ Theresa, là tác giả không tên tuổi của tác phẩm *The Cloud of Unknowing*, Hildegard von Bingen và Gerald Red Elk nói về chúng một cách trực tiếp cũng như các học giả lớn Phật giáo.

Nhưng hiện nay đối với nhiều phụ nữ đang hành đạo, một trong những trở ngại lớn nhất còn tồn tại là thiếu vắng những mô hình rõ ràng về vai trò của người phụ nữ cũng như các bà mẹ nòng cốt ở thế hệ trước được thể hiện trong văn chương hay Kinh Phật. Một thực tế rất hiển nhiên là tất cả các thiền sư tên tuổi, các nhà hoạch định đường lối và các nhà sư trụ trì xuyên suốt mọi thời đại vẫn là nam giới. Trong khi đó, chỉ một ít năm trở lại đây, tại Tăng đoàn tu sĩ Phật giáo Diamond ở Hawaii đã thay đổi lời trong những bản tụng kinh hàng ngày, bằng cách bỏ đi các từ “các thiền sư sáng lập” hay “các thiền sư tổ phụ”. Duy có điều khó tránh khỏi là các vị tiên bối vừa đề cập đến ở trên đoàn bộ vẫn là nam giới. May mắn thay, các thành viên của đoàn thể này đã cố gắng thích ứng với hoàn cảnh hiện tại, với sự giúp đỡ của nhà dịch thuật Thomas Cleary và các thiền sư, Robert Aitken, Roshi, họ đã cho phát hành trong tờ tạp san mang tên Kahawai, một loạt bài về cốt truyện chưa được biết đến từ xưa đến nay về các phụ nữ còn trong bóng tối

trong lịch sử thiền Phật được biết đến với tên “Kahawai Koans”¹⁹ mà chúng tôi đã đến gặp một số phụ nữ tiêu biểu trên và một số phụ nữ nổi bật đang tham gia cuộc chiến Phật pháp với các nhà sư cũng như các thiền sư để bình đẳng. Các nhân vật phụ nữ này thường không xuất đầu lộ diện, họ tự giấu mặt trong các túp lều và các phòng trà, ở đó những ai đến tìm gặp họ hoặc tình cờ gặp họ sẽ nhận được một số Phật pháp. Tôi cảm thấy các “nữ tiếp viên phòng trà” (tea ladies) này rất thu hút. Hình như có mối dây liên hệ giữa họ và các phụ nữ Phật giáo thần bí Tây Tạng, Twultrim Allione đã mô tả trong cuốn *Woman of Wisdom*. Tôi thắc mắc không hiểu với vị thế vô danh tiêu tốt như vậy có phải là điều tự nhiên đối với phụ nữ hoặc đó chỉ là một cấu trúc xã hội, hoặc cả hai? Tôi càng ngạc nhiên hơn nữa khi trong số các phụ nữ tôi phỏng vấn trong cuốn sách này cũng lại là một nữ tiếp trà (chương II).

Cuối cùng hình như tôi đang lưu ý đến các phụ nữ tiếp trà ở mọi nơi. Một người bạn tôi quen biết đã 20 năm lại là một nữ tiếp trà giả dạng. Trong một cuốn sách rất hay mang tên *A journey in Ladakh* (cuộc hành trình về Ladakh) tác giả là Andrew Harvey, chúng ta bắt gặp nhân vật Moneesha, một phụ nữ cứng cỏi thường hay bận tâm đến những kỳ vọng thiêng liêng. Nói đến thiền sư của mình - Thuksey Rinpoche - bà ta kể:

Thiền sư là một người chăm chú, đơn giản, nhân hậu và một ông già vui tính và vì thế tôi rất yêu quý ông. Ông quá bận tâm đến thế giới xung quanh, không còn nhiều thời gian để kể lại những kinh nghiệm đời mình cho ai cả. Ngay cả khi ông ta rỗi rãi ông cũng không muốn làm thế. Bạn đang tìm tòi điều gì chẳng; ông đã kiếm ra điều bạn đang tìm. Đó là những khác biệt và cũng là những gì bạn luôn bàn cãi tranh luận, phân tích và so sánh. Để rồi đừng làm cho bất kỳ ai phải lung lạc - tất cả những gì được bàn bạc về Đức Phật hay Niết Bàn từ những người mất trí do những điều nhạy cảm và những phản ứng của chính họ ám ảnh! Bạn hãy làm một điều gì đi, hãy làm đôi điều hữu ích hơn.

Giọng nói đặc sệt truyền thống. (Nếu bạn suy nghĩ về điều đó, rất có thể chính bạn đã hình dung ra được một số nữ tiếp trà là như thế nào).

---o0o---

III

Trong những năm gần đây, ngày càng có nhiều phụ nữ tích cực tham gia các hoạt động trong nhiều ngành Phật giáo tại Hoa kỳ. Bằng nhiều cách khác nhau chúng tôi đang gặp gỡ, trao đổi kinh nghiệm để tìm hiểu một vài khó khăn cũng như xung khắc nơi các phụ nữ đang hành đạo trong khuôn khổ sự hiện diện của nữ giới nơi các truyền thống giáo phụ khác nhau.

Một trong những đáp ứng đầu tiên trước nhu cầu này là ấn bản tập san Kahawai, do cộng đoàn tu sĩ Phật giáo Diamond tại Honolulu ấn hành. Tập San Người Phụ Nữ Và Thiền định (Zen). Từ năm 1971 tập san này đã xuất bản những bài viết, những bản dịch, thư từ và đối thoại trong một thời gian dài, tập san là kênh duy nhất để chúng tôi liên hệ với nhau.

Mùa hè 1981, một cuộc hội thảo đầu tiên về Phụ Nữ và Phật giáo được diễn ra tại Trung Tâm Thiền Naropa thành phố Boulder, bang Colorado. Đó là cuộc gặp gỡ của các phụ nữ đang hành Phật thuộc ba truyền thống chính tại quốc gia này là: Tây Tạng, Thiền định Zen và Đại Thừa. Cuộc hội thảo thứ hai cũng đã được tổ chức tại đó vào năm sau. Qui tụ các phụ nữ trên toàn quốc đến dự, họ tham gia thuyết trình, thảo luận, chia sẻ luyện tập, hy vọng và quan tâm. Cuối cùng họ cảm thấy là “Chỉ có một cộng đoàn tu sĩ cho tất cả mọi người” (Sangha).

Nhiều phụ nữ còn muốn hành đạo tập thể với nhau, tách khỏi nam giới (không nhất thiết luôn phải tách ra, nhưng đôi khi cần thiết) và dần dà đã được công nhận tại đây. Cho dù đây chỉ là trường hợp hiếm thấy xảy ra tại Hoa kỳ, rất có thể điều này lại không xảy ra ở nơi khác. Tại Luân Đôn chẳng hạn, các thành viên cộng đoàn Phật giáo phương tây đã tiến hành tổ chức các cuộc tu thiền dành riêng cho phụ nữ đã nhiều năm nay. Ruth Dension có lẽ là người đầu tiên tại Hoa Kỳ tổ chức các cuộc tu thiền dành riêng cho phụ nữ từ những năm 70. Mới đây nhiều cuộc tĩnh tâm như vậy đã được tổ chức từ Bờ Đông sang Bờ Tây Hoa kỳ do Maurine Stuart (Maurine Freedgood là tên cũ) rồi Jacqueline Mandell, Christina Feldman, Michelle McDonald, Julie Wester rồi đến Anna Douglas. Anna Douglas cảm thấy họ cần phải tạo ra một nơi nào đó an toàn nơi mà mọi cõi lòng và trực giác có thể được lắng nghe rõ ràng hơn và những vấn đề siêu nhiên được khám phá mà không phải lo sợ bị chi phối bởi hoàn cảnh xung quanh trong việc hàn gắn vết thương cho từng cá nhân cũng như tập thể.

Cũng theo những đường hướng trên, một nhóm người đời và nữ tu sĩ Phật giáo tại Washington DC. Cũng đi tìm kiếm một nơi thích hợp để thành lập một nữ tu viện Phật giáo, một đoàn thể đại kết, một Trung Tâm Thiền cho phụ nữ thuộc mọi trường phái Phật giáo. Họ chủ trương “Cộng đoàn này chỉ dành chăm lo đời sống thiêng liêng cho giới phụ nữ” và họ hy vọng duy trì được tính toàn vẹn của mỗi truyền thống, “trong khi động viên sự phát triển tính khôn ngoan lòng từ bi giữa sự khác biệt nơi các truyền thống. Tinh thần hòa hợp và không phân biệt đối xử (cho dù đã trải qua hơn 2000 năm ly tán vô căn cứ). Đó là một biểu hiện rõ nét những giá trị cơ bản của cả Phật giáo lẫn phụ nữ”.

Một số phụ nữ tham gia tạo dựng nên Trung Tâm này đã được xuất gia nữ tỳ kheo. Trong khi đó theo truyền thống Đại Thừa phụ nữ vẫn có thể được xuất gia đầy đủ (cho dù đôi khi phải gặp rất nhiều khó khăn: xin xem câu chuyện kể về Roshi Kennett, chương 7). Theo truyền thống Đại Thừa và Mật Tông thì việc phong chức đầy đủ đã biến mất cả ngàn năm nay. Tuy nhiên vào năm 1980 với sự khích lệ của Thượng tọa lãnh đạo Phật Giáo Tây Tạng Ngài Gyalwa Karmapa, thì Ane Pema Chodron, một nữ tỳ kheo người Hoa Kỳ theo trường phái Tây Tạng, đã nghiên cứu và tìm ra được một phiên bản nghi thức cổ xưa vẫn được áp dụng tại Hong Kong. Câu chuyện về việc xuất gia của nữ tỳ kheo này sẽ được kể lại trong chương 3. Vị nữ thiền sư này hiện nay là Tu Viện Trưởng trụ trì tại một thiền viện ở Nova Scotia. Bà là người Mỹ đầu tiên theo trường phái Tây Tạng đã được xuất gia với một nghi thức rõ rệt, Nhưng hiện thời nhiều phụ nữ phương Tây khác cũng đã noi gương bà. Một khi số người xuất gia lên đến con số 10 người, thì có thể tổ chức xuất gia theo một nghi thức phương Tây.

Sau cùng, rải rác đây kia, các nữ thiền sư đang khởi sự xuất đầu lộ diện. Để ghi lại sự kiện này vào tháng 6 năm 1983. Trung Tâm Thiền Providence đã đăng cai một cuộc hội thảo một ngày với sự tham dự của Maurine (Freedgood) Stuart, Jacqueline Schwartz Mandell và Bobby Rhodes, Thiền sư từ thiền viện Nhật bản, thiền phái Thiền Minh Sát (Vipassana) đến tham dự, rồi có cả thiền viện theo truyền thống Đại Hàn cũng có mặt. Sự hưởng ứng đó thật khích lệ đến độ vào năm 1984 họ đã mời 6 nữ thiền sư để tổ chức một buổi hội thảo cuối tuần đã thu hút được hơn 100 người tham dự (hầu hết là phụ nữ, nam giới chỉ đếm được trên đầu ngón tay). Vào tháng 3 năm 1987 một cuộc hội thảo dành riêng cho phụ nữ được tổ chức tại Bờ Tây (West Coast). Hơn 150 phụ nữ có mặt tại Berkeley, tiểu bang California, để tham gia cuộc Cử Hành Những Người Phụ Nữ Phật tử, thuộc đủ mọi truyền thống khác nhau. (Kể cả những người hành đạo độc lập) và hoàn toàn không theo một hình thức cơ cấu phẩm trật nào cả. Có sự hưởng ứng ngoài sức tưởng tượng – 50 phụ nữ đã không thể tham gia được (thiếu chỗ) – và vì thế có nhiều cố gắng đã bỏ ra để hoạch định một buổi hội thảo thứ hai sáu tháng sau đó ngay cuộc hội thảo đầu tiên kết thúc.

Tuy vậy vào thời điểm những cuộc hội thảo đầu tiên này, những dấu hiệu đau khổ và bất ổn đang diễn ra nơi một số cộng đoàn tu sĩ trên toàn quốc. Vì sự thân mật đã nảy sinh trong giai đoạn hội nghị, một số vấn đề tế nhị có khả năng bùng phát đã lộ dạng. “Một trong số những vấn đề đó là những tương quan tình dục giữa các thiền sư và thiền sinh” Deborah Hopkinson đã tường trình trong tạp chí Kahawai: “Vấn đề này đã gây ra biết bao nhiêu cảm xúc và căng thẳng đến nỗi chúng tôi phải quyết định giải

quyết những tranh cãi đó như là chi tiết lịch sử không được lưu trữ lại bằng máy ghi âm. Và như vậy đôi lúc chúng tôi đã phải tắt máy ghi âm trong buổi hội thảo”. Bản tường trình này cũng được xuất hiện tại cuộc hội thảo Boulder lần thứ hai nhưng vấn đề vẫn trở nên sôi động nơi các cuộc hội thảo khác tại Providence.

Hiện nay những vấn đề như vậy đã được công bố công khai như là đồng tính luyến ái và được mổ xẻ (một số người cho là mổ xẻ quá kỹ) một cách thẳng thắn và đầy đủ. Vấn đề chủ yếu đối với nữ giới là lạm dụng sức mạnh tiềm ẩn nơi các vấn đề quan hệ thầy và trò. Nhưng một khi được công khai mổ xẻ, thực trạng tương tự sẽ không cố ý gây ra xung khắc và đau khổ nữa. Nhiều cuộc sống đã bị tan vỡ. Có những đạo hữu phụ nữ trưởng thành cũng như chưa trưởng thành đã dẹp bỏ Phật giáo sang một bên, mất tinh thần và vỡ mộng.

Đa số chúng ta đều công nhận đó phải là một vấn đề “thuộc Phật giáo”. Từ góc độ người phụ nữ có thể thấy rõ ràng vấn đề đó tiềm tàng nơi chính hệ thống phụ quyền gây ra. Một điều rất rõ ràng không thể chối cãi là các tổ chức Phật giáo đã mang tính chất phụ quyền một cách mạnh mẽ ở nơi này hoặc nơi khác. Nhưng ngay lúc này, tại Hoa kỳ hệ thống đó mới chỉ bắt đầu chớm thay đổi.

Phật giáo tại Hoa kỳ trong thực tế có thể đang đứng trước ngã ba đường. Sự xuất hiện những nhân vật phụ nữ đầy ảnh hưởng hình như trùng khớp với điều có thể gọi là thời kỳ chớm nở của Phật giáo tại Hoa kỳ. Đến nay hầu như đã gần 100 năm kể từ khi Đại sư Shoyen Shaku là thiền sư (Zen) đầu tiên đến viếng thăm Hoa Kỳ vào năm 1893. Cũng chỉ mới 80 năm sau ngày ông trở lại từ Nhật Bản để huấn đạo cho một số người Hoa Kỳ hành thiền; khoảng 35 năm kể từ khi một số thiền sư Nhật Bản khác, kể cả Nakagawa Soen Roshi và Yasutani Roshi bắt đầu đến thăm Hoa Kỳ thường xuyên để huấn giáo cho các học viên và tổ chức các cuộc tu thiền (sesshins); 25 năm kể từ ngày các Trung Tâm Phật Học lớn được thiết lập tại Thành Phố New York, San Francisco và Los Angeles, với những nơi cư ngụ của các thiền sư người Nhật bản và kèm theo là những chương trình huấn luyện nghiêm khắc; tròn 20 năm kể từ thế hệ thiền sư Hoa Kỳ đầu tiên là các thiền sư Philip Kapleau và Robert Aitken thiết lập các trung tâm của chính họ tại Rochester và Hawaii, phỏng theo kiểu các trung tâm tại Nhật bản; 15 năm kể từ ngày hai vị đại thiền sư Tây Tạng là Tarthang Tulku và Chogyam Trungpa, thiết lập các trung tâm tại California và Colorado; chừng 15 năm kể từ ngày một thiền sư (Zen) người Hàn quốc và vị kia người Việt Nam Seung Sahn và Thích Thiên- An mỗi người thiết lập một viện đệ tử và một trung tâm truyền dạy thiền. – một tại thành phố Providence và một tại Los

Angeles; có 10 năm kể từ khi ba thanh niên Hoa kỳ – một nữ và hai nam – sau khi theo học nhiều năm tại Đông Nam Á, đã đem về Hoa Kỳ truyền thống Thiền minh sát (Vipassana) và thiết lập một trung tâm thiền viện tại Barre, bang Massachusetts.

Vậy nên Phật giáo đã được gieo trồng trên đất Hoa Kỳ, đã được các truyền thống cổ đại xúc tích Á Châu vun tưới và chăm bón, điều đó giúp tăng cường cho gốc rễ và nhánh non đâm chồi nảy lộc. Nhưng thổ nhưỡng và khí hậu tại đây rất khác và cũng cần phải có thực phẩm bổ dưỡng cần thiết như hiện nay. Để cho Phật giáo thực sự được thiết lập vững chắc tại Hoa Kỳ, cần phải gỡ bỏ khỏi sự nương tựa vào những hình thức kế thừa và phải tìm kiếm cho ra ngay tại miếng đất nó đang tăng trưởng lên. Nói cách khác, thế hệ tín đồ Phật giáo hiện nay của chúng ta là ai? Làm thế nào chúng ta có thể đào sâu hiểu biết? Đây là hình thức độc nhất và hoàn hảo để cho Phật pháp phát triển tại đây vào lúc này? Tại một vài nơi đã thấy xuất hiện những động thái thoát ly khỏi những hình thức Á Châu và đã có những công trình nghiên cứu tập thể để tìm ra cho được những hình thức xác thực và thích hợp. Nhưng điều đó không có nghĩa là công việc đã đi đến chỗ kết thúc. Các vị thiền sư Á Châu vẫn thường xuyên nắm cương vị lãnh đạo. Và ngay cả khi họ không nắm quyền đó thì những hình thức Á châu vẫn được tuân thủ nghiêm ngặt. Đúc kết lại, chúng ta có thể đặt câu hỏi. Phật giáo là như thế thôi sao?

Một số người đang cân nhắc vấn đề đó rất cẩn thận, thực tế thì Phật giáo là gì? Phật pháp là thế nào? Đây là cơ sở tồn tại của chúng ta? Và đây là những phương thế tốt nhất để tìm ra cơ sở đó? Phật giáo truyền thống đã sáng tạo ra những phương cách tốt nhất có trong tay và đối với những quốc gia tại Ấn độ, Trung quốc – Tây Tạng, Nhật Bản và Đông nam Á những phương thức này đã được gọt giũa và hoàn thiện. Một khi Phật giáo di chuyển từ nước này sang nước khác, những phương pháp và đặc tính của nó thay đổi đáng kể. Rất có thể, ngay từ lúc đầu, những cách thức cổ điển đã được bắt chước rất cẩn thận. Nhưng các phương cách tốt nhất tại một nền văn hóa này không nhất thiết phải là những phương cách tốt nhất nơi một nền văn hóa khác. Và khi thời gian trôi qua, mỗi quốc gia lại phát triển một hình thức Phật giáo với những đặc trưng và hương vị của chính mỗi nước.

Mười lăm năm về trước, Hoà Thượng Thích Nhất Hạnh, một thiền sư Việt Nam và cũng là một thi sĩ đã viếng thăm Hoa kỳ nhiều lần, viết trong cuốn sách, Cẩm Nang Hành Thiền (Zen Keys) “người ta không trở thành một hành giả hành Thiền bằng cách bắt chước cách ăn, cách ngồi, hoặc cách ăn mặc của các hành giả hành thiền Nhật Bản hay Trung quốc. Thiền chính là cuộc sống, thiền không thể bắt chước. Nếu một ngày nào đó thiền trở thành

hiện thực tại phương Tây, nó sẽ khoác lấy những hình thức phương Tây. Khác biệt đáng kể so với Thiên phương Đông”.²⁰

Đây là giai đoạn chúng ta đang tiến tới hiện nay. Phật giáo Hoa kỳ đang trong giai đoạn đi tìm cho mình một bản chất riêng. Phải nói rằng giai đoạn này rất ồn ào náo nhiệt. Những biến động và lộn xộn hình như là đặc thù chung ở nhiều đoàn thể Phật giáo trên khắp đất nước Hoa Kỳ. Trong từng thành viên của một số nam thiền sư đã rời khỏi những bề, tự giác hay không tự giác, mà họ đã giúp xây dựng lên. Một sự kiện nổi bật khác có ba trong số các thiền sư được phỏng vấn trong cuốn sách này đã già từ sư phụ mình, người đã truyền nghề cho họ. Một người khác vẫn duy trì liên lạc với đồng môn của mình trong cùng một dòng hệ. Một người khác đã theo đuổi nên một hoàn cảnh kích động đau khổ trong đoàn thể, đã già từ trong một thời gian dài để lượng định lại thực tế. Một phụ nữ khác đã hành thiền trong nhiều năm tại Đông Nam Á, vừa được hai lần theo truyền thống Đại Thừa, trở thành một trong những thiền sư nổi tiếng theo phái Thiên Minh Sát (Vipassana) tại quốc gia này. Khi tôi phỏng vấn nữ thiền sư này vào cuối năm 1983, thiền sư vừa mới rút lui khỏi chức vụ thuyết pháp tại trung tâm thiền sư nơi tạo dựng nên sự danh tiếng và hiện nay đang đi theo đường lối riêng của mình. Nữ thiền sư cho biết, “Tôi không còn có thể đứng trước các phụ nữ và tuyên bố rằng tôi đại diện cho một trường phái không công nhận phụ nữ được bình đẳng với nam giới”. (chương II).

Vậy nên cơ cấu đã bị lung lay, trong khi đó sự lộn xộn hình như đang xảy ra trong nội bộ Phật giáo Thiên định (Zen) (cho đến nay vẫn là phái được thành lập lâu đời nhất trên đất nước này) những tiếng đồn đại rõ ràng đã vượt khỏi giới hạn ở khắp nơi. Mọi sự đều có thể được đặt thành vấn đề, từ những tiến trình nghi thức đối với những chức vụ trong thiền viện. Một trong những vụ việc đầy kịch tính xảy ra là sự rạn nứt giữa nội bộ Trung Tâm Thiền Rochester năm 1980, khi mà một nửa cộng đoàn, dẫn đầu là Toni Packer, đã từ bỏ toàn bộ những hình thức hành thiền và chỉ giữ lại những gì cơ bản nhất. Một số người mô tả điều này như là trận Động Đất tại Thiền viện. Tuy vậy Toni và đoàn thể vẫn tiếp tục cải tiến, vừa rồi đây còn đặt vấn đề ngay cả từ Thiên định (Zen). Những trung Tâm khác không được triệt để như thế, nhưng dần dà cũng bỏ qua một số điều như: vái lạy, tụng kinh và phật phục. Cộng đoàn Diamond tại Hawaii đứng đầu là nữ tỷ kheo Robert Aitken, Roshi, trong nhiều năm nay đã rà soát lại qui trình phụ nữ hóa trong chính trị, ra quyết định cũng như dịch thuật lại các Kinh Phật (sutras) loại bỏ ngôn từ giới tính đã được truyền xuống như điều bất khả thay thế suốt nhiều thế kỷ nay.

Xu thế xem ra có chiều hướng thiên về cởi mở hơn, không cứng nhắc, có cơ cấu nữ giới và loại bỏ phẩm trật và quyền bính, hướng về những đoàn thể đời rất đa dạng, tập trung vào hoạt động giữa đời, trong gia đình, trong tương quan và quan tâm nhiều đến những giá trị phụ nữ truyền thống như chăm sóc và dưỡng dục con cái.

Dưới nhiều góc độ, Phật giáo và nữ giới phản ánh những giá trị và nhận thức giống nhau. Cả hai đều mang tính duy nghiệm sâu xa và cũng rất trực giác. Cả hai đều cảm nhận được sự liên kết và tương quan mật thiết giữa vạn vật. Cả hai tự bản tính đều bao gồm hơn là loại trừ. Vậy nên đối với nhiều người, việc cả hai hòa quyện vào nhau xem ra hoàn toàn tự nhiên và đầy hứa hẹn. Cho dù tuyệt đại đa số các nữ thiền sư được đề cập trong cuốn sách này đều không coi mình thuộc nữ giới. Có điều sẽ thấy là khuynh hướng và thuyết pháp cơ bản của họ hoàn toàn phù hợp với các giá trị phụ nữ. Vì lý do những phụ nữ này dứt khoát tiến lên và gây ảnh hưởng (và hầu như chắc chắn là họ đại diện cho ranh giới phát triển của Phật giáo Hoa kỳ hiện nay) chắc chắn là họ sẽ nắn sửa lại cách nhìn và cảm nhận của mình về cách hành Phật sự tại Phương Tây cho những năm tới.

Nếu chẳng đa số các thiền sư đề cập đến trong cuốn sách này đặc biệt không tự nhận mình thuộc phái nữ quyền, chúng ta cần đặt vấn đề tại sao họ lại không làm thế. Sau khi đã lắng nghe và thảo luận cẩn thận, tôi hiểu là cơ bản cách suy nghĩ của họ phản ánh một tầm nhìn không mang tính chất nhị nguyên tính – như một sự miễn cưỡng phân cực, loại trừ, tuyên bố thù nghịch, hoặc là chấp với bất kỳ những ý kiến cố định nào đó. Tôi muốn công nhận, thừa nhận và chấp nhận và gộp tóm khuynh hướng này, trong khi đó cố gắng nói rộng cuộc đàm thoại ở mức độ rộng thêm chút nữa.

Tôi tin một phần vấn đề là ở chỗ chúng ta không phân biệt rõ ràng được các mức độ thực tế khác nhau. Chúng ta đang vấp phải những vấn đề hóc búa như: Niết Bàn và Vòng Luân Hồi (Samsara) cái tuyệt đối và tương đối, hữu biên hay vô biên, siêu nghiệm hay tạm thời. Không dễ gì kiếm ra được lối thoát. Nhưng khó lòng tránh khỏi, trong lãnh vực hữu biên chúng ta đang sống và đang hành Phật sự. Đó là hiện tượng chúng ta đã được mách bảo phải nắm giữ cẩn thận. Chúng ta đã học phải biết tỉnh thức, chú tâm vào vấn đề. Đừng bỏ qua điều gì, ý thức nơi chúng ta đang hiện hữu – trên thế gian này – đó là phương cách duy nhất vượt khỏi kinh nghiệm giới hạn của chúng ta là thông qua điều đó. Nhưng điều gì sẽ xảy ra nếu như chúng ta bị bắt buộc không nhận ra một vài sự việc. Điều gì sẽ xảy đến nếu chúng ta tự luyện mình không am tường điều chúng ta phải cảm nhận trong một vài hoàn cảnh cụ thể? Nếu chúng ta cần đến một vài soi sáng ngoại lệ để chiếu sáng những nơi u tối.

Tôi đang đề xướng, ở mức độ nào đó nữ quyền thuyết chính là thứ ánh sáng đó. Hơn mười năm trước Elise Boulding đã viết một cuốn sách mang tựa đề Phần Ngầm Của Lịch Sử (The Underside of the History). Nói về những nhiệm vụ không có trong danh sách của phụ nữ từ thời đồ đá²¹. Cho đến nay hàng loạt những cuốn sách đã được xuất bản chứng minh bằng văn bản những đóng góp của phụ nữ trong mọi lãnh vực khả dĩ có thể tưởng tượng được trong cuộc sống. Những cuốn sách này rất cần thiết để giúp ta biết được toàn bộ vấn đề, hơn là chỉ một phần nhỏ mà vì yếu tố thời gian đã được nhìn nhận là “sự thật”. Cuốn sách này cũng đang nằm trong chiều hướng đó. Vì rằng thế giới chúng ta đang sống trong một thời gian dài đã được thiết lập dựa trên những đường lối tổ phụ. Sự nhận thức những kỳ vọng và chính ngôn ngữ của chúng ta chỉ phản ánh một phần sự thật.

William Blake đã nói, “đừng từ chối điều gì cả”. Công việc thực sự hiện nay của chúng ta là không từ chối điều gì hết. Về cách nhận thức thiếu phán đoán hoặc quan sát mà không am tường như Toni Packer đã nói. Nếu như vấn đề nổi lên về thuyết nữ quyền đối với một số thiền sư của chúng ta đã trở thành sơ cứng và khắc sâu trong tâm trí bằng phán đoán và “hiểu biết” thì chính đó lại là điều chúng ta cần lưu ý trong đầu. Có điều chắc chắn là những kiểu dáng này sẽ xảy ra. Nhưng đó chẳng phải là bản chất thú tính hay sao. Bằng mọi giá chúng ta phải tỉnh thức. Nhưng sự tỉnh thức của chúng ta phải được ý thức, chúng ta đang hiện diện ở thế gian này, chúng ta đang trong vòng luân hồi, cũng giống như Niết Bàn, có liên quan đến sỏi đá và rác rưởi và ánh sáng mặt trời, đến suy tàn, hận thù (kể cả hận thù chính bản thân mình) và tình yêu. Ngay cả khi đã thấm nhuần điều đó, thì vị thế “tuyệt đối” hoặc “siêu việt” đôi khi tỏ ra khô khan cứng cõi và ưu tiên một cách khó chịu.. (đương nhiên, chúng ta lại rơi vào nghịch lý trở lại.. không hề có một “vị thế” nào. Ý thức được vị thế của ta có nghĩa là chúng ta chẳng chiếm được một vị thế nhất định nào cả). nhưng chẳng có vị thiền sư nào có lỗi vì sự ưu đãi khô khan đó. – Họ đâu có gạt bỏ thế giới thực tại đâu, nơi bất kỳ thể hiện nào. Nhưng do chối bỏ nữ quyền, họ đang từ chối chỉ là một phương cách nhằm rọi sáng vùng tối tăm nơi nhiều cuộc đời chúng ta, sau đây tôi lại đưa ra một cái nhìn ở một góc độ khác.

Xét cho cùng, chính Phật giáo chẳng phải là một hiện tượng như vậy sao? – Lại thêm một “duy thuyết” (ism) có khả năng soi sáng cũng như kiên cường nơi một cơ cấu sơ cứng và bất biến? Chúng ta hãy bằng mọi cách đặt lại vấn đề nữ quyền và Phật giáo.

---o0o---

IV

Chúng ta luôn luôn ở điểm khởi đầu... Tôn giáo tồn tại được bằng cách tự khẳng định lại chính mình. -- Iris Murdoch²²

Một số nữ thiền sư tôi đề cập đến đã duy trì liên lạc mật thiết với truyền thống để lại, trong khi đó lại truyền bá hết sức nhiệt tình và tế nhị liên can mật thiết với bản chất truyền thống đó. Một số khác đã gạt bỏ những hình thức truyền thống, toàn bộ hoặc một phần và đang thăm dò những phương cách khác để hành Phật hoặc truyền bá Phật pháp cho phù hợp với kinh nghiệm phương Tây. Có thể sự tiến triển thách thức nhất chính là ý định của một số người còn muốn đi xa hơn đặc tính của chính Phật giáo nữa. Toni Parker muốn dẹp bỏ Phật giáo sang một bên, Joko Beck chấp nhận song song với một số truyền thống hữu dụng khác. (Tuy nhiên bà vẫn tin tưởng rằng nơi mọi tôn giáo, Phật giáo rất có thể đã công hiến một phương cách thực hiện rõ nét nhất). Điều này rất có thể không phải là một sự phát triển cách mạng ở thời đại chúng ta được đơn cử ra đây từ tác giả Bankei (1622-1693).

Tôi không bàn đến Phật giáo nói chung cũng không bàn đến Thiền (Zen) nói riêng. Bởi vì tôi có thể tự xoay sở để chỉ cần đề cập đến chính bản thân con người Phật tử mà thôi, như họ đang tồn tại ngay tại đây và trong lúc này. Tôi không cần phải bàn đến Phật giáo hay Thiền làm chi cả.²³

Nếu phụ nữ giúp thay đổi bộ mặt Phật giáo tại Hoa kỳ, thì họ đang quan tâm đến những vấn đề đặc biệt gì? Thực tế thì nữ thiền sư khác biệt với nam thiền sư ra sao? Chủ đề nổi bật nhất vọng lại nơi hầu như toàn bộ các nữ thiền sư chính là ưu tiên số một cho cuộc sống hàng ngày, cuộc sống nội tại trong chúng ta như là một lãnh vực thực hành Phật giáo của chúng ta. Bà Christina Feldman, một Ni Sư Thiền Minh Sát (sống tại nước Anh nhưng thường ghé sang và tổ chức các cuộc tĩnh tâm, đa số các cuộc tĩnh tâm đó dành cho phụ nữ và bàn về linh hướng cho phụ nữ) đã cho biết trong cuộc phỏng vấn chính thức về sự thiếu cân đối trong việc trình bày Phật giáo. Bà mô tả con đường “đạt đến hay xóa bỏ bản ngã” như là một đường lối một chiều hoàn toàn sao nhãng toàn bộ mọi khía cạnh tâm linh khác.

Theo Phật pháp truyền thống thế gian là nơi chúng ta phải thoát ra khỏi càng nhanh càng tốt. Có cả một hệ thống giá trị trong đó những vấn đề như tương quan, tiếp xúc với thiên nhiên, những hoạt động xã hội được đề cập đến như là thứ yếu so với toàn bộ cuộc sống tận hiến siêu nhiên. Và thành thật mà nói, những sự việc như bản thân bạn, những cảm nhận, tình cảm là những điều cần phải tìm cách chế ngự và bỏ qua. Cơ bản chúng ta phải thoát khỏi sự ràng buộc đó có nghĩa là biến mình thành trống rỗng.

Nhưng thực tế trong cuộc sống nhiều người, đặc biệt cuộc sống của nhiều phụ nữ, chúng ta bỏ ra rất nhiều thời gian thiết lập tương quan với thế giới, họ đã phải tốn nhiều thời gian giải quyết hoàn cảnh tiêu cực chung quanh cuộc sống, để tìm ra ảnh hưởng và sự cần thiết của những cảm xúc trong cuộc sống. Tôi cảm thấy một tiếp cận quân bình với tâm linh không phải là cách chúng ta loại bỏ, hay thoát ra khỏi ảnh hưởng của mọi sự vật đã tạo ra cuộc sống chúng ta như là một phương tiện hiểu biết. Cơ bản mà nói thì toàn bộ kinh nghiệm trong cuộc sống của chúng ta chỉ là một phương tiện để hiểu biết nếu được sử dụng một cách khôn ngoan, nếu được sử dụng trong tình thương và lòng cảm thông. Sự tiếp cận này xem ra tích cực hơn trong việc cổ vũ dẫn thân cho xã hội. Tạo ra sự gắn kết với hơn là đoạn tuyệt với cuộc sống²⁴.

Tsultrim Allione cũng đồng ý rằng:

Các phụ nữ cũng cần ý thức xem những điều thực hành nào thực sự giúp ích cho cuộc sống chúng ta, những điều nào có thể thích hợp so với những nỗ lực chúng ta bỏ ra và phù hợp với những hoàn cảnh sống của chúng ta nữa. Chúng ta không thể hài lòng bằng cách chỉ có biết thực hiện đôi điều gì đó vì điều đó được coi như dẫn đến giác ngộ hoặc tuân thủ một cách mù quáng, những chỉ dụ của các thiền sư và những vị quản trị nam giới. Chúng ta cần phải tuân thủ những gì thực sự đang diễn ra. Phụ nữ cần những phương thế khôn ngoan (upaya) cũng như nam giới cần đối nghị lực với những hiểu biết sâu rộng (Prajna) và cả cõi trống không.

Tôi nhận thấy rất nhiều Phật tử đang nóng lòng lao vào quan điểm tuyệt đối và coi bất kỳ những tranh luận về những khác biệt khả dĩ trên đường siêu nhiên của nam cũng như nữ giới như là điều ấn định hai chiều vô ích được tạo ra do thiếu hiểu biết thật sự của trí tuệ. Nhưng... cả hai sự thật tuyệt đối cũng như tương đối cần phải được cứu xét.²⁵

Tác giả tiếp tục mô tả nhiều cách trong đó những hoạt động trong cuộc sống phụ nữ – đặc biệt là tình mẫu tử – đã cung cấp cơ sở để phát triển tâm linh và thúc đẩy phụ nữ đã thực sự ý thức được một cách siêu nhiên phải tạo mối liên kết giữa cuộc sống của họ và những điều họ thuyết giảng. Nhận định về tiềm lực siêu nhiên mạnh mẽ của tình mẫu tử như là một đường tiến siêu nhiên đã vọng lại trong tác phẩm của Carol Ochs mang tên tâm linh và Phụ Nữ (Woman and Spirituality) như sau:

Sự hướng ngoại của bản ngã đạt được thông qua khổ hạnh chỉ có thể hoàn tất tốt thông qua sự cống hiến đích thực, đầu tiên và trên hết là sự chăm sóc thể chất. Trong việc chăm sóc con cái, các bà mẹ sẽ không tìm cách hy sinh những nhạy cảm giác quan – họ đơn giản chỉ biết là trẻ con cần phải có tã

*lót và khi trẻ con ói mửa chúng phải được tắm rửa. Họ coi những hành động của họ không phải là những thành tựu siêu nhiên vĩ đại. Chỉ cần thực hiện những gì cần phải làm thì sự tiến tới trong siêu nhiên của họ đã tiến triển rất nhiều.*²⁶

Tác giả cho biết, đối với các bà mẹ họ phải học yêu và chấp nhận - nói cách khác, họ cần phải biết hướng ra khỏi bản ngã của mình. Thay vì đặt vấn đề “Thượng đế là gì?” tác giả thay bằng “Thượng đế ở đâu?” và trả lời: “Ngài ở nơi kinh nghiệm sống của ta và thông qua những kinh nghiệm của chính chúng ta... là tuyệt đối trường tồn”. Kinh nghiệm chăm sóc con cái đầy những “khám phá thầm lặng này”. Chúng ta nhận thấy rằng chúng ta chỉ là đường dẫn tình yêu, nằm ngoài sự kiểm soát của chúng ta, điều đó vĩ đại còn hơn chúng ta và chúng biến đổi chúng ta, “Chúng ta đồng ý để cho cuộc sống người khác tiếp cận cuộc sống chúng ta đến tận chỗ sâu thẳm nhất của con người chúng ta, hơn thế nữa, chúng ta cũng lại đồng ý để cho qui trình nuôi nấng con cái biến đổi chúng ta y như nó đã hình thành đứa trẻ”.²⁷

Trong những năm qua đã xảy ra những tiếng đờn thổi và những lượng định lại giá trị tập trung nơi những phụ nữ trung thành với truyền thống tâm linh Tây phương. Phản ứng lại những căng thẳng tương tự về nam giới độc quyền và sự phân biệt đối xử đối với phụ nữ như ở Thiên Chúa giáo và Do Thái giáo, nhiều nhóm phụ nữ đã tạo ra những hình thức mới diễn đạt cuộc sống siêu nhiên của họ. Một số đã quay sang thờ cúng thần nữ. Một số khác lại quay sang với những hình thức truyền thống mang tính bản xứ. – như thổ dân Hoa kỳ, thổ dân Châu Phi, Hawaii – hòa hợp hơn với những giá trị và bản năng của họ, trong khi đó còn một số người nữa lại tạo nên những trường phái tâm linh riêng của họ. Một phản ứng khác thì lại duy trì hợp nhất với truyền thống nguyên thủy trong khi đó lại cố thay đổi truyền thống đó ngay từ nội tại.

Carol Christ và Judith Plaskow viết. “Đối với một số người có cảm quan siêu việt tồn tại trong truyền thống được thể hiện như là cái cốt lõi đích thực đáng tin cậy của mặc khải đang nhắm đến tự do từ áp bức, một thứ tự do họ tin là đã được diễn đạt một cách rõ ràng và thích hợp hơn bên trong chứ không phải bên ngoài truyền thống. Một số người khác lại cho là quá khứ tiền Kinh Thánh hay kinh nghiệm hiện đại cung cấp nhiều nguồn xác thực hơn về thần học và phụ nữ quan”²⁸. Thí dụ như, phụ nữ trong giáo hội Công giáo, kể cả nhiều nữ tu đã nhiều năm tranh đấu để phụ nữ được phong chức linh mục. Vừa mới đây thôi có một nhóm thứ hai, chối bỏ chức linh mục vì coi đó là biểu hiện của hệ thống tổ phụ trị, đã từ bỏ tham vọng này và thay vào đó họ tạo ra những hình thức riêng trong cấu trúc của Giáo Hội. Những hình thức mới trên được thể hiện trong tinh thần phi tổ phụ và đại kết

(ecumenical) mở ra cho tất cả mọi thành phần, tỳ như phép rửa tội và Thánh thể được dựa trên nhóm và họ đang hiệp nhất lại nhiều yếu tố từ các truyền thống khác nhau, thí dụ nghi thức chia sẻ bánh rượu trong ngày Sabbath của Do Thái giáo. không còn “đi theo”, không còn tranh đấu, họ tự cho mình là giáo hội phụ nữ và ảnh hưởng của họ đang lớn mạnh.²⁹

Charlene Spretnak, một tín đồ thực hành Thiền Minh Sát (Vipassana) và chủ biên của một thi tập *The Politics of Woman's Spirituality*, có viết rằng: “Vì những tôn giáo theo hệ thống tổ phụ là vô bổ đối với phụ nữ quá rõ ràng, để tồn tại và phát triển như những người phụ nữ tự do, chúng ta phải đoàn kết và tận dụng những nguồn lực nội tại của chúng ta”. Trên mức độ trí thức, Bà cho biết, một điều đã quá rõ ràng đối với bà là ở mọi thời đại (và mọi nơi chốn) chỉ có một bản chất duy nhất, đó là: (chính lúc này - nhưng bà nói thêm) Tôi chưa bao giờ cảm thấy sự hiểu biết đó như là sự thật có thể cảm nghiệm được cho tới khi tôi gặp được “tâm linh phụ nữ” và khám phá ra rằng những giới hạn tạm thời đó có thể đơn giản được gỡ bỏ do khuynh hướng tâm linh phụ nữ trước sự cảm thông và ràng buộc. Nhờ những giây phút nghi thức và hành thiền thường xuyên, nhờ hấp thụ được những huyền thoại thánh của các bậc tiền bối và truyền lại cho con cháu, nhờ kinh nghiệm trong chính nếp suy nghĩ mẹ con những màu nhiệm được cử hành qua những nghi thức cổ kính đó, tôi đã nhận ra và cảm nhận được mối thống nhất với hàng triệu phụ nữ đã sống đang sống và sẽ còn tiếp tục sống trên cõi đời này”.³⁰

Hiện nay đối với nam giới cũng như nữ giới, những suy nghĩ loại này lại tỏ ra rất thích hợp và không còn xa lạ gì nữa. Và đây với R.H Blyth lại là một ví dụ nữa:

Thiền (zen) có thể đem lại cho mọi người quyền lợi nào khi mà họ chối bỏ một nửa nhân loại và chủ trương không quan tâm đến giới tính có nghĩa là bỏ qua một nửa nhân loại? Tôn giáo đã luôn bỏ quên phụ nữ, như đã bỏ quên thiên nhiên và bản chất nhân loại, nhưng rốt cuộc thì tôn giáo lại bỏ quên chính mình³¹.

Và Jack Kornfield, một thiền sư Thiền Minh Sát và là đồng sáng lập Hội Insight Meditation Society vừa rồi còn tiết lộ:

Một số thay đổi quan trọng nhất nơi Phật giáo ở vào thời đại chúng ta đã là và sẽ phải là kết quả tích cực trong việc tái giới thiệu (reintroducing) nữ giới, đặc biệt tôi muốn đề cập đến việc quay trở lại với trí tuệ, với giá trị của những cảm nhận và tình cảm, chấp nhận lẫn nhau và đặc biệt là liên đới với phần trái đất. Cho đến nay, Phật giáo mới chỉ cơ bản dành riêng cho phái nam, nhấn mạnh đến hiểu biết hơn là tâm tư và tình cảm. Và đã trở nên mất

quân bình. Lập lại tâm linh cho thân thể, cảm tình, trái tim là điều cần thiết để chữa lành cả Phật giáo và trái đất.³²

Cuối cùng, đây là Robert Aitken³³, một trong số các thiền sư được trọng vọng nhất tại Hoa kỳ hiện nay, Bà viết trong Parabola như sau:

Các vị thực hành Đại Thừa Mật Tông thường thích công kích các đồ đệ Thiền định Zen về Pháp phục đen, gối thiền đen và gương mặt nghiêm nghị, ám chỉ rằng chúng ta hay có khuynh hướng tự khép mình lại với thiên nhiên. Họ có lý ở một vài mức độ nào đó. Pháp phục màu đen, không kiểu cách và gối thiền đen giữ giảm thiểu những chia trí khi hành thiền (dojo) và cổ vũ những chiều kích đắm chìm trong hư vô của Makyo (những trạng thái tương tượng và nâng cao xuất hiện đang khi hành thiền (Zendo) những diện mạo oai vệ và thái độ quá nhấn mạnh đến “Quyết tâm mạnh mẽ” và những thời gian suy tư dài lại phản ánh sự thừa kế phái “Samurai”, một sự phát triển Phật pháp của Đức Phật cần phải bị loại bỏ. Vì “Samurai” đồng nghĩa với “nam giới”. Trong văn hóa viên đông, những giá trị nữ giới thấy nơi các phụ nữ và nam giới đều bị che dấu kỹ. Loại bỏ Samurai khỏi thực hành Thiền định (Zen) chúng ta tỏ rõ nhân bản hiền dụ của chúng ta, điều đó đang nuôi dưỡng những khát vọng của chính chúng ta cũng như của toàn thể những sinh vật trên mặt đất này.

Người phụ nữ rất khác biệt so với nam giới là điều đã được kiểm định bằng công ý và kinh nghiệm hàng ngày – cho dù những cách thức chúng ta thể hiện có thể giống nhau. Nhưng trong những năm gần đây tri giác này đã được các nhà nghiên cứu xác định trong rất nhiều ngành khoa học, từ ngành tâm lý phát triển đến tâm lý xã hội cho đến sinh lý học thần kinh. Cơ thể và khối óc phụ nữ khác với nam giới. Và nên chú ý là những kinh nghiệm sớm nhất và mang hình thức quyết định quan trọng nhất của chúng ta – những quan hệ với người mẹ của chúng ta – đối với phụ nữ, đó là quan hệ với một người cùng phái. Tuy nhiên đối với nam giới điều đó lại xảy ra ngược lại, yêu cầu phải có sự hiện diện của người khác phái. Tất cả những chi tiết trên cho thấy những khác biệt trở thành tế nhị và khó so sánh được, như chúng ta thường quan sát những biến động trong vũ trụ.

Sáng nay, đi dạo dọc theo đại dương, tôi muốn hô vang lên, “Hình thức đẹp tuyệt trần” đại dương công bố Phật pháp cho tôi còn rõ hơn bất kỳ cuộc nói chuyện Phật pháp nào khác – một kinh nghiệm thường hay xảy ra nơi các phụ nữ nhiều hơn là nam giới. Trước đại dương chúng ta cảm thấy Phật pháp hiện diện trong thân thể chúng ta. Cái ngứa ngáy dưới ngón chân, sự thỉnh lặng dưới cơn sóng ập tới và tiếng nước reo. Một sự va chạm giữa tha thứ và bỏ qua.

Chúng ta nghe biết phụ nữ thường “tham gia” nhanh hơn nam giới, là những đệ tử thọ giáo Thiền định Zen, Thiền Minh Sát (Vipassan) và Thiền Mật Tông (Vajrayana) - hoạt bát hơn – đó là điều lập lại qua truyền thống. Và câu hỏi thường được đặt ra là: tại sao trước đây phụ nữ lại không được chọn làm thiền sư? tại sao họ lại bỏ sinh hoạt sau nhiều năm tham gia? Có phải cách hiểu biết của chúng ta không ăn nhằm gì tới cách hoạt động tại các trung tâm và những phương pháp được đặt ra hay không?

Khi tôi còn nhỏ, cha tôi thường khen mỗi khi tôi có suy nghĩ “giống như một người đàn ông” – có nghĩa là, suy nghĩ hợp lô-gic và nhạy bén. Phần còn lại trong chuỗi kinh nghiệm chỉ còn chịu đựng và được chiếu cố (hoặc không được rọi chiếu). Rất có thể, cho dù trực giác Phật giáo mách bảo là sự thật vượt quá trí phán đoán, các cơ cấu của chúng ta nhiều khi vẫn đòi hỏi chúng ta suy nghĩ “như một nam giới”

---o0o---

V

Chúng ta có thể đưa ra những nhận định khái quát gì về các Nữ Thiền Sư trong cuốn sách này không? Hiện thời thì rất ít. Nếu có nhận định nào, thì chỉ có tính đa dạng là gây nhiều ấn tượng nơi tôi nhất. Một số được biết đến ngay từ hồi còn nhỏ đã tỏ ra vượt trội hẳn so với những hiện thực bình thường. Một số khác được giác ngộ rất muộn. Đa số họ đều sống trong môi trường trần thế với con cái và gia đình. Một vài trường hợp, các ông chồng cũng thực hành Phật pháp; một số khác thì không. Một số có con cũng tham gia Phật pháp, số khác lại không tham gia. Nhưng tất cả các thiền sư đều nhấn mạnh ở một điểm đó là cuộc sống hàng ngày chính là lĩnh vực siêu nhiên cơ bản của mỗi chúng ta.

Một số ít đang biểu diễn hoặc theo đuổi ngành âm nhạc. Một người là thi sĩ và họa sĩ. Hai phụ nữ đã được tấn phong đều cho biết cùng một luận điệu như nhau là: cuộc sống của họ đã thay đổi đáng kể sau khi đã tuyên thệ Phật giới. Phong cách truyền đạt Phật pháp biến chuyển từ theo sát truyền thống đến phóng khoáng và cởi mở. Trong nhiều trường hợp, thấy diễn ra những đổi thay triệt để. Tôi cũng đã thống kê được qui trình thay đổi này.

Đề cập đến những điểm cốt lõi – những điểm cốt lõi về Phật pháp – tất cả họ đều thể hiện bằng nhiều giọng điệu khác nhau, nhấn mạnh nhiều điểm khác nhau, với nhiều bối cảnh khác nhau. Nhưng một cách toàn diện, đây là lần đầu tiên trong lịch sử có một số phụ nữ đáng kể đã thực hiện nhiệm vụ truyền đạt Phật pháp. Phóng đại sự kiện này không phải là chuyện dễ. Thường xuyên trong những chuyến du khảo của tôi, rất nhiều phụ nữ đã cho biết, lần đầu tiên họ được nghe truyền đạt Phật pháp từ miệng và trí tuệ của

một nữ thiền sư. Bất luận như thế nào thì kinh nghiệm cũng rất mãnh liệt và rất thâm tín - và nhớ lại sự kiện ban đầu đó thường gây nhiều xúc động.

Tôi muốn khẳng định cách rõ ràng là: cuốn sách này cho dù rất xúc tích và toàn bộ cuốn sách có thể xuất bản phục vụ bạn đọc. Nhưng nhiều chi tiết vẫn chưa được hoàn chỉnh. Cho dù tôi đã cố gắng hết sức. Chỉ có phép lạ mới thấy xuất hiện trong cuốn sách này một thiền sư nào tôi không được quan hệ và hiểu biết một cách tường tận. Nếu không gian và thời gian cho phép, rất có thể tôi phải kể thêm một thiền sư nữa theo trường phái Tây Tạng³⁴. Ngay từ đầu, tôi cũng có ý định muốn phỏng vấn thêm hai thiền sư: Jale Chozen Soule, Sensei, trước đây đã trụ trì tại Trung Tâm Thiền Los Angeles, nhưng hiện nay họ đã chính thức nghỉ hưu và nữ thiền sư Rina Sircar, là Nữ thiền sư theo hệ phái Thiền Minh sát, người Miến Điện hiện đang cư ngụ tại Hoa Kỳ, đang phải thọ tang Bỏ sư của mình là Hoà thượng Taugpulu Sayadaw, ngay trong giai đoạn tôi đang thực hiện phỏng vấn. Đối với bất kỳ nhân vật nào tôi quên không đề cập đến trong cuốn sách này, tôi thành thật xin lỗi – và rất hoan hỷ được đề cập đến quý vị.

Luôn tiện tôi cũng phải khẳng định là, các nữ thiền sư được đề cập đến trong cả chương không nhất thiết phải là nhân vật quan trọng hơn so với những nhân vật chỉ được đề cập đến một cách ngắn gọn. Một vài trường hợp tôi phải quyết định như thế là có liên quan nhiều hơn đến các biến cố ngoại vi và thứ tự thời gian hơn là những cân nhắc hơn thiệt về dáng vóc và tuổi tác. Hơn nữa, trong quá trình làm việc, tôi biết rằng có nhiều điểm sẽ bị lạc hậu trước khi cuốn sách được hoàn thành. Tôi cố gắng cập nhật thêm nhiều tư liệu khi có thể, nhưng chúng ta phải biết dừng lại ở đâu đó. Và đơn giản suy luận, như Phật pháp đã dạy, “Tất cả những gì tôi ghi lại nơi đây vẫn còn đang thay đổi”. Và cuốn sách này chỉ cố gắng tối đa để phản ánh một khoảng khắc thời gian hay một chuỗi những khoảng khắc đó một cách đúng lúc.

Sau cùng, cho dù với bất kỳ mối quan tâm nào liên quan đến phần kết của cuốn sách, tôi xin lược trình ngắn gọn lược sử quy Phật của chính tôi hầu quý vị.

Tương tự như rất nhiều người khác qua thời gian nhiều năm, lần đầu tiên tôi được học hỏi về Phật giáo và Thiền định với thiền sư Alan Watts – không phải qua sách vở, nhưng qua một chương trình phát thanh hàng tuần Ngài thực hiện trong suốt những năm 50 tại thành phố Berkley, bang California (nơi tôi từ New York di chuyển xuống và hoàn tất học vị Cử Nhân Nhân Chung Học). Với phong cách đầy hấp dẫn, thiền sư đã hoàn toàn chinh phục tôi. Trong những năm “nghiêm túc” và thành công nhất trong cuộc đời, tôi

đã chế nhạo ông như là một chàng hề và một người rất đỗi nhân tâm. Hiện thời tôi cảm thấy rất biết ơn nhà sư vì khả năng diễn đạt tinh thần Phật pháp chân chính bằng ngôn ngữ chúng ta có thể hiểu được. Kết quả là tôi đã đọc rất nhiều sách của Thiền Sư D.T. Suzuki và vào giữa thập niên 50, tôi đã tốt nghiệp tiến sĩ văn chương Nhật bản tại Đại học Columbia. Vào một buổi chiều tôi đến tham dự buổi hội thảo do chính D.T. Suzuki chủ trì (rất lâu sau đó tôi mới biết mình đã ngồi chung bàn với hai vị rất nổi tiếng đó là John Cage và Keran Horney).

Mãi tới cuối những năm sáu mươi, khi di chuyển trở lại California, tôi mới được đọc tác phẩm của Philip Kapleau Ba Cột Trụ Phật Thiền định (Three Pillars of Zen)³⁵ và từ đó tôi khám phá ra là có một phương pháp luyện tập Thiền gọi là Tọa Thiền (Zazen) và tôi đã luyện tập rất sớm tại Thành phố Berkley và những Trung Tâm Thiền định ở San Francisco nhất là mùa hè ở Trung Tâm Tassajana Zen Mountain, tại đó tôi có thời gian tiếp xúc với Thiền sư Shunryu Suzuki trước khi ông qua đời.

Nhưng rồi có một vài thay đổi. (rất có thể trước đó tôi đã không chấp nhận) tôi bắt đầu cảm thấy ngày càng bị bấn loạn (mất thiện cảm) và thất tín. Hình như xuất hiện một giai đoạn lạnh nhạt không thể vượt thắng nổi tại Phòng Hành Thiền, tôi không thể hiểu nổi và không thể xua tan được. Hiện nay tôi đã kể lại toàn bộ (hay một phần) kinh nghiệm đó trong một số vấn đề tôi bàn đến ở trên. Chắc gì kết quả đã khác đi, không biết bầu khí và cơ cấu nơi Trung Tâm này đã đổi khác không?

Bất luận điều gì xảy ra, tôi cũng đã dẹp bỏ không hành đạo nữa – hay ít nhất tôi cố gắng làm thế. Trong nhiều năm đã tôi lui tới, khám phá những khả năng tiềm ẩn khác và liên tục trở lại với Phật giáo. Cứ mỗi lần trở lại, tôi cảm thấy như thể trở lại nhà mình vậy. Nhưng lại giống như một đứa trẻ mười tuổi và hình như tôi lại phải ra đi. Đến năm 1975, tôi đã nghe một bài nói chuyện của thiền sư Joseph Goldstein và lần đầu tiên tôi tham dự một khóa huấn luyện Thiền Minh Sát (vipassana) tại Toledo, bang Washington. Ngay trước phòng thiền, tôi thấy có một nữ thiền sư ngồi thiền chung, mặt hướng về phía chúng tôi. Cả hai người đều trả lời những câu hỏi và diễn giải Phật pháp. Bất kể những nguyên nhân phức tạp nào đó, việc hành thiền này hoàn toàn thích hợp và hoàn toàn không có gì khó khăn đối với tôi vào lúc này. Và với lòng thanh thản to lớn, tôi đã “quay trở về nhà” và trong bảy năm đã bám rễ sâu và thành một đoàn thể (tu trì).

Còn nữa, khi ý tưởng viết cuốn sách này xuất hiện trong đầu tôi vào những năm 1980, tôi nhận ra rằng một phần động lực thúc đẩy chính là tôi chưa bao giờ có được kinh nghiệm làm việc gần gũi với một thiền sư ngoài giờ hành

thiền và do đó chẳng cần ý thức thêm tôi đi tìm gặp một thiền sư. Chúng ta ai cũng biết câu châm ngôn “Khi đệ tử sẵn sàng, thầy xuất hiện”, nhưng tôi suy nghĩ rất có thể đôi khi đệ tử phải “đứng dậy” và “ra đi”. Rất có thể sự “ra đi” đó lại tạo ra trạng thái “sẵn sàng”. Ngày nay tôi cảm thấy hiểu được có một chút sự thật trong thái độ đó. Chắc chắn hệ quả nổi bật nhất chính là tôi đã tìm được hai thiền sư tôi đã hành thiền rất hăng say với họ (và một vị thứ ba chỉ khi nào có điều kiện tôi mới có dịp ngồi thiền với vị này). Cả ba người đều bổ sung cho nhau rất tuyệt vời. Có điều cả ba vị đều thuộc truyền thống Thiền định (ở đây rất có thể hàm chứa ý nghĩa nghiệp chương nào đó). Luồng khói cuộn tròn lại quay trở lại và trong những ngày này tôi rất sung sướng ngồi thiền tại Thiền Viện Berkley và tôi là thành viên trong cộng đoàn này. Rất nhiều thay đổi đã diễn ra ở đó. Chúng tôi thường xuyên tổ chức những cuộc gặp gỡ, một nhóm phụ nữ rất sống động và tích cực và một nhóm thảo luận thường xuyên do các thiền sinh điều khiển đề cập đến những vấn đề có liên quan đến cuộc sống và hành đạo hàng ngày của chúng ta. Trong tất cả cấp lãnh đạo đều có mặt phụ nữ (trừ vị Đại sư) và phụ nữ đã nắm chức giám đốc trung tâm trong nhiều năm.

Có lẽ kết quả đáng trân trọng nhất cho công việc của tôi về cuốn sách này cho đến giờ phút này tùy thuộc rất nhiều vào hai nhân vật nữ thiền sư này, Maurine Stuart và Toni Packer, hai vị đã thường xuyên di chuyển từ Bờ Tây sang Bờ Đông xuống tới vùng vịnh San Francisco để tổ chức các khóa học hỏi Phật pháp (một vài cuộc tĩnh tâm học hỏi chỉ dành cho nữ giới) một vài lần trong một năm. Một nhóm những hạt nhân đã được hình thành qua việc tổ chức những khóa huấn luyện liên tục. Và lúc này đã hình thành một Ni đoàn (sangha) nho nhỏ có cách thức hoạt động riêng. Và một mạng lưới cũng đã bắt đầu được hình thành trong phạm vi các tín đồ Phật giáo theo Thiền định, Thiền Minh sát (vipassana) và cả Thiền phái Tây Tạng. Họ rất chú tâm đến cùng hành thiền chung với nhau không phân biệt thiền phái và những xác lập cũ.

Về vấn đề này thấy cần thiết phải hiểu rõ về Hội Nghị Các Cộng Đoàn Tu Sĩ Phật giáo Miền Nam California, đang điều hành các sinh hoạt: bao gồm tất cả các truyền thống Đại Thừa và Mật Tông (Vajrayana), đại diện cho nhiều quốc tịch và nhiều cộng đồng sắc tộc. Ngoài ra, tại nhiều nơi khác trên đất nước này, nhiều cơ hội khác nữa cũng đang được tạo ra trong những năm gần đây để cổ vũ tinh thần đại kết (ecumenical) và đối thoại giữa Thiên Chúa giáo và Phật giáo. Cảm nhận - hy vọng của tôi chính là thời gian trôi qua, Phật giáo Hoa Kỳ sẽ tạo điều kiện để phát triển loại sinh hoạt này, để cổ vũ cho nhiều hình thức sinh hoạt khác xuất hiện, đó chính là cái Tâm Phật pháp đích thực được thể hiện.

---o0o---

[01] - **Thiền Sư Toni Packer**

“Nào các bạn hãy tự cân nhắc lấy cho mình... nhân loại xuyên suốt lịch sử, rất quan tâm đến đời sống Tôn giáo, đã luôn cố gắng để tiêu diệt bản ngã, hay chiến đấu với bản ngã, nhân loại cũng đã phát minh ra nhiều hệ thống để làm tiêu tan cái tôi. Nhưng một thực tế rất phủ phàng là bản ngã không thể tự tiêu diệt. Vì điều gì còn tồn tại vẫn lại là bản ngã: kẻ chiến thắng chỉ là những ai đã thắng vượt được bản ngã... đó là một hình ảnh mới! Vì thế cho nên điều gì chúng ta sắp phải thực hiện dưới ánh sáng của nhận thức này? Qui tụ mọi nghị lực chúng ta có thể ý thức được những gì chúng ta thực hiện chẳng?”-- Toni Packer

Tại thành phố Rochester, bang New York, ngay tại nghĩa trang Mount Hope, leo lên một đoạn đường đến một căn nhà đá, nấp sau bức tường cũng làm bằng đá là dãy phố. Không có dấu hiệu nào rõ ràng, nhưng tại đó tọa lạc Trung Tâm Thiền định Genesee Valley. Hiện thời ở đây rất tĩnh mịch, nhưng năm năm về trước Trung Tâm đã là điểm hội tụ những biến cố nổ ra làm đảo lộn cộng đồng Thiền định Phật giáo tại Rochester. Những sóng gió và xáo trộn xảy ra vẫn còn gây tiếng vang, không những tại Rochester mà còn tại các đoàn thể Phật giáo trên toàn quốc.

Vấn tất điều gì xảy ra chính là Toni Packer, người được chọn kế vị cho Philip Kapleau (Thượng Tọa trụ trì tại trung tâm thiền Rochester), sau khi cân nhắc kỹ lưỡng và kiên trì, đã cắt đứt liên lạc với Phật giáo truyền thống và bắt đầu dạy thiền một cách mới mẻ và không ràng buộc vào bất kỳ truyền thống nào. Cũng đã có những biến cố đầy kịch tính xảy ra trong các đoàn thể thiền định trong những năm qua. Nhưng biến cố trên có lẽ là biến cố gây ảnh hưởng và gây nhiều đôn đoán nhất. Không ám chỉ một nguyên nhân và hậu quả đơn giản, chúng ta cảm thấy có mối liên hệ giữa điều đã xảy ra ở Rochester và sự thể là, tại các trung tâm thiền khác trên toàn quốc, vấn đề được đặt ra là ngày nay loại hành thiền nào được cảm nhận và tìm kiếm tại Hoa kỳ đang được đặt ra và cân nhắc lần đầu tiên.

Tôi đã được nghe sơ qua những biến cố xảy ra tại Rochester và đã nghe một số băng ghi âm những bài nói chuyện của Toni. Giọng của nữ thiền sư rất mạnh mẽ và rõ ràng tôi có ấn tượng nghe một khối óc sáng suốt và một cá tính đầy thuyết phục. Mùa hè năm 1983 tôi có dịp ghé thăm Rochester và hẹn gặp nữ thiền sư trước và không chút sợ hãi nào cả.

Trời đã tối, lối đi và bờ dậu còn ướt sũng vì trận mưa mới tạnh. Buổi tối tôi có mặt tại Trung Tâm GVZC. Trên cửa sổ căn nhà đá lớn không có ánh đèn và không có ai trả lời tiếng gõ cửa sau khi tôi đã kéo lê chiếc va-li lên bậc

cửa phía trước. Tôi nhận ra có người ra hiệu cho tôi đi lại về phía cửa hông. Đi được nửa đoạn đường, tôi nhìn thấy hai bóng người bước lên lối hẻm. Người cao đổng là một người đàn ông, tự giới thiệu tên là Kevin, “Và đây là Toni” ông lên tiếng. Tôi buột miệng, “Xin chào bà Toni”, và rồi ngưng luôn. “Bạn muốn nói Toni Toni phải không?”

Cả ba chúng tôi cười vang. Tôi phải lùi lại vì Toni với giọng nói mạnh mẽ đã hiện nguyên hình: đầu đội mũ len và mặc chiếc áo khoác vẻ mặt ửng hồng vì mới ở ngoài nhà vào, Bà nở nụ cười chào đón tôi, cặp mắt xanh, rất sắc, tóc ngắn màu bạc vừa để lộ ra dưới chiếc mũ len. Chỉ là một con người, tôi nhận ra giọng nói của bà, nhưng dáng vẻ hiền dịu thực sự làm tôi xúc động. Tôi hơi mệt và cảm thấy nhưc đầu một chút. Tại bếp ăn chúng tôi ngồi trên một chiếc bàn dài bằng gỗ ngay giữa căn phòng ấm cúng rộng rãi và sau đó có người mang trà đến. Tiếp theo là người trợ lý của Toni, tên là Sally xuất hiện – Bà là một phụ nữ xinh xắn khoảng 30 tuổi – tính tình rất bộc trực bà chỉ chỗ cho tôi nghỉ đêm tại phòng trên lầu.

Căn phòng tôi ở nho nhỏ có cửa chớp bằng gỗ chạm tới tận trần nhà. Khi chúng tôi bước xuống một cầu thang rộng rất xinh. Tôi phải thú thực là đầu tôi nhưc như búa bổ. Sally đề nghị với tôi, “Tôi mat-sa cho bà được không?”

Trở lại nhà bếp tôi ngồi ngay trên một chiếc ghế tại góc bàn và Sally đặt tay lên trêndầu tôi. Tôi nhắm mắt lại, thở vào thật sâu, hầu như cứ muốn la lên. Những ngón tay Sally lúc này chạm ngay vào đầu tôi, bà nói “Ồ bà bị đau đầu quá nặng, phải không?” Bà ta nói giọng Anh nhẹ nhàng, sau này tôi biết được bà là người Úc. Người ngồi ngay trước mặt tôi bên kia bàn, chỉ trong nháy mắt tôi nhận ra ngay đó là Toni. Thiên sư dùng một ly trà và ngồi ngay tại đó rất yên tĩnh. Những ngón Sally di chuyển nhẹ nhàng trên đầu tôi. Bà ta bắt đầu tập trung vào bên phải, nơi nhưc nhối nhất. Cho dù tôi không tỏ ra một tiếng nào.. khi toàn thân tôi đã thư giãn, tôi cảm thấy sự hiện diện của Toni rất rõ ràng. Nói năng nhẹ nhàng. Không bất ngờ hiện diện mọi nơi. Ít ngày sau và trong những cuộc tiếp xúc kế tiếp, tôi được biết Toni mang theo những đức tính đó đến bất kỳ chỗ nào và bất kỳ hoàn cảnh nào.

Trước khi bắt đầu hành thiền buổi chiều hôm ấy, còn có đủ thời gian để rửa mặt bằng nước nóng với Sally. Đó là một chiếc chậu nhỏ trong phòng tắm ở lầu dưới, chỉ đủ chỗ cho hai người mà thôi. Trong một thùng bằng gỗ chỉ dành cho một người rửa mặt một lần. Sally nói với tôi Kevin lưu ý và xếp đặt tất cả những gì có trong đó.

Phòng hành thiền đã trở thành một chỗ thu hút mọi người, rất đơn sơ, với sàn bằng gỗ bóng loáng, tường cũng bọc bằng gỗ, phản chiếu ánh sáng hắt lên trần nhà và một cánh cửa gỗ rộng, gắn kính rất đẹp. Căn phòng có đủ chỗ

cho khoảng hai mươi người ngồi trên đệm và gối. Căn phòng kế bên có chỗ cho khoảng mười hai người nữa. Vào các ngày Chứa Nhật khi Toni đọc bài thuyết trình hàng tuần, toàn bộ chỗ ngồi đều chật cứng và người ngồi trên cả các phòng hội và cả trên lầu nữa. Để nghe bài diễn thuyết, mọi người đều ngồi chung với nhau tại phòng hành thiền, chiếm tất cả những chỗ trống, rất yên tĩnh và đạt hiệu quả rất cao.

Vào những ngày Chứa Nhật và trong suốt những buổi thảo luận, tất cả các góc phòng đối diện với phòng hành thiền cũng được trang bị thêm gối thiền. Không những chỉ có các vị thiền ngồi nệm và thiền ngồi gối (Zafus và Zabutons thiền ngồi nệm và ngồi gối truyền thống) – mà có cả những chiếc gối hình chữ nhật kê ở dưới các Zafus để đủ cao nếu họ có yêu cầu. Và còn có cả những chiếc gối nhỏ hơn trong đồ trấu lúa mì để kê dưới đầu gối của họ. Sự nghiêm ngặt thể chất trong việc ngồi thiền không kéo dài cách cứng nhắc tại GVZC. Chúng ta có thể cảm thấy được chăm sóc rất chi tiết tại đây. Toni thường dùng từ “sự chăm sóc đầy yêu thương”.

Ngày hôm sau chúng tôi ngồi thiền nệm trên sàn nhà tại căn phòng rất thoải mái của Toni trên lầu trung tâm để đàm đạo với nhau lần đầu tiên. Tôi đề cập đến một số thay đổi trong cách hành thiền và giảng thiền tại đây hiện giờ. Thí dụ như Dokusan là những cuộc bàn hỏi truyền thống, đối thoại giữa thiền sư và thiền sinh hiện nay chỉ đơn giản gọi là “hội kiến” (meeting) mà thôi. Các thiền sinh muốn tiếp chuyện với Toni phải hẹn trước và được sắp xếp theo thời gian biểu vào một ngày trong tuần. Không có cảnh tượng chen lấn tới trước như thường thấy tại một số trung tâm thiền khác. Người không có việc làm và có thể đến trung tâm sớm không được ưu tiên hơn những người bận làm việc phải đến trễ. Hầu như tất cả mọi người đều có thể được vào. Nếu có ít người thì cuộc gặp có thể kéo dài hơn. Nếu ai có nhu cầu đặc biệt hơn đòi hỏi phải có thêm thời gian. Toni sẽ đề nghị thực hiện một cuộc hẹn đặc biệt.

Tôi đề cập đến cách họ sử dụng những công thức được dùng để hành thiền (koans). Một số người không dùng công thức nào cả. Một số khác có sử dụng. Một số khác lại dùng những công thức thật đơn giản, họ dùng hơi thở. Một số người khác lại dùng những câu hỏi gây cảm xúc cho họ, tỳ như “tình yêu là gì?” Một người có quan hệ rộng rãi nhưng thực sự không đạt được quan hệ tốt với bất kỳ ai. Câu hỏi “thế nào là tình yêu đích thực?” cũng có thể là một công thức.

Lenore: Thiền sư không đề ra những công thức (koans) hành thiền nữa hay sao?

Toni: Không đâu trừ khi có người yêu cầu làm thế.

Lenore: Giả tử như có người muốn áp dụng những công thức đó, thiền sư giúp họ áp dụng “Mu” như thế nào, hay thiền sư có đưa ra câu hỏi cho họ không? Và đó có phải là một công thức thiền đầu tiên hay không?

Toni: Công thức đầu tiên thường được áp dụng để đặt câu hỏi “Ai đó?” nói một cách chính xác, câu hỏi “Ai đó” không phải là một công thức. Đó chỉ là một lời thăm vấn – “tôi là ai?” hay “điều gì đó?”

Lenore: Thiền sư có đề ra cho họ sự lựa chọn nào không?

Toni: Vâng, tôi hỏi xem có điều hấp dẫn đặc biệt nào trong những lựa chọn đó hay không. Hoặc giả chúng chỉ tự động diễn ra. Thường thì vấn nạn sẽ tự động xuất hiện ngay cả khi ai đó được nghe biết đến thiền định trước đó.

Lenore: Xin cho phép tôi hỏi thêm một chút về Mu [tôi vừa mới thực hiện Mu. Xem chương II] khi đang ngồi thiền tôi tự nhủ trong đầu Mu. Tôi nghiệm thấy có gì đó lan trong người từ trên xuống dưới – tới tận móng. Hơi thở tôi mạnh dần và có cảm giác mình đang tập trung tư tưởng... không biết sao nhận thức tôi tới dần đi. Nhưng Mu tôi nói đây là gì vậy? Một tiếng động? Một lời van xin (mantra), tôi có thể khẳng định không phải là lời van xin. Và tôi có cảm giác hơi sờ sợ. Có lẽ là cái gì đó hơi đen tối – hình như rất đen tối trong Mu. Đang lan dần đến phần khác trong tôi.

Toni: Để tôi nói về điều bà vừa đề cập đến. Cách tôi diễn tả bằng lời cho người ta hiểu được Mu là sự diễn đạt “cái- không- biết” (not-knowing). Đây là cách tốt nhất để diễn tả điều đó. Vì Mu không phải là một lời van xin, không phải là một từ, chỉ là cái- không- biết. Mu chỉ là chóp của toàn thể cái- không- biết bao la đó và cái đó đen tối. Bất cứ điều gì xuất hiện, như sợ hãi cũng là Mu, vì bạn không biết cái đó- là- gì. Bạn loại bỏ ra ngoài tất cả hiểu biết Phân tâm học và các hiểu biết khác về thế nào là sợ hãi, để đối mặt trực tiếp với nó, trong cái- không- biết đó (Mu). Bạn đang đối mặt – không phải “tôi” với “cái-đó” – nhưng là sợ hãi, bất kể là gì, còn cào trong ruột, nôn nao trong dạ dày và cổ họng thất lại và đủ thứ trên đời: hãy để tất cả các thứ đó pha trộn trong cái- không- biết đó và còn phải sẵn sàng chết nữa, không phải chết thể lý. Nếu kinh hoàng xảy ra, ở đâu vậy?

Trong cuốn sách Tây Tạng về Tử Thần thầy pháp (lama) nói nhỏ vào tai người đang hấp hối “Bất cứ điều gì xảy ra, Phật tổ, quỷ thần, tất cả thứ đó đều chỉ là sản phẩm của trí tuệ bạn thôi. Đừng sợ gì cả”. Nhưng điều đó thực sự là phải là cái - không - biết và rồi khi bạn tỉnh dậy, có thể đây kia bạn thực sự không thể biết điều gì đang diễn ra và thế là bạn quan sát nó, nếu bạn chưa biết đừng vội đặt cho nó một cái tên, hay cắt nghĩa cũng như mô tả

gì thêm - không có nghĩa là bạn bị mất phương hướng. Khi bạn cần suy nghĩ bạn có thể làm được.

Nhận thức mà không biết chính là Mu (cái- không- biết). Chính là đặt vấn đề mà không biết (Mu) – thực sự đen tối và sâu thẳm. Nếu như sợ hãi xuất hiện, rất có thể bạn lại đang suy nghĩ. “Điều đó đang dẫn tôi đến đâu?” tư tưởng đó đã trôi qua tâm trí tôi, nó đã nhắm bắn hạ sợ hãi “Điều gì sẽ xảy đến với tôi? Điều gì vậy?”

Lenore: Tôi nghĩ đôi khi sợ hãi chỉ đơn giản xuất hiện tại đó.

Toni: Nhưng có cần tiếp cận không? Và đừng vội cho là nó không liên quan gì đến suy nghĩ. Điều đó còn là gì được nữa.. một suy nghĩ có thể trôi qua rất nhanh. “cái chết” “hấp hối” tư tưởng đã vụt mất rồi, nhưng cái gì chúng ta nhắm được bằng một bộ phận gì đó thì vẫn còn đó.

Lenore: Thế nên bà đang cho biết, nếu sợ hãi xuất hiện, đó là gì vậy?

Toni: Đó là gì vậy! Một số người đang tìm hiểu điều đó, họ thấy hiệu quả hơn và có ý nghĩa hơn là [cái- không- biết] Mu

Lenore: Tôi thích Mu vì là...

Toni: nó không tập trung...

Lenore: Vâng, tôi đã không thể tập trung được tí gì.

Toni: Chính vì thế mà người ta chọn Mu đặc biệt trong những ngày này. Và rồi nó mở ra cho lắng nghe, chú tâm và không biết gì nữa...

Toni sinh tại Bá-Linh vào năm 1927, thời niên thiếu của thiên sư thật đen tối vì sợ hãi Hít-le và Đức Quốc Xã. Hít-le lên nắm quyền khi thiên sư mới lên 6 tuổi. Vì mẹ là người Do thái, nên trong gia đình ai cũng rất sợ hãi. Và để bảo vệ con cái, Toni và chị gái và cả người anh khác mẹ của bà xin được rửa tội. Toni còn nhớ lại y nguyên mục sư Lu-ther đến nhà và vẩy nước lên họ. Bà cũng còn nhớ bầu khí đạo đức phát triển trong gia đình sau đó, đó là sự khao khát những gì vượt ra ngoài bản thân bà. Những câu hỏi về chiến tranh và bức hại người Do thái luôn dấy vò tâm trí bà. Cha mẹ bà rất thận trọng, rất sợ phát biểu thoải mái trước con cái e rằng chúng nhắc lại ở bên ngoài những gì có thể gây nguy hại cho gia đình. Bạn bè và các bạn học đều phải mặc đồng phục của phong trào thanh niên. Toni cảm thấy ganh với chúng. Bà cảm thấy an toàn hơn nếu như được đeo Cà-vạt và chiếc nút thắt bằng da như họ. Mặc dù những thứ đó mang ý nghĩ gì vẫn không rõ ràng. Rồi những cuộc dội bom và nổi kinh hoàng trong đêm và đổ nát xảy ra. Toni thắc mắc, làm sao có thể tồn tại song song được khái niệm một Thiên Chúa đầy yêu

thương luôn chăm sóc đến con cái người và luôn bảo vệ họ? Điều đó chẳng có ý nghĩa gì cả.

Bà cũng gặp rắc rối vì mặc cảm tội lỗi cứ đeo đẳng bà mãi. Nếu Chúa Giê-su chịu chết trên cây thánh giá để gánh lấy tất cả tội lỗi thế gian, tại sao bà vẫn còn cảm thấy mặc cảm tội lỗi? Tại sao ngài không gánh hết cho bà những mặc cảm tội lỗi đó? Một ngày kia bà lấy can đảm chạy lại hỏi một mục sư về tất cả những thắc mắc đó. Nhưng, chỉ với một nhận định cộc lốc, ông ra rút êm. Ngài mục sư không muốn đối phó với những vấn đề bà đặt ra.

Mẹ bà thường buồn bã trong gia đình. Toni thường cảm thấy bị dầy vò không hiểu lỗi tại ai. Người em trai học hành sa sút thường gây cho mẹ buồn khổ. Cứ mỗi khi điều đó xảy ra, Toni rất buồn vì đứa em trai. Điều gì xảy đến với cậu em bà cũng coi như xảy ra với chính mình. Bà luôn ước ao như thế, để không phải đau khổ mỗi khi thấy đứa em trong tình trạng đó. Ngay cả khi cậu em còn rất nhỏ, bà còn nhớ rất sợ đứa em sẽ tự vẫn. Và rồi chỉ ít năm sau sự việc đã xảy ra.

Khi trò chuyện với Toni tôi cảm nhận được nỗi đau của bà. Thảm trạng của đứa em trai vẫn còn lảng vảng đâu đó trong căn phòng này.

Toni cười tươi cho biết, “Nhưng lễ Giáng sinh luôn là những giây phút hạnh phúc nhất, đó là điều khác. Rất nhiều anh em bạn bè tụ tập lại. Và con người ta cảm thấy bớt phiền muộn rất nhiều. Vào lúc đó mặc cảm tội lỗi cũng biến tan”.

Một biến cố khác bà nhớ rất rõ đó là cuộc dội bom lần đầu tiên. Toni và người em gái đang bị bệnh tiêu chảy. Nhưng khi cuộc oanh kích bắt đầu, họ nhảy ra khỏi giường, bệnh tiêu chảy biến mất, sự ốm yếu cũng biến tan. “Tôi cảm thấy có sức mạnh lạ thường và hành động đúng đắn. Trong hoàn cảnh đó bạn biết phải làm gì”. Chị em vội giúp dập tắt đám cháy. Nhưng sau này, khi mọi sự đã kết thúc, nhiều suy nghĩ vụt lóe trong đầu, “Ôi Chúa ơi, điều gì đã xảy ra thế? Điều đó có nhất thiết phải xảy đến hay không?” một nỗi buồn ray rứt xuất hiện và rồi, một vấn nạn mạnh mẽ lại xâm chiếm lòng bà: Cuộc đời còn ý nghĩa gì nữa không? Ý nghĩ đó cứ đeo đẳng bà hoài, gây khó chịu và phiền toái vô cùng. Đây là ý nghĩa của cuộc sống, một cuộc sống hoàn toàn vô nghĩa, hoàn toàn khó hiểu và tàn nhẫn? Bà tìm đâu được nguyên nhân lý giải cho những hành động của chúng ta?

Sau này cả gia đình di chuyển sang Thụy Sĩ và tại đó Toni đã gặp một sinh viên trẻ người Mỹ tên là Kyle Packer. Năm 1950 họ cưới nhau và năm sau đó họ di cư sang Mỹ. Hai người định cư tại miền bắc New-York và Kyle động viên Toni theo học tiếp tại Đại học Buffalo. Sau đó ít lâu nàng tốt nghiệp khoa tâm lý học. Nhưng phân viện đại học lại chủ trương dạy Tâm

Cử Thuyết (behaviourism), nhấn mạnh đến qui trình thử nghiệm và học hỏi phải dựa trên những thí nghiệm ở chuột. Chủ tâm của Toni lại không mấy quan tâm đến điều đó, ít lâu sau bà đã từ giã khoa đó. Về phần mình bà đọc sách của Freud và Jung, cả Joseph Campell, đặc biệt tác phẩm bốn cuốn của Campell *Masks of God* (mặt nạ của Chúa).

“Tôi nghĩ trong những cuốn sách đó tôi tìm được sự an bình trong tâm hồn với toàn bộ vấn đề nữ giới” – một phần vì vấn đề đó có liên quan trực tiếp đến văn hóa và đã có một giai đoạn các nữ thần đã hiển trị rất cao. Đó chính là giai đoạn trước các chiến binh, chiến xa và các kỵ binh xuất hiện và chinh phục thế giới bằng sức mạnh và đã áp đặt một hệ thống tôn giáo mang đậm nam tính và đôi khi rất hà khắc. Toàn bộ vấn đề chẳng nhằm nhò gì với tôi cả. Tôi nhận thấy có điều chi đó hoàn toàn tương đối và có điều kiện hữu kiện, ai là người nắm giữ quyền lực và người nào đàn áp người nào? Đã có một mối ganh đua ở cả hai phía và sợ hãi lẫn nhau.. phái nam sợ phụ nữ, đàn bà sợ nam giới đàn áp. Nhưng điều đó có thể thay đổi bất cứ lúc nào”.

Chính trong giai đoạn này Toni đã tiếp cận với Phật giáo và chính xác đối với tôi và rất nhiều người thuộc thế hệ chúng ta. Là thông qua các tác phẩm của Alan Watts mà Toni đã làm được điều đó. Bà đã đọc tất cả các tác phẩm của Alan, rồi các tác phẩm của Suzuki và nhiều hơn thế nữa. Đến mức độ Toni đã thấm nhập toàn bộ triết lý Phật giáo, Kyle đã đem về nhà tác phẩm của Phillip Kapleau mang tên *Ba Cột Trụ Của Thiên định*. Toni nhớ lại bà đã lật qua từng trang một cách hời hợt, như thể có người đưa thêm một món tráng miệng sau một bữa tiệc thịnh soạn. Bà đối chiếu qua loa với những gì Alan Watts viết và thấy hoàn toàn trái ngược. Và rồi bà bắt gặp lần đầu tiên những hướng dẫn cách hành thiền. Bà ngồi với tư thế thẳng đứng. Và đó là điều lúc này bà có thể thực hiện được.

Chẳng bao lâu sau bà đã ngồi hành thiền đều đặn tại nhà. Rồi chín tháng sau, sách của Kapleau bày bán với giá rẻ và trên bìa bà đọc thấy Kapleau đã thiết lập một Thiên Viện tại Thành phố Rochester, bang New York. Đó là vào năm 1967, cả bà cùng với chồng và đứa con nuôi đang sinh sống tại Bắc Tonawanda, bang Nữu Ước, một thị trấn nhỏ nằm giữa Buffalo và thác Niagara. Cách Rochester khoảng độ một giờ rưỡi lái xe hơi. Họ chuyển tới đó và tham dự sáu khóa huấn luyện nhập môn và tham gia trong Thiên viện đó.

Toni nhớ rất rõ những cảm nhận đầu tiên. Khi còn nhỏ bà thường có thói quen đi xem các đại thánh đường tại Đức bất luận khi nào gia đình đi du lịch. Họ cảm thấy rất ấn tượng và bí hiểm tại thiên viện, với mùi nhang khắp nơi và có những chỗ ngăn bằng dây thừng không cho phép người ngoài xâm

nhập. Có gì đằng sau những sợi dây nhưng đỏ kia nhỉ? Tại Rochester, sau bài tập huấn nhập môn tại phòng ăn. Mọi người được mời di chuyển sang phòng khách. Ở đây, chắc chắn là phải có nhang và một tượng Đức Phật – nhưng không có dây phân ranh. Bạn có thể tiến thẳng tới đó, bạn có thể lập một bàn thờ ngay tại nhà bạn với một tượng Phật cho chính bạn. Tượng Phật này không phải là một thần linh, nhưng là cái thuộc chính bạn và mọi người có thể tập luyện và tuân thủ một số kỷ luật nhất định nào đó cho tất cả mọi người không phân biệt một ai cả. Chẳng có biên giới nào ngăn cách.

Ngay sau đó Toni đã tham dự các khóa huấn luyện thiền một cách nghiêm túc và áp dụng các biểu mẫu đối thoại nhập thiền (koans) với thiền sư Kapleau. Mối quan hệ giữa hai người phát triển mạnh trong niềm tôn kính và thương yêu. Ngay trong buổi học tập thiền (dokusan) đầu tiên thiền sư đã cho Toni biết, nếu như con chưa bao giờ giảng dạy con chó có giảng như cách thiền sư đã làm. Toni hơi giật mình. Cho tới lúc tư tưởng truyền đạt lời dạy đã bị loại bỏ xa khỏi tâm trí bà, nhưng bà vẫn còn nhớ những gì thiền sư nói. Nhiều năm sau đó, những lời nói của thiền sư vẫn còn nguyên giá trị và thiền sư không bao giờ rút lại những gì đã nói, cho dù những hậu quả có thể làm cho thiền sư đau khổ. Đã xảy ra một niềm cảm xúc đặc biệt trong hoàn cảnh này vì không lâu trước khi thiền sư nói những lời trên cho Toni. Chính Đại Thiền sư Kapleau đã gây ra một điều phụ tình nặng nề đối với chính sư phụ người Nhật đáng kính của mình là sư phụ thiền sư Yasutani, sư phụ đã một mực chống đối lại bất kỳ thay đổi nào Kapleau cảm thấy cần thiết để truyền đạt Thiên định sang quốc gia mới này.

Đối với Toni, tìm được hành thiền cũng giống như tìm thấy thức ăn trong lúc đang đói còn cào vì không nhận ra được. Bà đã xông vào với cả tâm trí và thể xác. Bà đã làm việc hăng say, với niềm say mê và ham muốn, tìm đủ nghị lực để thực hành. Trí thông minh của bà bị thách thức chưa từng thấy. Những vấn đề thầm kín nhất của bà có thể được khám phá và kiểm tra cho đến khi chỉ còn điều nghi ngờ tồn tại. Kỷ luật đã giúp bà rất nhiều. Trong khoảng thời gian dài những hình thức không áp chế được bà. Chúng đem lại cho bà một cấu trúc để đổi mới bên trong..

Tuy nhiên, bà cảm thấy đa số Kinh Phật đều quá cầu kỳ, khô khan và khó hiểu. Liệu bà có thể tự mình kiểm nghiệm được những gì Kinh Phật truyền đạt hay không? Đó là điều duy nhất có ý nghĩa đối với bà. Sau cùng, trong cuốn sách do W.Y. Evans-Wentz viết có tên gọi Thiên định Tây Tạng Và Những Tín Điều Bí Hiểm (Tibetan Yoga and Secret Doctrines), bà đã khám phá ra một vài đoạn nói trực tiếp với bà. Đề cập đến những điều liên quan đến một số việc tập luyện có quan hệ đến tư tưởng trong khi hành thiền, như dẹp bỏ tư tưởng khỏi đầu óc, theo dõi một tư tưởng cho tới cùng,

hoặc thả cho tư tưởng trôi dạt tự nhiên. Rồi biến người hành thiền giống như một người ngồi tại bờ suối, để tư tưởng trôi dạt theo dòng nước. Nhưng ngay cả ở đây, quá trình tư duy vẫn được vận dụng. Chúng ta vẫn đang suy nghĩ. Chúng ta đang dùng tư tưởng để khám phá tư tưởng. Ý thức được điều này là bước đột phá đầu tiên.

Toni còn cho tôi hay. “Tôi không thể cho bà biết làm sao tôi thường xuyên đọc điều này và tôi vui mừng thế nào khi tôi hiểu được đôi điều trong đó. – không phải từng chữ, nhưng những từ đó dẫn bạn trực tiếp hiểu được chút ít trong đó. Có thể tự mình thấy được trí tuệ hoạt động ra sao. Vì thế cho nên chúng ta không bị mắc kẹt trong đó, không thể tự lừa dối mình và không lừa dối kẻ khác. Điều này rất dễ xảy ra. Không có chú ý hoặc ý thức, đó là cách thức trí tuệ hoạt động!”

Vào đầu những năm 70 Toni được mời tư vấn cho các sinh viên về những quan tâm cá nhân hay những khó khăn tâm lý xuất hiện trong việc hành thiền và rồi Toni cũng được mời diễn thuyết về Thiền định tại các trường đại học và nhiều nơi khác. Mỗi một bước như thế Toni cảm thấy mình như bị đẩy ra khỏi chính bản ngã mình một ít. Chính tự bản thân Toni đã tìm đến những hoạt động này. Nhưng đó lại trở thành một phần rèn luyện của bà để khi thiền sư của bạn yêu cầu bạn thực hiện một vài điều gì đó., bạn trả lời đồng ý. Vậy nên khi sư phụ thiền sư Roshi yêu cầu, Toni chấp thuận ngay.

Trong khi đó, tầm hiểu biết của bà được mở rộng. Với những quan hệ bên ngoài trung tâm, với các thiền sinh mới cũng như cũ Toni đã được nghe những gì họ quan tâm, bà không còn chỉ tập trung vào công việc riêng tư của bà nữa, mà còn bắt đầu nhận thức một số hình thức truyền thống bằng dưới một cách nhìn khác. Thí dụ, động tác vái lạy chẳng hạn.

Bà được biết động tác vái lạy có thể xuất phát từ một vị trí vô ngã. Vái lạy trước bàn thờ hay trước vị Đại thiền sư trong khi thọ giới (dokusan) có thể phát xuất từ trạng thái vô vi (trống rỗng). Nhưng giờ đây nếu các thiền sinh đến trước bà và vái lạy, liệu chúng có nhìn thấy con người bà rõ rệt không hay chúng chỉ coi bà như là một bức ảnh treo ở trên cao? Và chắc chắn bà có thể nhận ra chính bản thân của bà vì thế mà được đề cao hay không? Hình ảnh nào đã được hình thành trong tâm trí các thiền sinh? Ngay cả khi bà có đề phòng chuyện này – có nghĩa là hoàn toàn ý thức được những việc đó, còn các học trò thì chưa chắc đã làm được như vậy.

Còn về tụng kinh thì sao? Có rất nhiều bài tụng kinh, rất dài và được lặp đi lặp lại rất nhanh và nhiều lần liên tiếp. Mục đích của Tụng Kinh là gì? Nếu ý nghĩa là quan trọng, tại sao không đọc các từ đó chậm rãi hơn tránh rơi vào chỗ lặp đi lặp lại một cách máy móc, như con vẹt.?

Toni cũng bị chất vấn một cách nghiêm về cách sử dụng gậy để quật (heisaku) một cách tàn nhẫn không thương tiếc, các thiền sinh mới tập sự mệt mỏi phải chịu quật lên vai để gia tăng nghị lực. Toni cũng quan tâm sâu sắc đến những cú gậy đó đem lại lợi lộc gì cho thân xác và trí tuệ những người chịu đòn đó? Cũng vậy, dùng gậy như thế có giúp gì cho những người cầm gậy quật lên thiền sinh hay không? Dùng gậy cách trịnh trọng như thế có được coi như là một hành động từ bi hay không? Và nghị lực có được tăng thêm cách tự nhiên trong quá trình thâm vấn hay không? (sau này, tại thiền viện riêng của Toni, bà đã loại bỏ truyền thống gậy thiền này) .

Qua nhiều năm tập luyện, tâm trí Toni dám nghĩ đến những vấn nạn học búa như thế có thể diễn ra. Bà không cần có phản ứng hay để lộ bất kỳ hành động nào. Bà để tâm chú ý, suy tính đường nước và chờ đợi cơ hội. Bà biết Đại sư Roshi đặt nhiều tin tưởng ở bà và bà cũng rất tự tin ở mình. Bà không thể đem ra áp dụng luyện tập nào cảm thấy không thích hợp. Bà hội ý với một số thiền sinh cao niên. Và dần dà bà bắt đầu thực hiện một số thay đổi.

Vào thời điểm bà và Đại sư Roshi thuyết pháp lẫn nhau. Đại sư có thể vắng mặt mỗi lần hàng mấy tháng trời, đi nghỉ hè hay chuyển đến các trung tâm thiền khác tại Hoa kỳ hay ra ngoại quốc và Toni được yêu cầu thay thế mỗi khi Đại sư vắng mặt. Một lần kia vào năm 1975 tại thiền viện Rochester, Đại sư Roshi cho gọi Toni vào văn phòng của mình và cho hay ông đang suy tính sẽ về hưu nay mai, rất có thể trong năm năm tới. Đại sư muốn chuyển đến một vùng có khí hậu ấm áp hơn và với một lượng thiền sinh ít hơn. Ông muốn Toni thay chỗ ông một cách vĩnh viễn tại thiền viện Rochester khi ông chính thức về hưu. Bà có muốn nhận hay không?

Toni như bị trời đánh. Bà nhớ lại trên đường lái xe về nhà lòng bà như chìm ngấm không biết phải báo cho Kyle ra làm sao. Tuy vậy điều đó vẫn chưa xảy ra sau nhiều năm, viễn cảnh đó đè nặng lên Toni như một cục đá lớn. Bà không biết cách nào để lãnh lấy trách nhiệm đó. Bà không thể cứ tiếp tục công việc như bà vẫn thường làm từ bấy lâu nay. Vào thời điểm này bà ý thức rõ ràng được điều đó hơn ai hết. Nhưng liệu bà có khả năng thực hiện khác đi hay không?

Tuy vậy, bà vẫn trả lời Đại sư là bà chấp thuận. Công việc huấn luyện, mà bà đang thực hiện không dành cho bà một lựa chọn nào khác hơn.

Cũng trong thời điểm đó, Đại Sư Roshi đưa cho bà mượn một cuốn sách của tác giả Jacob Needleman mang tựa đề Tôn Giáo Mới (The New religions) lần đầu tiên tình cờ Toni khám phá ra những Phật pháp của Ngài Krishnamurti. Hậu quả mang tính xúc tác rất mạnh mẽ. Toàn bộ những nỗi

nghi ngờ đều nổi lên. Tất cả những vấn nạn lại được phóng đại lên gấp bội. Krishnamurti cho biết: hãy xa lánh tất cả những hệ thống, tất cả quyền lực và tất cả những ảnh hưởng. Hãy chấm dứt mọi gấn bó đặc biệt của bà đi ngay lập tức. Tâm trí phải được hoàn toàn thoát khỏi mọi quyền lực ràng buộc. Và vọng lại những lời dạy cuối cùng Đức Phật với các đồ đệ của mình: Các con hãy là ánh sáng tự soi chiếu cho chính mình. Ngài cũng nói thêm, trong một bài thuyết pháp về tình yêu, “Điều đó có thể hiểu là một cuộc nổi dậy bất ngờ và toàn diện; cũng có thể phá vỡ gia đình... các con rất có thể làm tan vỡ căn nhà các con vừa mới xây; các con có thể không bao giờ trở lại tu viện nữa”. Cho dù Toni có đọc những lời đặc biệt này hay không, nhưng rõ ràng những lời đó đã ám chỉ cách lạ lùng về những biến động sắp sửa xảy ra.

Đầu năm 1981, Đại sư Kapleau đi nghỉ phép thường niên trong vòng một năm và Toni được cử lãnh nhiệm vụ điều hành thiền viện. Vào thời điểm này Toni cố gắng tìm kiếm một phương án thực sự phù hợp với đường lối riêng của mình trong việc điều hành thiền viện, đồng thời vẫn trung thành với thiền sư và với truyền thống rất quý mến của mình, Toni đã soạn ra tất cả những thay đổi nho nhỏ bà cảm thấy cần thiết. Như những lời trong nghi thức tuyên thệ, những lời tụng kinh cầu Phật, nhíp điệu các bài niệm Phật, những cách ngồi thiền và một số chi tiết nghi thức hành thiền hàm chứa tính chất phẩm trật. Khi Toni đem trình bày với Đại sư Roschi, ông tỏ ra rất bối rối. Tại sao bà lại muốn tiến quá nhanh như thế? Ông đồng ý thay đổi một số bài niệm Phật, nhưng muốn bà giữ nguyên những chi tiết khác. Đại sư cho Toni hay: dưới thời Harada-Roshi (một trong những thiền sư bậc thầy của ông) một thiền sư mới nhận chức trưởng thiền viện chưa bao giờ dám mơ tưởng đến việc thay đổi bất cứ điều gì. Điều đó được coi như một việc làm hoàn toàn trơ trẽn. Đại sư nói tiếp với Toni, điều gì con muốn thực hiện trong phương cách truyền đạt Thiền (dokusan) thì tùy ở con. Nhưng còn về những mô thức thì lại là một chuyện khác. “Chúng ta đã khổ công tạo dựng một số trong thiền viện này”.

Toni nhận ra ngay Đại sư Roshi đã cảm nhận trung tâm này thuộc quyền ông mạnh mẽ đến nhường nào... và ông không muốn thay đổi điều gì hết. – ít nhất không thay đổi nhanh đến vậy. Và ở vào thời điểm này bà phải đồng ý với Đại sư là không nên thay đổi quá nhanh như thế.

Bà muốn mọi sự vẫn diễn ra tốt đẹp. Bà đã đấu tranh để điều đó được thực hiện và để tìm ra được một thỏa hiệp hài hòa cho những bất đồng với Đại sư. Theo một số thiền sinh của Toni cho biết, họ tán đồng phương án cứ giữ nguyên hiện trạng như bấy lâu nay. Họ mô tả một sự chia rẽ kịch liệt tại trung tâm vào thời điểm này cũng như những cuộc hội họp đầy xáo trộn

trong đó hành động của Toni bị công kích kịch liệt. Và bà dư biết họ chỉ nhìn thấy những ngọn sóng nơi những thay đổi sâu đậm trong ý định của bà.

Bà cho tôi hay, “Tôi bắt đầu rà soát lại toàn bộ những gì tôi đang thực hiện. Tôi biết mình đang là thành viên của một nhóm và sự gắn bó phải có với nhóm. Nhưng tôi cố gắng tìm cách giải thích, tôi không muốn khắc phục điều đó.

Những vấn đề đó buộc phải phát sinh. Tỷ dụ như, có một chi tiết nhỏ trong việc lãnh pháp phục (Rakusu). Đối với nhiều thiền sinh, nhận áo cà sa hay pháp phục (Rakusu) là biểu tượng tình trạng đạt đến một mức phát triển mới trong việc hành thiền. Nơi một số truyền thống thì điều đó hàm ý đã hoàn tất thực hiện một số Koans. Một số truyền thống khác chỉ cho nhận pháp phục khi tuyên thệ hay được tán phong. Tại thiền viện Rochester vào những năm 1970 áo cà sa được trao cho những thiền sinh đã hoàn tất những koans đầu tiên và thực hành một số koans “tổng hợp” cũng như sẵn sàng thi hành Mumon-kan, một bài Koans được giao cho các thiền sinh ở cấp cao hơn.

Pháp phục là loại áo rộng khoác ngoài áo cà sa hoặc ngay cả mặc ngoài áo mặc thường ngày. Áo được cắt may rất cẩn thận theo truyền thống gồm những mảnh vải chữ nhật may ghép chung lại với nhau theo một cách nhất định. Theo truyền thống một số nơi thiền sinh còn phải chính tay may lấy pháp phục để mặc, việc khâu vá đó cũng chính là một bài học thiền. Cứ mỗi đường kim mũi chỉ lại phải đọc một lời niệm Phật và cứ như vậy phải kể đến cả triệu lời niệm Phật như thế. Tại Thiền viện Rochester các thiền sinh không tự tay may Áo Rakusu, nhưng có người may và dâng cho những ai xứng đáng được nhận áo. Như một biểu tượng đặc trưng cho việc thành đạt của thiền sinh.

Đương nhiên thông lệ này được thực hiện vì phẩm trật và gây chia rẽ. Tại sao không loại bỏ đi? Và đối với bất kỳ ai sẵn tính thắc mắc những chuyện như vậy – Toni là hạng người như thế – thì lãnh Rakusu chắc chắn là điều gây nhiều phiền toái. Trong bối cảnh cái tôi (bản ngã) và niềm kiêu hãnh – được phân định rõ ràng – đang được đề cao tối đa, thì làm sao áo Rakusu còn có chỗ đứng?

Toni đã cởi bỏ áo Rakusu và không bao giờ khoác lại nữa. Bà chắc chắn phải biết điều này không thể qua mắt được bất cứ ai. Thế mà việc này và những thay đổi khác bà đã ấn định hiện nay vẫn chưa thể hợp với trào lưu suy nghĩ của nhiều người. Vì vậy tận đáy lòng có nhiều người cảm thấy như bị sốc và không hài lòng về việc làm của Toni. Va chạm và đối đầu gây nhiều đau khổ phiền toái và làm nản lòng Toni. Gọi lại những bóng ma khủng khiếp thời niên thiếu. Nhưng bà không thể thoái lui hoặc rẽ sang một

bên. Khi đã nhận ra ảo tưởng ám ảnh con người ta sẽ không được cổ động cho ảo tưởng nữa. Áo Rakusu, những phục lạy, chỗ đặc biệt dành riêng trong phòng hành thiền – tất cả những thứ đó đều mang nặng tính phân biệt đối xử. Tuy vậy đã nhiều lần bà vẫn phải chứng kiến, bà nhất định phải tiến hành loại bỏ.

Một hội nghị mang nhiều ý nghĩa đã diễn ra ngay sau khi Đại sư Roshi từ Santa Fe trở về Rochester vào tháng 6 năm 1981. Nhiều người đã viết thư cho đại sư và trực tiếp nói với ngài, phàn nàn về những thay đổi đã diễn ra. Trong một phòng họp đầy những người phẫn nộ, Toni chỉ được phép có hai thành viên đi kèm. Những lời tố cáo được nhắm vào cả ba người. Vào cuối buổi họp (và ngay cả sau khi có sự đóng góp ý kiến khẩn cấp của một nhân vật kỳ cựu trong một cuộc tranh luận kéo dài đến tận 2 giờ rưỡi sáng. Toni biết rất rõ cuối cùng, nếu không phải ngay tức khắc, rồi thế nào bà cũng phải ra đi – cho dù rất buồn về điều bà đã gây ra và bất kể sự chia rẽ không thể tránh khỏi. Chỉ còn vài người lưu lại, một thiền sinh của bà và một của Đại Sư Roshi. Họ còn có thể làm được gì nào? Làm sao có thể thương lượng riêng rẽ và bày tỏ lòng trung thành với thầy mình được? Những vấn đề này phải được giải quyết. Rất có thể sẽ gây nhiều đau khổ. Cần phải có thời gian. Nhưng trước tiên thì ly khai là điều chắc chắn phải xảy ra.

Toni đã ý thức được toàn bộ tình hình đó sẽ ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe của bà. “Có một số người rất thích thay đổi và họ cảm thấy rất thích thú. Còn đối với Toni, lớn lên tại nước Đức Hitler, điều này làm bùng dậy trong bà nhiều nỗi kinh hoàng cũ. – như bị tố cáo, bị lên án”.

Và vấn đề còn trở nên trầm trọng hơn nhiều – Toni có còn là một Phật tử nữa hay không? Điều này vẫn chưa được nêu ra. Nhưng bà vẫn chưa phải đối mặt với vấn đề đó. Bà chưa thể lìa bỏ tất cả mọi thứ cùng một lúc. Vậy nên ngày hôm sau Đại sư Roshi đã nói với bà, “Nếu con ở lại thì con có thể làm bất kỳ điều gì con muốn. Thầy sẽ để cho con hoàn toàn tự do thực hiện theo cách con muốn”. Bà đồng ý và lưu lại.

Toni: Đại sư nói với tôi, “Được rồi, hãy làm những gì con thấy cần phải thực hiện”. Nhưng trong một thời gian ngắn như thế tôi biết chắc đại sư không để tôi được “hoàn toàn” tự do muốn làm gì thì làm. Vì tôi sắp sửa từ giã Phật giáo trong nay mai.

Lenore: Bà có thể nói rõ điều đó được không?

Toni: Vâng, chính tôi đã thực hiện đủ thứ vái phục, thấp nhang và vái lạy tỏ lòng tôn kính và hàng loạt các thứ khác. Tôi phát hiện ra mình đang gây ảnh hưởng đến người khác, do vị thế tôi đang nắm giữ, nơi toàn bộ tổ chức, tôi nhận ra điều đó và không muốn can dự gì trong đó nữa.

Trừ phi bạn thực sự không muốn thắc mắc điều gì cả, nếu có người nào giúp bạn không tìm hiểu điều tra. bạn sẽ không làm đâu. Tôi nhận thấy điều đó khi hành thiền định. Một hệ thống luôn giúp bạn không tìm hiểu hay khám phá chi hết. Cho dù hệ thống đó tự cho là đã nghi vấn mọi sự. Thắc mắc đủ thứ có nghĩa là bạn “thiền rụi Đức Phật”. nhưng rồi bạn lại đặt Ngài lên bàn thờ..!

Tôi đã xem xét kỹ càng: Có phải tôi gây chia rẽ khi tôi vái lạy chăng? Người ta thường nói, “Khi bạn xá lạy, bạn không lạy Phật đâu, bạn lạy chính bạn đó. Và khi bạn phủ phục trước người nào đó, mọi sự đều biến mất, bạn cũng biến luôn cả Phật nữa và chẳng còn gì tồn tại”. Tôi đã cố gắng tìm tòi xem xét và chẳng thấy có gì rõ ràng. Tôi chỉ thấy lúc nào cũng có hình bóng, của người lạy, hoặc của người “chẳng có gì hết” Lúc nào cũng hiện diện bóng dáng của điều gì đó, hoặc người nào đó đang xá lạy. Hoặc ít nhất cũng có tư tưởng là có thể thực hiện rất vô tư!

Lenore: Xin hỏi bà một điều, vái trong tình trạng “Vô Vi” có ổn không.?

Toni: Tại sao chúng ta lại làm thế nhỉ? Để tôi hỏi bạn xem: Nếu bạn chưa bao giờ biết đến truyền thống vái lạy, trong một giây phút hiểu biết và tình yêu tràn trề – bạn có vái không?

Lenore: Vâng, theo những gì tôi đã học, tôi biết cử chỉ này diễn tả lòng kính trọng, biết ơn và tình yêu. Và đôi khi những tình cảm này tự nhiên xuất hiện trong tôi

Toni: Bạn có chỉ cho người khác làm như vậy không? Tôi muốn nói những người Tây phương ấy, họ chưa bao giờ biết làm điều đó, chớ làm điều gì một cách vô ý thức.

Lenore: Như vậy là bà đã dạy người ta thực hiện một cử chỉ vô ý nghĩa?

Toni: Vâng đúng vậy, bạn không thể dạy tình yêu cho người khác được, nó có sẵn hay không là tùy ở bạn và nó thể hiện ra sao, hoặc có diễn ra bằng cử chỉ hay không là điều hoàn toàn vô nghĩa.

Rốt cục, sự việc cũng đi đến chỗ kết thúc không thể tránh khỏi. Cho dù theo kinh nghiệm một số thiền sinh của Toni sự việc kéo dài trong một thời gian dài, nhưng hình như tất cả đã diễn ra hết sức nhanh chóng. Toni đã từ giã trung tâm vào ngày 1 tháng Giêng năm 1981, trong khi đó Đại sư Kapleau do phải chuyển đến Santa Fe. Nên tháng Sáu năm đó ông mới quay trở lại Rochester và cuộc họp sóng gió đã diễn ra như mô tả ở trên. Đến tháng 11 năm đó, Toni đến thăm Đại sư Roshi tại Mexico, nơi ông đang chiêu mộ đệ tử và báo cho ông biết bà không thể tiếp tục được nữa vì bà không còn coi mình là phật tử nữa. “Đó là điều cực kỳ khó khăn. Nếu như đại sư thực sự

muốn tôi ở lại thêm một năm nữa thì tôi sẽ ở lại, cho dù có phải tuân thủ những lễ luật cũ”. Nhưng sau khi trao đổi với những người có trách nhiệm quản trị thiền viện, đại sư chỉ yêu cầu Toni lưu lại đến hết tháng Giêng. Thế nên toàn bộ câu chuyện đã diễn ra nội trong vòng một năm.

Tuy nhiên xuất phát từ một điểm thuận lợi khác, vấn đề vẫn tiếp diễn. Những vết thương lòng vẫn đang được hàn gắn. Đang diễn ra nhiều công kích, đau khổ cay đắng, cũng như nhiều mất mát. Trong khi nhiều người tản mác đến các trung tâm khác. Một số không còn cảm thấy gắn bó, thậm trọng, cho dù vẫn tỉnh táo. Một số trong tận đáy lòng vẫn còn muốn hàn gắn việc ly giáo này. Ngay cả hiện tượng hai trung Tâm Thiền trong một thành phố đang có dấu hiệu bất đồng với nhau, đang đổ kỵ nhau về những quan điểm hòa hợp và bất phân chia. Một số đang kiểm định lại thái độ và những cách thức suy nghĩ khả dĩ có thể giải quyết sự ly giáo đó. Một thiền sinh viết cho Toni lá thư bà trích đọc trong một buổi tọa đàm vào ngày Chúa Nhật nọ, phàn nàn về những cách thức “chúng ta đã làm dấy lên sự chia rẽ giữa hai đoàn thể tu trì”.

Vẫn theo phong cách cô hữu của mình, Toni cho biết, “Không hề tồn tại hai đoàn thể tu trì riêng biệt. Chỉ có con người tự chia rẽ và tự ly gián nhau”. Toni không tỏ ra mất kiên nhẫn bà vẫn đi tìm an bình và hòa hợp. Hơn thế nữa, Toni muốn biết: an bình và hòa hợp là gì? Cho dù chúng ta đề cập đến hai quốc gia, hai trung tâm thiền, hai cá nhân, hoặc tình trạng nội tại của mỗi cá nhân, điều chúng ta đang đề cập đến là phạm trù tư tưởng, ý kiến và tưởng tượng. “Bạn có nhận ra điều này hay không?” Bà biết nhiều người sẽ thám thía điều bối rối này, sẽ phấn đấu hết sức mình. Nhưng sinh trưởng tại Đức, Toni đã kinh qua những giây phút “hòa bình” giả tạo đã xảy ra đan xen trong chiến tranh.

Toni cho biết, tất cả chúng ta đều mũi lòng khi giải quyết những khó khăn trong thế giới, tuy thế chúng ta đâu có trực tiếp tiếp cận với những vấn đề đó. Chúng ta đã làm cho tình thế rối bời lên. Chúng ta có thể có một vài ấn tượng nhất định và tạm thời, nhưng không phải là một câu trả lời thực sự. vì đó là điều chúng ta cần để đi sâu vào vấn đề nơi chính chúng ta là khám phá ra vấn đề đó một cách cơ bản.

Làm sao chúng ta có thể cống hiến cho hòa bình và hài hòa khi mà chính chúng ta không có được những điều đó trong thâm tâm chúng ta? Và sự hòa bình chân chính, sự hòa hợp phải là điều khác biệt với một vài tư tưởng mà chúng ta thường nhắc lại, một vài hình ảnh của chính chúng ta như là một người kiến tạo hòa bình và hài hòa”. Những hình ảnh như vậy ngăn cản chúng ta nhìn ra mỗi bất hòa, sự chia rẽ và sự phân tán trong chính chúng ta.

Thế cho nên Toni không vội vã gì trong những ngày này che dấu bất kỳ những cảm nghĩ thô thiển nào có thể xuất hiện, ngay cả khi điều đó phục vụ cho sự ổn định hay tình yêu thương. Chia rẽ là có thực. Hờn giận, cay đắng và lợi ích riêng tư cũng có thật. Chúng ta đừng che giấu chúng trước khi đi lòng kiếm, cảm nhận chúng và thấu hiểu lý do chúng xuất hiện”.

Đâu là nguyên nhân của sân hận, bạo loạn, chiến tranh, bất hòa và chia rẽ? Nếu như chúng ta để cho vấn đề này hủy hoại chính chúng ta – cũng như nó đang phá hủy thế giới – thế thì chúng ta phải bắt đầu từ điểm nào?”

Toni đã bắt đầu từ bản ngã. Là vì nếu như vẫn còn quyền lợi riêng tư, bản ngã sẽ bị va chạm với quyền lợi riêng tư khác. Và cho đến khi nào chúng ta chưa đạt đến một sự thống nhất (nên một trong tư tưởng) thì sẽ không có hòa bình.

Toni nhấn mạnh nhiều lần mỗi quan trọng phải có thái độ sẵn sàng lắng nghe một cách vô vị lợi. Và khả năng tỏ ra luôn cởi mở và thân thiện trước mọi công kích bất luận chúng có là thái độ giảm bớt hận thù. Toni đã đặt cơ sở một số bài nói chuyện của bà về những câu hỏi đáng chú ý và đầy thách thức do các học viên đưa ra. (một học viên đã đặt câu hỏi, “chẳng phải điều bà đang thực hiện đều chỉ là vấn đề tâm lý hay sao? Còn vấn đề giác ngộ thì sao? Hay đạt đến Phật tính là thế nào? Một học viên khác lại viết: “Nỗi lo duy nhất của tôi là những học viên của thiền sư vì quá lóa mắt trước tài biện luận của thiền sư và nhân cách quá đẹp của bà mà tìm ra được con đường chân chính”. Toni đã bắt đầu đưa ra hàng loạt những lớp học diễn thuyết về bất kỳ hay toàn bộ những câu hỏi có thể nổi lên liên quan đến những thay đổi tại thiền viện mới mở này.

Toni nói, chúng ta cần phải lắng nghe lẫn nhau và lắng nghe chính mình, không sợ sệt điều gì cả. Và điều này chỉ có thể xảy ra nếu thực sự không có mối đe dọa nào cả. – đó là điều không hề dễ dàng chút nào cả. Cần phải có “khả năng tập trung và năng lực ý thức cao độ, không bị lún sâu vào toàn bộ những khuynh hướng này một cách mù quáng”, Thật quá dễ dàng để không nhìn nhận những gì đang xảy ra nơi bản thân chúng ta đang khi ghen tuông đầy tham vọng hay đang gièm pha chê bai kẻ khác. Những phản ứng này xuất phát từ đâu? Tìm đâu ra nguyên nhân bất hòa, chiến tranh, thiếu tương quan giữa nhân loại với nhau? Chúng ta phải đặt vấn đề và ngồi thiền về những vấn đề này. Ta hãy nhắc lại thường xuyên: điều đó hàm ý điều gì?

Ngay cả đặt câu hỏi: Phật giáo là gì? Ai biết điều đó? Toni hỏi các học viên. Ai thực sự hiểu được vấn đề này? Toni lại hỏi tương lại những lời Đức Phật dạy: Anh em hãy là ngọn đèn sáng soi cho chính mình. Hãy dựa trên sự thật và đừng trông cậy vào sự trợ giúp của bất kỳ điều gì cả.

Đó là điều Toni thuyết giảng, cho dù bà có tự coi mình là người phật tử hay không không cần thiết. Bà giảng dạy và còn đang giảng dạy về ngọn đèn đang được đặt vấn đề, chiếu rọi ánh sáng trên bất kỳ điều gì nảy sinh và xuất hiện trên bước đường bà đang đi. “Một điều không thể nào xảy ra được nơi một con người là nhìn xem mà không hề suy tưởng đến điều gì mình đang chiêm ngắm. Nhưng bạn phải ngồi thiền và ngồi thiền về vấn nạn vừa được nêu ra và chỉ cần nhìn xem và lắng nghe một cách nội tại, không cần ý thức gì cả”.

Toni thuyết giảng bằng cách đặt ra những vấn nạn. Bà đặt vấn đề không những tất cả những gì liên quan đến niềm tin và qui trình hành động của mình, mà còn đặt vấn đề cả cái cơ cấu quan hệ thầy và trò. Toni không có mặt để ban tặng cho bạn điều gì, cũng chẳng phải để truyền đạt sự thật. Có điều chi đó đang xảy ra thực sự ra, nhưng chẳng có gì liên quan đến người ban phát và người được nhận. Cả hai khối óc đang gặp nhau và, nếu như có sự cởi mở, sẽ có điều gì đó chuyển động, thay đổi và được làm sáng tỏ. “Các bạn có nhận ra điều này không?” Toni nhắc lại nhiều lần điều này. Hay là “Có thể nào chỉ cần lắng nghe, mà không ước muốn, mà không lựa chọn điều này hơn điều kia chẳng?”

Những lời nói của Toni chẳng bao giờ hàm ý thuyết phục hay tạo niềm tin cho ai hoặc ngay cả truyền cảm hứng cho bất kỳ ai. Lời nói đâu phải là sự thật. Sự thật là hội kiến trực tiếp và không thể giảng dạy mà hiểu được. “Nếu như đã nhìn nhận được rõ ràng thì đâu có cần đến “thầy” và “trò” làm gì. Sẽ không có sự phân rẽ” có hai người, đầu óc của họ rất giống nhau, họ cùng nhau nêu ra những câu hỏi, cùng nhau “khảo sát “toàn bộ vấn đề”, luôn chú tâm và chú tâm liên tục. Có đôi khi một vài chi tiết được làm sáng tỏ, có đôi khi thì không.

Khi còn ở lại Rochester tôi chỉ được tiếp kiến Toni có hai lần. Nhưng mỗi lần tôi gặp thiền sư là mỗi lần tôi lại phải quan sát – hay nói đúng hơn là bắt đầu quan sát. Những gì tôi thấy được là khuynh hướng trí tuệ của tôi đưa ra những tư tưởng và hình ảnh kèm theo với cảm xúc và vì vậy tôi nghiệm thấy sự “thật” đoạn đối thoại sau đây trực tiếp làm sáng tỏ phương cách Toni thực thi “chức vụ thiền sư” của mình như thế nào.

Chúng ta đã đề cập đến một số thay đổi được tiến hành tại trung tâm GVZC, những điều đã bị bãi bỏ như xá lỵ hay vái. Tôi có vài nhận định căn cứ vào những ấn tượng mạnh mẽ về trung tâm thiền này. Tuy nhiên đó cũng chỉ là một “nơi hành thiền”. Khi được hỏi tôi muốn ám chỉ gì khi nói như vậy, tôi đã trả lời:

Lenore: Một nơi diễn ra việc luyện tập thuộc một số loại hình, đang gây thắc mắc sâu xa, được thể hiện nơi một số vật dụng mang nặng tính hình thức – như việc bày biện các nệm thiền và thảm trải sàn phòng thiền chẳng hạn – hiện nay không còn được gọi với cái tên trịnh trọng như là Zafu (nệm thiền) hay Zabuton (thảm thiền), nhưng những thứ đó vẫn còn đó. Vẫn còn chuông thiền, được sử dụng nhằm một vài “mục đích” trong đầu, nhưng mục đích có thể sai... theo một vài qui trình suy nghĩ nào đó. Một qui trình không đếm xỉa gì đến những điều kiện cụ thể, không chấp nhận một giá trị nào cả, không nhắm tới bất kỳ điều gì. Nhưng lại tồn tại một sự hà khắc trong đó, thiền sư muốn công việc mình tiến hành trôi chảy. Một sự hà khắc từ những hình thức và gây thiền... một hình thức kính trọng mang nặng phong cách Thiền định (Zen) đối với tôi.

Toni: Tôi không biết có nên nói là kính trọng những thứ đó hay không, tôi là ai và phải tôn vinh điều gì. Nhưng chúng ta đang thực hiện điều đó dưới hình thức này vì ta thấy đem lại lợi ích. Đến thời điểm nào đó điều gì không mang lại lợi ích, hoặc đem lại lợi ích ít hơn (chúng ta có thể thử nghiệm) chúng ta sẽ giữ lại. Chúng ta đã loại bỏ một số chuông, bạn thấy có hai chiếc và ngồi hành thiền chúng ta không cần đến một chiếc thứ ba. Chúng ta thấy đã có một cách chuyển từ ngồi thiền sang hành (đi) thiền một cách rất nhuần nhuyễn, thì cứ việc chuyển sang, chứ có gì lại phải vái lạy chiếc đệm thiền.

Lenore: Xin ý kiến của bà, tôi dùng từ “kính trọng” ở đây và từ đó mang một ý nghĩa nào đó theo suy nghĩ của tôi, nhưng bà trả lời hơi đơn giản để cho qua luôn ba cái lẽ tẻ đó...

Toni: Vâng, nếu không có ba thứ lẽ tẻ đó và không có tôi, thì ắt hẳn những hành động đó không trở thành mãnh liệt đâu. Vì vậy không nên áp đặt kính trọng làm gì, bạn phải áp đặt kính trọng ở chỗ nào sợ là lộng hành và bất kính. Nếu ở đâu không có sự bất kính thì cần gì phải áp đặt kính trọng.! Và với ý tưởng “tôi đang kính trọng điều này điều nọ” liệu trong đó có hình ảnh tôi kính trọng điều nọ điều kia không? Hai thứ đó là gì vậy?

Lenore: Tôi hiểu ý bà muốn nói.

Toni: Nhìn thấy cái khay, bà có thấy tôi và cái khay hay không. Hay chỉ có cái khay không mà thôi? Nếu như tôi kính trọng điều gì đó thì chính tôi cũng phải dính dáng trong đó cách này hay cách khác,...

Lenore: Thôi không bàn tiếp điều đó nữa. Tôi cảm thấy trong một vài trường hợp không mấy khi có tôi tôn trọng điều gì đó mà tôi thấy mọi người đều ủng hộ nỗ lực này một cách vô tư.

Toni: Đó chỉ là trong suy nghĩ! Và cần phải được đặt thành vấn đề. Vì suy nghĩ cần phải đem ra thực hành. Đã có một suy nghĩ nào có thể tạo ra vô số cảm hứng và làm nổi dậy rất nhiều sức mạnh chưa?

Lenore: Đã bao giờ bà cảm thấy được nâng đỡ, một cách đơn giản và không cầu kỳ khi có khoảng hai ba mươi người cùng nhau thực hiện một việc gì đó không.?

Toni: Nâng đỡ về điều gì cơ?

Lenore: Việc tập luyện của tôi được nâng đỡ do những cố gắng qua lại lẫn nhau mà ra. Có phải tôi nêu ra cùng một vấn đề bằng cách nói khác đi hay không?

Toni: Điều đó là qui trình suy tư và bạn diễn đạt đúng rồi đấy, chứ không phải vật chất cụ thể.

Lenore: Vâng, Điều gì xảy ra nếu như tôi ý thức được người ngồi kế bên tôi...

Toni: Vâng, Ý thức đó là gì khi có sự tương trợ lẫn nhau có khác với tình yêu hay không?

Lenore: Điều chi vậy?

Toni: Điều chi đó? Hay vẫn còn là một ý tưởng - chúng ta tất cả cùng hiện diện ở đây. Chỉ điều này thôi tôi cảm thấy được nâng đỡ rất nhiều, chỉ cần nghĩ đến đã đủ. Tư tưởng tạo ra nâng đỡ và sức mạnh.

Lenore: Thế còn toàn bộ những cảm giác thể lý...

Toni: Ý bà muốn hỏi về sức mạnh? Có một thứ sức mạnh được tạo ra trong khóa huấn luyện, điều đó là có thực.

Lenore: Bà biết không, đúng rồi. Tôi đang có một ý tưởng!

Toni: Hãy nhìn xem và bạn sẽ tìm thấy chúng ở khắp nơi. Giống như những hạt dẻ rụng khỏi cây! Và chúng còn có lông ngựa lấm đấy.

Lenore: Đúng vậy.

Toni: Và càng nhiều hạt dẻ rơi thì càng thấy nhiều khả năng hạt được tự do (tách khỏi cây). Cũng như thế có nhiều sinh lực được tạo nên nơi các cuộc huấn luyện thiền, những người không hiện diện trong đó phải thốt lên, “Ôi tôi cảm thấy nghị lực toát ra từ cuộc huấn luyện thiền”, và điều đó cũng xảy ra với tôi, thực sự lúc nào chúng ta cũng cảm thấy tăng thêm sức lực, vì có quá nhiều các trung tâm thiền trên khắp thế giới, lúc nào cũng có người luyện tập thiền! Và thế còn những năng lực có thể lấp biển đời non thì sao? Và tôi nhớ đến một ngọn cỏ có thể di chuyển được hơn hai trăm ki-lô đất

cát! Một ngọn cỏ dưới trời thu, bay qua vùng đất chính điều đó đã phát sinh năng lượng! Cuộc sống là năng lượng. Và chúng ta chỉ thực hiện được những gì rất giới hạn không đáng kể, chúng ta đã tạo được gì nào. Và rồi chúng ta cảm thấy hài lòng. Vì chúng ta đã thực hiện được ít việc! [cả hai người phá lên cười].

Về nghị lực đó đã có một thời một thiền sư Zen gọi là “nghị lực pháo”. Một số người hỏi ông về thiền định tại Hoa kỳ ra sao, ông trả lời, “như quả pháo” đó là nhiều năm trước đây. Nhưng đó là cách diễn tả rất tuyệt vì có một thứ nghị lực kinh khủng phát xuất từ những cảm hứng và ý tưởng đó. Và chúng ta đang thực hiện điều đó, chúng ta là những người tuyệt vời có phải không? Điều đó đã gây ra tiếng vang rất mạnh trên bầu trời đen tối để rồi kết thúc một cách yếu ớt. Rồi chúng ta lại phải tìm kiếm tại nơi nào khác trở lại. Vì chúng ta đâu có tiếp xúc được với năng lượng của cuộc sống đâu.

Lenore: Bà có nghĩ là không có kinh nghiệm về tình đoàn kết không? Không phải kinh nghiệm về... để tôi coi tôi muốn nói... tôi không hiểu điều này phải đề cập đến lòng mộ đạo hay không? Và đó có phải là một tư tưởng hay không nhỉ?

Toni: Lòng mộ đạo đầy nhóc các tư tưởng trong đó không thấy à!

Lenore: Bà biết đó, chúng ta sắp đụng chạm đến một vài điều quan trọng. Tôi không bao giờ nghĩ đến điều đó bằng từ “tư tưởng”, nhưng tôi biết tôi có khả năng rất lớn để... tạo ra sung sướng vô ngần? Vâng điều đó sẽ giải quyết tất cả.

Toni: Vâng. Trạng thái sung sướng tốt độ – một chút hơi thần bí và một chút sáng khoái tốt độ.

Lenore: Vâng, đại loại như thế! và như vậy, khó lòng có thể bỏ qua được vì điều đó rất ngọt ngào và tuyệt vời. Mặt khác bà không thể biết được tôi không sẵn sàng bỏ qua để giải quyết, để sống trong điều kiện bất lợi nhất.

Toni: Điều bất lợi nhất là gì? [ngung một chút] tôi không có cảm nhận nào về điều đó lúc đó lại là một ý tưởng – nhưng đừng để trở thành một ý tưởng nhé!

Lenore: Không đâu.

Toni: Bà không cần phải diễn tả điều đó, cứ để nó trở thành một câu hỏi đi. Cái đẹp của một câu hỏi luôn là không có được câu trả lời cho câu hỏi đó, rồi bà sẽ thấy. Nhiệm vụ duy nhất của câu hỏi là khơi dậy cho người ta quan sát tìm tòi, không phải là câu trả lời. Bất kể điều gì được hé mở ra trong đó chỉ tương đối vô chất mà thôi.

Tháng Năm năm 1983, ngày hôm trước buổi họp khoáng đại với danh nghĩa là một tổ chức đã diễn ra tại trung tâm GVZC, Toni đề cập đến, “Chúng ta là ai và chúng ta là gì và không là gì”. Bà cho biết tổ chức này rất quan trọng, không những chỉ giúp mỗi chúng ta tự nhìn lại bản thân mà còn hiểu được mỗi người chúng ta là ai mà không ảo tưởng. Bà nhấn mạnh đến nguy cơ là một tổ chức có thể trở thành quan trọng hơn con người tạo ra nó và phục vụ. Một tổ chức có thể trở thành đối tượng để cho thành viên kiêu hãnh và gán bó. Nó có thể gây nên niềm kiêu hãnh và chia rẽ khỏi các tổ chức khác. Bà đặt vấn đề “Thế nào là một trung tâm?” có phải nó tạo ra tự mãn, địa vị và thanh thế.? Những điểm này cần được liên tục làm sáng tỏ, “Thế nên chẳng có gì phát triển mà không được biết đến”.

Bà cũng đề cập đến: làm sao lý tưởng làm lóa mắt chúng ta trước những gì thực sự đang diễn ra trong tâm trí trong suy nghĩ và trong thể xác chúng ta. Chúng ta che đậy hoặc chối bỏ những khiếm khuyết của chúng ta và nhận ra chúng rất rõ nơi người khác! Bà cho biết những tương quan giữa con người với nhau thật tế nhị đến mức độ nào. Chúng đòi hỏi rất nhiều tình thương – và thói thường tình yêu này không đủ đáp ứng. Bà nhớ lại lần đầu tiên bà gặp chính mẹ mình trong tình trạng bà khiếp sợ cả điều tối quan trọng trong cuộc sống. Bà cụ chẳng muốn nghe cũng như không thể tin điều đó.

“Điều đó thật sự đã trở thành một điều gây ngạc nhiên rất lớn, tôi cứ tưởng mẹ tôi nhìn ra, nhưng bà cụ lại cố tình không muốn. Và bà cũng chẳng tỏ ra như thế. Bà đã có trong đầu một “lý tưởng” là bà đang sống tốt và đáng yêu! Thế nên lý tưởng thật sự không có giá trị, nguy hiểm, làm lóa mắt và cản trở chúng ta. Và chúng ta thường xuyên tạo ra lý tưởng và nướng nấu nơi chúng”.

Bà lại nói thêm, chẳng có hình thức tổ chức nào cho dù được hình thành dựa trên cơ sở lý luận, lại có thể bảo đảm cho chúng ta không gặp nguy hiểm. Tổ chức không thể làm cho Thiên định hoạt động được! Có chăng đó chỉ là một chuỗi những ngôn từ và khái niệm. Chúng ta phải thực hiện lý tưởng bằng việc làm. Nếu không có thứ tình thương, là quan tâm đến người khác cũng như đến chính bản thân chúng ta, làm sao các qui luật có thể làm điều đó hộ chúng ta được”. Mỗi người trong chúng ta phải nhận thức được những thôi thúc muốn chế ngự kẻ khác, cũng như sự an toàn có được do tuân phục một cách mù quáng.

“Trung tâm này được thành lập không nhằm mục đích cất giữ niềm tin, hoặc niềm tin không tin gì cả. Cũng chẳng phải là chỗ tìm được giải đáp cho mọi vấn đề kể cả khi không có vấn đề gì cả. Một khi không có gì tồn tại (nothing), thì chẳng cần đến niềm tin. Điều không tồn tại không thể được coi

như là biểu tượng được. Đó chỉ là thiếu vắng tự tập trung nơi mỗi bản thân và nỗi lo sợ chính mình. Tôi còn là ai được nếu tôi chẳng có điều gì đặc trưng cho bản thân tôi cả.?”

Toni tiến tới quả quyết rằng từ Thiền định (Zen) thấy nơi tên của một trung tâm, không ngầm ám chỉ một sự gộp lại hay sát nhập nào cả. Nó được sử dụng để mô tả – về một vài hình thức được áp dụng cho công việc trôi chảy trong đó như: ngồi thiền, các cuộc huấn luyện, bài nói chuyện, các cuộc tiếp kiến với các thiền sư. Ta cũng bắt gặp ở chỗ khác Toni cũng viết: Từ “Zen” dùng để mô tả một trạng thái tâm linh tự am hiểu mình cách rõ ràng và toàn diện trong mọi trường hợp. Thiền Zen có thể cống hiến cho ta một phương cách để quan sát và phản ứng lại một cách tự do không bị những giới hạn do bản thân tạo ra. Và vạch ra một sự thật để suy nghĩ, ngôn từ hoặc bất kỳ loại hình ảnh nào ta có thể nắm bắt và cắt nghĩa được.

Buổi tối hôm đó, bà còn đề cập đến một số điều thật sự hấp dẫn như những “vùng cấm” Trong mỗi bản thân chúng ta có nhiều điều chưa được khám phá. Và nó tồn tại thật sâu thẳm và tăm tối, ví dụ như, ta sợ hãi không được tồn tại, sợ điều dữ, sợ phá phách và bạo động. Và ta trông chờ xuất hiện một điều gì đó vượt trên những thứ vừa kể, một điều gì đó vượt lên khỏi sự rỗng tuếch thường ngày, vượt khỏi những khó khăn bất tận trong quan hệ. Và hình như thế là ta quay trở lại những thời xa xưa, những cấm kỵ đặc biệt đã giúp làm xuất hiện những kết quả mong đợi để xoa dịu những điều như – phôi bày, chiếm cảm tình, thờ tự, ma thuật, nghi lễ. Bà đã nêu những căn hầm Cro-Magnon tại Lascaux, được gọi với cái tên “những căn hầm đền thờ” và rồi đến các nhà thờ Gothic tại Âu châu “trong đó mọi thứ đều được xây thẳng đứng – kiến trúc thực hiện điều đó cho bạn. Bạn rùng mình trước những cảnh tượng đó”. Và quên đặt câu hỏi: điều đó đã phát xuất từ đâu? Ai đã xây dựng nên? Ai đã vẽ những biểu tượng này? Ai viết nên Kinh Thánh? Và ai có quyền chú giải Kinh Thánh?

Vậy bạn nên lưu ý khi bạn dựng lên một vùng cấm. Bạn nên quan sát những gì đang xảy ra bên trong. Trong phạm vi vùng cấm đó nữa, bà nói thêm, có nghĩa là ngay cả bản thân con người trong đó, cho tới khi bạn bắt đầu đặt câu hỏi – con người trong đó là ai? – một điều không rõ đó có phải là vùng cấm không, nó tạo ngăn cách tách biệt chúng ta khỏi người khác, khỏi môi trường thiên nhiên. Chúng ta nhìn ngắm, tiếp xúc và quan hệ với thế giới bên ngoài thông qua những kinh nghiệm quá khứ của chúng ta và những kinh nghiệm đó tô thêm màu sắc cho tất cả mọi sự, định đoạt toàn bộ cách tiếp cận của ta. “Tôi nhìn ngắm toàn bộ sự vật thông qua mắt kính màu của tôi. Tôi có thể gỡ bỏ mắt kính đó ra không?”

Bà nói tiếp, nếu không xây tường bao quanh ta đâu có vùng cấm kỵ. Chỉ có không gian nhưng không có bên trong và bên ngoài. Nếu chúng ta bám vào một tổ chức, nếu ta gắn bó và lệ thuộc vào nó, đó không phải là một vùng cấm kỵ cho chính chúng ta hay sao? Có phải chúng ta đang đi tìm sự bảo vệ trong khuôn viên vùng cấm một Trung tâm Thiền hay không? “Để khám phá được điều này ta phải can đảm dám bước ra ngoài trung tâm đó. Không phải trốn chạy vào một nơi nào khác. Ta có thể thực hiện được điều này hay không?”

Toni luôn thu hút thính giả theo kiểu trình bày như vậy. Toàn bộ những bài nói chuyện của bà đều dẫn đến đối thoại. Những câu hỏi cứ vang vọng trong tâm trí, tạo ra những câu trả lời và rồi lại đặt ra những câu hỏi cho chính họ. Sau đó trong bài nói chuyện bà đã trích dẫn một bài kệ trong tập Mumon-kan (Lối Vào Không Có Cổng) trong đó có câu: Bạn phải leo một ngọn núi chắt đầy guom bằng chân không. “Thế nên liệu chúng ta có thể bước đi hết sức cẩn thận, ý thức được những hiểm nguy, không hoảng sợ, nhưng bước đi cẩn thận không? Quan hệ thật cẩn thận, lắng nghe cẩn thận, thực sự cẩn thận đối với chính mình và với người ngay bên cạnh mình không?”

Trong một tập san tôi có được viết về chuyến đi của tôi tới Rochester, ngay đoạn đầu tiên có viết. “Tính khí bà tựa như dòng nước trong veo, lấp lánh. Cặp mắt bà nhìn thấu tận sự thật và bà luôn có mặt tại đó, ngay tại đó. Bà luôn thể hiện tính dịu dàng đơn sơ. Không đòi hỏi cũng không kỳ vọng gì”.

Một đoạn tiếp theo ta đọc được: “Tôi không gặp khó khăn gì để tưởng tượng ra câu hỏi căn bản bà luôn nắm vững. Đó là làm sao tôi thấu hiểu được câu: ngay nơi lời khẳng định ‘Cái gì vậy? (What is it?)’ thế nên không có điều gì khác có thể làm lẫn lộn, hoặc xen vào được. Không có gì làm mất quân bình. Câu hỏi đó luôn bám sát ta. Nó thâm nhập vào mọi sự, tổ chức và khai sáng mọi sự.

“Và tôi giả thử rằng điều đó có thể ảnh hưởng đến bản thân, đến nhân cách. Đương nhiên – câu vấn nạn chẳng phải do nhân cách mà đến, vì ngay cả nhân cách cũng cần phải xét lại”.

Hiện nay đọc lại những điều này. Tôi nhận ra nó hàm chứa biết bao “ý tưởng” trong đó. Và tôi nhận ra lý do tại sao chúng tách biệt tôi với Toni, tách tôi khỏi cả những kinh nghiệm của tôi nữa. Tuy nhiên nó vẫn truyền tải một ít thông tin, nếu không phải là toàn bộ sự thật và vì thế tôi loại bỏ chúng – đặc biệt như dòng nước trong veo lấp lánh.

Mùa xuân năm 1986

Trong suốt hai năm rưỡi kể từ ngày tôi đến thăm trung tâm GVZC, đã có một số thay đổi đáng kể tại đó. Thay đổi đầu tiên là vào đầu năm 1984 Trung Tâm đã tăng thêm 284 mẫu đất không thể trồng tia được để thành lập một trung tâm mới tại Springwater, bang Nữ Ước cách Rochester một giờ lái xe. Đường xá được xây dựng, nhà cửa mọc lên từ điềm khởi đầu. Nhưng đến mùa thu năm 1985, tuy còn nhiều việc phải làm Toni đã tổ chức cuộc tĩnh tâm toàn quốc đầu tiên tại đó. Kể từ đó sinh hoạt chính của trung tâm GVZC đều chuyển về khu vực Springwater, dẫu vậy một trung tâm nhỏ hơn tại Rochester vẫn được duy trì.

Đến thời điểm này Toni đã công bố một thay đổi cơ bản đối với tên gọi của trung tâm. Vì trong suốt một thời gian dài bà luôn lưu ý đến từ “Thiền định” gọi lại những hình ảnh không thích hợp với công việc hiện tại do bà và các cộng sự viên đang thực hiện tại đó. Trong lá thư vừa rồi gửi các thành viên bà viết: “Cho dù từ “Zen” có thể được sử dụng theo một ý nghĩa rộng rãi, đối với hầu hết mọi người, từ này ám chỉ một truyền thống tôn giáo tách biệt. Được liên hệ với suy nghĩ của nhiều người mang một ý nghĩa không chỉ là Phật giáo đơn thuần mà là liên quan đến những truyền thống Nhật bản. Sử dụng từ này gọi lại những phương pháp và mục tiêu huấn luyện đặc biệt, gắn bó với một hình ảnh của một con người đang hành thiền... được gắn liền với một truyền thống đặc biệt mà kết quả là gây phân tách thành nhiều phần, chia rẽ và Bà lập luận... tốt hơn là sử dụng một tên đơn giản và trực tiếp hơn”.

Rất nhiều đề nghị được đưa ra, tất cả đều muốn giữ nguyên tên Geneze Valley, nhưng cuối cùng tất cả đều đi đến lựa chọn tên Springwater Center, một tên đơn giản nhất và trực tiếp nhất.

Một sự phát triển quan trọng nữa, đặc biệt đối với những người cư ngụ tại Bờ Tây (West Coast,) đó là cuộc du diễn thuyết pháp hàng năm Toni thực hiện tại California. Tiếp theo là một bản tường trình về cuộc viếng thăm đầu tiên của bà, do tôi thực hiện được đăng tải trên tờ liên lạc của trung tâm GVZC.

Vào đầu tháng Năm năm 1985 Toni di chuyển đến California để tổ chức một cuộc huấn luyện 5 ngày tại thành phố Olema, khoảng một giờ lái xe từ San Francisco ngược lên, gồm có 16 phụ nữ và 10 đàn ông. Thuộc nhiều hoàn cảnh khác nhau, tuy vậy một số đông đã hành thiền trong nhiều năm. Chỉ một số ít được gặp Toni. Phong cảnh thật hữu tình, trung tâm huấn luyện Vedanta tọa lạc trên một ngọn đồi giữa đám rừng chồi rộng khoảng hai ngàn mẫu Anh.

Căn phòng chúng tôi hành thiền có một bệ trên đó trang hoàng hoa, nến, nhang và trên tường treo ba bức chân dung: Đức Giê-su Ky-tô, ngài Ramakrishna và Đức Phật. Chúng tôi có cảm tưởng rằng đây không phải là khung cảnh thuận tiện nhất để cho Toni thuyết giảng. Tuy nhiên trong suốt thời gian đó, tất cả những gì riêng tư đều tan biến, những cách biệt giảm thiểu, những ý kiến riêng tư cũng được dẹp sang một bên và chúng tôi cùng ngồi với nhau đơn giản, với tâm trí của những người mới nhập cuộc và chỉ nghe chim hót. Vâng những con chim, chúng hót suốt ngày, từng hồi từng hồi vọng lan ra xa. Chúng thức giấc ngay vào giờ hành thiền thứ nhất vào buổi sáng và nếu đi dạo quanh làn đầu tiên, chúng tôi có thể nghe tiếng chim hót buổi sáng khi mặt trời mọc. Cũng có cả những con nai và thỏ rừng nữa., rồi có cả tiếng bò rống. Hai người đã nhìn thấy một con chồn đi ăn đêm về.

Toàn bộ khóa huấn luyện rất nghiêm túc. Không bó buộc tất cả mọi người phải hành thiền là một chi tiết hết sức cách mạng. Câu hỏi được nêu lên về bất luận điều gì, ngay cả trên cơ sở thái độ niềm tin của mỗi người (td: thái độ chịu đựng đau khổ và mệt mỏi), được thay phiên nhau thảo luận sôi nổi, chúng tôi tạo ra sự hãi và đối kháng, rồi lại tháo gỡ. Mỗi phản ứng thay phiên nhau như thế được giới thiệu một cách nhẹ nhàng và vui vẻ. Tất cả mọi sinh hoạt trong ngày, tất cả các phản ứng qua lại với nhau giữa môi trường và mỗi người trong chúng tôi đều được trải qua một cách sống động, trù mên. Chúng tôi tìm hiểu về bất bạo động tới những chi tiết nhỏ nhất.

Không có điều gì mang tính bắt buộc (chúng tôi có thể vái lạy hoặc không tùy ý, ngồi thiền giáp mặt vào nhau hay quay vào tường cũng vậy); bầu không khí hoàn toàn tôn trọng nhu cầu mỗi cá nhân và những nhịp độ tại trung tâm. Chúng tôi cảm thấy được động viên nương tựa lẫn nhau và tìm hiểu động lực thúc đẩy của mỗi người trong việc hành thiền thay vì tuân theo một cách mù quáng ngay cả trước uy quyền nội tại. Trong những lần giải lao vào ban sáng và ban chiều chúng tôi đi bách bộ vào những cánh rừng lân cận, đi lần theo những dấu vết nai rừng trên cánh đồi. Những giây phút thư giãn, đầy tính chiêm niệm gần gũi với hoa cỏ, gió và cây cối. Thiên nhiên đã trải rộng và tinh túy hơn bất cứ kinh nghiệm nào của chúng tôi.

Những giờ đi bộ cũng mang một sắc thái rất riêng. Vì không bắt buộc ngồi thiền, hình như mọi người tự nhiên phỏng đoán rằng đi bách bộ cũng được tự do lựa chọn. Và chỉ trong chốc lát chúng ta có thể nhận ra đủ kiểu đi bách bộ, từ đi bộ nhẹ nhàng vòng vòng trong nhà, đến đi chậm rãi theo kiểu Thiền Minh Sát (vipassana) bên ngoài công, đến kiểu Yoga và nằm dài ra trên nền thư viện! Nhưng chất lượng tập trung tư tưởng cao độ luôn được duy trì và mỗi người tự động chiếm một góc nào đó để thực tập.

Trong cuộc nói chuyện, Toni đề cập đến tập trung tư tưởng, đến mỗi cá nhân và cả sự chết nữa. Bà thường đọc cho nghe những trích đoạn trong Huang Po. Bà thường xuyên ngừng lại, lắng nghe và bắt chước tiếng chim hót bên ngoài. Nhiều người cho rằng những bài nói chuyện này được sửa soạn một cách đặc biệt dễ hiểu và không có điều gì sai sót. Phần còn lại của buổi tĩnh tâm cũng tương tự như vậy, các mục cứ đơn giản và tự nhiên diễn ra, như dòng nước trong xanh lững lờ chảy trên vách đá.

Mùa Đông 2000

Trong những ngày này tại thiền viện Springwater một bầu không khí hoàn toàn khác với những gì tôi đã viết trong chương đầu đề cập đến Thiền sư Toni. Vào thời đó, chúng ta vẫn cảm nhận thấy hình bóng sự thay đổi đau buồn tại trung tâm thiền Rochester, kết thúc bằng cuộc ra đi của Thiền sư Toni và một thiền viện mới riêng của bà được thành lập. Những rạn nứt vẫn còn đang được hàn gắn. Sự căng thẳng và kích động trong việc chia tay và thành lập thiền viện mới độc lập đã lui vào dĩ vãng. Ngày nay thiền viện Springwater là nơi rất yên tĩnh, ổn định, xây cất vững chắc trên sườn đồi xinh đẹp thơ mộng và trong nhiều năm nay đã tổ chức nhiều cuộc tĩnh tâm an bình và yên tĩnh hơn. Hiện nay nguồn nghị lực được phát xuất từ những tìm kiếm nội tại được công hiến hơn là đến từ những xung khắc bên ngoài.

Tháng 6 năm 1998, tôi đã lưu lại đó ba tuần lễ liền, trước tiên là tham gia một tuần tĩnh tâm 7 ngày và sau là tiến hành một cuộc tĩnh tâm nữa một mình kéo dài 12 ngày trong một phòng tĩnh tâm cá nhân được xây dựng trong một cánh rừng thơ mộng ngay trên triền đá dốc uốn quanh dành riêng cho mục đích này. Tôi đến tìm sự yên tĩnh liên tục và cũng đề hội kiến với Toni để có không gian và thời gian thoải mái đàm luận với thiền sư. Ngay cả khi những cuộc tĩnh tâm đã kết thúc và cuộc sống đã trở lại bình thường đối với bất kỳ ai còn lưu lại Thiền viện (là nơi tôi vẫn lui tới dùng cơm và một số nhu cầu khác). không ai được vào ở phòng dành riêng cho tôi. Khi tôi tự tay đi lấy nước mỗi ngày, tôi cảm thấy một sự yên lặng bao trùm ngay cả trong bếp trong thời gian sửa soạn bữa ăn.

Những cuộc tĩnh tâm ngày càng trở nên đơn giản hơn. Kèm theo một ít chi tiết theo cơ chế. Phòng hành thiền rộng mở và sáng sủa. Những buổi tập thiền vào ban chiều không ấn định giờ giấc, với nhiều người qua lại tùy theo nhu cầu mỗi người thường kéo dài liên tục hơn chương trình thiền thường nhật yêu cầu. Ghế bành nệm được xếp một hàng dài bên ngoài cửa phòng khách và thường xuyên có người sử dụng. Những chiếc nệm nhỏ vào lúc bắt đầu cuộc tĩnh tâm rất ít người sử dụng, vậy nên người ta có thể lấy

mang đến bất kỳ đâu họ muốn. Thời khóa biểu trong ngày không có điều gì bắt buộc trừ những việc cá nhân hàng ngày.

Đôi khi Toni đang phải thuyết giảng tại California hay tại Âu châu. Thiền viện Springwater vẫn có thể tổ chức những buổi tĩnh tâm ba bốn ngày hoàn toàn do các thành viên ban điều hành đảm nhiệm. Thời gian ngồi thiền không cố định và những người tham dự cũng được tự do phát biểu hay đăng ký tham gia phiên họp chung giữa họ với nhau. Cũng còn có rất nhiều cuộc tĩnh tâm trong năm, Thiền sư Toni tham gia như những người thường. Thiền sư không thuyết giảng hoặc tổ chức thảo luận. – nhưng những thành viên tham gia tự động có thể đăng ký trình bày bài nói chuyện của họ với nhau. Mỗi buổi chiều có một buổi thảo luận theo nhóm kéo dài trong vòng một tiếng rưỡi đồng hồ. Những cuộc tĩnh tâm này rất phổ biến tại Springwater. Những người tham dự cho biết những cuộc nói chuyện do họ thực hiện và những cuộc thảo luận tổ đặc biệt rất cảm động và rất hấp dẫn.

Thực hiện “Koans” chỉ là truyện trong quá khứ. Toni còn nhớ lại là người ta bắt đầu thích ngồi thiền mà không cần nhồi nhét điều gì vào trong đầu cả, không cần “phải đề nghị điều gì với Thiền sư” cả. Và không ai còn muốn quay lại với những mô hình quá hình thức (koans) nữa.

Những vết thương cũ xuất phát từ những biến cố vào đầu những năm 80 hình như đã lành lặn đối với những người liên quan. Đại sư Roshi Kapleau đã trở lại thăm Springwater đã đánh giá cao và tỏ ra ngưỡng mộ những gì đang xảy ra tại đây. Dần dà những thành viên cũ tại Trung Tâm thiền Rochester cũng trở lại Springwater và tham gia những cuộc tĩnh tâm tại đây. Còn một số người mới từ khắp nơi trên thế giới và thuộc nhiều truyền thống khác nhau cũng tới tham gia. Họ bị thu hút vì tại Springwater không áp dụng những nghi thức rườm rà, không phân biệt phẩm trật, hoặc những niềm tin và thực hành cố định. Theo như nhận định của Toni thì điều họ tận hưởng được nơi bầu khí hoàn toàn cởi mở tại đây chính là “được ném thử tự do”.

Trong những năm vừa qua., cùng với một số người khác chúng tôi đã nhận thấy những thay đổi nơi những cuộc nói chuyện của Toni cũng như những cuộc tiếp xúc cá nhân hay theo nhóm. Những lời phát biểu của Toni đã ít trừu tượng hơn, ấm áp hơn và rất trực tiếp. Bà đã ổn định tại đây, trong sáng, không giả dối. Lời nói của bà hoàn toàn phát xuất từ giây phút hiện tại. Không bị ức chế. Một sự dịu dàng cảm nhận được đã lộ rõ, một cảm nhận “tình yêu bao la”. Như có người vừa mới nhận định. Không có điều gì đáng đáng đến “cái cũ” hoặc được tạo ra từ những biến cố đã qua. Những lời phát biểu đơn giản, tỏa sáng tràn ra ngay từ giây phút hiện tại này.

Cuối năm 1998, chỉ một ngày trước khi cuộc tĩnh tâm mùa đông tại California được bắt đầu tại thành phố Berkley, Toni và tôi ngồi ngay tại bàn ăn trong bếp, ngoài nhiều điều khác, chúng tôi đề cập đến tình yêu và sự chết. Ông Kyle, chồng Toni đã mắc chứng bệnh Parkinson trong suốt 49 năm và đã mang trong người chứng bệnh ung thư tuyến tiền liệt đã tám năm nay. Trong suốt thời gian đó ông rất khỏe mạnh một cách lạ lùng. Cho dù những chỉ dẫn chẩn đoán bệnh cho thấy căn bệnh ung thư đã lan rộng khắp cơ thể. Ông vẫn không cảm thấy đau đớn gì cả và vẫn thường xuyên thực hiện các chuyến hành trình với Toni xuống California và sang cả Âu châu và vẫn tiếp tục tham gia nhiều sinh hoạt tại thiền viện Springwater. Tuy nhiên mới đây không những các kết quả thử nghiệm đã xấu đi, nhưng cả sự di chuyển và sức chịu đựng của ông cũng giảm sút. Toni mô tả đã chứng kiến mỗi buổi sáng ông mang giày vớ một cách rất cẩn thận, kiên trì và chậm chạp tỏ lộ nỗi đau đớn khủng khiếp. Bà cảm thấy một thôi thúc muốn giúp đỡ ông nhưng bà lại chọn phương án bất động, không can thiệp, nhưng tính tình dễ mến và những cử động vụng về của người đàn ông này đã bao phủ toàn bộ con người của bà.

Toni và Kyle đã đàm đạo với nhau về sự chết, cả hai đều không cảm thấy một chút sợ hãi nào cả. Và cả hai đều biết họ sẽ phải đối mặt với cái chết trọn vẹn khi đến ngày đến giờ. Những gì họ quan tâm nhất vào lúc này là có được thời gian gần gũi nhau càng nhiều càng tốt. Và mở ra những gì đang xảy ra trong hiện tại, loại bỏ ra ngoài những suy nghĩ hay những toan tính không cần thiết. (sau này Toni đã viết cho tôi, “Không tỏ ra xung đột với toàn bộ tình huống hiện tại hình như là điều xảy đến rất tự nhiên”) chỉ cần ở vào hoàn cảnh của họ, thực hiện công việc với họ nhận báo cáo về sức khỏe mới nhất và cảm nhận cả những hòn sỏi và sàn nhà gỗ dưới chân họ.

Chúng tôi hẹn với nhau là trưa nay sẽ đề cập đến những vấn đề đó kỹ hơn trong một cuộc phỏng vấn tiếp theo để tôi có tư liệu viết trong cuốn sách này. Nhưng vì bệnh tật của Kyle ngày càng tiến triển xấu đi, toàn bộ cố gắng và nghị lực của Toni đều tập trung vào đó. Bà mong muốn không bị lạc đề đặc biệt là với những khái niệm và ngôn từ trừu tượng. Thay vào đó, vì muốn đem tiếng nói của Toni vào những trang giấy trong cuốn sách này, tôi cũng đang dự định đưa vào đó một số trích đoạn ngắn trong các bài thuyết trình của bà tại các cuộc tĩnh tâm. Tất cả những trích đoạn đó đều nói về những điều hóc búa như “cái tôi” hoặc bản ngã hay nhân cách và cá tính.

Trong trích đoạn đầu tiên, Toni cho biết: “Tất cả chúng ta đều nói “tôi nói” và “bạn nói” Chúng ta suy nghĩ về điều đó, đọc điều đó, mơ tưởng đến điều đó, nhưng rất ít khi ngừng lại... làm thế nào chúng ta có thể đạt được sự thật

nếu như tách biệt được, coi như là điều đương nhiên, được cảm nhận như là một thường nghiệm?...

“Điều khó không phải là gì quá bao la to tát. Toàn bộ vấn đề, sinh vật bất biến (being) luôn hiện hữu ở đây và lúc này, giống như mặt trời ẩn đằng sau đám mây, ánh sáng ban ngày vẫn hiện hữu cho dù đám mây có che khuất”.

Sau này trong một lần nói chuyện, bà kể câu chuyện này: “Tôi luôn gặp khó khăn trong quan hệ với mẹ tôi. Tôi rất sợ bà cụ. Bà cụ là người đàn bà rất hăng say nhưng luôn hay bực tức. Nhưng bà cụ cũng rất đáng yêu. Một lần kia (trong lần về thăm Thụy Sĩ) tôi gặp bà cụ ngay trong phòng ăn đối diện với tôi. Bà cụ vừa đứng đó và không hiểu được lý do cũng như nguyên nhân nào. Tôi thỉnh thoảng nhận ra mẹ tôi mà không nghĩ gì về quá khứ cả. Không phải là hình ảnh của bà và cũng không có chút suy nghĩ về những gì bà đã thấy nơi tôi. Toàn bộ tư tưởng đó đều đã qua đi. Không còn điều gì tồn tại ngoại trừ tình yêu đối với (người đàn bà này) mẹ tôi. Một vẻ đẹp thỉnh thoảng tỏa sáng ra khỏi con của người bà. Và mối quan hệ của chúng tôi đã thay đổi; đã có một sự gần gũi mới xuất hiện, nó vừa mới xuất hiện”.

Trong một bài nói chuyện khác, bà đặt câu hỏi: “Chúng ta có thể thâm tra được điều gì ngoài bóng tối của thiếu hiểu biết? Bên trong bóng tối đó?... bà im lặng một lúc, không gian của sự thiếu hiểu biết đã mở ra, không có gì chiếm hữu được... không có ai bị phân cách khỏi tất cả những thứ đó... chỉ có một sự sống sôi nổi không có phân chia biên giới, một cái ôm của tình yêu”.

Cuối cùng vào tháng 4 năm 1999, Toni lại lặp lại chủ đề này bà đề cập đến yên lặng tồn tại bên trong tất cả tiếng ồn đang diễn ra (giống như mặt trời bị che đằng sau đám mây) và đó là sự thay đổi từ chỗ lắng nghe tiếng động đến chỗ lắng nghe thanh lặng.

“Tại sao phải chống lại đủ thứ như thế? Bà đặt nghi vấn”.

“Trên mặt đại dương, chỉ thấy toàn là sóng gió, bọt sóng và bọt biển. Bọt sóng được ví như nhân cách hay cá tính... Giả như chúng ta cứ ở mãi trong cái thế giới cá tính đó, chúng ta không thể giao tiếp được với nhau hay với vũ trụ đầy bí hiểm đó là sự sống, là sự sống động... chúng ta có thể quan sát, một cách thuần túy hơn, rằng bao lâu chúng ta còn bám víu vào “cái thế giới của chúng ta”, chúng ta không thể thực sự chuyển giao thông tin với mỗi người chúng ta trên một bình diện sâu xa hơn - Vượt khỏi những bọt sóng và bọt biển và cả sóng biển và vượt trên cả những mảnh vụn trôi nổi trên bề mặt đại dương?

“Tương tự như ra khỏi căn nhà {hay phòng cấm} bước vào khoảng không gian quang đấng, bước ra khỏi tất cả chỗ tù túng đó, bỏ lại đằng sau những cửa sô và tường chắn, không nhìn cây cối qua kiếng cửa, nhưng nhìn mọi sự với con mắt trần...”

“Chúng ta có thể sống hòa nhập với cá tính của mọi người không – tôi hầu như muốn nói đến “bằng cách tha thứ tất cả” nghĩa là “để yên mọi thứ như cũ, để yên mọi thứ như cũ” như bài hát của băng Beatles vẫn hát?... Chúng ta có quan tâm đến khám phá và tìm tòi và thử sống – ít nhất ngay tại giây phút này không? – Rất có thể bị tổn thương, nếu không chống cự lại, cho dù phải đem lại nhiều điều tồi tệ đến đâu chăng nữa?”

Ngoài kia chim đang hót, đang kêu mời chúng ta đó”.

Kyle Packer qua đời tại nhà riêng, chỉ cách thiền viện Springwater ít dặm vào ngày 15 tháng 11 năm 1999.

---o0o---

[02] - **Thiền Sư Maurine Stuart**

Dogen Zenji nói: “Nếu bạn không tìm được một thiền sư đích thực, tốt hơn đừng nên luyện thiền”. Ông muốn ám chỉ điều gì thế? Tôi đoán chắc rằng có nhiều cách giải thích, nhưng tôi cảm thấy trong lúc này việc luyện thiền, cho dù bằng cách nào đi chăng nữa, chính là thiền sư của chúng ta. Cuộc sống chính là luyện thiền. Nếu chúng ta chú ý lắng nghe những gì đang diễn ra – nếu chúng ta chú tâm đến tận cội nguồn hoàn cảnh cuộc sống cụ thể – đây chính là thiền sư đích thực của chúng ta, thiền sư đáng kính nhất. Đại thiền sư cuộc sống!

-- Maurine Stuart, Đại Thiền Sư.

Chín người phụ nữ quay mặt vào chín phụ nữ khác, chân xếp bằng ngồi tựa lên những chiếc nệm thiền, mắt nhắm nghiền. Yên lặng bao trùm toàn căn phòng dài, vách ván gỗ. Cuối phòng là chiếc lò sưởi to xây bằng đá âm trong tường. Ngay trước căn phòng, trên chiếc bàn gỗ bày một bức tượng Quan Am (nữ Bồ Tát từ bi), trên đó còn cả nến và một bình bông nhỏ. Đại sư Maurine Stuart ngồi đối diện với hai dãy phụ nữ đang yên lặng ngồi thiền. Nữ Đại Sư đã băng qua khắp đất nước Hoa Kỳ đến từ Massachusetts để tổ chức cuộc huấn luyện Thiền định (Zen) cho các phụ nữ tại California.

Vài giờ trước đó, nơi đây còn là một căn phòng khách rộng lớn bày biện đủ thứ nệm thiền và ghế ngồi, đèn và bàn kê cả tấm thảm trải trên sàn nhà. Lúc này đã được dọn sạch chỉ còn để lại hai dãy nệm thiền màu đen trên sàn nhà lát gỗ. Tiếng chuông điểm ba hồi báo hiệu giờ hành thiền đầu tiên bắt đầu.

Mọi sự đều thình lạng và bất động. Căn phòng đã biến thành một phòng hành thiền (Zendo).

Cởi bỏ bộ đồ đi đường ra, bà khoác vào chiếc áo cà sa vải phin nồn đen có viền vải trắng nhạt ngả sang màu xám và với lọn tóc điểm bạc buộc thành đuôi trên bờ vai rộng. Đại sư ngồi đó giữa chúng tôi trong buổi hành thiền đầu tiên. Chúng tôi quy tụ lại đây gồm đủ mọi hoàn cảnh xã hội và mọi truyền thống Phật giáo khác nhau, Maurine đã đưa ra những huấn thị nhắc nhở mở đầu bằng cách nhấn mạnh tầm quan trọng trong việc chúng ta chấp nhận và tôn trọng những nhu cầu cũng như cách thức riêng của mỗi người, “Chúng ta không còn là những cá nhân riêng biệt nhưng là thành viên của một đoàn thể đang chia sẻ với nhau công việc thực hành Phật pháp. Chúng ta phải tế nhị với mọi người, gắn bó và hòa đồng với từng người trong nhóm, thích ứng không chỉ đối với những qui trình nội tại riêng, mà còn với qui trình của toàn nhóm nữa.

Đối với chúng tôi tinh thần đó hoàn toàn mới mẻ và cũng là điểm chính yếu trong việc thuyết pháp của Đại sư Maurine, bà đề cập thường xuyên đến “sự hiện diện của chúng ta” hơn là những thuyết pháp của bà hoặc việc điều hành cuộc huấn luyện (Sesshin). Một khi việc thực hành đã đi vào nề nếp, bà cho biết thêm, “Hãy mở cõi lòng ra, tôi nhìn thấy tấm lòng của tôi ở giữa chị em và chị em phải cảm nhận được tấm lòng của chị em cũng đang hiện diện nơi tôi, chúng ta không được tạo ra một khoảng cách nơi thái độ chúng ta với nhau”.

Sau buổi hành thiền đầu tiên chiều hôm đó và mỗi buổi tối trong bốn ngày liên tiếp, chúng tôi cùng nhau tụng Tâm Kinh (Heart Sutra), cùng nhắc lại Bốn Lời Tuyên Thệ và Ba Nơi Nương Tựa. Trước khi đi ngủ chúng tôi vái lẫn nhau, đầu cúi rạp trên những cánh tay vòng lại đặt trên sàn nhà.

Buổi sáng hôm sau, trong bài nói chuyện chính thức Maurine phát biểu: “Chúng ta là những chiến binh phụ nữ” Nữ thiền sư đọc cho chúng tôi nghe một câu chuyện về một nữ thiền sư, đã thành lập tu viện Tokei-ji. Sau khi được sự chấp thuận chính thức của Thiền sư Chokei tại Peachtree Valley cho phép thuyết pháp, Bà đã bị nhà sư trụ trì tại đó thử thách về khả năng kiến thức. Thay vì trình bày Phật pháp, ni sư chỉ đơn giản giơ lên một con dao dài độ 10 inch bà tuyên bố “Tôi là một phụ nữ thuộc dòng chiến binh tôi cần đọc sách gì đây?” Nhà sư, vẫn chưa hài lòng, tiếp tục chất vấn ni sư thêm nữa. Nhưng bà chỉ yên lặng nhắm nghiền mắt lại. Sau đó một lúc bà lên tiếng, “Thiền sư có hiểu không?” lúc này vị sư hiểu ra ý nghĩa, đã mở miệng bằng những vần thơ như sau: “Bầu rượu của tôi đã nghiêng đổ vào

Peachtree Valley, những con mắt say khướt nhìn thấy mười dặm đường phủ đầy hoa”.

Maurine cho biết, trước khi bà đến với chúng tôi, bà có nghe nhiều người lo sợ phải tham dự lớp hành thiền do một thiền sư Rinzai tổ chức. “Những người Rinzai gây ra nhiều nỗi kinh hoàng. Họ có thể chặt đầu bạn mà không cần suy nghĩ. Đương nhiên việc chặt đầu này không phải là cắt đầu bạn thực sự, nhưng chỉ cắt đứt những ảo tưởng của chúng ta mà thôi”. Thế nên là một phụ nữ Rinzai, tôi ngồi lại đây và thúc đẩy mạnh mẽ các bạn ngay từ buổi hành thiền chung với nhau lần đầu tiên là, “hãy cắt đứt, cắt đứt và cắt đứt. Hãy trở nên bình thường và đơn giản đi các bạn”.

Bà đề cập đến con người đích thực – một con người “Duy nhất, không giới hạn và chân thực” - được tìm thấy nơi mỗi người chúng ta. “Chúng ta đến đây để làm gì?” Con người đích thực này chẳng phải là đàn ông cũng không phải là phụ nữ, không là học viên mà cũng chẳng phải là thiền sư, không phải là quá khứ, hiện tại, cũng không phải là tương lai. Nhưng chỉ là “một người vì tất cả và tất cả cho một người. Và khi nào điều này được thực hiện, thì chẳng còn phải lo lắng về những gì không hoàn hảo”. Chúng ta có thể tự do di chuyển, bất luận điều gì xảy ra, chúng ta sẽ đáp lại một cách thoải mái. “Đi đứng tự do thoải mái, di chuyển thoải mái, ăn nói thoải mái và hành động cũng thoải mái. Con người đích thực của chúng ta thể hiện ở đây, để thức tỉnh chính mình”.

Bà lưu ý chúng tôi đừng nên quá gắn bó với truyền thống Rinzai, với chính bà, hay với bất kỳ một thiền sư nào khác. “Thiền sư đích thực chính là việc hành thiền của các bạn vậy”. Ngồi trong tư thế mạnh mẽ, vững vàng sẽ cho phép chúng ta trở nên thanh lặng và bình tâm. “Trong sự thanh lặng này, một thứ thanh lặng sâu thẳm tại căn nhà này, tại phòng thiền này, cái khác biệt giữa nội tại và ngoại vi, giữa cử động và bất động đã được phân định rõ rệt. Bị thu hút vào chính hữu thể, chúng ta nhận ra ý thức của chúng ta không được tạo thành hoặc thuộc về bất kỳ một bản ngã nào cả. Ý thức đó chính là một trạng thái thức tỉnh phổ quát mà mỗi chúng ta có thể tận dụng được. Trong lúc khóa huấn luyện tiếp diễn, chúng tôi cảm nhận rõ được điều này hơn bao giờ hết. Mọi người trở nên dịu dàng hơn, lạnh lợi hơn, tinh táo hơn. Nhất là tỏ ra khoan khoái rõ ràng vì có được những giây phút gần gũi nhau như thế”.

Vào buổi sáng thứ hai trong buổi tĩnh tâm, mọi sự bắt đầu được thực hiện chung với nhau. Chúng tôi cùng ngồi thiền chung với nhau, cùng nhau tụng kinh, bách bộ chậm chậm và dùng bữa chung với nhau nhiều lần. Không ai

nói với ai, chúng tôi khám phá ra được nhịp điệu và tâm trạng của mỗi người. Tất cả đều khác biệt và tất cả đều giống nhau.

Trong bài nói chuyện sáng nay Maurine nhấn mạnh đến Đạo (Tao), là đường, là lối, là chân lý. Làm thế nào chúng ta có thể khám phá được Đạo? Maurine cho biết, bằng cách chân tình hợp lại với nhau – ngồi thiền chung với nhau, cùng nhau rửa chén, cùng nhau lau nhà, tắm rửa, điều gì vượt trên lời nói và thính lặng, điều đó đang được thực hiện thông qua chúng ta trong mọi lãnh vực cuộc sống, trong từng giây phút cuộc đời, trong tất cả những gì chúng ta đang thực hiện. “Chẳng có gì ngăn cản chúng ta khám phá lẫn nhau ngoại trừ chính chúng ta, bà nói tiếp, hãy gặp gỡ nhau trực tiếp, không cần nhiều lời hay trong thính lặng cũng tốt thôi. Hãy tìm hiểu nhau trực tiếp bằng toàn bộ bản thân mỗi người, không phải chỉ bằng khối óc mà thôi”.

Trong không khí hành thiền nghiêm túc chúng ta cởi mở cho nhau ngày càng nhiều hơn. Bà nói tiếp. “Mọi sự đã trở thành tốt đẹp hơn. Bầu trời đầy màu sắc, cảm nhận được chất liệu y phục, thưởng thức được món ăn, được nụ cười tươi tỉnh của người đồng liêu đang ngồi thiền đối diện. Khi bạn đến hành thiền với một đại thiền sư và với nụ cười nở trên môi, thật là một hạnh phúc tuyệt hảo biết mấy. Chúng ta chân thành chào hỏi nhau, không bằng lời nói hay trong thính lặng, với mỗi tương quan sống động, chúng ta chỉ nhìn nhau là đủ”.

Sáng ngày thứ ba của đợt tĩnh tâm, căn phòng thiền mới thực sự trở thành một phòng thiền chính thống. Mọi người có thể cảm nhận được điều đó. Chúng tôi hành động thực sự như là một phần trong toàn khối – nhạy bén, khoan thai và cảnh giác cao độ. Việc hành thiền trở nên trơn tru hơn, đi bách bộ cũng nhuần nhuyễn hơn, chúng tôi cùng vái chào nhau, cùng nhau tụng kinh rất đều đặn. Chúng tôi cùng nhau dọn dẹp phòng thiền cùng nhau nhặt rau làm bữa. Đã là lần thứ ba chúng tôi cùng nhau ngồi thiền khi ánh sáng ban mai vừa ló rạng bên ngoài cửa sổ.

Ngay buổi sáng Maurine trích đọc trong cuốn sách Rinzai Roku, như sau: “Hãy làm cho nguồn tư tưởng còn lại đạt đến độ tìm kiếm chân lý liên tục và rồi bạn sẽ trở nên giống như đấng tổ phụ, tức Đức Phật. Bạn muốn am tường về Đấng Phật Tổ, tức Đức Phật chăng? Ngài đâu có là ai khác hơn là chính bạn đang ngồi thiền đối diện với tôi và nghe những lời tôi đang giảng dạy”, Bà cũng trích đọc vị Bồ Tát, đã nói hãy biến tâm trí bạn giống như “cây cỏ và sỏi đá”.

Ngồi quay vào tường, chúng tôi ngồi nghe và biến tâm trí giống như cây cỏ và sỏi đá”. Điều gì ngăn cản chúng ta quan sát rõ ràng? Điều gì ngăn cản

chúng ta trở thành những gì chúng ta có thể đạt đến? Hình như có điều chi đó bên trong chúng ta, liên quan đến bản ngã chúng ta, ngăn cản chúng ta cởi mở ra. Trở ngại này rất gần gũi chúng ta, như chính hình bóng gần gũi chúng ta vậy. Một số người trong các bạn có suy nghĩ là một khi bạn từ bỏ mọi sự, các bạn sẽ bị rơi vào vực thẳm? Và các bạn rất ái ngại điều đó. Hãy tiến lên. Hãy chân tình làm ngơ tất cả các thứ đó, rồi bạn sẽ khám phá ra ở đó những gì tuyệt vời nhất. Luôn hiện hữu tại đó và bạn chẳng bao giờ tồn tại được nếu thiếu vắng nó”.

Bà cho biết, “Chúng ta sẽ đạt được tự do đích thực, đang lan tỏa rộng ra toàn thể vũ trụ, bằng cách ngồi thiền, bằng cách tuân thủ những quy trình thiền định. Bà ví như một vòi phun nước. Những lỗ nhỏ len lỏi trong hốc đá và nước bị dồn mạnh qua những lỗ đó. Khi đã lọt ra ngoài đầu vòi, nước sẽ phun ra. Cũng như vậy, thông qua điều bộ vững mạnh và mang dáng vẻ hình thức, thông qua sự thình lảng lảng động chúng ta sẽ đạt đến trí tuệ thực sự minh mẫn. Một trí tuệ không bị vướng mắc với bất kỳ hình thức nào, hoàn toàn tự do triển nở, không lệ thuộc vào kinh nghiệm nào và có thể biến đổi tự nhiên. Không yêu sách, không ý thức. Bà trích trong Haiku: “Một khi bạn vừa sống động lại vừa bất động (chết) (hoàn toàn chết cho chính mình), “thật kỳ diệu biết bao cái hạnh phúc nhỏ nhoi đó!”.

Tám tháng trước đó, tôi đã từ California bay đến Massachusetts để tiếp kiến với Maurine và lưu lại một thời gian tại Cambridge Buddhist Association, Maurine đang giữ chức chủ tịch và thiền sư tại đó.

Vào cuối tháng Mười, mùa thu đã qua đi tại nhiều nơi trên đất Hoa Kỳ. Tại đây thu vẫn in hằn dấu trên mọi phía. Trên mỗi đường phố, trong mỗi lối đi, cây cối vẫn dãi bóng mát dịu một màu đỏ vàng cam giữa bầu trời trong xanh. Xen giữa Phố Brattle và Đại lộ Huron, khoảng độ 15 phút lái xe từ Quảng trường Harvard tới, Phố Sparks trải dài thẳng tắp và vững vàng. Số 75 là căn nhà cao, màu nâu xám và vuông vắn hiện rõ phía sau hàng dậu chắn màu nâu. Bên trong là những căn phòng có trần cao, được trang hoàng cân đối và rộng rãi kết hợp với màu gỗ tự nhiên tỏa sáng mọi phía. Từ năm 1979 nơi đây là trụ sở của Hội Phật giáo Cambridge (Cambridge Buddhist Association). Maurine đang trụ trì tại đó do Elsie Mitchell chuyển giao cho, ông đã tặng căn nhà lại cho Hội. Elsie đã lãnh đạo tinh thần cho Hội từ năm 1957 khi đó, Bà cùng với D.T. Suzuki và Shinichi Hisamatsu (cả hai đều giảng dạy Thiền tại Đại học Harvard) họ đã soạn thảo ra bản điều lệ cho hội. Tài liệu này rất nổi tiếng vì tính chất không bè phái và đại kết của nó. Bản điều lệ nêu rõ hội không chỉ được thiết lập dành riêng cho Phật giáo mà thôi. Chắc chắn là không chỉ dành cho việc hành thiền Phật giáo, nhưng mở ra cho mọi người thuộc mọi tín ngưỡng. Vào bất kỳ thời điểm nào ta cũng có

thể bắt gặp các tín hữu Công giáo, Hồi giáo và Do Thái giáo cùng hành thiền với nhau tại đó.

Năm 1982, với một nghi thức hết sức âm thầm kín đáo, Maurine được xuất gia Đại sư trụ trì tại trung tâm do Đại sư Soen Nakagawa, vị thiền sư bậc thầy người Nhật đáng kính của bà chuyển giao cho. Đại sư tuyên bố, “Hãy cho mọi người được biết là con đã được xuất gia Đại sư (Roshi) trụ trì hội. Và chỉ có thế thôi. Maurine không quan tâm mấy đến điều đó đã cho biết, “Đó là điều hoàn toàn thích hợp. Bà khoác áo Cà sa ngồi thiền và cho các nghi thức tiếp theo - và bà cũng trang điểm đôi chút, sửa soạn bữa tiệc và chơi dương cầm hết sức say đắm.

Nhưng tôi không biết gì về điều này cho tới buổi chiều tôi đến trung tâm, ngay sau bữa trưa chút ít, còn đang kéo lê mấy chiếc va-li lên mấy bậc thang ngay trước cửa nhà, ngay lúc đó Maurine lái xe vào lối rẽ, giơ tay vẫy chào tôi. Bên trong làn cửa thứ hai, tôi cởi giày và được chỉ lên lầu, đi ngang qua một bức bình phong rộng trên có viết chữ Nhật. Tại một căn phòng nhỏ ngay bên trên cầu thang, Maurine xuất hiện, ôm chào mừng và mời tôi ngồi xuống một chiếc bàn thấp trên sàn nhà, cho biết bà sẽ trở lại trong chốc lát để dọn trà và bữa trưa cho tôi. Ít phút sau bà mở ra những đồ sửa soạn cho một cuộc dã ngoại không được trù liệu trước. Bà lấy ra nào rau sống Cà-rốt, rau sống tortellini (kiểu ý) đủ loại phô-mai. Bữa điểm tâm thật ấn tượng. Chúng tôi nói chuyện liên tục. Cả phòng lan tỏa sự ấm áp và lòng quảng đại - tinh thần đó lan tỏa khắp nhà và nhập cả vào việc hành thiền đang diễn ra. Đó là điều tôi phải học hỏi trong những ngày sắp tới.

Sáng nay Maurine cho biết, “Hình như tôi cảm thấy tôi đã là phật tử ngay từ kiếp trước”. Chúng tôi quay lại ngồi ngay tại chiếc bàn thấp trong phòng Maurine sau giờ hành thiền sáng sớm và điểm tâm. “Khi tôi còn rất nhỏ, mẹ tôi thường bảo, tôi luôn cần phải có thời gian kiếm 1 chỗ ngồi tĩnh lặng đâu đó, nhà chúng tôi là một nơi thật dễ thương, thường xuyên có nhiều người qua lại, khách đến thăm thường xuyên và rất nhiều điều diễn ra tại đây. Bà còn cho biết, “Tôi thường lấy nguyên một giỏ bánh ướp lạnh đủ ăn trong một ngày và ra đi tìm nơi yên tĩnh để ngồi tĩnh lặng. Hình như tôi luôn luôn cần có điều đó. Một lần kia tôi đi đến một cửa hàng nhỏ và bắt gặp một bức tượng Phật nhỏ xíu xinh xinh và một ít nhang, tôi mua về và thường ngồi trong phòng với mấy thứ đó. Lúc tôi khoảng tám chín tuổi. Đây là nhu cầu tôi luôn cảm thấy trong tôi: đó là cảm nhận đôi lúc cả các bạn nữa cũng phải dẹp tất cả sang một bên, chỉ cần tiếp xúc... tôi luôn luôn đi ra ngoài đâu đó, leo lên một ngọn đồi đầy gió mát, hay đến một cánh đồng mọc đầy cỏ cao ngập đầu, tôi ngồi tại đó nghe tiếng dế gáy, tiếng chim hót và khép lại mọi hoạt động tinh thần”. ”Ông nội tôi là một thiền sư rất tuyệt, chỉ nhìn vào lối

tổ chức cuộc sống của ông là rõ. Tôi đoán chắc là ông cụ chẳng có chút kiến thức gì về Phật giáo cả. Nhưng tôi thật sự cảm thấy ông là một phật tử bẩm sinh. Ông hành động hết mực tôn trọng các sinh vật, đặc biệt là con người khi ông tiếp xúc. Ông chẳng bao giờ đi nhà thờ và coi ông là người thuộc phái bất khả tri. Đôi khi ông tự nhận mình là người vô thần. Nhưng ông luôn thể hiện một cuộc sống rất tuyệt vời. Khi có ai tới nhà thăm, ông biểu lộ bất kỳ cái gì ông có. Nếu họ muốn có cái gì và ông cảm thấy họ cần, ông biểu lộ ngay mà không bao giờ nghĩ đến việc đòi lại. Ông đối xử với gia súc và với tất cả mọi người trong trang trại với mỗi quan tâm chăm sóc đặc biệt – có thể nói ngay cả đó là tình yêu cũng vẫn được. Ông nội là thiền sư đầu tiên của tôi và tôi thường đề cập đến ông trong những bài nói chuyện của tôi”.

Mỗi giao hảo thật sự đầu tiên với tư tưởng Phật giáo đến với bà khi lưu lại Paris, lúc đó bà mới 23 tuổi với tư cách là một nhạc sĩ. Nhận học bổng theo học tại Nadia Boulanger. Bà sinh trưởng tại Saskatchewan, Canada vào năm 1922 và là con một sách, cho đến lúc này bà vẫn chưa bắt gặp được bất kỳ một cuốn sách nào về Phật giáo. Tuy nhiên, một ngày nọ trên đường phố Paris bà bắt gặp một cuốn sách mang tựa đề: Tư Tưởng Đông Phương Nhập Môn (An introduction to Oriental Thought) và bà đã đọc ngẫu nhiên cuốn sách đó. “Tôi vẫn còn nhớ rõ, một cảm nhận muốn trở nên đồng nhất với những tư tưởng đó. A ha! Có thể chứ! Tôi viết ngay vào lề sách: “Có thể chứ!” Tìm được cuốn sách là một bước ngoặt trong đời tôi. Nhưng tôi chẳng tìm được ai để hỏi cả. “Làm sao thực hiện được điều này? Điều này ám chỉ gì vậy? Bạn làm thế nào về điều này?” Toàn bộ những điều đó thực sự tựa như một thực đơn: không phải là một món ăn thực sự. Cuốn sách đã gợi cho tôi một vài điều thực hành, nhưng không đưa đến cho tôi bất kỳ hướng dẫn nào cả. Là một nhạc công chơi dương cầm bà dư biết khả năng chơi đàn dương cầm của bà hoàn toàn lệ thuộc vào luyện tập hàng ngày. Làm sao bà có thể hiểu được toàn bộ bản thân (hữu thể) của bà mà không thông qua thực hành?

Thế nên bà chuyển lên TP. Nữ Ước để hy vọng kiếm ra được một thiền sư. Vào những năm năm mươi bà đã “có được kinh nghiệm tuyệt vời” đó là gặp được D.T. Suzuki trên TV và bà đã bị ông hấp hồn. “Tôi ngồi ngay bên cạnh ông và đã có được mối quan hệ tuyệt vời với ông”.

Trong thời gian đó bà gặp và lập gia đình với Oscar Freedgood, một nghệ sĩ và cũng là một doanh nhân và thêm vào hoạt động tích cực của một nghệ nhân hòa nhạc bà bắt đầu với một gia đình. Rồi vào mùa xuân năm 1966, sau khi đã đưa ba đứa con đến trường tại khu Manhattan, bà quyết định theo một lối khác đi về nhà. Bà đang thả bộ xuống đại lộ West End thì nhìn thấy, bên cạnh tòa nhà có tấm bảng viết mấy chữ: “Hội Nghiên cứu Thiền định” bà

suy nghĩ, “Đây là điều tôi tìm kiếm bấy lâu nay”, bà bước vào và xin một chương trình sinh hoạt. Hai ngày sau bà ngồi thiền lần đầu tiên với nệm(Zafu). Ba tuần sau bà theo học khóa huấn luyện thiền định lần đầu tiên diễn ra tại miền Bắc Nữ ước với Đại sư Yasutani từ Nhật Bản đến. “Và đó là điểm khởi động”.

Khóa huấn luyện diễn ra tại Trung tâm Theosophical Society và là nơi “rất hoang vu” chỉ có độc nhất một ngôi nhà cũ cùng với nhiều túp lều nhỏ trong rừng dành cho mỗi cá nhân làm chỗ qua đêm. Có một phòng khách trang hoàng tường giấy hoa văn. Trên cửa sổ có treo rèm để che bớt nắng. Và tất cả đồ trang bị nội thất đều đưa ra ngoài. Có rất nhiều người từ xưa đến giờ chưa bao giờ tham gia khóa huấn luyện thiền định. Thế nên mọi người di chuyển rất nhiều, ngó ngang ngó ngửa. Nhưng Đại sư Yasutani đã điều hành mọi sự theo cách thức “mạnh mẽ tuyệt vời của ông”. Và đã trở thành một kinh nghiệm bao trùm toàn diện với Maurine. Tuy nhiên, bà nhớ lại là sau khi kết thúc ngày huấn luyện thứ nhất, bà cũng có ý định rút lui. Bà nghĩ tất cả những cảnh tụng kinh, vái lạy lẫn nhau, tiếng người la hét, cười đùa – “rõ ràng là điên cả đám”. Nhưng vào cuối ngày thứ hai có điều gì đó đã giữ bà ở lại. Sau khi kết thúc năm ngày, “tôi đã bị mắc câu”.

Kinh nghiệm làm nhạc công đã đem lại cho bà nhiều lợi thế. Hầu như ngay từ hồi còn nhỏ khi bắt đầu chơi dương cầm bà đã quá quen với những bài tập đàn thường xuyên.. “Công việc sửa soạn vô tận, trau chuốt đến từng chi tiết và không bao giờ kết thúc. Chỉ ngồi vào tập luyện, tập luyện và tập luyện liên tục”. Mỗi ngày không có một ngoại lệ nào khác. Thế rồi bạn có thể chơi thật thoải mái. Bạn có thể tự cho mình là chơi chưa đạt. Có điều chi đó điều khiển bạn. Bạn phải sửa soạn nhạc cụ. Mọi sự phải được sẵn sàng trước khi bắt đầu công việc. Có lẽ không cần hoàn hảo tuyệt đối, nhưng ít nhất cũng phải tương đối. Vì thế bạn phải gạt bỏ tất cả điều gì khác xảy ra. Bạn hoàn toàn thoải mái là vì bạn không cảm thấy bạn đang biểu diễn. Một khi bạn thực hiện được điều gì với phong cách đó thì công việc diễn ra rất tự nhiên, không cần nhiều cố gắng, cũng như sức lực. Bất kỳ đó là công việc gì – ngồi thiền, nấu ăn, chơi dương cầm, hoặc liên lạc với bạn bè.

“Đó chính là điều tôi đang gắng sức truyền đạt cho mọi người. Chẳng có điều gì bí mật, xa vời cả, cũng chẳng mang phong cách Đông phương, Nhật Bản, Ấn Độ, Triều Tiên hay thần bí. Đó chỉ là những vấn đề căn bản đối với tất cả mọi người bất luận họ sinh sống ở đâu trên thế gian này. Đó chính là một bộ phận tuyệt đối của mỗi một người. Bạn không cần phải suy nghĩ điều đó chỉ xảy ra ở một quốc gia hay một nơi nào khác. (Maurine chưa bao giờ đến Nhật Bản).

“Một ngày nọ, một bạn trẻ đã đến đây với con trai tôi và nói cậu ta muốn xem một ngôi chùa Đông phương. Tôi cho cậu ta hay, đây là nước Mỹ, thế nên ông bạn sẽ chỉ thấy chùa kiểu Mỹ mà thôi. Và chúng tôi đang hành thiền tại một ngôi chùa kiểu Mỹ. Chúng tôi thấy không cần phải có chùa Đông phương. Chúng tôi ngồi thiền với nệm trên sàn nhà, điều đó được du nhập từ phong cách Đông phương. Điều đó đã mang lại cho chúng tôi những tư thế thoải mái, thực tiễn và hoàn hảo. Nhưng chúng tôi không làm thế chỉ vì đó là những tư thế Đông Phương... chúng tôi có tượng Phật, nhưng bức tượng đó cũng có thể mang dáng vẻ một người Tây phương được không? Thực chất, điều thường được thực hiện tại hầu hết các thiền viện. Tượng Phật có thể với bất kỳ dung mạo nào, bạn chỉ chiêm ngưỡng bức tượng mà thôi, điều đó tùy thuộc ở bạn có ý thức được mình là ai. Tôi nghĩ đó là một khía cạnh quan trọng trong việc truyền đạt Thiền tại Hoa kỳ. Vâng, bạn có thể thực hành như một bà nội trợ, như một bà mẹ trong gia đình. Bạn chẳng cần phải biến mất vào một tu viện”

Lenore: Tôi có nghe nói tại khóa huấn luyện thiền vừa qua bà đã thực hiện công việc bếp núc, ngồi thiền, trả lời phỏng vấn, giảng Phật pháp - thực hiện không một mối hết việc này sang việc khác. Tôi rất muốn học hỏi điều đó, thưa bà.

Maurine: Vâng, bà Lenore thân mến, chúng tôi đâu có học hỏi gì đâu. Tôi nghĩ nó tự động xảy ra thôi. Khi mà tâm trí của bạn đã tràn ngập được vấn đề rồi, nó sẽ tự động trôi dạt như bong bóng vào mỗi hoạt động của bạn. Thế nên bạn càng tiếp thu, bất luận là điều gì, điều kỳ diệu tại đây vào lúc này, thì bạn càng cống hiến được nhiều. Và nếu bạn càng cống hiến được nhiều thì nghị lực của bạn lại tăng thêm rất dồi dào. Người ta bảo tôi đã làm việc quá nhiều, coi chừng bị bệnh. Không phải vậy đâu. Mỗi công việc lại tăng sức cho công việc tiếp theo. Lúc kết thúc khóa thiền, tôi không cảm thấy mệt mỏi chi cả. Tôi rất hạnh phúc được trở về nhà và đánh một giấc ngon lành, nhưng sáng hôm sau tôi cảm thấy hăng hái hơn bao giờ hết. Chẳng thấy có gì xung khắc. Tại các thiền viện, công việc bếp núc cũng quan trọng y như và công việc truyền đạt thiền vậy.

Lenore: Tiếp thu và rồi lại cống hiến... giống như hít thở không khí, có phải không, thưa Bà?

Maurine: Chính xác là như thế, bạn tiếp thu vào rồi bạn lại cho ra. Và bạn có thể tiếp thu được rất nhiều chỉ cần tập trung vào công việc bếp núc. Nếu như bạn thực sự ý thức được bất kỳ công việc gì bạn đang làm. Giống hệt như: lấy vào rồi cho ra.

Lenore: Thế còn cố gắng đóng vai trò gì trong qui trình này, thưa bà?

Maurine: Vâng, nếu như bạn chỉ nghĩ bạn làm điều gì đó, vấn đề sẽ nổi lên ngay. Nếu như bạn hoàn thành tốt công việc đó, chẳng có chuyện gì xảy ra. Nếu bạn lúc nào cũng chỉ bận tâm đến công việc đó, nó sẽ hành hạ bạn ngay. Đây là vấn đề căn bản trong những bài tập đàn của tôi.

Lenore: Tập trung cố gắng rồi lại thư giãn thoải mái. Công việc tập luyện, kỷ luật và rồi lại còn để cho công việc tự chi phối bạn. Tôi vừa lóe ra trong đầu một ý tưởng tôi hình dung ra điều đó giống như như một nhạc cụ. – phải chăng chúng ta là những dụng cụ cả hay sao?

Maurine: Hoàn toàn đúng, chúng ta là những dụng cụ. Phật pháp đang tác động trên chúng ta, Chính xác, Phật pháp tác động đến tất cả mọi người. Rất có thể một vài người trong chúng ta hơi bị lạc điệu, nhưng một khi bạn lên dây đàn lại một chút không quá căng, không quá chùng, như vậy bạn sẽ chơi nhạc rất tốt.

Lenore: Điều rất tuyệt là cả ba vị nữ thiền sư tôi phỏng vấn đều là nhạc sĩ cả: Bà là một, rồi Joko và cả Đại sư Kennett nữa.

Maurine: Đó là điều rất cơ bản. Con người của bạn phải nhuần nhuyễn với một công việc gì đó rồi bạn sẽ diễn đạt được thôi. Và rồi bạn phải thực hiện điều này mỗi ngày, mỗi ngày và mỗi ngày. Rồi bạn sẽ cảm thấy như vậy không có luật trừ nào cả.

Trong những năm của thập kỷ sáu mươi và những năm đầu thập kỷ bảy mươi Maurine đã thực hiện được nhiều cuộc huấn luyện rất có chất lượng tại thiền viện Dai Bosatsu ở thành phố Catskill chung với Đại sư Eido (cho dù sau này bà chia tay với Eido vì ông đã không chấp nhận và phân biệt đối xử với phụ nữ) và nhiều năm huấn luyện Thiền tại Thành phố Nữ Ước chung với Đại Thiền sư Yasutani hoặc với Đại thiền sư Soen Nakagawa, mỗi năm ông từ Nhật Bản sang Hoa Kỳ. Là người vợ và người mẹ trong gia đình đòi hỏi phải thu xếp nhiều công chuyện. May mắn thay, trong mọi trường hợp, bà đều có sự cộng tác đặc lực của gia đình. Bà cũng may mắn kiếm được một người chăm sóc con cái rất tốt thay cho bà khi phải xa nhà. Đôi khi, bà rất lo lắng trong những ngày khóa huấn luyện mới bắt đầu, không biết các con ở nhà có thể xoay sở được khi mẹ vắng nhà hay không, nhưng bà đã sớm nhận ra các con có thể làm được điều đó. Thế rồi sau hơn bốn năm rưỡi miệt mài luyện tập và tham gia tích cực tại thiền viện Zen Studies Society, lại xảy ra một rắc rối nhỏ đó là gia đình bà phải di chuyển xuống Boston. Thoạt tiên bà cảm thấy rất lẻ loi cô độc. Những nền móng Phật pháp và đoàn thể Phật học của bà đều ở tại Nữ Ước. Và Boston là một vùng đất xa lạ. Đại Thiền sư Soen lúc đó đang có mặt tại Nữ Ước đã bảo đảm cho Maurine là: “Bà sẽ có được bảo tàng viện Boston trong tay”, Ông cho biết. “Với một

su tập nghệ thuật phương Đông tốt nhất thế giới. Và cả Elsie Mitchell cũng có mặt, gặp được nữ thiền sư Elsie thì mọi sự sẽ ổn cả thôi”.

Và mọi sự đã diễn ra y hệt như vậy.

Đây là những gì Maurine hỏi tưởng về Soen: “Ông nghiêm khắc trong hết mọi sự, nhưng lại rất hòa nhã. Lúc nào cũng rất hòa nhã. Ông rất từ bi (compassionate) hỷ xả. Trong mọi công việc, tuyệt đại đa số mọi công việc đều toát ra lòng từ bi hỷ xả. Chẳng có điều gì qua mắt ông được. Một số người đề nghị tôi đi Ryutku-ji (là ngôi chùa Soen trụ trì ở Nhật Bản) để luyện thiền. Có một lần trong lớp huấn luyện thiền dành cho các vị sư tại đó, chân của một vị sư đã xung húp lên và rướm máu vì đi lại quá nhiều mà chân chỉ mang đôi giày rơm, ông ta bị kiệt sức và có phần nản chí. Đại sư Soen có mặt và thấy những đôi giày rơm dính máu. Thay vào những đôi giày rơm đó đại sư đem lại những đôi dép rất êm đi trong nhà. Một sự quan tâm kín đáo tuyệt vời đến từng việc rất nhỏ mọn. Thiền sư luôn luôn quan tâm đến từng người trong chúng tôi. Xoay chuyển kịp thời mọi tình huống, cho dù đen tối đến mức độ nào, trở thành những bài học thiền tuyệt vời. Ông luôn áp ủ một cảm nhận là áp ủ toàn bộ tập thể thiền viện mỗi khi ông phụ trách huấn luyện tại đó. “Bạn đâu phải có mặt ở đây để phục vụ cho chính bạn mà thôi, nhưng là để phục vụ cho bá tánh”. Tôi thường nghe ông nói: “Hãy giữ cho lòng mình được thanh thoát và hòa nhã”. Chỉ cần thực hiện điều đó thôi, từng bước một, từng bước một, đơn giản chỉ từng bước một với một tâm hồn kính cẩn và tri ân. Đó chính là những gì tuyệt vời nơi Đại sư Soen. Ngài đã biến đổi tất cả những gì khô khan cằn cỗi nơi tôi trở thành bóng láng và tươi mát. Có một lần nọ ông tổ chức một khóa huấn luyện và có một người cảm thấy rất chán nản và muốn rút lui. Đó là điều gây đau khổ và khó khăn cho chúng tôi. Và thiền sư Soen đã chuyển biến tình hình đó trở thành sinh động và thoải mái cho thiền sinh đó, thay vì để cho mọi người buồn chán vì công việc tập luyện ông đã tập trung vào mỗi cá nhân thiền sinh – đại sư đã chuyển biến thành những điều tuyệt vời. Và ông đã thực hiện được những điều kỳ diệu đó tại các khóa huấn luyện. Ông đã nhìn ra ngoài, để mắt theo dõi mặt trăng đang chiếu sáng ngoài cửa sổ. Ông nói: “Nào chúng ta lên mặt trăng đi’ chúng ta đi dạo với chị hằng xem sao. Và chúng ta có thể ra ngoài không gian vũ trụ và ngắm nhìn tinh tú”. Ngài luôn nói với chúng tôi, “Xin đừng nhìn vào tôi làm gì, đừng để tâm nhiều đến tôi là thiền sư của các bạn, đừng bám sát theo tôi. Hãy nhìn ngắm vũ trụ bao la. Nhìn ngắm tinh tú đi! hãy nhìn ngắm trăng thanh gió mát! Ngắm nhìn buổi bình minh” Tại một trong những buổi ngồi thiền cuối cùng ông thực hiện, mọi người đang bước lên cầu thang và ông cũng có mặt và đứng ngay đầu cầu thang, ông chỉ ngay cho mọi người hãy nhìn ra ngoài

cửa sổ và lúc đó bình minh đang ló dạng. Ông choàng tay lên vai chúng tôi và cùng chiêm ngưỡng cảnh mặt trời mọc và chúng tôi tụng kinh chung với nhau.

Hàng chữ tiếng Nhật đẹp mắt treo trên tường ngay cầu thang tôi nhìn thấy ngay khi đến phố Sparks là do thiền sư Soen viết tặng cho Maurine. Gồm có hai hàng chữ đại tự in đậm nằm chồng lên nhau. Hàng chữ phía trên gọn gàng, cứng cáp và vững vàng. Tôi được biết đó là chữ “Thiên” chữ nằm dưới lại rộng hơn, bay bướm và phức tạp hơn. Hình như hai đại tự này gồm hai phần nối kết với nhau bằng một hàng kẻ đu đưa ở giữa biến cả mệnh môn. Và thực tế đại tự đó lại có nghĩa là nhảy múa. Gộp cả hai chữ lại là “Trời đất nhảy mừng” (Heaven dance) chữ gọi lên: từ vùng vô thức bao la, ta bước vào cuộc sống”. Hàng chữ S-O-E-N được ghi dọc bên lề trái. Gọi lại một biến cố nho nhỏ Maurine đã kể cho tôi nghe tại Cambridge.

Hôm đó bà đến thăm Đại Sư Soen và ông ta đang họa chữ Nhật. Có lẽ là hàng chữ đang treo trên tường tại Sparks Street. Cả nhà vẫn nổi tiếng Paul Reps cũng có mặt, ông đang loay hoay viết. Soen yêu cầu Maurine hát cho họ nghe trong khi họ đang trổ tài họa chữ và Maurine đã hát lên bài Hợp xướng thứ IX của Beethoven. Mỗi khi bà ngưng, ông lại yêu cầu bà hát tiếp “Hát nữa đi, hát nữa đi” cả Paul cũng hát theo. Và Soen thốt lên. “Thật là tuyệt, thật tuyệt vời” Paul hoàn tất bức họa và đề tên REPS. Soen cũng hoàn tất bức họa chữ và đề Soen ngay tại góc trái. “Nhìn này Paul, anh thấy gì không?”.

Ông rất nhỏ con và thấp, chỉ độ khoảng 1,50 m. Thế mà khi gặp ông lần đầu tiên ai cũng thốt lên “Một con người cao to như trái núi” ông mất tại Nhật tháng 3 năm 1984, nhưng dấu ấn tinh thần của ông vẫn còn rất sinh động tại Cambridge cho đến ngày nay. Tại Sparks Street, những buổi hành thiền hàng ngày, các khóa huấn luyện hàng tháng và các lễ nghi được cử hành theo phong cách truyền thống.. với kiểu vái và tụng kinh theo kiểu Nhật bản có cả chuông, cồng và keisaku. Trong khi đó chúng ta cũng thấy diễn ra những việc lật vạt, như hành thiền được tổ chức vào nhiều thời điểm khác nhau trong những ngày và trong tuần. Vào thứ ba chẳng hạn, ngôi thiền được tổ chức vào buổi chiều. Nhật trình được thiết kế sao cho thích hợp nhất đáp ứng những nhu cầu khác nhau của nhiều người. Đa số mọi người đều có cơ hội ngôi thiền ít nhất mỗi tuần một lần. Nhưng điều này cũng còn mang ý nghĩa là tất cả những người đã đăng ký nhưng vẫn bị trễ vì bất kỳ lý do nào đó đều có thể ngôi thiền tại phòng kế bên, có lối vào riêng. Chúng ta cũng có thể tham gia cuộc rước (kinhin) trước hoặc sau thời gian hành thiền cả buổi sáng lẫn buổi chiều.

Kể từ thời gian tôi đến tham gia hành thiền tại đây, tôi cảm thấy được đón tiếp nồng nhiệt và được coi như là người thân trong nhà. Tôi thấy một sự tử tế đơn sơ với riêng cá nhân tôi vì tham dự vào thời biểu hàng ngày, được mời dùng bữa, được tham khảo trong thư viện. Bầu khí tại đây rất ấm cúng thân ái nội trong khuôn viên bốn bức tường. Khi Maurine biết được tôi nhận định như trên về trung tâm bà thật hài lòng.

“Đó chính là những điều tôi muốn thấy xảy ra tại đây. Tôi thực sự cảm thấy đây không phải là nơi cho một số người phải sợ hãi. Có rất nhiều điểm tôi đã lui tới thật sự rất khùng khiếp và căng thẳng. Như “các bạn phải thực làm như vậy, các bạn phải vái theo kiểu này chứ không phải kiểu khác”. Và bạn cảm thấy nhụt chí! Điều này cũng đã xảy đến cho tôi khi tiếp xúc với Đại sư Soan lần đầu tiên. Tôi còn nhớ có một lần bước vào cửa phòng thiền và tôi nói, “Dạ tôi quên mất không biết phải vái như thế nào cả và ông cho biết, “không sao đâu, chỉ cần vái, có vậy thôi”. Và tôi nói cho các bạn của tôi. “Các bạn không làm gì phải lo lắng khi các bạn có lỡ quên một vài nghi thức nào đó, chỉ cần tỏ ra thái độ thành kính chân thật là đủ rồi. Hãy thực hiện mọi sự với trái tim rộng mở”. Đó là ước nguyện của tôi – làm sao cho mọi người cảm thấy được thiền viện chấp nhận”.

Tôi hỏi bà xem tại sao tinh thần đó lại rất hiếm thấy nơi các thiền viện Phật giáo khác. Bà không muốn trả lời trực tiếp, trừ điều bà tin tưởng tuyệt đối “đó là như vậy: Nếu tôi không thể chấp nhận con người hiện thời của bạn thì..”.

Có một số người đến với thiền viện vì họ gặp trục trặc trong cuộc sống. Họ được chấp nhận, với chính con người nguyên trạng của họ và họ đã thay đổi. Một người phụ nữ đến thiền viện trong tình trạng thất vọng hoàn toàn. Bà đã phải điều trị tại bệnh viện trong nhiều năm. Thoạt tiên bà ta ăn nói huyên thuyên như mê sảng, quả thật bà ta đã đánh Maurine. “Bà giận dữ, tức bực, tức bực và tức bực liên tục. Bà ta vật vã và luôn miệng kêu gào, ‘Tại sao bà lại làm thế? Sao bà lại nói vậy? Tại sao chúng ta phải làm vậy?’ Và rất nhiều câu hỏi khác nữa. Và chúng tôi vẫn nhất định chấp nhận bà ta, tất cả chúng ta đồng ý làm thế. Chúng tôi không nói, “Bà không được làm thế, bà đang làm rối tung thiền viện đó’. Chúng tôi đơn giản chỉ chấp nhận để cho bà được lui tới thiền viện. Hiện nay bà đã có việc làm, có cả một chiếc xe hơi. Và tâm thần hoàn toàn ổn định. Bà ta đến và ngồi thiền thật yên tĩnh vẻ mặt luôn tỏ ra bình thản. Bà đã cảm thấy được chấp nhận và được chăm sóc. Nếu như chúng tôi chỉ thuyết giảng về Phật pháp thì chúng tôi đã chẳng làm thế....!”

Một thành viên khác trong cộng đoàn mới đây đã mất thị giác. Vì tình trạng ngày càng xấu đi, nhận ra là mình sẽ bị mù làm ông rất tức giận. Ông nói “Ồi trời ơi! Tôi rất bức tức không thể nào nói hết cho bà biết được”. Có người nói với ông ta, “Thật là một điểm phúc nếu ông không nhìn được nữa” và ông nói điều đó chỉ làm cho ông thêm bức tức hơn. Nhưng ông ta vẫn tiếp tục ngồi thiền, ngồi miết, ngồi miết, cho đến một hôm ông đến thưa chuyện với Maurine và cho biết, “Tôi thực sự bắt đầu hiểu ra rằng tôi không còn nhìn được bằng mắt trần nữa. Tôi luôn phải chú ý mỗi lần bước đi, giống y hệt đi rước sau khi ngồi thiền vậy (kinhin). Tôi phải ý thức đến từng bước đi. Và bây giờ tôi đã có thể liên lạc được với cảm nhận của mọi người. Tôi cảm nhận được họ đang hiện diện. Tôi không còn phải thủ trước mặt họ. Tôi đọc được tư tưởng của họ. Tôi không nhìn thấy họ nhưng tôi biết họ hiện diện ở đó”.

Maurine cho ông biết là ông đã giải quyết được “koans” lớn nhất của ông.

Ông đã học được cách chấp nhận cuộc sống với nguyên trạng của nó.

Một số người tại thiền viện bắt đầu kêu Maurine với cái tên Mã Đại sư (Ma-Roshi). Bà không quan tâm, nhưng bà chấp nhận ý nghĩa nó truyền tải: Đó là bạn có thể tỏ ra rất mạn mà và âu yếm trong khi đó vẫn duy trì được một kỷ luật mạnh mẽ.. “Rất nhiều lần tôi ôm hôn người ta, ôm chặt họ vào lòng. Tôi hôn họ rất thắm thiết lên má hoặc mơn trớn lên vai họ. Nhưng tôi vẫn có thể ngừng lại không làm thế và cho biết đây không phải là lúc hành động như vậy”. Đó là vấn đề rất tế nhị, chúng ta là cha là mẹ đều biết điều đó. Đôi khi bạn phải rất cứng rắn với con cái và đôi khi bạn phải ban tặng cho con cái tất cả tình yêu và tình thương bạn có được. Nhưng con cái luôn biết rất rõ là tình yêu bao giờ cũng vẫn hiện diện nơi cha mẹ cho dù kỷ luật có khắt khe đến đâu”. Thế nên tôi hy vọng tất cả chúng ta đều ghi nhớ trong lòng đây là bài thực hành thuần túy, nếu bạn tránh xa tất cả những điều đó một cách lạnh lùng, thì rốt cục, điều gì sẽ xảy ra và sẽ không xảy ra đây”.

Vào một buổi chiều tôi lưu lại Cambridge, Maurine lái xe đưa tôi đi ngang qua nghĩa trang Mount Auburn, Bà đưa tôi về nhà riêng và dùng bữa với chồng tại đó, bà mời tôi dùng trà và biểu diễn các bản dạo đầu của Bach cho tôi thưởng thức. Ngày hôm sau bà truyền Koan Mu cho tôi. Chúng tôi thảo luận rất nhiều về cách tập luyện và tôi thấy có nhiều điều cần phải hỏi, đặc biệt về một số điều còn nhiều nghi vấn đang nổi lên trong tôi. Điều gì sẽ xảy ra nếu tất cả chỉ là giả đò và ảo tưởng? Nếu tất cả chỉ là hình thức rỗng tuếch? Hoặc còn tệ hơn, nếu tôi cũng thực hiện cách đó? điều gì sẽ xảy ra nếu tôi tự lừa dối mình và lừa dối người khác? Điều gì sẽ xảy đến nếu tất cả

đều sụp đổ, tan rã hết? Và bây giờ khi đã nắm được câu trả lời, liệu tôi có thể hành động từ điểm đó được không?

Maurine: Bạn nhớ lời Đức Phật đã dạy, “Đừng cho lời nói của tôi ám chỉ điều này điều nọ. Đừng suy diễn theo kiểu riêng của bạn. Nhưng hãy tự cảm nghiệm lấy đi”. Hãy nghĩ xem ngài đã thực hành ra sao. Bạn đã biết tất cả những nỗi nghi ngờ, tất cả những ảo giác đã xuất hiện và biến đi trong suy nghĩ của ngài. Giống như trường hợp của tôi và của bạn. Và tất cả mọi người không trừ một ai. Đó chính là một phần kinh nghiệm trong cuộc sống... Nếu bạn không đặt vấn đề, nếu không tìm hiểu tới cội nguồn vấn đề, điều này thực sự đã xảy ra như vậy sao? Như vậy mới chỉ hoàn toàn hời hợt. Vâng, rất hời hợt. Chúng ta phải đặt vấn đề thế này: Điều gì đây? Điều gì kia? Và đặt những vấn đề đó với ý thức tuyệt đối về hiện trạng con người chúng ta. “Điều- gì- kia?” là nỗi nghi ngờ lớn nhất chúng ta đang bàn tới ở đây. Nghi ngờ này phải được trả lời bằng toàn bộ hiện thực của bạn. Không những chỉ bằng lý trí mà thôi. Và căn cứ vào một số bản văn cổ, bạn càng nghi ngờ sâu xa bao nhiêu thì bạn càng được giác ngộ cao độ bấy nhiêu. Bạn càng nắm được vấn đề tường tận đến tận gốc rễ thì bạn càng nhận rõ vấn đề hơn. Điều này sẽ quân bình điều kia. Và chân thực là điều cơ bản nhất. Phải nói, tôi có thực sự đang thực hiện điều này từ tận đáy lòng con người tôi không? Hay tôi chỉ khơi khơi ngồi thiền tại đó thôi?

Lonore: Làm sao tôi có thể tự thực hiện như vậy nếu không có một vị thiền sư hướng dẫn?

Maurine: Từng bước, từng bước và từng bước một, (Mu) thực hiện Mu với toàn bộ con người của bạn. Đây không phải là một kỹ xảo. Mà chỉ là một lối sống mà thôi.

Lenore: Tôi không cần đến thử nghiệm trước hay sao. Tôi hỏi thêm, “tôi đang nghiền ngẫm điều gì đó, đó có phải là Mu không...”

Maurine: Không phải thế. Đừng hỏi như thế, đừng hỏi gì cả – hãy cứ làm đi. Hãy làm đi thôi và xem điều gì xảy ra.

Lenore: Và khi nghi ngờ xảy đến về khả năng của tôi đề...

Maurine: Chẳng có gì liên quan đến khả năng của bạn ở đây cả, chẳng có gì cả. Khả năng là khả năng và cần dùng đến khả năng này trong mọi tình huống trong cuộc đời bạn, nhưng điều bạn thực hiện đó phải có liên quan đến thực tế tuyệt đối, chứ không phải tương đối. Vậy thế cho nên chẳng nhằm nhò gì đến hiện trạng bạn đang là người lương thiện, người xấu hoặc là chỉ đứng đưng. Trong lãnh vực này, một điều cơ bản là bạn phải am tường đến tận cội nguồn thực tại này, thực tại Mu, thực tại Thượng đế, thực

tại bản chất Phật. Và điều đó hiện thực nơi mọi người, không tùy thuộc vào những gì bạn có thể thực hiện được một cách thể lý hoặc trí tuệ, bất kỳ thế nào. Thực tại tinh thần của bạn lại là điều khác. Nó hiện thực nơi mỗi người chúng ta, hoàn toàn trong sáng và trần trụi. Và chúng ta bày biện đủ thứ trên đó. Vậy thì: Điều gì đây? Điều gì đây? Tại sao tôi lại phải che đậy kỹ đến như thế.? Làm sao tôi có thể làm sáng tỏ được những che đậy trên? chỉ bằng cách ăn ở trung thực nhất, như bạn đang làm đó và tự nhủ. Nào ta hãy mở xẻ vấn đề đến cùng tận và xem có gì ở đó. Chắc chắn sẽ thấy những điều rất ngoạn mục khi bạn mở xẻ đến tận cùng vấn đề. Có một phụ nữ trẻ đến kể với tôi về giấc mộng của bà. Bà ta cho biết: “Tôi mơ thấy bà đưa cho tôi một đôi giày thật đẹp và một cuốn Album trong đó có những hình chụp tôi mà trong tất cả các bức hình đó tôi đều trần truồng. Thật là tuyệt. Chỉ hai chi tiết đôi giày và trần truồng. Vì thế cho nên không cần phải lo sợ về những yếu đuối, những hy vọng hão huyền, những ảo tưởng của chúng ta, bất luận chúng là gì đi nữa. Tất cả chúng ta đều có những thứ đó. Nhưng phải ý thức đến tận cội rễ vấn đề thì mới phát hiện những điều khác nữa.. Tôi nghĩ trong nhiều tình huống thật kỳ lạ tôi luôn có cảm nhận đó, mà chẳng suy xét đến tận cội rễ vấn đề. Cho dù bất kỳ điều gì đang diễn ra chung quanh tôi, nếu là điều cực kỳ khó khăn và đau đớn hoặc đầy tai tiếng – và điều đó thường xuyên xảy ra trong đời tôi – tôi luôn suy nghĩ chắc phải có một nơi, ở đó mọi sự đều ổn thỏa. Chỉ cần đến đó, ngồi xuống và hít thở một hơi thật dài.

Một điều thật thú vị là Đại sư Soen đã cảm nhận được ngay một khi bạn đã giải quyết được Koan Mu, khi bạn đã thấu suốt được vấn đề này, thì bạn cũng sẽ biết được toàn bộ những gì còn lại. Đại sư Soen cho biết, “Nếu như bạn đã thực sự nắm bắt được điều đó, hãy đến gặp tôi và tôi sẽ chỉ cho bạn tất cả những câu trả lời khác”.

Ngay cả Đại sư Soen cũng như Đại sư Yasutani, hai thiền sư chính của Maurine, đều không nghĩ là cần phải thực hành toàn bộ cả trăm koans mà rất nhiều các học viên nhập thiền cổ điển đã phải hoàn tất, như là một cách đào sâu và hoàn thiện việc hành thiền. Đối với hai vị này cũng như Maurine vấn đề cốt lõi là chúng ta phải thấu hiểu đến tận gốc rễ thực trạng vấn đề. Cơ sở chúng ta tồn tại. Đó là tất cả những gì Mu hàm chứa. Chẳng có chi liên can đến bản thân con người chúng ta.. Đó chỉ là những gì đang hoạt động xuyên qua mỗi chúng ta và chúng ta thâm nhập vào điều đó – thông qua Mu hay bất kể điều gì – là một quy trình kéo dài suốt cả cuộc sống.. thực hành thì vô cùng vô tận, ngay cả đòi hỏi kéo dài qua nhiều thế hệ. “Koan” lớn nhất theo ý kiến Maurine là phát hiện được thực tại Mu ngay trong cuộc sống mỗi người chúng ta. Maurine cho biết, “Điều hành khóa huấn luyện, sửa soạn bữa ăn, thuyết pháp, thực hiện thảo luận thiền (dokusan), sử dụng

gậy, thực hiện bất kỳ điều gì, tiến hành từ việc này sang việc khác. Đó chính là Koan: bạn đối mặt với điều đó ra sao? “

Tôi hỏi thêm Maurine về việc sử dụng gậy. Bà cho biết, “Chỉ khi nào có người yêu cầu mà thôi. – bằng cách dùng hai bàn tay chụm lại với nhau, thiền sư khẽ vỗ nhẹ vào thiền sinh. Làm như vậy bà cảm thấy ít gậy phiền hà cho người khác hơn là cúi gập lưng xuống như thường thấy thực hiện tại các thiền viện khác. Tôi nói hình như bà đánh lên cả hai vai hai lần. Maurine trả lời đúng thế, có đôi khi ba lần, nếu như người đó buồn ngủ quá.

“Làm vậy tỉnh ngủ ngay, không gây đau đớn. Nhất là khi bạn nhận được cú đánh (Keisaku) do một người đồng nghiệp thiền tốt. Đại sư Soen dùng gậy (keisaku) không gây tiếng ồn to và không đánh mạnh và làm ồn như một số nhà sư cố tình đánh mạnh đến nỗi bạn bị đau đến ba bốn tiếng đồng hồ. Cú quật Đại sư Soen thực hiện rất mạnh nhưng không gây tiếng động và rất đúng chỗ, bạn chỉ cảm thấy một tiếng: Uhhhh. Sau đó tôi lại có thể ngồi lên lại!”

(Tại những khóa tĩnh tâm tại California, Maurine không dùng gậy. Thay vào đó, Bà dùng hai bàn tay xòe ra và phát nhẹ lên vai, hai lần – lần đầu tiên mạnh rồi lần thứ hai nhẹ hơn - theo một nhịp điệu đã trở thành quen thuộc trong suốt năm ngày tĩnh tâm liên tiếp. Đôi khi Maurine còn xoa bóp lưng chúng tôi, sửa cho ngay ngắn và tăng sức mạnh cho chúng tôi).

Maurine tin là tư thế ngồi thiền rất là cần thiết cho việc hành thiền. Và tư thế thay đổi luôn nơi mỗi người. “Nguyên do thay đổi là vì khi bạn đã dẫn sâu vào hành thiền và hơi thở của bạn trở nên nhẹ nhàng và rõ ràng hơn và truyền xuống toàn thân bạn, thì con người của bạn thay đổi theo từng hơi thở ra và hít vào, một tư thế thiết yếu vì lý do đó chứ không còn lý do nào khác. Cơ bản mà nói tư thế của bạn là thể hiện bản chất Phật trong bạn. Tuyệt nhiên, tuy rõ ràng như thế và với cảm nhận bạn cảm thấy tôn trọng cuộc sống của bạn, thì bạn mới ngồi lên nệm hành thiền! Thật là một cảm nhận tuyệt vời và bạn chỉ cần ngồi thiền là đủ. Hít vào một hơi thật sâu và cảm thấy tất cả lỗ chân lông của bạn trở thành sóng động ngay tại chân tơ kẽ tóc của bạn cho tới đầu ngón chân và tới da đầu và trên má – mọi sự đều trở thành sóng động. Thiết yếu cần phải có một tư thế thích đáng đối với kinh nghiệm này. Bằng không thì hơi thở của bạn sẽ không thể chuyển thông qua khắp thân thể bạn được”.

Khi bắt đầu dạy thiền cho những học viên mới tại thiền viện, Maurine nhấn mạnh đến cảm nhận vững vàng, cảm nhận thấy mình đứng vững trên hai chân. “Điều luyện tập này rất cụ thể, không mông lung trên mây trên gió. Bạn hiện diện ngay tại đây, trên hành tinh này gói bạn quỳ ngay trên mặt đất

vững vàng này. Xuất phát từ đó bạn tiến lên. Cột sống bạn như là một cuống hoa, đầu bạn như là chùm hoa nở rộ trên đó và mọi sự như được sắp xếp theo một thứ tự tuyệt vời. Bạn điều khiển được hơi thở: bạn hít vào cho đầy, rồi thở ra từ từ, rồi để cho hơi thở bạn thì thảo với bạn. Rồi để cho tư thế của bạn diễn tả tất cả điều này. Và điều này thay đổi từ ngày này qua ngày khác. Từ phút này qua phút khác. Và phải diễn ra như thế. Nếu chúng ta cứ ngồi yên bất động, điều này không thể xảy ra được”.

Sau đó, tôi cũng đã nêu những câu hỏi cuối cùng liên quan đến Mu.

Lenore: Bà có nắm giữ Koan trong suy tư tưởng không.

Maurine: Koans phải tràn ngập toàn thân của bạn!

Lenore: Một câu hỏi về nguồn gốc Mu: thế con chó có bản chất Phật (mu) đó không?

Maurine: Chẳng có liên quan đến câu hỏi đó cả. Trong mỗi giai đoạn “koans” có một số ngôn từ quan trọng. Mu và bản chất Phật. Đó chính là Mu. Là bản chất Phật. Chính bạn thể hiện bản chất đó, nhưng chính bạn lại thực hiện điều đó. Không phải suy nghĩ: Mu là gì? - không phải thế. Bạn có hiểu không?

Lenore: Vâng, với khả năng hiểu biết hạn hẹp theo như tôi hiểu, tôi hiểu ạ.

Có điều gì đó rất mạnh mẽ (như sư tử) nơi Maurine. Đằng sau ánh mắt của bà, chúng ta có thể thấy tích tụ cường độ sức mạnh phi thường. Chúng ta cảm thấy một sức sống mãnh liệt, một áp ứ toàn diện cuộc sống. Rất ít khi bà lưỡng lự điều gì. Giọng nói trầm mang đầy nữ tính phát ra tận sâu thẳm cõi lòng đang nói với bạn. Giọng cười cũng phát xuất từ đó. Với sự tập trung cao độ và đầy bản lĩnh bà đã hướng dẫn cuộc rước thiền đúng mức. Với bước chân vững vàng đã tiến bước chững chạc trên khắp đoạn đường.

“Bà là một thiền sư thực sự” một trong những thiền sinh lâu năm đã nhận xét, “Bà cầu mong bạn tận dụng hết khả năng của mình” Maurine đã kể cho cậu nghe câu chuyện về người thầy dạy nhạc nổi tiếng người Pháp, bà giáo Nadia Boulanger. Một ngày nọ bà giáo nói với Maurine, “Thư tiểu thư, tiểu thư có rất nhiều tài, tiểu thư có hiểu điều đó là gì không? Điều đó có nghĩa là tiểu thư phải làm việc nhiều hơn bất kỳ người nào khác”.

Tuy nhiên tại trung tâm Cambridge Buddhist Association không ai được tỏ ra “tài năng” vượt trội hơn các bạn thiền sinh. Maurine quan tâm đến từng người một cách riêng biệt. Nhưng nếu như bà thấy bạn mơ màng đang khi ngồi thiền (Zafu), Bà sẽ cảnh cáo bạn ngay lập tức.

Bà thường nói: “Đây không phải là một chốn tĩnh dưỡng tâm thần, chúng ta đến đây không phải để làm dịu mọi căng thẳng hay suy tưởng đến những gì cao đẹp. Đây là một sự luyện tập tích cực” và chúng ta đến đây để học cách không để phí phạm cuộc sống chúng ta” bà thêm vào một đoạn Kinh Tụng ban chiều:

Hãy để tôi chân thành nhắc nhở bạn:

Cuộc sống và cái chết là hai điều quan trọng

Xin đừng lãng phí cuộc sống của bạn.

Khoảng hơn một năm sau gì đó khi Mauric bắt đầu thuyết pháp tại Trung tâm Parks Streets một thiền sinh cho tôi biết, “Tình hình ở đây rất lỏng lẻo, “lỏng lẻo đến mức dễ sợ” lịch thiền và những giờ ngồi thiền rất tùy tiện và mọi sự đều có thể thay đổi bất kỳ lúc nào. Đã có một thời gian bất kỳ ai tới trung tâm cũng phải luyện koan: nhưng sau một thời gian, những đặc tính duy nhất nơi Maurine chính là luyện thiền Rinzai truyền thống “hành động mạnh mẽ” kèm với sự chăm sóc nữ tính và mẫu tử đã sản sinh ra điều ngày nay đã trở thành kinh nghiệm hàng ngày tại Spart Street đó là: một khí thế mạnh mẽ và liên kết trong thực hành.

Một thiền sinh khác cho biết: “Maurine là một con người rất sâu sắc, bạn có để ý đến đôi chân của bà khi hành thiền rước không? Điều đó rất rõ ràng”. Thiền sinh phải xúc động liên tục do tính nhiệt tình sốt sắng giúp đỡ người khác khám phá ra tinh thần Thiền định duy nhất của bà. “Trong Bài thuyết pháp bà nói, ‘Các bạn là những thiền sư của chính mình’ và tất cả hành động của bà đều phản ánh điều đó. Bà không đề ra một lịch trình nào để cho thiền sinh phải theo như tại các thiền viện khác. Chương trình duy nhất của bà chính là: chúng ta hãy tìm hiểu để diễn đạt chính mình”.

Tất cả mọi người đều đồng ý là Sparks Street rất thống nhất. Gồm toàn những điều rất tình người và hoàn toàn thực tiễn. – một ngôi nhà bình thường tràn đầy tinh thần thiền định cao ngự trị trong đó. Chính Maurine kiêm nhiệm tất cả mọi vai trò tại trung tâm.

Tôi đã nêu câu hỏi xem bà có nghĩ là một thiền sư đối với bà có là điều quan trọng lắm không. Bà cho biết, “Thật tôi chẳng bao giờ nghĩ đến điều đó cả. Tôi nghĩ đối với một số người điều đó thật là quan trọng vì tôi là một phụ nữ. Cả phụ nữ lẫn nam giới thường gặp nhiều khó khăn với những nhân vật phụ nữ nắm quyền lực trong tay, điều đó lại rất có lợi cho những người có cái nhìn chín chắn về vấn đề phụ nữ”. Trong cuộc hội thảo về phụ nữ Phật giáo được tổ chức tại Trung Tâm Thiên Providence vào năm 1983, Bà thu được một kinh nghiệm là: phụ nữ cùng nhau hành thiền chung với nhau

sẽ được củng cố hơn, nhiệt tình gia tăng hơn. Thật đáng khích lệ khi được biết có nhiều phụ nữ cũng đang hành thiền trên khắp mọi miền đất nước. Nhưng bà không muốn tạo ra cảm nhận tách biệt và trong bài diễn văn đọc tại hội nghị bà đã phát biểu:

“Tại đây chúng ta rất hạnh phúc được tiếp đón sự hiện diện của cả phụ nữ lẫn nam giới. Hơn bao giờ hết nam giới và nữ giới đang gắn bó với nhau không gì tách biệt được. Trong tinh thần độc lập và thành đạt đang lớn mạnh trong chúng ta với danh nghĩa là phụ nữ, chúng ta không được quên rằng mọi người đang nhìn vào chúng ta như những tác nhân gây chuyển biến, tạo hòa giải, duy trì và nâng đỡ, chúng ta phải tự hào về điều đó. Những gì chúng ta quyết định lựa chọn tại đây sẽ ảnh hưởng đến sự sống còn của phái nữ chúng ta. Đương nhiên tôi đang phát biểu với tư cách là một phụ nữ. Điều này không loại trừ các bạn là nam giới, tôi vẫn trân trọng các bạn hơn bao giờ hết. Chúng ta không đến đây để bắt chước lẫn nhau. Một trong những điều đáng sợ nhất tôi nhận ra được là đôi khi người ta đang phá bỏ sự khác biệt. Thật đáng tiếc, biến mọi sự thành đồng nhất vì lý do bình đẳng là một điều ngu xuẩn. Cùng nhau thăm dò và tìm hiểu sự đa dạng và sự khác biệt là chúng ta đã vượt qua được những khác biệt nơi chúng ta và đi đến chỗ hiểu nhau và tỏ ra quan tâm đến nhau hơn bao giờ hết. Chúng ta vượt lên trên những khác biệt để tiến tới một tầm mức sâu sắc hơn trong thông tin với nhau, không những chỉ nhằm thông tin cho nhau mà chúng ta còn muốn hiệp thông với nhau nhiều hơn nữa”.

“Các bạn rất thân mến, chúng ta đã trở nên một, nhưng chúng ta cứ tưởng tượng vẫn còn đang bị phân cách. Chúng ta đã dựng nên những hàng rào chắn. Điều chúng ta phải thu lại chính là sự đoàn kết nguyên thủy giữa chúng ta và chúng ta phải thực hiện điều này bằng cách thể hiện tuyệt đối tình trạng hiện hữu của chúng ta”.

Bà cũng đưa ra một số nhận định về những cáo buộc cho là công việc huấn luyện thiền định, với đặc tính năng nổ, hà khắc và cứng nhắc chỉ thích hợp cho nam giới. “Nhưng đó cũng là yếu tố cơ bản tạo thành người phụ nữ. Yếu tố đó là mạnh mẽ, có lòng nhân ái, nhưng sức mạnh này lại phát xuất từ kỷ luật nội tại thực sự vững vàng do thực hành mà có.”

Bà cho biết, “Nhưng cội nguồn tất cả mọi kỷ luật, đạo đức thiền định và hiểu biết đều phải là tình yêu và từ bi hỉ xả. Thiếu những điều kể trên tất cả chỉ là lạnh lùng và không còn sức sống. “Nếu không nhằm mục đích thể hiện lòng từ bi hỉ xả đối với bá tánh trên trần gian này, thử hỏi chúng ta luyện thiền để làm gì”.

Bà kết thúc bài nói chuyện bằng trích dẫn lời Đức Đạt-Lai Lạt-ma, khi ngài đến thăm Hoa Kỳ. “Mục đích của tôi thực sự chỉ là đóng góp một phần rất nhỏ những cống hiến của mình trong phạm vi tình thương, lòng nhân ái và đoàn kết giữa các dân tộc. Thật đáng để chúng ta tập luyện lòng nhân ái, tình yêu và từ bi hỉ xả, cho dù chúng ta làm chính trị, là giáo dân hay lương dân. Điều cốt lõi nhất vẫn là tình yêu”

Chỉ có thể thôi”, Maurine kết thúc.

Lenore: Hình như hiện nay đang thấy xuất hiện nhiều nữ thiền sư có phải thế không?

Maurine: Tôi hy vọng là thế. Nhưng không phải là điều có thể ép buộc được. Tôi nghĩ là các thiền sư không phải được lựa chọn. Nhưng do một số yếu tố họ phải được học biết, không phải do họ quyết định trở thành thiền sư. Cũng như trường hợp người bạn của tôi, bà Elsie Mitchell, không được chỉ định chính thức nhưng do chính cuộc sống của bà thể hiện trong việc giảng dạy với tư cách là một phụ nữ trong cuộc sống của chúng ta.

Lenore: Bà có cho là điều này sẽ ảnh hưởng đến cách thức Phật giáo phát triển trên đất nước này hay không?

Maurine: Rất có thể, tôi cho là Phật giáo sẽ phát triển, tôi thấy không còn nghi ngờ gì nữa. Trong sự phát triển nơi mỗi quốc gia luôn phải kể đến nét riêng của từng quốc gia đó. Vì Phật giáo là một tôn giáo không có tín điều, không có truyền thống nhất định, Phật giáo sẽ mang sắc thái của quốc gia nơi nó xuất hiện. Vì thế, tại đất nước này, vì phụ nữ là thành phần hành đạo rất tích cực, nên không thể không có những ảnh hưởng nhất định.

Lenore: Thế nên nhất định một số hình thức sẽ được thay đổi?

Maurine: Vâng, tôi nghĩ Phật giáo đã thay đổi một số hình thức. Ngay tại thiền viện này chẳng hạn. Truyền thống của tôi ở đây rất mạnh. Tôi được huấn luyện với một phong cách mạnh mẽ và những hình thức của tôi đúng hiểu theo ý đó, nhưng không phải là hà khắc. Bạn nói là bạn đã cảm thấy. Đó cũng đã là một thay đổi, mọi sự luôn thay đổi, thay đổi liên tục. Điều này là một trong những tiền đề của Phật giáo, không có gì cố định cả.

Thực sự tôi không nằm trong phong trào phụ nữ đấu tranh theo kiểu quá khích, như một số trong chúng ta đang làm thế. Đó không phải là cách thức của tôi. Tôi không cảm thấy mình đã là nguyên nhân phiền toái đó trong cuộc sống. Tôi nghĩ tôi có đủ mọi cơ hội với tư cách là một phụ nữ. Tôi thực sự rất may mắn. Ngay cả trong trường hợp Đại sư Eido và Đại sư Bosatsu nữa, họ là những phụ nữ bị ngược đãi. Tôi không bị điều đó; nhưng nếu như

tôi thấy những phụ nữ khác bị ngược đãi hoặc giả bị xâm phạm, thì nhất định tôi không thể đứng yên – chỉ đơn giản, vì tôi không có được kinh nghiệm đó – nếu như tôi có tình cảm họ hàng với một phụ nữ, nhất định tôi phải bảo vệ bà ta, không phải chống lại nam giới, nhưng với một ý tưởng là làm cho chúng ta hiểu nhau hơn.

Vấn đề cơ bản chẳng nhằm nhò gì đến nam giới, phụ nữ, Nhật bản, Triều Tiên hay là gì gì đi nữa. Một số đoạn sách cho thấy phụ nữ khó lòng đạt đến giác ngộ, chỉ là từ một số nam giới viết ra mà thôi. Đó không phải là chân lý Kinh Phật. Nếu bạn thấy bị ảnh hưởng vì lý do đó thì chính bạn đã hủy hoại mọi tiềm năng của bạn vậy.

Lenore: Từ trước đến giờ chắc chắn là chưa thấy xuất hiện nhiều Nữ Thiền sư. Tôi nghe nói giới nữ “nhập cuộc” nhanh hơn nam giới. Nhưng họ không quan trọng hóa vấn đề đó, không coi đó là thành công, hoặc không muốn được coi là thiền sư. Ý kiến của bà về điều này ra sao?

Maurine: Ô tôi nghĩ điều đó cũng đã xảy ra cho phụ nữ tại nhiều nơi khác. Họ là những người phụ nữ chỉ biết nuôi con và chăm sóc chồng con... và nếu họ chỉ muốn thực hiện sứ mệnh đó thì họ đã tự tiêu diệt chính họ. Là vì nam giới – tôi không muốn nói một cách cường điệu - đa số nam giới, khi đã nắm giữ những vị trí trong xã hội, họ đâu có làm công việc nội trợ và chăm sóc con cái công việc chợ búa. Vì thế cho nên đối với một số phụ nữ xem ra điều này không thể thực hiện được.

Lenore: Xin Thiền sư cho biết đôi điều về tương quan tình dục giữa thiền sư và thiền sinh?

Maurine: Tôi nghĩ điều quan trọng nhất liên quan đến vấn đề này, khi có sự việc xảy ra, cũng chỉ là chuyện thường tình – không phải chỉ có phụ nữ là thủ phạm, nhưng bất kể người nào đã hành động sai lạc, bị phiền nhiễu – được hiểu là họ đã không kiên định được việc hành thiền của họ. Với người phụ nữ, điều này vượt khỏi mọi vấn đề riêng tư cá nhân. Và một khi ai đó có hành vi sai trái như thế, họ không lừa dối bạn trong việc hành thiền, điều đó làm cho bạn vững vàng hơn, tự chủ hơn và tự mình hiểu được vấn đề theo đường lối Phật giáo thực sự. Vậy điều đó là gì? Thật đáng tiếc có biết bao nhiêu người đã hơi lạm dụng chức vụ một chút và nghĩ là Thiền sư có thể muốn làm gì thì làm. Đã có những phụ nữ trẻ quá nhẹ dạ nghĩ hành động như vậy cơ bản để đạt đến giác ngộ và người ta đã lợi dụng vấn đề này. Đó là điều sai quấy, điều không có thực và chỉ là đánh lừa thiên hạ. Thật đáng buồn. Vấn đề gây khổ tâm cho tôi nhất không phải là sinh hoạt tình dục - đó là điều bình thường và vô hại, nhưng lạm dụng tình dục mới đáng nói.

Lenore: Thật phiền phức một số người đã được giác ngộ, hay đang tiến đến giác ngộ lại có thể vô tâm đến như vậy sao?

Maurine: Vì thế cho nên đã làm cho bạn không muốn hiểu thêm thế nào là giác ngộ?

Lenore: Đó không phải là điều xảy ra một lần cho mọi trường hợp sao?

Maurine: Tuyệt nhiên rồi. Trừ phi bạn kiên trì luyện tập, nuôi dưỡng ý đồ đó... Thiền sư Soen nói, “Tôi chỉ là một nhà sư bình thường, tôi cũng đang tập luyện giống như bạn. Tôi luôn phải tập luyện liên tục”. Và tôi cho là chỉ có con đường đó mà thôi, nếu như có người cảm thấy không cần thiết phải như vậy, họ có thể đạt đến giác ngộ, hoặc họ để cho những vấn đề khác gây rối họ.

Lenore: Thiền sư có nghĩ tình dục là điều nội tại trong quan hệ nam nữ thiền sư hay không?

Maurine: Vâng, xét dưới góc độ phân tâm học thì mối quan hệ đó có dư khả năng kiểm soát được. Hành động là điều quan trọng. Tình dục và tâm linh là hai khái niệm. Đó là một sức mạnh tích cực trong chúng ta. Nhưng chúng ta biến đổi chúng như thế nào đây? Không được dùng vào những việc phù phiếm, mà sử dụng nguồn lực mạnh mẽ và tuyệt vời này trong chúng ta để đẩy mạnh công việc luyện tập, hãy sử dụng một cách trong sáng và lành mạnh.

Lenore: Lý do là tình dục rất giống tình yêu phải không?

Maurine: Tình dục chính là hơi ấm của tình yêu. Nó rất mãnh liệt và rất dễ dàng vượt khỏi vùng kiểm soát nếu không chú ý. Nếu bạn ngồi thiền trong vòng bảy ngày liên tục với một người nào đó, bạn cảm nhận được tình cảm dễ mến tuyệt trần, một thiện cảm thực sự đối với người đó. Và nếu như bạn ôm hôn, hay bất kỳ hành động nào tương tự (lấy tay sờ trớn). Rất dễ dàng thốt lên, “ồ, nào tiến tới nữa đi” thay vì nói như trường hợp những vị Đại sư, “Tôi yêu Bà, nhưng... tôi đã có vợ, có gia đình, tôi còn có nhiều nhiệm vụ khác phải hoàn thành”. Nhưng thực tế nỗi nguy vẫn còn đó, một sức mạnh ghê gớm trong ta. Và không dễ gì đàn áp được - bạn biết đấy.

Lenore: Tôi đã hiểu không phải là hành động mà là muôn thử, đã để cho sự việc xảy đến cho bạn – điều đó diễn tiến ra sao...

Maurine:... bằng đủ mọi cách. Vâng. Khi bạn chơi đàn dương cầm, điều gì đã xảy ra? Một sinh lực tình dục đáng yêu. Tôi không muốn gán một nhãn cho tình dục, nhưng thực sự sức mạnh đó là một phần trong tôi. Và là một

phần quan trọng nữa là đàng khác. Và đùa giỡn với sức mạnh đó, đùa giỡn với tình thân thiện và đam mê – đó chính là phá lệ vậy.

Có đôi ba lần Maurine đề cập đến “nguồn gốc nữ giới” của bà. Ba người phụ nữ mạnh mẽ đã làm thiền sư cho bà: Bà nội, Bà mẹ và Elsie Mitchell. Chính là Elsie Mitchell, là thiền sư Soen đã giới thiệu cho bà đến gặp khi phải di chuyển từ Nữ Ước xuống Boston. Elsie là một trong những phụ nữ trở lại Phật giáo sớm nhất tại Hoa Kỳ. Bà đã đến Nhật nhiều lần vào những năm năm mươi, ghi lại những bài niệm Phật tại thiền viện Eiheji (sau này được bán ra ngoài như những đĩa nhạc dân ca) và bà đã viết một cuốn sách rất hay về những chuyến du hành của bà đến Nhật Bản, nói về việc luyện thiền và những vị thiền sư (Sun Buddas, Moon Buddas, Weatherhill xuất bản năm 1973) Bà được mô tả như là một gương mặt “phụ nữ” mẫu mực nhất tại Hoa Kỳ. Dẫu vậy trong vòng ba thập kỷ bà đã liên lạc mật thiết với nhiều nhân vật quan trọng lo việc phát triển thiền định Phật giáo tại đây. Và bằng những cách thức hết sức kín đáo, bà đã nhanh chóng giúp cho Phật giáo phát triển trên đất nước này.

Maurine gặp Elsie lần đầu tiên năm tháng sau khi bà di chuyển đến Boston vào năm 1970. Nghe theo lời khuyên của Đại Sư Soen Bà đã cố gắng đến gặp Đại sư sớm hơn, nhưng cả Elsie và trung tâm thiền viện Cambridge Association không đăng ký trong danh mục điện thoại! Cuối cùng Đại sư Eido và một nhóm từ Nữ Ước xuống đến xem một cuộc triển lãm tranh và chữ viết tại bảo tàng Boston, Eido đã dàn xếp cho cả nhóm đến thăm Elsie và Maurine cũng được mời.

“Vậy là ngày đó tôi đã tìm gặp được bà. Tôi cứ tưởng là sẽ gặp một bà thật già. Mọi người cứ tưởng là Elsie phải lớn tuổi lắm và đã tham gia vào công việc này từ rất lâu. Nhưng Elsie thực sự mới 45 tuổi vào thời điểm đó. Maurine tưởng tượng sẽ gặp một “con người chậm chạp, nặng nề”, Maurine giật mình khi thấy xuất hiện trên cầu thang một “phụ nữ trẻ đẹp tuổi chừng độ mười sáu”! Bà và ông chồng ra mời tôi vào ngồi với bà. Và tôi nhận lời mời ngay. Tôi đến và hành thiền tại nhà bà mỗi tuần một lần. Và khi bà chuyển đến Brattle Street sau đó khoảng độ một năm thì tôi đã rất thuần thục mọi việc. Bà nhận ra điều đó rất có ý nghĩa đối với tôi, vì thế bà giao cho tôi nhiều công việc để thực hiện”.

Ít lâu sau Maurine đã phụ trách công tác thông tin cho Hội và kiêm luôn quản thủ thư viện. Đó là dịp để hâm nóng trái tim của bà và trong nhiều tháng nhiều năm tiếp theo bà đã làm quen với rất nhiều người qua lại hành thiền. Và chẳng bao lâu họ đã đến gặp bà với nhiều vấn nạn và khó khăn. Elsie bắt đầu giao cho bà điều khiển những phiên họp, diễn thuyết, huấn thị.

Một ngày nọ Elsie nói: “Tôi nghĩ bà rất cảm thông với bá tánh” Bà dự định làm gì đây? Làm thế nào bà có thể cố gắng nhiều hơn để giúp đỡ bá tánh”.

Maurine chưa bao giờ nghĩ mình sẽ trở thành một nhà hướng dẫn tinh thần (priest). Bà đang đóng vai một người mẹ, một nhạc công và một diễn viên. Nhưng những lời ngọt ngào của Elsie đã thúc bách bà tiến tới. Và một ngày nọ có người yêu cầu bà chủ trì một lễ cưới cho họ. Bà cho biết, “Ồ, không được tôi đã được xuất gia đâu”.

“Được rồi”, Elsie cho biết, “Tốt hơn hết bà nên xuất gia đi, đã đến thời điểm rồi đó”.

Thế là Maurine viết cho Dai Bosatu, xin phép Đại sư Eido cho bà được xuất gia. Vì hình như đó là nghiệp báo (karma) đối với bà. Đại sư trả lời: “Đúng vậy đó là Nghiệp Báo của con” và họ cùng nhau bắt đầu sửa soạn. Trong lễ nghi đó một lọn tóc phải được cắt theo nghi thức, nhưng Maurine không bao giờ cạo đầu cả. “Điều đó có thể trở thành hành vi không trung thực đối với tôi”. Tôi là một con người trong xã hội. Điều đó có thể làm cho nhiều người để ý đến tôi. Dầu sao, điều quan trọng là phần nội tâm, chứ không phải bề ngoài. Nếu đó là một cái gì phù phiếm hay tỏ thái độ chân thành đến điều gì đó thì bạn nên cạo đầu đi. Đối với nam giới điều đó có khác – cũng có nhiều đàn ông không bao giờ cạo đầu cả. Nyogen Senzaki không bao giờ cạo đầu. Và dầu sao thì ông ta cũng là một thiền sư vĩ đại nhất tại Hoa Kỳ.

Khi đã được xuất gia, Maurine nghiêm nhiên trở thành thiền sư. Và phong cách thuyết pháp của bà luôn luôn liên kết thực hành với cuộc sống hàng ngày.

“Tôi thiết nghĩ việc học hỏi “koans” lớn nhất chính là học hỏi về cuộc sống”, Bà cho biết, “không có gì liên quan tới những công chuyện xưa để bạn phải đưa ra những điều quyết tâm thực hiện. Koans đó đòi hỏi bạn một sự sàng lọc những luyện tập của chúng ta để đi sâu vào nghiên cứu, nhưng luôn dưới ánh sáng những gì chúng ta đang thực hiện ở thế kỷ hai mươi này. Tôi luôn nhắc nhở các thiền sinh: chẳng có gì liên quan đến một vài tổ phụ Trung hoa cổ xưa cả – đây chính là các bạn, là tôi, là hoàn cảnh cuộc sống của chúng ta. Tôi thường đề ra cho họ những koans châm ngôn sống tương tự như: Làm sao bạn có thể vượt qua được những gì bạn phải thực hiện ngày mai? Nói cách khác, bạn sẽ đối phó thế nào với tình huống đặc biệt này trong cuộc sống?”

Khi người ta hỏi tôi làm thế nào Elsie đã trở thành thiền sư của bà, Maurine đã trả lời, “Bằng chính cuộc sống, bằng cả hành động, bằng thái độ cư xử của bà. Mọi quan tâm kín đáo đến những nhu cầu của người khác, chăm sóc đến công việc làm ăn cận kề tôi đa cũng giống như bà chăm sóc

cho chính mình vậy. Một con người rất đặc biệt, Bà rất khiêm tốn, nhưng rất khô hài hồn nhiên, thông minh nhạy bén và có tài nhận định cá tính của người khác. Tôi phải tôn bà như là người thầy quan trọng nhất, vĩ đại nhất trong vòng mười bốn năm qua”.

Tuy nhiên Maurine cho biết thêm, vị thiền sư tuyệt vời nhất, trung thực nhất của chúng ta lại chính là việc hành thiền (zazen) của chúng ta đó. Ngồi tựa gối thiền, điều chỉnh hơi thở, ý thức những cử điệu của chúng ta, cảm nhận được thay đổi trong tiềm thức, cảm thấy tấm lòng ta mở ra, cảm thấy lực cân đối (hara) của chúng ta được tăng cường, cảm thấy chúng ta đang dành một chỗ trong chính chúng ta để đối phó với cuộc sống hàng ngày. Những điều đó dần dà cũng trở thành thiền sư của chúng ta. Nội tâm và ngoại vi cũng là một. Ngồi thiền sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống hàng ngày của mỗi chúng ta., bằng cách lưu tâm đến toàn bộ hành động của mình.

“Mở rộng cõi lòng ra, làm rõ cách nhìn vào vạn vật để có thể quan sát một cách nhạy bén, sống động, rõ ràng và không có mảy may khó khăn vướng mắc nào cả. Để đạt đến chỗ chúng ta có thể thốt lên: “Ôi! thật sự tôi chưa từng được chứng kiến điều đó bao giờ”. Sau năm ngày hành thiền, chúng ta ra ngoài và thấy được cả những chiếc kim trên cây thông đang tỏa sáng. Chúng lúc nào cũng tỏa sáng. Chỉ tại các bạn không đủ giác ngộ để nhận ra điều đó.

Đúng mười giờ sáng ngày tĩnh tâm cuối cùng chúng tôi thực hiện tại California. Chúng tôi đang ngồi thiền. Mặt quay vào tường. Maurine rung chuông ba lần và đọc đoạn trích trong cuốn Mumon-kan:

Thầy Joshu hỏi Nansen, “Đạo là gì?”

Nansen trả lời, “Trí tuệ bình thường chính là Đạo vậy”

Vào đoạn cuối câu chuyện bà đọc một trích đoạn của Mumon:

*Hoa nở mùa xuân, trăng rằm mùa thu
Gió thoảng mùa hè, tuyết rơi mùa đông
Nếu những điều vô dụng đó không gây huyền não cõi lòng.
Bạn đã hưởng được những ngày tuyệt vời nhất trên đời này*

Bà nói tiếp, “Chúng ta đang hành thiền vào ngày thứ tư, Một ngày tuyệt vời và quang đấng. Những khoảnh khắc ít ỏi chúng ta còn sống chung với nhau. Mỗi người trong chúng ta đã cố gắng hết sức. Vậy đâu là đường (Đạo) chúng ta sẽ phải theo. Chân lý thiền định là gì nào? Để nhận ra chân lý đó ngay tại thân xác và tâm hồn, một số trong chúng ta đã phải vượt qua một chặng đường rất dài đến đây để cùng nhau luyện thiền. Và các bạn đã nghe

tôi thuyết giảng về Phật pháp. Chính bản thân các bạn đã nghe bản thân tôi trình bày. Khi bộ mặt thực của chúng ta xuất hiện, người truyền đạt và người nghe chỉ là một. Bằng sự đồng nhất như thế những vấn đề liên quan đến Phật pháp mới được truyền đạt và được đón nhận (nghe). Hãy nghe với toàn bộ con người bạn, nghe bằng xúc giác của bạn, bằng thị giác và bằng cả thính giác nữa. Sau lần tập trung này chúng ta sẽ trở lại cuộc sống hàng ngày trên trần gian và đó mới là nơi luyện tập đúng đắn nhất của chúng ta. Điều đó rất dễ dàng. Khi chúng ta về đến nhà điều gì sẽ xảy ra? Việc hành thiền ảnh hưởng thế nào đến đời sống hàng ngày của chúng ta? Tại đây chúng ta đã ngồi thiền tĩnh lặng, không làm gì cả; mùa hè đang đến gần và chim chóc hót vang. Tỉnh dậy khỏi chôn tĩnh lặng này và trở về với gia đình, với bạn bè và mang theo nhiều ấn tượng tốt, điều gì sẽ xảy ra? Nếu có người tỏ ra cục cằn với chúng ta hoặc thâm nhập vào chốn riêng tư của ta, chúng ta sẽ phản ứng ra sao? Nếu có bất kỳ những tình huống khó khăn nào xảy ra. Chúng ta sẽ xử trí ra sao? Liệu chúng ta có được một chút lòng từ bi hi xả và khôn ngoan hơn không? Chúng ta sẽ đối xử với đồng loại ra sao? Trong rất nhiều hoàn cảnh trong cuộc sống chúng ta? Những điều đó chính là Koans đó.

Cả ngày chúng tôi ngồi thiền rồi đi bách bộ, ngồi tiếp rồi lại đi bộ trở lại cho đến khi ngày tàn. Đèn đêm được bật lên và rồi chúng tôi lại ngồi đối diện nhau và tụng kinh Ho-o-o-o-o-o, mỗi người mỗi giọng, cho đến khi giọng đọc yếu. Rồi lại cất giọng lên tiếp. Giọng của Maurine rất trầm, mạnh mẽ và kéo dài hầu như không nghỉ. Một số trong chúng tôi lúc đầu tụng với giọng rụt rè và run run, hơi thở yếu đi và chỉ trong chốc lát tất cả giọng đọc đều giảm dần. Và chúng tôi chìm đắm trong luồng âm thanh đầu sao cũng đã biến thành tiếng nhạc, với một hòa âm không ai có thể tưởng tượng ra đó là âm nhạc. Sau đó, chúng tôi tụng Tâm Kinh (Heart Sutra) và kinh Kannon Sutra; giọng chúng tôi hòa lẫn với nhau và rất mạnh, tràn ngập toàn thân chúng tôi, cả căn phòng và cả bóng tôi bên ngoài. Giọng tụng kinh mới là quan trọng, chứ không phải ý nghĩa lời kinh hay bất kỳ một cảm nhận nào có thể khơi dậy. Chúng tôi nghe bằng bụng, bằng lưng và bằng cổ. Chúng tôi vái lẫn nhau, cảm thấy êm ái, mềm mại, được nâng đỡ và hạnh phúc.

Tài năng đặc biệt của Maurine là tạo ra được một khung cảnh, một môi trường trong đó việc luyện tập phát triển, cởi mở tấm lòng và những khác biệt giữa mọi người hòa hợp được và trở nên dễ chịu để dễ dàng sống chung bên nhau, cho dù có người điên loạn (crazy) cá tính mạnh mẽ, hay công kích, hoặc thác loạn. Lúc nào cũng có chỗ đón tiếp hết mọi hạng người. Nội qui rộng rãi, thoải mái, nghiêm khắc nhưng rộng rãi không (spacious) và được chấp hành bằng cả tấm lòng. Không có gì bị đào thải hoặc sợ hãi. Có đôi khi

chúng tôi cảm thấy một trật tự tuyệt vời (implicit). Mọi sự tồn tại trong đó, thoải mái, đơn giản và phức tạp như nhạc Bach, tất cả mọi sự hiện diện trong đó đều tuôn trào như tiếng nhạc.

Và giống như sự tử mà đôi khi tôi thường ví bà Maurine đôi khi cũng rống lên nhưng là tiếng rống súc tích, không đáng sợ, xuất phát từ tấm lòng và đầy tình thương yêu.

Mùa Đông năm 2000

Maurine Stuart, một trong những con người sống nghị lực nhất mà nhiều người chúng ta đã được biết, bà đã viên tịch vào tháng Hai năm 1990 vì căn bệnh ung thư, ba năm sau khi phát hiện ra bệnh. Trong những năm đó, ngoại trừ khoảng sáu tháng, bà không tỏ dấu hiệu sút giảm trong hoạt động (một số người cho là bà còn tăng tốc nữa là đằng khác) bà còn đảm nhận một khóa huấn luyện sau cũng vào tháng Giêng năm 1990, chỉ ít tuần lễ trước khi bà qua đời. Một số người thắc mắc vì sao thái độ của Maurine thật bình thản một cách lạ lùng và luôn xác định bà khỏe mạnh bình thường trước mọi người.

Maurine dạy chúng tôi trong những tháng cuối cùng là, “Sức khỏe không phải là điều trái ngược với bệnh tật”, Roko Sherry Chayat gợi nhớ lại trong tác phẩm mang tựa đề Tiếng Lòng Nhẹ Nhàng: Thuyết Pháp Thiền Của Đại Thiền Sư Maurine Stuart (Suttle Sound: the Zen Teachings of Maurine Stuart) (nhà xuất bản Shambhala, 1996) “Cho dù cách thức suy nghĩ thường ngày của chúng ta mang tính cách nhị nguyên, trong thực tế tất cả chúng ta đều sống với những tế bào khỏe mạnh và bệnh đồng thời với nhau, trong một điều kiện (hoàn cảnh) hoàn toàn biến đổi thường xuyên”. (vô thường).

Khi tôi điện thoại cho tác giả để sửa soạn tái bản cuốn sách này, Sherry đã đề cập đến khả năng thu hút phi thường các thiền sinh của Maurine, đặc biệt sau khi bà đã ly dị với chồng vào giữa những năm tám mươi, khi đó bà có thể cống hiến nhiều hơn cho công việc huấn luyện tại thiền viện CBA (Cambridge Buddhist Association). Sherry cho biết, “Đó là đam mê chính của bà, là sự cống hiến mãnh liệt tuyệt đối nhất cho Phật pháp. Đặc biệt khi bà đã chẩn đoán được bị mắc bệnh ung thư, bà đã trở thành nguồn mạch trong sáng tuyệt vời qua đó Phật pháp lưu chuyển, cũng như Phật pháp cũng được luân chuyển qua bà, hoàn toàn sẵn sàng phục vụ và mang đầy nhuệ khí hăng say”.

Sherry nhớ lại trong giai đoạn này, khi bà từ chối những cảm tình thương xót, Maurine thực sự đã đề cập rất nhiều đến sự chết., “Bạn có cảm tưởng như Maurine đang đứng ngay bên bờ vực thẳm và bà không tỏ ra sợ sệt chút nào.

“Trudy Goodman, một người bạn cũng như thiền sinh lâu năm của Maurine kể cho tôi câu chuyện sau: “Một ngày trước khi bà ra đi vào cõi vĩnh hằng, vì bà bị mê tỉnh liên miên, với bất kỳ tiếng động nào trong ngoài căn phòng - tiếng còi xe, tiếng động chuyển giường bệnh, tiếng giày của ai đó nện trên nền nhà - Maurine đều đáp lại rất rõ ràng bằng tiếng “Cám ơn... cảm ơn... cảm ơn”. Và rất nhiều người cùng thuật lại chi tiết đó cùng một lúc. Có lẽ một ngày trước khi qua đời và hình như vừa tỉnh dậy sau cơn hôn mê. Bà mở mắt và thốt lên: “Ôi hòa bình tuyệt vời, không có ai ở đó sao?”

Sau khi Maurine viên tịch, tình hình tại CBA gặp khó khăn và xáo trộn một thời gian. Cho dù lý do có phức tạp hay đơn giản (có nhiều nguồn giải thích khác nhau) Maurine đã không chỉ định một người kế vị Phật pháp trước khi chết. Một nguồn đáng tin cậy cho biết hình như bà không có thẩm quyền thực hiện điều này (có nghĩa là bà không nắm giữ cây gậy để truyền lại cho người khác). Nguyên do là vì Soen Nakagawa đã truyền cho bà quyền đó một cách không chính thức. Trong một cuộc phỏng vấn thực hiện vào năm 1982, không có ai hiện diện cả Đại sư Soen chỉ nói một cách đơn giản là, “Hãy để cho các thiền sinh gọi con là thiền sư”. Chỉ có vậy thôi. Không có nghi lễ Xuất gia chính thức nào cả., cũng không có gì ghi lại trong văn khố lưu trữ chính thức tại trung tâm. Tuy nhiên Maurine vẫn thực hiện điều bà đã được truyền, trong khi đó cũng thêm nhiều chi tiết đặc biệt của riêng cá nhân bà, “Làm ơn xin gọi tôi là Maurine”.

Một nguồn tin nhỏ khác nữa, rất có thể không có thiền sinh trưởng thành nào tại Spark Street được coi là người vững vàng và đủ bản lĩnh lên kế vị Maurine. Và lại, sau khi Maurine qua đời, ban giám đốc CBA lại muốn trả lại cho Spark Street mục đích ban đầu của nó, đó là một trung tâm dành cho các biến cố Phật giáo phổ quát và chuyên sâu mang đặc tính không thuộc riêng một truyền thống nào. Ngày ngày các thiền sư thuộc nhiều truyền thống Phật giáo tổ chức những buổi hội thảo và huấn luyện tại đây và nhiều lần trong tuần thường có các khóa thiền và thuyết pháp do một thiền sư hướng dẫn được ban điều hành trung tâm chỉ định.

Trong khi đó (và quan trọng hơn, theo như một số người tôi có dịp tiếp chuyện) tinh thần của Maurine vẫn tiếp tục tỏa sáng tại nhiều nơi cũng như nơi một “số người khổng lồ, khoảng độ hai ngàn hoặc hơn thế”, theo như lời kể lại của Sheila La Farge, một trợ lý thân cận nhất của Maurine trong nhiều năm. Bà còn cho biết thêm, cuộc sống của nhiều người đã được Maurine chuyển hóa, thuộc đủ mọi thành phần, vô danh hay nổi tiếng, sống cuộc sống bình thường hay cuộc sống đặc biệt. Họ đã thể hiện được tinh thần của Maurine trong bất kỳ công việc gì họ làm. Sheila nhận ra được Maurine như là một nghệ nhân tài ba có biệt tài giải thoát bá tánh khỏi những hoàn cảnh

hiếm nghèo, một người vun xới cho tự do và sáng tạo. Maurine thường nhắc đi nhắc lại nhiều lần, “các bạn hãy sống tự lập”. Thật vậy, Sheila cho biết, nhiều thế hệ thiền sinh bà để lại “trông không giống các vị sư Phật giáo chút nào” (theo nghĩa đầu không cạo trọc và không mặc áo cà sa) nhưng họ mang trong lòng ngọn lửa cảm thông và hiểu biết tất cả những gì diễn ra trong đời thường của họ”.

Nhiều năm sau khi Maurine đã qua đời và hầu như do chính bàn tay của mình Sheila đã tạo dựng được một thiền viện tại Harvard, bang Massachusetts, là nơi dành cho nhiều người đến luyện tập hành thiền ba lần một tuần cũng như một lần trọn ngày mỗi tháng. Sheila còn viết cho tôi, “Phương thức thiền mang đậm sắc thái Maurine, hơn kém thuộc thiền định hình thức (formal Zen). Bà đã quyết tâm một cách rõ ràng là phải tránh kiểu hành thiền mờ ám tai hại và loại tâm lý trị liệu biến điều Phật giáo phải cống hiến đồng nghĩa với khoa tâm lý học đơn thuần”.

Một “câu hỏi hóc búa nữa” của Maurine là làm thế nào chúng ta có thể nắm bắt được sức chú ý của mọi người và không mang dáng dấp một người có “quyền lực”, thực hiện Phật pháp một cách trong sáng, với ngôn từ hiện đại trong khi đó vẫn là một con người từ tốn bình thường không mặc áo cà sa”.

Ở cùng thời điểm Sherry Chayat được nhận truyền Phật pháp vào cuối năm 1998, hiện nay ông là thiền sư trụ trì tại trung tâm thiền định Syracuse, tọa lạc trên một khu đất rộng năm mẫu tây nằm tại miền cực nam thành phố Syracuse, bang Nữ Ước. Bà cho biết, Maurine hiện diện trong bất kỳ những gì chúng tôi thực hiện tại đây, chúng tôi đưa tên bà vào lời tụng kinh tận hiến, cũng như chúng tôi đã đưa cả Nyogen Senzaki, người chưa bao giờ được truyền Phật pháp. Bà nói tiếp, tuy cả hai người đều có đường lối riêng, nhưng cả hai thiền sư này cực kỳ quan trọng đối với thiền định tại nước Mỹ ngày nay.

Vì thế cho nên tinh thần Phật pháp Maurine không còn lưu lại trong bất kỳ nơi nào hoặc một con người đặc biệt nào cả. Trong một lá thư Sheila La Farge vừa viết cho tôi mới đây cho biết, “Xét cho cùng thì điểm thực tiễn nhất chính là Maurine đã đánh động được nhiều người, bà là gương sáng tận tụy trong công việc huấn luyện thiền định, Bà đã động viên mọi người áp dụng Koans trong hoàn cảnh thực tiễn riêng của mỗi người, đã khích lệ mọi người đừng tỏ ra quá tận tụy đến khúm núm với bất kỳ một thiền sư nào, nhưng làm việc với tinh thần trách nhiệm và tự chủ, Bà cũng nhắc nhở thêm, “Chúng ta đang sống trên đất Mỹ chứ không phải trên đất Nhật bản, Bà cũng nhấn mạnh là chúng ta phải làm rõ và phân biệt giữa thời gian chúng ta bỏ ra để hành thiền và thời gian chúng ta tiêu hao vào (bất kỳ phương cách nào

mỗi người chúng ta tự chọn) để cống hiến những kết quả công việc luyện tập của chúng ta cho bá tánh”,.

Rồi đoàn đoàn lớp lớp những người trên toàn quốc và tất cả toàn thể trên toàn thế giới, đang tiếp tục thực hiện những Phật pháp của Maurine bằng nhiều cách khác nhau., “Tinh thần của bà là tự do”, Sherry Chayat nói tiếp, “Chính trong việc thực hiện thiền mà chúng ta nắm bắt được sự hiểu biết đích thực những gì bà đã thuyết pháp. Bà chỉ muốn chúng ta trở thành những con người không bị kìm kẹp. Đạt đến được trình độ Maurine chính là đạt đến một nơi không hề có địa chỉ”.

---o0o---

[03] - **Thiền Sư Pema Chodron**

*Phát xuất từ đất màu nâu xám xít
Bông hướng dương bung nở cánh hoa vàng
Quay hướng về ánh dương sáng chói,
Hoa ngỏ lời chào đến mọi sinh linh
Và mỗi ngày
Từ rễ tới ngọn
Là một vãi chào thành kính.*

-- Lenore Friedman

Dưới bầu trời New Mexico trong sáng, một bóng hình in đậm lên ánh nắng chói chang, một phụ nữ mặc bộ đồ đồ tía nhạt đứng một mình trên đỉnh ngọn đồi đá lồi chồm. Còn đang thời xuân sắc và cho dù đã hơn 30 tuổi, mái tóc vàng hoe cắt ngắn trước trán, đi chân không, thân hình dong đưa trước gió. Tất cả những yếu tố đó ai cũng coi bà như là một đáng siêu nhân nhàn hạ. Ngay phía dưới, một người bạn trẻ dõi mắt nhìn theo bà, đứng như bất động tại đó một hồi lâu rồi tiến lại gần. Cậu ta nói những gì không được biết, nhưng xem ra lời nói của cậu ta đã gây tổn thương và khiến cho bà bối rối, nghịch lại tất cả những gì bà đang suy nghĩ về mình ngay lúc đó. Lời cậu nói như sau: “Tôi đã mừng tượng ra bà phải là một Ni Sư Phật giáo”.

Lần đầu tiên tôi gặp bà, khoảng độ mười lăm năm sau. vào mùa thu năm 1982, tôi đang chờ khai mạc buổi tĩnh tâm cuối tuần tại thiền viện Dharmadhatu ở thành phố Berkley, bang California. Một tòa nhà rộng mênh mông, trần cao đầy nghẹt những người đang yên lặng và chờ đợi gì đó. Sàn nhà bóng loáng bày rất nhiều gôi thiền màu đỏ vàng, trên tường treo những biểu ngữ bằng vải lụa rực rỡ. Vị thiền sư chúng tôi đang chờ chính là nữ tỷ Kheo Pema Chodron. Trước đó tôi không hay biết một chút gì về thiền sư, cũng không hiểu vì lý do gì tôi lại có mặt ở đây. Thế rồi bà xuất hiện qua

những cánh cửa gỗ nặng nề phía đằng sau chúng tôi đang đứng. Bà như đi duyệt qua hai hàng người nhìn thẳng về phía trước và miệng mỉm cười. Bà mặc áo cà sa màu nâu sậm bằng vải len, một áo khoác lụa màu vàng cột tay quàng lên một bên vai và để lộ vai kia. Tóc cắt ngắn sát trán. Điều gây ấn tượng cho tôi ngay từ đầu là cái nhìn vừa cá biệt lại vừa băng khuâng khi bà đưa mắt rảo qua chúng tôi một lượt. Tôi nghĩ trong bụng, “Bà thực sự là một nữ thiền sư”.

Có ba điều khiến tôi nhớ mãi về buổi chiều cuối tuần đó. Một là chất từ tôn hòa nhã đến độ khô hài. Một thái độ hòa nhã mà mỗi người chúng tôi đều có thể chia sẻ một cách riêng tư. Và sự tinh nghịch, đùa cợt và châm biếm khiến chúng tôi không thể nghiêm chỉnh được. Thứ hai là những gì Pema nói về những đặc trưng hữu ích cho đường lối hành thiền, hoặc theo như bà gọi là cái chất phải tập trung vào nhóm hành thiền (mandala). Đây là một sự hiểu kỳ. Một sự hiểu kỳ bất tận. Một mối quan tâm thường xuyên nơi bất kỳ điều gì đang nổi lên ngay trong giây phút hiện tại này.

Điều thứ ba tôi nhớ mãi lại xảy ra vào buổi sáng sau khi kết thúc khóa huấn luyện. Tôi đang dạo chơi với con chó, lê bước dọc theo con đường mòn dẫn lên Strawberry Canyon, một nơi thường cung cấp cho tôi những tư tưởng tốt nhất. Vì đôi khi những tư tưởng viết sách về các vị lãnh đạo tinh thần phụ nữ thường được chắt lọc từ những sự kiện xảy ra không liên tục.. Năm vừa qua tôi đã khởi sự một cách sai lầm, tầm cỡ một cuốn sách với quá nhiều tham vọng không thể thực hiện được. Giờ đây tôi nghĩ, “Đây chính là Nữ Tu Sĩ Phật giáo, ở ngay tại Berkley này”. Nếu bạn cũng muốn làm điều gì đó. hãy bắt tay vào việc ngay đi! Đừng để vuột mất cơ hội biến mọi sự thành hiện thực”.

Và không muốn mất thời gian hay đổi ý. Tôi quyết định xuống trở lại lối mòn. Tôi viết lời nhắn nhỏ để lại Dharmadhatu với tên Bà Pama trong đó. Vì cuối tuần đó tôi không thể trực tiếp gặp được bà. Tôi nghĩ tên tôi chẳng nghĩa lý gì với bà cả. Nhưng buổi tối hôm đó, trong một buổi họp mặt nhỏ nhỏ tại nhà riêng một người mời Pama đến nói chuyện, Bà đã đi vào nhà và ngay tức khắc quay lại nhìn tôi, mỉm cười và nói, “Bà đã để lại tôi lời nhắn có phải không?”

Sau đó khi tôi hỏi tại sao bà biết điều đó, Bà nói, “Tôi vừa biết đây thôi” Bà rất phấn khởi nghe dự án tôi trình bày và đồng ý dành ít thời giờ làm việc với tôi sau này khi tôi có thể trở lại Boulder. Cùng lúc chúng tôi có điều kiện để viết và bà cũng có thể gửi cho tôi những tư liệu bà đang ưu tư trong đầu.

Vì thế nên Pema là nhân vật chủ chốt để triển khai cuốn sách này (thành thật cảm ơn Pema). Tuy nhiên một điều thật khô hài là tôi chẳng bao giờ

tới được Boulder. Một năm sau lần chúng tôi gặp nhau, có một hội nghị bàn về phụ nữ theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng tổ chức tại Naropa, tôi dự định tham gia và chúng tôi hẹn thời gian cho cuộc phỏng vấn nhưng vào phút chót hội nghị đã bị bãi bỏ. Vì mọi người đều mong muốn tổ chức lại hội nghị, chúng tôi đồng ý chuyển cuộc gặp cho đến khi nào hội nghị nhóm họp trở lại. Thực tế, hội nghị đã chẳng bao giờ xảy ra. Nhưng vào thời điểm đó Pema lại đến Berkeley thực hiện một khóa huấn luyện cuối tuần khác và vào dịp này tôi đã gặp và tiếp chuyện với bà.

Pema là một nữ tỳ kheo, hay một nữ tu Phật giáo, được xuất gia đầy đủ, một trong số rất ít phụ nữ phương Tây và còn rất hiếm thấy đối với các phụ nữ theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng và chắc bà là phụ nữ Hoa kỳ đầu tiên theo truyền thống Đại Thừa Mật Tông được sửa soạn xuất gia. Thực chất điểm đặc biệt trong cuộc xuất gia này chính là phụ nữ đã bị gạt ra ngoài cả trong truyền thống Phật giáo nguyên thủy lẫn Phật giáo Đại Thừa. Vào năm 1977 Pema nhận được chỉ thị của ngài Đại đức Gyalwa Karmapa báo cho biết bà được tiếp nhận tuyên thệ đầy đủ để trở thành nữ tỳ kheo. Kết quả là, không những chính bà đã hoàn tất việc tiếp nhận xuất gia, nhưng với một sự lười kèm bà đã khai quật lên những qui luật cùng với những chi tiết phức tạp trong các nghi thức xuất gia và bà đã bỏ rất nhiều công sức chuyển ngữ rất cẩn thận các nghi thức đó từ tiếng Trung Hoa sang tiếng Anh. Cuối cùng chính việc làm đó đã tạo điều kiện cho phụ nữ được xuất gia đầy đủ tại phương Tây.

Tuy vậy, Pema phải đi Hong Kong. Theo học ba năm trước khi hoàn tất mọi sửa soạn cho việc xuất gia. Nhưng vào năm 1981, Pema được đưa đến Chùa Minh-Phát tại Hong Kong, sẵn sàng cho nghi thức xuất gia làm nữ tỳ kheo đầy đủ tại đó. Bà là phụ nữ Tây phương duy nhất có mặt tại đó. Không có ai nói tiếng Anh, thời tiết nóng bức và ẩm đến mức không thể tưởng tượng được và những giai đoạn đầu tiếp nhận nghi thức rất hồ hởi, đôi lúc rất mệt. Nghi thức tột đỉnh là đốt trên da đầu trần của tuyền sinh, một truyền thống Đại Thừa Trung quốc mang nhiều ý nghĩa: một là, để thử nghiệm khả năng chịu đựng đau khổ để sửa soạn nhận nhiệm vụ Bồ Tát là chấp nhận đau khổ cho bá tánh. Hai là để thanh tẩy, vết cháy được xác định ngay tại tọa độ quan trọng nhất và ba là một bằng chứng đã được xuất gia.

Pema cho tôi hay, “Tôi có ba vết sẹo tròn trên trán có thể thấy được khi tôi cạo đầu”. Chúng tôi ngồi thiền trong phòng khách căn nhà bà đang lưu lại trong cuộc viếng thăm Berkeley. Tôi nhận xét, “Bà trở thành nữ tu quá trẻ bà đã chọn con đường nghịch lại với đường đời”.

“Vâng. Và không có một tiền lệ nào trong việc này từ trước đến giờ vì tôi chưa gặp một nữ tu nào trừ nữ tu Palmo (một phụ nữ người Anh được xuất gia nhiều năm trước đây theo truyền thống Tây Tạng), nữ tu này gây nhiều ảnh hưởng trong tôi. Tôi đã gặp bà hai năm trước khi tôi được chính thức xuất gia và bà đã có mặt trong nghi thức xuất gia thử của tôi tại tập viện. chính bà là người nói cho tôi biết phải làm những gì, những lễ vật nào phải được dâng lên Đức Phật, tôi được mặc loại áo cà sa nào. Và cũng chính nữ tu đó nói với tôi nếu như muốn nhận nghi lễ xuất gia đầy đủ, thì phải đi Hong Kong. Bà là người đầu đã làm điều đó”.

Nhưng nữ tu Palmo không cho Pama biết những thông tin cần thiết về diễn tiến công việc xuất gia, tỷ dụ như bà phải biết toàn bộ tiến trình xuất gia từ đầu (thí dụ, đi theo thiền viện trưởng đã thực hiện nghi thức tại Hong Kong, nhưng ông đã di chuyển đến Bronx!).

Pema sinh năm 1936, tại thành phố Nữ Ước. Khi còn trẻ, gia đình bà di chuyển đến New Jersey, ở đó bà phải sống trong một nông trại, trong một căn nhà mang nhiều dấu tích cách mạng (xây năm 1774) tại đó bà đã trải qua trọn vẹn quãng đời thanh thiếu niên, Bà chỉ ra khỏi nơi đó khi đi lấy chồng, năm đó mới hai mươi một tuổi. Bà nhớ lại thời tuổi thơ rất hồn nhiên và êm đềm. Bà có một anh trai và ba em gái. Khởi đầu con đường siêu nhiên bà đã gán cho những kỷ niệm có được tại trường nội trú, khi đó bà đã tham gia một nhóm các bạn gái tuyệt nhất để học và làm bài tại nhà. “Nhóm này đã gieo vào óc tò mò tìm tòi của tôi, tôi còn nhớ là thời gian bắt đầu nghiên cứu sâu sa hơn, bắt đầu tìm hiểu và muốn tiến xa hơn nữa”.

Bà đã lập gia đình hai lần - “hình như liên tục - tôi chưa bao giờ không có gia đình - bạn có thể nói như vậy”, Ở vào tuổi ba mươi lăm bà kết thúc hôn nhân thứ hai. Bà đã bị một cơn tức giận bùng nổ dữ dội. bà rất ngạc nhiên, thực tế bà chưa có kinh nghiệm nào như vậy bao giờ và không biết phải đối phó ra sao.

“Tôi bị chồng ruồng bỏ. Nghĩ lại mới thấy vấn đề chỉ tại tôi quá lệ thuộc vào ông ta. Tôi đã thấy thâm thía điều vô lý đó và nỗi sợ hãi khi ta có tương quan phụ thuộc vào người khác và đột nhiên không còn chỗ dựa ấy nữa. Cảm nhận đó đang lấn át tôi. Tôi không bao giờ muốn bị lấn át như vậy. Nhưng một trong những trở ngại chính lại là sự lệ thuộc. Thế nên tôi tìm kiếm đây đó để có lời giải đáp. Trước tiên làm sao đối phó với cường độ bức tức của tôi, điều này đã làm tôi hoảng sợ rất nhiều. Khuynh hướng quen thuộc chính tạo nên cá tính của tôi đã biến mất. Và điều đó khiến tôi kinh hoàng”.

Bà bắt đầu đi thăm dò nhiều phương pháp trị liệu. Bà đến cư trú với một nhóm theo Ấn độ giáo một thời gian, ngay tại Trung Tâm Lama Foundation tại thành phố New Mexico. Tại đó cũng không đáp ứng được những điều bà đang cảm nhận.

Và rồi thỉnh linh bà đọc được một bài báo tác giả là Đại Đức Chogyam Trungpa, Rinpoche. Bà chưa có một ý tưởng nào về Phật giáo cả, bà cũng chưa biết bài viết đó là do một Phật tử viết. “Bài báo đề cập đến vấn đề tiêu cực và làm giải quyết vấn đề bằng khôn ngoan của năng lực bị tiêu hao vào tiêu cực đó, điều đó đã mách bảo tôi được đôi điều lý thú”. Thay vì nhìn tiêu cực như là một điều xấu, là điều phải xa lánh, bài báo đã vạch ra sự khôn ngoan tiềm tàng, chúng ta có thể tận dụng được thay vì cố gắng dẹp bỏ đi. Đây là những tư tưởng đầu tiên có liên quan đến những gì Pema đang phải trải qua. Bà không biết điều này có liên quan gì đến Phật giáo không. Hiện nay bà cho biết “Đương nhiên đó là phần rất chính yếu trong truyền thống Phật giáo Đại thừa (Mật tông).

Chỉ sau ít ngày bà đọc được bài báo đó, một người bạn cũ tự nhiên xuất hiện cho biết đang trên đường du lịch đến Trại Sufi trên dãy Alpes nước Pháp. Bà cảm thấy đau khổ và chỉ mong có cơ hội là “nhảy vô liên”. Hai đứa con ở với bố, vậy nên bà được tự do theo đuổi ước muốn của mình và thế là bà lên đường đến rặng núi Alpes bên Pháp. Tại đó bà đã gặp Lama Chime Rinpoche, ông ta là người rất “dây dạn kinh nghiệm” và hỏi xem Pema có thể sang Luân Đôn với ông để học về Phật giáo. Bà chấp nhận thực hiện điều này và trong nhiều năm bà đã đi tới đi lui từ Mỹ sang Anh quốc để theo học với Lama Chime.

Vào thời điểm này hai đứa con của bà đã lên mười và đang sống với bố khi Pema đi học tại Anh quốc, bà cũng tiếp tục học tại San Francisco – “Vậy là chúng có điều kiện tốt”. Trong thời gian ở Mỹ, Pema đến sống tại thiền viện Dharmadhatu ở San Francisco. Ban ngày bà dạy học tại một trường tư trong trang phục dân sự bình thường vào ban đêm bà mặc áo cà sa màu nâu đỏ để dạy các lớp Phật học tại trung tâm. Bà đã trở thành một nữ tu (nữ tỳ kheo) khi còn theo học với Lama Chime tại Luân đôn, khi đó một lần Đại Đức Gyalwa Karmapa đến thăm Anh quốc và xuất gia cho bà lần đầu tiên vào năm 1974. Cũng chính Lama Chime đã động viên bà cộng tác với Chogyam Trungpa, Rinpoche, cứ mỗi lần bà về lại Hoa kỳ và cuối cùng bà đã có những quan hệ sâu đậm nhất với Trungpa Rinpoche.

Khi Đại Đức Kampana đến thăm nước Mỹ lần thứ hai vào năm 1977, ông đã gặp Pema trong nhóm thánh giả và ông báo cho bà biết để sửa soạn xuất gia vĩnh viễn. Bà hỏi lại: “Nhưng điều đó diễn ra thế nào được” bà dư biết là

nghi thức xuất gia cho phụ nữ theo truyền thống Tây Tạng đã biến mất từ lâu, nhưng ngài Karmapa cho biết chính ông sẽ xuất gia cho Pema.

Điều này không dễ gì thực hiện được – Điều xảy ra là Đại đức không thể tiến hành nghi lễ cho một phụ nữ, vì quyền hạn thực hiện điều phụ thuộc luật lệ (vinaya) của thế hệ khác. Vì thế Pema bắt đầu công việc điều tra.

“Tôi thường điện thoại đến Trung tâm Bronx, nhưng không có ai biết nói tiếng Anh. Vậy là chúng tôi không thể liên lạc được. Tôi phải viết thư đến nhưng cũng không được hồi âm. Không hiểu vì lý do gì. Cuối cùng tôi điện thoại vào một ngày Chúa Nhật và có người nói được tiếng Anh trả lời và vì thế tôi biết được địa chỉ chính xác ngôi chùa tại Hong Kong và đã đến tận nơi để hỏi thăm”.

“Dạ thưa bà Pema, theo như bà kể lại thì tất cả đều rất đơn giản! Và nếu như mọi sự tiến triển tốt đẹp”. Ngay lần đầu tiên bà đọc bài báo của Trungpa Rinpoche, bà đã tiến tới, từng bước một, với thái độ tích cực và không lạc hướng. Tôi thắc mắc: “Thế bà cắt nghĩa ra sao sự việc đó?”.

“Tôi nghĩ rằng ở một vài điều trong cuộc sống của bất kỳ ai cũng đều có liên quan tới dòng chảy nghiệp báo (karma) quá khứ. Bạn cứ lao vào rồi bạn sẽ biết lý do tại sao phải tiến tới. Trở thành một Phật tử không nhất thiết phải có những cảm nhận như tôi. Nhưng một khi tôi bắt đầu nhận tấn phong dứt khoát nghiệp báo đã ứng nhiệm. Khi mới vào tu viện tôi cũng thấy như thế. giống như có sức mạnh gì đó thôi thúc và bạn không thể làm gì hơn để cưỡng lại được.

“Thí dụ, lần cuối cùng gặp Karmapa, tôi đã hỏi ông xem tôi có thể giúp ông được gì, sau khi được xuất gia. Karmapa trả lời, “Hãy đem tất cả các bản kinh và dịch sang tiếng Anh”. Và đó cũng là một việc dễ làm. Họ đưa cho tôi tất cả các bản văn. Tôi trở về Mỹ. Tôi viết thư báo cho một người ông ta đã giới thiệu với tôi có thể dịch được. Ông đến chỗ tôi thăm tại Pennsylvania. Ông ta đưa cho tôi tên một người ở Đài loan. Người này đồng ý ngay. Và đoàn thể Phật giáo Đài Loan sẽ trả tiền thù lao. Tôi cũng đã huy động được một ít tiền dùng cho công việc này, tôi cảm thấy như ép họ phải nhận thực hiện.! Thế là mọi việc trở thành dễ dàng, cho dù phải qui hoạch nhiều chi tiết trong công việc, giống như công việc xây dựng một tu viện”.

Tôi hỏi tiếp, “Có chi tiết nào trong cuộc sống quá khứ giúp bà đoán được khuynh hướng theo đuổi cuộc sống tu trì của bà không?”

“Không có”

“Chẳng có chi hết sao”. Đây là một chi tiết hoàn toàn mới. Nhưng hình như điều đó đã không làm cho bà khó chịu.

“Vâng, có đôi lúc, tôi đã muốn đem hết nghị lực thực hiện một chuyên thám hiểm gì đó. Tôi đã lập gia đình khi mới có hai mươi một tuổi, đã nuôi dạy con cái và cảm thấy mình đã hoàn thành trách nhiệm với các công việc gia đình. Tôi đã khám phá tình dục đến mức độ tôi không cảm thấy có bất kỳ góc độ mờ ám hoặc vấn đề gì chưa được giải quyết. Tôi không muốn lập gia đình trở lại hay đặc biệt ngay cả tiến hành bất kỳ tương quan mới nào nữa. Sở thích và đam mê thực sự của tôi là muốn đi sâu hơn nữa. Tôi cảm thấy đã trở thành dày dặn hơn và để thực sự tiếp cận với sự thật hoặc thực tế nguyên trạng của nó. – Bất kỳ bạn muốn gọi là gì cũng được – tôi cần đặt hết nghị lực vào đó, một cách toàn diện. Chính vì thế tôi đã trở thành một nữ tu. Đó chính là ước- muốn- chi- có- một- điểm duy nhất để thực hiện. Đối với tôi giống như đã cảm thấy bước được một bước vĩ đại tiến lên phía trước vào chốn vô tri. Tôi cũng đã suy nghĩ một khi đã có ý định thực hiện điều này tôi không thể quay lại được nữa. Mà chỉ có biết tiến tới”.

Vì Pema được nuôi dạy là người Công Giáo, ấn tượng đầu đời của bà là các nữ tu thuộc thành phần những người bị áp bức. Trái lại giờ đây bà lại nhận thấy cuộc sống tu trì là “một khát vọng cho cuộc sống”. Bạn có một thèm khát thành đạt và bạn chỉ cần quyết tâm muốn tiến lên phía trước. Cũng còn có một vài điều cần thực hiện để làm sao bạn không tự giới hạn trước một con người hay một hoàn cảnh nào đó, nhưng thực chất bạn đang chia sẻ chính mình với mọi người”.

Thế nên tính lệ thuộc đã thúc đẩy bà lao vào nghiên cứu. Và rồi thời gian qua đi, “điều đó đã dần dà tan biến. Tôi đã bắt đầu tìm được chỗ đứng. Nghiệp chướng và phong cách của tôi đã bắt đầu phối hợp với nhau. Và cuối cùng cả hai đã hòa hợp vào nhau. Tôi cảm thấy tự tin hơn, niềm tin đó không tùy thuộc vào bất kỳ điều gì. Tôi đã tự khám phá ra điều đó. Tất cả những ai tìm tòi nghiên cứu đều phải trải qua cuộc hành trình này. Bạn phải tự thực hiện điều đó. Cho dù đoàn thể bạn đang sống có to lớn đến đâu chẳng nữa, hay bạn quý mến thiên sư của mình đến mức độ nào, hoặc bất kỳ điều gì khác. Bạn đừng biết trong cuộc hành trình này bạn chỉ có một mình. Thực chất, đây là điều Rinpoche đã luôn dạy tôi – tức là mình phải tìm tòi lấy hết mọi sự. Đó là điều hoàn toàn trái ngược với tính lệ thuộc. Điều duy nhất bạn phải lưu ý đó là đừng trở thành quá lộ bịch hay lạnh lùng hoặc vô cảm. Bạn luôn thấy mình bận bịu, rất bận bịu nữa là đàng khác”.

Pema cho biết thêm, tính lệ thuộc là điều khó hiểu cho đến khi nào bạn loại bỏ được nó. Có lẽ, không lệ thuộc đôi khi cũng dễ bị hiểu lầm. “Thường

được gọi là không dính bén, nhưng từ không đúng. Vì trên đời này bạn phải tham gia nhiều hơn. Sự lệ thuộc giống như được bảo vệ. Và không lệ thuộc lại giống như dững cảm và can đảm”.

Cho dù bạn đang sống ở giai đoạn nào trong cuộc sống, Pema nhắc nhở bạn là hãy làm cho thực tốt. “Vì cuộc sống sẽ dạy bạn, luôn đang dạy bạn. Và sau này, bạn luôn rút tỉa được kinh nghiệm quý báu về giai đoạn đó trong cuộc sống, hơn là điều bạn luôn ghét cay ghét đắng. Theo thiếu ý của tôi, khôn ngoan xuất phát từ việc tập trung toàn bộ tư tưởng và năng lực vào bất luận điều gì bạn đang làm. Những bài học cuộc sống cho bạn thấy nhan nhản khắp nơi.

Thế nên điều quan trọng là đừng bao giờ chiều theo khuynh hướng phần nộ quá mạnh mẽ, đừng trách móc người khác hoặc có ác cảm với bất kỳ hoàn cảnh khó xử nào trong cuộc sống, Bà cảm nhận được, “Điều ta cần phải thúc đẩy là lòng can đảm và sẵn sàng dám nhận trách nhiệm về chính cuộc sống của mình. Tôi không bao giờ muốn ta thán trách móc ai. Tôi nghĩ đó là điều sai lầm lớn nhất ta có thể phạm phải. Và chúng ta rất dễ can dự vào. Nhưng đó là sai lầm, sai lầm hoàn toàn”.

Ngay giai đoạn đầu công việc nghiên cứu, Pema giới thiệu tôi quan hệ với một thiền sư thuộc truyền thống Đại Thừa và cũng là một ni sư, đang sống tại Úc. Bà đã thành lập một trung tâm Phật giáo Quốc Tế dành cho phụ nữ tại Sri Lanka. Đó là Ayya Khema, chúng tôi đã trao đổi thư từ trong nhiều năm và bà vừa ghé chỗ tôi một tuần trong chuyến sang thăm Hoa Kỳ lần thứ hai. Pema chưa bao giờ gặp Ayya. “Nhưng trong câu chuyện bà nhắc nhở tôi một chi tiết xảy ra trong chuyến thăm Hoa kỳ vừa rồi. Tôi quyết định tham gia ngay, như hòn đá cuội ném xuống vũng nước để xem có chuyện gì xảy ra”.

Chúng tôi ngồi nói chuyện quanh chiếc bàn trong bếp ăn, gồm một số bạn bè của tôi, Ayya Khema và tôi. Chỉ sau một ít phút cuộc tranh luận trở nên căng thẳng, ngay cả não động đến mức độ một người bạn của tôi phải rời lệ vì không thể kiềm chế được.

Tôi nói với Pema, “Ni sư biết không, Ayya không bao giờ khoan nhượng. Theo như lời bà nói, bà đang gặp khó khăn về tiền bạc. Bà không làm qua loa cho xong chuyện. Bà luôn vạch ra yêu điểm nơi ảo giác của nhiều người cho là họ có thể thoải mái và duy trì được những gì tốt đẹp trong cuộc sống mà vẫn đạt đến thành công. Đêm hôm đó bà đề cập rất nhiều đến vấn đề “đau khổ” (dukkha) và bàn cách làm thế nào để thoát khổ. Bà nói một khi bạn thật sự ném mùi đau khổ và tại sao đau khổ lại có mặt ở khắp nơi như vậy thì bạn sẽ không còn muốn chờ đợi gì nữa...”

“Và hãy cứ để cho nó tự trôi qua, tách biệt nó ra khỏi bản ngã?” tôi nói chêm vào “hoặc chỉ cần loại bỏ nó đi?” tôi đoán chắc bà không có ý muốn nói là tiêu diệt hoặc gác vấn đề sang một bên. Nhưng vẫn có điều gì đó rất khắc nghiệt vì đau khổ như bà đang trình bày. Và hình như nó đi ngược lại với chính khát vọng cuộc sống của chúng ta”.

Pema nói: “Vâng, vấn đề từ bỏ đau khổ rất quan trọng. Nhưng có nhiều cách khác nhau để hiểu ý nghĩa đau khổ. Trong bản dịch Kinh Phật chúng ta tụng mỗi buổi sáng, “từ bỏ đau khổ” (dukkha) mang nghĩa là “chống lại cái vòng luân hồi (Samsara)” theo chỗ tôi hiểu: bạn không thể tự lừa dối mình lâu hơn được nữa trong việc tận dùng mọi cơ hội để kiến tạo bản thân. Bạn phải biết tự lượng sức mình, tự biết mình cách toàn diện, giống như nghiên cứu ngành nhân loại học, theo tôi được biết. Đó là cách suy luận mỗi khi bạn đề cập đến từ bỏ. Hiện giờ đó là điều hết sức tế nhị và tôi nghĩ cũng rất thích hợp với những Phật tử Đại Thừa và Mật Tông để gặp gỡ một Phật tử Tiểu Thừa sắp sửa vạch ra sai trái cho bạn về vấn đề đó”.

“Như Ayya đang thực hiện đúng không?”

“Vâng, tự lừa dối mình thật quá dễ dàng! Vì thế nên thà cảm thấy khó chịu bực bội vẫn cứ tốt. Luôn có những điều bạn chưa thể hiểu, tiếp thu hay hoàn thành được. Bạn luôn cảm thấy như vậy. Có điều thật hấp dẫn là bạn luôn tiến tới phía trước. Nhưng tôi cảm thấy bạn không bao giờ tiến tới đích cả. Toàn bộ qui trình đó không bao giờ kết thúc vì suy nghĩ của bạn không giới hạn. Vậy nên chúng ta luôn phải tích cực nghiên cứu. Tôi gọi đó là sở thích hay sự tò mò. Đối với tôi, phải thực hiện điều đó với cả tâm lòng mở rộng, hơn là chỉ muốn loại bỏ điều gì đó”.

“Trí tuệ bạn đang rộng mở..”.

“Điểm qui chiếu của bạn không còn vững vàng nữa. Chúng đã thay đổi. Bản ngã không phải là điểm qui chiếu”.

“Và đương nhiên trí tuệ luôn vô tận”.

“Tôi luôn hình dung trí tuệ và không gian luôn đồng nhất với nhau”.

“Trí tuệ và không gian hay thời gian và không gian?”

“Trí tuệ “

“Trí tuệ và thời gian là một hay sao?”

“Có người ảo tưởng cho rằng trí tuệ chúng ta là điều hữu hạn và nhỏ bé. Điều đó thực sự không hoàn toàn đúng. Tuy nhiên, đó chính là nền móng việc nghiên cứu của chúng ta.. Và chính là điểm phát xuất ra lòng từ bi hỷ

xả. Vì chúng ta đang sống trên một thế giới tương đối (vô thường). Nên theo tôi chúng ta rất muốn giúp đỡ mọi người”.

Vì trí tuệ vô hạn và lòng từ bi cũng vậy. Nên điều đó không chỉ áp dụng cho một số người nào đó. Nó còn vươn tới cả những ai có những hành vi khiến chúng ta phải hoảng sợ. Thí dụ như, việc lạm dụng tình dục trẻ em hay làm tổn thương con vật trong phòng thí nghiệm- nếu bạn không hiểu lý do tại sao có người thực hiện những điều này, bạn không nắm được vấn đề, Pema cho biết thêm, “Không có gì làm thuyên giảm lòng từ bi của bạn được”.

“Bà đối phó ra sao khi bị xúc phạm?”

“Bằng cách không quá cường điệu nguyên nhân những xúc phạm đó. Và không trách móc, nguyên rủa. Rồi bạn có thể hành động với cảm nghĩ hoàn toàn thoải mái. Rồi bạn đừng nên suy nghĩ lý do là do tôi, do chúng tôi gây ra bạn cố gắng giới hạn sự thiệt hại có thể xảy ra. Nhưng nếu khi nào bạn còn coi người khác là kẻ thù, đó lại là một cách thức khác để đối phó với chính bản ngã của bạn vậy.

Bà kết luận, “Thế nên xúc phạm là một cảm nhận tuyệt vời để chúng ta nghiên cứu, Thật sự xúc phạm hết sức đau khổ và làm tổn thương đến người khác thế mà bạn vẫn còn rất muốn gây ra cho người hay vật nào đó. – Nhưng nếu bạn không gây ra đau khổ và tổn thương, điều đó sẽ mở ra cho bạn khả năng được nối kết với trực giác và hiểu biết thực sự.”.

Một trong những vấn đề khác tôi nêu ra với Pema đó là sự tồn tại các cơ cấu giáo quyền và các biểu tượng nơi truyền thống Đại Thừa Tây Tạng. Xuất phát từ bối cảnh Thiền Minh Sát và Thiền định (Zen) tôi không thể không chú ý đến hệ thống phẩm trật sinh động, lộng lẫy và nhiều nghi thức hình như đã thấm sâu vào môi trường Phật giáo Tây Tạng.

Pema cho biết tiếp, “Đó là điều rất phức tạp theo tôi kinh nghiệm. Nếu ai đó trình bày phẩm trật như là một khái niệm triết học, tôi chẳng quan tâm đến làm gì. Nhưng thực tế khái niệm đó có thể rất mạnh theo quan điểm những gì đã được dạy cho bạn. Tôi rất kính trọng truyền thống và nghi thức. Tôi coi đó như là một tiêu chí có thể liên kết bạn với nền văn minh có thể bị mai một đi nếu không có cách cứu vãn. Và phẩm trật là một phần trong đó. Sự sùng kính cũng là một phần quan trọng trong Phật giáo Đại thừa. Nhưng bạn biết đó nó dựa trên nền tảng sự hiểu biết về shunayata (khoảng trống không hay hư vô) Thực chất không có cơ sở nào để quan niệm như vậy. Vì thế cho nên chúng ta có thể sử dụng những hình thức để đạt được thông minh trí tuệ. Những người thổ dân Hoa Kỳ cũng làm y như vậy. Họ có những già làng và có những phương cách mang tính chất nghi thức để liên hệ với vũ trụ. Điều đó cũng hoàn toàn giống với Phật giáo Đại Thừa trong nhiều lãnh vực. Điều

đó liên quan đến phát triển trí tuệ và tấm lòng.. Và đối với những vấn đề thuộc tấm lòng nó còn liên quan nhiều đến lòng kính trọng và biết ơn”.

Tại hội nghị Đại kết mới đây với những phát biểu của nhiều phát ngôn viên thuộc nhiều tôn giáo trên thế giới, kể cả những người thổ dân Hoa kỳ, Pema đã nói, mọi người đều đồng ý là có ba điều kiện tất yếu để cho quá trình siêu nhiên nơi bá tánh phát triển đó là lòng biết ơn, lòng khiêm tốn và sự khôi hài. Cơ bản mà nói những điều này có liên quan trực tiếp đến việc khám phá ra vị thế của bạn trong vũ trụ. “Bạn có thể chỉ là một hạt bụi nhỏ nhất và chính vì thế bạn cũng có thể là chúa tể vũ trụ không chừng”. Bà cảm thấy, “Chúng ta cần có cảm nhận tri ân và kính trọng, ngược lại với thái độ đó là tính kiêu căng”.

Khi một thiền sinh của Trungpa Rinpoche đọc một bài phát biểu, thói quen của mọi người là đứng lên khi người phát ngôn bước vào, Pema nói, “Thật là tuyệt ở vào vị trí đó, vì bạn có thể suy nghĩ, “Ôi, tôi đâu có xứng được như vậy!” Bà dự biết rằng đâu có phải tại Pema mà họ đứng dậy đâu, đó là một hành vi đánh giá cao đối với thế giới này.

Bà nhớ lại một lần bà trao đổi với Gerald Red Elk, một bác sĩ người Sinoux, ông đề cập đến phép xã giao trẻ con Sinoux được huấn luyện ngay từ thời chúng còn rất nhỏ. Tỷ dụ như, chúng không bao giờ nói chuyện với người lớn mà gọi tên người ta. Chúng không được chào người chú bằng tên “Joe” hay “Tom” đâu. Khi chúng bước vào trong nhà của bạn chúng khoanh tay lại và nói: “Chào chú ạ”

“Chúng ta kịch liệt bác bỏ những điều trên đây và chúng ta đồng hóa chúng với những hình thức trống rỗng vô nghĩa. Với một cái “nấp” Pema nói tiếp, “nhưng theo trường phái Tăng già Mật Tông (Vajrayana), họ lại nói về sự khác nhau giữa cái “nấp” và “cái hoa”. Nghĩa là có một hệ thống cấp bậc tự nhiên trên thế gian này. Thí dụ như, nếu có ai nói, ‘đừng để cuốn Kinh Thánh trên sàn nhà,’ nếu bạn không có một chút nhận thức nào về lòng kính trọng bạn có thể tranh cãi về điều đó. ‘Nền nhà không sánh bằng cuốn sách hay sao? “nhưng nếu bạn nhận ra biết bao nhiêu công sức và công hiến cũng như biết bao nhiêu trí tuệ đã được bỏ vào cuốn sách đó, bạn sẽ đặt cuốn sách lên một chỗ cao hơn, không phải dưới sàn nhà, rất có thể có người sẽ dẫm lên cuốn sách đó. Tất cả những hệ thống cấp bậc đều như thế cả. Điều đó cần tới tấm lòng của bạn có thể trở nên mềm dịu hơn, có thể để cho bạn ôm vào chính lòng bạn và có thể cởi mở tấm lòng ra để kính trọng thế gian này. Vì thế mà họ nói bạn có thể coi đó như là cái nấp hay coi đó như là cái hoa tùy ý. Cũng giống như một hạt giống phải được chăm bón rồi nó mới mọc thành cây. Tôi được huấn luyện cơ bản rất chính quy và kinh nghiệm của tôi

về hệ thống cấp bậc luôn luôn giúp tôi hiểu được tại sao tôi đang làm những gì tôi đang làm. Kết quả là tôi thường phải nhượng bộ một khi tôi thấy điều đó là sai. Một khi bạn đặt niềm tin vào một vị thiên sư và kính trọng ông và rồi có ước muốn tiếp tục theo đuổi những gì bạn đã được dạy dỗ, vì đôi khi đó là cách duy nhất để đạt đến kết quả khi mà sự đối kháng quen thuộc của bạn bắt đầu nổi lên.

Cuộc họp đầu tiên giữa Pema với Chogyam Trungpa Rinpoche, diễn ra vào một ngày tháng Hai đầy tuyết rơi năm 1972. Bà đang giảng cho một lớp con nít về Đạo (Tao) tại thành phố New Mexico. Lớp học đang đọc cuốn sách của Trungpa mang tên Sinh Ra Tại Tây Tạng (Born in Tibet). Lúc ông đang đến thăm một trung tâm Lama Foundation gần đó. Ngay tức khắc Pema dẫn các em lên ba chiếc xe car và leo lên đồi để gặp Chogyam Trungpa Rinpoche.

“Chúng được gặp mặt thiên sư và tất cả các trẻ em đều hỏi ông nhiều điều, ông đã trả lời chúng rất khôi hài và đầy ấn tượng. Làm sao giới hạn được khuynh hướng của bọn trẻ quá thần tượng hóa ông kể cả những kinh nghiệm của ông nữa. Tôi cảm thấy ông rất thu hút và lưu lại với ông thêm ba bốn ngày nữa. Những cuộc thảo luận suốt buổi tối luôn được tổ chức với mọi người có mặt ở đó. Điều hấp dẫn tôi không phải là cảm giác ám cúng lúc ban đầu, tôi đã cảm thấy như vậy khi gặp Lama Chime. Nhưng với sự hiện diện của Rinpoche tôi cảm thấy dễ thổ lộ tâm tình và có thể nhận ra cái nghiệp chướng (karma) chưa hoàn chỉnh của tôi – tức là những điều chưa kết thúc và còn nhiều điều đáng nói trong đời tôi. Sau này khi tôi chính thức xin làm thiên sinh của ông, đa phần là vì ông đã đẩy tôi vào điểm biết được quá nhiều hay toàn bộ sự việc về ông bị khuấy động lên”.

Sau khi Pema được xuất gia Ni sư (nữ tu) ít lâu và trở lại San Francisco, bà mới chính thức trở thành thiên sinh của Chogyam Trungpa. Vào thời điểm đó Pema đã hoàn tất những luyện tập bốn bài thực hành mở đầu (Ngondro) Tây Tạng với Lama Chime. Những thực hành đầu tiên này cần đến nhiều năm tập luyện. Gồm tới 100.000 kiêu vái lạy, 100.000 lần tụng Kinh Niệm Phật. (mantra), 100.000 lần dâng lễ vật (Mandala) và 100.000 lần Guruyaga. Pema đã tiến tới thực hành bài luyện tập suy tư cao cấp hơn. Nhưng khi bà đã trở thành thiên sinh của Trungpa Rinpoche, ông đưa bà trở lại với hành thiền thuần túy – Nhập Định Thiên Minh Sát (Vipassana) chuyên việc tập luyện về hơi thở, đặc biệt là thở ra.

Pema cho biết “Có nhiều điều mới trong việc luyện tập này, nó giúp ta tu luyện lòng nhân ái, khuynh hướng bất bạo động, chính xác trong suy tư. Tôi ngồi thiền như vậy trong một thời gian dài thực hiện những chương trình kéo

dài hàng tháng và nhiều công việc khác nữa. Một năm sau tôi yêu cầu thử xem có thể bắt đầu luyện tập thiền Vajrayana được chưa, nhưng Rinpoche nói hãy còn quá sớm. Thế là tôi ngồi thiền như thế trong vòng ba năm. Và rồi tôi thực hiện trở lại toàn bộ bốn bài tập mở đầu (Ngondro) lần thứ hai.

Sau đó như đa số các thiền sinh của Trungpa Rinpoche, Pema được nhận giáo huấn Vajrayogini sơ khởi (abbisheka,) rồi bắt đầu luyện tập thiền Vajrayogini (Sadhana), bà đã luyện Thiền Sadhana trong vòng tám năm cho đến khi tôi đến phỏng vấn bà. Trước khi kết thúc một năm, Trungpa Rinpoche muốn hướng dẫn các thiền sinh trưởng thành của mình tiến thêm một bước nữa và cho phép nhận tiếp giáo huấn Chakrasamvara sơ khởi (abhisheka) và sau đó Pema lại bắt đầu luyện đến thiền Chakrasamvara (sadhana).

“Bài luyện tập khác Rinpoche đã ban cho chúng tôi chính một bài luyện tập thiền Đại Thừa Mahayana gọi là luyện thở Tonglen, chủ trương thiết lập tương quan giữa ta và người khác, tu luyện tâm trí, tu luyện thiện tâm với chính mình và người khác. Thế nên tôi đã thực hiện Thiền Minh Sát tĩnh lặng tâm hồn (Samatha vipassana) đồng thời nhận dấu ấn mahamudra, tôi cũng luyện tập tương quan Tonglen và luyện tập thiền theo trường phái Kim Cương Thừa (Vajrayana) – gồm tất cả các ba thừa yanas. Điều này thật đặc biệt cho một thiền sinh theo Trungpa Rinpoche. Chúng tôi cũng được học Vương quốc thần thoại Shambhala và thực hành rất nhiều kinh Đại Niệm Xứ. Nơi cuộc sống hàng ngày.

Vị thiền Sư nữa gây ảnh hưởng đến Pema rất nhiều đó là ngài Đại Đức Gyalwa Karmapa thứ Mười Sáu. Cho dù ông là người đầu tiên đã xuất gia cho Pema, bà cảm thấy liên lạc giữa hai người rất thân tình trong thời gian đó. Bà chỉ có được một kỷ niệm sâu sắc nhất đó là một giai đoạn ngắn sau nghi thức truyền chức. Karmapa đang ngồi thiền trước cửa sổ và có ánh sáng dội qua, phản chiếu trên mặt ông.

“Màn cửa sổ có màu quả mơ và lưới mỏng, ông ta ngồi đó và mỉm cười thoải mái. Ông đang nói chuyện với tất cả chúng tôi là những người vừa được phong chức. Và ông nói “các bạn biết đó nếu các bạn giữ được ý nghĩa việc phong chức này kéo dài suốt cả đời, các bạn sẽ tề tựu lại với tôi sau khi trở về với Bồ tát Maitreya” ý ông muốn nói ông sẽ trở thành Phật tử Bồ tát Maitreya và chúng tôi sẽ ở với ông tại đó. bạn có thể hình dung chính bạn hiện diện ở đó với ông dưới một gốc cây. Và rồi ông nói thêm, “Nếu bạn chưa bao giờ bị cám dỗ vì phạm lời tuyên thệ, chỉ cần suy nghĩ đến tôi đang ngồi thiền dưới gốc cây này – một người rất mập đầu cạo trọc - và chỉ cần nhớ đến mặt tôi và điều đó sẽ nâng đỡ bạn rất nhiều”, tôi cảm thấy điều đó

thật tuyệt vời và điều này còn đem lại nhiều sức mạnh hơn bất kỳ bài diễn thuyết hay huấn dụ đạo đức nào khác, ông đã thực hiện. Tôi chỉ cần liên tưởng đến ông tại đó, cười vang với vẻ mặt tươi tắn.

Trong suốt thời gian Karmapa trở lại viếng thăm nước Mỹ lần cuối, ông bị bệnh ung thư nặng. Pema cảm thấy rất gần gũi với ông, đến nỗi “hầu như không thể chịu đựng được nữa”. Mỗi giây phút thật quý báu. Để phục vụ cho ngài, đơn giản chỉ là đưa cho Ngài một chút nước, cố gắng làm cho Ngài thoải mái hơn – dầu sao ông không bao giờ than vãn và tiếp tục thuyết giảng. Điều đó Pema cảm thấy rất vinh dự.

Trong chuyến trở lại Tây-tạng, căn bệnh ung thư ngày càng trầm trọng và sau cùng Ngài được đưa trở lại một bệnh viện nhỏ trị ung thư tại Zion bang Illinois. Đến với ngài có rất nhiều thầy Tulkus và các vị thiền sư Kagyu, kể cả Trungpa Rinpoche. Trong suốt thời gian ông nằm viện tại đây người ta thường xuyên gặp Pema đến thăm ông. Nhưng bà không hiểu vì lý do gì bà lại làm thế, ông bị ốm nặng, nằm liệt giường. Bà làm được gì ở đó?

Nhưng một đêm nọ bà không thể ngủ được. Đó không phải đơn giản là chứng mất ngủ. Bà cảm thấy bồn chồn khác lạ. Và tất cả những gì bà suy nghĩ là phải đến gặp ngài Đại Đức Karmapa. Vào nửa đêm bà gọi điện thoại đến nhà Chogyam Trungpa đang ở Chicago. Mặc dù đã 3 giờ sáng bà biết ông vẫn còn thức. Có người trả lời điện thoại ngay lập tức và bà gửi nhắn đến Rinpoche xem có thể đến gặp đại đức ngay được không. Ông hỏi, “tại sao bà lại định đến đây”. Bà hơi bối rối giây lát, rồi đơn giản trả lời ngay, “vì tôi muốn gặp thầy trước khi Thầy qua đời”.

“Thế thì đừng để mất thời gian nữa”, có tiếng trả lời lại, “hãy đến ngay sáng mai”.

Bà bay ngay tới Illinois vào buổi sáng hôm đó, có mặt ngay bên giường bệnh vào buổi chiều thì Đại đức viên tịch, “Vậy nên tôi đã gặp được thầy mình vào ngày cuối cùng trong cuộc đời Ngài”. Tôi có mặt với Trungpa Rinpoche khi Ngài ra đi vào cõi vĩnh hằng. Và có một nhóm người ngồi lại với ngài suốt đêm đó. Chúng tôi chỉ yên lặng ngồi thiền giờ này qua giờ khác không nói với nhau một lời. Và thật thoải mái, đầy tình thương thay vì buồn chán. Đó là những giây phút thật quý báu và là một biến cố đáng ghi nhớ trong cuộc đời tôi”.

Sau đó có một điều lạ xảy ra khi quan tài của thầy được mang đến phi trường. Không hiểu vì lý do gì quan tài của thầy được hạ xuống trên đường bay và có một thiền sư người Trung Quốc bước đến đặt trên quan tài một mảnh vải đặc biệt, theo truyền thống người trung quốc thường để trên quan tài của người quá cố. Và ông bắt đầu vái lạy. Và rồi có Jamgon Kongtrul

Rinpoche và T'ai Situ Rinpoche và một số vị sư khác cũng có mặt, có cả Pema trong số đó, cùng với các vị sư người Trung quốc ngay tại đó máy bay lên xuống tấp nập, họ cùng nhau vái tiễn biệt Ngài Đại sư.

“Một nghi thức thật cảm động và đơn giản đã diễn ra ngay trên đường bay. Có nhiều người bước xuống và đặt vòng hoa trên quan tài vị quá cố và sau đó quan tài đưa lên máy bay”.

Thiền viện Gampo tọa lạc trên mảnh đất rộng hai trăm mẫu Anh dọc theo bờ biển Cape Breton miền Nova Scotia. Nơi có ngôi nhà đã xây dựng tại đó từ năm 1983, Pema viết cho tôi, “Một vách đá trên bờ đại dương và hẻm lách yên tĩnh đến mức bí hiểm”. Có một căn nhà rộng rất tiện nghi được xây trên khu đất đó. Mùa hè năm 1984 một khóa huấn luyện thiền đầu tiên được tổ chức tại đây do thiền sư Ven Yuen Yi chủ trì, Bà là một nữ tỳ kheo Trung quốc có nhiều kinh nghiệm trong việc huấn luyện các thiền tập sinh tại Đài loan. “Lịch huấn luyện của chúng tôi rất nghiêm khắc nhưng thoải mái”, Pema ghi lại. Trong tương lai bà hy vọng trở thành nữ thiền viện trưởng, nhưng vào lúc này bà chỉ đóng vai một người gây quỹ cho thiền viện.

Mùa đông tiếp theo họ tổ chức một khóa huấn luyện kéo dài một tháng cho các cộng đoàn tu sĩ đã được xuất gia, trong đó có Lama Drupgyn, một vị sư người Canada đã phụ trách một khóa huấn luyện kéo dài trong ba năm gần Vancouver. Đây là giai đoạn sửa soạn nghiêm túc để đón Đại Đức Thrangu Rinpoche (thiền sư trụ trì tại tu viện Rumtek thành phố Sikkim) đến thăm. Ngài sẽ khai trương một khóa huấn luyện mùa hè vào tháng tám năm 1985. Trong suốt mùa xuân, nhiều người đến làm công quả để xây dựng một phòng hành thiền mới tại đây. Phòng thiền hoàn tất vào đúng buổi sáng trước ngày Đại đức Thrangu Rinpoche đến tu viện.

Pema cũng đến trước ngài Đại đức Thrangu Rinpoche. Bà rời đó vào tháng Hai năm sau Bà nhớ có một cái kho lớn chứa rơm và các cây khô dùng làm củi và các thùng chứa gỗ còn sục mùi phân bò và phân gà, hiện nay đã được cải tạo thành một phòng thiền xinh đẹp với trần nhà theo kiểu một đại thánh đường cao ráo, sàn lát gỗ bóng loáng và nhiều cửa sổ rộng khắp nơi, phía trước là một quang cảnh trời biển bao la thoáng mát.

Tuần lễ tiếp theo, Rinpoche đã biến bầu không khí tại đây trở lại như bầu không khí các dòng tu Tây Tạng cổ xưa. Ông đã xuất gia cho nhiều người Châu Âu trong những năm qua, nhưng vì không còn chỗ để huấn luyện hoặc theo đuổi giới luật tại tu viện, nhiều người cho biết họ gặp nhiều khó khăn trong việc nắm giữ lời thề tu trì. Ông cảm thấy phải có một tu viện theo kiểu phương Tây là điều cần thiết để họ có thể làm quen dần với luật giới tu trì hợp với văn hóa và tập tục phương tây. Thế nên, mùa hè năm đó ông chỉ đưa

ra một ít luật lệ truyền thống mới đối với những người tham dự khóa huấn luyện. Và thêm vào công việc thuyết pháp và dịch thuật tiếp những cuộc đàm đạo với các thiền sinh, ông bỏ thời gian nghiên cứu để làm quen với cây cối và sinh vật tại địa phương, ông đã leo lên đỉnh các vách đá để nhìn cá voi, ngồi thiền tại một phòng tĩnh tâm mới xây và thiết lập liên lạc với không gian và thời gian tại đây.

Sau này Pema tâm sự tại Berkley “Tôi yêu tính cách đơn giản trong cuộc sống tu trì, nhưng những gì tôi thấy trong khoảng thời gian ngắn ngủi tại thiền viện Nova Scotia cuộc sống đó không đơn giản chút nào! Hàng loạt những khó khăn cần được giải quyết. Còn nữa, mô hình cuộc sống tu trì chính là điều bạn đơn giản hóa mọi sự để có thể tập trung mọi nỗ lực để thực hiện. Đó chính là nghề nghiệp bạn lựa chọn, kể cả cuộc sống hôn nhân và toàn bộ những gì bạn có. Điều đó thực sự mời gọi tôi, nhưng đối với những người khác sự việc lại khác hoàn toàn. Họ cần phải hết mình với gia đình, với con cái, lo phát triển cho chúng về cuộc sống và trí tuệ. Điều cần thiết đối với tôi chính là phải trở thành một con người toàn diện tự đứng vững trên hai chân của mình và kinh qua nỗi cô đơn trong cuộc sống. Và cách này hay cách khác đã dẫn tôi ngay tới cuộc sống tu trì”.

Tôi hỏi bà, “Hình như thời gian thuận tiện nhất để bước vào cuộc sống tu trì là sau khi đã sống cách nào đó ngoài đời, đã có con cái và một số kinh nghiệm ở trường đời có phải không?”

“Vâng, điều đó đã xảy đến với tôi đó là thời gian thuận tiện nhất để được tán phong chính là sau khi bạn đã có nhiều kinh nghiệm trong cuộc sống. Tôi rất thâm tín rằng chúng ta phải sửa soạn nhiều trước khi nhận xuất gia. Có thể từ một đến ba năm ngay cả trước khi nhập vào tập viện. Và rồi nhiều thời gian nữa trước khi xuất gia hoàn toàn. Tôi cũng rất thích ý tưởng xuất gia tạm. Cho dù điều đó không được thực hiện ở Tây Tạng, Trungpa Rinpoche đã nhiều lần đề cập đến vấn đề này. Một người có thể gia nhập và tận hưởng cuộc sống tu trì không cần phải cảm thấy gắn bó vào cuộc sống ấy. Đó là một ý tưởng khẩn khoản mời gọi tôi vì tôi đã thấy nhiều người sau khi đã xuất gia và cảm thấy bị kẹt trong đó để giảm thiểu tôi đã ý định phấn đấu chính là người tốt rồi”.

Tôi nhận định, “Hình như sự phát triển Phật giáo trên đất nước này có khuynh hướng thiên về cuộc sống đời thường hơn thì phải”

“Vâng, đúng vậy. Và tôi nghĩ có điều đó đấy. Nếu như không có một căn bản tài chánh và căn bản xã hội đối với Phật giáo trên đất nước này, Phật giáo sẽ không thể phát triển và chắc chắn nó sẽ không thể nào nâng đỡ được cuộc sống tu trì”.

Tuy nhiên, chính bản thân Pema lại tỏ ra rất quan tâm đến sự phát triển truyền thống tu trì Phật giáo tại Phương Tây. Không phải là “Một nguyên nhân” bà bảo đảm với tôi, “nhưng chính là vì bà bị cuốn hút do tính súc tích và khôn ngoan phi thường có nơi truyền thống Tây Tạng một cách đặc biệt, là điều bà rất quen thuộc. Tỷ dụ như, được sử dụng tiếng động, nhảy múa và dụng cụ âm nhạc. Đây là những tập tục đòi hỏi nhiều năm mới có thể thâm nhuần được. Bà cho biết, “Nhưng khi bạn nhìn thấy các điệu múa, hay đặc biệt là tiếng nhạc, điều đó tạo điều kiện cho bạn ngừng ngay những thành kiến trong đầu”.

Một điều vô cùng thích thú chỉ nghĩ đến những gì đang được du nhập vào Tây phương và khả năng các thiền sinh Tây Phương được học hỏi ngay tại những môi trường thích hợp với họ. Và cuộc sống tu trì phát triển rất khác biệt ở những nền văn hóa khác nhau. Hiện nay mầm mống đó đã được gieo rải tại đây, tôi thực sự sẽ bị mê hoặc xem nó đâm hoa kết trái như thế nào tại Phương Tây.

Tại Tu viện Gampo, chỉ đơn giản có ý định bắt đầu với các thiền sinh theo truyền thống Tây Tạng trước đã, cho tới khi mọi việc đã được thiết lập vững chắc và cơ bản hiểu được những gì họ đang thực hiện. Nhưng ý định thực sự là muốn trở thành một hiện tượng đại kết và cuối cùng là muốn vươn tới tất cả những truyền thống Phật giáo khác, thực sự vươn tới cuộc sống chiêm nghiệm nơi tất cả các truyền thống Phật giáo khác nữa. Đó là một tâm nhìn mới, bà Pema nói thêm, “Nhưng trước tiên bạn phải có cơ sở vững chắc”

Đó là những gì bà đang tiếp tục hoạt động từ bây giờ trở về sau.

Mùa Đông năm 2000

Trong những năm tiếp theo sau lần xuất bản thứ nhất cuốn sách Gặp Gỡ Các Gương Mặt Phụ Nữ Phi Thường (Meetings With The Remarkable Women). Cuộc sống bà Pema Chodron vẫn tỏa sáng rực rỡ trong quỹ đạo. Và cũng đưa bà trở lại thực tế. Bà đã xuất bản ba cuốn sách (The Wisdom of No Escape, 1991; Start Where You Are, 1994; và When Things Fall Apart, 1997 - Tất cả các cuốn sách này đều do Nhà Xuất bản Shmbhala thực hiện). Những cuốn sách và các băng ghi âm đều do hãng Sound True Audio phát hành đem tiếng nói và kiểu dáng thuyết pháp của bà đến tận quảng đại quần chúng. – cho đến khi bà trở thành một nhà văn sao! Có nghĩa là, nổi tiếng các cuộc tĩnh tâm do bà tổ chức vòng quanh đất nước Mỹ đã được đông đảo số người mới đến tu viện Gampo, không đặt thành một tiền lệ nào cả và những thư mời thuyết giảng đổ tới từ khắp mọi phương trời đề nghị bà đến thuyết pháp, viếng thăm, nói chuyện, phỏng vấn, đủ mọi kiểu công cụ truyền

thông. Vừa qua bà cho tôi biết, sự nổi tiếng của bà “đã leo thang thật chóng mặt” và tên tuổi tĩnh lặng của bà đã trở thành quá khứ”.

Trong khi đó, sức khỏe của Pema đã suy giảm trầm trọng. Sau nhiều năm những triệu chứng không được chẩn đoán. Cuối cùng bà đã được xác định mắc bệnh mệt mỏi kinh niên - hội chứng trục trặc miễn giảm một dạng bệnh do ảnh hưởng của môi trường (bị nhạy cảm với lây nhiễm môi trường các loại). vì những yêu cầu do hoàn cảnh xã hội bên ngoài tăng nhanh, sức mạnh thể lý của bà ngày càng bắt đầu bay hơi. Trong nhiều năm bà đã thử nhiều phen quên đi hoàn cảnh xung quanh và cố chịu đựng bình thường. Nhưng vào năm 1994 toàn bộ sức lực thể lý của bà đã cạn kiệt và bà không còn con đường nào để lựa chọn và đành phải chú ý tới căn bệnh.

Với sự giúp đỡ của một chuyên gia trị chứng mệt mỏi mãn tính, bà phải tham gia một quá trình điều trị liên tục dài hạn. Nghi ngơi toàn diện là toa thuốc quan trọng nhất và Pema phải thực hiện những thay đổi căn bản nhất trong cuộc sống. Vào năm 1995, sau khi đã bị bệnh được 10 năm bà phải quyết định nghỉ hoàn toàn trong vòng 1 năm.

Thật là trái ngược, hiện nay Pema tin là những năm bị bệnh nặng nhất lại là những năm bà hoạt động hiệu quả nhất. Tất cả những cuốn sách của bà được viết trong dịp này. Và ngay cả tu viện Gampo cũng được thành lập. Ngày nay, Pema coi bệnh tật như là một biến cố tạo thành lớn lao. “bệnh tật đòi hỏi tôi phải đơn giản hóa cuộc sống”. Bà nói như thế.

Nhưng điều quan trọng nhất về căn bệnh đặc biệt này, bà cho biết, chính là những mô hình chống đỡ bình thường của mỗi người chúng ta. Đó là những cấu trúc bản ngã sai lệch và có giới hạn của con người, nó bao trùm lên cả bản chất thật của chúng ta. Đã trở thành không thể sai phạm. Trong trường hợp Pema, đó là tính cách “làm vui lòng mọi người”, những cố gắng để sống với chính những ước vọng của chính mình và của người khác nữa. Bà đã bắt đầu nhận thức được một cách nhạy bén. Một khi những mô hình này trở dậy, những triệu chứng bệnh tật của bà lại gia tăng đáng kể. Giống như thiền sư của bà lấy gậy thiền đập mấy cái vào vai bà vậy.

Những đau khổ, những khó chịu của bà đã trở thành nguồn từ bi vô hạn, là “nguồn tương quan chân tình với tất cả những người đau khổ bà không quen biết”. cũng đau khổ tương tự như bà hoặc giả còn đau khổ hơn bà rất nhiều nữa. Bà nói. “Đau khổ có thể mở rộng tâm lòng của bạn ra rất nhiều hay nó cũng có thể đóng lại vĩnh viễn”. Bệnh tật gây cho chúng ta nỗi lo vô có và tổn thương đối với bất kỳ con đường giải thoát nào khả dĩ có được. Như chúng ta tự cho mình là những người “bệnh hoạn” – là những công cụ chúng ta phải không ngừng loại bỏ đi để có thể hiện diện với những người mình

không quen biết. Pema đã đồng hóa khát vọng lúc nào cũng sẵn sàng cởi mở cho dù có chủ tâm hay không ý thức trong bất kỳ hoàn cảnh nào có nghĩa là điều đó còn “cao quý hơn cả những lý tưởng của chúng ta” so với Maitri. Một từ Phạn có nghĩa là lòng nhân ái đối với bản thân mình.

Chúng ta học cách tự tồn tại trong hoàn cảnh của mỗi chúng ta, trở nên thân thiết với đau khổ của chúng ta - và đồng thời cũng đứng vào hoàn cảnh của người khác nữa - để dần dà, qua thời gian, bất kỳ điều gì đang xảy ra, ta cảm thấy hạnh phúc trào dâng và chúng ta không bị tiêu diệt, hoặc bị quét đi do những điều tốt hay xấu, lên hay xuống. Pema suy tính, đây phải là “điểm nhắm tới – không phải là “một hiện trạng siêu vượt” nhưng, trong tình trạng cảm nhận được lòng từ bi và cởi mở chính xác ngay giữa lòng cuộc sống bình thường.

Liên quan đến những phát triển trong thế giới “thực tế” Tu viện Gampo được thiết lập vững chắc và nhộn nhịp với những hoạt động của nó. Một trung tâm tổ chức những cuộc huấn luyện kéo dài trong ba năm được xây dựng gần đó và đón tiếp các nam nữ thiền sinh (tách biệt nhau ở hai cánh) từ năm 1990.

Có bốn mươi người kể cả Pema hiện nay đã hoàn tất khóa huấn luyện ba năm. Cơ cấu các khóa huấn luyện này rất khác biệt, so với các khóa huấn luyện truyền thống tổ chức tại Tây Tạng và các quốc gia khác quanh thế giới. Thay vì được tổ chức hoàn toàn tách biệt trong vòng ba năm, ba tháng và ba ngày, tại tu viện Gampo (theo yêu cầu của thiền viện trưởng Thrangu Rinpoche), học viên chỉ lưu lại mỗi lần từ sáu đến tám tháng, trong năm đợt tách biệt bởi các giai đoạn cuộc sống thường ngày tại gia đình. Cuộc huấn luyện được tổ chức hoàn toàn bằng tiếng Anh và cả nam lẫn nữ đều cùng tham gia tĩn tâm chung (theo Pema, tất cả những chi tiết này thực sự rất khác biệt đối với những cuộc tĩn tâm kéo dài) nam giới và nữ giới sống tách biệt nhau nhưng thường luyện tập chung với nhau.

Vào mùa hè năm 1997, một cuộc huấn luyện kéo dài một tháng được tổ chức cho thanh thiếu niên (tuổi từ 16 đến 25) tại thiền viện Gampo. Họ đã tiếp nhận xuất gia có thời hạn, cạo đầu và mặc áo cà sa, nhận Phật pháp và thực hiện một lượng hành thiền đáng kể. Vào năm 1999, một giai đoạn tập viện kéo dài một năm lần đầu tiên được tổ chức, Pema cho biết, “Các thanh thiếu niên rất quan tâm đến đời sống tu hành trong một thời gian nhất định”. Họ lưu lại một vài năm thường xuyên có được những kinh nghiệm xúc tích và lành mạnh và đôi khi tiếp tục tuyên thệ vĩnh viễn.

Pema đã trải qua giai đoạn cuối cùng trong cuộc huấn luyện kéo dài ba năm tại thiền viện, một mình trong một căn phòng. Bà đã trở bệnh ngày càng

trầm trọng và không thể tham gia theo lịch sinh hoạt hàng ngày được. Nhưng dầu sao đó cũng đã là một kinh nghiệm hết sức ý nghĩa. Bà cho biết “Tôi rất đam mê với những cuộc tĩnh tâm như thế” và kể từ đó đến nay bà đang thực hiện một cuộc tĩnh tâm kéo dài hai tháng hàng năm. Năm 1999, Bà cũng sẽ hy vọng thực hiện được một cuộc tĩnh tâm kéo dài ba tháng.

“Tôi rất ham mê nơi thanh vắng tĩnh mịch. Tôi cần điều đó vì lý do sức khỏe. Nhưng đó cũng là khuynh hướng của tôi” (một nhà chiêm tinh vừa đây nói cho bà biết, “Bà là một người rất ân dật với một cuộc sống hết sức công khai. Không lạ gì bà đã đau ốm liên tục”).

Liên quan đến công việc riêng của bà với các thiền sinh, Pema vẫn duy trì một số cảm xúc lẫn lộn nhất định. Bà tin là, lợi ích chính trong công việc này là qua đó ta hiểu biết nhau chân tình hơn và thân mật hơn, làm nổi dậy những tiềm năng cả nơi thiền sư lẫn thiền sinh, nhận rõ qua kiểu dáng quen thuộc mà bắt đầu tiến tới cõi vô hằng (Groundlessness). Nhưng kinh nghiệm cho thấy có nhiều thiền sinh chưa sẵn sàng cho công việc trên. Hơn thế nữa, bà nói thêm, “Chỉ với mức độ chính bản thân tôi tiếp tục tập luyện và đem tất cả những gì tôi bắt gặp trên đường thì họa may mới có được chút gì cống hiến cho bá tánh”.

Pema nhớ lại ngay cuộc phỏng vấn đầu tiên, tôi đã gọi bà như là một thiền sư thực sự, Vừa mới đây bà cho biết, “Nhưng chính tôi đã không nhận ra điều đó”. Hiện nay, với danh tiếng nổi lên như cồn, bà lại phải đối đầu với những mối nguy danh vọng. Thí dụ như: Bà đang bắt đầu tin vào những nhận định của người khác về mình. Kể cả thân tượng hóa. Hành thiền trở nên ngày càng quan trọng để giữ cho bà không bị dính vào cái vẻ mặt bề ngoài đó. Không bị triệt tiêu cũng không cường điệu hóa, nhưng “giữ được bản chất đích thực của mình”.

Trong năm 2000, bà định nghỉ thêm trọn một năm nữa. Bà sẽ trải qua một phần thời gian tại California, phần còn lại tại Nova Scotia.. Bà đã thực hiện một hợp đồng tình nguyện thuyết pháp mỗi năm bốn tháng tại California và ở đó bà cũng có thể dành nhiều thì giờ hơn cho gia đình. Bà không còn là thiền viện trưởng hay lãnh đạo chính thức của thiền viện Gampo nữa, Pema đã tự phong là “Thiền Sư Ngắn Hạn” tại đó. Bà vẫn tiếp tục thuyết pháp và phát triển công việc huấn luyện tu đức tại thiền viện, nhưng bà sống tách biệt tại phòng riêng, tại đó bà có thể thực hiện các cuộc phỏng vấn và viết sách. Bà rất thích viết sách và nhận thấy “tiếng nói của nữ giới”, tiếng nói đầy trực giác đó đã mang lại lợi ích to lớn cho công cuộc thuyết pháp của Phật giáo.

[04] - **Thiền Sư Charlotte Joko Beck**

Một thân hình phụ nữ
đầu xuống tóc.
Nàng ngồi đó vẫn ngồi yên đó.
Một nụ cười không hé nửa đôi môi
Lưng cúi gập, đầu ngẩng cao, bàn tay chụm lại
Đầu nghiêng nghiêng miệng cầu khẩn lâm râm
Rồi bừng tỉnh khi cây gậy đung tới
Ghi mãi vào tận đáy cõi lòng

Mắt chim ưng hướng nhìn từ phía
Không động đậy chả bỏ lỡ vật chi
(con gió nhẹ khẽ lay động lông chim
xào xạc lá cây rừng trong đêm tối)
cú nhào lao vút, vô chật chuột nhất.
Chú nai tơ rỉ máu tận rừng sâu
gã thợ săn quay gót trở về nhà
một phòng nhỏ trên lầu
hai nệm thiền trên sàn đặt ngay ngắn
chúng tôi vái, trò chuyện trong ánh sáng chói chang
Bà ra lệnh, hãy hiện diện cùng thân thể.
Không gì được thấy cũng không gì được biết
Trà đựng trong khay gốm pha hầu.
Mọi trang điểm tự biến đâu mất cả, như lọn tóc nhẹ rơi.
-- Lenore Friedman

Giữa đồng ảnh chụp các trung tâm hành thiền Phật giáo và các thiền sư tại vùng bờ Tây (West Coast), tôi nhận ra một tấm ảnh khiến tôi phải thắc mắc. Có những tấm chụp các thiền sinh đang ngồi hành thiền nghiêm túc thành từng hàng quay mặt vào tường. Lưng thẳng đứng và vẻ mặt nghiêm trang. Có những bức chân dung treo trong vườn và trước bàn thờ, cho thấy những chiếc áo cà sa dùng trong các nghi thức được cắt may rất công phu. Có cả những cảnh hết sức trái ngược nhau: các nhà sư đang giặt quần áo bên ngoài, một hình Đức Phật bằng gỗ mỉm cười thật nhân từ tay cầm chiếc bình chất tẩy rửa nguồn vui. Và rồi lại một bức hình kỳ quặc: chụp một phụ nữ từ đầu gối trở lên, rất có thể bà là người hàng xóm hay bà dì của ai đó, đứng giữa đường phố ngoại ô bình thường, với xe cộ, nhà cửa trải dài phía sau. Có lẽ ai đó đã để lộn bức ảnh vào sắp hình? Tôi ngạc nhiên nhìn gương mặt người phụ nữ trong ảnh. Bất chợt tôi nhận ra và hiểu ngay. Joko đó! Trông bà rất khác so với lần cuối cùng tôi được gặp bà: bà vẫn thường mặc áo cà sa đen

và đầu cạo nhẵn bóng. Lúc này tôi thật khâm phục người thợ chụp ảnh đã có được tấm ảnh con người thật, con người đời thường của Joko. Với điều bình thường tuyệt đối trần trụi, Joko đã là hiện thân tính chất thiền định “không có gì đặc biệt”. Bà chỉ đơn giản thể hiện tại chỗ nơi từng giây phút hiện tại.

Tại căn phố ngoại ô bình dị đó, trong một căn nhà ở ngoại ô cũng rất bình thường, những hoạt động của trung tâm Thiền định San Diego đang diễn ra—ngồi thiền, đi rước, tụng kinh, vái lạy, giảng Phật pháp, các cuộc huấn luyện hành thiền hàng tháng diễn ra trong yên tĩnh, không ồn ào. Tôi đã tham dự một cuộc huấn luyện cuối tuần vào một buổi sáng rất sớm trước khi mặt trời mọc, cuộc rước thành hàng dài đã yên lặng dạo qua công hậu, vòng quanh nhà, tiến vào khu phố tối om và rồi đánh một vòng quanh toàn bộ khu phố còn đang chìm sâu trong giấc ngủ, chẳng có điều gì lạ xảy ra, hoàn toàn đơn giản hoàn toàn bình thường – cuộc bách bộ hành thiền của chúng tôi trông tựa như một giấc mộng đẹp.

Trong giờ làm việc, trong khi tôi nhồi những chiếc nệm thiền với bông gòn, Joko rảo bước ngang qua, bà mặc áo màu xanh nhạt và một chiếc váy. (trong giờ hành thiền và đàm đạo riêng tư với thiền sinh bà bận váy dài và áo bờ-lu) bà không còn mặc áo cà sa kiểu Nhật Bản từ tháng Mười Hai năm 1984. Chi tiết này là “một phần thử nghiệm liên tục xem những khía cạnh khác nhau trong luyện tập hành thiền hình thức có hỗ trợ chúng ta thêm tỉnh táo hơn hay chỉ là thói quen bình thường thôi”. Điều này đã được giải thích trong tờ liên lạc trung tâm Zen phát hành. Khi tôi gặp bà nói chuyện khoảng một năm sau, bà cho biết, “việc bãi bỏ mặc áo cà sa đã gặp trở ngại. Không phải tất cả đều ủng hộ. Chiếc áo cà sa trông rất đẹp trong giờ hành thiền. Nó tạo ra một số phẩm cách nào đó khi có nhiều người hành thiền trong bộ áo cà sa. Nhưng thật hơi kỳ quặc một chút nếu ta đi ra giữa phố trong chiếc áo choàng cổ lỗ sĩ không giống ai như thế”.

Về việc cạo đầu bà cho biết: “Tôi không quan tâm mấy đến việc cạo đầu hay không cạo đầu. Đối với tôi điều đó không có gì khác biệt cả. Nhưng tôi rất bận rộn, tôi thường phải đi siêu thị thường xuyên. Tôi rất ghét phải đội khăn che đầu mỗi khi ra khỏi nhà, coi không giống ai. Tại sao tôi lại phải làm thế? Nhưng theo tôi nghĩ đó cũng là một việc huấn luyện quan trọng nếu ta thử cạo đầu trong vòng một năm. Nhưng tôi không nghĩ chúng ta phải tiếp tục duy trì điều đó...”

Joko luôn đả phá các thiền sinh có ý định tách biệt hay coi bà cao hơn họ. Bà nói với tôi. “Tôi chỉ là một thiền sinh, giống hệt các bạn”, bà luôn có một cái thảm thiền nhỏ đặc biệt màu nâu được phủ lên tấm vải màu đen, đó là dấu

chỉ bà là thiền sư. Đôi khi bà không ngồi vào chỗ dành cho thiền sư. “Tôi chỉ tới ngồi thiền đâu đó mặt quay vào tường”. Bà đã phá tất cả những cố gắng biến bà thành người hùng. “Người ta thường tỏ ra mình có uy nhờ vào nhân vật nào đó”, Bà cho biết, “Nhưng tôi không chấp nhận điều đó”, Đôi khi bà nghĩ nếu có thiền sinh nào cứ muốn tỏ ra hơn hẳn người khác tốt hơn nên rời khỏi thiền viện và đi chỗ nào đó một thời gian. Đôi khi bà phải thốt lên, “Coi kìa các bạn đã gán cho tôi đủ thứ trên đời và các bạn không hiểu tôi chút nào cả. Điều đó đâu có lợi lộc gì cho các bạn, tốt hơn hãy loại bỏ những suy nghĩ đó đi”.

Bà không có ý muốn nói thiền sư không được có một số quyền hạn nhất định nào đó, nhưng bà phân biệt rõ ràng quyền hạn khác với chủ trương tạo quyền lực. Duy trì quyền lực, bà đã cố gắng loại bỏ phẩm trật. “Tôi luôn cố gắng loại bỏ những kiểu vái nhỏ đặc biệt dành cho tôi. Lịch sự xã giao là một chuyện tốt, nhưng kiểu vái phục một con người coi người đó quá cao siêu vượt trội là điều không hay chút nào. Tôi đang cố gắng dẹp bỏ tư tưởng coi thiền sư như một siêu nhân. Thiền sư là người hướng dẫn chứ không phải là một nhân vật phù phép hay anh hùng”.

Trong các nghi thức hành thiền, Joko chỉ chủ trì trong những dịp đặc biệt. Bằng không, chẳng có ai đứng ra lãnh đạo. Đơn giản tất cả mọi người đều tham gia như nhau không người nào hơn người nào cả. Tất cả những chức vụ trong giờ hành thiền, như người giữ giờ và rung chuông, được cắt cử luân phiên. Những thiền sinh lớn tuổi được động viên không nên tỏ ra nổi bật. Và nếu có thiền sinh nào chủ trương không lộ diện như một dấu chỉ đạt đến thành công, Joko muốn cho họ biết chắc chắn điều đó sai hoàn toàn.

Một buổi cuối tuần tôi đến San Diego, trong buổi tiếp chính thức và sau đó trong cuộc phỏng vấn không chính thức, Joko đã đề cập đến một số điểm cần nhấn mạnh về những lệch lạc có thể xảy ra trong việc hành Thiền. Bà nói với tôi, “Chúng ta quá chú trọng đến việc khám phá ra những gì tuyệt đối, theo tôi nghĩ toan tính đó còn quá ngây thơ và thiếu trưởng thành. Ngay cả khi họ chủ tâm như vậy, họ chưa ý thức được làm như vậy có dụng ý gì. Và một số người đã gây ra bất bình nghiêm trọng”. Suy nghĩ đầu tiên bà nhắm tới là một sự phát triển trưởng thành mới khả dĩ đem lại thành công mỹ mãn. Bà cho biết, “Một khi trí tuệ loại bỏ dần được những dính bén (dục) thường ngày, tự nhiên cái gọi là tập trung tư tưởng (định: Samadhi) sẽ tăng dần. Và dưới một vài góc độ nào đó, đó chính là điểm “mở màn” . Nhưng đó không phải mục đích nhắm tới – đó chỉ là tự nhiên diễn ra một khi sự tập luyện của chúng ta đã đạt đến trưởng thành; và sau khi điều đó xảy ra, chúng ta quay trở lại để làm việc ngay với vấn đề cơ bản”.

Và vấn đề cơ bản chúng ta đang xử lý bằng luyện tập thiền định chính là sự dính bén. Thực vậy toàn bộ cuộc sống chúng ta chẳng là gì khác hơn là dính bén. Đó chính là phần đất dụng võ của bản ngã và Joko tin tưởng là luyện tập đơn giản chỉ là thường xuyên trở lại với những hành động thường nhật của chúng ta và đặt câu hỏi, “Điều gì thực sự đang diễn ra ở đây? Làm sao chúng ta có thể nhìn ra vấn đề đây? Chúng ta phải đối phó thế nào đây? Chúng ta gắn bó vào đâu?” Ranh giới giữa loại nỗ lực này và tâm lý trị liệu không mấy rõ ràng. Nhưng sự khác biệt chỉ rõ ràng khi chúng ta hành thiền nghiêm túc. Và đó chính là sự biến đổi thực sự nơi quan điểm của chúng ta về thân phận mình thực sự như thế nào. Có điều tế nhị và khả năng để nhận ra điều gì tạo thành một “sân chơi hoàn toàn khác biệt như vậy”. Và đến thời điểm nào đó khi mà bề dày và cường độ của qui trình không còn cách chữa trị.

Nhưng Joko ít khi đề cập đến kinh nghiệm giác ngộ.. “nếu bạn đề ra Định (Samadhi) là mục đích, bạn có thể đạt đến một tình trạng hư vô (emptiness) nhưng đó không phải là trống rỗng đích thực và bản ngã, con người không thực sự trống rỗng. Nếu trong cuộc sống hàng ngày bạn lợi dụng người khác, hay dùng mách khéo lôi kéo họ, hay chỉ quan tâm đến quyền lực (sức mạnh) của chính bạn, thì Định – có thể phát triển một cách giả tạo – theo tôi suy nghĩ, Không phải là Định đích thực”.

“Bạn có thể đạt đến Định và gắn bó vào đó, tôi nghĩ thế, “

“Bà trả lời, “Ồ, đương nhiên rồi, đa số chúng ta đều gắn bó với Định (Samadhi) của riêng mình! Định tương tự như là khả năng thể dục của bạn. Và người ta thường tận dụng Định để tránh đau khổ”.

“Bà chuyển từ đau khổ sang Định có phải không?”

“Vâng, không những thế, nhưng giả dụ bạn có được sức mạnh giả tạo của Định, bạn có thể duy trì nó trong ngày và xem ra rất tốt trong trường hợp bạn không có căng thẳng. Nhưng khi căng thẳng xuất hiện thì Định xem ra rất mỏng manh dễ tan biến. Hình như là điều rất có lợi là trước tiên bạn nên nắm bắt được toàn bộ những khái niệm bạn có được về cuộc sống của bạn. Tất cả những gắn bó đặc biệt. Từ cách thức luyện tập như thế vào đúng thời điểm thì Định đích thực và hiểu biết thấu đáo sẽ xuất hiện”.

“Thế rồi còn tùy từng người, sự hình thức luyện tập cũng rất khác biệt có phải không?”

“Đúng. Khi thuyết pháp tôi không nói nhiều. Khi có người đến bàn chuyện với tôi (daisen), tôi thường đặt câu hỏi, “Thế hôm nay bạn đang suy nghĩ gì vậy? Bạn muốn nói gì nào? và khi họ bắt đầu nói ra, tôi lắng nghe những

diễn biến đang xảy ra. Và rồi tôi nắm được: “Bạn nghe rõ những gì bạn vừa mới nói không? Bạn có thể nói thêm một chút về điều này không? Và rồi chúng ta bắt đầu mổ xẻ vấn đề”.

Tôi hỏi bà học được cách thuyết pháp này ở đâu vậy. “Từ nhiều năm tiếp kiến với nhiều người. Hết năm này qua năm khác. Bạn không thể thuyết giảng cho người khác biết điều này là gì? – cần phải có thời gian. Và tôi không nghĩ là hoàn tất được tất cả koans (Công thức thuyết giảng) mang nhiều ý nghĩa đâu. Dầu sao điều đó được coi như là một chứng nhận cho nghề thuyết pháp của bạn”.

Thế còn Mu thì sao? Một số thiền sư coi đó như là một koan bạn cần phải đạt được”.

“Tôi có một số thiền sinh tham gia cho tôi biết koan của họ chính là Mu, nhưng thường họ cảm thấy điều ấy chỉ là một suy nghĩ trừu tượng không liên quan gì đến cuộc sống cả. Mu chỉ đơn giản là chính cuộc sống ngay tại đây và trong lúc này. Nếu bạn cảm thấy buồn về đứa con của bạn, đó chính là Mu; khi bạn thử nghiệm điều đó chính là bạn đang thử nghiệm Mu vậy. Điều đó chẳng ở đâu xa. Nhưng theo cách thực hiện cổ điển, khi nhận koan, thiền sinh chỉ có ý tưởng ngồi hành thiền với mẫu nhiệm (bí hiểm) này. Khi thiền sinh vật lộn và chiến đấu với koan, anh ta hành trình xuyên suốt tất cả các vấn đề của chính bản thân để thử giải quyết chúng. Và đối với một số người, điều này tiến triển tốt đẹp. Nhưng dần dà tôi nghe được nhiều câu chuyện về những thiền viện xa xưa, tôi nghi ngờ. Đôi khi họ có tới cả ngàn vị sư. Và bạn có thể đã nghe một vài người đã thành công. Nhưng họ đâu có cho bạn biết còn chín trăm chín mươi chín người khác. Tôi chắc chắn một điều là phần đa trong số họ không biết họ đang làm gì trên trần gian này”.

“Vậy nên không còn thích hợp nữa hay sao?”

“Tôi nghi điều đó lắm, trừ một số ít trường hợp. Nhiều vị sư đi rồi đến mà chẳng biết mình đang làm điều gì. Nhưng chúng ta đâu có biết điều đó. Hiện giờ, các thiền sinh của tôi cũng phải qua Mu, nhưng một số lớn chẳng bao giờ nghe biết đến từ đó. nếu như sự luyện tập của họ là chân thực và nghiêm túc. Một chừng mực nào đó chỉ cần nắm rõ ý nghĩa cuộc đời là đủ. ‘Ồi, chỉ có vậy sao! Nếu Tuệ đã trở nên trống rỗng và yên tịnh – chắc chắn, có điều đó. Đương nhiên chẳng còn gì khác hơn là Mu ở đây. Nhưng tôi nhận thấy là nhiều người chưa sẵn sàng hay tỏ ra quan tâm hay có khả năng đối phó với bản chất của thực tại tối hậu này, điều đó chính hệ tại ở bản chất của họ, đương nhiên. Còn rất nhiều việc cần được tiến hành điều tra nghiêm túc vấn đề này.

“Vậy nên tôi suy nghĩ chúng ta phải thuyết pháp một cách thích hợp cho từng cá nhân một. Tôi vừa mới quan tâm đến các thiền sinh có những khó khăn nghiêm trọng, thường được gọi là các thiền sinh ‘mạnh’. Nếu bất kỳ cuộc sống nào cũng được thay đổi đôi chút, trở nên trơn tru và cân bằng hơn – ‘thực tế’ hơn. Đó là điều làm tôi rất hài lòng. Vậy nên đối với mỗi thiền sinh đến với tôi, tôi chỉ cần nhìn ngắm, lắng nghe họ và cảm nhận điều gì đang diễn ra ở họ. Và rồi tôi giải quyết vấn đề đó. Đôi khi mọi việc diễn ra suông sẻ, đôi khi khá phức tạp, điều đó tùy vào từng thiền sinh. Bạn phải trở thành một “khoảng trống” và rồi bạn sẽ thích ứng với điều này... điều này... rồi điều này”.

“Về phía bà hoàn toàn không có một mảnh khoe nào, phải không?”

“Ô, tuyệt đối là không”.

Joko đã ở tuổi bốn mươi, trước đó bà chưa bao giờ nghe nói tới thiền định. Cũng giống như Maurine và Roshi Kennett, bà đã chơi dương cầm trong nhiều năm. Bà tốt nghiệp về âm nhạc tại nhạc viện Obelin Conservatory of Music. Bà đã lập gia đình được mười ba năm và cuối cùng đã ly dị sau hai lần chồng bà bị suy nhược thần kinh. Bà đã có bốn đứa con, tuổi chúng từ một đến mười hai. Gia đình bà đã sống ở bờ phía Đông cho đến nay, vừa mới đây bà di chuyển đến bang Connecticut và Michigan. Sau đó Joko có được một giấy ủy nhiệm dạy học và rồi họ di chuyển đến California, ở đó bà trợ giúp cho gia đình một thời gian bằng lương dạy học. Nhưng chẳng bao lâu sự việc trở nên tồi tệ vì bà phải nuôi dạy tới bốn đứa con tại gia đình. Vậy nên bà tự học đánh máy chữ và làm thư ký tại Convair và sau này là trợ lý hành chánh tại đại học California tại thành phố San Diego, trước tiên tại khoa âm nhạc và sau đó tại khoa hóa học, bà đã làm việc tại đây nhiều năm.

Vào một buổi chiều năm 1965, gần như tình cờ bà và một người bạn tạt vào Nhà thờ Unitarian tại San Diego, tại đó họ được nghe một bài diễn thuyết do một nhà sư Phật giáo thực hiện, “chúng tôi bị lôi vào và vị sư này vái chào mỗi người khi họ bước vào. Và tôi đã bị nhà sư cuốn hút nhưng không hiểu là điều gì. Cử tọa có mặt rất nhiều nhà trí thức. Và họ cố gắng làm cho ông lúng túng bằng những câu hỏi triết lý trừu tượng. Nhà sư trả lời cho họ tất cả các câu hỏi một cách rất lễ độ và tuyệt vời. Ông ta thực sự rất hạnh phúc. Tha hồ cho những vị triết gia dỏm này hỏi vặn ông đủ thứ. Nhưng ông không bao giờ bí cả. Theo tôi nghĩ nhà sư rất bình tĩnh. Thật tuyệt vời, tôi chưa hề gặp ai như thế bao giờ”. Tại chỗ làm việc tôi phải đối phó với một số người thông minh nhất tại vùng Bờ Tây này (West Coast). Nhưng không một ai trong bọn họ lại có thể bình thản đến như vậy!” Hóa ra nhà sư là Đại

Sư Maezumi Roshi (có đạo tên là Sensei) đến từ trung tâm Thiền Los Angeles. Và đó là lý do tại sao Joko nhảy vào học thiền.

Đã có hai nhân vật đến ngồi thiền tại San Diego vào thời điểm đó và thêm Joko nữa là người thứ ba. Cứ khoảng độ một tháng hoặc hơn thiền sư Maezumi lại từ Los Angeles đến đây để giúp một nhóm nhỏ hành thiền. Và khoảng độ hai lần trong một năm bà lại sang Los Angeles. Cũng đã có những cuộc tập luyện thiền tại vùng bắc California vào những năm sáu mươi do thiền sư Yasutani Roshi từ Nhật Bản đến. Điều này gây một ấn tượng mạnh nơi bản thân Joko. Rồi sau đó Soen Roshi đến đây trong vòng một năm và bà đã trải qua koan Mu với thiền sư này. Phản hồi của bà về kinh nghiệm này tựa như ném cái gì đó vào thiền sư Soen Roschi.

Bà cho biết, “Hiện giờ điều này xem ra hơi lạ đối với tôi, nhưng thời đó tôi đã bức tức thật sự. Nếu như có những trường hợp tương tự xảy ra”. Ít lâu sau đó, bà bắt đầu nghiên cứu về koans với thiền sư Maezumi Roshi tại Los Angeles. Trong năm năm Joko đi đi về về giữa San Diego và Los Angeles để nghiên cứu “koans” và bà cũng đã tham dự rất nhiều khóa học thiền. Đến năm 1970 bà quyết định về hưu sớm và di chuyển về Los Angeles. Con gái út của bà, Brenda hiện đang sống ở đó và cũng theo học thiền tại UCLA Brenda nơi bà đã bắt đầu hành thiền trước đó ít lâu, hiện nay con gái và mẹ sống chung với nhau tại Trung Tâm Thiền Los Angeles (ZCLA).

Hình như ngay từ đầu, nhiều thiền sinh đã bắt đầu tìm kiếm Joko. Họ bị lôi cuốn do sự trưởng thành và lòng sẵn sàng giúp đỡ, kể cả kinh nghiệm đời thường và sự thông minh nhanh nhẹn của bà. Ngày càng có nhiều người hẹn đến gặp bà để thảo luận nhiều vấn đề trong cuộc sống và trong thực tế. Khi tôi đến thăm Joko lần đầu tiên tại Trung Tâm Thiền Los Angeles (ZCLA) vào mùa hè năm 1982 các thiền sinh của bà nói cho tôi biết về bà với cảm xúc rất tốt. Đôi khi có người còn rớt nước mắt vì cảm động.

Một thiền sinh trong nhóm nói, “Bạn sẽ cảm nhận được nơi Joko một khoảng không gian hoàn hảo, cởi mở và trống rỗng”. Trong khi tiếp xúc bà không bao giờ cục cằn, bà thường đi ngay vào vấn đề, như mũi tên bay, phản hồi chính xác ngay lập tức. Mọi người đều tôn trọng những kinh nghiệm quá khứ của bà. Họ đã rõ Joko quá khổ sở trong quá khứ, coi như bà lúc nào cũng đầy lòng nhân ái. Vì bà đã phải phấn đấu với chính bản thân, bà tỏ ra rất dễ dàng tiếp cận, họ nói với tôi. Tuy vậy không một kẻ thủ đoạn nào có thể qua nổi mắt bà được. “Bạn không thể đánh lừa được Joko”, Bà am tường tất cả các mảnh khóc trên đời này, kể cả những gì chúng ta lừa dối chính

mình. Trí thông minh tự nhiên và tri giác thấu suốt của bà đã khiến cho người ta phải gọi bà là “người vĩ đại, vĩ đại”.

Joko là một “thiền sư giảng Phật pháp một cách miễn cưỡng” một thiền sinh khác nhận xét. Làm như thế bà bị thúc ép. Nhưng bà luôn thuyết pháp rất tự nhiên. lúc nào cũng có nhiều người vây quanh bà, lòng mẫn cán và chăm chỉ của bà như dòng truyền cảm để mọi người đào sâu việc luyện thiền. Một ngày nọ đại sư quyết định thuyết pháp không chính thức của bà phải được chấp nhận vào cơ cấu chính thức được giảng trong phòng hành thiền. Nhưng khi Đại sư ra lệnh “Thực hiện đi”, thì hình như bà được kéo lên bàn thờ. Khi bà được cạo đầu, người ta cho tôi hay, Joko đã như người cải lão hoàn sanh. Và vài nét nhận dạng cố định của bà cũng bị xóa sạch..

Những từ cứ được lặp đi lặp lại như “cắt”, “thâm nhập”, “quay vòng vòng” đã được dùng để mô tả cách thức Joko chấp nhận và lật đổ những hệ thống tín ngưỡng. Người ta nói cho tôi biết là với một lời phát biểu đơn giản nhất bà “lật nhào bạn dễ như chơi” với văn phong chắc nịch chỉ làm tăng thêm sức mạnh “lưỡi kiếm giết người” (Tuệ prajna) của bà. Nhưng mặt khác bà luôn tỏ ra từ bi vô hạn.

Năm 1978 Joko đã trở thành người thừa kế Phật pháp thứ ba của Đại sư Meazumi Roshi. Bà cho tôi hay “Nhưng bạn đừng nghĩ việc truyền bá Phật pháp là điều gì thần bí ma thuật”,. Điều đó chỉ đơn giản nghĩa là đến một thời điểm nào đó thiền sư cảm thấy rằng hiểu biết của mình và thiền sinh của ông đã ngang bằng nhau, bà nói “đó là chuyện nhỏ người ta thường hay lợi dụng điều đó, như nghĩ là trời sẽ mở ra hay những điều đại loại như vậy. Nhưng thật sự đó chỉ mang ý nghĩa là từ nay thiền sinh coi như đã sẵn sàng giúp đỡ người khác khai thông những vấn đề cơ bản trong cuộc sống và khi chết”.

Tuy nhiên ngày qua ngày, Joko thấy chính mình luôn đặt lại vấn đề liên quan đến những phương pháp truyền Phật pháp truyền thống. Bà rất tò mò, thích thú tìm tòi và khám phá ra cách thức các thiền sư Phật giáo, các truyền thống khác cũng như các kỹ luật được áp dụng kể cả tâm lý và phân tâm nữa. Bà đang cố gắng tìm xem tất cả các thứ đó đan quyện, thâm nhập và bổ sung cho nhau như thế nào. Trong khi đó nhiều thiền sinh cảm thấy “rối tung lên” khiến cho bà phải bồn chồn. Bà bắt đầu nghi ngờ cách huấn luyện thiền định cổ điển – chỉ vận dụng tập trung vào Tuệ đơn thuần – không còn mấy tác dụng. Mà còn gây hại cho một số thiền sinh là đảng khác. Huấn luyện đã tạo khả năng cho họ lẩn tránh những vấn đề trong cuộc sống là điều cần được nhấn mạnh.

Theo ý kiến của Joko, huấn luyện là thực sự phải muốn hiện diện ở bất kỳ nơi nào, bất kỳ thời điểm nào. Huấn luyện phải thể hiện nơi thân xác, thể hiện nơi những cảm xúc thể lý là điều hiện lên rồi lại biến mất. Tỷ dụ như, thể nào là tức giận? Đẹp bỏ tư tưởng và hình ảnh trí tuệ sang một bên, bà cho biết, cái còn lại chỉ toàn là giác quan thuần túy được thâm nhập vào thân xác chúng ta. Hãy kinh nghiệm thử coi, bạn sợ hay sao? Hãy thử rút kinh nghiệm xem sao”.

Joko nói, tất cả những cảm xúc của ta là luyện tập và giải quyết những cảm xúc ấy là điều vô cùng thiết yếu. Tự bản thân cảm xúc là điều tốt, nhưng khi chúng ta bám vào nội dung tư tưởng, chúng lại làm lu mờ cuộc sống thực tế. “Chính đó là điều làm cho mọi người bế tắc. Hãy vạch ra xem ai là người không bị bế tắc nào. Bạn có biết người nào không? Mọi người đều bị cảm xúc của mình mê hoặc là bởi vì chúng ta thường suy nghĩ chúng ta là ai? Chúng ta sợ rằng nếu gỡ bỏ mất những gấn bó vào cảm xúc, chúng ta sẽ chẳng là gì cả nữa. Chúng ta là như vậy đó”, Câu hỏi đặt ra là liệu bộ não chỉ huy thân xác hay thân xác chỉ huy bộ não? Khi nào bộ não chỉ huy thân xác chúng ta cảm thấy lo âu và căng thẳng. Khi nào thân xác chỉ huy bộ não thì mọi sự sẽ êm đẹp hơn. Luyện tập chậm chậm sẽ cho chuyển động cỗ máy của chúng ta.

Hành thiền dạy chúng ta hãy tận dụng giây phút hiện tại, hãy kiên trì với giây phút hiện tại. “Khi bạn phiêu du vào vùng tư tưởng vào hy vọng và mơ tưởng, hãy quay trở lại ngay. Không phải một lần mà một ngàn lần nếu cần, một triệu lần nếu cần nữa, chính lòng kiên nhẫn sẽ làm điều đó và lòng can đảm, đó chính là cuộc sống của đấng Bồ tát”.

Kiên nhẫn và tự nguyện khó lòng chiến thắng. Điều cuối cùng chúng ta muốn đạt được chính là hãy thể hiện được con người đích thực của chúng ta. Thế là sự thật về cuộc đời đã trốn chạy khỏi chúng ta. Joko nhấn mạnh, Tất cả chúng ta, (kể cả Joko nữa) đã phạm sai lầm khi loại bỏ cuộc sống hiện thực, ngay tại đây và lúc này. Và chính điều này dẫn đến lo âu cơ bản nhất thường xuyên xuất hiện nơi cuộc sống chúng ta.

Bà hỏi thúc chúng ta, “Ngay lúc này hãy thể hiện con người thật của các bạn. Mỗi người chúng ta là một viên ngọc quý. Làm thế nào để cho viên ngọc đó tỏa sáng? Chỉ cần thể hiện cuộc sống của ta ra sao ngay giây phút hiện tại này: Đó chính là viên ngọc quý. Đó cũng chính là Niết Bàn.

Không phải khúc dạo đầu này thay đổi, hoặc đề cập đến những trời sục trong cuộc sống, cách tốt nhất ảnh hưởng mạnh đến những biến đổi chính là thể hiện trọn vẹn hiện trạng thực tế chúng ta, chính xác như hiện có. Tầm nhìn của chúng ta có thể làm rõ và chúng ta biết rất rõ phải làm gì”. Bà cho biết,

cứ mỗi lần chúng ta làm như vậy, mỗi lần chúng ta thâm nhập vào nỗi khổ của chúng ta và để cho nó thể hiện ra. Thì chúng ta sẽ mở rộng tầm nhìn. Để cho mọi sự diễn ra chính là không dính bén. Đó chính là toàn bộ ý nghĩa việc luyện tập của chúng ta. Cũng tương tự như leo lên ngọn núi. Một khi chúng ta lên cao chúng ta quan sát được nhiều hơn. Và càng quan sát nhiều bao nhiêu – tầm nhìn của chúng ta càng rõ hơn – chúng ta càng hiểu biết nhiều hơn mình phải làm gì. Cả dưới góc độ cá nhân cũng như trên bình diện hoạt động xã hội.

Bà cho biết, “Được tiếp chuyện với rất nhiều người, vấn đề chính tôi nhận thấy là họ không hiểu đau khổ là thế nào, đương nhiên cả tôi cũng vậy. Cũng như mọi người tôi cố gắng tránh đau khổ”. Nhưng trong buổi nói chuyện vào năm 1983 trong khóa luyện thiền Yasutani Roshi Memorial, bà đã phân biệt rõ đau khổ thứ thiệt và đau khổ giả tạo. Bà cho biết, “Đau khổ giả tạo là khi chúng ta cảm thấy “bị ức chế” tựa như đau khổ phát xuất từ bên ngoài. Đau khổ thứ thiệt giống hệt như chịu đựng (như là “mang lấy”) nó. Không chống lại nó nhưng thu hút và đồng nhất với đau khổ.

“Đương nhiên bạn cũng giống tôi thôi, chúng ta sẽ tránh đau khổ càng nhanh càng tốt - Bởi lẽ thuyết pháp về khổ luyện là một nghệ, còn thực hiện lại là một điều không phải dễ. Ấy vậy cứ mỗi khi chúng ta tập luyện như thế. Chúng ta biết được ngay trong tâm can, chúng ta là ai và thiên hạ là loại người nào và bức rào chắn giữa chúng ta và người khác được gỡ bỏ”.

Trí tuệ tạo ra đau khổ giả tạo hiện hữu liên tục trong ngòi hành thiền “Không một ai trong chúng ta thoát được. Tối hôm qua ngay trước lúc khóa hành thiền khai mạc, tôi đã nhận ra điều đó trong chính tôi. Tôi nghe tiếng phàn nàn trong tôi, ‘Lại một khóa luyện thiền khác nữa? Bạn vừa thực hiện hành thiền cuối tuần rồi sao!’ trí tuệ chúng ta hoạt động như thế đó, rồi nghe những lời vô nghĩa đó, chúng ta nhắc nhở nhau, ‘Thực sự tôi muốn gì cho bản thân và cho người khác nào? Rồi trí tuệ ta dịu dần xuống’”. Một cách kiên trì chúng ta trở lại với thực tại duy nhất: giây phút hiện tại này. Rồi điềm hội tụ và Định (Samadhi) của chúng ta sâu đậm hơn. “Thế nên trong việc hành thiền, sự từ bỏ con người bỏ tất lại chính là việc tu luyện đó. Việc quay lưng lại những tưởng tượng cá nhân, những mơ tưởng tiến vào một thực trạng hiện tại. Và cũng do hành thiền, mỗi giây phút chúng ta tu luyện như thế sẽ đem lại cho chúng ta những điều chúng ta không thể có được bằng những cách khác. Đó là hiểu biết chính mình. Rồi chúng ta sẽ trực tiếp đối mặt với giây phút hiện tại. Chúng ta đang đối mặt với đau khổ. Và một khi chúng ta thực sự muốn thâm nhập vào đó, chỉ cần ta thực sự trở thành con người thực tại, rồi chúng ta sẽ biết được và không cần có ai mách bảo chúng ta đang là gì, mọi sự khác là gì”.

Gần hai năm sau, ở tại San Diego vào tháng Giêng năm 1985 Joko đã trình bày một bài thuyết trình nói về việc Đánh Giá Cuộc Sống Thông Qua Loại Bỏ Hy Vọng. Bà nói: “Quá khủng khiếp phải không bạn?” Nhưng một cuộc sống không có hy vọng thì thật bình thản, tươi vui và đầy nhân ái. “Bất kể ai ngồi hành thiền trong bất kể một giai đoạn thời gian nào đều nhận ra rằng sẽ chẳng có quá khứ, không còn hiện tại và cũng chẳng có tương lai mà chỉ còn trí tuệ chúng ta mà thôi. Chẳng còn điều gì ngoài bản ngã ra. Và bản ngã luôn hiện diện tại đây ngay lúc này. Không bị che giấu. Chúng ta đang chạy đôn chạy đáo khắp nơi như người điên, cố tìm kiếm điều gì đó là bản ngã, một điều bí ẩn, bản ngã bị che khuất. Bản ngã bị che khuất ở đâu? Chúng ta hy vọng có được điều gì đó có thể chăm sóc cho bản ngã nhỏ mọn của chúng ta bởi vì chúng ta không ý thức được chính chúng ta đang là bản ngã của chính mình. Chẳng có điều gì quanh ta lại không phải là bản ngã. Chúng ta đang tìm kiếm điều chi vậy?”

Điều nghịch lý là ở chỗ chúng ta đang sở hữu toàn bộ đau khổ, niềm vui, trách nhiệm và kinh nghiệm cuộc sống chúng ta ra sao? - nếu chúng ta nắm được toàn bộ sự việc – chúng ta là người tự do. Chúng ta không cần hy vọng, không cần điều gì nữa. Nhưng một khi chúng ta sống trong hy vọng và mơ màng, sự ngạc nhiên về con người đàn ông hoặc đàn bà (bình thường, không hấp dẫn) ngồi cạnh chúng ta sẽ chạy trốn chúng ta. Hy vọng điều gì “đặc biệt”, chúng ta sẽ không thể đánh giá được nhiệm màu của cuộc sống đích thực.

Luyện thiền thực sự không liên quan gì tới hy vọng và tưởng tượng. “Chúng ta đang nhắc lại một lần nữa là hành thiền chính là giác ngộ” tại sao vậy? Là vì khi chúng ta ngồi thiền hết phút này sang phút khác, chính là điều đó (That’s it) nếu chúng ta thực sự tu luyện như thế, thiền sẽ ảnh hưởng đến tất cả những gì bạn có. Chúng ta sẽ thoát ra như thế nào? Đương nhiên câu trả lời sẽ là chẳng- có gì- hết. Vậy nên đừng hy vọng. Bạn sẽ chẳng được gì. Bạn sẽ làm chủ cuộc sống của bạn, tuy nhiên bạn đã làm được điều đó rồi mà. Cuộc sống này là Niết Bàn. Thế bạn nghĩ Niết Bàn ở đâu?”

Joko còn nhắc nhở chúng ta kinh nghiệm trực tiếp đời sống chính là kinh nghiệm những cảm giác thể lý của chúng ta. Chúng ta càng chú ý đến cảm giác bao nhiêu thay vì chú ý tới quy trình suy tư (nghĩ về kinh nghiệm, phân tích, lo lắng về nó) thì những kỳ vọng của chúng ta sẽ co lại, teo lại, khô đi như lá khô héo đi và rụng xuống”. Thế rồi một cuộc sống mới xuất hiện, không có gì thêm vào đó. giây phút này nối tiếp giây phút khác, chúng ta để cho cuộc sống thể hiện cách riêng của nó. “Không mơ tưởng, không kịch tính, hoàn toàn bình thường”. Bản chất cơ bản của chúng ta “là thế đó”.

Vào mùa hè năm 1983, Joko chính thức rời bỏ ZCLA để nhận lãnh trách nhiệm tại thiền viện San Diego. Một tập thể tu trì (Tăng Già) đông đảo đã lớn mạnh từ bộ ba tiên khởi bắt đầu hành thiền tại đó vào giữa những năm sáu mươi. Người bạn đời và trợ lý lâu năm Elizabeth Hamilton đã đi qua lại hàng năm trời giữa San Diego và Los Angeles làm công tác chuẩn bị và tổ chức.

Thoạt đầu, Joko thực hiện nhiệm vụ tại San Diego cũng giống như tại Los Angeles. Bà biết đã có những thay đổi như bà mong muốn thực hiện. Nhưng qui trình thay đổi mới là quan trọng và bà không muốn vội vã trong việc này. Ngay cả trước khi di chuyển, bà phải công nhận là thiền định tại Phương Tây phải có thay đổi”. Nhưng không được thực hiện quá nhanh” bà đã cho biết như vậy trong cuộc phỏng vấn lần đầu tiên. “Một số nghi thức truyền thống chỉ đơn giản là hình thức vô nghĩa mà thôi. Chúng phát triển chỉ vì ý tốt. Là hình thức tại phòng thiền. Tỷ dụ như - tính nghiêm khắc - cũng nhắmđạt tới một công việc nào đó. nếu bạn tỏ ra quá vô tình việc hành thiền sẽ mất tính nghiêm túc. Bạn không thể cho rằng tất cả truyền thống đều “xấu” chỉ vì chúng xem ra có vẻ kỳ quặc. Bạn không thể cặn tào ráo máng như thế được. Nếu bạn xem thử và nói: “đẹp hết đi “bạn sắp bị rắc rối rồi đó. Tỷ dụ như tôi luôn cảm thấy kinh ngạc khi nhận thấy những biến đổi xảy ra nơi những người hành thiền trong một giai đoạn dài; họ rất cởi mở, chân tình hơn vào cuối khóa học thiền. Vậy mà một số sinh hoạt mang đậm tính truyền thống đã có nhiều ảnh hưởng trong việc chuyển biến này. Tuy nhiên một vài cách thức hành thiền theo truyền thống cần được bỏ đi hay thay đổi. Nhưng chúng ta phải rất cẩn thận ngay cả tôi là người không chuộng hình thức lắm. Tôi đã lượng định giá trị việc tập luyện thiền truyền thống tôi đã kinh qua và những cách thức có thể giúp chúng ta”.

Tại Los Angeles bà đã bắt đầu thuyết pháp cách khác so với truyền thống. Bà đã sử dụng cách tiếp cận rộng rãi hơn với các thiền sinh. “Một người không thể nhìn vào chính mình được cho tới khi nào họ đã trở thành khá mạnh mẽ để làm điều đó. Để tăng thêm sức mạnh này tôi có thể dùng một số kỹ thuật Thiền Minh Sát (vipassana,) hay cả những kỹ thuật thiền định cổ điển (kể cả koans) và rất nhiều cách tiếp cận khác, tùy thuộc vào nhu cầu của thiền sinh. Đó là cách thức tôi lượng định cách thuyết pháp hiện nay. Rất có thể tôi sẽ còn thay đổi nhiều.

Tháng Hai năm 1984, Joko đã khai trương một loạt những cuộc hội họp tại trung tâm thiền viện San Diego. Mang tên “Hành Thiền Tại Hoa Kỳ Sẽ Như Thế Nào?”. Tất cả mọi người (đặc biệt cả những người đã hành thiền được hơn một năm) đều được yêu cầu có một cái nhìn “rộng rãi và cẩn thận về cách hành thiền của chúng ta – khảo sát và vấn nạn mọi thứ, từ cách ăn mặc

cho tới cách ngồi thiền. Không có gì là thần thánh” cuộc họp rất phấn khởi và sinh động đặc biệt vào lúc đầu. Nhưng chẳng bao lâu sau mọi sự đã rõ ràng là khoảng một nửa số người có mặt muốn giữ lại toàn bộ những gì truyền thống để lại. Và một nửa còn lại muốn tiến hành đổi mới. “và câu trả lời duy nhất cho câu hỏi là: tôi có thể thực hiện điều gì tôi muốn”.

Joko cười vang. Chúng tôi đang ngồi tại căn phòng của bà ngay cạnh phòng thiền, sau buổi hành thiền. Hiện thời là tháng Hai năm 1985. Hơi khô hài một chút bà nói: “Chẳng phải truyền thống, cũng không phải đổi mới là điểm cần quan tâm. Điều phục vụ đặc lực nhất cho cuộc sống là gì? Mọi thay đổi đều phải bắt nguồn từ những cân nhắc đó”.

Một thay đổi thấy rõ là những cử chỉ vái lạy trịnh trọng lúc hành thiền đã bị loại bỏ. Thật vậy, có tới ba lần đứng để vái đơn giản. Joko cho biết bà sẽ thực hiện mỗi tháng một thay đổi! Thay đổi kế tiếp sẽ là thay bức tượng Phật trên bàn thờ bằng một hòn đá chưa đẽo hao hao giống tượng Phật. “Đá có sự sống, dầu sao đó chính là điều bàn thờ tượng trưng, bất kỳ điều gì cũng có thể thay đổi nếu như điều đó giúp làm tốt việc luyện tập. Nếu bạn xuống San Diego trở lại, bạn sẽ thấy nhiều điều đã đổi khác, có thể vẫn còn dáng dấp truyền thống, nhưng tôi nghi không phải như vậy”.

Sau này bà còn cho biết, “Tôi thắc mắc đủ thứ. Lúc này tôi không có ý định làm bất kỳ điều gì nhưng tôi luôn thắc mắc tại sao lại phải chấp nhận bất kỳ hình thức nào trong hành thiền như là những điều thánh (sacrosanct). Tôi muốn chú tâm đến mọi sự. Điều tôi làm là suy nghĩ, cảm nhận và thay đổi. Tôi không thấy có gì thánh thiện về bất kỳ điều gì ở đây cả. Tôi vừa thực hiện một khóa học thiền tại Nữ Ước và thoát tiên tôi rất kinh ngạc vì không có cách nào để dọn bữa cho quá đông người như thế, mọi người đã ra nhà hàng gần đó và dùng bữa. Và điều đó thật là tuyệt vời.! Họ thực sự vẫn giữ yên lặng. Thế nên tôi nghiệm ra là mọi sự đều có thể chú tâm tới được.

“Khóa học thiền sau cùng tại đây, chúng tôi kết thúc bằng cuộc rước (kinhin) dọc theo bờ biển. Chúng tôi đi xe tới bãi biển và rồi thả bộ trong yên lặng dọc theo bãi biển trong vòng một giờ, trở lại phòng thiền để tụng kinh Heart Sutra và điều đó thật là tuyệt. Bạn có thể tưởng tượng, sau mỗi khóa thiền lại được nghe tiếng đại dương gầm thét trong vòng một giờ! Vậy ai bảo các bạn là phải làm những gì đặc biệt nào? Tôi đang suy nghĩ các bạn không phải làm bất kỳ điều gì đặc biệt cả”.

Tuy nhiên, cái gì cũng có giới hạn của nó, chúng ta đang nghĩ tới những thay đổi có liên quan đến hình thức hành thiền hay là chính cách hành thiền đây. Tất cả mọi thay đổi phải dựa trên sự hiểu biết tường tận về điều đang được thực hiện. “Bằng không bạn sẽ trở thành trò hề. Chúng ta không nên làm hào

nhóang qua việc hành thiền của chúng ta. Việc hành thiền chẳng bao giờ được coi như là một trò hề. Ngồi thiền là điều nghiêm túc. Và ngoại trừ tất cả những gì tôi đã đề cập, ở đây vẫn phải là một trung tâm hành thiền”.

Nhưng vấn đề luyện thiền không được dùng đến phẩm trật, nghi lễ hoặc áo cà sa như là một phương tiện mà dính bén với bản ngã. Không may, Joko cảm thấy nơi rất nhiều phòng hành thiền hình ảnh thực của bản ngã hoạt động đã lộ nguyên hình (người ta cố gắng tỏ ra mình là quan trọng, ganh đua nhau để chiếm lấy vị thế cao) và nhiều thiền sư lại đầu tư rất nhiều để có được quyền lực, uy thế và chức vụ họ nắm giữ. Nói cách khác, điều tập luyện đích thực dạy chúng ta phải nhắm tới (ie. Bản ngã hoạt động) đang bị thúc bách một cách mù quáng.

“Hình như bản chất nhân loại chúng ta là muôn tận dụng bất kỳ điều gì có lợi (như lễ nghi,) và rồi biến nó thành vững vàng và cứng nhắc. Chính là khi chúng ta pha trộn bản ngã sự vững vàng và cứng nhắc lẫn lộn với nhau thì lúc đó vấn đề nổi lên. Nhưng nếu điều gì đó giống như nghi lễ đã trở nên cứng nhắc, chúng ta lại chống lại sự xơ cứng đó cho đến khi nào có được một điều gì đó cởi mở và trơn tru hơn. Tất cả mọi sự trong cuộc sống đều trôi bồng bềnh từ cực này sang cực khác – không có gì rắc rối cả. Tôi muốn có một cơ cấu cởi mở, không lệ thuộc vào hình thức hơn cho một trung tâm, vì con người đó là khuynh hướng của tôi và khó khăn có thể xuất phát từ khuynh hướng đó. Nhưng đó lại là bản chất cuộc sống: phải đối phó với “Vấn đề gì chúng ta gặp vào lúc này? Điều gì có thể làm được lúc này?”

Tại trung tâm thiền San Diego có những cuộc họp để trao đổi thông tin, cũng có những cuộc họp ban điều hành rất cởi mở và có cả công khai tài chánh. Không có gì che giấu cả. Luôn luôn có thời gian để nêu thắc mắc và giải quyết vấn đề sau bài nói chuyện được diễn ra tại trung tâm và một thời gian thảo luận cởi mở vào buổi hành thiền buổi tối ngày thứ tư. Trung tâm ấn định như vậy để Joko có thể không thực thi quyền thiền sư trong vòng năm phút. Toàn bộ ban điều hành có thể kêu gọi, triệu tập phiên họp và bỏ phiếu biểu quyết. Trên nguyên tắc, bà không nắm quyền hạn cơ bản. Và bà muốn như vậy. Nhưng trong thực tế, bà có quyền đưa ra quyết định cuối cùng. “Nếu ai đó có mặt và phát biểu, ‘tôi nghĩ chúng ta cần tới mười lăm phút hành thiền’ tôi có thể phủ quyết. ‘Không cần tới mười lăm phút’ không có dân chủ trong trường hợp đó!”

Joko tin rằng nhiệm vụ chính yếu của thiền sư là để giúp chúng ta nhận thức được điều chúng ta đã thể hiện, chúng ta đã biết nhưng chúng ta chưa ý thức được. Bà bắt đầu buổi nói chuyện vài năm về trước với những lời lẽ như sau: “Tôi luôn thắc mắc không biết người ta hy vọng được gì sau buổi

nói chuyện như vậy. Tôi đã có được gì mà bạn không có? Chẳng có điều gì tôi hiểu được mà các bạn lại không hiểu. Nhưng tôi phải thừa nhận là ý thức được những điều trên chính là nội dung buổi tập luyện này”. Có điều luôn xảy ra là các thiền sinh luôn gán cho bà đủ thứ. Bà chỉ coi mình như một người bạn dày dặn kinh nghiệm: “luôn là người bạn yêu quý, nhưng là người bạn yêu quý dày dặn kinh nghiệm”.

“Tôi không muốn nói chúng ta không cần đến thiền sư, trung tâm và kỹ thuật luyện thiền. Chúng ta rất cần là đàng khác. Nhưng khi nghĩ rằng ngoại trừ bản thân và những “cố gắng đúng mức của chính chúng ta” mà vẫn còn điều gì đó gây ảnh hưởng nặng nề đến cuộc sống chúng ta khiến chúng ta phải cần đến một số thay đổi nào đó. chúng ta đang tự lừa bịp chính mình đó. Bất kỳ thiền sư nào cũng chỉ có mặt tại chỗ để hướng dẫn bạn tiếp xúc trực tiếp với tầm hiểu biết bạn sẵn có. Ông có làm điều gì thì cũng chỉ để giúp bạn thực hiện điều đó. Nhưng hãy cẩn thận. Lý tưởng hóa, tin tưởng mù quáng vào khả năng vượt trội của ông, tin tưởng thiền sư phải biết điều thiền sinh chưa biết, tất cả thứ đó sẽ gây rắc rối cho mọi người. Điều đó luôn tùy thuộc ở chúng ta.

Điều làm cho những “cố gắng đúng đắn của chúng ta” luôn luôn là xuống đến tận chú ý, chú ý và chú ý (như một vị thiền sư cao niên Ikkyu đã viết ba lần khi một thiền sinh xin thầy một từ có ý nghĩa khôn ngoan nhất).. Nhiều năm sau Joko đã khám phá ra tập luyện thân thể là điều cơ bản nhất. Bà muốn các thiền sinh phải trau dồi ý thức đúng đắn về phản ứng của thân thể trong mọi tình huống – rồi cố gắng rời chiếu cầu trúc bản ngã cơ bản xem đâu là ý nghĩa của hành vi này. Bà muốn biết, điều gì đang diễn ra tại đây. Chúng ta xem vấn đề đó thế nào? Làm sao giải quyết được vấn đề đó?

Bà cho tôi biết, “Tôi vẫn thuyết pháp giống hết mọi người, tôi có thể giao cho thiền sinh koan Mu, thách thức họ theo cách cổ điển. “Mu là gì? Thực sự đã thấm nhuần Mu chưa?” Nhưng chẳng còn gì nữa. Bà nói, “Các thiền sinh thật quá đa dạng, một số cần củng cố lại bản ngã chứ không được tách biệt ra. Một số chỉ cần đến ít lời chỉ dẫn. Số khác đã sẵn sàng để tách dần khỏi cơ cấu bản ngã thuộc công việc huấn luyện thiền định cổ điển. “Nhưng dần dà tôi nhận thấy tăng cường bản ngã (điều vẫn được coi như là phương thức tâm lý trị liệu) và làm xói mòn bản ngã (điều thiền định suy nghĩ như vậy) đang đan quện lấy nhau và được giải quyết êm đẹp khi nào chúng ta kiên trì làm việc bằng cách khảo sát sự dính bén (dục) của chúng ta”.

Joko muốn biết tất cả những gì về các thiền sinh của bà. Và thực tế là bà luôn luôn làm được điều đó. Bà có thể trong một lúc làm việc được với một người đàn ông, với vợ ông ta hay cả người tình của ông ta nữa. Làm việc với

từng người một, bà chỉ cần thăm dò sự dính bén bản ngã thể hiện trong hoàn cảnh cụ thể nào và khi họ đã nhận ra rõ ràng, thì hoàn cảnh đó sẽ tự động được giải quyết.

Hoặc có người nào đó đến và cho biết cô ta đang bị ám ảnh về người bạn trai mới gặp. Joko có thể khuyên: “Được rồi, cứ việc để cho anh chàng tiếp tục ám ảnh bạn, nhưng hãy cảnh giác như bạn đã làm. Thế bạn bị ám ảnh ra sao? Bạn đã bao giờ quan sát thật kỹ bạn bị ám ảnh thế nào chưa? Điều gì đang xảy ra trong suy nghĩ của bạn? Hãy tỉnh thức – đừng để tuột mất điều gì nhé!”

Ít lâu sau đó Joko lại cho biết, mọi người đều tự dạy cho mình. Bà nói thêm, “Bạn là thiền sư của chính bạn đó”, rồi bà đưa ra những vấn đề sau: tưởng tượng xem bạn gặp ba người lạ và một trong ba người hỏi bạn, “Hành thiền là gì vậy? Tại sao tôi lại muốn hành thiền?” Thế bạn định nói gì với người đó?” Nếu người thiền sinh đó bảo, “Tôi không biết phải nói gì cả”. Joko sẽ trả lời, “Nhưng bạn biết mà, - và tôi muốn việc hành thiền của bạn tỏ ra là bạn biết và bạn có thể diễn tả rõ ràng điều bạn biết. Tuần tới lại đây và cho tôi biết điều gì bạn sẽ nói nhé”. Và như thế người ta chỉ biết nghe, nghe và nghe. “Bằng cách đó người ta học được rất nhiều”. Và việc hành thiền của mọi người sẽ trở nên sống động.

“Tôi muốn mọi người hiểu ý nghĩa việc họ hành thiền. Tôi muốn họ tự hỏi mình (ngay cả kéo dài hàng tháng): “Tại sao tôi lại phải phấn đấu ghé gớm đến thế? điều đó có nghĩa lý gì đối với tôi? Tại sao tôi lại phải cố gắng đến vậy? Tại sao tôi lại phải dậy sớm hơn nửa giờ để làm điều đó?”

“Vấn đề là, mọi người đều biết hết – và tất cả những gì bạn cần phải làm là phải chăm chú nghe, để tìm cách làm cho họ nói ra điều họ biết. Đó chính là tài khéo của các thiền sư, biết cách mách nước cho họ thực hiện được điều đó. Chúng ta là thiền sư cho chính mình có phải thế không? Thiền sư bên ngoài là làm cho bạn trở thành người thầy của chính mình vậy”.

Không khó khăn lắm để nhận ra Joko rất ham thuyết pháp. Và được tăng cường sức mạnh do giảng dạy. Sau nhiều giờ bàn thảo trong suốt thời gian hành thiền, bà lấy lại được nhiều nghị lực, hơn là hao tổn đi.

Chúng tôi sắp kết thúc chuyến viếng thăm San Diego và một câu hỏi vẫn còn vương vấn trong tâm trí tôi mãi.

Lenore: Tôi thắc mắc không hiểu bà có thể dành cho tôi ít phút để giải thích rõ những gì bà đã nói trong buổi chúng ta bàn thảo (daisan) ngày hôm qua không?

Joko: Được chứ

Lenore: Bà hỏi tôi về “quyết định nội tại” và tôi đã nói khi còn nhỏ, quyết định nội tại của tôi rất tốt, rồi tôi thêm vào đó một chút và nói tôi cảm thấy chính tôi như đang can dự vào một điều gì đó rất nhỏ, khó lòng nhận ra được, chắc chắn không cần thiết – và bà cho biết điều đó rất thích hợp với những gì sau này sẽ diễn ra. Và tôi thực sự không dám chắc là tôi hiểu ý bà nói.

Joko: Làm tốt thuộc cấu trúc bản ngã chúng ta đang đề cập đến. Ở một vài điểm, mỗi người chúng ta quyết định chúng ta không thể tồn tại trong vũ trụ này trừ khi chúng ta có một chiến lược. Đối với một số người, chiến lược này là chống đối lại quyết liệt; đối với một số người khác nó lại nhỏ bé và khó lòng nhìn ra. Chiến lược của bạn là làm tốt, nhìn chung là muốn làm hài lòng mọi người. Nhưng chiến lược cơ bản đối với bất kỳ ai cũng luôn luôn: tôi sẽ tự bảo vệ mình, bất kể điều gì và với bất cứ giá nào. Qua thời gian chiến lược trở thành quyết định cơ bản điều khiển cuộc sống (bản ngã) chúng ta vì chúng ta không ý thức được nó. Việc luyện tập (chú ý) của chúng ta là phải ý thức rõ ràng về quyết định đó. Không phải chỉ trong đầu mà đủ, nhưng còn phải thể hiện nơi từng thớ thịt trong thân thể chúng ta.

Lenore: Bà đang đề cập đến các giác quan là đầu mối cho cấu trúc bản ngã, phải không ạ!

Joko: Đúng đấy, thí dụ, điều bạn vừa mô tả – có thể teo lại thành không. – bạn không thể làm được gì nếu điều đó không biểu lộ bằng một quyết định. Nơi một số trường hợp bạn quyết định cách tốt nhất bạn có thể tồn tại là sử dụng chiến lược này. Bạn học hỏi được (rất có thể không ý thức được những gì bạn đang làm) trong một tình huống bị đe dọa bạn sẽ co dúm lại. Và điều gì bạn học được trong cuộc sống cho đến giờ là phải hành động ra sao? Đối mặt với mọi đe dọa bằng phương án nào?

Lenore: Biến mất hay sao?

Joko: Đúng đấy, chắc chắn rồi và trong thực tế điều chúng ta phải làm là gia tăng ý thức bằng những hoạt động không ngừng của bản ngã. Và khi chúng ta ngồi thiền với trí tuệ (thông minh) chúng ta làm đúng. Tỏa sáng chiến lược bản ngã này – như cảm nhận những cảm giác thể lý của chúng ta, như lắng nghe những suy nghĩ ồn ào của chúng ta – sẽ giúp chúng ta nhận ra bản ngã đang liên tục thống trị cuộc sống chúng ta ra sao. Chỉ lúc đó ta mới cảm thấy được con hổ từ bấy lâu nay vẫn không chế chúng ta chỉ là con cọp giấy. Và chúng ta không được khoan nhượng đối với những gì không thực tế. Quyết định của chúng ta có thể đã không điên rồ ở một thời điểm nào đó, nhưng nếu hiện nay lại tỏ ra điên rồ và không không thích hợp. Chúng ta không cần đến nữa.

Lenore: Vâng, ở một chừng mực nào đó tôi đã không làm thế – và đầu sao tôi có hành động!

Joko: và rồi bạn làm thế. tất cả chúng ta đều hành động như thế cả.

Lenore: Tôi hiểu rồi. Và càng quan sát tôi lại càng thấy rõ.

Joko: Và rồi câu hỏi là làm thế nào luyện điều đó.

Lenore: Vâng đó chính là câu hỏi tôi muốn đưa ra.

Joko: Vâng, những gì chúng ta đề cập đến trong cuộc đối thoại thiền (daisan) cần phải được nghiên cứu kỹ. Điều tôi thấy ở luyện “Koans” mang lại hiệu quả – theo tôi nghĩ chúng ta nên bắt đầu từ đó, trước khi nó trở thành một hệ thống mang nặng hình thức và một hệ thống chết – chính là bắt đầu tái tạo lại những giây phút trong cuộc sống bạn và coi đó như là thầy dạy và thực hiện điều đó thế nào để có thể giúp ta nhìn ra cái cấu trúc bản ngã như là những suy nghĩ và những cảm giác thể lý – hay nói cách khác là: hãy ý thức, một khi đã ý thức được rằng bạn không thể tránh nhận ra bản chất hư vô (trống rỗng) của bản ngã, sẽ không còn chi phối bạn được nữa. Bạn sẽ chủ động được và đó là một thực tại công việc rất rộng rãi bao quát. Rồi bạn có thể để nó tự trôi qua, có nghĩa là nhận ra được sự hư vô (trống rỗng) nơi bản ngã. Và sự luyện tập này rất có hiệu quả; tôi nhận thấy điểm này rất rõ ràng. Bạn thấy đó vấn đề thiền sư chính là làm rõ tất cả mọi sự và thực hiện toàn bộ luyện tập này cách khéo léo. Tôi liên tục tìm kiếm ra những cách thức tốt nhất và điều đó tạo cho việc học hỏi thêm phần hứng thú và cũng rất hấp dẫn.

Trong một phòng ngủ nhỏ tại căn nhà phía sau, gần với phòng ngủ của Joko, một cây đàn Clarico rất xinh được lau chùi bóng loáng chiếm gần hết căn phòng. Đó là phòng của Elizabeth Hamilton. Tôi ngồi xếp bằng trên giường của bà, nghe bà đang tập bản Concerto dành cho đàn Clarico để sửa soạn cho cuộc hòa nhạc sẽ được tổ chức vào tuần tới. Một máy ghi băng để trên chiếc ghế kế bên chỗ bà chơi phần nhạc cho ban nhạc. Elizabeth đã biểu diễn nhiều năm nay. Nhưng chỉ mới đây thôi bà đã cho tôi biết khi những ngón tay của bà vừa kết thúc những nốt nhạc đầu tiên, bà mới hiểu ra chơi nhạc thực sự mang ý nghĩa gì. (có nghĩa là hòa tan trong âm nhạc, để cho âm nhạc tuôn trào ra qua những ngón nhạc đó). Bà đã nói một cách nhuần nhuyễn, chính xác và tỏa sáng với những điệu nhạc bà chơi với cây Clarico.

Elizabeth: Joko dạy rằng chúng ta phải lưu ý đến phân tro bón cho những bông hồng trong cuộc sống chúng ta. Chúng ta phải điều nghiên kỹ phiên bản đau khổ riêng tư của mỗi chúng ta. Bà luôn thúc đẩy chúng ta trở lại với những gì chúng ta kỳ vọng sử dụng luyện thiền để tránh trong cuộc sống.

Chúng ta phải có mặt tại đó để có được giác ngộ hầu tránh đi nỗi khổ của chúng ta. Và như vậy chính bản ngã cá nhân tôi sẽ được giác ngộ. Và có được ánh sáng tỏa sáng ra khỏi cái đầu u mê của chúng ta! Cám ơn trời Phật bà đã giúp cắt được đau khổ. Bạn đã có đầy đủ kinh nghiệm trước khi nhận ra tình trạng trống rỗng đó. Nếu bạn bị sợ hãi tràn ngập, bạn chẳng bao giờ nhận ra sự trống rỗng nơi sợ hãi. Nó đang ngấm chi phối bạn. Bạn có thể ngồi thiền thâm nhập sâu vào Định và nhận ra được sự đồng nhất đó, nhưng đó chỉ là một khái niệm vì khi bạn đứng dậy, ngay tại đó chỉ là một bãi mìn có thể thổi. Và có ai đó xuất hiện chỉ trích bạn hay sửa chữa cho bạn, thế là bạn nổi lên đình. Và như thế bạn đã được coi như là đã tỉnh ngộ vậy (giác ngộ).

Lenore: Điều bà suy diễn về Định như bà cho biết là một “khái niệm”, nhưng không phải thế, chỉ là một kinh nghiệm không hơn không kém.

Elizabeth: Không những chỉ là kinh nghiệm. Định là chính bạn khi bạn ngồi thiền ngay tại lúc này, mở ra với hết mọi sự. Điều này khác xa với Định (nhận thức) tập trung vào một điểm gây trở ngại cho bất kỳ điều gì trong ta. khi bạn ngồi thiền với “Định hướng ngoại” như vậy, bạn chẳng còn có vấn đề gì nữa, bạn có thể cảm nhận thấy đồng nhất tính nơi con người của bạn. Nó rất quyến rũ, bạn còn có thể có được những giây phút với trực giác cao. Nhưng nếu bạn vẫn chưa ý thức được hay vẫn còn bị vướng với những hoàn cảnh của bạn, điểm mù của bạn sẽ xuất hiện nơi chính Định của bạn, an nghỉ bình thản tại đó như đứa trẻ hai tuổi. Nhưng sau giấc ngủ nó sẽ thoát ra ngoài và chi phối cuộc sống của bạn. Chúng ta có thể dùng Định như một thứ ma túy, để ngăn cản suy nghĩ và những cảm xúc, có đạt đến những thành tựu sai lệch.

Nếu như bạn nhìn thẳng vào điều đã được hé mở ra trong những năm qua về thấy cả những người có chức quyền, bạn có thể thấy được luyện tập khó khăn đến chừng nào. Cá nhân tôi không muốn chú tâm nhiều đến những người đã được “Giác ngộ” Đó là một khái niệm bao hàm sự kiên trì và vững vàng. Vấn đề là chúng ta có tỉnh thức (giác ngộ) ngay tại giây phút hiện tại hay không và ngay lúc này đây. Và nếu như bạn đã tỉnh thức (giác ngộ) vào năm 1975, rất có thể bạn đã giác ngộ khá khá để có thể nhận được danh hiệu đó, nhưng đó không có nghĩa là bạn vẫn tỉnh thức (giác ngộ) vào năm 1985, hoặc trong mọi tình huống.

Lenore: Nhưng chúng ta vẫn bị kẹt với suy nghĩ có ai đó đã biết, biết nhiều hơn chúng ta và người đó có thể nói cho chúng ta, hoặc mách đường cho chúng ta.

Elizabeth: Vâng, rất nhiều người trong chúng ta đã dẹp bỏ đi cái cảm nghĩ cho rằng ta chỉ quan tâm nghĩ rằng có ai đó bên ngoài chúng ta không thể làm lẩn hoặc có thể thực hiện được những chuyện lạ và chỉ cần họ “chỉ dạy cho chúng ta” và rõ ràng đang có mục đích gì đằng sau sự việc đó. Tôi thấy rất cay đắng là thực tế tôi đã trợ giúp rất nhiều người rất lạ lùng vì tôi nghĩ có điều gì đó tôi chưa nhìn ra. Thế nên tôi đã dính líu bằng cách đưa họ ra ngoài kinh nghiệm đời thường. Thật đáng buồn nhận thấy chúng ta đang bị mắc lừa một cách mẫn cán dưới danh nghĩa luyện tập. Một khi việc luyện tập trở thành việc làm rõ sự tổn thương, nổi bực tức, hoặc sự lẩn lộn – đem lại hiểu biết và phát triển. Có thể những thanh niên Mỹ ở độ tuổi mười chín sẽ sẵn sàng rời bỏ gia đình để được sống tự lập.

Lenore: Bà có thể cho biết một vài chi tiết cá nhân về điều này, về cách bà và Joko đã làm việc chung với nhau như thế nào không?

Elizabeth: Vâng, rất sẵn lòng, đó là điều thứ nhất, Trước khi tôi ngồi thiền, tôi chẳng bao giờ cảm thấy bực tức cả. Tôi đã bị mụn nhọt hen suyễn và bị ban! Cuối cùng tôi phải bắt đầu nhìn lại hiện trạng sức khỏe của tôi – ý tôi muốn nói là, tôi muốn như cây sồi trong vườn, không có vấn đề gì, nhưng tôi không thể làm được như vậy. Không muốn để cho tất cả ý tưởng ích kỷ này trỗi dậy, tính tự vệ này. Thế cho nên tôi bắt đầu tìm kiếm xem thực chất tôi bị điều gì đang hành hạ. Bà đã không tiết lộ cho tôi biết phải tìm kiếm điều gì. Tôi biết rất rõ. Bà biết những gì chúng tôi biết. Và bà rất kiên trì. Bà ráng chờ đợi cho đến khi chúng tôi sẵn sàng đi tìm kiếm. Thí dụ, trong biểu diễn, tôi đã biểu diễn trong vòng hai mươi lăm năm qua, tôi đoán thế, mà không hay biết ngầm dưới đó có vấn đề tôi đang bị khủng hoảng tâm thần. Hoảng sợ vì cách nào đó tôi sẽ không được chấp nhận theo đuổi công việc luyện thiền nữa. Rồi đem ra chia sẻ với thính giả, người biểu diễn (là tôi) được không? Và cuối cùng tôi nhận ra là tôi đã nhìn ra vấn đề và thấy được điều gì tôi đã dùng âm nhạc để che dấu. Tôi chẳng lên án bất kỳ ai vì không quan tâm lưu ý đến tôi.

Một cách nào đó, chúng tôi đã được nghe điều đó nhiều lần. Như sáng hôm qua, khi bà nói với tôi: “hãy trở lại hoài hoài với thực tại ngay giây phút này, điều đó luôn căn cứ vào tình trạng thể lý của ta”. Tôi càng tỏ ra giao động bao nhiêu, tỏ ra căng thẳng cơ bắp bao nhiêu thì tôi càng có được sự yên tĩnh, cái điểm yên tĩnh đó, tình trạng bệnh tật đó, chẳng là gì cả.

Có một thời điểm tuyệt vời, khi tôi đã ngồi thiền được ba tháng. Vào ngày 28 tháng Chín năm 1975 – tôi không bao giờ quên được. Ngày đó đã trở nên quá rõ ràng đối với tôi và đây là vấn đề. Và khi mà vấn đề từ từ lui dần đi. Nhưng trí nhớ của tôi cứ càng được củng cố thêm. Tôi đã bỏ ra hai năm tiếp

theo để nắm bắt lại cái giây phút lịch sử đó. tôi phát hiện ra đó lại là ảo tưởng. Nhưng nếu quan niệm của bạn về tập luyện có ý nghĩa với cái giây phút trực giác đó. thì đó lại có lý do để suy nghĩ bạn có điều gì đó để bảo vệ. Thế nên tất cả đều chỉ là hiệu quả ngược lại.

Lenore: Những giây phút khai sáng đó vẫn không giúp gì cho bà dứt bỏ được ảo tưởng hay sao?

Elizabeth: Vâng, tôi phải nói là bạn không bao giờ được lẫn lộn nếp tẻ với nhau. Nếu như đó là điều quan trọng. Nhưng may mắn vẫn có thể diễn ra, ngay cả khi chiếc màn sân khấu đã được kéo lên, vẫn có thể từ từ hạ xuống, cho dù bạn có bị quan đến mấy. Giống như trở thành một nhà sư phải trải qua một cuộc hành trình từ bỏ bản ngã thật khắc nghiệt. Tôi thật sung sướng không phải mặc áo cà sa ngay bây giờ. (right now). Thế thì áo cà sa mang ý nghĩa gì? Điều này gây khó chịu cho thân xác. Thật dễ dàng để trở nên sùng bái hay mang tính bè phái nếu bạn cho là những thứ đó là những trang hoàng của Đức Phật. Bạn cảm thấy thế nào khi bạn mặc bộ đồ ngủ? Tôi không thích được đóng vai một người Phật tử hay không phải là người Phật tử, nhà sư hay người đời, hay bất cứ điều gì đại loại như vậy. Những thứ đó tạo ra quá nhiều rối rắm bạn có thể dùng bất kỳ điều gì để quậy lên vũng nước sinh lầy đó và rồi quên đi.

Lenore: Bà có thể dùng bất luận điều gì; ngay cả sự luyện tập nữa chứ?

Elizabeth: Tuyệt nhiên rồi, tôi có dùng, tôi đã làm thế và tôi sẽ làm như vậy! Chúng tôi không muốn thấy điều chúng ta quá bị lệ thuộc. Điều đó không lờ lợt và khiêm tốn. Có thể đó là cách duy nhất bạn có được lòng khiêm tốn thực sự.

Điều thật hấp dẫn đối với tôi là trong tất cả trên dưới 1.700 koans truyền thống không thấy có koans nào đề cập đến tình cảm, ích kỷ và suy nghĩ không chính xác. – những điều thường xảy ra trong cuộc sống hầu hết mọi người chúng ta. (kể cả một số những người hành thiền lâu năm, trong đó có cả tôi) tôi thực sự đánh giá cao Joko đang tìm cách đối phó với những rối loạn tình cảm để đưa vào làm koans. Bà đang tạo ra những koans như thế cho các thiền sinh để biến đổi mình. Tuy nhiên điều có thể xảy ra cho một số người không theo học với bà có thể cho là bà đang đối phó với công việc thuộc bình diện “thuần túy tâm lý” mà thôi. Không phải vì thế mà một số chúng ta tách rời bản ngã ra khỏi thế giới, hoặc bản ngã ra khỏi các tình huống (cái gọi là vấn đề- với- tôi- và- của- tôi). tâm lý trị liệu tốt rất có giá trị; tuy nhiên thường thường không đem lại cho chúng ta đến chỗ thành công cuối cùng chính vì thế mà không thể phân tách bản ngã ra được. Công việc có liên quan đến cảm xúc đôi khi Joko kể luôn vào việc luyện tập, lại đòi

hỏi đi thẳng ngay vào điều gì nổi lên, như khi chúng ta thực hiện một koan. Thoạt tiên chúng ta có thể ý thức được, rồi kinh nghiệm thấy và cuối cùng trở thành buồn chán (hoặc là rối rắm, hay tức bực). để có thể quan sát được tính chất tự nhiên của chúng ta. Điều này không mang tính hoạt động thực sự – nó chỉ giúp bạn trở thành tốt hơn vào lúc tức bực thay vì trở thành tức bực. Điều đó thực sự trông không giống ai hết.

Sống chung với Joko tôi nhận thấy bà biết tất cả những gì tôi biết. bà chỉ cần rảo qua lãnh địa trí tuệ của chính bà quan sát những cơ quan phản ứng của chính bà, trong một thời gian dài và vì vậy bà có thể tận dụng những cơ quan này để hướng dẫn cho người khác cũng làm như vậy. Bà không mô tả chính mình như là một người đã “đạt đến giác ngộ” cuối cùng bạn có thể đạt đến đâu? Chúng ta đang ở đây rồi còn gì nữa! Bà sống một cuộc đời chăm chút cho cuộc sống thay vì sống một cuộc đời ích kỷ. Cho dù bất kỳ khi nào bà nghe tôi đề cập đến việc này bà thường hay nói “Ôi! Cứ tiếp tục đi nào! “Nhưng bà đóng vai một người nhắc nhở rằng cuộc sống của chúng ta phải là những lời kinh Phật, phải là những giới luật Phật.

Chúng tôi đã quen biết nhau trong khoảng bốn mươi năm nay, bà là con người hoàn toàn, hoàn toàn và hoàn toàn bình thường. Thật ích lợi để có được mối quan hệ thầy trò với bà. Tôi thích coi bà như một người cố vấn – nhưng với bất kỳ từ nào bạn dùng để nói về bà chẳng có từ nào mang đầy đủ ý nghĩa như: tốt hơn, hoặc siêu nhiên hơn hay bất luận điều gì khác. bà là một người nhắc nhở vĩ đại của những gì hiện thực. Giống như một bài đồng ca Hy Lạp. Bạn đã có dịp nào xem ở một vở kịch Hy Lạp chưa? Một nhân vật bước đi trên sân khấu đang bước qua một cây cầu và đội hợp xướng tiến lại gần và nói, “Họ đang bước qua cây cầu”. Điều đã xảy ra rồi – chẳng cần có ai phải nhắc nhở chúng ta làm gì trừ khi chúng ta là người lạc lối.! Theo như chỗ tôi được biết, nhiệm vụ của người thiền sư là trợ giúp chúng ta nhìn cho ra những điều hiển nhiên, những gì đang tiềm tàng và có thể quan sát được ngay lúc này. Chắc chắn là chẳng có gì đặc biệt cả.

Vậy là chúng ta trở lại với “chẳng có gì đặc biệt” Ngồi lại nơi bàn máy đánh chữ, tôi nhớ lại buổi hành thiền đó, bóng đêm đang tràn xuống phòng hành thiền, những tiếng xe cộ qua lại ngoài đường, tiếng trẻ nô đùa ngoài đường phố, một tiếng chim hót buổi bình minh. Bữa điểm tâm, vị ngọt cam tươi lịm nơi đầu lưỡi. Trong một phòng nhỏ chật hẹp, một chồng gối đen xếp ngay ngắn. Trong căn nhà màu vàng tràn trụi trên đường phố cũng tràn trụi bình thường.

Nhưng ngay bên trong, ngay chiếc bàn trước góc cửa sổ, một bức tượng Quan Âm tuyệt đẹp mỉm cười thật nhân hậu. Từ giờ sẽ được chuyển đến để ở một chỗ khác và trên bàn, thay vào một hòn đá đơn sơ.

Mùa Đông năm 2000

Từ khi tôi đến thăm trung tâm thiền San Diego vào năm 1980 cho đến nay Trung Tâm đã phát triển đáng kể, không nhiều lắm về cơ sở vật chất (vẫn cùng ngôi nhà đó, vẫn còn duy trì hầu hết các sinh hoạt, cho dù Joko đã dọn về ở gần kề bên) nhưng số người đến hành thiền tại đó lại tăng đáng kể. Trong suốt những khóa hành thiền có rất nhiều thiền sinh đến từ khắp nơi trên thế giới. Joko tiếp xúc với rất nhiều người trong số họ qua điện thoại (và có hàng loạt những người còn bị cúp không được tiếp chuyện, Bà cho biết như thế).

Thật vậy chúng tôi đã liên lạc qua điện thoại vào một buổi chiều cuối mùa thu năm 1998. Bà cho biết, công việc thuyết pháp của bà không có gì thay đổi, đặc biệt kể từ ngày chúng tôi tiếp chuyện với nhau lần đầu tiên nhiều năm về trước, nhưng hầu như không còn “chung chung nữa, chính xác và đặc trưng hơn nhiều”. Có nghĩa là quan sát mọi sự dưới nhiều góc độ khác nhau và sự truyền đạt được chải chuốt cho phù hợp với từng cá nhân.

Dần dà, Joko tỏ ra tôn trọng sự khác biệt nơi mọi người – mức độ ý chí, tuổi tác, những sửa soạn của họ trước đó – đã ảnh hưởng đến những gì đạt hay không đạt hiệu quả trong hành thiền – liên can trực tiếp đến cuộc sống của mỗi người, ngay tại giây phút hiện tại không qua suy diễn – là những vấn đề phổ biến. “Chúng ta đâu có nghĩ là không sẵn sàng, nhưng thực chất chúng ta đã làm thế”. tuy nhiên làm tốt những việc này còn tùy thuộc vào mỗi chúng ta.

Cách thuyết pháp của bà thoát đầu hình như hơi chú trọng đến tâm lý. “Nhưng chúng ta không dừng lại ở đó; chúng ta tiến lên phía trước”, Bà không tin là mình đang dùng tâm lý. Vì hành thiền là nhìn xuyên suốt qua bản ngã, trong một qui trình giác ngộ chậm rãi. Và chúng ta không thể nhảy vọt qua bất kỳ giai đoạn nào để đạt đến một mục tiêu trừu tượng. “Chúng ta phải thực sự đạt đến thống nhất về ý tưởng bản ngã chúng ta đang có. “Giác ngộ không phải là điều chúng ta có thể đuổi bắt nhưng chỉ đơn giản là “thiếu vắng sự dính bén vào bản ngã mỗi cá nhân chúng ta”.

Bà nhận thấy lý do tại sao nhiều người vướng mắc mà không hiểu biết điều đó. “Là điều gì vậy? Điều vướng mắc đó là gì? Bà đặt câu hỏi. Cũng giống như koan: điều gì đây?”

Nhưng bà còn cho biết, đa số chúng ta thực sự đã không biết được hành thiền nhằm mục đích gì. Đối với một số người cần đến mười năm, mười hai năm, mười bốn năm. Học được tập trung tư tưởng vào giây phút hiện tại giữa những trôi sụt thường ngày cần đến một thời gian rất dài. Chúng ta bắt đầu làm sáng tỏ cuộc sống hàng ngày của chúng ta và rồi rất chậm chậm mọi sự “trợ giúp nâng đỡ “cũng sẽ trở nên rõ ràng”.

Vấn đề chủ chốt chính là kinh nghiệm được giây phút này của cuộc sống hơn là chỉ nghĩ đến cuộc sống đó. Rồi sau khi “Những gì lẽ tẻ đã tan biến đi và bạn chỉ còn lại với điều tuyệt đối mà thôi. Bạn có hiểu được tôi muốn nói gì không?” Đó là một qui trình thật tế nhị, khám phá trực tiếp những kinh nghiệm giác quan thể chất mà không cần đến suy tư. Nhưng bà cho biết, “Đó chính là tình trạng giác ngộ vậy”.

Joko rất thích thuyết pháp với từng người một. Bà cảm thấy điều đó thật thoải mái không cần cố gắng, chẳng bao giờ thành gánh nặng. “Thật là vui biết bao khi thấy người ta đã bắt đầu tỉnh ngộ”. Khoảng độ tám giờ một tuần bà liên lạc bằng điện thoại với những người sống cách xa bà. “Nhiều điều phi lý kinh khủng đã được triệt phá bằng điện thoại”. Thực tế, có nhiều thiền sinh rất giỏi đã được huấn luyện sau nhiều năm hầu như hoàn toàn chỉ qua điện thoại.

Joko hiện nay đã 84 tuổi, vẫn còn phụ trách các khóa hành thiền kéo dài năm ngày. Và làm việc miệt mài với từng cá nhân các thiền sinh. Elizabeth Hamilton và Ezra Bayda là hai trong số năm người được chỉ định nối nghiệp Phật pháp giúp đỡ Joko điều hành các khóa hành thiền cũng như đang hướng dẫn các khóa riêng của mỗi người, Ba người kế nghiệp khác cũng đang điều hành các trung tâm chi nhánh tại Oakland, California, Champaign-Urbana, Illinois và Nữ ược. Cũng còn có một chi nhánh tại Australia. Trung tâm thiền tại San Diego sẽ cung cấp thêm nhiều thông tin.

---o0o---

[05] - **Thiền Sư Ruth Dension**

Ruth có thể băng qua đằm lầy để đạt tới tận các vì tinh tú và lệnh cho các thiền sinh cũng thực hiện như vậy, nhưng với qui định sau đây: “Hãy thực hiện như vậy trong tình trạng giác ngộ hoàn toàn”.

-- Một thiền sinh của Ruth Dension.

Mùa Đông 1996.

Bà là một nhân vật đầy thách thức, một đốm sáng lân tinh, một ảo thuật gia. Tiếp đến bà còn là deva, một bà hoàng nắm quyền phân xử tại tòa, một đấng

nhỏ đường phố, một bà già quê mùa nhào bột làm bánh. Bà còn là hiện thân của lòng từ bi, diễn viên nhạc kịch, một Bồ tát mặc nhung phục và đồ trang sức, một bà già tiêu tụy, đầy lòng vị tha.

Gặp được Ruth Denison, hoặc nói chuyện với bất kỳ ai biết rõ bà, chính là gặp được một kính vạn hoa với nhiều màu sắc thật ấn tượng đầy ngoạn mục. Một yếu tố duy nhất ai cũng chia sẻ với nhau khi gặp bà chính là niềm xúc động mạnh mẽ.

Lần đầu tiên tôi gặp bà vào mùa Đông năm 1983, nhân dịp bà trở lại Berkeley để hướng dẫn một khóa huấn luyện cuối tuần. Vào buổi tối khai mạc khóa huấn luyện. Tôi được mời tham gia nhóm cựu thiền sinh của bà tụ tập lại để chào đón bà, cùng chia sẻ bữa cơm chay và nói chuyện với bà một cách bình thường. Bầu không khí trong nhà thật vui nhộn tràn đầy khát vọng muốn gặp lại. Khi bà xuất hiện trên cầu thang với người trợ lý là Ni Sư Julie. Cả hai họ đều mặc áo cà sa dài, Ruth mặc cà sa màu nâu, còn Julie màu đen. Lọn tóc màu mật dài kẹp lại sau lưng chạm tới tận cổ. Bà cũng đeo cả dây chuyền và một chuỗi hạt quanh cổ. Khi hai người bước xuống cầu thang, mọi người ở dưới xếp thành hai hàng và nắm tay nhau hợp thành một vòng cung để cho hai người duyệt qua, vang tiếng hát lễ lạc. Mọi gương mặt đều rạng rỡ. Tràn đầy tình yêu thương và tình liên đới tràn ngập suốt cả buổi tối.

Gương mặt Ruth đã điểm nét nhăn nhưng vẫn sinh động và đầy nhuệ khí. Giọng nói bà sang sảng đặc sệt một giọng Ang-lê đông âu, đêm hôm đó đã vượt qua mọi sắc thái, từ trầm khan, đầy sức tích đến êm dịu, xen cả lời hát nhẹ nhàng. Bản tường trình của bà trước toàn thể phụ nữ rất hấp dẫn khi bà kể về các chi tiết trong chuyến đi mới đây. Bà lắng nghe phản hồi của cử tọa, rồi cùng nhau chia sẻ bữa cơm chay tối với họ. Sau đó họ ngồi vòng tròn, bà moi ra những thông tin và những chi tiết cá nhân nơi những người bà đã quen biết (về phần tôi, một gương mặt mới, Bà tỏ ra ít quan tâm hơn). Bà rất vui vẻ tự tin, hơi nghiêm nghị, khá hài hước và thông cảm – và bà đã điều khiển buổi trao đổi sôi nổi cho đến tận đêm.

Sáng hôm sau buổi tĩnh tâm khai mạc trong một phòng sang trọng tại Kerkeley Dharmadha (trung tâm Chogyam Trungpa, Rinpoche dành cho các Thiền sinh địa phương) căn phòng sáng rực với những màu truyền thống; gối thiền đỏ vàng, các khẩu hiệu bằng tơ đỏ, xanh dương, xanh lá và vàng; ngôi chùa nổi bật với hoa muôn màu. Tuy căn phòng rất rộng, nhưng chật ních người (“có tám mươi bảy người đến dự, trong đó có tám người đàn ông”,) suốt hai ngày niệm thiền được bày biện theo nhiều kiểu khác nhau, thường chia ra làm ba hàng đối diện với ba dãy dài, Ruth thường di chuyển lên xuống ở giữa. Đôi khi tất cả đều hướng về phía trước, khi Ruth thuyết

pháp hay hướng dẫn phương pháp hành thiền. Đôi khi họ ngồi dờn sát tường để có thể di chuyển dễ dàng ở khoảng giữa. Đôi khi chúng tôi di chuyển vòng vèo qua lại để thử nghiệm nhiều kiểu rước thiền. Nếu ai đó muốn áp dụng buổi tĩnh tâm theo truyền thống tĩnh lặng Thiền Minh Sát (vipassana), thì buổi cuối tuần này không áp dụng truyền thống đó.

Tuy nhiên, khóa huấn luyện chuyên về tập trung tư tưởng (mindfulness) chuyên về tập trung chú ý tỷ mỉ về qui trình tư duy và thể chất. Được Ruth giới thiệu và hướng dẫn. Bà nói, mục tiêu là mở cõi lòng trước vạn vật. Trong thính lặng suy niệm tạo ra, sự tách biệt giữa bản ngã và người khác đã biến mất. Những nhân tố tiêu cực, phản kháng và trở ngại đã biến mất – và bản chất nhân tính của chúng ta được bộc lộ bằng từ bi, lòng nhân ái và khôn ngoan.

Ruth đã hướng dẫn chúng tôi tập trung vào hơi thở, cảm nhận từ sống mũi xuống đến môi trên. Chúng tôi còn phải ý thức tất cả những biến chuyển tâm sinh lý có thể bộc phát bất ưng. Bà nói, bất động là điều tốt, phiền hà cũng tốt, phản kháng cũng được. bướng bỉnh cũng phải chịu. Không thoải mái cũng thế. (tuy nhiên, nếu điều gì trở nên quá căng thẳng, hãy đứng dậy hoặc ngồi lên ghế kê bên ngoài phòng Thiền).

Nhưng những lần hành thiền yên lặng như thế không kéo dài. Các buổi ngồi thiền luôn được cắt quãng bằng những lời hướng dẫn, bằng lời động viên và giải thích.

Rước (Walking meditation) thiền được trình bày rất cẩn thận, tập trung căn kẽ vào từng bước chân, đặt chân xuống và bước chân đi. Mọi người họp thành bốn vòng bước đi chậm rãi trong vòng từ hai mươi đến ba mươi phút xoay quanh những hàng gối thiền. Rồi thư giãn để vươn vai và xoa bóp chính mình và cho các thành viên cùng tham gia hành thiền nữa.

Đến ngày thứ hai Ruth lại chỉ cho chúng tôi thực hiện nhiều kiểu đi khác: đi nhanh, rướn trên đầu ngón chân, đi cứng dờ, nhấc một chân; đi vòng quanh, vòng quanh trên đầu ngón chân và tụng kinh. Chậm chậm; và cuối cùng nắm lấy tay người đối diện, giơ cánh tay lên, nhìn thẳng vào mắt nhau, xem đó như là mắt của bạn, nhắm mắt lại, để tay xuống rồi về lại chỗ để kết thúc bài thiền. Cũng trong ngày đó Ruth hướng dẫn chúng tôi hành thiền “lướt qua” được thiền sư U Ba Khin truyền lại cho bà, trong bài thiền này tập trung chú ý nhỏ nhất hướng tới lần lướt từng phần thân thể, từ đầu đến chân. Bên trong cũng như bên ngoài. (td. Khoảng trống giữa tai, cổ, sau gáy, vùng da mặt) tất cả đều phối hợp nhịp nhàng với ý thức nhịp thở. Chính sự tập trung tư tưởng và ý thức của tôi trở nên cao độ trong suốt quá trình này.

Trong suốt hai ngày, Ruth tạo ra một bầu không khí thật thân thương. Và buổi thiền cuối cùng được trang trí bằng hoa và chúng tôi ngồi đối mặt nhau (ba hàng đối diện nhau) Bà đã hướng dẫn chúng tôi hành thiền (Matta) kéo dài tình nhân ái.

Vào khuya trong đêm tôi được tiếp chuyện với Ruth độ hơn một tiếng đồng hồ trước khi bà rời thành phố vào sáng sớm hôm sau (các thiền sinh mô tả bà như là người qua lại liên tục, thường xuyên đến rồi lại ra đi mà không báo trước).

Ruth sinh ra tại Đông Russia năm 1922, gần biên giới với Nga. Vào những năm 1940 bà là tù nhân sự tại một trại tập trung của Nga, nhưng gần cuối chiến tranh bà đã cố gắng trốn trại, chạy trốn trước đội quân Nga trong khi đó đồng minh đang tiến hành dội bom. Khi chiến tranh kết thúc bà trở lại tìm kiếm gia đình nhưng lại bị bắt giam tại một trại tập trung khác trong vòng chín tháng. Những người tòng phạm tại đây đa số đều là phụ nữ – và đa số họ đã chết “như ruồi” vì bệnh tật, chỉ trừ có bà vẫn còn khỏe mạnh. Năm 1956, bà sang Mỹ và bắt đầu dạy học tại Los Angeles. Tại đây bà đã lập gia đình với một người đàn ông thuộc một gia đình Mỹ bảo thủ, ít năm sau đó chồng bà cũng được xuất gia thành nhà sư theo phái Ramkrishana (vedanta). Trong những năm đầu thập kỷ sáu mươi họ hoạt động xã hội và tổ chức hội thảo cho những người dân Alan Watts, Laura Huxley, Krishnamuri và Gerald Heard. Cũng chính trong giai đoạn này bà cùng với chồng đã sang Miến Điện để theo học thiền với một thiền sư nổi tiếng U Ba Khin tại Trung Tâm Thiền Quốc Tế Rangoon.

Ruth đã hành thiền trong nhiều giờ liên tiếp trong một căn lều nhỏ bên dưới ngôi Chùa. Từ 2.00 giờ sáng Đại sư đã có mặt và nói “Con hãy ngồi đây và kiểm tra hơi thở đi” và bà đã ngồi đó cho đến 11 giờ đêm. Bà chỉ gặp thiền sư đúng 10 phút mỗi ngày. Vào lúc 7 giờ tối U Ba Khin tới và kiểm tra. Bà đã ngồi như vậy trong bốn tuần liền. Bà cho biết “Thưa thầy kính mến, nhưng con đã tiếp thu thuyết pháp của thầy như vệt gập nước” (Bà phát âm thành “dahing” với giọng chắc nịch). “Thuyết pháp của thầy thật rõ ràng và đầy thuyết phục. Bà rất sung sướng và tiến triển rất nhanh”. Bà đã nhận truyền Phật pháp vào năm 1966. Chỉ có bốn người Tây phương được Công nhận như vậy và có mình bà là phụ nữ. Nhưng “lòng hiểu biết sâu rộng, lòng tin tưởng lớn lao và sự hiểu biết rõ ràng” hình như đã chiến thắng tất cả sự lưỡng lự có thể xảy ra trong sự kiện này.

Ruth suy luận: rất có thể thiền sư của bà sẽ sửng sốt vì cách thuyết pháp của bà hiện nay. “Cho dù rất có thể là không” bà khẳng định. “Thiền sư cũng là một người tiên phong” (đã truyền Phật pháp cho một phụ nữ Tây

phương đầu tiên). “Một khi đã có ý thức mạnh mẽ người ta có thể trở thành rất sáng tạo. Cách tiếp cận mới đó sẽ không thành vấn đề gì cả”. Thay đổi và quan sát luôn là những điều cốt yếu trong thuyết pháp của bà. Ngôi hành thiền theo kiểu truyền thống không giải quyết tất cả những rối loạn thần kinh của chúng ta, những chuyến đi và những mơ mộng hão huyền của chúng ta”, Bà tin như thế. Thế nên bà đã dùng cử động thể lý để tạo cảm nhận, cảm giác sống động và ích lợi hơn. Khi có người gặp khó khăn trong hành thiền, Bà cho họ biết, “Được rồi, bạn có thể đứng dậy và đi lại cho thoải mái”. Và rồi tâm trí sẽ trở lại bình thường và ý thức sẽ phát triển nhanh hơn. “Dẫu sao, trong suốt buổi cuối tuần tôi cũng chỉ có hai ngày để giảng về toàn bộ Phật pháp!”

Khi Ruth điều hành các buổi tĩnh tâm bà thường dùng “sức mạnh tinh thần” chứ không dùng trí tuệ. Bà cảm thấy tiếp xúc được với hết mọi người trong phòng. “Tôi gây phiền toái cho hết mọi người”, Bà nói “tôi thuyết pháp như Đức Phật” Tất cả những gì bà làm đều phát xuất từ tâm lòng, từ năng lực trí tuệ, trong lời nói và không phải từ chính suy nghĩ.

“Điều tôi quan tâm nhất chính là sự biến đổi xã hội” Bà tiếp tục thông qua chú tâm thực sự đến thể chất, trí tuệ và tâm lòng, con người ta trở thành nhạy cảm hơn, ít bạo động hơn, quân bình hơn trong suy nghĩ.

“Điều quan trọng không phải là bắt họ ngồi xếp bằng hoặc ngồi trên ghế. Việc hành thiền chỉ là một phương tiện mà thôi”.

Bà rất hài lòng về chất lượng tập trung trí tuệ (mindfulness) trong suốt buổi cuối tuần vừa rồi. “Tôi có nhận thấy được cách xử lý bằng lý trí của mọi người không? “Tôi thực sự cảm động, thưa thầy yêu quý”.

Ruth cũng đã tiến hành thực tập hành thiền tại Nhật bản hai năm (1964-1966) học hỏi với thiền sư Soen Roshi, Yamada – roshi và Yasutani-Roshi và bà cũng thực hành “koan” với thiền sư Maezumi-roshi tại Los Angeles. Bà cho biết, thiền sư Soen-Roshi nâng đỡ đặc biệt bối cảnh Thiền Minh Sát (Vipassana) của bà. Trong khi một vài thiền sư vĩ đại nhất hiểu được tầm quan trọng của truyền thống Đại Thừa như là một nền tảng. Thật không may đối với nhiều đạo hữu hành thiền định (Zen). Bà cảm thấy thuyết pháp chính xác về tập trung trí tuệ thường bị quên lãng nơi truyền thống đó.

Ruth đặc biệt không quan tâm đề cập về đời tư của mình. Bà nói, thiền sư phải ở trong hậu trường như một người bạn tốt, “Điều chúng tôi muốn chính là rút lại “cái tôi” và “bản ngã”. Người ta thường có khuynh hướng chú tâm đến phẩm chất riêng của thiền sư đến nỗi họ tập trung tất cả chú ý vào đó. Tại sao phẩm chất riêng của tôi lại quan trọng đến thế?” Bà suy nghĩ, cách tiếp cận của bà – với nhiệt khí, lòng sốt sắng và tâm lòng cởi mở

– sẽ kêu mời được mọi người cởi mở cõi lòng ra và nhận ra con người thật của mình và bỏ qua cá tính riêng của mỗi người”.

Bà cho biết, những khi không bận thuyết pháp bà thường đến cư ngụ tại đồi Hollywood với chồng và tỏ ra là “một bà nội trợ rất sáng tạo”. Bà làm vườn, nướng bánh, chăm sóc vật nuôi và các thiền sinh riêng lẻ. Hiện nay bà rất thích thú làm việc với các nữ thiền sinh. “Tôi rất thích họ, họ là một phần cuộc sống của tôi” Bà đánh giá cao tinh thần tiên phong của họ. Tinh thần tìm tòi và nghiên cứu những giá trị mới. Rất nhiều thiền sinh của bà đặc biệt là thuộc vùng Bờ Tây (West Coast). Bà cho biết, họ là những phụ nữ dám thách thức những hình thức xã hội truyền thống và họ đã dám quay lưng lại với những quan hệ thu hút người khác phái. Tuy nhiên, bà nhấn mạnh, “Chúng ta không phải một nhóm người qui tụ lại để chống lại nam giới. Nhưng để tìm cho ra sức mạnh của chính chúng ta và những trách nhiệm mới, hiện nay chúng ta cần thể hiện chính chúng ta vậy”.

Trái lại, tại Bờ Đông và tại Châu Âu, hầu hết các thiền sinh của bà đều là nam giới. Bà nói, với họ bà đã trao trọn tấm lòng cho họ. Thường xuyên bà phải thực hiện các cuộc phỏng vấn cho tới nửa đêm.

“Nhưng đó là cuộc sống, tôi cảm thấy thời gian của tôi cũng là thời gian của họ”. Không còn phải là vấn đề lựa chọn nữa”. Bà nói, “bạn chỉ cần cảm thấy nghị lực Phật pháp trong người bạn và bạn không hành động khác đi được”. Bà cảm thấy thân phận riêng tư của bà quá tầm thường nhỏ bé và chẳng còn gì để mà lựa chọn nữa. Bà chỉ đơn giản thực hiện những gì phải làm.

Khi chúng tôi chào tạm biệt, lời cuối cùng bà nói là: “Xin chúc mừng Giáng sinh vui vẻ, bạn yêu quý”.

Để tăng thêm cuộc tiếp xúc tương đối ngắn ngủi với Ruth, tôi tiếp chuyện rất dài với hai thiền sinh lâu năm của bà. Người đầu tiên là trợ lý được hai năm, đang sống tại Dhamma Dena (trung tâm huấn luyện thiền của Ruth tại sa mạc California) và đã theo bà đi thuyết pháp tại nhiều nơi trên đất Hoa kỳ. Hiện nay bà đã định cư tại bắc California và cũng đang tổ chức các cuộc tĩnh tâm riêng của mình).

Lần đầu tiên thiền sinh này đến gặp Ruth, bà đã tìm hiểu Thiền Minh Sát (Vipassana) một thời gian và nhân viên trong Hội Insight Meditation tại Barre, bang Massachusetts và đã sống hai năm cách ly –”Cách gần gũi nhất để trở thành một ni sư theo như tôi được biết: chính là thể hiện một cách sống đơn sơ và phó thác”, gồm cả việc hàng ngày chỉ mặc một thứ áo Bà-ton kiểu Ấn độ.

Nhưng rồi Ruth xuất hiện. “Bà dùng cả trang sức lẫn quần áo lụa là. Và tôi thật sự sửng sốt! Cần tới vài năm tôi mới thực sự hòa đồng được, nhưng hiện nay tôi mới nhận ra điều Ruth truyền đạt cho tôi chính là một phụ nữ như thế cũng có thể được chấp nhận nơi truyền thống (Đại thừa). Có gây phiền hà chút đỉnh cũng không sao, thể hiện đích thực con người bạn là ôn hòa”. Bà đã quá quen duy trì tính khiêm tốn và tự từ bỏ. Và đây chính là người phụ nữ ăn nói bộc trực, nhuần nhuyễn phân tách bá tánh theo mọi phương hướng.

“Bà hoàn toàn hiểu rõ đã gây cho người khác khó chịu. Bà cho biết, ‘họ đang mê ngủ trên kia. Hãy đánh thức họ dậy!’ Tôi suy nghĩ bà mang đặc tính của một Đại Sư Thiên định trong người. Tại thiền viện Dhamma Dena, bạn phải luôn tỏ ra sòng phẳng. Nếu bạn đứng vào địa vị của bà, tôi đoán chắc bà phải có quyền hành xử với bạn. Những khi bị thách thức bà thường cho biết, ‘Lúc bạn đến đây với tư cách là một thiền sinh, bản phận của tôi là dạy Phật pháp cho bạn một cách đúng đắn.’”

“Tôi còn nhớ một đêm nọ chúng tôi đã sẵn sàng bước vào khóa huấn luyện và bà vừa từ Los Angeles tới với một xe vận tải chất đầy đồ đạc. Và toàn bộ lô hàng đó phải được đưa xuống và chất vào đúng chỗ. Cuối cùng vào khoảng nửa đêm, công việc mới hoàn tất và mọi người hoàn toàn kiệt sức. Và khóa huấn luyện sẽ được khai mạc sáng ngày mai. Ruth xuất hiện và nói, ‘Con yêu, sao chúng ta không nướng bánh đêm nay? ban sáng trời nóng quá, con không muốn nướng bánh bây giờ khi trời vẫn còn mát không? Nhưng con đã làm việc cả ngày hôm nay bà không biết sao: sửa soạn mứt cho điểm tâm và tất cả mọi sự bà yêu cầu trước khóa huấn luyện. Và con thực sự kiệt sức rồi’. Tôi không thể tin được bà lại đề nghị nướng bánh. Tôi không còn biết mình đã nói gì. Nhưng bà nhìn tôi thật ưu ái và nói, ‘Thôi được, con cứ đi ngủ đi còn mẹ đi nướng bánh cho’. Tôi không suy nghĩ gì thêm. Vấn đề đã quá rõ những gì tôi cho là quá sức chịu đựng chỉ là sức phản kháng lại với sự việc hiện đang diễn ra ngay tại lúc đó. Tôi nhận ra chẳng có chi khác biệt khi có người nói, ‘Thế tại sao bạn không hành thiền suốt đêm đi?’ Ruth có cách nhận rõ khi bạn có lý và đề nghị bạn tiếp tục thực hiện.

“Hình như bà đang đóng vai một Roshi (Đại sư) cũng như các nhân viên khác trong phòng thiền đang dạo quanh đề chống đỡ, nhắc nhở và thức tỉnh bạn khi hành thiền. Bà đã thực hiện tất cả các nhiệm vụ trong buổi hành thiền và thật là một việc cực nhọc! Và tôi cần đến một vài năm mới dám mở miệng nói, ‘Cám ơn thiền sư và đêm nay con lên giường đi ngủ sớm.’”

“Tôi hỏi, ‘Thế thiền sư Ruth có nghị lực mạnh mẽ đến vậy sao?’”

“Bà có nghị lực thật dẻo dai, vâng. Nhiều hơn bất kỳ một ai trong chúng tôi và bà cảm thấy chỉ cần thực hiện những gì phải được hoàn thành mà thôi. Thiền viện Dhamma Dena là một nơi hết sức bận rộn. Lúc nào cũng có những việc cần được xây dựng và đổi mới. Công việc phải làm ở đây không bao giờ kết thúc. Phải một thời gian dài tôi mới nhận ra điều đó, tại đây công việc kiến thiết chẳng bao giờ kết thúc. Bà đã coi công việc như là một phần luyện tập. Và nhiệm vụ của bà là khuấy động lên mọi sinh hoạt tại Trung Tâm”.

Tôi nhớ lại yên lặng không được tuân thủ triệt để trong các cuộc tĩnh tâm tôi đã tham dự và tự hỏi không biết có phải là chi tiết cá biệt hay không.

“Bà thực hiện giảng dạy và hướng dẫn nhiều hơn bất kỳ các thiền sư nào khác. Đôi khi đối với tôi cũng không phải dễ dàng thực hiện. Bạn phải biết những hạn chế của mình và tự xoay sở toàn bộ vấn đề. Nhiệm vụ của tôi không phải là xét đoán mà là yêu mến thiền sư của tôi. Cũng như tỏ cho bà biết làm sao sự việc ảnh hưởng đến tôi, những gì tôi không thực hiện ngay từ đầu. Đây chính là viên sỏi trong quan hệ giữa tôi với thiền sư cũng như một khía cạnh tiến bộ mới của tôi trong tương quan với những người có quyền hành tại thiền viện. Đã có sự phân biệt rõ ràng giữa những người “bên trong” là thiền sư - ngay cả khi họ là phụ nữ – và những người “bên ngoài” thuộc thành phần “theo học”. Điều đó tạo ra mối cách biệt (do bản ngã chúng ta tạo ra) chúng ta dứt khoát phải vượt qua.

“Nhưng đặc biệt với Ruth, nếu tôi càng tin tưởng vào chính những nhận xét của mình một cách khách quan và vô tư, bà càng tin tưởng tôi hơn và chúng tôi đối xử với nhau thật bình đẳng. Và rồi chúng ta có thể bắt đầu đùa giỡn với nhau!”

“Bà biết đó, Ruth đã tiên phong thực hiện được một điều không có thể tin nổi”. Thiền sinh này nói tiếp, “Thiền sư U Ba Khin không hướng dẫn cho những người hành thiền di chuyển quanh phòng thiền và khua tay trên không một cách nhịp nhàng. Bà có biệt tài hướng dẫn cẩn thận cho nhóm kinh nghiệm kích hoạt sự hiện diện thể lý nơi thân thể, một kinh nghiệm tập trung ý thức đạt đến từng tế bào trong cơ thể”. (chính kinh nghiệm tôi có được trong một cuộc huấn luyện cuối tuần đã khẳng định điều đó).

Thiền sinh này đã đưa ra cho tôi xem một số hình ảnh về Ruth điều khiển buổi hành Thiền Minh Sát (Vipassana) thông qua những kinh nghiệm các động tác cơ thể trong một buổi luyện tập tại Đức. “Bà đã điều khiển cử động một cách hết sức tự nhiên và sáng tạo nhịp nhàng trong khi di chuyển và trở về chỗ bạn lúc ban đầu”.

Tôi thốt lên, “Theo những gì tôi thấy trong hình, các động tác đó thật quá đơn giản và rất tự nhiên”.

“Vâng, hoàn toàn tự nhiên và ý thức cao. Hoàn toàn nghiêm túc”.

Bà kể tiếp phương án Ruth kết hợp cách tiếp cận rõ ràng và có “đường nét” tập trung vào thuyết pháp truyền thống (mỗi người ngồi thiền một mình trong phòng riêng cả ngày quan sát từng giây từng phút những cảm giác thể lý, những cảm nhận và tư tưởng) với những động tác ý thức tự nhiên của chính bà. “ví dụ như trường hợp của tôi, tôi nghĩ những khóa huấn luyện truyền thống và có bài bản tôi đã tham dự trước khi gặp Ruth ích lợi hơn cho tôi. Tuy nhiên nhiều người đặc biệt là phụ nữ đã tận dụng rất tốt cách tiếp cận đầy sáng tạo của Ruth.

“Thiền sinh này cảm thấy cách hòa nhập tập trung thể lý của Ruth vào hai cách tiếp cận – tức là cách luyện ý thức thông qua cử động tâm sinh lý – là đóng góp nữ giới tiên phong. Tôi hỏi thêm có phải điều này giải thích tại sao Ruth thu hút được nhiều phụ nữ, đặc biệt là các phụ nữ đồng tính luyện ái đến với trung tâm tại sa mạc hay không.

“Vâng – ngoài việc bà là người đầu tiên tổ chức huấn luyện cho phụ nữ – tôi thiết nghĩ chính do cách áp dụng các động tác rất sáng tạo của bà đã qui tụ được đông đảo phụ nữ và tăng hào hứng trong luyện tập. cũng phải kể đến cách cải tiến cơ cấu sinh hoạt hàng ngày”. Khi tôi hỏi thêm chi tiết, bà cho biết mọi người không thể căn cứ trên bất kỳ điều gì cố định, mọi diễn tiến đều hoàn toàn tự phát và sinh hoạt trong ngày cứ tuần tự diễn ra và kết thúc”.

“Ý Bà muốn nói là không có lịch trình rõ ràng?”

“Có lịch trình, nhưng rất uyển chuyển. Lấy thí dụ, đôi khi chúng tôi kết thúc ngồi thiền sau khi mọi người cảm thấy buồn ngủ. Vì bà cho bạn đứng lên và đi lại, để bạn tự ý thức trở lại! Bạn thấy tỉnh táo và rồi lấy nghị lực trở lại. Bà cũng áp dụng nghi thức rất nhuần nhuyễn. Bà hòa nhập nghi thức nhằm mục đích giúp cho ý thức được dễ dàng và qui tụ tất cả về luyện Phật pháp”.

Thiền sinh suy tư chút đỉnh rồi kể thêm, “Tôi nhớ một đêm tại khóa huấn luyện dành cho phụ nữ, Bà đã mở nhạc và chúng tôi bắt đầu di chuyển và nhảy rồi nhận thấy có một vài người di chuyển một cách cầu thả. Bà tắt nhạc ngay và nhận xét, “các bạn phải tập trung chú ý. Các bạn phải di chuyển thật là ấn tượng vào. Các bạn không biết “Tôi đã nhảy vào lửa với các bạn” đó sao? “Chúng ta không nghe nhạc để tiêu khiển, chúng ta đang luyện để tập trung ý thức và các bạn phải ý thức chúng ta đang làm gì. Rất có thể các bạn cảm thấy khó chịu, nhưng các bạn phải có trách nhiệm với bản thân. Không

chỉ múa may một cách bâng quơ”. Bà nói tiếp, “các thiền sinh yêu quý của tôi – những người đã được tinh luyện! Các bạn đã ngồi thiền như thế trong nhiều năm. Các bạn có ý thức mình đang làm gì không?” Bà có cách dùng lời nói để làm cho chúng tôi tự ý thức, làm cho chúng tôi tỉnh lại.

R. là một chính khách chính trị, đồng tính luyến ái và một nghệ sỹ biểu diễn theo học Ruth đã tám năm nay. Khi bà bắt đầu tham gia các khóa huấn luyện, bà là một thiền sinh siêng năng và đã được Ruth công nhận là một thiền sinh rất “cố gắng”. Tuy nhiên bà “rất ghét” hiện trạng thực tại của bà đã lâu.

Ngay từ lúc đầu, nguyên việc Ruth là phụ nữ là một chi tiết rất quan trọng đối với R. bà muốn thoát khỏi những phán xét của đàn ông, những giá trị nam giới và ngay cả những tiêu chuẩn nam giới về đường lối suy nghĩ cũng như kiến thức. Một trong những khía cạnh nổi bật trong cách thuyết pháp của Ruth chính là “Bà đề cho đương sự được thể hiện toàn diện con người của mỗi thiền sinh”. Bà dám phạm sai lầm, tức giận, lầm lỗi. “Đôi khi bà còn gây tổn thương đến người khác. nhưng hành động gây tổn thương đó chỉ nhằm mục đích làm cho chúng ta tập trung chú ý. Bà luôn tìm tòi các phương thế mới. Và bà thật đáng yêu. Đáng yêu dễ sợ. Đối với nhiều phụ nữ có vấn đề trong quan hệ với mẹ mình như R. điều đó thực sự đã tạo biến chuyển rõ rệt.

Nhưng trong vòng hai năm trời bà ghét đủ thứ, “Tôi rất ghét hành thiền. Lúc nào tôi cũng bồn chồn không yên, nhưng chính Phật pháp đã chiếm lĩnh tôi. Tôi nhận ra có một cách sống khác. Còn khối điều hay ho hơn là những biểu hiện hơi hợt bên ngoài. Tôi đã nhìn qua nhưng không biết cách nào thâm nhập sâu hơn. Vì làm như vậy cần đến kỷ luật, hình thức và một thiền sư. Và cần một thời gian dài. Tôi không thể ngồi yên một chỗ theo cách thiền truyền thống được. – chỉ ngồi, ngồi rồi lại đi liên tục. Tôi gặp khó khăn rất lớn.

“Nhưng khi tôi ngồi chung với phụ nữ, mọi sự đều khác. Một điều rất rõ là Ruth rất uyển chuyển và hoàn toàn tùy cơ ứng biến. Bà đã tạo ra những nghi thức ngay tại chỗ – tất cả những ngày lễ như: Vu Lan, ngày rằm, ngày của Mẹ, ngày khai trương phòng thiền đều được tổ chức tại đây. Có một lần bà mẹ chín mươi sáu tuổi của Ruth có mặt tại trung tâm, chúng tôi tổ chức lễ Bà mẹ và hóa trang bằng tất cả những thứ Ruth đã gom lại từ cả năm nay. Bà là người lục lọi tìm kiếm đủ thứ, bà xây dựng Trung tâm Thiền Dharma Dena - ngoài sự đóng góp của các thiền sinh – Bà đi vận động tìm kiếm nguồn tài chánh ở khắp nơi”.

Bà R. cho biết đã tham dự những cuộc huấn luyện cho cả hai phái. Và nhận thấy Ruth tỏ ra tự nhiên hơn với phụ nữ – Bà biểu lộ “Ruth tính” hơn là “Thiền sư tính”. Ngược lại, tại Châu Âu bà tỏ ra hình thức hơn cũng “bà Dension” đó với một phong cách hoàn toàn khác”. Bà R. cho biết, với từng nhóm người, hay mỗi cá nhân Ruth đều cảm nhận và cư xử một cách trực tiếp và cụ thể ngay tại chỗ và bằng chính ngôn ngữ của họ.

Thêm vào cách Ruth giúp luyện tập trung ý thức toàn thân, hơi thở và cử động, Bà R. còn mô tả lại cách tập trung ý thức bằng “quan sát”. Vào lúc hoàng hôn bà có thể dẫn các thiền sinh ra ngoài và yêu cầu họ nhắm mắt lại. Rồi yêu cầu họ từ từ mở mắt ra, từ từ quan sát xuống phía dưới và đơn giản quan sát những gì diễn ra trước mắt, tất cả những chi tiết nhỏ nhất, ngay cả những hạt cát. Rồi từ từ nhìn lên cao, quan sát những hạt cát đó bay trước ánh hoàng hôn, những chùm cây và ngọn núi từ phía chân trời, rồi xa hơn quan sát mây bay, bay cao bay cao trên khoảng không vô tận, quan sát cả làn sương mù hay màu trời rực rỡ. Và rồi từ từ nhìn xuống trở lại, dừng lại ở một vài chi tiết đây đó. và nhắm mắt lại rồi lại mở ra, cảm nhận những gì bên trong đôi mắt, cảm nhận những giới hạn của đôi mắt...hoàn toàn thoải mái.

Bà R. cho biết lần đầu tiên trong đời bà thấy sung sướng. Bà thích ngủ ngoài sa mạc, ngắm nhìn bầu trời trong sáng về đêm. Ruth thốt lên, “Hãy tổng quát tất cả nỗi niềm của bạn vào sa mạc, có đủ chỗ cho tất cả mọi thứ”. Và có nhiều điều phải trút vào đó. Chúng ta thường phải đối mặt với khó khăn. Gồm cả nước mắt và thổn thức “Bạn sẽ đối diện với chính mình, bạn sẽ gặp những nơi đã bị che khuất hoặc không muốn nhìn lại. Tôi đã rơi vào tình trạng phản kháng với đủ thứ trong vòng ba năm. Tôi tính từng giây từng phút trôi qua. Bao giờ đến bữa ăn? Bao giờ được đi ngủ?”

Sa mạc vào mùa xuân thật tuyệt vời. Vào năm mưa nhiều hơn bình thường, mọi sự đều xanh tươi hơn trong vòng năm mươi năm qua. Toàn bộ sa mạc phủ đầy màu xanh và hoa lá. Có cả cỏ, chó sói và rắn rết. Vào mùa hè còn có cả nhện nhện. Bà R, cho biết, “Con nhện nhện không độc hại, chúng chỉ bò khắp nơi trên sa mạc. Khi bạn hành thiền bách bộ, bạn sẽ tìm thấy một lối đi và đi tới đi lui, bạn bước đi với con nhện nhện dưới chân, chúng di chuyển rất chậm và thực sự cảnh tượng rất ngoạn mục.

Một ngày nọ, sau khi đã sinh hoạt với Ruth được hơn ba năm rồi, ngay trong phòng thiền R. đã đạt đến kinh nghiệm để mình trôi qua trên không, Bà ngụp lặn trong chính mình và cảm nhận “được hơi thở và toàn thân”. Mọi cử động biến mất. Khi nhìn thấy Ruth R. cảm thấy thật bình thản và cho Ruth biết bà rất hạnh phúc. Và thế là Ruth bắt đầu khóc. Bà đã gặp thiền

sinh này tham gia ba bốn khóa huấn luyện mỗi năm, tính R, ngang bướng và ghét bỏ mọi thứ. Lúc này R. phải rơi lệ và đối với R, đây lại là một kinh nghiệm quý giá khác chứng tỏ khả năng của Ruth luôn túc trực với R từng giây từng phút, bất luận điều gì xảy ra.

Một lần khác, R. phải đấu tranh với cảm nghĩ ghen tuông nổi lên lần đầu tiên với Ruth. Bà chỉ muốn dành Ruth cho riêng mình! Ruth giúp R. nhận ra ghen tuông – luôn đi kèm với đau khổ cho chính bản thân và cho người khác. Và một đêm kia, R. thực sự cảm nhận được nỗi ghen đó vụt thoát khỏi bà và nhập vào một người đàn bà khác. Rõ ràng R. là nguyên nhân, điều R. đã làm chẳng liên quan gì đến ai cả. “Tất cả nguyên nhân đều giống nhau. Lỗi tại chúng ta, lỗi ở tôi. Chúng ta đã để lộ ra”.

Đây không phải là một thành tích tâm lý, Theo R, “Đó là một lãnh vực hoàn toàn khác. Một điều tâm lý trị liệu không bao giờ đem lại cho tôi lòng nhân ái (từ bi) với chính mình”. Đối với Bà, sức mạnh đặc biệt của Ruth là truyền đạt lòng từ bi nhân hậu, Cảm thông với chính bản thân, với thế giới và với nỗi đau của bá tánh. Và trước khi Ruth ý thức được điều đó, bà đã gặp rất nhiều ngăn trở để nhận thức đúng đắn: nào lười biếng, mất hứng thú, giao động, nghi ngờ, căm ghét và ước muốn chiếm đoạt. “tôi hoàn toàn lặn ngụp trong đó đặc biệt là giao động. Rồi nghi ngờ, rồi tự ghét bản thân mình”.

Nhưng Ruth đã dạy R. biết sung sướng ngay trong cơn bất hạnh. Bà nhắc tôi, “đó chính là cuộc sống của bạn, là một con người và một con người được thể hiện ngay tại lúc này.

“ Bà R. nhớ lại, “khi bạn buồn rầu, làm cách nào để mở đường vào cuộc sống mà không tìm cách phàn nàn than vãn? Làm sao chấp nhận những kinh nghiệm tới với bạn? Không dễ dàng đâu. Chẳng phải những gì bạn được giảng dạy nơi văn minh Âu châu đâu. Chỉ có một chút khác biệt do trí tuệ phân định được bạn chỉ là một con nòng nọc bị lột xác vậy”.

Điều kiện ban đầu của Bà R. tỏ ra rất trí thức, biết suy xét về chính mình và người khác. Ruth đã cống hiến cho R. một dụng cụ để cắt ngang phán đoán thiên lệch và dụng cụ đó chính là lòng từ bi hỷ xả. Nhờ đó R. có thể tỏ ra bất cứ lúc nào, trong bất kỳ điều gì bà thực hiện. Bà cảm thấy Ruth đã giúp bà kiểm tra cẩn thận phần đen tối nơi bà. Sức mạnh nữ tính đặc thù nơi bà chính là đường lối trở lại với bản ngã của mình”.

Bà R. kết luận, “Một số thiền sư truyền đạt Thiền Minh Sát (Vipassana). Còn Ruth chính là Thiền Minh Sát. Ngay từ lúc đầu Ruth đã giảng dạy rằng Đức Phật không phải là một con người, trí tuệ được giác ngộ không có giới tính và trí tuệ đó hiện hữu ngay tại đây – nơi mỗi người chúng ta.

Mùa Đông năm 2000

Ruth Denison hiện nay đã bảy mươi sáu tuổi và bà đã bắt đầu cảm thấy khí nóng sa mạc vào mùa hè khủng khiếp đến cỡ nào tại vùng Joshua Tree, bang California nơi tọa lạc thiền viện Dhamma Dena “Đôi khi tôi tụng Kinh Phật khi đang bách bộ trong khí trời oi bức”. Bà nói với tôi bằng giọng Russia đặc sệt. “điều đó tăng sức mạnh cho tôi chịu đựng sức nóng khủng khiếp đó, đôi khi hầu như tôi đang tiến gần đến chỗ kiệt sức. Người ta có thể chết dưới sức nóng tại đây, nhưng tôi không sợ điều đó. Tôi tụng vang lên những lời tuyên thệ, Tôi biết tôi đang phục vụ Phật pháp và tôi cứ tiến tới phía trước (trong khi mọi người khác run lên vì sợ hãi nghĩ tới tôi phải chịu đựng sức nóng thiêu đốt trong đó).”

Tuy nhiên, trong suốt mùa hè bà vẫn “di chuyển đều đặn” từ văn phòng Dhamma Dena về đến nhà (đi bộ khoảng độ 375 bước và cần khoảng ba đến năm phút để hoàn tất quãng đường đó). Chồng Bà, hai người đã chia tay nhau trong nhiều năm, hiện đang bị chứng bệnh mất trí nhớ hoành hành. Bà đã rất tự hào về nghĩa vụ chăm sóc cho người chồng và đã mang ông vào ở ngay tại Trung tâm. “Ông hiện đã tám mươi tám tuổi, chỉ mặc bộ đồ ngủ, ông không thể di chuyển được trừ khi có người dìu đi. Ông chạy ra và bảo, ‘Chúng ta làm gì trên đó?’ Tôi nói, ‘Anh yêu, chúng ta ăn sáng chứ?’. “Tôi không đói!’ Rồi một lúc sau, ông hỏi lại, ‘Nào, chúng ta có gì ăn sáng không?’ Một phút sau đó, ông không còn biết ông đã nói gì, thế nên đôi khi tôi phải nấu đến ba lần cùng một bữa ăn”.

Gần đó, có sáu phòng nhỏ được trang bị thật đầy đủ thuộc về trung tâm. Ruth đã thuê những phòng đó với giá rẻ cho những thiền sinh nào muốn sống cuộc sống đơn giản gần ngay trung tâm Dhamma. Bất cứ lúc nào cũng có nào là một cựu giảng viên, một nhân viên điều hành Công ty pizza, một nhà điêu khắc, hay một nhạc sĩ mất sức sống tách biệt trong các căn phòng đó. Ruth cho biết “Tôi khó lòng trả đủ chi phí, nhưng tôi cảm thấy thật thoải mái. Họ đang sống tại một nơi rất tốt”.

Vừa rồi, có một người đàn ông vừa bỏ rượu nhưng lại bị ung thư giai đoạn chót đến sống tại một trong những căn phòng đó. Nhưng trong những tuần tĩnh tâm tháng vào mùa đông hàng năm (thường xuyên có tới ba mươi người tham gia đầy đủ và khoảng bảy mươi người chỉ tham gia ngắn hạn). Người đàn ông trên sắp đến ngày lia cõi đời này. Ruth chưa chăm sóc người chết bao giờ. Thế nhưng bà cho biết, “Tôi đã thức trắng ba đêm liền với ông ta. Ông tin tưởng tôi. Và tôi chỉ có thể nói, “Ông Tom à, tôi đến để hít thở không khí với ông đây. Ông có muốn không? ‘Hừ’. Thế là tôi làm dịu miệng ông bằng một ngụm nước và tôi muốn cắt nghĩa thêm cho ông ta. Người đàn

ông này không biết thiền và không có chút hiểu biết gì về tình trạng tập trung trí tuệ hoặc ngay cả tập trung thân thể nữa, thế rồi tôi hướng dẫn ông ta đi từ chỗ chú ý đến hơi thở và rồi chú ý đến thân thể bằng những cách thông thường nhất. Rồi ông ta bình thản trở lại và thư giãn hơn. Ông thở nhịp nhàng hơn, êm ái hơn và chấp nhận những gì ông đang làm. Ông dường như biết là ông đang chết. “Ông Tom”, tôi muốn nói với ông, “Đừng sợ ông sẽ đi về đâu. Thở ra đi ông đang ở trong sa mạc nơi đó có một chỗ rộng rãi đầy tình yêu thương đẹp đẽ và là nơi ông thấy được thoải mái. Ông sẽ được chấp nhận vào đó hãy thở ra đi, hãy tưởng tượng thấy những con cáo nhỏ, con thỏ và cả rùa nữa. Tiến tới đi. Hãy đến và nói cho chúng tôi hay, chúng tôi đang đứng cạnh ông đây, chúng tôi muốn biết. Hãy trở thành người dẫn đường và hãy tiến tới!” sau lần động viên thứ ba này ông thở ra và mọi sự đã kết thúc. Thật tuyệt vời, hiện tượng cuộc sống và sự chết này. Tôi chưa bao giờ học về qui trình hay cách trợ giúp người hấp hối, nhưng sau khi Tom chết. Tôi mở cuốn sách Tây Tạng Bàn về sự chết (Tibetan Book of the dead). Tôi thấy là tự nhiên hoặc bằng trực giác tôi đã làm theo đúng những chỉ dẫn trong cuốn sách đó.

(Ruth động viên tôi kể lại những khía cạnh đời thường hàng ngày của bà vì bà tin rằng một số thiền sư trong thời gian này vì quá chăm chú vào những kỹ thuật thiền trong khi đó bỏ qua luôn hơi thở và liên đới với Phật pháp. Sức mạnh của chính bản thân bà đang đem lại khía cạnh siêu nhiên vào “trong lãnh vực này”. và không mong được đáp lại bất kỳ điều gì. Bà cho biết “Chẳng phải là Phật pháp cho riêng tôi”. Tôi chỉ muốn truyền đạt một điều gì đó xem ra gây xúc động và đặc biệt thuộc về vị thiền sư độc nhất này và hy vọng một số việc sẽ được làm sáng tỏ.

Thiền viện Dhamma Dena hiện nay rộng khoảng 17,5 mẫu, với bốn dãy nhà và nhiều công trình phụ trợ. Qua thời gian, nhà vệ sinh dột nước cũng được xây dựng thêm, nhưng một số người vẫn thích những căn nhà xây tách biệt. Năm rồi, phòng thiền đã được nối rộng và toàn bộ phần nối thêm đã hoàn chỉnh, gồm một nhà bếp, một thư viện nhỏ, một phòng tắm và Dhamma Dena có thể tiếp đón với đầy đủ tiện nghi khoảng độ ba mươi khách.

Đến nay có khoảng từ mười hai đến mười lăm thiền sinh lớn tuổi của Ruth đã trở thành thiền sư. Hướng dẫn và hỗ trợ cho các thiền sinh quảng bá Phật pháp ra khắp nơi trên thế giới là một trong những đam mê của bà. Tất cả những gì bà đang thực hiện (như quản trị và hỗ trợ đất đai và cả trung tâm cũng như công việc đầy căng thẳng này đối với thiền sinh) là để cống hiến cho việc bồi dưỡng và truyền bá Phật pháp sang phương Tây, giữ bảo đảm được cái gốc, để Phật pháp hòa nhập được vào văn hóa tại địa phương.

Nhìn ra thế giới bên ngoài, nhận thấy hiện trạng đau khổ của mỗi cá nhân và môi trường sống. Ruth cho biết: “Tôi cảm thấy nỗi thống khổ (dukkha) thật sâu xa, sâu xa như Đức Phật đã thấy vậy, khi bạn đọc được những bài giảng này trong Đệ nhất Diệu Đế. (First Noble Truth) Bà cho biết, thật không còn vấn đề gì quan trọng hơn để chiêm ngắm hơn là “đau khổ”. Tôi đã hiểu được đau khổ đang lan tràn ra khắp nơi. Tôi nhận ra được nỗi thống khổ và đau đớn từ nhà tù ra đến bệnh viện tới cả các nha sĩ. (Bà cười to), đến các nông dân, đến những người có thu nhập thấp tại đây và cả trong chốn sa mạc tôi đang cư ngụ. Đau khổ làm tuôn trào lòng từ bi của tôi, lan rộng tới rừng rậm tới những con cá voi, tới mọi sinh vật kể cả thú vật và cây cối”.

Một khi mọi người hiểu được lời Đức Phật dạy, Ruth tin tưởng rằng những đức tính như từ bi đều “không có vấn đề gì và hiện hữu khắp nơi!” Bà cảm thấy không có gì giới hạn được chúng ta: Chúng ta tựa như một cánh đồng đầy nghị lực được phú bẩm với ý thức tuôn trào ra đến mọi nơi. “Tôi không phải là thực thể biệt lập; tôi không bị giới hạn trong không gian và thời gian. Vì trong bất kỳ một hiện tượng nào nghị lực đó luôn tuôn trào dồi dào. Các nhà vật lý cho chúng ta biết rằng con người không phải là một khối thể chất cứng rắn nào đó. Chúng ta là năng lượng tuôn trào, giống như bất kỳ sự vật nào khác, sinh động cũng như bất động. Bất kể khi nào bạn quan sát, bạn có tương quan qua lại hiểu được ý nghĩa nội dung mạch văn cũng như hoàn cảnh cụ thể sẽ tự phơi bày ra rõ ràng như đang được thể hiện ra trong thiên nhiên. Đó là Sự Sống”.

Bà cảm thấy chốn sa-mạc đặc biệt giúp xuất hiện cách nhận thức này. Chúng ta sống trên một cánh đồng “với không gian rộng mở, thoáng mát, phong cảnh bao bọc từ phía chân trời và núi đồi, với ngọn núi phủ tuyết cho đến tháng sáu. Rất căn cõi, rất trợ trợ, rất thật. Không có gì bị che giấu; mọi sự đều được phơi bày ra dưới thanh thiên bạch nhật”.

---o0o---

[06] - **Thiền Sư Bobby Rhodes**

Nếu bạn cần đến những lời lẽ thanh tao để thấy khoan khoái trong lòng, thì thật tai hại nếu có ai đó lại ban tặng cho bạn toàn những gì không mấy tốt đẹp. Chẳng cần có ai quan tâm đến bạn. Tâm trí bạn cũng chẳng phải biến đổi bao giờ. Bạn đang tiến bước đúng hướng. Tôi nghĩ đó chính là những gì tốt lành bạn có được nhờ hành thiền và tập luyện. Đó chính là Zen – cũng là câu trả lời cho những bước kế tiếp...

-- Bobby Rhodes

Một cổng chùa chạm trổ rất công phu, hai cột gỗ treo hai câu đối chữ Hán, hiện rõ trên nền trời New England trong sáng. Bên trong cổng, phía trên ngọn đồi nhỏ một ngôi nhà hai tầng tuyệt đẹp mọc lên, với mái cong và trang trí rất công phu. Người qua đường tự hỏi: kiến trúc Trung quốc hay Nhật bản đây? Chính xác, đó là một đền án theo truyền thống Hàn quốc, do các thiền sinh Hoa kỳ điều hành dưới sự hướng dẫn của thiền sư Hàn quốc Seung Sanh, các thiền sinh thường quen gọi ông với cái tên Đại sư Sa Nim. Một bảng gỗ nhỏ ngay trên cổng có ghi Trung Tâm Thiền Providence (chính xác tọa lạc tại Cumberland thành phố Rhode Island). Số cư dân tại Trung Tâm đã lên đến con số năm mươi người đang sinh sống, với một Ni Viện mới được xây cho cả các nhà sư và các ni cô cùng nhau hành thiền và luyện tập hàng ngày với một truyền thống rất mạnh.

Theo nguồn tin chính thức tôi được biết, mỗi ngày tại đây bắt đầu từ 5.00 sáng đã diễn ra nghi thức phục bái trọng thể gồm 108 chi tiết tại phòng Phật pháp – một cách chào bình minh (buổi sáng) đầy hăm hở và tích cực. Sau mười lăm phút nghỉ ngơi và ăn sáng, giờ hành thiền đầu tiên trong ngày được bắt đầu vào lúc 5.30. Vái chào và tụng kinh là nét đặc trưng rất quan trọng trong việc hành thiền kiểu Hàn quốc và được bố trí trước hầu hết các buổi hành thiền. Chuông báo giờ tụng kinh ban mai và xế chiều do các thiền sinh lớn tuổi cử hành đẹp tuyệt vời.

Mùa hè năm 1983, tôi đã tham gia nhiều ngày tại Thiền Viện Providence, tuân thủ lịch hành thiền hàng ngày, tiếp chuyện với các thiền sinh và phỏng vấn Barbara Rhodes (Bobby là tên mọi người thường quen gọi) Bà là một trong hai người đầu tiên được Đại Sư Soen Sa Nim phong làm Đại Thiền Sư Phật pháp (Master Dharma Teacher) vào năm 1978. Hiện nay là một trong số sáu thiền sư, nhưng là người phụ nữ duy nhất. Thêm vào nhiệm vụ thuyết pháp tại Trung Tâm và cả ở bên ngoài, Bà còn thủ vai nữ hộ lý làm việc bán phần tại nhà thương, là người vợ và mẹ một đứa con gái, Annie, Phong cách Bobby rất thẳng thắn, không kiêu căng và đầy tình người.

Vào thời điểm tôi đến thăm, Bà đang chung sống với gia đình tại một căn hộ bên kia đường cách xa trung tâm thành phố trong căn phòng nhỏ tại tầng trệt, có một số thiền sinh của Đại Sư Sa Nim đang sống chung trong căn hộ với gia đình bà. Bobby đang giặt đồ ngay trên chiếc bàn trong bếp nơi chúng tôi nói chuyện. (Bà đang giặt đồ của gia đình, nhưng sau này bà còn giặt đồ cho cả trung tâm). Đôi khi bà cũng còn phải kiểm tra nền nhà, vì có chiếc bồn chứa nước bị hư gây ngập nước cả căn phòng. Cuộc sống của Bobby không có gì bí ẩn. Và điều đó hoàn toàn phù hợp với phong cách luyện tập thiền sư của bà đã chỉ định. “Chu toàn nhiệm vụ hàng ngày hoàn hảo trăm phần trăm” là tất cả những gì bà được truyền dạy. Bà cho biết “Nếu bạn chỉ

quan tâm từng giây phút trong công việc, nhất định sau này bạn sẽ trở thành thiền sư”. Và ngay thời điểm đó không hiểu ai đã nói lên điều đó là Bobby hay Đại sư Sa Nim.

Năm 1948 Bobby di chuyển vào sống ngay tại thiền viện Providence, Rhodes Island, Bà là con thứ hai trong một gia đình có cha là lính Hải quân vì thế nên gia đình bà phải di chuyển liên tục ít nhất hai năm một lần trong suốt thời gian niên thiếu của bà. (Bà học lớp một tại California, lớp hai tại Newport Rhode Island; lớp ba và lớp bốn tại Wisconsin và từ lớp năm đến lớp chín tại California) tôi muốn nói thêm cũng chính vì thế bà đã sớm hiểu rõ vô thường là gì.

“Vâng đúng vậy” Bà đáp lại “Và điều đó thực sự rất quan trọng đối với tôi. Vì rất cực đối với tôi. Khi học đến lớp năm tôi phải di chuyển đến học tại ba trường khác nhau. Tôi vừa đúng mười một tuổi và bắt đầu tuổi dậy thì. Cặp vú của tôi bắt đầu xuất hiện và những chất hormones cũng bắt đầu hoạt động. Cha mẹ tôi không thường xuyên tiếp xúc với tôi, mẹ tôi bị hen suyễn rất nặng và điều đó thật khủng khiếp. Vâng, khi nhìn lại vấn đề đó thực sự lại là một hoàn cảnh tuyệt vời. Đại sư Sa Nim luôn nói hoàn cảnh xấu lại là hoàn cảnh tuyệt vời. Điều xấu có thể lại là vận may chẳng. Tôi bắt đầu đặt câu hỏi, “Điều gì đang diễn ra thế?”

Bobby lại là đứa con mẹ được cậy nhờ khi bà bệnh quá nặng. “Tôi luôn luôn là nữ hộ lý theo nghiệp báo”. Đã vậy, đó lại là một “công việc nặng nhọc” cứ mỗi lần đang đi học lại phải kêu về nhà để chăm sóc cho mẹ không thể thở được.

Sau này ngay tại trường hộ lý bà đã nhận thức được toàn bộ khía cạnh mới của đau khổ. Những câu hỏi thầm kín luôn nổi lên và ngày càng trở nên mãnh liệt. Bà không giống như bất kỳ phụ nữ vùng lân cận nào, đa số chỉ biết cười rúc rích và tham gia các buổi tiệc tùng liên hoan suốt đêm. Điều bà tự cho mình là “nghiệp báo Phật giáo” (Buddhist karma) đã dạy cho bà phải biết thức dậy thật sớm không cần phải cố gắng gì cả. Bà thường thức dậy lúc 4.30 hoặc 5.00 để học bài mỗi buổi sáng.

Khi bà mãn khóa học hộ lý, cuộc sống của bà hưng phấn hơn. Trên bình diện thể lý, Bà có thể có được bất cứ điều gì bà muốn – tiền bạc, xe cộ, bạn trai, nhà ở – “Nhưng tất cả đều chỉ là hư vô. Tôi đang thẳng tiến trên đường và nếu tôi không lập gia đình và có một căn nhà ngay ngoại ô thành phố, thì rõ ràng đời tôi sẽ đi về đâu”. Gia nhập đạo Quân Hòa bình chẳng? nhưng danh sách những hộ lý phải đợi cứ ngày một dài ra. Vì thế nên bà đã chuyển đến California và xin làm việc cho một bệnh viện miễn phí dành cho nông dân lao động thuộc cộng đồng người Mexico. Đây là một thời kỳ đầy phiêu lưu

vào giữa những năm sáu mươi và đến đúng hạn bà được giới thiệu vào khoa dược tâm lý nhiệt đới. Bất chợt bà nhận ra rằng nhận thức con người quá rộng lớn hơn bất cứ những gì bà đã trải qua trong quá khứ. “Tôi phải tiếp xúc với cây cối và trái đất, mặt trăng, con người và cả chính bản thân tôi. Trước những thứ đó tôi luôn đặt ra “câu hỏi to tướng” nhưng tôi không cách nào nâng cao được nhận thức”.

Nhà thờ Episcopal, là nơi bà được nuôi lớn lên, cũng chẳng giúp gì được. Nhưng giờ đây bà luôn cảm nghiệm được Chúa luôn sống động. Bà đã dùng ma túy để “được sáng suốt hơn”, giống như là một kiểu hành thiền, tại một cánh rừng cùng với một người bạn. Nhưng khoảng độ hai năm sau kinh nghiệm đó lại xuất hiện trở lại. Bà nhận thấy không còn học hỏi được điều gì thêm nữa.

Và thế rồi có một người đã đưa cho bà một cuốn sách về thiền định (Zen), đó là cuốn sách đầu tay do thiền sư D. T. Suzuki viết mang tựa đề “Cẩm nang thiền Phật giáo” (Manual of Zen Buddhism). và bà cho biết, đó là “điều kỳ diệu” cho dù cuốn sách không đề cập gì đến thiền cả, đó chính là triết lý đã gây ấn tượng mạnh nơi bà: đó là sự thật phải được tìm tòi ngay tại đây, ngay tại thời điểm này. Bà đã bị kích động bởi tư tưởng của Suzuki cho là giác ngộ tương tự như tập trung tư tưởng (chú ý) từ thời điểm này sang thời điểm khác rồi đến thời điểm khác nữa. Bà bắt đầu đi tìm kiếm một thiền sư. Và hình như ngay lập tức Bà đã gặp được Đại sư Sa Nim.

Cha mẹ bà đã về hưu và dọn xuống Rhodes Island và Bobby thường đến thăm họ tại đây. Bà vẫn chưa được rõ về nhiều điều, trừ có một điểm là bà đang đi tìm cho mình một thiền sư. Nhưng bà lại có ý định đi tìm một căn hộ. Người đầu tiên bà đi tìm kiếm, Bà đã phát hiện ra một nhà sư Hàn quốc đang sống dưới một chung cư ở tầng trệt, ông đang làm thợ sửa máy giặt “Rất có thể đó là bất kỳ ai, nhưng người đó lại là Đại sư Sa Nim”. Mặc dù ông biết rất ít tiếng Anh, chẳng bao lâu sau đó nhà sư đã bắt đầu dạy Phật pháp cho bà và dần dà họ cùng đưa ra một thời biểu, để hành thiền vào một thời gian nhất định trong ngày. Thức dậy cùng một thời điểm nhất định vào buổi sáng và cũng có nhiều người khác bắt đầu tham gia cùng với họ. Bobby có nghề hộ lý, bà làm việc vào ban đêm từ 11.00 giờ đến 7.00 giờ sáng. Sau cơm tối với cha mẹ bà lái xe đến trung tâm để tụng kinh và hành thiền từ 7.00 đến 8.30 tối. Rồi bà đi ngủ khoảng hai tiếng đồng hồ. Đại sư Sa Nim đánh thức bà dậy và nói “dậy đi đến giờ đi làm rồi”. Và bà phóng nhanh đến chỗ làm việc và quay trở lại để hành thiền và tụng kinh vào buổi tối hôm sau.

Vào cuối tuần thường có diễn thuyết về Phật pháp, Đại sư Soen Sa Nim giảng bằng tiếng Nhật và có người phiên dịch sang tiếng Anh. Dần dà Phật pháp đã thâm nhập vào tiềm thức của bà lúc nào không hay. Đại sư Sa Nim không nhấn mạnh nhiều đến hơi thở, cũng không chủ trương nắm giữ “koan” “Đại sư chỉ luôn miệng nói, “tiến tới phía trước, xin đừng biết gì hết” ngay khi ông học nói điều đó và đó cũng là điều duy nhất ông nói được. Và đó là điều thật tuyệt vời, thật tuyệt vời vì qua nhiều năm tôi đã nhận ra rằng đó là điều tốt nhất bạn có thể nói cho người khác, chỉ cần làm cho họ vùng vẫy, để họ thử xem. Những kỹ thuật đặc biệt cần thiết cho một số người, nhưng tôi thiết nghĩ tuyệt đối cần bỏ qua những điều đó và hãy tự hỏi “Điều gì thế?”

Trong những năm qua Bobby cũng đã đi thăm nhiều trung tâm và kinh qua nhiều thuyết pháp khác nhau. Khi bà quay trở lại và tường thuật lại cho Đại sư Sa Nim, ông cho biết “Vâng, điều đó rất là tốt, nhưng điều quan trọng nhất là “đừng biết gì hết”. Điều ông muốn nhấn mạnh là sự trong sáng trí tuệ, từng giây phút một trong cuộc sống hàng ngày, không chỉ những giây phút trên toạ thiền. Bobby nói, “Chín mươi phần trăm cuộc sống chúng ta sống ngoài thiền viện, chúng ta diễn đi diễn lại trong hoàn cảnh thực tế của mỗi chúng ta”.. Điều Đại sư Sa Nim nhấn mạnh nhất trong thuyết pháp của ông chính là “Điều gì đây vậy?” Không có kỹ thuật nào, không cần koan, cũng chẳng cần tới loại hơi thở đặc biệt nào cả. Và bà cảm thấy chỉ có một khác biệt rất khó khám phá ra giữa cách tiếp cận này so với ngay cả loại bỏ luôn cả “Mu”.

Bobby cho biết, “Đối với tôi, chỉ cần nhìn vào khuôn mặt của bạn trong giây lát và tôi sẽ cảm nhận được khuôn mặt đó ra sao, “Mu” là bạn đó”. Đại sư Soen Sa Nim cho biết, “Đừng để “Mu” can dự vào công việc của bạn. Giữa bạn và con cái cũng như xe hơi trên đường đi”. Tại Trung Tâm Thiền Providence, bà cho biết, người ta thường chú ý đến hành động Bồ Tát. bằng cách biến đoàn thể tu trì thành trong sáng hơn là luyện tập hành thiền cho vững chắc. Điều này cũng phản ánh tư cách của thiền sư. Đại sư Soen Sa Nim cho là hành thiền không phải là ưu tiên số một.

Một lần kia Bobby tham dự một khóa huấn luyện với Đại sư Robert Aitken tại Hawaii, Bà rất cảm kích khi được biết tập trung chú ý vào hơi thở là một phương cách thâm nhập sâu vào hành thiền. Khi trở lại Trung Tâm PZC bà tưởng mình đã có chút kinh nghiệm về kỹ thuật này tại cùng khóa huấn luyện đó. Bà đã đề nghị mọi người thử ra và nói “không biết” thay vì “Mu”. Lúc đó Đại sư Soen Na Nim không có mặt, nhưng khi ông trở lại và biết được điều bà làm. Đại sư “rất bất bình với tôi. Ông la tôi một hồi, đó là

cách giải quyết vấn đề theo kiểu Hàn quốc của ông. Ông đâu cần phải la hét làm gì và mọi sự đều ổn cả. Ông thực sự đã gây cho tôi ấn tượng rất mạnh”.

“Mọi sự ổn cả chứ?” tôi hỏi Bobby.

“Không ổn ngay đâu, tôi cảm thấy rất buồn, nhưng đó là phong cách của riêng ông. Và tôi thực sự chấp nhận ông là thiền sư của tôi. Ông đâu cần gì phải la lối. Tôi sẽ nghe theo ông ngay nếu như ông ngồi xuống và nói nhỏ nhẹ với tôi, “Được rồi, Bobby à... Nhưng đó không phải là cách xử sự của ông. Nếu ông buồn phiền điều gì ông bộc lộ ra ngay. Điều đó đúng thôi. Tôi bắt đầu khóc. Nhưng mọi sự đều ổn cả. Chúng tôi đã ngồi với nhau trong ít phút. Ông thấy tôi buồn, hích nhẹ vào tôi và nói, “Bobby ơi, con thật tuyệt vời, nhưng thầy chỉ muốn con nghe thầy thôi”.

“Đại sư không coi bà đi trịch đường hay sao?”

“Đương nhiên rồi nhưng dấu sao, đại sư muốn chúng tôi phải thông qua với nhau trước khi thực hiện bất kỳ điều gì”.

Bobby nghĩ, thật tuyệt vời, Đại sư Soen Sa Nim đã trao quyền thuyết pháp cho các thiền sinh của mình sớm hơn bất kỳ thiền sư nào khác. Bobby cùng với một số thiền sinh khác mới chỉ tập luyện được có dăm ba năm thôi. Vậy mà Đại sư đã trao cho bà Inka (chuyên giao Phật pháp). Bất kỳ khi nào có người hiểu rõ Phật pháp, ông công nhận ngay, không phân biệt nam giới hay nữ giới. Bobby cho biết “Nếu có người nào đạt đến giác ngộ, ai cũng muốn vậy, mọi người đều quý mến và công nhận ngay”.

Nếu như ảnh hưởng của nam giới đang áp đảo tại trung Tâm Thiên Providence, Bobby đã được sửa soạn tốt để ứng phó tình thế đó bằng chính những kinh nghiệm trong gia đình. “Chúng tôi sống thường xuyên tại căn cứ Hải Quân, với cơ cấu toàn là nam giới, Tại phòng ăn chỉ có cha tôi được ngồi trên chiếc ghế có tay dựa duy nhất và cha thường ngồi ngay đầu bàn. Thông điệp quá rõ ràng. Và cha tôi vẫn đóng vị trí quan trọng trong đời tôi. Cha rất khỏe mạnh, rất khôn ngoan và chân thật. tôi đã học được ở cha tôi điều đó và hiện giờ tôi cũng đang học được cùng một bài học nơi thiền sư Sa Nim. Và tôi nghĩ đã học được rất nhiều điều hay nơi họ. Cha tôi vẫn thường hay dọa tôi, tuy tôi không thích như vậy, nhưng tôi vẫn cảm nhận được uy quyền của cha. Điều đó vẫn tốt thôi.

“Điều tuyệt vời nơi thiền sư Soen Sa Nim chính là ông dạy cho bạn biết tự tin nơi chính bạn. Bạn càng hiểu được chính mình, bạn càng nhận rõ được bạn chẳng cần phải là nam hay nữ nhưng bạn phải là chính bạn mà thôi. Đó là nghị lực của bạn, là những gì bạn hiện có được ngay lúc này, bạn hiểu rõ được cái nghiệp báo tạo nên bạn. Ngay bản thân tôi cũng đã toát ra nghị

lực nam tính. Nếu chúng ta khéo léo tích lũy được nguồn nghị lực đó, chúng ta có thể dự trữ để sử dụng trong những hoàn cảnh cần thiết và như vậy bạn không cần phải tách biệt đâu là nam tính đâu là nữ tính nhưng chỉ là chính bản thân bạn mà thôi”.

Nơi bản thân tôi cũng có một số đặc tính dễ được chấp nhận so với những giới hạn thường được trút lên đầu phụ nữ khiến cho nhiều người trong họ phải phẫn nộ. Tôi không thấy hứng thú phải cầm búa đóng đinh suốt cả ngày tại chùa, hay làm công việc xây dựng, kể cả những công việc quản trị hay đối phó với những thủ tục pháp lý. Thực sự tôi không có được nghị lực để đảm nhận những công việc đó nếu tôi đánh giá những công việc đó là tầm thường thì thật là sai lầm. Nhưng có một số công việc rất cần phải có người thực hiện. Và tôi có thể làm tốt những việc đó và đó là điều rất tốt. Tôi đang thực hiện những gì tôi cần phải làm và đó chính là “con người tôi” (that’s me) và thế là sòng phẳng. Tôi nghĩ đó là những gì tất cả chúng ta cần phải có, cộng với một số tính chất đặc biệt của phụ nữ, hãy luôn cố gắng thêm một chút nữa”.

Có lẽ điều gây cho bà bất ổn hơn là những biến cố trong chuyến đi Hàn quốc với thiền sư và chồng, là ông Linc; trong một cuộc hội họp quốc tế lớn diễn ra tại Trung Tâm PZC, Bobby thấy mình “hoàn toàn trong bóng tối;” và trong những cuộc thăm viếng các gia đình Hàn quốc tại Hoa Kỳ. Bobby đã trở thành một trong những thiền sinh đầu tiên của Đại sư Soen Sa Nim và được trở thành thiền sư Phật pháp trước cả chồng là ông Linc được công nhận. Nhưng ông Linc, chồng bà lại có học vị tiến sĩ tại Đại học MIT và đã trở thành thiền viện trưởng trụ trì tại Trung tâm PZC, những giấy tờ ủy nhiệm Bobby cho tôi xem đã gây ngạc nhiên cho nhiều gia đình Hàn quốc. Thế nên trong các buổi họp những người từ khắp nơi tại Hoa kỳ, Bobby tự nhiên trở thành “Vợ thiền sư Linc” và chỉ được nhắc đến sau chồng mà thôi. Bà rất hiểu góc độ văn hóa của vấn đề, nhưng “tính hẹp hòi” của bà đôi lúc cũng vẫn nổi lên và “cái tôi” của bà cứ như muốn hô toáng lên, “Phải công nhận cả tôi nữa chứ! Tôi cũng quan trọng không kém ông ta đâu!”. Sự việc trở nên phức tạp khi Đại sư Soen Sa Nim bắt đầu hành động theo kiểu “rất Hàn quốc” của ông và đối xử với bà như là một người tham gia phiên họp không hơn không kém (“đưa cho tôi đôi giày, đưa áo khoác cho tôi, bà chỉ được ngồi ở đây và tôi phải ngồi bên kia”). Nhưng bà đã cảm thấy điều đó giúp bà tập luyện rất nhiều, đó là một bài học quý giá, cho dù có hơi tàn nhẫn một chút. Bà cảm thấy điều đó là cần thiết trong hoàn cảnh này. Không nên quá câu nệ vào hình thức nhưng phải tùy vào hoàn cảnh thực tế.

Bobby đồng ý với Soen Sa Nim là phụ nữ có những phạm sự rất khác với nam giới, họ không thuộc một tầng lớp khá hơn hoặc cao hơn, chỉ đơn giản

là khác nhau mà thôi. Bà nói thêm. “Và nam giới có những khó khăn khác chúng ta, tôi nghĩ họ hơi gắn bó với quyền lực hơn phụ nữ chúng ta” nếu như chúng ta cũng gắn bó với quyền lực như họ, chúng ta cũng phải tiến lên trở thành Đại tướng trong quân đội. Chúng ta cần phải học hỏi lẫn nhau. Tôi cần phải tập nơi Linc tại sao ông lại bỏ ra quá nhiều nghị lực vào các công việc ngoài đời. Và ông cũng phải học ở tôi làm sao trở nên thân thiện hơn”.

Trong buổi tối thứ hai trong cuộc thăm viếng của tôi, đã diễn ra một cuộc liên hoan vọng lễ Vu Lan rất linh đình tại trung tâm thiền. Người ta đưa cho tôi chiếc khăn quàng cổ, áo lông thú và một số đồ vật vĩnh khác để tôi mặc; và mọi người phải mặc đồ hóa trang trong buổi lễ. Có thi ngâm thơ, thi nấu ăn và những cuộc vui khác. Và tất cả chúng tôi đều đi ngủ rất khuya. Tuy nhiên, mọi người đều thức dậy rất sớm trước bình minh sáng hôm sau và vái chào nhau tại phòng thiền vào lúc 5.00 giờ sáng. Đây là một ví dụ điển hình mà thiền sư Soen Sa Nim gọi là “hành động tập thể” nếu các bạn theo dõi Ngài thuyết pháp, sẽ không có nghỉ ngơi. Mọi ngày trong tuần đều có luyện tập không có ngoại trừ. Đại sư cho biết, “Nếu bạn chỉ nghĩ đến nghỉ ngơi, thì bạn không thể hoàn tất được công việc, công việc lớn nhất của bạn là cuộc sống và sự chết. Nếu bạn có tư tưởng nghỉ ngơi trong đầu, bạn không bao giờ trở nên mạnh mẽ được”.

Nhưng sau bữa ăn sáng hôm đó con mắt tôi như nặng trĩu và khó lòng mở ra được, tôi và Bobby tiếp tục nói chuyện với nhau, bà cũng phải nhìn nhận rất khó thức dậy vào buổi sáng hôm đó. Nhưng, nếu như tiếp tục luyện tập, bà có thể giúp đỡ những người khác, Bà nói tiếp, “Đối với tôi, tập luyện phải kiên trì. Bất kể có mệt mỏi đến cỡ nào, khi làm việc nguyên ngày và toàn bộ công việc nhà nữa”. Bà hầu như luôn luôn có mặt tại phòng thiền đúng giờ (nếu cần chợp mắt mười lăm phút, bà để đồng hồ báo thức giúp bà thức dậy đúng giờ). Luôn hiện diện đúng chỗ và đúng lúc ngày nào cũng như ngày nào đã giúp tập trung tư tưởng vào hành thiền thật nhiều. Bà tin như vậy. “Nếu như bạn bỏ qua, kể như bạn đã thiêu rụi mất Phật pháp của bạn rồi vậy”. Toàn bộ vấn đề tại trung tâm thiền Providence chính là một “công việc tập thể” dài hạn, tham gia đóng góp ý kiến với nhau, điều hòa công việc và đưa ra những hoàn cảnh cụ thể rồi cùng hành động với mọi người nhiều lần. Ăn chung với nhau – cho dù bạn chỉ ăn một quả táo – ngay cả khi bạn không đói bụng. Tham gia những giờ lao động và tập luyện ngay cả khi bạn cần một phút giải lao – nếu không được một trăm phần trăm thì ít nhất cũng phải đạt chín mươi lăm phần trăm”.

Trong khi bà đang nói, tôi cảm thấy hơi khó chịu. Giả sử tôi phải theo một lịch trình căng thẳng như thế trong một thời gian dài tôi sẽ cảm thấy không

tập trung nổi. Tôi chỉ chịu đựng nổi khoảng độ một giờ thôi. Tôi hỏi, “Bà sẽ nói gì với tôi trong trường hợp như thế”.

Bà trả lời tôi, “Bạn có thể ra ngoài nếu cần để lấy lại quân bình”, điều bà tâm tín là trung tâm thiền phải có một lịch trình hợp lý, nhưng phải là một lịch trình “cam go” bằng không sự tiến triển sẽ chậm lại. Có một vài điều mình phải từ bỏ và phải làm việc cật lực, ăn ít hơn một chút, ngủ ít hơn. Tượng tự như là khổ luyện vậy. Nhưng theo bà nhận xét thể hệ thanh niên tại Hoa kỳ đang sẵn sàng thực hiện điều đó. Hiện nay tại Á châu không có những cộng đồng những người đời qui tụ lại như ở Mỹ. Nhưng khoảng độ hai thập kỷ trước đây nhiều người Mỹ (thường là bọn trẻ và những người trung lưu) thường rất thích hợp đối với thứ kỷ luật như vậy. Các thiền sư như Soen Sa Nim, Maezumi Roshi và Suzuki Roshi đã đến Hoa kỳ vào thời kỳ đó.

“Soen Sa Nim đã đưa vào nước Mỹ hệ thống tu viện và đã được chấp nhận ngay. Chúng ta muốn có hệ thống đó và theo tôi đó là điều thật tuyệt. Thức dậy với mọi người và vái chào nhau rồi tụng kinh ban sáng – tôi rất thích như thế”.

Bobby tin rằng rất khó giữ được luyện tập một cách nghiêm túc nếu chúng ta sống ngoài trung tâm thiền. Thật hiếm thấy có ai tiếp tục giữ được công việc luyện tập nghiêm túc nếu không có những cơ cấu hỗ trợ. Kiên trì là điều cốt lõi trong luyện tập. Soen Sa Nim đã so sánh việc đó với những giọt nước chảy trên đá. Nếu một giọt nước chỉ rớt xuống có một chỗ tháng này qua tháng khác, năm này qua năm khác nó sẽ khoét thủng hòn đá đó. Thế nên ông nói, chúng ta phải đung vào công việc tập luyện của chúng ta ngày này qua ngày khác, tháng này qua tháng khác năm này qua năm khác tại một chỗ. Nếu các bạn không kiên trì vị khách ma vương sẽ sẵn sàng viếng nhà bạn và phá hoại công việc luyện tập của bạn”.

Đối với Bobby, sống tại Trung Tâm sẽ giúp “hâm nóng” việc tập luyện của bà lên. Tỷ như, hôm đó bà được phân công nấu ăn, vì không có người nào nhận cả. Bà cho biết, đó là điều thật tuyệt. Không phải bà thích nấu ăn. Bà cũng thấy mệt lắm chứ. Nhưng dù sao vẫn đồng ý nấu ăn và bà tin rằng làm như vậy sẽ giúp bà mạnh mẽ hơn. Bà thấy sức chịu đựng của bà đã lớn hơn một trăm lần so với mười hai năm trước. Nhiều người thấy bực bội và phiền toái khi bị thúc bách. “Còn tôi, vì đã quá quen nên tôi chẳng nhận ra được nữa – và còn giúp tôi tiến tới nữa. Điều đó không đúng với hoàn cảnh của tất cả mọi người, nhưng đó là cách tập luyện tốt nhất nếu như bạn làm được như vậy. Dogen nói rằng tâm hồn thanh thản được một phút tức là ta đã giác

ngộ được một phút vậy. Bất kể bạn làm công việc gì, nếu bạn hoàn tất được trăm phần trăm, đó chính là giác ngộ vậy”.

Phòng ăn tại Trung Tâm Thiên PZC là một căn phòng dài, hẹp bề ngang, đầy ánh sáng, được xây ở cuối dãy cầu thang ngoài nhà bếp. Mọi người ngồi yên lặng thành hai hàng, đối diện nhau, bát đĩa và dụng cụ ăn được xếp rất tử mỉ, trước bữa ăn họ tụng kinh vái lạy những người phục vụ. Mọi người đều tuân thủ những qui định khi nhận hay từ chối thức ăn được dâng bằng những cử chỉ nhất định, dùng chén ăn đúng theo qui định, họ ăn khẩn trương và không ngừng lại. Họ nhận trà nóng và rửa chén vào cuối bữa ăn. Mỗi người tự rửa chén theo thứ tự, uống cạn ly trà do người phục vụ rót cho (số lượng hết sức tiết kiệm) lau khô chén ăn và dụng cụ theo đúng qui định trong yên lặng và không có một cử động nào thừa. Toàn bộ qui trình tập thể đó diễn tả lòng biết ơn và thương thức đồ ăn đã nhận được. Đó là cách luyện trí tuệ trong suốt thời gian chuyển tiếp bồi bổ sức khỏe và cũng là cách tốt nhất để hoàn tất những bữa ăn tập thể.

Tuy nhiên đối với tôi (ăn chậm theo qui định) lịch trình ăn uống hàng ngày đã trở nên quá căng thẳng và trở thành thảm họa. Vì mọi người đều phải dùng hết những gì đã lấy vào chén của mình và mỗi chi tiết trong “cuộc nhảy phức tạp” này phải được hoàn tất để chuyển sang điều khác. Tôi thấy chính mình phải lựa chọn những gì có thể dùng hết được. Khi phải ăn hết vào miệng và buộc phải lén lút trút bỏ những miếng cà chua dứa. Hoặc đổ ly nước không uống hết. Trong những giây phút yên lặng sau đó mặt tôi đỏ bừng lên và nghe được những tiếng xầm xì của những người ngồi kế bên.

Tôi tự hỏi, bao nhiêu tình huống khó xử tôi gặp phải trong bữa ăn? Điều Đại sư Soen Sa Nim gọi là “kiểm tra” đó có thường xuyên xảy ra không? Khi hỏi lại Bobby, Bà cho biết đã nhiều lần xảy ra như vậy. Thực chất đó chỉ là một điển hình về “kiểm tra mà thôi”

“Bạn đang cảm thấy như giả vờ đóng kịch giống mọi người. Nhưng nếu trong trường hợp bạn hoàn toàn biết rõ những gì có thể làm, rồi lấy một ít thức ăn và cho người khác biết bạn sẽ dùng sau bữa ăn. Tôi có thể thông cảm với bạn, nhưng trong giai đoạn luyện tập này làm như vậy là tôi không chu toàn những yêu cầu đề ra và chỉ lấy đủ đồ ăn dùng trong bữa ăn thôi. Còn phần “kiểm tra” được coi như bạn “phải” thực hiện”.

Tôi nói, “Tôi đồng ý, không bao giờ tôi lại lấy thêm đồ ăn để dùng ngoài bữa ăn cả”.

“Bếp trưởng và người tiếp khách chắc chắn sẽ nhận ra hành vi đó của bạn ngay tức khắc. Nếu bạn thực sự cần thêm một chút đồ ăn, bạn sẽ được tiếp thêm sau đó. Trong thực tế đó là điều đoàn thể cần phải học tập. Có một số

người đến trung tâm không lớn tuổi mấy – khoảng độ sáu mươi – hai phụ nữ này không thể tuân thủ theo những thói quen hàng ngày đó – hoặc họ có dị tật bẩm sinh và không thể hòa nhập được với thói quen tập thể. Họ yêu cầu được thực hiện mọi thứ chậm hơn và xin miễn tuân thủ một số qui định. Nhưng chúng tôi không phát hiện kịp thời nhu cầu đó và không tinh ý lắm. Và cuối cùng họ đã bỏ về.

“Có lẽ lần đầu tiên thấy bạn gặp khó khăn trong bữa ăn, chúng tôi phải đến giúp bạn và nói, “Bạn biết đó, nào thử coi chúng tôi giúp gì được cho bạn nào”. Đôi khi Đại sư Soen Sa Nim đã miễn tất cả những qui định đối với một số người và hành động như một “người ông” trong gia đình”.

Tôi rất ngạc nhiên, tôi chưa bao giờ thấy Soen Sa Nim hành động như vậy cả. Nhưng phải thừa nhận là rất ít khi tôi được quan hệ với Đại sư. Bobby nói, điều đó thường xuyên xảy ra. Đó là cách ông động viên các thiền sinh, cho họ thêm chút “dầu mỡ”. Và ông rất rành trong việc này. Nhưng đó không phải là dùng mảnh khóc để lôi kéo họ, nhưng với “lòng nhân ái” nhã nhặn.

Tuy vậy rõ ràng là Bobby thích ứng rất nhanh với lịch trình tại trung tâm. Đó chính là môi trường tốt nhất, môi trường tự nhiên của bà. Tính lười biếng và sự nuông chiều không phải là chước qui đối với bà. Nhưng tôi đã được chứng kiến bà nhảy cẫng lên với con gái, Annie trong bể tắm nước nóng một đêm nọ, tôi nhận thấy bà còn một khía cạnh khác, một góc độ tinh nghịch và nực cười. Và một năm sau, tại một cuộc hội thảo lớn, tôi nghe thấy bà trình bày một bài thuyết pháp rất khôi hài hoàn toàn dựa trên một quyển sách tranh bà vừa mới đọc cho con gái nghe. Bà mang theo quyển sách và đưa lên cao để mọi người có thể nhìn thấy những dẫn chứng.

Bà hiểu đó là vấn đề quân bình trong hành động. Chúng ta phải thành thật với chính mình, việc luyện tập của chúng ta đang tiến về đâu và để tiến tới chúng ta cần những gì. Trong khuôn khổ tập luyện đó cũng còn có rất nhiều dịp để tắm nước nóng, đi dã ngoại và xem phim hoặc bách bộ với các bạn bè. Trung tâm PZC là một nơi rất nghiêm khắc, Bobby thừa nhận điều đó. và bà hầu như rất hứng thú tại đó, nhưng bà cũng thích thú đi dã ngoại – đôi khi một mình và đôi khi với người khác.

“Tôi suy nghĩ mọi người đến trung tâm là để luyện tập điều gì đó. Chúng tôi luôn luôn khám phá ra những gì cần luyện tập. Nhưng bạn biết đó. một số người chưa đạt đến trình độ luyện tập nghiêm túc, họ còn có quá nhiều nghiệp báo tiêu cực và vẫn còn muốn thỏa mãn năm điều ham muốn (thức ăn, tình dục, ngủ nghỉ, danh vọng và tiền tài). Người khác lại quá chú

trọng đến lời tuyên thệ hoặc muốn giải đáp được một vấn đề lớn nào đó hay muốn tìm cách giúp đỡ người khác trước. Bà chưa đạt đến trình độ đó, Bobby cho phép làm điều đó, nhưng bà nghĩ chúng có thể loại bỏ được năm ước muốn này khỏi bản ngã của mỗi chúng ta. Rồi, bà nói tiếp, bạn đừng ăn nhiều quá, đừng phạm tình dục, đừng ham muốn danh vọng, tiền tài cho chính mình, nhưng luôn luôn dành cho người khác. Điều đó luôn xảy ra “Tôi càng luyện tập bao nhiêu, thì năm ước muốn đó sẽ được chế ngự dễ dàng. Tôi nghĩ điều đó luôn xảy ra. Không những trong tư tưởng, mà xảy ra ngay trong tinh thần tự nguyện từ bỏ.

“Bà không đề cập đến phương cách đạo đức ở đây, nhưng chỉ là những phương thức rất thực tế và thường ngày. Trước khi thực hiện điều gì đã quá quen thuộc Bà sẽ ngừng lại trong giây lát – mua một cái bánh cam chẳng hạn. Vấn đề là: Bạn có thể mua hay quay đi không mua chiếc bánh cam đó. Xét ở diện rộng, bạn dự biết “Không có những điều phải làm hoặc không được làm hay tội lỗi ở đây – Tất cả những thứ trò chơi may rủi đó đều liên quan đến tập luyện và tập luyện mà thôi. Nhưng nếu như bạn thực hiện nghiêm túc, sự tập luyện sẽ đạt kết quả tốt.

Bobby nhớ lại mẹ thường bảo: “Tất cả mọi sự trên đời này đều tùy thuộc vào điều độ, kể cả chính điều độ nữa”. Đến đây ta lại thấy xuất hiện một vấn đề liên quan đến thuyết pháp Đại sư Soen Sa Nim đã nhắc lại nhiều lần đó là: “không dính mắc bên trong suy nghĩ”, ngay cả những suy nghĩ linh thiêng nhất. Như chủ trương “ăn chay” chẳng hạn. Bobby đã ăn chay không phải vì lý do sức khỏe, nhưng vì bà cảm thông với đau khổ của loài vật. Kết quả bà bắt đầu cảm thấy muốn phê phán những người ăn thịt. “Làm sao họ có thể cứ vô tư ăn thịt như thế khi họ đã biết làm thế là gây cho thú phải đau đớn?” Nhưng bà đã học hỏi được rất nhiều qua luyện tập và triết học của Đại sư Soen Sa Nim trong việc đối xử với người khác, Bà cho biết, “Trước khi bạn có thể giải thoát người khác khỏi hỏa ngục, bạn phải vào đó xem sao đã”. Bobby vẫn chưa ăn được hamburger, nhưng Ngày Lễ Tạ Ơn vừa qua lần đầu tiên trong mười một mười hai năm bà ăn gà tây chung với cha mẹ. Điều đó rất có nhiều ý nghĩa đối với cha mẹ bà. Sau đó ông bà lại thăm Trung Tâm Thiền lần đầu tiên. Và dùng cơm chay tại đó. Bobby cũng đi nhà thờ với ông bà sau rất nhiều năm. “Tôi đã ăn bánh thánh và uống rượu, nguyên một ngậm to. Và tất cả mọi ngăn cách được phá vỡ”. Cha mẹ tôi hỏi thăm về trung tâm, về những thông tin, cuộc sống của bà tại đó. “Nhưng trước tiên tôi phải tới thăm họ trước. Tôi phải thực hành chung với cha mẹ tôi”.

Một từ ngữ thường được những người quen biết dùng để mô tả về bà Bobby chính là từ “Chân chính” (honest) Bà có rất nhiều ước vọng để chia sẻ kinh

nghiệm của bà với người khác, tiếp chuyện với mọi người chứ không phải chỉ hướng dẫn họ. Bà tỏ ra không nao núng trước một số người. Người ta mô tả bà như một người không dễ dàng bị xúc động, buồn chán và chấp nhận hoàn toàn khía cạnh thể chất con người. (Người ta còn tiết lộ cho tôi hay: Bà rửa nhà vệ sinh bằng tay, không dùng bàn chải.) Bà đặc biệt không thích thú “chung sống” với người khác. Bà thích làm việc – xúc phân bón, lái máy kéo. “Phong cách của bà thật đơn giản và rất trong sáng đến nỗi bạn phải tự tỏ ra đơn giản hơn để hiểu và đánh giá bà”. Có người nói như vậy, người khác lại nói với tôi bà rất khôi hài, bà có thể kể hàng loạt những câu chuyện vui cười rất thoải mái. Ông ta còn thích những gì bà thuyết pháp ba năm về trước, những gì người này nói về bà, ông ta không bao giờ quên được. Đó là: “Hãy nhớ điều này, bất luận điều gì xảy ra, cho dù trí tuệ của bạn có vươn tới đến đâu đi nữa, Chỉ cần có niềm tin vào điều gì đúng đắn trước mắt bạn. Đó là chánh đạo dành cho bạn. cho dù trí tuệ có nắm bắt được hay không. Hãy trở lại với điều đó chỉ cần tin vào những gì tốt đẹp trước mắt bạn”.

Bobby có thể khẳng định không phải do khiêm tốn giả tạo là: sự luyện tập của bà đang phát triển. Bà cảm nhận được điều đó là do chính bà thấy “quá yêu” người khác. Bà có thêm nghị lực hơn và luôn tăng thêm nguồn nghị lực đó.. “Điều tôi muốn làm cho chính bản thân tôi và cho toàn thế giới chính là tăng thêm quan hệ và tình thương mến thương. Tôi muốn quan hệ với nhiều người nếu có thể”. Ngay từ thời còn là một cô gái nhỏ xíu., ước vọng duy nhất của bà là làm sao cho mọi người thương yêu nhau. Trong những năm gần đây bà đã phát triển một mạng lưới rộng khắp gồm những người thành tâm tại quốc gia này cùng nhau làm việc để đạt được những thay đổi tích cực trong xã hội. Không có nhiều thời gian để mất và vấn đề đã trở nên rất khẩn trương.. “Chúng ta cần bàn bạc với nhau làm thế nào có thể giúp thế giới này”. Câu trả lời có thể chưa rõ ràng nhưng nếu bạn thành thực với chính mình, người khác sẽ tin tưởng bạn và sẽ nghe theo bạn”,

Rồi bà mỉm cười và nói thêm, “Tôi phải đi sửa soạn bữa trưa đây.

Mùa Đông 2000

Bảy tám năm sau cuộc phỏng vấn tại Trung Tâm Thiên PZC cho lần xuất bản thứ nhất quyển sách này, cuộc sống của Bobby Rhodes đã thay đổi đáng kể. Chỉ trong hai năm, cha bà mất; ly dị với chồng; dọn khỏi Trung Tâm thiên ra ở với con gái Annie và liên lạc thường xuyên với người đồng nghiệp. Mary S. Bobby vẫn là thành viên của trung tâm thiên PZC, nhưng chỉ chuyên phụ trách tổ chức các cuộc huấn luyện bảy ngày tại đó hàng năm. Căn nhà của bà tại Providence có một phòng thiên nho nhỏ ngay tại tầng trệt. Mỗi tuần một lần, đều có người đến hành thiên và tụng kinh với hai mẹ

con Bobby. Annie hiện đã mười chín tuổi, sinh viên năm thứ hai tại đại học Oberlin. Cha cô sống cách đó chỉ vài căn. Thế nên ông và Bobby có thể cùng nhau dạy dỗ con gái.

Bobby vẫn tiếp tục làm hộ lý nguyên ngày tại bệnh viện Hospice Care tại Rhodes Island. Nhưng khoảng ba năm trước cuộc phỏng vấn vừa qua, tôi rất ngạc nhiên được biết, Bà vừa trải qua cuộc giải phẫu tim. Do bị đột quỵ vào mùa hè năm rồi, đã khiến bà bị liệt nhẹ. Những xét nghiệm cho thấy có một lỗ to trong tim ngay từ khi bà mới sinh, tim của bà phải bơm gấp đôi lượng máu bình thường có đôi khi cánh tay bà tím bầm lại, bà cho biết: “Tôi chưa bao giờ để ý và tôi không nghĩ mình lại bị mệt đến thế”.

Trước cuộc phẫu thuật tim, bà thừa nhận, “Tôi thực sự thấy khó chịu”, Nhưng sau giai đoạn hai năm khủng hoảng đó, bà bắt đầu theo một khóa trị liệu Hakomi, một việc tập luyện trực giác về thể chất và tinh thần tôi thấy rất ích lợi”. Lần đầu tiên, bà để người khác chú ý và chăm sóc cho bà. “Tôi cần có người hỏi xem có khỏe không và tôi cảm thấy như thế là ích kỷ”. Vai trò “người trợ giúp” trực giác của bà đã bị rối loạn. Hiện giờ bà cần tự giúp mình, tự lắng nghe mình. Kết quả rõ rệt, bà tin mình đã trở thành một người biết lắng nghe người khác. Trong công việc chăm sóc các bệnh nhân và các thiền sinh, bà nhận ra ở họ một ngôn ngữ thể chất, dễ thông cảm hơn. “Trong quá khứ nếu có ai đến với tôi mà tức giận hay hoảng sợ, tôi có thể phớt lờ đi và chỉ chú ý đến nội dung “koan” thay vào đó”. Nay thì khác, bà sẽ nói, “Ông bạn xem ra tức giận (sợ hãi). Có phải thật vậy không?”

Các bài thuyết pháp của bà ngày càng trở nên thoải mái hơn: Bà không bao giờ suy nghĩ trước những gì sẽ trình bày cho các thiền sinh. “Đa phần tôi đến thuyết pháp tại các buổi tĩnh tâm, sau khi đã phải làm việc suốt buổi tại bệnh viện và tôi thường lấy một vài ví dụ điển hình về những gì đã xảy đến với một bệnh nhân tại đó và triển khai toàn bộ bài thuyết pháp xoay quanh những gì người ta nói với tôi ngày hôm đó – vì ở vào hoàn cảnh đó con người ta rất cởi mở, rất chân thực”.

Tình cảm Bobby đặt trọn vào công việc thật là trong sáng. Bà lãnh trách nhiệm chăm sóc mười bốn đến mười lăm bệnh nhân mỗi lần và phải đối phó với người chết hai tuần một lần. “Ánh sáng chỉ còn le lói ở mắt bệnh nhân trong vòng một giây và rồi bạn thấy họ thở hắt ra lần cuối và rồi ánh sáng vượt mắt khỏi mắt họ. Đó chính là một vài người tôi biết rất rõ và tôi đã chứng kiến họ ra đi. Thật là một ân huệ lớn! Tôi biết là không bao giờ mất họ, chẳng ai mất họ cả, họ chỉ thở ra, hít vào, rồi tắt thở có thể thôi – mọi sự đều tuân tự như vậy, bạn hiểu không?”

Bobby nói bà luôn cảm thấy giống như một người “hoàn toàn nổi tiếng” mang danh là một nữ thiền sư. Dẫu sao điều quan trọng đối với mọi người là nắm giữ chức vụ đó và làm tốt nhiệm vụ của mình, “Cần phải rất khiêm tốn và chân thực. Chỉ cần cố gắng sống trung thực với chính mình và không được giấu diếm điều gì và cũng không nên quá tự phụ. Con người ta rời khỏi bục giảng là chuyện bình thường. Và chỉ nhờ ơn Trời, Đất tôi tiếp tục tiến bước. Ơn Trời, Đất có nghĩa là phải sống trung thực từng giây từng phút, hãy cố gắng quan sát chính bản thân và nêu như bạn bị hoang mang, hãy trình bày điều đó trong bài thuyết pháp của bạn. Rồi điều đó sẽ trở thành thiền sư của bạn”.

Bobby nói, có điều gì “tốt” nơi bà chính là niềm hứng thú trong luyện tập, để thực hiện điều mà trí tuệ thực sự cần đến đó là nghỉ ngơi. Trường phái Kwan Um dạy rằng: hãy dẹp bỏ mọi sự sang một bên, để yên đó và chỉ hiện diện là đủ. “Tôi rất phấn chấn với sự luyện tập thật đơn giản đó”.

“Bản chất tự nhiên của tôi chẳng là gì cả. Chẳng có Bobby Rhodes trên đời này đâu. Tôi chỉ gắng chỉ ra những gì tôi thực sự ngưỡng mộ. và đó chính là đạt đến Giác ngộ.”,

Hiện Bobby thường xuyên hướng dẫn những buổi tĩnh tâm cuối tuần một tháng hai lần. Xoay vòng từ New Heaven xuống tới Chicago, Denver và Tallahassee. Bà cũng tổ chức các cuộc tĩnh tâm hai năm một lần tại Washington DC, cũng như cuộc tĩnh tâm hàng năm kéo dài một tuần tại Trung Tâm PZC, Bà cũng thường hành thiền hàng tuần tại Providence với một nhóm thiền Zen và tiếp những người đến phỏng vấn (tất cả những sinh hoạt này đều đặt dưới sự bảo trợ của trường Kwan Um tại Cumberland, thành phố Rhodes Island).

---o0o---

[07] - **Thiền Sư Jiyu Kennett**

Nếu bạn sợ Trời kêu về bất thành linh, xin đừng bao giờ ngòl quay mặt vào tường. Tuyệt đối không bao giờ ngòl yên lặng cả.

-- Roschi Jiyu Kennett

Chúng tôi tới ngay công vào thiền viện Shasta vào một buổi chiều cuối tháng 10. Khí trời báo hiệu mùa đông đang xuất hiện. Tôi cùng với một người bạn đã thực hiện một cuộc hành trình xe hơi sáu giờ đồng hồ xuất phát từ vùng Vịnh San Francisco, xe chúng tôi đậu ngay dưới rặng núi Shasta mà không hay biết. Mây phủ dày đặc từ đỉnh núi xuống tận chân đồi. Nhưng chúng tôi chợt nhận ra một mảng trời trên một cánh đồng dốc thoải với cảnh tuyệt bắt đầu rơi. Gây cảm giác huyền bí mênh mông đầy bí ẩn.

Bên trong cổng chính bước vào thiền viện chúng tôi gặp một trợ lý đại sư tiếp khách, Ngài Thượng Tọa - Kinrei, một chàng trai cao lớn, tươi cười với vẻ mặt tươi rói và hai mắt to đen nhánh, chàng trai mặc một áo cà sa màu đen với một áo choàng ngắn khoác ngoài và một chiếc mũ len kiểu Siberi. Chàng ta điện thoại tới căn chính điện báo có chúng tôi tới. và sau đó không lâu chính Ngài Đại sư tiếp khách, Thượng Tọa Kinsei xuất hiện ông còn cao hơn cả người trợ lý, mặc áo cà sa nâu và áo choàng bên ngoài và đội mũ lông thú tôi cảm thấy như lạc vào một tiểu thuyết Nga. Sau đó khi tôi đề cập đến chiếc áo cà sa và áo khoác cắt rất khéo, thượng tọa Kinsei cho biết chúng được chính Đại sư Roshi Kennett vẽ kiểu và cắt may ngay tại thiền viện này.

Gió bắt đầu thổi mạnh, nhưng vẫn còn một tiếng đồng hồ trước khi trời tối và dùng bữa tối, vậy nên chúng tôi để hành lý tại phòng khách và theo Thượng tọa Kinsei đi dạo vòng quanh khu nhà. Những hành lang rộng vừa được xây dựng hoàn tất nhưng hiện nay đã nối tất cả các tòa nhà lại với nhau. Có mùi củi thơm vừa mới cắt chát đóng gọn gàng xung quanh bức tường bên trong. Trời bắt đầu chuyển động. Những lớp mây đen xám đang di chuyển trên nền trời xanh đậm.

Chúng tôi đến thăm thư viện, đầy sách Phật và kinh sách, bao gồm toàn bộ kinh Pali và rất nhiều băng ghi âm những bài thuyết pháp. Các sư tập sinh thường đến đây nghiên cứu suốt buổi tối. Chúng tôi băng ngang qua hội trường nghi lễ và hành thiền. Dự định sẽ đến thăm sau và nhìn qua nhà bếp rộng rãi và rất sinh động. Rồi chúng tôi bước qua hàng rào để dạo quanh ngọn đồi dẫn đến trại nuôi dê, núp dưới lùm cỏ và vách đá trên một con dốc phía dưới thấy lộ nhố một số các nàng dê cái muôn màu sắc đẹp. Chúng cung cấp toàn bộ sữa dùng cho thiền viện, cũng được dùng để chế Ya-ua và phô-mai. Ngài Thượng tọa Kinsei cho chúng tôi biết, “Chúng tôi phải nhốt những chú dê đực vào một chuồng khác xa hơn một chút, nếu không thì mùi hôi dê đực sẽ làm hư hương vị của sữa.

Đến giờ này trời bắt đầu se lạnh, nhưng chúng tôi vẫn quyết định leo lên những bậc thang men theo lối dẫn đến nghĩa trang mới được xây dựng mấy năm trước đây; mới chỉ có một vài ngôi mộ, nhưng nhiều phần đất còn lại cũng đã được đặt mua để mở rộng tu viện sau này khi số thành viên tăng thêm. Toàn bộ phía đồi đều có cây chồi và những lùm cây nhỏ che phủ. Có một ngôi chùa ẩn hiện trong đó với nhiều hoa nền sáng rực. Tôi có thể tưởng tượng ngọn núi Shasta oai phong gần đó dưới ánh nắng chói chang vào một ngày nắng đẹp trời.

Sau bữa ăn tối hôm đó, chúng tôi được chỉ chỗ qua đêm tại phòng Gaitan – là một dãy nhà dài hẹp xây kế bên hội trường hành thiền. Tại đó du khách, dân thường hoặc những ứng sinh sẽ ngồi thiền và niệm Phật trước khi họ tuyên thệ (khấn). Trong bóng tối ngay kế cạnh, tôi lờ mờ nhận ra một người với thân hình nhỏ bé, khi đèn bật lên té ra là một chàng trai tóc màu đỏ sậm. Kế bên cậu ta là một cô gái tóc cùng màu như thế họ yên lặng rời căn phòng với một người phụ nữ nhỏ nhắn, trẻ trung và hơi trầm tĩnh rất có thể bà là mẹ của hai thanh niên đó. Bà mẹ mặc một áo khoác ngoài màu nâu xậm và tóc bà cũng tương tự như màu tóc hai đứa con.

Đây đó trong thiền viện người ta nhận ngay được màu sắc, hương nhang, lòng nhiệt tình sốt sắng và ngay cả phong cách khăn trương. Các nhà sư loáng thoáng trong màu sắc phục trang phản đen, đỏ, nâu xậm và trắng. Áo khoác ngoài dài có ngắn có tung bay trước gió, khi các ngài vội rảo bước khắp nơi. Những chiếc mũ len mùa đông kiểu cách rất dễ thương xuất hiện mọi chỗ. Người ta nghĩ ngay đến hình ảnh bìa cuốn sách đầy màu sắc của Nữ Thiền Sư Kennett, xuất bản tại thiền viện. Tôi nhớ lại màu áo cà sa vàng hồng lần đầu tiên gặp bà vào mùa hè năm rồi. Cho dù những nét sơ cứng của trung tâm huấn luyện Shasta có như thế nào đi chăng nữa chúng ta vẫn thấy toát lên tại đây sự nhiệt tình, đậm đà hương vị và đầy xúc động.

Bên trong phòng nghỉ lễ, trên bàn thờ chính với một tượng Phật to màu vàng, còn có hai con hạc thật đẹp (chim thần hóa giống chim công) do một nghệ sỹ tài ba, một vị sư trong chùa tại Shasta đã tạc kể cả bức tượng Phật nữa. Bao bọc chung quanh ba phía phòng nghỉ lễ là những cánh cửa sơn bằng một nước sơn màu kiếng. Trên đó vẽ các cảnh Đại sư Roshi Kennett nhập cảnh Kensho (siêu thoát) lần thứ ba. Kinh nghiệm đáng ghi nhớ này (được mô tả như là tình trạng kensho ở trạng thái di động chậm. Do thiền sinh, Daizui Mc phillamy viết trong tựa đề cuốn How to grow a Lotus Blossom xảy ra vào năm 1975-76 sau một loạt những biến cố chấn động xảy ra liên tiếp rất nhanh. Đầu tiên là trong giai đoạn Bà mắc chứng tiểu đường ngày càng trầm trọng, Các bác sỹ đã báo cho Đại sư Roshi Kennetts biết: tim của bà có thể ngưng hoạt động trong vòng ba tháng nữa. Một tuần sau bà bị tổn thương mạnh vì một môn sinh và cũng là người thừa kế Phật pháp của bà thành linh phá giới. Sau cùng thầy lang Đông y trị bệnh cho bà thông báo: toàn bộ cách sống và công việc thuyết pháp của bà là nguyên nhân phát sinh ra bệnh tật.

Bị thách thức đến tận tột đỉnh, bà bắt đầu tiến hành một giai đoạn thẩm định nội tâm nghiêm túc và hành thiền trong một năm liền. Gác lại tất cả những cam kết khác (kể cả chữa bệnh nữa) bà đã tận dụng tất cả sức lực tập trung vào ngồi thiền liên tục. Quyết tâm thẩm định lại toàn bộ mọi góc cạnh cuộc

sống và niềm tin của mình vào Phật pháp, trong suốt bốn tháng đầu bà không ra khỏi phòng. Chính trong giai đoạn này bà đã trải qua một tâm nhìn mạnh mẽ không hòa nhập với Phật giáo phương Tây. Đức tin và sức khỏe của bà dần dần được khôi phục. Năm sau, đánh liều về những mất mát bà biết chắc đang bị kích động do những sự kiện mới xảy ra, bà xuất bản một bản tường trình đầy đủ về những kinh nghiệm của bà trong cuốn How to grow a Lotus Blossom (làm sao trồng được một nhánh sen) với những hình ảnh minh họa mà sau này được dùng làm mẫu để vẽ các cửa sổ tại thiền viện.

“Tình yêu không phải là một cảm xúc! Nó là nguyên liệu cơ bản làm chúng ta bị vướng mắc”. Tôi và người bạn đã nghe một cuốn băng của Đại sư Kennett trước khi lên giường đi ngủ. Đó là một bài nói chuyện tại một buổi hội thảo tại một Chung viện Công giáo một vài năm trước. Có người đặt câu hỏi: “Thiên Chúa giáo và Phật giáo khác nhau thế nào? Hình như bà là một Ky-tô hữu phải không?”

“Phật giáo không có Đấng Cứu Thế”. Đại sư Kennett trả lời. “Bạn phải tự cứu lấy mình, chẳng có ai sẽ hành thiền cho bạn cả. Ngay tại giây phút lâm chung bạn sẽ là người phán xét chính mình. Ông chủ nhà sẽ chẳng bao giờ phán xét bạn cả. Điều gì hiện hữu, thì đơn giản hiện hữu mà thôi. Khả năng chết trong bình an cũng có nghĩa là khả năng sống trong an bình. Đức Phật lịch sử không có địa ngục để giam giữ bạn đâu. Chúng ta tự tạo lấy hỏa ngục cho chúng ta. Chỉ có một phán quyết được thực hiện đó chính là chúng ta tự thực hiện phán quyết đó – và vì thế chúng ta thường hay che dấu chúng ta khỏi Đức Phật lịch sử. Mọi người chúng ta đều có sẵn bản chất Đức Phật – (người Thiên Chúa giáo gọi là linh hồn) chúng ta không nhận ra được bản chất đó là do những nhận định chủ quan về bản chất của mỗi chúng ta.

Bà nói tiếp, “Nghệ thuật hành thiền sẽ gỡ bỏ đi sự phân tách đó, để rồi chúng ta có thể trở lại với bản chất đích thực của mỗi chúng ta. Và biết đích xác được bản chất ấy. Hành thiền không liên quan gì tới sự cải thiện bản thân cả. Thiền chỉ là một kinh nghiệm đặc biệt sâu xa, trong cầu nguyện và mục tiêu của thiền là làm cho chúng ta trở nên một (đồng nhất) với Đức Phật lịch sử đó – hoặc để cho các bạn dễ hiểu, tương tự như có kinh nghiệm về Thiên Chúa vậy”.

Trong cuốn băng đó giọng của Kennett thay đổi liên tục, lúc thì như ra lệnh, khi thì khôi hài, châm biếm và khích lệ. Đôi khi hình như bà còn la rầy hoặc kích động người nghe, như bà vú nuôi la rầy những đứa bé đáng yêu nhưng tinh nghịch. Bạn tôi đã triu mến đặt cho bà cái biệt hiệu “Bà vú nuôi hoàn vũ”

Vào thời điểm chúng tôi đến thăm thiền viện Shasta Đại sư Kennett không được khỏe lắm; vì thế tôi không đến gặp bà vào cuối tuần đó. Tôi cảm nhận được tinh thần của bà bên cạnh những đón tiếp chân tình bà dành cho chúng tôi cũng như tất cả những sắp xếp để chúng tôi tìm hiểu thiền viện cũng như để gặp và tiếp chuyện với các thành viên trong đoàn thể. Tuy nhiên tôi rất quan tâm đến sức khỏe của bà. Tôi đã gặp lại bà hai lần tại Berkeley mùa hè vừa qua và bà cũng cho tôi hay về tình trạng sức khỏe của bà sẽ chẳng bao giờ được hồi phục như trong những năm lưu lại Nhật Bản. Bà đã lên cân rất nhanh, một trăm cân Anh trong vòng có một tháng. Rất có thể do bệnh tiểu đường và những rắc rối do cuộc giải phẫu bà đã trải qua tại Tokyo, bệnh tình của bà đã phát triển rất nhanh và các bác sĩ Nhật Bản đã không phát hiện ra khi chụp x quang vì nó không khớp với những chẩn đoán của họ. Hiện giờ cho dù được chăm sóc cẩn thận và với một chế độ kiêng khem khắt khe vì bệnh tiểu đường và bệnh tim, sức khỏe của bà vẫn không được an toàn. Bà cho tôi biết, “vì điều kiện thể lý như vậy đã khiến tôi tăng cân khủng khiếp, tôi cảm thấy đi lại rất khó khăn”.

Tuy vậy thiền viện đã mãnh liệt phát triển liên tục, một sự bùng nổ từ những gì còn sót lại của một quán trọ hoang dọc đường. Một số quyết định thực tiễn, những sắp xếp cũng như cố gắng liên tục đang làm cho bà chao đảo, ấy là chưa kể đến những công việc chân tay. Lúc ban đầu không có điện, không có hơi đốt, điện thoại cũng không. Khoảng vài tuần sau khi dọn tới toàn bộ đoàn thể phải ngủ trên sàn nhà. Sáng mở mắt ra tuyết phủ tứ phía dày tới bảy tấc, một bao cà-rốt và một bao hành tây là tất cả những gì dành để nuôi sống họ. Hai tuần sau họ mới được một người dân địa phương giải cứu vì ông ta phát hiện ra họ đã dọn đến đó, sau khi phải sống cầm hơi bằng cháo cà-rốt với hành.

Hiện nay thiền viện được trang bị một nhà bếp tuyệt vời và chất lượng bánh mì sản xuất tại đó đã nổi tiếng khắp vùng vì thỉnh thoảng bánh mì cũng được bán ra ngoài để giải quyết nhu cầu tiền mặt. Các sư thực hiện toàn bộ các công đoạn nướng bánh tại thiền viện (khoảng ba mươi lăm ổ mỗi mẻ) và chế biến pho-mai (khoảng 120 bánh chín cân mỗi năm).

Vì sức nóng khủng khiếp vào những tháng hè tại vùng núi Shasta, Đại sư Kennett thường dọn đến sống tại Berkeley, nơi đây khí hậu ôn hòa hơn. Tôi đã đến tiếp chuyện với bà hai buổi sáng, đó là thiền viện Phật giáo Berkeley, một chi nhánh của hội thiền Chiêm niệm Phật giáo do Bà thành lập vào năm 1973. Thiền viện được xây tại một vùng thấp một đường phố ngoằn ngoèo đổ trên dốc từ đỉnh ngọn đồi Berkeley xuống tới vịnh. Tới cuối dốc, cửa ra một khu dân cư rộng rãi, rất khó nhận ra được thiền viện

xen lẫn giữa khu dân cư bên đường, trừ một tấm bảng nhỏ bằng đồng giúp nhận dạng thiền viện.

Hai con chó Bulls canh cổng sửa vang chào đón chúng tôi đến, đó là Winnie và Gawain hai nhân vật chúng tôi gặp đầu tiên. Đại sư Kennett đang chờ chúng tôi tại phòng khách nhỏ ngay trong cửa hậu, cùng với một nhà sư phục vụ, ngài Thượng tọa Koten, cũng có mặt trong buổi phỏng vấn.

Kennett Roshi là một phụ nữ to lớn, dáng điệu thẳng thắn, giọng nói chân tình, mạnh mẽ và có văn hóa đậm đà kiểu cách quý phái. Tôi hỏi xem quan điểm của bà về người đời tham gia luyện thiền so với những người đang sống đời tu trì.

“Điều đó tùy thuộc ở bạn muốn tiến xa đến cỡ nào. Nếu bạn muốn đi hết quãng đường tu trì, bạn phải trở thành một nhà sư và không được lập gia đình nữa. Thực tế bạn phải từ bỏ mọi thứ, bạn không thể đi nốt quãng đường trừ khi bạn đã chế ngự hoàn toàn được bản thân và không bao giờ có nhu cầu về tình dục và diệt được giận hờn (tức giận) đây là hai vấn đề bạn phải từ bỏ hoàn toàn. Để đi trọn bước đường Phật pháp.

“Bạn chỉ cần đọc sách về Phật giáo Đại Thừa thì rõ. Có bốn bậc (giai đoạn) kenshos, tức bốn giai đoạn hiểu biết (giác ngộ). Người có gia đình dễ dàng đạt được bậc thứ nhất và rất có thể khó lòng đạt đến bậc thứ hai, dứt khoát không thể đạt đến bậc ba và bốn. Điều này không có nghĩa là có gia đình là một điều gì sai quấy. Đó chỉ có nghĩa là bạn phải quyết định tiến đến bậc nào. Và mọi người đều có thể đạt đến bậc thứ nhất. Hình như phải cần từ bảy đến mười năm sống độc thân trước khi bạn có thể tiến xa hơn”.

“Tôi biết có một thiền sư lại lập gia đình sau khi đã sống độc thân nhiều năm”.

“Nếu bạn đạt đến bậc kensho thứ nhất và rồi bạn quyết định lập gia đình, bạn không thể tiến thêm được nữa. Nếu bạn đã lập gia đình và rồi quyết định tận hiến cho Đấng bất diệt”.

“Thế thì tình dục phải là quan trọng và chẳng phải là một tương quan hay sao?”

“Vâng, chính là điều bạn nói đó, nhưng tương quan có can dự vào vì một khi bạn đạt đến siêu thoát rồi (kensho) bạn không thể ngay cả chỉ lập gia đình vì quan hệ thuần túy mà thôi – vì khi đó bạn sẽ tước đi điều gì đó từ Đấng Bất Diệt và trao Ngài cho một ai đó mà lẽ ra bạn phải từ bỏ hết mọi sự để chiếm lấy Ngài”. Kinh Phật đặc biệt nhấn mạnh: từ bỏ hết mọi sự. Và “mọi sự” là điều Kinh Phật muốn dạy. Ngay lập tức có người hỏi: đó có phải là từ bỏ mọi sự không... tôi đã vừa mới nói Tất Cả Mọi Sự (Everything) đó thôi!”

“Nhưng người đời có thể được chấp nhận vào bậc thứ nhất không?”

“Ô, được chứ, nhưng có điều đặc biệt thú vị là chưa bao giờ giáo hội xác nhận bậc nọ bậc kia cho người đời. Vì lý do đơn giản là người thường không phải nắm giữ một số kỷ luật mà những thành viên giáo hội phải nắm giữ. Và để tránh có người sẽ rêu rao rằng, “Tôi đã được kensho, này nọ rồi” và rất có thể điều đó sẽ gây hại hơn là có lợi”.

“Như một số người tham dự một khóa hội thảo và sau khi đã có một vài “kinh nghiệm” nào đó rồi tự coi mình là thiền sư!”

“Chính vì vậy mà Giáo Hội không bao giờ trao chứng nhận nói rằng người này người kia đã đạt được kensho bậc nọ bậc kia. Họ chỉ đơn giản công nhận, người này đã học hỏi tốt. Điều đó có nghĩa là hiện nay ông ta đã đạt đến kensho bậc nhất. Vấn đề là như vậy”.

“Khi đề cập đến từ Giáo hội, Bà muốn ám chỉ...?”

“Tôi đang nói về toàn bộ trường phái Phật giáo thiền định (Zen Buddhism), tại Nhật Bản hay tại Mỹ. Soto Phật giáo thiền định phải khớp với trường phái Soto Phật giáo thiền định”. Chúng tôi nghỉ một lát và chuyển sang một đề tài khác đó là: Tội Lỗi. (“Tội lỗi hay điều xấu là kết quả do thiếu hiểu biết) trở lại vấn đề tôi nêu ý kiến:

“Vừa rồi trong cuốn băng bà cho biết, “Nếu bạn phạm tội, hãy phạm tội cho thích đáng”.

“Vâng, chính Martin Luther đã nói như thế đó và tôi đồng ý với ông ta. Nếu bạn thực hiện điều gì đó, hãy làm cho rồi đi. Bạn sẽ phải nhận lãnh những hậu quả của hành động đó, vậy thì ít nhất bạn cũng cảm thấy thích thú trong đó. Và hoàn tất cho đúng mức ngay đi!”

“Trong cuốn How To Grow A Lotus Blossom có nêu lên điều bà quan tâm nhất trên đời này là..”.

“– biết được Đấng Hằng Hữu”.

“Vâng. Là một nhà sư. Phải biết được Đấng Hằng Hữu và giảng cho những người muốn biết về Đấng đó. Và cũng có điều được nhấn mạnh rất nhiều là không được làm điều sai trái, đang khi vun xới mầm mống trọn lành. Chính xác bà đang nghĩ gì khi nói như vậy? Liệu có phải đang đề cập đến những điều răn có phải không? về luân lý chứ gì?”

“Điều phải làm là quan sát tất cả những gì chúng ta làm dưới góc độ tự đặt ra cho mình ba câu hỏi để trả lời: Một, tôi có thực hiện điều đó do thiếu hiểu biết không? Nếu tôi có thể trả lời phủ định cho câu hỏi này, tôi có thể đi tiếp tới câu hỏi tiếp theo. Có phải tôi đang làm điều tốt không? Nếu trả lời khẳng

định, tôi có thể tiếp tới câu hỏi thứ ba. Tôi đang làm điều tốt đó cho tôi hay là cho những người khác? Nói cách khác, có phải tôi dự định thực hiện điều gì đó khiến cho người khác vì thế mà làm điều tâm bậy hay không? Và nếu tôi trả lời phủ định thì tôi có thể tiếp tục thực hiện những gì tôi đang làm”.

“Bà đang nói về đức liêm khiết (purity) có phải không?”

“Những gì phải được thực hiện từ góc độ đó. Sẽ chẳng có người ngoài nào có thể mách cho bạn những điều bạn nên làm hay không nên làm cả. Chính bạn phải tự tìm kiếm lấy điều gì nên làm hay không nên làm. Trong tình huống nào ít gây hại nhất. Và còn nữa bạn phải chịu trách nhiệm về những hậu quả xảy ra nữa. Vấn đề là bạn phải làm một điều gì đó. Có người đến hỏi tôi, Phật giáo dạy gì về Duy Hòa Bình Thuyết?” Và câu trả lời của tôi là, “Nếu bạn gia nhập quân đội, bạn sẽ được yêu cầu giết người khác và bạn sẽ gây ra những hậu quả. Nếu bạn là người chủ trương hòa bình, luật của quốc gia đó sẽ bỏ tù bạn. Nếu chiến tranh thuộc loại Thế Chiến Thứ Hai, trong đó cả bao nhiêu triệu người bị sát hại. Điều gì theo lương tâm bạn sẽ mách bảo bạn phải làm đây? Không có một Đấng Cứu thế nào bảo bạn là “người không được giết người”. Chỉ có một người duy nhất đó là chính lương tâm bạn. Và bất kỳ bạn theo kiểu nào bạn đều nhận lãnh hậu quả. Và do đó tại sao tôi nói với mọi người là Phật giáo không phải là người theo chủ thuyết hòa bình. “Ôi! thế bà là người hiếu chiến phải không?” Không đâu, tôi cũng chẳng thuộc phái hiếu chiến đâu”,

“Phật giáo thường cứ phải khẳng định không là điều này, không là điều nọ”.

“Có một vị trí thứ ba, có nghĩa là các bạn phải là người hoàn toàn trưởng thành. Đây là một tôn giáo dành cho những người trưởng thành trong tinh thần. Chứ không phải vẫn còn trẻ con, với hình ảnh một người cha đầy yêu thương và một cây gậy rắn đe dọa”.

“Ở nơi khác bà lại khẳng định rằng: Phật giáo thường bị hiểu lầm như là một cách sống hơn là một tôn giáo”.

“Điều này nữa cũng dễ bác bỏ bằng một trong những bản Kinh xưa nhất: trong bản kinh Canon Pali, đó là Kinh Udana, Đức Phật có dạy (về vị trí thứ ba, như tôi gọi thế, giữa cái tốt và cái xấu) Ôi các vị tỳ kheo thân mến, có điều không được sinh ra, không phải chết đi, không phải thay đổi, không được sáng tạo. Nếu không có điều đó thì sẽ không có định hướng cuộc đời, hoặc không có rèn luyện” Phật giáo cho là cái gọi là Đấng Hằng Hữu không hiện hữu (tôi dùng từ Đấng Hằng Hữu hơn là dùng từ Thiên Chúa. Thiên Chúa có ý nghĩa như là một vị thần thánh với râu tóc bạc trắng và một chiếc gậy to) từ đó không khẳng định được điều gì hiện hữu vì nếu như thế chúng ta sẽ bị sốc với khái niệm đó. Phật giáo khẳng định đặc biệt điều gì chúng ta

biết là chắc chắn. Phật giáo không khẳng định điều gì dựa trên Đức tin. Chính chúng ta có thể hiểu điều đó – là những gì nhưng không được sinh ra và nhiều điều khác nữa – nhưng, chúng ta không thể khẳng định điều này là gì chính vì thế mà chúng ta gọi là “Mu” hay là “cái không” hoặc “cái trống rỗng” hay như thiền sư của tôi dạy “cái – hư – vô – tuyệt - đối” đó là một cách diễn đạt tôi chưa từng bao giờ đụng đến. Vì thế dứt khoát Phật giáo không phải phi Tôn giáo nhưng dứt khoát Phật giáo là một thứ Tôn giáo”.

Bà cho biết bà đang thực hiện dịch lại Kinh Denkho Roku (cộng tác với một trong số các nhà sư trong thiền viện). Chúng tôi xin đề cập một đôi điều về những vấn đề nảy sinh trong việc dịch Kinh Phật từ tiếng Nhật và Đại sư Roshi Kennett đưa ra một ví dụ trong bản dịch cổ dùng từ số mệnh (predestination) để chỉ cho những gì bà thường dịch là “những kinh nghiệm trong cuộc sống quá khứ” (Past life Experiences). Bà cho là có một chút khác nhau và tôi yêu cầu bà làm rõ.

“Chỉ vì có một chút thiếu hiểu biết nhỏ trong những thế kỷ qua, người ta đã phạm phải sai lầm. Và sai lầm đó được tiếp tục lan truyền suốt trong quá khứ. Không do số mệnh (predestined) mà phạm sai lầm đó. Tất cả những gì tôi phải làm là cố gắng ở bất kỳ thời điểm nào để xóa bỏ đi. Nhưng tôi không hề bị số mệnh buộc để làm chuyện đó. Chẳng có Thiên Chúa nào định cho tôi phạm sai lầm cả. Sai lầm đã được phạm phải một lần và tôi có hoàn toàn tự do ở bất cứ thời điểm nào để kết thúc sai lầm đó. và đó là sự khác biệt giữa Số Mệnh và những kinh nghiệm trong cuộc sống quá khứ.

“Được rồi, tôi nghe ra rồi. Bà có thể nói thêm một chút nữa: làm thế nào hiểu được cuộc sống quá khứ mà không có sự liên hệ với cái tôi hoặc bản ngã?”

“Vâng, nếu đã một lần bạn nghĩ là bạn hiện diện trong đó thì bạn kéo sự việc về thực tại rồi (entitize). Và rồi điều bạn có được là một chùm những hồn ma và bạn rơi vào trò ma thuật và duy linh thuyết”.

“Điều đó vẫn chưa hoàn toàn rõ ràng đối với tôi. Làm sao ta có thể dứt bỏ được điều đó”.

“Bạn chỉ cần biết khi nào chúng nổi lên, điều này không thuộc về bạn. Trong bạn chỉ là tất cả điều gì còn sót lại của con người này hay con vật này mà thôi. Nhưng điều đó không phải bạn đâu. Giống y như là cái bóng bạn mang theo với bạn khắp nơi. Và khi nào bạn phát hiện ra một sai phạm, bạn có thể chỉnh lại nó. Và vấn đề sẽ biến mất và không ảnh hưởng đến bạn nữa. Có điều chi đó sai quấy, một sai phạm nghiêm trọng và nó sẽ để lại những chấn động xung quanh. Hãy tưởng tượng bạn có một giỏ cá trong đó bạn đựng cá đem về nhà. Bạn ăn hết cá, nhưng khi bạn mang cái giỏ đó đi đây đó và bạn

vẫn ngửi thấy mùi tanh. Đó chính là sự thắm thâu. Tất cả chúng ta đều mang theo sự thắm thâu của cuộc sống quá khứ. Nhưng điều đó chẳng nhằm nhò gì đến chúng ta cả”.

“Nhưng vẫn có sự liên tục từ trên xuống dưới chứ?”

“Chúng ta thường thu thập lấy những thứ gọi cho ta cùng một sai lầm cũ. Và chính vì thế nên bạn có thể mắc sai phạm về số mệnh.

“Vậy thì mỗi người chúng ta đều có hàng loạt những điều thắm thâu đặc biệt của riêng mỗi người chúng ta”.

“Nhưng chúng không chỉ thuộc bản thân chúng ta”.

“Ở mức độ chúng ta không chỉ thuộc bản thân chúng ta thôi sao?”

“Không đâu, bạn thấy đó, chúng ta chỉ là một phần của một bản ngã trung tâm to lớn. Tất cả chúng ta đều có một tia sáng của Đấng Hằng Hữu. Mỗi người trong chúng ta vì thế đều hiện hữu như là một cái túi nghiệp báo. Bản phận của chúng ta xuyên suốt cuộc sống là làm trong sạch cái nghiệp báo đó để cho phần của Đấng Hằng Hữu trong ta được thanh thoát khỏi những vấy bẩn đó. Nói cách khác, chúng ta có thể là những con người rất đạo đức thánh thiện. Và chúng ta có một mục đích nhất định là làm trong sạch cái túi bụi nhùi đó.

Trong suốt cuộc đàm thoại Đại sư Roshi Kennett đã nhiều lần bóng gió ám chỉ về những biến cố có liên quan đến những nhóm Phật giáo khác trong nước rõ ràng đang hạ thấp uy tín của bà với tư cách là một thiền sư phụ nữ.

Bà nói, “Cách đối xử của phụ nữ có thể là bất luận điều gì từ đáng ghét đến chống đối quyết liệt. Nhưng tất cả đều tùy thuộc vào đại sư của mỗi người, chứ không tùy một môn phái nào cả. Điều đó không hề thay đổi. Lý do duy nhất Đức Phật đã đưa ra những lời bình luận về phụ nữ là vì nền văn hóa vào thời bấy giờ, chúng ta biết rõ điều đó.

“Vâng, Ngài đã từ chối xuất gia cho phụ nữ trong một thời gian dài”.

“Đúng vậy, cuối cùng thì Ngài buồn phiền vô cùng và nói, “Thôi được rồi, rất có thể rồi nền văn hóa kẻ trên cũng sẽ suy tàn, nhưng chúng ta cứ tiến tới”.

“Ngài suy nghĩ kết quả rồi điều đó cũng chỉ tồn tại trong Phật giáo một nửa thời gian là cùng”.

“Vâng, nhưng Ngài đã sống trong nền văn hóa đặc thù đó. Và ở vào thời điểm đó Ngài đã có lý. Đó là chuyện thời xưa và hiện nay là thời bây giờ”.

Chúng tôi đề cập đến lần xuất gia đầu tiên của Bà tại Malaysia, về điều này có ba vị sư am hiểu rất rõ việc xuất gia đầy đủ theo truyền thống Kinh Phật đã được đưa ra khỏi Trung Hoa cộng sản.

Phụ nữ mới chỉ dành được quyền bỏ phiếu tại Anh quốc khi cô bé Peg Kennett năm tuổi bắt đầu cấp sách đến trường. Đó là một trường “nội trú tu thực rất dài cát và đắt tiền” dành cho con cái những gia đình giàu có thuộc phái thượng lưu. Những thầy cô giáo dạy tại trường đa số là những người tranh đấu cho quyền tự do bỏ phiếu, không từ bỏ cả việc tự xích họ lại và điều hành để bị kịch hóa yêu cầu bình đẳng của họ. Đến thời điểm này, quá kiêu hãnh với chiến thắng, họ không để mất thời giờ ép buộc chính quyền thỏa mãn những nhu cầu của phái nữ với một tâm tín tuyệt đối là họ có thể làm hay trở thành bất kỳ điều gì họ mơ tưởng. “Các bạn phải biết những gì chúng tôi đã làm” họ nói “chúng tôi chiến đấu cho các bạn. Đây là quyền lợi của các bạn. Bây giờ các bạn phải giữ lấy những quyền đó”. Tất cả thông qua trường học bức thông điệp đã quá rõ: “Các bạn không thuộc hạng thứ cấp! Các bạn có thể làm bất luận điều gì ngoại trừ hạng hai.

“Bạn gái nhỏ ngày nay là Đại sư Roshi Kennett, nữ thiền viện trưởng thiền viện Shasta, đã học tốt được bài học đó. Điều bà muốn là sau này phải trở thành một Nữ Thiền Sư.

Điều này đã quá rõ ràng ngay từ khi mới lên bốn, lần đầu tiên bà đã thấy một nhà sư trên đường phố Luân Đôn. Cô bé đã cho mẹ biết ý định của cô khiến bà mẹ hơi giật mình và ngạc nhiên, bà là một phụ nữ rất nguyên tắc khi thấy con gái vô nguyên tắc của mình tiếp tục lớn lên. Khi tôi hỏi thêm một vài thông tin về người mẹ, Roshi Kennett cho biết, “Thực sự chẳng có gì đáng nói. Làm sao bạn có thể nói điều gì về một người mà bạn không bao giờ gặp mặt.? Tôi đã viết điều này trong cuốn Con Ngỗng (cuốn sách của Bà mang tựa Con Ngỗng Rừng Màu Trắng (The Wild White Goose) làm sao bạn có thể nói lời tạm biệt với một người bạn chưa từng gặp mặt một lần nào? Ồ! chúng tôi đã sống trong cùng một nhà. Nhưng không bao giờ gặp nhau. Chúng tôi như một cặp tàu thủy đang chạy trong đêm tối và hô to “Xin chào”.

Trong trường nội trú, bên cạnh những khái niệm tiên tiến về phụ nữ, các thầy cô giáo còn dạy cho cô những sự phân biệt đối xử rõ nét trong Thiên Chúa giáo. Chính vì thế mà tình cờ hình như Peg Kennett đã được giới thiệu vào Phật giáo. Sự kiện xảy ra là từ Miến điện người cha một bạn học của cô đã gửi cho con gái một tượng Phật tuyệt đẹp bằng đá cẩm thạch để trong phòng truyền thống nhà trường. Bà hiệu trưởng nhận thấy bức tượng quá lớn

không thể đặt tại phòng truyền thống, nhưng để tại cánh gà trong phòng đọc sách rất vừa vặn.

“Phòng đọc sách là nơi các học sinh vẫn thường đọc kinh mỗi buổi sáng. Và ngay tại đó cũng đã có một ông thầy thuộc phái Calvin người To-cách-lan, ông là người vô cùng thiên cận đã thuyết giảng toàn những điều tàn khốc khủng khiếp như: lửa hỏa ngục, lửa lưu huỳnh và bất kể điều gì có thể xảy đến nếu bạn dám suy nghĩ bạn hấp dẫn, không chải đầu hoặc chải kiểu bím tóc. Và cũng tại đây đã có một bức tượng Phật lạnh lùng một cách đáng yêu đang ngồi thiền. Và chúng tôi cũng tụ tập hát thánh ca tại đó. Tôi cảm thấy hai thái cực quá khác biệt và đã từ bỏ Thiên Chúa giáo và đầu binh theo Phật giáo kể từ đó. (hiện nay bức tượng Phật đó vẫn còn được giữ trong thư viện tại thiền viện Shasta).

Thật vậy, nhiều năm sau đó khi đã hoàn tất giáo dục đại học khoa âm nhạc, Peg Kennett đã làm việc tại một thánh đường chuyên đệm đàn phong cầm cho ban hát nhà thờ. Hình như đó là con đường bà yêu thích nhất vào thời điểm đó để đạt tới mục tiêu huấn luyện tinh thần. Bà đã đạt bất kỳ danh hiệu nào đề ra. Nhưng bà cũng vẫn chỉ là một phụ nữ. Và Giáo Hội Anh hoi đó cũng không có cùng ý nghĩ cấp tiến như các thầy cô giáo trong trường nội trú. Thường xuyên để lọt được vào phỏng vấn xin việc, Bà dùng mưu chỉ biên những vắn đầu tên bà, thay vì viết cả tên trong đơn xin việc. “Điều rất rõ ràng là phụ nữ rất khó xin được việc. Tôi vẫn suy nghĩ, có lẽ tôi làm hay sao mà làm đơn xin việc. Nhưng khi họ phát hiện tôi là phụ nữ, tôi bị đuổi việc ngay. Một tu sĩ nọ cho tôi biết ông muốn nhận một phụ nữ chỉ để quét dọn nhà thờ”. Còn một người khác, sau khi đã thuê bà làm việc, ông ta lại muốn giở trò sàm sỡ. Thế là bà bỏ việc ngay sau đó. Ông ta tìm đến nhà bà và kiếm cách đột nhập. Bà dọa sẽ lên trình cho Giám mục. Ông ta liền nói, “Giám mục sẽ không tin lời bà đâu. Bà chỉ là một phụ nữ thôi”.

Cuối cùng bà tìm được một chỗ làm trong nhà thờ rất nghèo không có đủ tiền trả lương cho một người đàn ông và sau khi đã làm việc ở đó được mười năm bà đã làm xuất sắc công việc được giao (“Tôi không dám tự coi mình là quan trọng khi khẳng định như vậy”) chẳng bao lâu bà được thông báo cho biết đã tìm được một người đàn ông muốn làm việc với đồng thù lao chết tiệt họ trả cho bà. “Thế là tôi đã bị phạt trong mười năm chỉ vì tôi là một phụ nữ”.

Nhiều thập kỷ trôi qua, trong một tờ bướm nói về phụ nữ và Phật giáo được thiền viện Shasta xuất bản, Kennett có viết: “Đây là hoàn cảnh phụ nữ phải chịu đựng trong nhiều thế kỷ. Hoàn cảnh này cần phải được thay đổi. Sự thiệt hại gây ra cho tôi, tôi không thể nói ra cho bạn biết. Tuy vậy từ đó cũng

đem đến tôi nhiều điều tốt đẹp. Hoàn cảnh đó đã đưa đẩy tôi tiếp cận với một Tôn giáo chính cống, đó là Phật giáo, chính Tôn giáo này đã đưa tôi sang tận Viễn Đông, khiến tôi khám phá ra điều làm tôi mãn nguyện... Ngay lúc đầu tôi đã đi tìm đường hướng sai lầm. Tôi đã đi tìm bình đẳng trong công việc làm thay vì tìm hiểu cái thứ bình đẳng đến từ bên trong nội tâm. Tôi đã đi tìm bên ngoài con người tôi để được công nhận thay vì biết được rằng trước tiên tôi phải nhận ra được chính bản thân tôi như là một con người toàn diện.

“Một khi chúng ta biết tự thỏa mãn với chính chúng ta, một khi khám phá ra được bản chất Phật nơi mình và một khi đã hiểu được chính tâm hồn chúng ta, sẽ chẳng còn vấn đề gì liên quan đến thỏa mãn hay bất mãn cho dù chúng phải ru con ngủ trong nôi, hay lao động trong hầm mỏ cũng không thành vấn đề – hoặc làm bác sĩ hay luật sư. Tất cả mọi việc đều như nhau trước con mắt Đức Phật, tất cả mọi công việc đều là công việc của Đức Phật”.

Lý do duy nhất khiến bà lìa bỏ Thiên Chúa giáo, Đại sư Roshi Kennett tiết lộ cho tôi, đó là có một tiếng gọi khẩn thiết trong bà muốn trở thành một linh mục Anh Giáo “Vì là phụ nữ tôi không có cách nào trở thành Linh Mục được”. Vì sự phân biệt giới tính trong giáo hội Anh Giáo đã buộc bà phải từ đạo để trở thành một ni sư tại một quốc gia ngoại bang., nơi một Tôn giáo và một ngôn ngữ xa lạ.

Đây chẳng phải là một công việc dễ dàng chút nào. Câu chuyện được tường trình chi tiết trong hai cuốn tiểu sử tự thuật công việc của bà đó là cuốn: Con Ngỗng Rừng Trắng (the wild white goose) cuốn sách ghi lại những cực nhọc khùng khiếp cả về thân xác lẫn tinh thần - gồm cả đánh đập, bỏ đói, khai trừ và bệnh tật - cũng như đạt đến tột đỉnh kinh nghiệm về Tôn giáo không có lời nào tả xiết, Peg Kennett đã tìm thấy điều bà đã bỏ nơi Anh giáo là Thiên Chúa Giáo cho dù phải gặp những rắc rối tại Nhật bản, Bà được cảm hứng và nâng đỡ bằng những lời kinh Phật như, “Một cô gái nhỏ bảy tuổi cũng có thể trở thành thiền sư cho bốn thế hệ thiền sinh và trở thành bà mẹ giàu lòng từ bi cho muôn chúng sanh. Một trong những lời dạy vĩ đại nhất nơi Phật giáo đó chính là bình đẳng giới tính hoàn toàn rất được nhấn mạnh đến”. Trích đoạn trên trong sách Shobogenzo do Dogen-zenji viết, ông là một thiền sư ở thế kỷ 13, do các học giả các nhà thông thái Nhật bản, thiền viện trưởng của trung tâm huấn luyện Phật giáo, đã chỉ cho Roschi Kennett trong thời gian bà là thiền sinh lớn tuổi theo học đạo. Bà cho biết, “chính vì thế mà tôi có thể chịu đựng được tất cả điều ngu xuẩn đó tại Nhật bản. Mọi sự đều ổn cả, tôi không quan tâm, người ta ngu xuẩn cũng tốt thôi, khi mà người lớn cho điều này là chân thật, tôi tin họ. Đó chính là cơ sở trên đó tôi đặt

niềm tin của tôi. Tôi chỉ quan tâm đến những gì quan trọng chứ không phải những điều ngu xuẩn. Lúc nào cũng có những kẻ ngu xuẩn và sẽ còn nhiều kẻ khác xuất hiện. Nhưng càng nhiều Giáo hội công bố nam nữ bình quyền thì chúng ta càng bớt bị tổn thương bấy nhiêu. Ngay khi Giáo hội (Thiên Chúa giáo) tuyên bố chúng ta được bình đẳng, phần còn lại của thế giới không có vấn đề gì. Và một khi phần thế giới còn lại cũng không có vấn đề gì, bình đẳng sẽ diễn ra. Ngay khi biết được chúng ta có được quyền đầy đủ quyền lợi, họ cũng sẽ đem lại những quyền lợi đó cho chúng ta mà thôi”.

Bà cho biết, bản Tu Chính Quyền Bình Đẳng không phải để cho người này được quyền làm việc kia, “nhưng chính là xác định người nào có linh hồn và người nào không “chính là tâm linh phụ nữ là điều cốt lõi. Không có phụ nữ nào có thể biết chắc mình được bình đẳng một khi họ biết chắc được nơi họ còn hiện hữu một bản chất Phật hay một linh hồn vậy”.

Bà tin rằng xét dưới góc độ người đời, phụ nữ sẽ còn bị thua thiệt rất nhiều nơi thế hệ này. “Nhưng ít nhất con gái chúng ta sẽ gặt hái được hoa trái của sự bình đẳng tinh thần, nếu hiện giờ chúng ta phấn đấu được điều đó. Vì nếu hiện nay chúng ta bị từ chối một công việc nào đó, trong tương lai sẽ được mở ra cho con cháu chúng ta. Khi nào nam giới biết được chúng ta bình đẳng với nhau trong tinh thần cũng như họ, thì lúc đó họ sẽ phán quyết chúng ta dựa trên những công đức, tài khéo chúng ta đạt được chứ không dựa trên những gì người ta nói cả ngàn năm về trước. Chúng ta cần dẹp bỏ lại đằng sau những tín lý hẹp hòi. Chúng ta cần đến sự cởi mở của những ai biết được tâm linh tồn tại đồng đều trên đời này với hết mọi người. Đức Phật đã không đim người phụ nữ xuống vực thẳm. Chính tại một số đồ đệ cố chấp của Ngài đã làm thế”.

Hiện thời bà cảm thấy điều tuyệt đối thiết yếu với phụ nữ là hiểu một cách rõ ràng họ là một con người toàn diện về mặt tinh thần. Thoạt đầu bà sợ và dẹp bỏ không chơi nhạc vì sợ khám phá ra bà có tâm hồn và không có tinh thần. “Nhưng tôi quá thất vọng thấy rằng nhạc chẳng có vấn đề gì cả, ngay cả với chính cuộc sống. Thế là tôi tiến tới, dẹp bỏ hết mọi sự sang một bên để chiếm được thoải mái”.

Roshi Kennett: Chẳng ai muốn được đối xử đặc biệt, nhưng chỉ muốn được đối xử như biết bao người khác Tôi không yêu cầu được dành riêng một chỗ trên Thiên đàng, mà chỉ yêu cầu được lọt qua cổng Thiên Đàng mà thôi.

Lenore: Đó chỉ là mặt trái của đồng xu. Phụ nữ hoặc đã bị đối xử vô cùng khác biệt, hoặc đã bị lệ thuộc vào một vài thế lực đáng sợ nào đó.

Roshi Kennett: Đó là một trong những vấn đề tôi gặp tại Nhật bản, một mặt tôi không được coi là quan trọng và nổi tiếng, mặt khác còn bị ghét bỏ nữa.

Và bạn biết đó khi bạn bị tung qua tung lại như quả cầu, bạn thường muốn ngồi lại và nói, Đủ rồi đó! Bao lâu bạn còn bị kiềm chế khỏi những điều bạn không được có – một linh hồn, một Phật tính. Kết cục bạn càng tin bạn có điều đó. Và vì vậy phụ nữ không thực hiện được điều đó trong quá khứ, vì luôn có một tiếng nhỏ bên trong nói rằng. Được, cứ coi như các Giám Mục có lý hay Giáo Hội Công giáo có lý? Vẫn luôn có một nghi ngờ nhỏ. Ngay cả tôi có một người bạn Mỹ đến hành thiền với tôi một lần và ông ta rất bức dọc khi phát hiện ra thiền viện trụ trì ở đây là phụ nữ. Ông ta đã biết đây là một thiền viện, thiền viện Shasta và dứt khoát phải là một đàn ông trụ trì tại đây. Tôi nói, tôi rất lấy làm tiếc, nhưng tôi là một phụ nữ.

Lenore: Thường có rất nhiều lẫn lộn trong Kinh Phật cũng như trong giáo lý Phật giáo nói về người phụ nữ. Ở một số nơi bạn tìm đọc được: bạn phải được đầu thai thành nam giới để được giác ngộ.

Roshi Kennett: Vâng, có một chi tiết rất hấp dẫn về điều này. Nói là bạn phải được tái sinh thành người đàn ông một lần. Điều kinh Phật và những lời giảng dạy không đề cập đến là bạn phải tái sinh thành người phụ nữ, nếu như bạn là một người đàn ông rồi, thì sao - Vì bạn phải trở thành vượt trội hơn cả hai. Khi bạn có được hiểu biết thực sâu sắc về Tôn giáo – Trạng thái ý thức (Kenzo) như trường phái thiền định (Soto Zen) gọi như thế – thực chất bạn trở thành như nam giới trong tư tưởng trong giây lát nếu bạn là phụ nữ và trở nên phụ nữ trong suy nghĩ một thời gian nếu bạn là đàn ông bạn không thể nào đạt được trạng thái ý thức (Kenzo) nếu bạn không đan xen cả hai thứ chung vào nhau và vượt lên trên cả hai. Họ đã bỏ qua chi tiết này khỏi kinh Phật.

Lenore: Đọc về trạng thái ý thức (Kenzo) của bà trong cuốn How to grow a Lotus Blossom đầu sao cũng thấy hơi giật mình.

Roshi Kennett: Đó là điều thật thú vị. Nhiều người nghĩ rằng bạn không thể có được những điềm báo mộng. Phật pháp dạy rằng, nếu bạn thấy được tương lai, đừng quan tâm đến chúng, nhưng khi bạn đạt được trạng thái ý thức (Kenzo) bậc nhất, hình ảnh đó sẽ xuất hiện. Và bạn đừng quan tâm đến chúng hãy tìm hiểu chúng xem sao. Đó là điều khác biệt rất rõ.

Lenore: Tôi thực sự ngạc nhiên thấy các thiên sinh của bà cũng can dự một phần vào kinh nghiệm của bà, họ thấy y hệt những gì bà nhìn thấy.

Roshi Kennett: Vào năm 1975 khi tôi bị ốm rất nặng và tôi phải đi xuống ở tại Okland, Danzii khi đó mới đạt đến tình trạng ý thức (Kenzo) bậc nhất, trong mấy ngày hành thiền khi tôi có mặt tại đó. Ông đã thấy được những gì tôi đã thấy. Lý do ông nhập tình trạng ý thức (Kenzo) bước một là vì ông

quá lo lắng đến sức khỏe của tôi và nhất định tôi phải khá hơn. Ông ngồi hành thiền nguyên ngày và chính xác là ông đã kêu “cứu, cứu”! Ông đã kêu cứu cách đúng đắn và Đấng Hiện Hữu đã nghe tiếng ông.

Lenore: “Kêu cứu cách đúng đắn nghĩa là sao?”

Roshi Kennett: Đó là điều bí mật của “koan”. Tiếng vỗ tay ra làm sao? “Tôi đã cho qua, tôi chẳng hiểu gì cả, hãy giúp tôi, giúp tôi đi!” một khi bạn thực hiện điều đó cách đúng đắn... thì “koan” đang hành động nơi bạn. Bạn không thể tìm thấy câu trả lời. Bạn phải tìm kiếm trong ý thức (Kenzo) bậc ba: Ôi Đấng tối cao Hằng Hữu. Ông ta đang kêu van “Hãy giúp con, con muốn bà ta khỏi bệnh. (ông ta cảm nghiệm được kenzo) và ông ta là một nhà tâm lý, với nhiều tư tưởng và định luật về muôn vật!

Buổi sáng ngày thứ hai chúng tôi lưu lại thiền viện, một buổi sáng lạnh lẽo, bầu trời trong sáng. Vội chạy ngang qua hành lang đến tham gia buổi hành thiền 7.00 giờ sáng. Chúng tôi thoáng nhìn lên núi đồi huyền bí. Hai chóp ngọn núi phủ đầy tuyết trắng long lanh dưới bầu trời buổi sáng sớm tinh sương. – trông tựa bức thảm như mơ màu xanh vàng trắng. Chúng tôi chỉ còn đủ giờ chạy vội và thở hổn hển. Nhưng sau đó, ngay khi giờ hành thiền chấm dứt và trước khi ăn điểm tâm chúng tôi đã dành thời gian đứng dưới ánh sáng mặt trời và để cho ngọn núi rực sáng xuống chúng tôi.

Phong cảnh thiền viện rất đẹp, cũng có cả một vài chi tiết không mấy hấp dẫn – nhưng Đại sư Kennett cho rằng đó chỉ là những chi tiết hoàn toàn tình cờ.

“Tôi sang Mỹ để thuyết Pháp và không có ý định lưu lại đó. Tôi đang sống tại Nhật Bản và trụ trì tại một ngôi chùa nhỏ là nơi tôi đã được xuất gia làm tu sĩ nhưng tôi mắc phải chứng bệnh quái ác, bác sĩ chữa trị cho tôi quyết định phải qua phẫu thuật, nhưng họ không thể phát hiện tôi mắc chứng bệnh gì. Khi tôi được phân công sang đây thuyết Pháp, tôi nghĩ sao không đi bác sĩ Tây y để họ khám bệnh và chữa trị xem sao? Ngay lúc tôi còn chưa biết phải giải quyết ra sao. Tôi suy nghĩ mình nên trở về Nhật bản, hoặc sang Anh quốc nếu bệnh tình không cho phép tôi trở về Nhật Bản được. Họ đã giải phẫu cho tôi vào mùa thu năm 1967 và tôi cảm thấy chân cẳng dần dần mất hết sức lực để di chuyển. Tôi rơi vào tình trạng không thể đi bộ được nữa, tôi đã đến lưu lại đây và chỉ trong vòng một tháng trời tôi đã bị suy sụp hoàn toàn, họ vội đưa tôi vào bệnh viện UC. Sau khi khám các bác sĩ đã khám phá ra tôi mắc chứng bệnh tiểu đường. Nguyên do căn bệnh là do tôi đã không ăn uống đầy đủ chất dinh dưỡng tại chùa và rất có thể tôi gặp điều gì trục trặc trong sinh hoạt tại ngôi chùa đó, tôi cảm thấy như toàn bộ điện năng trong người đã cạn kiệt. Và hiện thời không thể bước đi một

mình được nữa. Nhưng tôi đang cảm thấy khá hơn nhờ sự giúp đỡ của bệnh viện Úc”.

“Cùng thời gian đó có một nhóm người rất đông tụ tập quanh tôi – một số đã sống với tôi một thời gian tại Nhật Bản. Họ toàn là người Mỹ và phục vụ trong quân đội tại đó. Họ thắc mắc muốn biết, Tại sao tôi không ở lại Mỹ và điều hành một ngôi chùa tại đây? Tôi không có ý định làm gì cả cho đến khi nào khỏi bệnh. Tôi cho họ biết, “Vâng, trước tiên tôi muốn trở về thăm gia đình tại Anh quốc và rất có thể tôi sẽ trở lại Nhật Bản, nhưng hiện nay tôi chưa biết phải làm gì cả”.

“Tôi đã sống tại Nhật Bản tám chín năm trời. Và tôi chưa kịp sắp xếp gì cả. Tôi chưa muốn rút khỏi ngôi chùa tôi đang trụ trì. Vì hiện tôi đang sở hữu ngôi chùa đó và cũng là thiền sư trụ trì hợp pháp tại đó và đến khi nào tôi thực sự khá hơn, tôi sẽ trở lại và sống tại ngôi chùa của tôi”

“Ý Bà muốn nói là bà đang sở hữu ngôi chùa đó phải không?”

“Vâng, tôi đã là tu sĩ chính thức của ngôi chùa đó. Theo luật pháp Nhật bản nhà sư trụ trì tại ngôi chùa nào thì cũng sở hữu ngôi chùa đó – tôi muốn nói là nhà sư sở hữu ngôi chùa và lại thực sự không sở hữu nó – Bà hiểu ý tôi nói không? Dù sao, tôi sang Anh quốc vào tháng tư tới khi nào tôi có thể đi lại được. Thực sự chắc tôi chẳng bao giờ có thể đi lại bình thường được nữa. Khi tôi tới Anh quốc một điều rõ ràng là ở đó dân chúng không thích trường phái Phật giáo Soto Zen, họ chỉ muốn theo Phật giáo Rinzai mà thôi, nhờ có ảnh hưởng của Toby Humphreys. Tôi thường nhận nhiều thư từ những người sống tại Mỹ cho biết họ rất muốn tôi trở lại quê nhà. Vậy nên tôi đã quay trở lại Mỹ và bắt đầu xây dựng một ngôi chùa nhỏ tại San Francisco.

“Chỉ trong vòng một thời gian ngắn chúng tôi đã khám phá ra rằng ngôi chùa quá nhỏ. Thế nên chúng tôi tìm một miếng đất khác tại Oakland, có một ngôi nhà thật đẹp rộng rãi trên đỉnh đồi hướng về phía hồ Merrit. Nhưng rồi chỗ đó cũng quá nhỏ so với nhu cầu. Tôi suy nghĩ chỉ có trong vòng hai tuần đã có tới mười lăm người muốn sống tại đó. Họ là những người thực sự đã sống với tôi tại Nhật Bản, hoặc là họ hàng hay bạn bè của họ. Nhu cầu thật khẩn trương. Nhưng chúng tôi không có tiền. Và thế là chúng tôi xây dựng một thiền viện để huấn luyện! Và ngôi chùa ngày càng lớn thêm, phình ra gần tới đường cao tốc.

“Sự việc xảy ra là chúng tôi phải tìm một chỗ lớn hơn. Tại một vùng nông thôn. Tương đối gần đường cao tốc để cho bá tánh có thể đến, ở lại và thăm viếng. Có một điều tôi không trừ liệu trước được đó là nước Mỹ quá rộng. Một ngôi chùa tại San Francisco sẽ không được những người tại Newark,

New Jersey sử dụng. Đặt ngôi chùa ở đâu không thành vấn đề vì đa số các chùa đều không nằm tại San Francisco.

“Chúng tôi bắt đầu đi kiếm trên đường cao tốc để mua một ngôi nhà và miếng đất thích hợp cho công việc, tình cờ, hết sức tình cờ, khi chúng tôi dừng lại tại Mount Shasta để đổ xăng. Cứ mỗi lần chúng tôi dừng xe lại, chúng tôi lại hỏi thăm, “Ở đây có ngôi nhà to nào bán không? Có miếng đất nào bán không? Và lần này có người chỉ. “Ồ ở kia có một khách sạn cũ rất dễ thương dành cho các tài xế mô-tô, xuôi theo con đường cao tốc này. Nhưng có điều nó chỉ thích hợp để xây một tu viện thôi!” Chẳng ai muốn mua cả. Khu đất rộng gần cả mươi lăm mẫu tây, ngay cạnh đường cao tốc. Và đó là chỗ lý tưởng nhất để phát triển”.

“Thực sự năm nào thì bà đã thiết lập được tu viện?”

“Một ngàn chín trăm bảy mươi, tháng mười một 1970”.

“Vậy thì Trung Tâm Thiên San Francisco cũng được xây dựng vào thời gian đó phải không?”

“Ồ, vâng, mọi sự đều tiến triển rất tốt”

“Nhu cầu quá lớn phải không?”

“Vâng, nhu cầu quá lớn, nhưng luôn có một phong trào đối với những công việc như thế một phong trào quan tâm đến những gì đã bắt đầu tiến hành tại đó vào cuối những năm năm mươi, đầu những năm sáu mươi, lại đang bắt đầu xẹp xuống một chút. Và một cách nào đó đây thực sự là một điều may mắn Trời Phật ban cho chúng tôi.

Rồi tôi hỏi tiếp, “Thế còn tại Shasta thì sao? Công việc hàng ngày thế nào? Lịch sinh hoạt ra sao?”

Đại sư Kennett quay sang vị sư ngồi cạnh bà, đó là trợ lý rất thân cận của bà, nhà sư miễn cưỡng cung cấp cho tôi một tường trình với đầy đủ chi tiết các biến cố xảy ra trong ngày. Sau này tôi có dịp nói chuyện với một vị viện trưởng khác là người cư ngụ tại đó và nhận được toàn bộ công việc làm tại đó qua một bức thư điện như sau:

Nếu bạn là một vị sư cao niên, cùng với ba mươi vị sư khác, bạn sống tại phòng thiền. Chỉ có các vị sư mới được lui tới chỗ này, một bên dành cho phụ nữ, còn bên kia dành cho nam giới. Toàn bộ đồ đạc cá nhân của bạn được để trong tủ gỗ vào ban ngày. Ban đêm bạn ngủ trên tấm nệm được trải ra ngay tại chỗ bạn ngồi hành thiền. Bốn mươi lăm phút trước khi trời rạng sáng, có chuông đánh thức bạn dậy. Theo mặt trời mọc, mùa hè bạn dậy sớm hơn mùa đông. Bất kỳ giờ nào bạn cũng phải rất nhanh nhẹn. Chỉ có mười

lăm phút đủ cho bạn mặc quần áo, đẹp tất cả đồ đạc lại gọn gàng, làm vệ sinh, rửa mặt và đến đúng địa điểm tập kết kế tiếp. Ngồi quay mặt vào tường, để tham dự buổi hành thiền đầu tiên trong ngày. Sau ba mươi phút đắm chìm trong yên lặng, chuông reo lên và bạn quay vào giữa để tụng kinh.

*Từ đông sang tây, Đấng vô hình đã tuôn trào
Tâm trí Bạc thông thái Nhất Ấn-Độ, dòng suối
Trong lành đích thực không bọt như xuất phát
Nếu từ kinh nghiệm giác quan thực tiễn
Bạn không am tường chánh đạo chân thực
Thì khám phá sao được chánh đạo chân chính
Dầu lặn lội nghìn trùng vạn lối xa thăm
Bạn như người mất hướng giữa xa trường diệu vợi
Nhưng cho dầu núi đồi sông dài cản tiến bước
Ta vẫn ban cho kẻ tìm kiếm chân lý cao sang
Nguồn sức mạnh phi thường bồi bổ
Đừng bỏ phí thời gian con yêu quý.*

Rồi trong cuộc rước trong thình lặng, bạn bước tới phòng diễn ra nghi thức, cùng với toàn thể cộng đồng tu sĩ, bạn tụng tiếp Bài Kinh Phật buổi sáng tiếp theo.

*Lúc con người thành tâm tận đáy lòng
Vượt quá mọi suy tính phân biệt tâm thường
Kanzcon Bồ tát Đấng thánh thiện cao siêu
Nhìn thấu tận tâm can thân phận trần thế
Tận bản chất con người là hư vô, vô thường và trong sáng
Ôi, Sariputra, Đấng vô hình tuyệt đối
Hư vô là bản chất mọi chúng sanh
Ôi Đức Phật xin Ngài luôn cứu nhân độ thế
Giải cứu chúng con vượt mọi dậm trường khôn đốn
Để được luôn đạt đến Đấng Buddha
Nam mô A Di Đà Phật. Nam mô A Di Đà Phật.*

Thế rồi trong ánh sáng ban mai tiếng trống chiêng cồng rền vang đánh dấu phần nghi thức kết thúc, xen lẫn tiếng đàn điện đệm theo tiếng bình ca vang dội.

- Tiếng hát ư, thưa Đại sư?

“Vâng”, Đại sư Kennett cho biết, “Tôi đã một thời là một nhạc sĩ chuyên nghiệp, như bạn biết đó và ngành chuyên môn của tôi là nghiên cứu và sáng tác nhạc thời trung cổ. Trong khi Vatican dẹp bỏ tất cả các bài bình ca

thánh. Để quyết định đổi mới. Tôi lại tìm tòi lục lọi tất cả các bài ca đó – và các bài ca đó thật là tuyệt vời! Nếu ai đó tin là đổ bỏ cả đĩa nhỏ đi chung với nước tắm cho nó. Tôi lại cho là phải nhặt lấy đĩa nhỏ!”

“Có phải bà đang nói về nhạc Gregoriô đó phải không?”

“Vâng, tôi lược lặt tất cả những gì họ vứt bỏ đi và soạn lại một số cho phổ nhạc đó vào Kinh Phật. Công việc đầu tiên tôi soạn Kinh Phật thành thơ; bạn giữ nguyên các từ giống nhau và chỉ cần thay đổi thứ tự một chút xíu. Hoặc bạn làm cho các hàng chữ dài thêm một chút. Nhưng ý nghĩa vẫn giữ nguyên. Nếu bạn dùng cái vẫn gọi là vần thơ trắng, bạn không cần phải viết lại bất cứ điều gì khác. Dòng trắng là cách viết các ca vịnh (Psalms). Và thật may mắn, tất cả các Kinh Phật đều viết rất giống kiểu viết các Ca-vịnh. (Ca vịnh – Psalms một cuốn trong Kinh Thánh Cựu Ước của Thiên Chúa giáo). Trong các Bài Ca vịnh bạn thấy có các câu gồm một nửa là các câu hỏi, nửa còn lại là câu trả lời. Mỗi câu thơ là một câu. Nửa câu này thêm nghĩa cho nửa câu kia. Và trong Kinh Phật cũng giống y như thế, vậy nên rất là đơn giản. Tất cả những gì tôi phải làm chỉ là ráp nhạc vào là xong, rất là đơn giản – chúng ta chỉ cần ráp tất cả lại là xong. Và người Nhật bản cũng rất thích loại nhạc bình ca này họ đã thực hiện một bản dịch chính thức sang tiếng Anh”. Người ta có bị choáng hay ngạc nhiên thấy bà thực hiện điều này không?”

“Không đâu, họ chẳng nhận ra nữa là đang khác, theo như tôi biết họ không ngạc nhiên đâu. Như bạn biết đó, nhạc Gregorian rất phổ biến nơi những người Âu châu. Đó là loại nhạc cơ bản. Rất quen thuộc với chúng tôi đã nhiều thế kỷ nay. Chính vì thế nên rất dễ dàng chuyển đổi từ ngôn ngữ Thiên Chúa giáo sang ngôn ngữ Phật giáo vì đây là một phương tiện truyền tải nhiều người trong chúng ta rất am tường. Vâng, thật tình cờ, nhưng cũng không phải hoàn toàn tình cờ đâu, điều này rất hợp tình hợp lý xét trên phương diện tâm lý – điều chúng ta nhận thấy chính là một phương tiện để truyền tải rất đơn giản – họ gặp lại một người bạn cũ nên họ không thấy lạ lẫm”.

“Tính chất đặc biệt của loại nhạc này có làm tăng thêm lòng sốt sắng không?”

“Điều đó Tùy vào loại nhạc nào được sử dụng, có loại gây cảm xúc mạnh mẽ, nhưng còn tùy bạn chọn đúng hay sai. Bạn thấy đó, có tới hai mươi tư thang nốt khác nhau trong bình ca. Âm nhạc thường chỉ có hai thang nốt mà thôi.

Đó là thăng và giáng có phải không?

“Vâng, nhưng có tới hai mươi tư cung như thế trong nhạc Gregorian. Cũng có những điệu khúc hành hương nữa. Có nghĩa là nếu chọn đúng điệu, bạn có thể tránh được cảm xúc. So với thăng và giáng trong nhạc hiện đại của chúng ta thì cung thăng trong nhạc Gregorian chỉ là một trong hai mươi tư cung, diễn tả hào khí chiến tranh. Tất cả các khúc nhạc viết theo thể loại đó có thể diễn tả hờn giận hay bạo loạn. Còn viết với cung giáng lại dùng làm âm nhạc trong việc ma chay. Nhưng nếu bạn khảo sát thêm một số cung khác, còn có cung lửa, tạo sức nóng trong cơ thể. Và tất cả các cung đều gây ra những hiệu quả nhất định nếu như bạn biết dùng đúng. Tôi viết tất cả nhạc bằng cung Phrygian, một điệu rất tươi trẻ, trong sáng, sâu lắng và rất gây ấn tượng. Tôi cũng dùng cung hành hương vì rất thích hợp với đoàn đi rước. Không ảnh hưởng tới các điệu khác. tương đương với loại nhạc chỉ gồm có nửa cung (chromatic). Nhưng không phải là loại nhạc đó. tôi thiết nghĩ loại dùng phrygian và lygian để tụng kinh Phật là thích hợp nhất và đem lại hiệu quả nhất”.

Đoàn thể đã tụng kinh độ một giờ mười lăm phút. Bây giờ đến công tác buổi sáng – quét dọn nhà cửa, lau chùi trong ngoài thiền viện. Vắt sữa dê. Bạn phải vái lạy các vị sư khi họ giải tán dọc theo hành lang. Vào cuối mùa Hè và đầu mùa Đông khí trời lạnh lẽo bạn hay bị cảm sốt, bạn được phép đội một mũ ấm để che đầu.

Thời gian khắc nghiệt nhất tại đây là vào những năm đầu. Bạn đang sửa soạn từ bỏ mọi thứ. Thoạt đầu xem ra vẻ thoải mái. Nhuệ khí của bạn được tăng cường, khí thể cam kết còn mới mẻ và hăng hái. Nhưng điều không thể tránh khỏi, khi những điều mới lạ và tính cách lãng mạn cũng mờ nhạt đi. Vào buổi sáng thức dậy trong trơ trọi. Lần đầu tiên bạn thấy mình trần trụi tuyệt đối: từ bỏ hết mọi sự có nghĩa là bạn không còn sở hữu bất cứ sự gì trên đời, nó còn mang ý nghĩa bạn không còn mơ tưởng đến bất kỳ điều gì nữa. Tất cả những suy nghĩ, tư tưởng và hình ảnh xưa nay bắt đầu tiêu tan dần. Tất cả mọi sự đều xa lạ và bị cảm đoán, không hiểu tại sao mọi người vẫn cảm thấy dễ chịu và tự nhiên đến thế?

Bạn thử trao đổi với một nhà sư cao niên. Và bạn mới khám phá ra bạn không đơn độc. Bạn cảm thấy được thông cảm, được thấu hiểu. Những khủng hoảng chỉ mang tính giai đoạn trên bước đường huấn luyện. Cũng giống như bất kỳ điều gì khác. Tất cả những điều đó bạn sẽ phải cảm nghiệm được đầy đủ. Không cần phán đoán, không cần quay lưng lại. Thách thức, nghi ngờ và cả tỉnh táo sẽ đến. Bạn cảm nhận được và rồi bỏ qua tất cả. Sự nhàm chán, lo lắng, sợ hãi và phần nộ – rồi cũng sẽ tới và còn kéo dài. Dần dần bạn sẽ loại bỏ được tất cả các thử thách ban đầu đó, bạn suy nghĩ chúng chính là con người “bạn” đôi khi cô đơn tỏ ra rất rõ ràng. Đôi khi những thách

mắc lại quá to lớn. Nhưng cơ cấu tổ chức trong những ngày bạn lưu lại đó, gương sáng của các nhà sư đi trước, sự nâng đỡ của Kinh Phật và hành thiền và lòng từ bi nhân hậu là nền tảng thuyết Pháp của Roshci Kennett tất cả sẽ bồi bổ giúp bạn tiến tới trong đức tin và giúp bạn vượt qua tất cả.

Chuông báo hiệu ăn sáng đã điểm. Trong suốt năm, đây là những bữa ăn chính thức, theo kiểu Nhật Bản, được dọn ngay trong hội trường thiền. Tiếp theo sau là nửa giờ tụng Kinh Phật và rồi tiếp đến là một thời gian làm việc dài trong ngày. Bạn làm công việc được giao trong vòng hai tiếng đồng hồ, điều cần thiết là giữ cho mọi công việc trong Chùa chạy đều. Rồi đến bữa trưa, nghỉ trưa và cuối cùng là buổi làm việc ban chiều.

Bạn sẽ phải cố gắng thực hiện những gì chỉ định với cả tấm lòng. Bạn cố gắng ý thức, lùi bước trước nhằm chán và bực dọc. Cố gắng rút kinh nghiệm sau những sai sót. Nếu có phản kháng, hoặc rơi vào những hành vi quá máy móc, bạn sẽ được nhắc nhở mọi nơi mọi lúc trong cơ cấu hoạt động hàng ngày. Thế rồi đến một lúc nào đó bạn sẽ hành thiền được ngay trong các sinh hoạt bạn đang thực hiện bạn cảm thấy mọi việc đều có ý nghĩa. Lòng tri ân tràn ngập hết con người bạn, thôi thúc bạn tiến tới phía trước và tiến tới mãi: đó là đời sống của một vị sư trong Chùa.

Vào lúc 3.30 một tiếng chuông ngân vang và bạn thực hiện việc bắt đầu giờ Niệm Phật ban chiều. Đọc những qui định hành thiền (Fukanzazenhi do thiền sư Dogen) và rồi bạn trở lại phòng hội thiền. Đó cũng là lúc “đóng cửa Chùa”. Chuông chùa đổ vào lúc 11.00 sáng báo hiệu giờ “mở cổng Chùa” cho công chúng. Và đúng 3.30 chuông lại đổ báo hiệu “giờ đóng cửa chùa” cho công chúng ra về.

Theo lịch trình đơn giản trong cuộc sống như vậy, cũng là phần quan trọng nhất của cuộc sống đó, một qui trình thanh tẩy từng chút ít một. Bạn sẽ để cho diễn ra. Bạn tự làm tất cả. Tất cả mọi thứ, tất cả mọi việc đều có thể là thiền sư của bạn. Khiêm tốn sẽ xuất hiện như một nguồn nước dịu hiền.

Huấn luyện ở đây có nghĩa là bạn từ bỏ tất cả những gì bạn có. Để cho mọi sự trôi qua dần dần, tất cả những khuynh hướng đang điều khiển cuộc sống bạn, đem lại cho bạn tai hại hay hạnh phúc. Đến đây bạn không thể thụt lùi mà không tiến bước. Không còn một cuộc sống nào khác. Và từng bước từng bước, mỗi lần bạn tiến lên tiến lên thêm với lòng tri ân.

Trước bữa ăn trưa bạn có một giai đoạn công tác khác nữa tiếp theo một giờ niệm Kinh Phật; sau cơm tối, là giờ nghỉ ngơi và vệ sinh cá nhân. Đúng 7.00 giờ tối lại có thời gian tĩnh tâm, hành thiền vào lúc 8.00 giờ rồi tiếp đến là tụng Kinh Phật, rồi uống trà và lên giường đi ngủ.

Tôi nghĩ đó là một thời khóa biểu thật khắc khe.

Roshi Kennett cho biết, “Hoàn toàn giống với thời biểu đã được áp dụng tại Nhật bản, chỉ có một điều khác biệt đó là chúng tôi sử dụng bằng ngôn từ thông dụng hơn để chỉ mọi công việc phải thực hiện. Thí dụ, chẳng thú vị chút nào nếu dùng từ: tụng Kinh Fukanzazengi, Kinh Phật được đọc trước khi đi ngủ, nhưng nếu như ta dùng kinh hát tối (Vespers) - ý nghĩa cũng như nhau, đó là bản kinh được hát lần chót trong ngày. Hoặc buổi niệm Phật cuối cùng trong ngày. Bạn có thể áp dụng cho những gì đã làm trước đó với những gì đang làm hiện nay. Và điều đó không đi ngược lại với truyền thống Nhật bản. Nhưng chúng ta chỉ dùng các từ vốn có trong tiếng Anh để khỏi phải dùng ngôn từ tiếng Nhật rồi chuyển ngữ thành một từ mới. Điều đó khiến mọi người hơi e sợ. Các từ hát kinh tối, (Vespers) suy nghiệm (recollection) mọi người đều hiểu ý nghĩa. Tôi có thể hoàn thành tốt nhiều việc tại Nhật Bản nếu như tôi có được những từ đó bằng tiếng Anh”.

“Một số người nói rằng ý nghĩa không quan trọng khi tụng Kinh Phật mà chỉ là âm thanh mới thành vấn đề, Bà nghĩ sao?”

“Tôi rất ghét nghe điều đó, tôi không muốn xúc phạm bất cứ ai, những gì tôi cũng như Soji-ji quan tâm, được gọi là bầu khí huân luyện trong tu viện. Mục tiêu huân luyện, theo như Dogen cho biết là hiểu được sinh tử một cách hoàn hảo, để cho cả hai biến mất khỏi suy nghĩ chúng ta và vị trí thứ ba được thể hiện, đó chính là thiên đàng hay Niết Bàn, một chỗ sẽ không còn sinh cũng không còn tử nữa. Là nơi bạn vượt thắng mọi xung khắc. Chính vì có một vị trí thứ ba. Và bạn cũng có thể đạt đến được, đó chính là mục đích các bạn hành thiền, Kinh Phật đã nói rất rõ về điều này. Kinh Phật thứ nhất cho biết bạn phải có Đức Tin – đó là kinh Kanzeon. Kinh Phật thứ hai vạch cho bạn dấu chỉ nào (gọi là Sandokai) bạn sẽ gặp khi bạn tiếp cận. Kinh Phật thứ ba dạy: đừng lại gần quá, cũng đừng đi quá xa. Là điều này hay điều nọ. những Kinh trên đều được tụng theo thứ tự tại Nhật và đều bằng tiếng Nhật cả. Vì thế họ có thể dễ dàng hiểu được và không muốn thực hiện bằng bất cứ ngôn ngữ nào khác.

“Vì thế kinh thứ ba sẽ cho bạn biết phải thực hiện thế nào và tất cả những khó khăn của nó. Còn kinh thứ tư – gọi là Kinh Đại Trí Tuệ – cho bạn biết điều gì sẽ xảy ra tại đó. Vậy những gì bạn thực hiện mỗi buổi sáng chính là điều tập dượt, bạn đang tập dượt cho những gì sắp xảy ra. Và đúng lúc bạn sẽ nắm được những gì giúp bạn trong suy luận: đừng lại gần cũng đừng đi quá xa, hãy thực hiện điều này đừng thực hiện điều kia. Như thế bạn đã nắm được toàn bộ chương trình”. Tôi vẫn còn nhớ Koho Zenji đã tranh cãi với một số người tại Nhật về vấn đề này. Họ nói: “Bà chẳng cần phải hiểu

bất cứ điều gì bằng tiếng Anh. Và ông nói lại: “Cho đến khi nào bà hiểu được Kinh Phật bằng chính ngôn ngữ của riêng mình khi ấy Kinh Phật sẽ trở thành một phần xương thịt của bà, đến lúc nào bà chưa thể học nắm thiền Zen một cách đúng đắn”. Ông đã nhờ tôi và một người khác dịch Kinh Phật sang tiếng Anh. Và rồi chúng tôi phải giải thích ý nghĩa từ bản dịch.

“Ông làm rõ điều này là nếu như những lời thuyết Pháp không được giảng bằng ngôn ngữ bạn am hiểu, bạn sẽ không thể tiến tới tình trạng ý thức (Kensho) được – tức là vùng hiểu biết- một cách nhanh chóng. Và có người nói với tôi “Làm sao ông có thể làm cho nhiều người trở thành đại thiền sư đến thế?” và câu trả lời thật đơn giản: họ đã nắm được bằng chính ngôn ngữ của họ. Họ cũng biết đâu là khó khăn không được lường trước, họ cũng biết cả những gì họ đang thực hiện”.

“Trong thực tế, Roshi mang ý nghĩa gì?”

“Có nghĩa là: vượt qua sợ hãi và những khác biệt có thể xảy ra”. Họ sẽ vượt qua điều đó - hoặc nói rõ hơn, họ là những người đã am tường Đấng Hằng Hữu. Ngay cả chỉ trong ít phút ngắn ngủi. Họ biết được chân lý. Và bạn không thể nào hành động như thể bạn chưa biết Đấng ấy bao giờ”.

“Vâng, điều đó nghĩa là một khi đã đạt đến tình trạng ý thức (kensho,) bạn sẽ trở thành Đại sư sao...?”

“Nếu như bạn có Kensho và đã được huấn luyện để thuyết pháp, bạn sẽ trở thành một Đại thiền sư (Roshi) bản thân Kensho không thể thực hiện được điều này. Bạn phải được huấn luyện để thuyết pháp và phải huấn luyện liên tục. Điều cốt yếu nhất là phải được huấn luyện liên tục.

“Không bao giờ kết thúc huấn luyện, có phải không?”

“Không bao giờ và bạn sẽ mất danh hiệu đó nếu buông xuôi huấn luyện. Đó chính là điều khác biệt giữa Rinzai và Soto. Trong Rinzai, một khi bạn đạt được danh hiệu Đại Thiền sư, bạn có được chức vụ đó vĩnh viễn. Điều này rất nguy hiểm. Soto thì khác, khi bạn ngưng không hành xử chức vụ Đại Thiền sư, ngay tức khắc người ta cắt ngay địa vị đó. Và đối với tôi như thế là công bằng và sòng phẳng”.

“Bà dùng từ Chủ nhà (Lord of the House) tôi có thể hiểu từ này xuất phát từ Keizan Zenji có phải không?”

“Đúng vậy, trong kinh Denko Roku. Từ đó ám chỉ Đấng không phải sinh ra, Đấng không thay đổi, Đấng không được tác thành và Đấng bất tử. Đó là điều Shakyamuni khám phá ra. Hiện nay người ta thường nói Shakyamuni đã khám phá ra Bát chánh đạo và Tứ diệu đế (Eightfold Path và four Noble

Truths) là điều Ngài thuyết pháp. Nhưng trong Kinh Phật Udana Ngài gọi là cái điều hiện hữu, (what there is) mặc dù thông qua Niết Bàn. Bạn không cho là có một Thiên chúa. Kazan gọi đó là Chủ nhà (Lord of the House). Đó chính là bản chất của Thiên Chúa. Đó chính là đạt đến sự viên mãn hư vô (emptiness) chính là điều tinh khiết”.

“Và từ Chủ Nhà (Lord of the House) là một cố gắng để diễn tả điều đó.?”

“Chính là cố gắng giải thích điều không thể giải thích được bằng từ ngữ một cách đầy đủ, chưa có điều gì như vậy. Vì rằng ta có dùng nhiều từ đến cách mấy đi nữa, chúng chỉ mang một ý tưởng Thiên Chúa hay thuyết vô thân hoặc chẳng có gì trong từ đó chẳng có gì nơi sự vật. Chúng đều hàm ý phủ định và thiết định (negativity và positivity). Tất cả những gì chúng ta phải làm là khớp với điều có thể sai. Và khi có ai đó nói Đấng Bất Diệt hay Chủ nhà (Lord of the House) hoặc X,Y,Z gì đó, nếu điều đó gọi nơi họ điều gì, trong một số trường hợp điều đó có thể hiểu họ có ý ám chỉ Thiên Chúa, các bạn không thể bỏ đi từ Thiên chúa chỉ vì nhân loại đã gán cho nó một ý nghĩa không tốt. Bạn phải lướt qua mà không được bỏ qua điều đó”.

“Từ Chủ Nhà (Lord of the House) có thể có vấn đề vì nó hàm chứa những ý nghĩa Phụ quyền”.

“Vâng, khi nói Chủ Nhà (Lord of the House) tôi không để ý đến điều bạn gọi tên đó. Chỉ cần am tường từ đó qua cảm nhận tự nhiên của bạn và tiếp tục với bất kỳ từ nào thích hợp nhất. Đối với tôi từ Đấng Bất Diệt xem ra có ý nghĩa nhất. Nhiều người, ngay cả ở Nhật Bản, cũng gặp rắc rối với từ Keizan khi gọi đó là Chủ nhà (Lord of the House) đối với rất nhiều người tôi thấy họ hay nói, “Tôi trong cậy vào Đấng Bất Diệt – hơn là vào Đức Phật, Phật pháp Và Tăng Giới – là điều dễ dàng hơn. Vì từ Đức Phật (Buddha) đã hàm ý nghĩa riêng của nó. Điều bạn tìm kiếm chính là bản chất, hay điều gì tương tự, để bạn diễn đạt”.

“Lần trước chúng ta đã đề cập đến một số kinh nghiệm của bà với thân phận là một phụ nữ, cả trong Thiên Chúa giáo lẫn trong Phật giáo và những khó khăn bà gặp phải. Có phải bà trở lại Phật giáo vì những bất đồng đó hay không?”

“Lý do duy nhất tôi từ bỏ Thiên Chúa giáo là vì tôi có ý muốn hết sức mãnh liệt là trở thành một Mục sư (priest) và không có cách nào tôi có thể trở thành Mục sư bên Thiên chúa giáo được cả”.

“Vì là Phụ nữ có phải không?”

“Vâng”

“Làm sao bà khám phá ra khả năng đó bên Phật giáo?”

“Thật bất ngờ, tôi không thể tưởng tượng được, có điều rõ ràng là Thiên Chúa giáo đã không cần đến phụ nữ và hầu như tôi đọc rất nhiều sách Tôn giáo. Trong suốt cuộc đời và tôi cũng đã đọc nhiều sách về Phật giáo và cách này hay cách khác tôi cảm thấy Phật giáo tạo cơ hội cho phụ nữ nhiều nhất. Tôi không tin vào số mệnh, nhưng hình như có điều gì đó đã dẫn tôi đến đúng chỗ”.

Thực vậy một sự việc đã diễn ra ngay vào tuần lễ bà thôi không còn đệm đàn cho ban hát nhà thờ nữa (vì những lợi thế giới tính nơi giới tu sĩ) Thiên sư Koho Zenji, thiền viện trưởng trụ trì tại Chùa Soji-ji ở Tokyo đã mời bà sang Nhật. Chính ông đã làm việc một thời gian cho Hội Phật giáo Anh quốc và cũng chính hội đã dàn xếp cho Koho Zenji đến Anh quốc.

Vào cuối cuộc phỏng vấn lần thứ hai, chúng tôi trở lại vấn đề Đại Sư Kennett đã đề cập đến lần trước. Tôi đề nghị cắt nghĩa thêm ý bà muốn nói gì khi đề cập đến thứ “Tâm lý vượt lên trên tâm lý”.

“Bà cho biết một thiền sư Zen luôn hành động một cách tâm lý, điều mà những gì nhà tâm lý bình thường không thể làm được. Đơn giản là vì nhà tâm lý chỉ là một bác sĩ và xem mọi người đến với mình đều là bệnh nhân cần được điều trị. Còn Thiền sư thiền (Zen) là một mục sư (người hướng dẫn tinh thần) và dùng đến tâm lý với mục đích cao hơn, ông không giả định những người đến với ông như là bệnh nhân. Tôi có thể nêu ra một thí dụ: Chúng ta thấy đó, xét một cách tổng thể một người thể hiện mạnh mẽ nữ tính hay nam tính không liên quan đến sự thành đạt của họ trong tu viện. Vì ngay thời điểm họ có mặt tại đó, họ bắt đầu kiếm một thành viên khác phái để gây ảnh hưởng. Nhưng Thiền sư Zen phải làm cho mọi người thoát khỏi tình trạng đó. Chính vì thế người họ tìm kiếm phải là Đấng Bất Diệt hơn là một người bạn đời bình thường. Nhà tâm lý cố gắng giúp thân chủ của mình trưởng thành hơn, có thể tự đứng vững trên đôi chân của mình. Chúng ta bắt đầu từ điểm này. Chính vì thế, cứ bình thường mà nói chúng ta không chấp nhận vào tu viện một người nào đó hoàn toàn thiên về nữ tính hoặc nam tính – chỉ khi nào người đó đã đến với nhà tâm lý và đã trở nên tự lập hơn”.

“Với nam tính và nữ tính bà muốn ám chỉ cái giá phải trả về những quan hệ tình dục có phải không?”

“Không đâu, bạn biết đó những người quá lệ thuộc vào người khác vì họ thiếu tự tin, họ cảm thấy cần phải có một người nam (hoặc người nữ) để làm đủ thứ cho họ, có phải không? “

“Điều đó ngày nay không còn mấy phổ biến, có phải không? Có lẽ bà muốn ám chỉ mỗi người chúng ta đều có hai mặt. Nhưng một số người chỉ phát triển được một mặt mà thôi”.

“Hoặc quá phát triển về một mặt nào đó và cần phải biết quân bình hơn. Đó là một ví dụ cá biệt. Điều đó không hàm ý nghĩa là một số người không bao giờ cần đến huấn luyện. Có nghĩa là họ có quyền đợi một vài năm cho người kia có thể đuổi kịp họ. Vì bạn giả định khi một người nào đó vào tu viện để được huấn luyện, họ phải hoàn toàn lành mạnh, hoàn toàn bình thường”.

“Thế nên bà phải đề ra một chương trình hết sức nghiêm ngặt. Cần thiết phải kéo dài một thời gian nhất định không?”

“Cần lắm chứ. Điểm tôi muốn nhấn mạnh ở đây là một nhà tâm lý bình thường chủ yếu chỉ muốn một người hành động trong xã hội không gây hại cho bản thân và xã hội là được. Ông ta chỉ muốn người ta hành động ở một mức cao hơn, nhưng thường lại bố trí ở mức độ thấp hơn. Còn đối với một Thiền sư Zen điều đó không thể chấp nhận được. Chúng ta phải thúc đẩy làm sao để họ đạt đến mức độ cao hơn có thể.

Theo như tôi đề nghị buổi chiều thứ hai chúng tôi muốn gặp nhóm ni sư lớn tuổi tại tu viện. Hai người trong số họ là Đại sư (hiện có bốn nữ và chín nam đã đạt Đại sư tại thiền viện Shasta, như đã cắt nghĩa ở trên, Đại Sư Kennett qui cho con số (13) bất thường này với thực tế là vì việc huấn luyện của bà đã được Âu hóa một cách cẩn thận để làm sao cho nhiều người Mỹ có thể sẵn sàng chấp nhận được. Do đó mà đẩy nhanh được tốc độ phát triển. Số nam giới cao hơn không phản ảnh sự phân biệt giới tính ở đây nhưng đó là thực tế cho thấy trong nhiều năm trở lại đây thiền viện Shasta vẫn thu hút nhiều nam giới hơn là nữ giới. Hiện giờ điều này đã thay đổi rất nhiều – số nữ Thiền sinh đã nhiều hơn rồi – và hy vọng là trong tương lai số Đại Sư Nữ sẽ tăng theo tỷ lệ trên).

Khi bốn phụ nữ đó có mặt và bỏ mũ ra, thoát tiên, để thích ứng với việc xuống tóc, họ cảm thấy hơi khó chịu một chút. Thật là một biểu hiện từ bỏ rất quyết liệt. Đặc biệt đối với phái nữ.! Người đầu tiên tới là Nữ Thiền Sư Meiten McGuire. Ở vào tuổi năm mươi tám, Bà là Ni Sư lớn tuổi nhất không kể thiền viện trưởng Shasta và Bà công nhận xuống tóc nhiều khi bà cảm thấy như bị cô lập. Bà đậu tiến sĩ tâm lý điều trị. Làm việc tại Langley Porter Neuropsychiatrice Institute tại San Francisco và giảng dạy tại đại học Manitoba. Bà cho biết, kiến thức đã là một trở ngại lớn đối với việc đào luyện tu trì, Trong năm năm đầu bà cảm thấy cực kỳ khó khăn. Bà đã sống tại Shasta sáu năm khi chúng tôi gặp nhau và thế mà bà vẫn còn cảm thấy

những đòi hỏi thể lý quá lớn. Sự việc đã đi đi đôi chút trong năm vừa qua vì bà đã có tuổi hơn.

Bà cho tôi hay, “Sự ngoan cố trong tôi đã vùng lên mạnh mẽ khi lần đầu tiên người ta yêu cầu tôi phải thực hiện Gassho (tỏ lòng tôn kính = vái, xá, lạy) “Bà biết đây tôi thấy một sức phản kháng rất mạnh trỗi dậy trong tôi. Bạn học những gì bạn phải quan sát lấy. Có đôi khi việc tỏ bày kính trọng (Gassho) cả bên trong lẫn bên ngoài đều xảy ra cùng một lúc. nhưng chỉ đến lúc đó nó trở thành một liều thuốc nội tại” nhiều lần bà bị thôi thúc bỏ qua, nhưng làm vậy không phải là câu trả lời đúng đắn. Và cứ mỗi lần như vậy bà lại phải chịu đựng để đối mặt với “cái tôi” bà đang lẩn tránh suốt cuộc đời.

Theo bà, “Khi một người được xuất gia, họ phải từ bỏ hết mọi sự, điều đó gây đau khổ và không dễ dàng gì. Tuy nhiên tôi không có cách lựa chọn nào khác. Tôi đã phải trải qua những giai đoạn nghi ngờ và thắc mắc”. Bà cho biết thêm, “Nhưng tại thiền viện Shasta mọi điều đó đã được trù liệu để hỗ trợ bạn – giúp đỡ bạn trực tiếp với cả tâm lòng và để tiến tới trong Đức Tin và ý Chí. Và Thiền sư Kennett là một bậc thầy chính hiệu. Trong những giai đoạn khó khăn luôn xảy ra những điều giúp cho mọi sự diễn ra tốt đẹp. Bà cũng cho biết thêm “Cuộc sống hàng ngày là một thiền sư rất quý, những gì tôi được truyền đạt ngay lúc này là vô cùng cần thiết giúp tôi tiến tới hơn nữa”.

Ngài Đại Thiền sư Roshi Ando Mueller ở tuổi ba mươi, má ửng hồng, đầy nghị lực. Bà là người phụ tá kiêm quản lý và người làm bánh rất tuyệt, bà đã sống tại Shasta được mười năm. Bà đến thiền viện Shasta ngay vào thời điểm bà cho là “mọi sự đều trùng hợp”. Và đã lưu lại đó trong vòng ba tháng để thử huấn luyện. Chỉ một tuần sau, bà đã nhận thấy cuộc sống tại đó rất thích hợp và hai tuần sau bà đã quyết định trở thành ni Sư, bà nhớ lại: “Tôi thực sự cảm thấy rất tự nhiên như ở nhà mình vậy”.

Một điều bà đánh giá rất cao là luyện tập hành thiền đã được đặc biệt chú trọng tại đây. Mọi người rất thích thực hành những điều cơ bản trong Phật giáo, lần đầu tiên tới đây, bà đã nhận ra điều đó nơi các nhà sư cao tuổi (thiền sư Kennett không có mặt thường xuyên tại đây. Nhưng chất lượng đào tạo luôn sống động nơi các thiền sinh của bà”. Tinh thần của bà hiện diện nơi đây”). Bà nhận ra đây thực sự là con đường bà chọn để sống quãng đời còn lại.

Bà cảm thấy kỷ luật hàng ngày thật ích lợi – Bà hy vọng có thể chịu đựng được khổ hạnh đó. “Kỷ luật ở đây không căng thẳng lắm và rất thực tiễn. Những con người sống ở đây rất bình dân và thân thiện. Không có ai tỏ ra mảnh khóm, luôn lộ rõ một bầu không khí cởi mở “Đây là điều chúng tôi

đang thực hiện tại thiền viện này – bạn có thể tham gia với chúng tôi nếu bạn có ý định đi tu”.

Bà cảm thấy được tập thể chấp nhận ngay lập tức. Bà cho biết, điều này không phải dễ. “Vì chúng ta luôn phải đối mặt với chính mình, đối mặt với con người ích kỷ của ta ngay cả trong thiền viện cũng khó tránh khỏi”. Bản thân bà cũng đã trải qua những giây phút cam go và nghi ngờ, ước mong sao được giải thoát khỏi nỗi đau khổ này! Nhưng muốn thoát khỏi đau khổ chỉ còn cách chấp nhận lấy đau khổ mà thôi. Đôi khi trong lương tâm bạn cảm thấy điều đó là đúng. Tuy nhiên bề ngoài bạn luôn thắc mắc “Làm sao tôi có thể làm thế được”. Chẳng bao lâu sau bạn cảm thấy phải tin tưởng vào những cảm nghĩ thầm kín và như vậy mọi sự sẽ ôn cả và khó khăn cũng sẽ tan biến hết”.

Thực tế phụ nữ có mặt tại Thiền viện Shasta là một chi tiết quan trọng và thái độ của bà trong công tác huấn luyện cũng không có gì khác biệt cả. Mọi thiền sinh ai cũng đối xử với nhau rất bình đẳng. Chính Thiền sư Kennett là phụ nữ, một điều động viên tôi rất nhiều đó là chính bản thân thiền sư Kennett cũng là phụ nữ. Nhưng chính việc thuyết pháp đã vượt khỏi ranh giới giới tính mới là điều hấp dẫn bà hơn cả.

Khi bà chọn lựa trở thành ni sư và nhận xuất gia, Ando hiểu là bà đã trở thành đồ đệ (thiền sinh) của Đại sư Kennett. Cho dù bà hiểu đó là cơ hội để trao đổi riêng tư (sanzen) nhiều hơn về Phật pháp trong thiền viện qua thuyết pháp, hoặc ngay cả qua cuộc sống hàng ngày. Mỗi người đều có trách nhiệm phục vụ đoàn thể bằng chính công việc được chỉ định cho họ. Sẵn sàng tuân thủ những gì được yêu cầu thực hiện, tuân thủ những hướng dẫn cũng như lời khuyên của thiền sư mình. Và kết quả là lòng trung thành, thiện chí và tình bằng hữu nảy nở. Và mỗi người đều sẵn sàng muốn tuân thủ những gì thiền sư chỉ dạy.

Bà còn cho biết thêm, đôi khi có người đến và muốn ở lại “luôn” tại thiền viện. Rất có thể họ có cái nhìn mê hoặc hay lãng mạn gì đó về việc đi tu Phật. Thực chất trở thành một nhà sư cũng chỉ là một cuộc sống hàng ngày bình thường, làm việc chăm chỉ và đôi khi còn gặp rất nhiều đau khổ khi phải đối mặt với chính bản thân. Điều đó đòi hỏi phải có một niềm tin và lòng trông cậy đáng kể. Bằng không, khi những điều mới lạ biến mất, Công việc tu trì sẽ trở nên khó khăn và cam go. Khó lòng chế ngự được căng thẳng - không phải chỉ trong những việc khắt khe, nghiêm khắc hay quá khô hạn, mà ngay cả trong việc thực hiện trách nhiệm bằng cách chu toàn những gì được giao một cách tốt nhất.

Thiền sinh Ando cho biết, “Đào luyện tu trì yêu cầu tập trung huy động trăm phần trăm tâm lòng và sức lực mỗi người”. Ando có thể lựa chọn việc huấn luyện dành cho người đời, nhưng bà đã không làm thế bà đã chọn cuộc sống chiêm niệm thay vì cuộc sống xã hội.

Bà còn cho biết thêm: “Phát triển Đức Tin là yếu tố huấn luyện Phật pháp rất quan trọng. “Đức Tin giúp ta khẳng định vững vàng Đấng Chủ nhà (the Lord of the House) luôn hiện diện. Nhưng trước tiên bạn phải chấp nhận nghi ngờ hoàn toàn - không khoan nhượng, nhưng phải phân đấu không ngừng với nghi ngờ đó. Đây thực sự là một kinh nghiệm đức tin. Không phải chỉ là một cảm nhận bình thường, nhưng là thiện chí kiên cường”.

Chính Đức tin và thiện chí đó đã lèo lái toàn bộ cuộc sống Đại sư Kennett. Ngày nay đối với các phụ nữ, cánh cửa bước vào cuộc sống tu trì đã được mở rộng trên khắp thế giới. Nhưng vào thời Peg Kennett, một phụ nữ phương tây đến Nhật Bản đi tu làm Ni Sư chưa phải là một thông lệ. Toàn bộ bước đường tiến tới phía trước đều quá mới mẻ, nhưng với tâm lòng tự nguyện không gì cưỡng lại được, bà đã hiện ngang tiến tới phía trước. Và kết quả là ngày nay chúng ta đã có một thiền viện xinh đẹp tuyệt trần dành cho các phụ nữ Tây phương tọa lạc dưới rặng núi Shasta cũng xinh đẹp tuyệt trần tại California. Tại đó các nữ thiền sư đang được trang bị những kiến thức Phật pháp song song với các thiền sư nam giới.

Tôi nhớ lại một biến cố nhỏ trong cuốn Con Ngỗng Rừng Trắng (The Wild white goose) tập hai, đã hài hước ghi câu chuyện sau. Một ngày nọ trở lại ngôi chùa tại Tokyo nơi bà đang phục vụ với chức vụ một Ni Sư. Đại sư Kennett đã gặp nhà sư phụ trách tiếp khách. Với điệu bộ rất khẩn trương ông ra lệnh cho bà đến ngay phòng tiếp khách. Nhà sư không cất nghĩa gì thêm chỉ bảo, “Điều này rất quan trọng, Ni Sư phải đến gặp người đàn bà đó ngay” và nhà sư còn nhắc lại “điều này cực kỳ quan trọng đó”. Ngay trên cầu thang Kennett gặp một đám đông rất nhiều sư sãi và phụ nữ và sau đó bà ghi lại trong nhật ký, “Ngay giữa đám đông có một phụ nữ trung niên, trông thật dễ thương và là một nhân vật bà thực sự quan tâm. Bà ta cười với tôi khi tôi tiến lại, vì hình như không có ai giới thiệu chúng tôi cả. Tôi giơ tay ra, bà nắm lấy tay tôi rất vui vẻ, thực sự bà hài lòng và rất thỏa mãn vì tôi đã giơ tay chào. Tôi thấy mọi người tỏ ra giật mình nhưng vì không có ai giải thích bà ta là ai, tôi cảm thấy cách xử sự của tôi là đúng. Tôi hơi ngạc nhiên và bà ta bắt đầu nói tiếng Anh, bà cho tôi biết bà rất sung sướng được có mặt tại đây và hy vọng sẽ còn gặp lại tôi vào lần tới.

Sau đó, khi bà đã trở về phòng, ông giám đốc đến thăm bà nói, “Tôi muốn bà bắt tay với tôi”.

“Thưa ngài giám đốc, tôi có thể được biết lý do tại sao không”,

“Vì bà đã bắt tay với Hoàng Hậu nước Nhật. Không có ai trên đời được đụng vào tay Hoàng Hậu chỉ trừ có Hoàng Đế mà thôi. Bà không nhận ra là đó là một điều phi thường hay sao?”

Và sau đó toàn bộ nhân viên trong chùa xuất hiện bên ngoài cửa, tiếp theo sau là một đoàn những thiền sinh cao tuổi. Họ xếp hàng đằng sau vị giám đốc và mỗi người trịnh trọng chờ đến lượt bắt tay thiền sư Kennett.

Mùa Đông 2000

Thượng tọa Đại đức Jiyu Kennett viên tịch vào ngày mùng 06 tháng 11 năm 1996, Bà là người sáng lập và nữ viện trưởng thiền viện Shasta trên rặng núi Mount Shasta, bang California, bà chết do những rối loạn bệnh tiểu đường gây ra, Bà đã phải chịu đựng căn bệnh nhiều năm. Các nghi thức tang chế truyền thống theo kiểu Soto Zen được diễn ra ngay sau khi bà qua đời. Sau đó, theo nguyện vọng của bà, một cuộc bỏ phiếu được tổ chức để bầu ra thiền viện trưởng trụ trì tại tu viện Phật giáo Chiêm niệm này, thiền viện Shasta do bà thành lập vào năm 1983. Thượng tọa Đại đức Daizui Macphillamy được chọn làm Bề trên tu hội và Đại đức Eko Little được bầu làm thiền viện trưởng. (hiện nay tu hội gồm có hai tu viện – thiền viện Shasta và thiền viện Throssel Hole Buddhist bên Anh quốc, mỗi nơi có khoảng ba mươi lăm tu sĩ sinh sống thường xuyên tại đó, chín chi nhánh và rất nhiều nhóm hành thiền tại Mỹ, Anh quốc, Canada, Đức và Hà lan).

Đại sư Kennett đã phấn đấu nhiều năm mang trong mình nhiều khủng hoảng về sức khỏe gay gắt, kể cả ung thư, áp huyết cao và bệnh tim đã suýt cướp mất sinh mạng của bà vào năm 1976, kể cả bệnh tiểu đường và mất thị lực. Nhưng sự trong sáng trong các mục tiêu bà đang theo đuổi đã giúp bà thoát chết do những căn bệnh hiểm nghèo đó vào năm 1976 và sống thêm được hai mươi năm nữa”. Theo thượng tọa Jischo Perry trụ trì tại thiền viện Phật giáo chi nhánh Santa Barbara viết trong cuốn kỷ yếu đặc biệt: Tập San Tu Viện Chiêm Niệm Phật giáo (Journal of the Order of Buddhist Contemplatives) “Kennett đã đùa giỡn với kinh nghiệm tu trì bằng việc “diễn tập” vào cái chết.

Khi Kennett viên tịch, Đại đức Perry đã lái xe trong mười tiếng đồng hồ từ Santa Barbara đến Mount Shasta và thấy xác thiền sư của mình được tắm rửa và liệm bằng bộ cà sa toàn trắng tinh sẵn sàng cho tang lễ. Ông viết thêm, “Tôi đã vái lạy ba lần và ngồi thiền, cho dù tôi có cơ hội lưu lại với một số người trong và sau ngày tang lễ. Tôi chưa bao giờ cảm thấy một sự yên tĩnh đã thâm nhập căn phòng tang lễ sâu đậm đến thế”.

Nhớ lại những ngày đầu tiên đến Thiền viện Shasta, Đại đức Perry viết rằng, “Hàng tuần Đại sư đều lái xe đi San Francisco để lên lớp tại Trường Cao Đẳng Khoa Đông Phương. Bà đã nằm nghỉ ngay trên sàn nhà dân vào ban đêm và mang về nhà một ít tiền và khoảng độ hai mươi ổ bánh do lò bánh mì Parisian biếu tặng mỗi tuần. Những ổ bánh mì đủ dùng cho mỗi ngày cộng thêm một ít trà, đôi khi lại thêm một vài chục cam dùng trong những bữa ăn sáng của chúng tôi tại thiền viện vào những tháng đầu tiên đó... Hiện giờ cứ liên tưởng đến điều này tôi thật kinh ngạc thấy bà đặt biết bao niềm tin vào lúc ban đầu xây dựng thiền viện. Với quá ít tiền bạc và hỗ trợ, sức khỏe kém và lại tại một đất nước văn hóa mới lạ này.

Những tuần lễ tiếp theo sau nữ thiền sư qua đời, Đại đức còn cho biết thêm, “Điều kỳ diệu nhất... là sự đồng tâm nhất trí rất cao nơi tập thể các tăng ni nữ thiền sư đã xuất gia và huấn luyện”. Các nghi thức tang lễ truyền thống được nghiên cứu và sửa soạn, kèm theo là phải mua một chiếc quan tài. Khi mua bán bất kỳ điều gì Đại sư Kennett luôn thích mặc cả, rất đơn sơ và thực tiễn”. Ông nhớ lại “Thế nên tất cả mọi người trong đoàn thể họp lại và mặc cả rất kỹ về giá cả chiếc quan tài gỗ sồi”.

Và ở cuối bài viết Đại đức Perry đã trích dẫn lời của đại thiền sư thi sĩ thế kỷ thứ mười sáu, ngài Ryokan: “Nếu chúng ta đạt đến điều gì, chính tại đó từ khởi đầu thời gian. Nếu chúng ta mất đi điều gì, cũng chỉ là ẩn hiện đâu đó mà thôi”.

Một nhận định cá nhân về tương quan với thiền sư phải như thế nào, cũng như cái nhìn kiểm chứng “về tất cả những tương đồng và khác biệt trong tương quan đó”, đã được đăng tải trong số tưởng niệm Thiền sư của tập san trên do Đại Đức Daishin Morgan, thiền viện trưởng Throssel Hole viết tại Luân đôn. Ông viết, “Với tình cảm của một thiền sinh, mọi người đều phải công nhận Phật tính (Buddha nature) và Nữ Thiền sư Kennett đã đồng nhất với nhau... Theo tôi đây chính là kết quả xuất phát từ một số khó khăn đầy thách thức gay gắt, tuy nhiên lại giúp chuyển hóa một nỗi lo thầm kín nhất đó là cảm thấy cô đơn vì phải xa người mình yêu quý. Nhận ra Phật tính nơi người khác chính là mở lối cho ta nhận ra Phật tính đó nơi chính chúng ta. Nhưng... nếu như chúng ta muốn quên lãng thiền sư, chúng ta sẽ thấy rằng mỗi chúng ta cũng chỉ là con người có thể mắc sai lầm và do thái độ duy tâm đang thách thức chúng ta quá trầm trọng... chúng ta lại muốn gạt bỏ cả thiền sư của mình, nhưng chúng ta nhận rõ ngay loại bỏ thiền sư cũng chính là loại bỏ Phật tính vậy. Trong suốt thời gian tôi sống gần gũi với người thầy đáng kính, tôi thường bị chao đảo giữa một bên là tình thương sâu đậm và lòng yêu mến đối với bà cũng như một số thể hiện rất mạnh mẽ về tức giận và nghi ngờ.

Trích lời của đức Phật vào thời Ngài được giác ngộ (“Tôi đã, đang và sẽ được giác ngộ tức thì trong vũ trụ”) Ông nhận định rằng, “Đại sư đã dạy chúng tôi: Chữ “với” bao gồm tất cả những biểu hiện, tư tưởng và tình cảm nơi tâm trí chúng ta... sự xuất hiện và qua đi với những tình cảm, suy tư và cảm giác tất cả đều thuộc về chữ “với” cả. Chữ “tôi” vì thế không là bản ngã hướng tâm của tôi, nhưng đó là cái gì bất biến, cái gì còn lại trong khi tất cả cái khác biến đổi. Cuối cùng thì tất cả chúng ta đều mang theo với mình cái “tôi” và cái “với” bất chấp cách thức cái “với” này thể hiện như thế nào...

Mặc dù trong một thời gian ngắn tôi không thể tiếp xúc trực tiếp được với bất kỳ ai trong thiền viện, cuối cùng tôi cũng liên lạc qua điện thoại được với Thượng tọa Đại đức Koten Benson trụ trì tại thiền viện Lions Gate Priory thành phố Vancouver, British Columbia. Ông đã coi cái chết của thiền sư Kennett “trông tựa như cái chết của một người thân trong gia đình hay người bạn đời của mình”. Đại Đức Koten đã nhập thiền viện từ năm hai mươi một tuổi, thành sư vào năm hai mươi ba và đã xin được làm môn sinh của thiền sư Kennett. Ông đã chăm sóc thiền sư cẩn thận nhất trên đời này và thiền sư chết đi đã để lại nơi ông nỗi buồn không nguôi. Ông cho tôi biết “Quan hệ thầy trò không bao giờ dừng lại”. Tất cả các thiền sinh của bà đều vẫn còn luôn chú tâm đến cái chết và chúc thư của bà. Và toàn bộ qui mô mới về những thành tựu của bà đã trở nên rõ ràng. Ông nói, “Bất thành linh chúng tôi cảm thấy gắn bó với tu hội của chúng tôi, trước kia, chúng tôi như người đang đứng trên bờ vực thẳm với sư phụ chúng tôi đứng phía trước. Hiện giờ không còn người đứng đầu nữa. Bây giờ mới chính là cuộc chơi của chúng tôi”. Vừa mới đây ông đã nhận một thỉnh sinh mới vào thiền viện. Và nay mai sẽ được xuất gia. “Hiện nay chúng tôi như đang đứng trên bờ vực, đoàn thể tu sĩ cũng đang thay đổi, giống như kính vạn hoa. Phương ngang phương dọc cứ đổi thay liên tục. Các thiền viện trường cũng như người đứng đầu đều là anh chị em với nhau cả”. Nhiều người khác sẽ xuất hiện và xá lỵ Đại sư. Ông cho biết, “Bạn phải tách sang một bên để nhận một cái lỵ, nhưng bạn cũng có mặt tại đó để lãnh trách nhiệm, cho dù bạn có cảm thấy bất xứng”.

Ông tự sửa lại, “Xứng đáng hay không, không thành vấn đề. Mà chỉ là tiếp tục huấn luyện chính bản thân mỗi người chúng ta mà thôi”.

Sau cái chết của sư phụ, những người trong thiền viện hình như di chuyển nhiều hơn trước. Đoàn thể không chỉ có một phương hướng duy nhất nữa. Thế nên tin cậy nhau là điều tối quan trọng, không xét đoán, không đưa những mục tiêu quá xa vời. Ông cho biết thêm, “Tất cả chỉ nhằm nâng cao bản ngã mỗi người là điều bạn phải bình thản và nhắm tới”.

Đại đức Koten lưu tâm rất nhiều đến khía cạnh nhân bản của thầy mình. Vào những ngày cuối đời, khi bà không ngủ được. Ông và một số thiền sinh đã cùng thức suốt đêm với thầy mình. Đó là những khoảnh khắc đáng ghi nhớ. Trong những ngày cận kề với vực thẳm riêng biệt của chính mình, ông ngồi thiền hàng giờ lâu với các thỉnh sinh, tập trung toàn bộ niềm tin và tính trong sáng vào người thầy đang sắp trở thành người thiên cổ.

---o0o---

[08] - **Thiền Sư Karuna Dharma**

*Trên vỉa hè đường phố Lô-Giang
Mười gót chân lặng lẽ dần bước.
Năm bóng áo cà sa vàng lá lướt
Chùa phía trên sân rộng thênh thang.
Vang vọng tiếng hát trong thỉnh lặng
Trên Bàn thờ, ánh sáng lung linh, nào hoa nào lá.
Tượng đức Phật vàng óng nở nụ cười.
Giữa đám đông một đoàn người Châu Á
Một cụ già, ôm chặt đứa cháu thơ.
Người đàn ông mảnh khảnh sụp lạy xá
Dâng đóa hương lên tận mắt ngang tầm.
Lên đức Phật và vội nhập đám đông.
Phía bên ngoài là bày trẻ lao xao.
Những cánh tay trần khăng khiu lộ rõ
Hàng trăm khuôn mặt hớn hở vui tươi.
Áo choàng trắng, giày da sạch sẽ
Một đám trẻ ríu rít tựa chim quỳên
Trên đụn cát, yên tĩnh, yên tĩnh.
Rời quanh đó một Karunna rảo bước
Karunna người Âu đây chân chắt.
Trong chiếc áo dài phụ nữ Việt nam
Rời toàn bộ đám trẻ vẫy tay chào
Karunna một người hùng bất khuất
Bọn trẻ líu lo rên vang thật lễ phép
Cánh tay vẫy gọi tên “Karunna”
Lông ngực chúng phập phồng phẩn khởi
Tung cánh bay cao khắp phương trời
Người chứng kiến buột vội tiếng kêu.
-- Lenore Friedman*

Đọc theo Đại lộ Los Angeles, hai hàng dờ cao xếp hàng thẳng tắp, lấp ló rất nhiều nhà hai tầng kiểu cổ đẹp tuyệt trần với mái cong sơn phết rực rỡ, thảm cỏ chăm sóc kỹ lưỡng và một cánh vườn san sát bên nhau tạo thành một thứ công viên riêng tư trong đó bọn trẻ đang đùa giỡn cùng với bày chó, mèo và loáng thoáng mấy vị sư đầu cao nhẵn xúng xính trong bộ áo cà sa màu vàng. Đó chính là Trung Tâm thiền Phật giáo quốc tế (International Buddhist Meditation Center). Được thành lập vào năm 1970 do một học giả Phật giáo người Việt Nam và cũng là thiền sư Phật giáo thiền định (Zen). Kể từ sau khi ông viên tịch vào năm 1980, trung tâm đặt dưới sự điều hành của người đệ tử thân cận nhất và cũng là người được chọn thừa kế Phật pháp của ông. Một trong những căn nhà đã được chuyển thành một phòng hành thiền đầy màu sắc với một tượng Phật vàng trên bàn thờ. Cho dù đã có những buổi hành thiền qui định vào buổi sáng và buổi chiều, người ta cũng có thể đến ngồi thiền vào bất kỳ lúc nào trong ngày. Qua pho bên kia, bước lên một cầu thang dẫn đến cửa chính điện, tại đó là nhà ở và phòng làm việc của Karunna. Trong cuộc viếng thăm Trung Tâm IBMC, tôi đã nghỉ ngơi ngay trên sàn nhà phòng nhỏ dành cho các thiền sinh đối diện với phòng hành thiền. nhưng những giờ đi bách bộ lại được thực hiện phía bên kia đường, ngay phía trên dãy bậc thang rộng.

Trách nhiệm và lịch trình của Karuna khít khao dễ sợ. Nhưng bà vẫn bỏ ra một khoảng thời gian khá dài để tiếp chúng tôi. Bà đã báo cho một số người chính yếu trong trung tâm không được gây gián đoạn cuộc phỏng vấn. Thế nhưng điện thoại vẫn cứ reo liên tục. “Tôi đang thực hiện phỏng vấn được nửa chừng - chúng ta sẽ gặp sau được không?” Bà nhắc lại nhiều lần như thế. Nhưng rồi dù muốn hay không bà vẫn phải thực hiện những cuộc trao đổi ngắn. tôi hiểu bà đang tham gia nhiều sinh hoạt rất đa dạng (từ việc xử lý văn bản, đến những công việc chính trang thành phố đang gặp khó khăn trong xây dựng) một lát sau lại là một chính trị gia lỗi lạc. (Ô-hồ. Gớm, ông biết đó, hẳn có lý đấy. Rất có thể chúng ta lợi to nếu tham gia vào vấn đề đó); tiếp đó, lại một người bị bệnh và nôn mửa cần tư vấn (“lên giường đi, được không? Kiên nước trái cây, uống một chút nước lạnh, đừng lạnh quá đấy nhé. Sau đó dùng ít trà, một ít dương cúc dùng sữa nhé một chút xíu cũng không tốt đâu).

Bà thường phá lên cười luôn. Tiếng cười dài, mạnh mẽ và rất quảng đại giống như con người Karuna vậy.

Chúng tôi ngồi thiền tại một bàn thấp trong phòng rộng rãi trải nhiều thảm nhỏ và gối đệm thiền, đèn, hình ảnh và nhiều thứ vật vãnh từ khắp nơi gửi tới. Giữa những cú điện thoại tôi thấy một bức hình Karuna hồi còn nhỏ. bà sinh tại thị trấn nhỏ tại Wisconsin trong một gia đình cha mẹ rất đạo đức. Mẹ

bà là một người rất đôn hậu, từ tốn, bà đã qua đời mười hai năm trước, tương quan giữa Karuna và mẹ rất tốt. Quan hệ với cha phức tạp hơn, hai người xung khắc với nhau trong nhiều năm. Ông là người sáng lập một nhà thờ nhỏ tại đó gia đình đến tham dự các lễ nghi và sau này Karuna tổ chức dạy học tại đó vào các ngày Chúa Nhật. Nhưng đến tuổi mười tám, bà khẳng định truyền thống đạo đức của gia đình không thực sự trả lời nổi những câu hỏi thiết thực trong cuộc sống và trong vòng mười năm tiếp theo bà là thành viên phái bất khả tri (agnostic).

Tuy nhiên vào cuối tuổi hai mươi bước sang tuổi ba mươi một ý tưởng tự nhiên chợt đến với bà: bà muốn trở thành một Phật tử. Thật kỳ cục ý tưởng này không dựa trên cơ sở tri thức nào cả. Bà có được một số sách của thiền sư D.T. Suzuki nhưng không bao giờ đọc cả. Ý tưởng này hoàn toàn tự phát, nhưng rất mạnh mẽ đến nỗi sau này khi phải nhập viện một thời gian ngắn để mổ tai và khi điền vào bản lý lịch nhập viện trong mục tôn giáo bà đã ghi “Phật giáo”. Một phần là nhận thức tự nhiên của bà, phần vì muốn tránh không muốn để các vị chức sắc Giáo Hội đến thăm. Nhưng sau khi rời bệnh viện được ít ngày, bà đã quyết định bắt đầu đọc một ít sách về Phật giáo.

Trong giai đoạn này bà đang sống tại Los Angeles và đang phải đối phó với ít nhiều khó khăn trong cuộc sống kể cả phải ly dị với chồng nữa. Bà đã có một đứa con gái và đang dạy học tại một trường trung học. Bà cảm thấy cần phải tổ chức lại cuộc sống, “Tôi thấy quá mệt mỏi vì một vài điều lẻ tẻ, mệt mỏi trong quan hệ, đặc biệt là đối với đàn ông. Tôi chỉ muốn được yên ổn và bình yên”.

Trước kỳ nghỉ hè vào những năm sáu mươi, bà quyết định tham gia khóa đại học tại UCLA (nếu tốt nghiệp bà sẽ có thêm được một ít thu nhập). Nhưng trong cuốn mục lục các môn học bà không thấy thích môn học nào cả, kể cả văn chương (Bà đang dạy Anh văn) hay tâm lý học. Triết là môn học bà thường tránh né (“Tôi không quan tâm đến triết Tây”) nhưng lần này bà nhận thấy tại phân khoa về Phật giáo và Phật giáo thiền định (Zen). Bà nghĩ “Thật là tuyệt. Tôi sẽ tham gia khoa này và có thể kiếm thêm được một ngàn đô-la mỗi năm”.

“Đang kỳ nghỉ hè vào buổi chiều vì thế chúng ta đến lớp hai lần một tuần và mỗi lần ba tiết. Tôi bước vào. và có một người Á Đông đang giảng ở khoa đó. Tôi ngồi xuống và nhìn ông ta và vào buổi tối tôi mới phát hiện ra đó là một Tôn giáo dạy về những gì cuộc sống mách bảo tôi. Ông ta bắt đầu với những điều cơ bản về Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo. Và tôi thực sự hiểu được đau khổ! Tôi nghĩ “đây là điều hết sức thực tế”.

Đây chính là một tôn giáo có thể trả lời được nhu cầu trong cuộc sống đã không được giải đáp cho bà trong nhiều năm. Trong nhiều năm qua, xét về vật chất bà thật thoải mái, nhưng không được thỏa mãn về tinh thần. Khi rời khỏi lớp học đầu tiên về Phật giáo bà nhận ra rằng, bà phải theo học khóa này và quyết định tìm gặp cho được ông thầy Á đông đó ngay trước lớp học.

Bà nói, “Những thầy giáo ít khi gây được ấn tượng với tôi. Tôi chưa bao giờ để ý đến ông thầy Hindu bao giờ. Nhưng khi tôi nhìn vào con người này, ông tỏ ra rất đôn hậu và có nụ cười hết sức hấp dẫn, ông cười to và cười rúc rích, không phải là người nghiêm nghị cho lắm, ông thực sự đang thể hiện được những gì ông giảng dạy. Nhìn vào ông tôi thấy hình như toát ra xung quanh ông một bầu khí đặc biệt lan tỏa ra khoảng độ mười hai bộ. Tôi thực sự không nhìn thấy ông trong thực tế. Tôi không biết cắt nghĩa điều đó ra sao. Tôi chỉ biết ông là một con người thực sự. Nhưng sau này, khi đã quen biết ông trong nhiều năm và trở thành đồ đệ thân cận của ông tôi đã tiết lộ cho ông biết, khi mới gặp ông lần đầu tiên tôi cảm thấy ông không phải là con người thực sự. Và ông đã phá lên cười khoảng mười lăm phút liền. Ông nói, “đó là điều thật tuyệt vời làm sao con có thể nghĩ ra được những điều như vậy?”

“Nhưng trong vòng mười hai năm tôi sống hằng ngày với ông, tôi không bao giờ mất đi cái cảm giác đó tức là ông không phải là con người thực sự. Ông di chuyển trong thế giới này, ông hành động với những phong cách nhân loại nhưng ông thực sự không dính dáng gì với cái thế giới ông đang đi lại và hành động”.

Karuna còn kể lại một sự kiện khác đã xảy ra trong những giai đoạn đầu khóa học tại Đại học UCLA. Bốn sư của bà không nói cho ai biết ông là một nhà sư. Nhưng do linh cảm bà đã biết điều đó. Bà tự hỏi làm sao có thể trở thành thiền sinh của ông được. Trong buổi giải lao vào một buổi học ban chiều, bà ra ngoài và ngồi ở lối ngang cạnh lớp học để hút thuốc. Khi đó bà thấy ông đi ra và ngồi đối diện với bà, bà cảm thấy bối rối. Nhưng ông nhìn bà và mỉm cười, rút ra một túi thuốc và một cái tẩu. “Con thấy đó, thầy cũng hút thuốc đây này”. Bà chưa bao giờ nói chuyện với ông trước đó. nhưng ông đã nhận ra hơi khó chịu. Bà rất cảm kích (sau này bà nói cho tôi hay, cả hai chúng tôi đều bỏ thuốc).

Cuối cùng bà xin được nói chuyện với ông sau giờ học. Ông đã đề nghị cả hai đi uống cà phê. Và ngồi đối diện trên chiếc bàn trong quán. Điều rõ ràng là “Ông biết hết mọi sự về tôi đã lâu. Ông biết những gì tôi đang tiến hành thực hiện, ông kể hết những biến cố xảy ra trong đời tôi. Đó là lần đầu tiên chúng tôi nói chuyện với nhau, thế mà ông nói, ông đã biết tôi biết bao nhiêu

lần trong đời. Ông đã kể rất chính xác cho tôi nghe những gì ông không thể biết về tôi được. Và ngược lại, cho dù tôi không thể cắt nghĩa được, tôi cũng biết được nhiều điều về ông”.

“Một cuộc gặp gỡ thật tuyệt vời” tôi nói với Karuna “Bà quả là người may mắn”

“Tôi không biết phải cảm ơn ông làm sao trong cuộc đời này và vì ông đã chỉ vẽ cho tôi con đường tiến lên. Đó là điều tôi không thể đền đáp lại được. Toàn bộ quan điểm của tôi về cuộc sống đã thay đổi. Những gì làm cho tôi ham thích, tôi không cảm thấy như vậy nữa. Và hiện nay tôi chỉ còn cảm thấy lòng tri ân tràn trề đối với người thầy của tôi mà thôi”.

Vào thời điểm khóa học thứ nhất tại UCLA kết thúc, Karuna đã chính thức trở thành đệ tử của Ngài. Thoạt đầu bà tham gia một nhóm học hỏi Phật giáo nho nhỏ do ông điều hành. Nhưng sau đó ông chuyển nhóm đó cho một nhà sư Phật giáo trẻ người Mỹ, thì bà lại xin được học riêng với ông. Cùng với một vài học sinh khác để có thể thường xuyên thấu nhập thêm kiến thức từ phía ông. Hàng ngày bà đã thực hiện luyện tập hành thiền (được chỉ định như là “Bài tập ở nhà” trong suốt khóa nhập môn).

Trong khi đó, đa số các đồ đệ cao cấp hơn trong khóa học đề nghị ông ở lại quốc gia này để thành lập trung tâm thiền. Khi hiện trạng cư trú thường xuyên được vấn hồi. Ông quyết định thử nghiệm tiềm năng này xem sao. Ông thuê một căn nhà gần Holliswood và một nhóm đồng ý đưa ra một dự án trong vòng một năm, trong thời gian đó có thể tìm mua một tài sản rộng hơn hiện nay họ đang cư ngụ tại Los Angeles.

Karuna vẫn tiếp tục đi dạy học nguyên buổi vào thời điểm đó (Bà tiếp tục công việc cho đến năm 1981) và con gái Bà là Christine đã được mười một tuổi. Karuna vẫn đến trung tâm thiền vào mỗi cuối tuần và ba bốn lần trong tuần từ thị trấn nơi hai mẹ con đang sinh sống gần đó. Hàng ngày vẫn có các buổi hành thiền, các khóa tập luyện hàng tuần và rất nhiều công việc cần được thực hiện. Năm 1973 bà đã gia nhập tập viện và nhận luật giới tập sinh.

Bà Karuna nói với tôi, “Qui trình xuất gia theo truyền thống Việt nam có phần nghiêm khắc hơn là theo truyền thống Nhật Bản. Gắn bó gắn gũi với giới luật cô Đại Thừa hơn. Thí dụ, xuất gia đầy đủ yêu cầu phải tuân thủ đủ 250 luật giới đối với nam giới và 348 luật giới đối với nữ giới. Và các nhà sư yêu cầu phải là người chưa lập gia đình và phải sống độc thân. Tuy vậy Ngài cho thấy ông là một nhà cải cách. Ông đã học tại Đại học Nhật Bản trong bảy năm và hoàn toàn thoải mái với cách tiếp cận phóng khoáng hơn tại Nhật. Tại đó các nhà sư có thể lập gia đình. Ông cảm thấy rất thích hợp với

văn hóa nước Mỹ nếu người ta được tự do một trong hai loại xuất gia chung cuộc. – có nghĩa là những lời khấn của một nhà sư Nhật Bản hay những lời khấn theo kiểu tỳ kheo hoặc nữ tỳ kheo truyền thống. Tuy nhiên tất cả những người muốn nhận xuất gia được yêu cầu phải học hỏi tất cả những lời khấn trong vòng ba tháng trước khi xuất gia, một phần vì để cho họ có thể xác định rõ ràng loại nào thích hợp cho họ. Cuối cùng họ có thể nhận hoặc là tuyên thệ 25 lời khấn để trở thành thiền sư Phật pháp hay là tuyên thệ 250 lời khấn để trở thành tỳ kheo hay nữ tỳ kheo. Cả hai loại đều nhận chung trong một nghi thức và một loại áo cà sa và được coi như có địa vị giống nhau.

Vì ông quan tâm mạnh mẽ đến việc đem nhiều truyền thống Phật giáo khác nhau nhích lại với nhau. Nên tiến sĩ Thiên-an đã mời “các thiền sư chứng giám” từ nhiều trường phái Phật giáo khác nhau càng nhiều càng tốt đến tham dự nghi lễ xuất gia.

“Điều đó hình như để đem lại một phong cách thống nhất tại các trung tâm thiền hiện nay”. Tôi đề nghị: “Đó là điều hết sức dễ dàng được chấp nhận từ nhiều phía, cũng mang phong cách hết sức đại kết (ecumenical). Đó có phải chính là ảnh hưởng của ông ngay từ đầu không?”

“Vâng, dứt khoát là thế”, Karuna nói, “Ngay từ đầu đó là điều ông rất quan tâm. Chúng tôi đã có các nhà sư Đại thừa, các thầy tu Phật giáo Tây Tạng tại trung tâm chúng tôi”.

Tôi thắc mắc có phải là tinh thần này có liên quan đến bản chất Việt Nam của ông hay không?.

“Rất nhiều thiền sư Việt nam theo khuynh hướng đại kết. Điều đó cũng đúng với trường hợp vị thiền sư, trụ trì tại một chùa tại đây. Và cũng rất đúng trong trường hợp một đại sư trụ trì tại San Diego. Tôi thực sự không biết lý do tại sao”.

“Vậy thì bà nhận xuất gia theo kiểu nào? Bà đã chọn loại lời khấn nào vậy?”

“Tôi yêu cầu được nhận tất cả các luật giới nữ tỳ kheo một khi đến thời điểm xuất gia chung cuộc. Cho tới thời điểm đó tôi vẫn chưa chắc chắn. Điều đó không phải vì tôi nghĩ tôi có thể tuân thủ toàn bộ các luật giới – tôi không chắc chắn. Nhưng tôi muốn càng truyền thống và càng hợp với việc xuất gia là điều tốt. Một phần cuộc sống tôi vẫn là cuộc sống “đời thường” – tôi đang dạy học tại trường và con gái tôi đang lớn lên. Tôi biết chắc một điều là trong tương lai tôi phải thực sự gắn bó và càng sớm càng tốt tôi nhất định phải được nhấn chìm vào công việc Phật giáo”.

“Bà có cảm nhận gì về việc phụ nữ lại có nhiều luật giới hơn nam giới không?”

“Có, tôi cũng có một vài suy nghĩ về điều đó. một vài điều không gây rắc rối cho tôi chút nào cả. Một vài điều chỉ mang tính phục vụ. Thật rất khó nếu không đề cập đến một cách đặc trưng và đó là một vài điều chúng ta không nên làm (và tôi thực sự không muốn đề cho mọi người biết về những luật giới đó). Nhưng tôi nghĩ có một vài luật giới không được áp dụng một cách vô tư. Nhưng đối với Ngài, chúng ta chỉ bàn luận đến những gì đằng sau những luật giới này mà thôi, điều gì luật giới này nhắm tới và cuối cùng là chỉ nhắm tới những điểm chính yếu sau đây: điểm chính yếu nhất là loại bỏ bản ngã và lòng tự buông thả, nuông chiều. Mặc dù chúng không là những luật giới tốt đỉnh nhất. Nhưng theo Phật giáo Đại Thừa, họ nhấn mạnh đến tinh thần hơn là theo từ ngữ của luật”.

“Nhưng điều đó không cắt nghĩa được lý do tại sao lại cần đến nhiều luật giới hơn đối với phụ nữ”.

“Không đâu, điều đó không thực sự là như thế. Tôi có một vài nguyên tắc về điều đó. nhưng tôi không biết có chính xác hay không. Thoạt tiên có một vài thắc mắc về việc không hiểu có phải tất cả các luật giới đó đều đã được tổng đạt từ thời Đức Phật còn sống hay không hay là được thêm vào sau này. Điều thứ hai là phải nhìn vào luật Vinaya (kỷ luật tu trì) như là những qui luật đã được truyền lại 2.500 hoặc 2.600 năm trước tại một nền văn hóa đặc biệt và chúng ta không có cách nào biết được. Nếu Đức Phật xuất hiện vào thế kỷ hai mươi tại Mỹ thì thử hỏi chúng ta sẽ có cùng một thứ luật giới hay không”.

“Tôi nghĩ bà có thể đoán thử xem”

“Chúng ta chắc không cần phải có nhiều đến thế rất có thể là một luật chơi hoàn toàn khác hẳn. Điều thứ ba là vượt trên tất cả, Đức Phật cũng đã là một nhà đại sư tâm lý. Ngài đã sinh sống tại Ấn độ, tại đó phụ nữ có vai trò còn kém phần quan trọng hơn cả đàn bò và tự nhiên hiện nay phụ nữ được đối xử hoàn toàn bình đẳng trong Ni đoàn. Và tôi lại thắc mắc thế nào chẳng có một vài luật giới không được đề ra vì những vấn đề thực tiễn đàn ông có trong quan hệ với phụ nữ hay sao? Giả như tại đây chúng ta có một nhóm đàn ông Ấn độ, tại đó phụ nữ không có giá trị và thành linh họ được nâng lên bình đẳng thì sao?”

“Thế nên luật giới Ni Sư phải đi sau các sư là để xoa dịu họ chăng?”

“Tôi thắc mắc nếu vậy thì tôi không ngạc nhiên chút nào cả. Nhưng đó chỉ là phỏng đoán thôi. Một vài luật giới mang tính chất như vậy. Thí dụ, bạn không được nói xấu các vị sư và bạn không được la mắng họ”.

“Và bạn còn phải vái lạy họ, ngay cả khi họ mới được xuất gia còn bạn đã được xuất gia lâu rồi. Đó là một trong những điều đầu tiên”.

“Đúng vậy”

“Đã có ai xem xét để hiện đại hóa những luật giới này chưa?”

“Tôi đã có một cuộc đối thoại thật thú vị một vài năm vừa qua với Walpola Rahula, là tác giả cuốn Đức Phật đã dạy gì (What the Buddha taught) ông ta là người Sri Lanka và rất nổi tiếng trong truyền thống Đại thừa. Cuốn sách của ông rất hữu ích cho những người mới nhập Phật giáo. Ông có đến thăm trung tâm bốn năm trước. Và tôi cũng đã đề cập với ông một số điều thay đổi cần thiết để áp dụng Phật giáo vào xã hội Mỹ. Tôi đã nói với vai trò ni sư đối với các vị sư thực sự đã có khó khăn. Không phải chỉ có phụ nữ Mỹ mà cả nam giới Mỹ cũng không muốn có sự tách biệt như thế và tôi đã nói với ông tôi không biết phải xử lý vấn đề này như thế nào”.

“Ông nhìn tôi và nói, “Bà biết không, các vị sư không thể làm gì được cả, vì đó không phải là luật giới của họ. Chính các bạn là Ni Sư các bạn phải thay đổi và bà là người phải làm điều đó!” đó là điều tuyệt vời, tôi nghĩ thế”.

“Thế phải làm sao đây?”

“Vâng, phải đổi mới một số luật giới không còn thích hợp để áp dụng nữa. Và nếu không có gì thì các giới luật phải được áp dụng đồng đều cho cả nam lẫn nữ. Những giới luật trong Phật giáo Zen không có phân biệt như vậy. Và thiền sư của tôi cũng không phân biệt đối xử như thế”.

“Vâng. Thế bà sẽ được xuất gia đầy đủ vào khi nào vậy?”

“Xuất gia chung cuộc của tôi vào năm 1976 với 250 luật giới”.

“Thế bà cạo đầu vào năm nào?”

“Tôi xuống tóc vào năm 1974”.

“Đó có phải là một việc đại sự không?”

“Vâng, đó là một việc đại sự. Thiền sư của tôi đã xuất gia cho một phụ nữ trước đó mà vẫn không cần xuống tóc và khi tôi đã sẵn sàng để được thụ phong chúng tôi có một cuộc trao đổi về vấn đề này. Tôi xin phép thiền sư cho tôi cạo đầu. Nhưng ông cho là trong xã hội Mỹ thật quá khó khăn đối với một phụ nữ, đặc biệt bà lại đang giảng dạy. Tôi nói điều đó không can chi với tôi cả. Tôi có thể đội tóc giả khi tôi ra trước công chúng hay đến dạy

tại trường học. Nhưng ông nói không nên. Và ông đã từ chối. Điều này xảy ra sáu tháng trước ngày xuất gia chính thức của tôi. Và tôi thỉnh thoảng lại trao đổi với nhau về vấn đề này. Khi gần đến ngày xuất gia tôi nói với thầy của tôi. “Xin cho phép con xuống tóc. Ngay cả thầy không yêu cầu những người khác làm thế, hãy cho phép con được cạo đầu”.

Tôi nói, “Xin bà cho tôi biết cảm nhận của bà thế nào về việc xuống tóc này?”

“Tôi cảm thấy rằng nếu chúng ta không xuống tóc, thì sự cam kết của chúng ta không phải toàn diện. Tôi cảm thấy xuống tóc là điều cần thiết, một cách tình cảm chứ không phải là chỉ tượng trưng. Để được hoàn toàn dứt bỏ mọi sự. Thế nên tôi yêu cầu được xuống tóc, ngay cả những phụ nữ khác không yêu cầu được làm thế và thầy tôi nói: “Không, không có gì phân biệt cả”. Tôi trả lời là thầy đã phân biệt bằng cách yêu cầu nam giới xuống tóc nhưng không yêu cầu nữ giới. Vì thế cho nên tôi mới thặng thế. Ít nhất là về nghi thức. Thầy đã yêu cầu mọi người phải xuống tóc”.

Hôm trước ngày xuất gia có một nghi thức cắt tóc. Tất cả chúng tôi tụ tập ở vườn sau nhà. Và mọi người đứng vây quanh, cả sư sãi và cả Phật tử, giáo dân. Vị sư chủ trì là ngài Suhita. Chúng tôi đều là bạn thân với nhau. Và nhà sư đang xoa tay, đang đợi những lọn tóc quăn rơi xuống. Cứ mỗi lần nhà sư nhìn tôi, ông lại lẩm bẫm. “Clíp, clíp, clip” nhà sư đang chờ để cắt những lọn tóc khỏi đầu tôi. Chúng tôi tất cả đang ở trong khu vườn vào buổi sáng sớm, hát bài ca cắt tóc bằng tiếng Việt-Nam, trong khi đó mọi người đều nhận nghi thức cắt tóc, thỉnh thoảng Thầy chạy vội vào trong nhà, một vị sư chạy vào xem có chuyện gì xảy ra, quay trở lại vị sư này cho biết “Xin đừng ai chạy vào trong nhà lúc này” khi tôi hỏi tại sao, ông nói, vì thầy (Suto) quá cảm động khi thấy một phụ nữ người Mỹ cạo đầu đi tu. Sau đó thầy quyết định tất cả mọi người cả nam lẫn nữ muốn trở thành sư phải cạo đầu và đã trở thành luật từ đó về sau. Và tôi nghĩ đó là một điều luật tốt.

“Nếu có người cần xuất hiện ngoài xã hội hay giảng dạy tại các trường Tây Âu tại những nơi đầu cạo trọc không có lợi, họ có thể để tóc mọc trở lại. Nhưng tôi nghĩ cần cạo đầu ít nhất trong một giai đoạn nào đó. thí dụ trong suốt thời kỳ huấn luyện sau khi xuất gia. Vì rất khó huấn luyện tốt được khi để tóc dài. Nếu một người không có thể cạo đầu, thì chẳng có thể hoàn thành chức vụ một nhà sư đảm nhận. Vì đây không phải là một cuộc sống lãng mạn. Cạo đầu chẳng là gì cả so với những gì một nhà tu hành phải thực hiện, mà chỉ đơn giản là một vị sư thôi”.

“Một cách toàn diện và hoàn hảo có phải không?”

“Đúng vậy”.

“Tôi muốn hỏi thêm một chút: trở thành nhà sư mang ý nghĩa gì?”

“Đối với tôi trở thành một nhà sư chỉ mang có một ý nghĩa. Và đó chính là điều thúc bách tôi cam kết hoàn toàn với công việc nhà Phật. trở thành một vị sư đối với tôi là thề hứa với chính lòng mình là cuộc đời còn lại của mình, Công việc nhà Phật phải là ưu tiên số một”.

“Bà nói là cạo đầu là việc dễ dàng so với những việc khác. Bà có thể nói rõ hơn điều đó được không?”

“Tôi nghĩ nhiều người Mỹ có tư tưởng thật lãng mạn về việc trở thành một vị sư. Họ nghĩ là làm một nhà sư bạn có thể ngồi thiền hàng giờ dài, rằng cuộc sống của một nhà sư nhàn hạ, trầm lặng, yên tĩnh và thoát khỏi những phiền toái ngoài đời. Điều này rõ ràng là không đúng. Sẽ có nhiều phiền toái hơn. Sẽ có nhiều vấn đề hơn, có nhiều đòi hỏi hơn về thời giờ của bạn. Một khi chúng ta tiến thêm hơn trong việc huấn luyện, vai trò của chúng ta ngày một gia tăng. Thiền sư và hoàn cảnh thực tại của mỗi người yêu cầu chúng ta ngày càng nhiều hơn. Một điều rất bình thường đối với một nhà sư đã cam kết thực sự thì ngủ ít và ngồi ít không phải là điều lạ. Vì có quá nhiều công việc để làm. Các vấn đề khó khăn lúc nào cũng nảy sinh. Đặc biệt sống trong đoàn thể như thế này. Tôi yêu thích bỏ thì giờ ra làm bất kỳ công việc gì có thể kết thúc một cách siêu nhiên. Nhưng thay vào đó tôi lại phải dính dáng đến công việc điều hành rất nhiều, với công việc thơ lại nơi thành phố, với những xung đột giữa những cư dân. Khi có khoảng ba mươi lăm hay bốn mươi lăm người sống trong một đoàn thể, những xung khắc sẽ xảy ra. Tất cả chúng ta tại đây rất sẵn sàng giúp đỡ, rất chịu đựng và nâng đỡ lẫn nhau. Nhưng ngay cả trong những đoàn thể cởi mở nhất, mặn mà nhất và đầy tình thương nhất. Xung khắc vẫn luôn xảy ra”.

Năm 1975, có một thay đổi bi thảm đã diễn ra trong cuộc sống mọi người sống tại Thiền viện IBCZ. Nước Mỹ đã dính líu trong cuộc chiến Việt nam được mười ba năm. Nhưng vào đầu tháng Giêng, tiên sỹ Thiên-an nói với Karuna là Saigon sẽ sụp đổ trước một tây tháng năm. “Làm sao thầy biết được chuyện này?” Bà hỏi. “Tự nhiên tôi biết mà thôi”. Thầy trả lời và nói thêm, “sẽ có rất nhiều việc để làm đấy”. Ít lâu sau thầy đã trực tiếp can thiệp vào việc dàn xếp cho các nhà sư trẻ người Việt Nam nhập cảnh vào đất nước này, làm việc thông qua Hội các người bạn Mỹ (American Friends Service Committee) và cả bộ ngoại giao. Và chịu trách nhiệm về các phúc lợi cho các vị sư này và tiếp tục công việc huấn luyện một khi họ tới được Los Angeles. Ngày 30 tháng Tư Sài gòn sụp đổ. Chỉ hai tuần sau khi Thiền viện IBMC khởi sự khóa huấn luyện ba tháng. Điện thoại reo ngay lập tức và hình như không bao giờ chấm dứt. Vì Ngài là một trong những nhà sư

Phật giáo Việt Nam có nhiều uy tín tại Mỹ. Chỉ qua một đêm ngủ dậy ngài đã nắm quyền hành giải quyết làn sóng người di cư Việt nam đổ vào đất nước này. Đối với Karuna, là người đã quá hăng say trong công việc, sự kiện này có nghĩa là bà phải trải rộng giới hạn công việc ra xa hơn nữa. Trong vòng bảy tháng bà đã hiện diện mỗi cuối tuần liên tục tại trại tị nạn Pendleton, là nơi người tị nạn đến tá túc trong giai đoạn đầu đến nước Mỹ. Bà đến để thuyết pháp và thực hiện công việc phục vụ Tôn giáo, thuyết giảng. Và các trợ giúp ban đầu. Sau này khi cộng đồng người Việt tại Los Angeles đã mọc lên nhanh chóng (vào lúc đó những cái xác mệt mỗi năm ngủ khắp nơi trên nền nhà thiện viện). Bà phải giải quyết toàn bộ những nhu cầu trong việc di chuyển những con người này tới một môi trường hoàn toàn mới mẻ xa lạ.

“Thật sự mỗi giây phút đã trở thành thật sôi động” Karuna hồi tưởng lại, bà phải học làm việc dưới áp lực. Bình tĩnh trong cơn khủng hoảng. Không còn phải là vấn đề mỗi người làm hay không làm điều gì “làm đi thôi” bạn không còn lựa chọn nào cả và điều đó rất tốt. Tôi suy nghĩ. Bà không bao giờ ngủ hơn bốn năm tiếng đồng hồ mỗi đêm trong suốt thời gian đó và bà biết là thầy của mình còn ngủ ít hơn thế nữa. Mỗi buổi sáng đòi hỏi bà phải chú ý đến những gì cần thiết, không cần phản ứng hay suy tư gì từ bên ngoài.

“Tôi học được không khước từ điều gì cả. Hoàn toàn không chống lại bất kỳ điều gì. Chúng ta không còn có cơ hội nào để làm thế cả. Một khi bạn không có sự lựa chọn nào, bạn biết đó bạn không còn kịp suy nghĩ – để chống lại hay trả lời phủ định bất kỳ điều gì.

Chỉ qua một đêm mà trung tâm thiện đã thay đổi hoàn toàn. Trước đó là một đoàn thể có ba mươi lăm người cư ngụ. Hiện nay con số người di cư đến đã lên đến 150 người, kể cả một số rất đông con nít. “Họ có mặt khắp nơi” Karuna cho biết, “Bạn không thể đi ra đi vô phòng hội mà không dẫm chân lên xác người vì chúng tôi không còn chỗ nào để cho họ ở nữa”. Ngoài những căng thẳng không thể tránh khỏi tạo ra giữa các cộng đồng người Mỹ, lại xuất hiện những vấn đề khó khăn cụ thể phát sinh như vấn đề đăng ký cho trẻ em đến trường, dàn xếp để khám sức khỏe, trợ giúp tài chánh, lấy thẻ bảo hiểm y tế – toàn bộ những tổ chức cần thiết để nuôi ăn và nhà ở cho một dòng chảy không lồ những người mới đến.

Đối với Karuna, kinh nghiệm này và những kết quả luôn gắn liền bà với cộng đồng người Việt từ đó đã ảnh hưởng rất nhiều đến hướng đi cuộc đời bà đã lãnh nhận. Bà luôn luôn tham gia bất kỳ sinh hoạt Phật giáo người Việt nào nội trong tầm lái xe đến được trong vùng Los Angeles. Và được mời đến bất kỳ ngôi chùa Việt Nam nào trên đất nước này. Bà cũng rất quan

tâm đến tinh thần đại kết Phật giáo và đến các cuộc đối thoại với các nhóm Tôn giáo khác. Bà là thành viên tích cực của Hội Đồng Tăng Già Phật giáo Vùng Nam California, một nhóm qui tụ tất cả các truyền thống Phật giáo và các nhóm sắc tộc. Và như Karuna tường trình lại, đã xuất hiện một “tình huynh đệ tuyệt vời” giữa các nhóm hiện diện.

Vào tháng chín năm 1976 một biến cố thứ hai xảy ra cũng đã tác động mạnh đến cuộc sống Bà Karuna. Những cảm nhận về những khó khăn đánh dấu giai đoạn người Việt Nam có mặt tại trung tâm đã dần dà được giải quyết. Đa số những người này đã thích ứng rất tốt với môi trường mới và tự tổ chức được cuộc sống của họ. Một ngôi Chùa Việt Nam cũng đã được thiết lập và đang phát triển mạnh. Con gái bà hiện nay đã mười sáu và bước vào tuổi dậy thì, đang cần sự chăm sóc của mẹ rất nhiều. Karuna đang tìm cách tập trung tới việc luyện tập của con gái. Sắp sửa kết thúc học tại trường trong vòng hai năm nữa và được tự do dồn hết nghị lực vào điều con gái bà đã suy nghĩ là công việc thực sự của nó. Tháng tám năm 1976 con gái đã kết thúc xuất gia chung cuộc. Bà cảm thấy cuộc sống của con gái bà như mới trên bước đường khởi sự. Một tháng sau đó một tai nạn đã giết chết một người đàn bà rất thân với con gái và thành linh nó phải đối mặt với viễn cảnh phải nuôi dạy đứa con 21 tháng tuổi bà ta đã để lại.

Thoạt đầu bà suy nghĩ, “Tôi không thể làm được điều này” bà đang theo học để lấy bằng tiến sĩ. Bà cũng đã khởi sự học tiếng Phạn và tiếng Nhật. Bà đã lập chương trình cộng tác với một người bạn Hàn quốc đang dịch Kinh Phật từ tiếng Trung Quốc sang tiếng Anh, trong khi đó Karuna đang dịch sang từ tiếng Phạn. Nhưng đứa bé lại đang buồn ngủ trên cái nôi cạnh Bà. Karuna đã về thăm gia đình ít ngày trước đó và thật sự không còn chỗ nào để gửi nuôi đứa bé. Bà cẩn thận lướt qua tất cả các lựa chọn khác. Và chẳng tìm thấy biện pháp nào khả thi. Bà không thể bỏ qua được là phải bắt đầu lại công việc nuôi con nhỏ.

Ngay lúc đầu bà gặp rất nhiều rắc rối: đứa trẻ tự rút lui vào nội tâm, không nói tiếng Anh, không kiên nhẫn với chính mình. Nhưng Karuna đã để lại nơi đứa trẻ tình yêu dạt dào ngay từ những giây phút đầu tiên. Và bà không bao giờ phải hối hận về quyết định đó. Vào thời điểm tôi tới thăm, đứa con nuôi của bà đã lên mười tuổi và luôn tươi cười vui vẻ.

Lại còn một biến cố thứ ba đã làm thay đổi tận gốc rễ cuộc đời bà và không nghi ngờ gì nữa đó là khó khăn lớn nhất. Karuna cho biết, “Vì không còn lựa chọn nào khác”. Vào năm 1980 người thầy yêu dấu của bà viên tịch. Ông bị ung thư gan, đã di căn lên đến não và ông đã bị đau đúng một năm.

“Nhưng chỉ trước khi ông từ trần khoảng ba tháng chúng tôi mới thấy ông bị bệnh thực sự và ngay cả ông cũng mới thấy trong người bị bệnh. Bác sĩ chuyên khoa giải phẫu cho tôi biết là ông thầy phải chịu đau đớn rất nhiều”.

Karuna có mặt với thầy mình đều đặn, chính bà đã đưa thầy nhập viện vào ngày cuối cùng. “Một điều không dễ dàng gì phải sống vào những thời điểm đó với ông thầy của mình vì ông bị bệnh quá nặng, nhìn cuộc sống của thầy mình sắp qua đi, biết rõ không thể làm gì khác được để bám chặt vào cuộc sống đó, Bà không muốn rời xa thầy mình một giây phút nào”.

Tôi nói. “Thật là một điều tốt lành vì bà luôn túc trực tại đó”.

“Tôi rất hân hạnh được có mặt tại đó”,

“Bà yêu ông thầy nhiều lắm phải không?”

“Ô vâng tôi chưa hề có người bạn thân thiết nào như vậy trong đời mình cả”.

Karuna cho biết, ảnh hưởng của thầy quá sâu đậm và bà không còn biết cách nào để đáp trả lại được. “Chỉ có một cách duy nhất một đệ tử có thể trả công được cho thầy mình là trở thành vĩ đại như chính người thầy của mình vậy. Tôi không biết có thể thực hiện được điều này hay không”. Bà ngừng lại và rồi nói thêm, “Không, tôi nghĩ có thể thực hiện được điều này. Không những chỉ có thể được mà theo tôi suy nghĩ tôi phải thực hiện cho bằng được điều đó. Không phải ngay lập tức, nhưng chỉ là tôi có muốn thực hiện hay không”.

Sau cái chết của người thầy vĩ đại tại trung tâm thiền có một khoảng trống lớn và có nhu cầu phải tái cấu trúc lại những đường biên từ trước đến giờ. “Thầy là một phần quá thân thiết với tôi và tôi cũng đã trở nên một phần thiết yếu của thầy. Đến nỗi không có sự hiện diện thể lý của nhau, thật rất khó lòng biết được ranh giới riêng tư cá nhân tôi nằm ở chỗ nào. và cần một thời gian dài để giải quyết điều này”. Bà chưa sẵn sàng để tự đứng vững được, rất có thể phải chờ đến mười năm nữa chẳng. Nhưng điều đó tương tự như lao xuống vực thẳm. Không còn thời gian để suy nghĩ nữa. “Tôi đã sẵn sàng chưa?” hay là “Tôi muốn chờ thêm mười năm nữa”.

Tuy nhiên, khi mà đường biên dần dần được vẽ lại, Karuna đã nhận ra được bà không bao giờ có thể tách biệt khỏi thầy mình được. “Thầy hoàn toàn hiện hữu trong tôi mạnh mẽ đến nỗi lúc nào tôi cũng hiện diện nơi thầy mình”.

Karuna đương nhiên là đã nhận lãnh toàn bộ trọng trách tại trung tâm sau khi Bổn sư của bà từ trần. Và trở thành Giám đốc thiền viện IBMC vào năm 1980. Thêm vào những nhiệm vụ điều hành bà lại giảng dạy đều đặn một số

lớp học tại học viện, (một vài chủ đề vừa rồi về các môn học như: Kinh Lotus Sutra; lịch sử và phát triển phái Đại Thừa Cổ Đại; Triết học Phật giáo Zen. Thiền định Zen; giới thiệu sư Dharma.; Kinh Vimalakirti Nirveda Sutra; Triết lý Phật giáo.; Kinh Sutra Nữ hoàng Srimala Devi; triết lý và các tôn giáo Á Đông).

Khi tôi nhận xét là bà không bao giờ nghĩ đến việc có một cuộc sống riêng cho đời mình, bà đáp lại, “Không, là một nhà sư bạn không thể có cuộc sống riêng cho chính mình được, cuộc sống riêng tư ấy đã hoàn toàn biến mất. Rất lâu rồi, nhưng đặc biệt hiện giờ cuộc sống ấy chẳng còn hiện hữu nữa”.

Chúng tôi không tránh khỏi đề cập đến kinh nghiệm của Karuna như là một nhà sư phụ nữ và một nữ thiền sư trong một không gian đa số là nam giới, điều đó thật là quan trọng lúc ban đầu. Bà nhớ lại, để phát triển cảm nhận tự tin và độc lập – “Không phải điều gì được ưu ái dành cho phụ nữ nơi bất kỳ nền văn hóa nào” – và cũng cần thời gian để tự đứng vững, không phải lúc nào cũng phải dựa dẫm vào người khác. Bà cho biết, phụ nữ được dạy cho biết ngay từ hồi mới sinh ra là đến với người khác mỗi khi có vấn đề gây nản lòng, Nam giới đã được dạy cho biết là họ sẽ phải có giải pháp. Nhưng ngày nay điều này đã thay đổi rồi. Nam giới đã tự thú nhận là họ không phải lúc nào cũng có sẵn giải pháp. Và phụ nữ coi sự lệ thuộc như một cái nặng họ cần phải gỡ bỏ đi. Bà nói thêm, “Họ phải đối mặt trực tiếp và trở thành hoàn toàn tự lập. Và tôi nghĩ hiện nay tôi đang làm điều đó. Chúng ta sẽ thấy điều đó đúng hay sai! Nhưng tôi nghĩ tôi chỉ đạt đến điểm đó sau khi thầy tôi đã qua đời, khi tôi không còn ai để có thể cậy nhờ được nữa”.

“Có bao giờ bà thấy có vấn đề với nam giới là những người chưa quen thấy phụ nữ có được thứ độc lập đó chưa?”

“Ô có đấy, dứt khoát là có rồi và tôi cảm thấy rất khó chịu một thời gian. Tôi cố gắng tỏ ra rất dễ thương về điều đó. Nhưng tôi cũng đã xô xát trực tiếp với nam giới nhiều lần. Mặt khác, phụ nữ cũng có vấn đề riêng của họ nữa – có những người đã gán tất cả những khó khăn của chúng ta cho nam giới trong xã hội. Trong khi điều đó ở một vài khía cạnh. đó chỉ là cái cớ để chúng ta trốn tránh trách nhiệm. Thế nên điều gì đã đúng trong quá khứ, chúng ta phải đối phó ngay lập tức trong hiện tại. Tôi cũng đã gặp nhiều phụ nữ cứ cố gắng thuyết phục tôi những kinh nghiệm họ thấy về hành thiền giữa nam giới và nữ giới rất khác biệt. Kinh nghiệm mỗi cá nhân rất khác nhau và nhất định giới tính cũng góp một phần vào sự khác biệt đó, nhưng chỉ có một phần thôi. Và tôi không biết được đó có phải là phần quan trọng nhất hay không”.

Karuna cảm thấy điều quan trọng là vai trò thiền sư không những chỉ dành cho nữ giới thôi mà còn cho cả nam giới nữa. Nữ Thiền sư đã cung cấp cho chúng ta một cách tiếp cận và một viễn tưởng khác. Nhưng tri giác thông thường của chúng ta là nữ thiền sư đôn hậu hơn, nhẹ nhàng hơn và yên tĩnh hơn chỉ là một ảo giác. Karuna tin rằng cho dù bên ngoài có nhẹ nhàng hơn, “bên trong không mấy khác biệt nhau đâu”, rất có thể nữ giới còn tỏ ra một chút rắn chắc hơn nam giới nữa là đằng khác.

Tôi hỏi, “Bà đang nói về chính mình có phải không?”

“Tôi có thể nói về chính bản thân tôi. Là một người phụ nữ đạt đến vị thế đó, dứt khoát phải có sức mạnh thực sự, sắt thép thực sự. Bên dưới những thứ đó, tôi có thể tỏ ra không khoan nhượng với bất kỳ ai ở bất kỳ thời điểm nào và có lẽ đó là điều tồi tệ”

“Tôi rất thích trông thấy bà hành động!”

“Vâng, trong hầu hết mọi trường hợp tôi là người rất có tình có lý. Nhưng tôi rất hay tự bóc trần. Tôi kỳ vọng rất nhiều nơi người khác. Một trong những điểm yếu của tôi là tôi không thể chịu đựng được những người lười biếng và những người thiếu khả năng. Tôi cứ bỏ qua họ luôn. Những thiền sinh nào gắn bó mật thiết với tôi chỉ là những thiền sinh đã tỏ ra cam kết một cách kiên trì và dài hạn. Những sinh viên nào tôi muốn bỏ ra nhiều thời gian gần gũi chỉ là những em rất chăm chỉ chịu khó và không bao giờ nói, “Em không thể”.

Mặc dù bà không có được những gương phụ nữ điển hình trong nhiệm vụ đặc biệt nào để noi theo. Karuna không bao giờ coi điều đó là vấn đề nghiêm trọng, “Chẳng bao giờ xảy đến với tôi là phụ nữ lại không có thể hoàn thành được bất luận điều gì bao giờ”.

Tuy nhiên, với một khí thế có hơi khác người một chút Karuna đã cho thấy một khía cạnh khác nơi bản thân bà. Chúng ta có thể nói tất cả những gì chúng ta muốn nói, không có sự phân biệt giữa đàn ông và đàn bà. Về giác ngộ không có gì liên quan đến những khác biệt giới tính cả. (“Nếu không có thân xác, thì làm sao có được những khác biệt giới tính?”). Tuy nhiên ở một mức độ ngoài đời hàng ngày chúng ta phải thừa nhận có những khác biệt được nhận ra. Và ngày càng rõ Karuna đã nhận thấy rằng có một thay đổi sâu rộng về những điều được coi là những giá trị của người phụ nữ, khi Phật giáo du nhập vào nền văn hóa mới này bà tin rằng sẽ có được thành công nhất định, nếu như có được một lượng lớn nghị lực và trách nhiệm của người phụ nữ can dự vào đó.

Bà cho là, Phụ nữ nơi Phật giáo tại nước Mỹ thể hiện như điều David Spangler gọi là “Vị thế nhạy bén nhất” vì thế họ luôn phải hết sức tỉnh táo và ngay cả phải tỏ ra “tốt hơn” là người đồng nghiệp nam giới của mình. (“Thẳng thắn mà nói, tôi nghĩ chúng ta còn tốt hơn nam giới trong một vài lãnh vực nào đó”) cho dù bà chờ đợi điều gây ngạc nhiên. Bà tiếp tục nói, nhìn chung không phải phụ nữ chỉ đang nuôi dưỡng, nhận thức và nhạy bén hơn với những thay đổi, mà họ còn tỏ ra là người mạnh mẽ hơn nữa. Họ là những người mà toàn bộ gia đình luôn phải tùy thuộc vào. Và xét cho cùng bà nói thêm, phụ nữ ít tình cảm hơn nam giới.

Tôi yêu cầu bà làm ơn nhắc lại điều vừa nói và bà cho biết, “Tôi nghĩ phụ nữ ít tình cảm hơn đàn ông ở chỗ họ thực tiễn hơn, ít lãng mạn hơn nam giới khi những điều thực tiễn, những tình tiết cụ thể, những việc thường ngày xảy ra. Phụ nữ thường thực tế hơn nhiều trong quan hệ và thái độ của họ về những quan hệ đó”.

“Bất hạnh thay đàn ông đã luôn lãng mạn hóa phụ nữ tới mức độ gây phương hại đến chúng ta” tôi nói thêm.

“Và tôi nghĩ phụ nữ đã không làm thế đối với đàn ông ở bất cứ nơi nào. Có lẽ tốt hơn chúng ta cũng phải bắt đầu như thế là vừa”.

Bà mô tả tiếp một biến cố nhỏ xảy ra nhiều năm trước khi có người hỏi thiền sư của bà về việc phụ nữ giác ngộ như thế nào. Họ đã nhận thấy tất cả những ví dụ điển hình trong văn chương đều chỉ liên quan đến nam giới. Thiên-an đã trả lời theo ý kiến của ông thì đàn bà dễ được giác ngộ hơn vì nhiều người trong họ đã phát triển lòng nhân ái một cách mạnh mẽ và có khả năng nhận thức bằng trực giác rất cao. Vì thế ngay từ bẩm sinh họ đã tiến gần hơn nam giới trong việc thể hiện giác ngộ. Nói một cách khác cảm tình họ gặp ít chướng ngại hơn trên bước đường dẫn đến giác ngộ.

Tuy nhiên, Karuna cảm thấy theo truyền thống phụ nữ ít trở thành thiền sư hay lãnh đạo. Vì họ ít quan tâm đến quyền lực theo một nghĩa rộng. Và nhiệm vụ đương nhiên của người phụ nữ là phụ thuộc vào nam giới. – Bà nói, “Điều đó không phải là Phật giáo, mà là điều do văn hóa áp đặt”. Nhưng hiện nay phụ nữ cần có được chỗ đứng bình đẳng, không chờ người khác ban tặng cho điều gì. Nếu họ không làm như vậy họ sẽ chẳng bao giờ có được cách đối xử bình đẳng.

Tôi hỏi tiếp: “Trong cơ cấu Phật giáo ngày nay, liệu có thể thực hiện nổi điều đó không?”

“Vâng, nếu chúng ta muốn thực hiện điều đó, sao lại không được. Và hiện nay là thời điểm để làm điều đó, bất luận điều gì chúng ta thực hiện trong

những giai đoạn đào luyện này sẽ ảnh hưởng lớn đến những gì sẽ xảy ra trong tương lai”.

Trong lời kết câu chuyện kể về Karuna và thiên sư của bà. Có đề cập đến người cha của Karuna, quan hệ giữa cha và Karuna gặp đầy khó khăn và chông gai trong suốt cuộc đời bà. Tổ tiên của bà đã sang định cư tại Mỹ hơn 350 năm qua và ông là người mang gốc “Ăng-lê đặc biệt” và rất bảo thủ. Bà không thể trình bày được với ông về bất kỳ điều gì quan trọng trong cuộc đời. Cho dù ông luôn muốn các con của ông lớn lên trở thành người có cá tính độc lập. Sự ông không đồng ý và không thông cảm với những lựa chọn quan trọng nhất đời người con gái của ông là điều rất rõ ràng. Vào năm 1975, chỉ một năm sau khi mẹ bà qua đời, cha của bà đã quyết định tái giá. Và khi ông gọi con gái về để loan báo ý định đó. Bà nghe rõ ràng ông cảm thấy hơi sợ hãi nếu như con gái không đồng ý, vì bà vẫn là một thành viên trong gia đình. Vào lúc đó, tất cả nỗi lo sợ của bà đều tiêu tan hết.

Sau này, ông đã gặp thiên sư của con gái và lưu lại một ít thời gian trao đổi với ông. Và Karuna cho biết, “Thật là tuyệt vời vô cùng”, Ông bắt đầu đọc, học và truyền bá Phật giáo cho những người trong giới có kiến thức để cho họ hiểu những gì con gái ông đang thực hiện. Khi Thiên-an viên tịch, cha của bà vừa mới qua ca mổ đầu gối, nhưng ông cho biết ông phải ra viện ngay lập tức để đến chỗ con gái. Bà nói, “Nhưng ba vẫn còn phải nằm viện cơ mà, ba không thể di chuyển được đâu”, Nhưng ông chỉ một mực nhắc lại là ông phải đến.

Karuna cho biết, “Đó chính là điều tôi cần đến”, Ông bắt đầu tập luyện trên giường bệnh và cho dù bác sĩ đã cảnh báo là ông không được di chuyển trong vòng nhiều tuần, chỉ trong vòng ba ngày sau ông đã rời bệnh viện và lên máy bay về nhà.

Chính sự hiện diện của ông mang lại ích lợi vô cùng cho Karuna. Cả ngày bà phải ở lại Trung Tâm thiền Los Angeles. Bao quanh biết bao nhiêu người đau khổ và lo lắng. Không có nhiều thời gian riêng dành cho bà. Ngay cả ban đêm bà cũng lái xe về nhà tại Downey và có cha đang chờ tại đó, ngay cả vào lúc một hai giờ sáng. Không có nhiều thời gian và họ chỉ có thể nói với nhau hầu hết chỉ về những điều không mấy quan trọng, nhưng đơn giản là ông chỉ có mặt tại đó đã là điều thật ý nghĩa rồi. “Và khi ông thấy hàng ngàn hàng ngàn người tuôn ra đường tham dự đám tang và khi ông đọc bài đăng tải trên tờ Thời Báo Los Angeles và những bản điện báo trên khắp thế giới gửi tới và nghe về các lễ nghi không ngừng diễn ra tại đây trong suốt một tuần lễ, cha đã nhận ra vị thế cũng như địa vị tôi đang nắm giữ.

Hiện nay khi ông nói về tôi ông thường dùng từ “Con gái tôi, một nữ tu Phật giáo”. và tôi nghĩ hiện giờ ông rất hạnh diện về tôi”.

Thế là Karuna đã mất đi một người thầy nhưng lại tìm được một người cha mà bấy lâu nay bà đã không phát hiện ra được ông vẫn còn đó. Theo một số thông tin phát hành tại thiền viện IBMC từ Monthly Guide (Người Hướng Dẫn Hàng Tháng) hình như bà cũng phát hiện ra được một đệ tử (học trò) – một phụ nữ với nhiều năm kinh nghiệm trong nghề điều dưỡng và hiện nay cũng đang theo học khóa huấn luyện trở thành tu sĩ Phật giáo chung với bà và cũng đã điều hành một khóa huấn luyện cuối tuần về thiền và phương án chữa trị. (Trong một lá thư mới đây Karuna cũng viết về một học trò nam cũng đang trong giai đoạn huấn luyện) Đây là đôi điều bà đã trình bày mong rằng khi nào đó trong tương lai khi tôi đến gặp lại bà. Vào thời điểm đó chủ yếu bà chỉ suy tính về thực hiện công việc của cố thiền sư, bà đã hứa với thầy mình là sẽ giữ những gì đã hứa. Nhưng hiện giờ bà cho biết là đang muốn có nhiều thiền sinh theo học với bà để trở thành tu sĩ Phật giáo nam cũng như nữ và để phát triển một nhóm những người tình nguyện là chính và một người trong số họ sẽ lãnh trách nhiệm điều hành trung tâm thay bà để cho Karuna được rảnh rỗi đôi chút.

Được rảnh để làm gì? thưa bà, để viết và xuất bản nhiều bản viết tay của thiền sư để lại, rất có thể tôi sẽ viết một cuốn tiểu sử về người thầy thiền sư của bà, để quay trở lại học tiếp môn ngôn ngữ tiếng Phạn, để đọc được những bản Kinh Phật Nguyên Thủy, để thỉnh thoảng đi du lịch sang Á châu và thực hiện những công việc Đại kết thầy mình đã khởi xướng. Tuy nhiên, tất cả những công việc đó đều đòi hỏi nhiều thời gian. Nhưng vẫn còn một thời gian dài để chăm sóc cho đứa con nuôi và huấn luyện một đệ tử khả dĩ đảm trách được công việc điều hành Trung Tâm Thiền, bà cảm thấy cần phải mất đến mười năm. Nhưng rõ ràng là mọi sự cứ diễn tiến lên phía trước. Tôi có thể nhận ra Karuna đang cương quyết tiến những bước dài về phía trước. Và tôi còn nghe được cả tiếng cười của bà.

Mùa Đông năm 2000

Từ cuộc thăm viếng đầu tiên chúng tôi đã thực hiện được trong nhiều năm qua. Tôi còn nhớ rất rõ diện mạo Karuna: một phụ nữ mạnh mẽ, cường tráng và tỏa ra nguồn nghị lực dồi dào. Hiện nay bà phải chống gậy, chân trái của bà đã phải gán một cái kẹp, cánh tay trái không còn sử dụng được nữa. Sáu năm qua, bà đã bị một cú nhồi máu cơ tim rất mạnh, hậu quả là bà không thể xoay trở trên giường được nữa. Hiện nay, sau khi đã phục hồi và với một chiếc xe hỗ trợ, bà đã có thể đi lại mỗi ngày. Bà bước đi rất khó khăn và phải tập trung rất nhiều.

Mặc dù Karuna không bao giờ nghi ngờ bà sẽ hồi phục được, sự bất lực là một thách thức lớn đối với bà. Bà nói với tôi: “Trở thành hoàn toàn phụ thuộc vào người khác là một bài học rất lớn tôi cần phải học”. Những chi tiết chân tình nơi kinh nghiệm của bà nay được nhìn dưới một nguồn sáng mới. “Tôi bắt đầu đánh giá cao cách thức thân thể chúng ta hoạt động cho dù xưa nay chúng ta không để ý đến”. Hiện giờ bà phải tập trung tư tưởng vào đủ thứ. “Làm sao có thể di chuyển chân này đây? Làm sao di chuyển xuống cầu thang? Tôi có thể mặc được chiếc áo này không? Tôi có thể làm cho chân trái cử động được không?” Đơn giản thật, nhưng lại hết sức khó khăn. Để nhắc chân lên, Bà phải dừng lại và suy nghĩ, “Hãy nhắc chân lên nào”.

Tuy nhiên, điều khó nhất là đối phó với những cảm xúc, chúng thỉnh thoảng xuất hiện và không thể kiềm chế được. Trước kia bà chưa bao giờ khóc trước công chúng, “ngay cả khi thiền sư và cũng là người bạn quý nhất trên đời của tôi qua đời”. Giờ đây bà thấy mình có thể khóc vì bất cứ điều gì bình thường nhất, nhưng sau đó bà bắt đầu cho là hiện tượng cụ thể đó là do hậu quả “cú sốc” tim gây ra. Mãi về sau bà mới chế ngự được cảm xúc, cho dù bà vẫn thấy rất dễ bật khóc khi đang xem phim!

Toàn bộ kinh nghiệm đó là “một thiền sư vĩ đại” đối với bà. Bà nhận ra là “cứ mỗi khi chúng ta khóc một cách dễ dàng vì buồn phiền hay tức bực, không nhất thiết đó phải là dấu hiệu chúng ta đang tấn tới trên đường Phật pháp”. Thoạt tiên việc không kiềm chế được cũng thách thức và gây phiền toái cho bà. Nhưng bà nghiệm thấy được sau cú sốc, bàng quang thường co nhỏ lại và dễ dàng nhận ra việc không kiềm chế được như một cách khác làm cho bà không tự kềm chế.

Ở một mức độ nào đó, các thiền sinh lớp lớn cũng đang đảm trách dần nhiệm vụ thuyết Pháp của Karuna. Tỷ dụ như trong ba năm đầu sau “cú sốc” một đệ tử chính đang tu luyện của bà đã đảm nhận điều hành chương trình huấn luyện các sư sãi. Bi thảm thay, chính người học trò này của bà cũng đã qua đời vào năm 1996, bắt buộc Karuna lại phải đảm trách một số công việc bà đã từ bỏ.

Một lãnh vực hết sức thúc bách đối với bà đó là dự án hướng về các nhà tù, Bà đã khai trương năm năm về trước. Hàng tuần trung tâm IBMC nhận được khoảng từ năm đến mười lá thư do các tù nhân gửi đến tìm kiếm thông tin về hành thiền. Nếu như Karuna cảm thấy họ là ứng viên thích hợp, bà sẽ liệt kê họ vào một chương trình liên lạc bằng thư từ giúp họ liên lạc trực tiếp với các thiền sinh có kinh nghiệm, các thiền sinh này sẽ gửi tài liệu và trả lời các thắc mắc cho họ. Một thiền sinh hàng tháng quan hệ với khoảng sáu mươi tù nhân, trông nom một khóa giảng huấn cho mỗi tù nhân riêng biệt. Hiện nay,

một trong số các tù nhân cũng đã lãnh trách nhiệm hướng dẫn cho nhiều học sinh tù nhân mới. Mục đích là huấn luyện những tù nhân lãnh án tù dài hạn để bắt đầu và duy trì ngôi thiền, các nhóm học hỏi tại các nhà tù có nhiều tù nhân hưởng ứng. Một trong những thiền sinh trong tù đã được xuất gia qua điện thoại như một người anh em trong Ni đoàn do Karuna khởi xướng và chính anh ta cũng được giao trách nhiệm liên hệ với các tù nhân mới khởi sự hành thiền. Một vị sư nữa tại trung tâm cũng đang làm việc với các thanh thiếu niên trong trại Giáo Hóa Juvenile Hall và tại Camp Kilpatrick ở Malibu. Vị sư này dạy các em thổi khẩu cầm kèm theo hướng dẫn hành thiền!

Trong những năm qua, trung tâm đã đăng cai tổ chức các buổi liên hoan nhân ngày lễ Vu lan (Halloween) cho các trẻ em đường phố và các trẻ em bị lạm dụng tình dục cũng như một buổi hòa nhạc ngoài trời dành cho toàn bộ khu ngoại ô với nhiều ban nhạc Rock tại Los Angeles đến biểu diễn. Sáu tuần lễ sau các cuộc bạo động xảy ra tại Los Angeles vào năm 1992 trung tâm thiền IBMC kết hợp với Hội Đồng Liên Tôn Giáo miền nam California đã tổ chức một sự kiện gọi là “Nói Vòng Tay Lớn Xuyên Los Angeles”. Hai mươi ngàn người đứng kề bên nhau dọc suốt mười dặm Đại Lộ Western cầm tay nhau và biểu dương tinh thần hòa hợp chủng tộc và tôn giáo là điều quan tâm chính tại Trung tâm IBMC trong nhiều năm qua. (Trung Tâm IBMC nắm phần tổ chức và thực hiện sự kiện, chủ yếu do con lớn của Karuna đứng ra điều động tổ chức).

Karuna cũng nhận thấy đang có sự gia tăng của một số các chàng đồng tình dục, đồng giới tuồn về trung tâm, rất có thể là do kết quả xuất quân của hai thiền sinh lớp lớn: một người hoạt động với nhóm đồng tính luyện ái nữ trên Internet, còn người thứ hai đang lãnh đạo một nhóm đồng tính luyện ái nam tại trung tâm. Bà cho biết, “tính chất tình dục đồng giới không là vấn đề với chúng tôi”, một chàng tình dục đồng giới đã được xuất gia đầy đủ là một thiền sư Zen và hai người đàn ông và một phụ nữ cũng đã được xuất gia là thiền sư đang được huấn luyện. Mọi người ước ao đều có thể được xuất gia đầy đủ làm thiền sư Zen.

Nhưng “thay đổi lớn nhất”, theo Karuna chính là những thủ tục xuất gia truyền thống tại trung tâm. Năm 1994, đã có một “Cuộc Xuất gia Lớn” đầu tiên mời tất cả các Đại sư, thiền sư thuộc tất cả các truyền thống đến tham dự. Có ba mươi Đại Thiền sư đến tham dự lễ nghi, đại diện cho các truyền phái Đại Thừa, Tiểu Thừa và Vajrayana và các tu sĩ Pure Land cũng có mặt cộng với Đại Thiền sư Zen. Hơn thế nữa, nam giới cũng như nữ giới đều cùng nhận những trách nhiệm ngang nhau. Lần đầu tiên trong lịch sử một nữ Đại sư (Karuna) dâng lời thề chung cuộc đại diện cho cả nam và nữ tu sĩ.

Nghi lễ mang đặc trưng “quốc tế thực sự”: được hướng dẫn bằng tiếng Anh, sử dụng những hình thức xuất gia theo truyền thống Việt Nam và kéo dài trong vòng ba giờ. Mỗi nhà sư nhận áo cà-sa theo truyền thống riêng của mình nhận pháp danh do thiền sư của mình ban tặng. Có hai mươi bảy nam nữ thiền sinh được xuất gia ngày hôm đó. Ba năm sau vào tháng 11 năm 1997, một “Cuộc Xuất gia Lớn” thứ hai cũng được tổ chức. Kết quả là có ba nữ thiền sinh theo trường phái Đại Thừa từ Việt nam, Sri Lanka và Nepal nhận được xuất gia chung cuộc, “một sự kiện chưa từng xảy ra tại đất nước họ”, và tám thiền sinh phụ nữ Tây phương được xuất gia theo truyền thống Tây tạng. Karuna hy vọng các chùa khác cũng noi theo, xuất gia cho những người không chia ra các trường phái riêng lẻ, nhưng xuất gia vào một cộng đồng tu sĩ Phật giáo thống nhất.

Karuna cảm thấy phải khẩn trương đào tạo một số thiền sinh mới và trẻ. Đa số các thiền sinh của bà đều “quá lớn tuổi để có thể điều hành trung tâm, một khi tôi phải rađi: họ thường đã ngoài bốn mươi, năm mươi hoặc giả ngoài bảy mươi nữa. Tôi sắp bước sang tuổi sáu mươi năm tới và cần mười năm để đào tạo một người có thể điều hành và quản lý cũng như kiêm cả giảng dạy. Vấn đề của tôi nằm tại chỗ đó”.

Nhưng để làm một thiền sư tốt, hiện bà tin tưởng hơn bao giờ hết đó là tùy thuộc vào vấn đề chúng ta sống ra sao. “hơn là thực hiện những bài thuyết Pháp thật sáng giá”. Tôi nghĩ, công cuộc tại các nhà tù là phần chính công việc thuyết pháp của bà hiện nay (hầu hết được thực hiện thông qua máy tính) là một ví dụ điển hình. Karuna cho biết, “Các tù nhân rất cần đến quan hệ với thế giới bên ngoài, cách tiếp cận của họ rất trực tiếp, khẩn trương và đôi khi rất mũi lòng. Đặc biệt đối với những người còn phải ở tù trong nhiều năm nữa. Một số người trong bọn họ có được trực giác rất tuyệt. Thoạt tiên bọn họ sẽ chỉ viết vài chữ như: “Tôi chỉ là người khởi sự học thiền. Tôi mới hiểu rađược là tôi đã gây ra hầu như toàn bộ mọi vấn đề. Tôi thực sự không phải là một người xấu. Tuy nhiên tôi đã phạm sai lầm. Hiện giờ tôi muốn học chế ngự cuộc sống của tôi, để tìm bình yên tại một chỗ chẳng có bình yên. Các bạn có thể giúp tôi bằng cách gửi cho tôi một vài cuốn sách hay một vài bản tin về Phật giáo không? Tôi xin cảm ơn bạn vì đã bỏ thời giờ ra đọc bức thư của tôi và tôi nóng lòng chờ đợi hồi âm của bạn”

Đôi khi, Karuna cảm thấy thật biết ơn vì đã thức dậy vào mỗi buổi sáng. Đôi khi, “Tôi quá mệt mỏi và cũng muốn đi lòng vòng để giết thời gian. Nhưng tôi không biết tìm đâu ra thời gian”.

[09] - **Thiền Sư Sharon Salzberg**

*Bạn có thể nghĩ bà ấy còn quá trẻ.
Để thốt lên được một tiếng từ bi,
Và dùng đến lưỡi bạn thử ném.
Để giải thích thế nào là từ bỏ
Từ trí khôn xuống đến tận xương tủy
Để chỉ tung một kinh bản Dukka
Và tiếng nói phát ra tận tâm trí.
Với đầu cao trọc đến tận thịt da.
Nhưng cái nhìn với vẻ mặt đầy ưu ái
Lọt tới tận vòng cung má ửng hồng
Đó đâu phải bà mẹ già Giotto?
Mà Quan Âm mẹ Trung hoa đôn hậu.
-- Lenore Friedman*

Thời gian vào khoảng những năm bảy mươi và không gian là tại Calcutta. Hai bạn trẻ người Mỹ đang rảo bộ giữa đám đông trên đường phố bản thủ dẫn đến nơi ở của vị thánh tuyệt vời cũng là một thiền sư với tên gọi Dipa Ma. Họ quay vào một lối đi chật hẹp lầy lội và băng qua một đoạn đường đầy vũng nước mưa lầy lội tiến thẳng tới một căn nhà họ đang tìm kiếm. Bước lên tới bốn bậc thang họ thấy một căn phòng nhỏ trong đó Dipa Ma đang sống với con gái. Căn phòng không được trang bị một thứ gì, trừ một chiếc giường gỗ và một bức màn giăng vải, đằng sau treo một vài bộ quần áo. Có rất nhiều phòng như thế, chen chúc trong đó là nhiều gia đình sinh sống, có một mảnh bao quanh và một chiếc bơm nước công cộng cũ kỹ. Đầu kia của căn phòng là bếp ăn và phòng tắm cho cả gia đình. Ngay trong khoảng không gian như thế, Dipa Ma đang ngồi thiền yên lặng, phát ra một thứ ánh sáng kỳ ảo. Đôi khi bà dùng cơm với khách, đôi khi trả lời những cuộc phỏng vấn thông qua một người phiên dịch. Thường ngày, bà chỉ ngồi đó, hoàn toàn an bình thanh thản. Sau một vài tiếng đồng hồ, hai người Mỹ từ biệt bà trong lòng tràn ngập một niềm hạnh phúc lạ lùng. Họ bước xuống mấy bậc thang hẹp và bước vội vào những dãy phố xấu xí như thể đang lọt vào một chốn thần tiên. Họ vượt qua những vũng nước đọng và thấy nhiều người ăn xin và người cùi hủi tắm dưới ánh nắng mặt trời.

Một trong hai người Mỹ đó chính là Sharon Salzberg, bà còn rất trẻ, chỉ vào khoảng mười chín vào thời điểm đó. Người kia là Joseph Goldstein, người bà mới gặp không lâu trong khóa huấn luyện thiền mười ngày với một thiền sư nổi tiếng Đại sư S.N. Goenka. Joseph đã đến Ấn độ nhiều năm trước Sharon Salzberg. Qua sự giới thiệu của thiền sư là Munindra, họ gặp được

Dipa Ma, bà đã là thiền sinh của ngài Munindra trước đó. Dipa Ma luyện thiền hơi thở, sau một loạt những mất mát thua lỗ lớn và bà đã thực hiện những thay đổi ngoạn mục sau nhiều khóa luyện thiền cao cấp. Sharon Salzberg mô tả bà là một người “Hoàn toàn trống rỗng. Không hiện thân một ai cả”. Trong khi đó bà vẫn rất khỏe mạnh, với “sức mạnh tựa như ánh sáng”.

Sharon Salzberg đã sống nhiều năm tại Ấn độ và Miến Điện, bà đã học hỏi với một số thiền sư quan trọng kể cả thiền sư vĩ đại người Tây Tạng Kalu Rinpoche, bà luôn đề cập đến ông với lòng tôn kính và yêu thương. Nhưng dấu sao, Dipa Ma đã gây ấn tượng mạnh mẽ nhất trên cuộc đời bà. Chỉ vì một điều tiên đoán Dipa Ma đã cho Sharon biết một ngày nào đó: bà sẽ trở thành một nữ thiền sư nổi tiếng và sai bà về nhà khởi động qui trình huấn luyện thiền (ngay vào một thời điểm Sharon thấy khó chấp nhận và chưa được sửa soạn) một trong những kết quả cho lời tiên đoán chính là Trung tâm Insight Meditation Society được thành lập vào năm 1975 do Joseph Goldstein, Sharon Salzberg và Jack Kornfield sáng lập tại Barre, bang Massachusetts.

Chính tại trung tâm này, lần đầu tiên tôi đã được vinh dự phỏng vấn bà để xuất bản cuốn sách này vào mùa hè năm 1983. Tôi cũng đã nói chuyện với bà vài lần trước đó, khi còn là thiền sinh tại một số các khóa huấn luyện Thiền Minh Sát (Vipassana) do bà cùng tổ chức với Joseph. Hiện nay tại Barre các khóa huấn luyện ba tháng hàng năm được tiến hành đều đặn. Trung tâm đầy người (như thường xảy ra vào thời điểm đó) và tôi được bố trí ở tại một phòng thể dục được chia thành nhiều phòng và kê giường ngay trên sàn. Ngoại trừ thời gian tiếp chuyện với Sharon, tôi phải tham gia chương trình huấn luyện trong bốn ngày.

Trung tâm IMS tọa lạc trong một dãy nhà gạch khổng lồ, một thời là một Chung Viện Công giáo, có rất nhiều tầng lầu và nhiều cánh khiến cho người mới tới có thể bị lạc. Trong suốt mùa đông tòa nhà rất khó sưởi ấm. Nhưng cho dù lúc tôi lưu lại đó có tuyết rơi, nhưng thực sự khí hậu không lạnh lắm. Tôi còn nhớ một cuộc đi dạo yên lặng tuyệt vời qua những cánh rừng khẳng khiu, bước chân trên hàng lớp lá khô muôn màu, có cả lá cây hình ngôi sao một mặt màu đỏ còn mặt kia màu nâu thẫm.

Sharon khám phá Phật giáo lần đầu tiên vào năm mười bảy tuổi, nhờ đọc một cuốn sách của Chogyon Trungpa mang tựa đề *Sinh ở Tây Tạng (born in Tibet)* và cuốn *Thiền thực hành (Meditation in Action)*. Bà là sinh viên năm nhất đại học Buffalo bắc Nữ ớc, do một loạt những biến cố bề ngoài coi như “tai nạn” nhưng sau này bà coi đó như việc hé mở tuyệt vời nhất cho

cuộc đời bà. Hai năm sau đó bà sang Ấn độ vào tháng mười năm 1970. Bà chưa bao giờ hành thiền trước kia, nhưng bà dự biết mình muốn học thiền. Và rồi lại một biến cố bất ngờ nữa, chính bà đã tham gia khóa huấn luyện mười ngày với thiền sư Goenka tại New Delhi.

Điều bà nhớ rất rõ những kinh nghiệm đầu tiên đó là rất trong sáng, giải thoát khỏi mọi khổ đau. Phải mất đến bảy tháng cố gắng không mệt mỏi bà mới có thể ngồi thiền được một giờ. Tuy vậy quyết tâm của bà thật tuyệt vời. Một khi đã nhập thiền bà không bao giờ do dự lúng túng. Bà không bao giờ nghi ngờ hướng đi của mình (hiện nay bà luôn nói là cho dù bà cũng đã có thời gian nghi ngờ và thắc mắc về một vài điều thực hành đặc biệt nào đó. Nhưng nếu hoàn toàn không nghi ngờ gì ngay từ lúc đầu, đôi khi cũng là những trở ngại để đối phó với những thiền sinh có vấn đề sau này).

Sharon đã trải qua nhiều mất mát và rối loạn ở vào thời điểm đầu cuộc sống, Cha bà bỏ gia đình ra đi khi bà mới bốn tuổi rưỡi. Mẹ bà mất khi bà lên chín tuổi. Cha có trở lại nhà vào thời điểm đó, nhưng lại ra đi khi bà lên mười một. Bà sang Ấn độ là do một thúc bách muốn tự giải thoát khỏi đau khổ và mọi hậu quả. Quyết tâm của bà cứ âm ỉ như ngọn lửa đưa bà vượt qua bất kỳ những trở ngại nào. Nhất là những trở ngại thuộc thể lý. Khi bà bị đau nghiêm trọng vì bệnh viêm gan và phải trở về điều trị tại Hoa kỳ, bà chỉ lưu lại đó ít tuần rồi sang Canada ở đó bà thực hiện một loạt những cuộc tĩnh tâm với thiền sư Thiên Minh Sát Robert Hover. Và trở lại Ấn độ khi có cơ hội sớm nhất. Lần này Bà lưu lại đó một năm rưỡi.

Hiện nay, nhớ lại mình quá ngây thơ vào những ngày đầu, bà rất xúc động và buồn cười. “Tôi không nhận ra được giới hạn của mình”. Bà nói, “tôi chỉ hiểu theo nguyên văn. Tôi không biết điều gì tôi có thể và không thể làm được”. Khi ngài Munindra giải thích luyện thiền là ngồi cho tới khi nhận thức được chân lý hoàn toàn, bà đơn giản ngồi thiền và làm y như thế! “Tôi tỏ ra rất dễ dạy, thật quá đơn giản tôi tiến hành ngồi thiền không thắc mắc gì cả”.

Điều đơn giản không có nghĩa là dễ dàng. Thí dụ như khi bà thọ giáo với Kalu Rinpoche tại Darjeeling, bà đã leo lên hành thiền trên đỉnh ngọn đồi trong một cái chòi chứa đầy khoai tây không có mái che, cũng chẳng có cả tường chắn. Vào mùa mưa chỉ che sơ sài bằng tấm nylon và nguồn nước duy nhất là con suối ở tận chân đồi. Thức ăn thì giảm thiểu tới mức chỉ còn một bữa mỗi ngày. Nhưng bà đã khám phá ra và hiểu được ý nghĩa của việc từ bỏ và – do chính Kalu truyền đạt – Bà hiểu được ý nghĩa của Bồ Tát.

Bà học được ý nghĩa tình yêu trong sáng và tình yêu vô ngã. Điều rõ ràng là Kalu không muốn điều gì ở bà cả. Ông không nhận tiền và rõ ràng là không

thuyết pháp nhằm thăng tiến bản thân hay quyền lực. Cái gương “trong sạch tuyệt trần” đó rất quan trọng trong việc phát triển trung tâm thiền IMS (mà ngoại trừ một sự kiện nhỏ can dự đến một thiền sư tại Ấn độ, đa phần không bao giờ bị gây phiền hà do những chuyện tình cảm phá hoại như thường xảy ra ở những nơi khác).

Thứ bảo vệ và tình yêu Goenka đã dành cho Sharon đã khiến bà cảm thấy an toàn để nhìn thẳng vào những sự việc mà bà chưa bao giờ để ý tới nơi bản thân. Bà bắt đầu đi theo ông khắp nơi, tham dự từ khóa huấn luyện này tới khóa huấn luyện khác trên khắp mọi miền đất nước Ấn độ. Sau mười ngày yên lặng ngồi thiền tập trung căng thẳng, đột nhiên bà thấy mình xuất hiện trên xe lửa ồn ào, đông đúc và nghẹt thở trong vòng ba ngày, trên đường tới phía tận cùng bên kia đất nước Ấn độ. Rồi họ còn đi đến nhiều nơi khác nữa. Lúc nào cũng theo sát ông, tham dự những khóa huấn luyện ba mươi ngày.

Đến thời điểm này việc luyện tập của Sharon đã tiến tới đáng kể. Bà đã áp dụng cho chính mình một cam kết của một người có thể chết vào mỗi đêm. Với một quyết tâm đến nỗi chỉ sau giây lát bà bắt đầu cảm thấy mình không còn tự chủ được và bị vật vã. Thay vào động cơ thúc đẩy lúc ban đầu là được giải thoát khỏi đau khổ, lúc này bà đang cảm thấy mình đã hiểu được và tự ghét mình muốn bảo vệ và lặp lại trạng thái tri thức, chỉ muốn làm một điều gì đó hoặc là một người nào đó khác với con người xưa của bà.

Thế rồi, như thể đáp ứng nhu cầu của bà, xuất hiện ba ảnh hưởng mạnh tới cuộc đời bà đã làm đảo lộn qui trình. Ảnh hưởng đầu tiên là từ cuốn sách Tư tưởng Phật giáo Thiền định *tư tưởng những người mới nhập thiền* (Zen Mind, Beginner's Mind) của tác giả Shunryu Suzuki bà đọc lần đầu tiên tại Ấn độ. Một cách rất nhẹ nhàng đã đánh động và dẫn bà vào tới ý thức là bản ngã không phải là điều gì bà phải bận tâm loại bỏ: bản ngã không bao giờ bắt đầu tồn tại! Bà nhận ra trong mỗi giây phút bà chưa bao giờ đồng nhất với bản ngã đó. Bà luôn được tự do. Việc luyện tập của bà trở nên nhẹ nhàng hơn.

Rồi, một thời gian ngắn sau đó trên chuyến đi Miến điện. Sharon gặp một nữ thiền sư tên là Sayama, tại một trung tâm chính Goenka cũng đã theo học trước đó. Goenka đã gọi vị nữ thiền sư này như “Bà Mẹ Sayama” và Sharon hy vọng sẽ gặp được một vị thánh. Thay vào đó bà chỉ thấy một người phụ nữ đeo bông tai hạt soàn, vòng kiềng vàng, mặc đồ tơ lụa thêu kim tuyến và thêm cả trang điểm. “Thực sự bà tỏ ra hết sức tự nhiên” Sharon nói, bà cũng thuộc loại đua đòi và còn ra vẻ chọc ghẹo và chế giễu người khác, khi Sharon bị bệnh nặng và cảm thấy buồn cho chính bản thân mình, Bà

Sayama đã lạnh lùng nhận xét: “Kinh nghiệm bệnh tật của bà đã là sự sửa soạn tuyệt vời cho cái chết”.

Biến cố thứ ba là cuộc gặp gỡ với Dipa Ma, như đã đề cập đến ở đầu chương này, Sharon đã mô tả với tôi là “Tột đỉnh của sự tìm kiếm tình yêu hoàn hảo”,

Bằng nhiều cách khác nhau, cả Dipa Ma và Munindra đều đặc biệt đã giúp cho bà nói lỏng dần sự gắn bó vào trạng thái tập trung tư tưởng quá sâu đậm và tĩnh lặng bà đang đạt được (Sharon hiện nay cảm thấy đó là mối nguy thực sự của một kiêu tĩnh tâm). Dipa Ma đã thuyết pháp bằng chính con người của bà – một biểu hiện hoàn hảo cho thực thể thống nhất và toàn khối. Còn Munindra chỉ đơn giản bảo là “Ồ nào, tiếp tục đi nào, hãy đi sắm hàng đi”.

Khi chúng tôi đàm đạo với nhau tại Barre, Sharon đã bày tỏ quan tâm đến một số giảm sút có thể xảy ra khi truyền đạt Phật pháp vào Hoa kỳ. “Đôi khi tôi có cơn ác mộng này”, bà cho biết, “một khi chúng ta quyết định chỉ vì lợi ích đến nền văn hóa nước Mỹ mà không đề cập đến Giác ngộ nữa - vì hiện nay tại Mỹ người ta đã tỏ ra quá thực dụng và ganh đua - vì cả trăm năm nay chúng ta không thấy có từ đó trong cuốn tự điển của chúng ta. Đương nhiên điều đó là phóng đại quá đáng. Chúng ta có bốn phận ngăn chặn những gì tương tự như vậy xuất hiện. Tôi còn nhớ có một số điều chúng ta được chỉ giáo cho biết tại Ấn độ, thoạt tiên đã không làm chúng ta hài lòng – như cần cố gắng bao nhiêu là đủ để luyện thiền. Đó là một thách thức thực sự vì chúng ta kỳ vọng thiền sẽ làm hài lòng chúng ta ngay tức khắc là điều nhiều người chúng ta thường áp ủ bấy lâu nay”.

Như tôi đã nói, “Giác ngộ và cố gắng, cả hai đều chứa đầy nghịch lý”, bà có cố gắng đạt được điều đó không? Hay chỉ muốn loại bỏ toàn bộ qui trình đó?”

“Đó là một nghịch lý, chính vì thế nên rất tuyệt vời. Giác ngộ đâu phải là điều này hay điều nọ đâu”.

“Rất có thể đó là điều quan trọng cần được truyền tải”.

“Tôi nghĩ, thật đúng vậy, đó là điều tôi quan trọng cần phải được truyền đạt. Và cũng đúng nếu nó thách thức con người chúng ta. Khi chúng tôi thuyết pháp tại khóa huấn luyện dành cho các bậc cha mẹ lần đầu tiên, có một số người hơi buồn không biết con cái họ đang làm gì ở nhà. Và có người cho là chúng ta thì đang làm điều vô bổ tại đây. Chúng tôi quyết định thỏa mãn định kiến giả định đó của họ ngay và tôi nhớ Joseph đã thuyết pháp thay vì về chân lý “vô - ngã” ông đã nói về hình ảnh vô thực của bản thân

mỗi người. Chúng tôi châm thêm nước! điều thật sự hấp dẫn là họ không cần đến điều đó – nếu bạn đã sống khá lâu rồi và đã trải qua nhiều đau khổ, các bạn đâu có cần biết sự thật đó trở nên ngọt ngào. Một số trong họ thông minh tuyệt vời”.

“Thế nên bà đã bỏ qua không tìm cách “thỏa mãn” họ?”

“Vâng”

“Tuyệt thật, điều đó như trò bịp bợm”.

“Tôi thật sự cảm thấy lo lắng, đôi khi chúng ta là những thiền sư, đang phải trải qua những cuộc phấn đấu cam go, lại muốn bỏ qua cho những người khác không phải trải qua những giai đoạn đó. Nhưng tất cả những sự việc đó đều tồn tại theo cách riêng. Và mỗi người chúng ta phải kiếm cách phấn đấu tùy vào điều kiện của mỗi người. Nếu tôi được gặp Dipa Ma ngay từ đầu, rất có thể sẽ không xảy ra cùng một va chạm như thế. Tôi phải trải qua tất cả những ảo tưởng đó, tất cả những lẫn lộn đó liên can đến điều tôi đang thực hiện. Thế mà tôi còn muốn nói cho mọi người, “Ô, đừng làm điều đó, bạn không cần làm điều đó, tôi đã làm rồi!” Tôi cố gắng xoay sở một chút để mọi sự được ổn thỏa. Nhưng có một qui trình cân bằng hình như sẽ xảy ra và thực sự bạn không thể nào bỏ qua những đau khổ của chúng sanh”.

Tôi đề nghị Sharon xem chúng ta có thể dành riêng cuộc phỏng vấn về điểm đó, vì một số vấn đề nổi lên có liên quan đến kinh nghiệm của tôi cả trong mấy tuần qua lẫn một vài ngày hành thiền tôi vừa trải qua tại đây. Bà đồng ý chấp thuận.

Lenore: Một trong những điều đang biến đổi trong tôi đó là cảm nhận: chẳng có gì có thể ngăn cản tôi được, tôi có thể tùy ý muốn tiến tới đến cỡ nào cũng được và tôi muốn đi trọn đoạn đường đã định. Trong quá khứ tôi đã cảm thấy không nhất thiết như thế – điều đó thật đáng ngạc nhiên - tôi phải biết thỏa mãn với những điều nhỏ mọn. Ý muốn nói tôi đã thỏa mãn với những kinh nghiệm nhỏ nhoi cho tôi biết điều gì là thực tế và điều tôi nói với thế giới bên ngoài. Nhưng hiện nay còn có ước muốn sâu xa - vâng một ước muốn và tôi không thể ngăn chặn lại được – tức là muốn biết điều gì cơ bản là thực nhất. Bên trong mọi sự, còn có gì tồn tại không? Và ngôi thiền tại đây, tôi đang để ý tới rất nhiều nghị lực trong ngày và sự tập trung tư tưởng của tôi thật là lắng đọng. Lại còn tạo ra một thứ căng thẳng có liên quan đến cố gắng và mong muốn – và tôi tự biết mình và không biết hành động ra sao. Rất có thể bà sẽ bảo, “nhìn kìa, nhưng đó có phải là tất cả hay không?”

Sharon: Trước tiên, thật là khủng khiếp nếu bạn không kiểm chế điều này. Khi Dipa Ma cho tôi biết là tôi có thể trở thành một thiền sư vĩ đại, bà chỉ có đề cập đến một điều duy nhất nhằm cản tôi không có thể suy nghĩ tôi có thể thực hiện được điều đó. Tuy nhiên hầu hết các phức tạp xảy đến với bạn lại xuất phát từ khuynh hướng nhị nguyên, đó là điều tôi cũng bị vướng phải. Gắng công sức để tháo gỡ điều đó có thể trở thành khuynh hướng nhị nguyên khác, hơn là nhận ra được sự hư vô đích thực của nó. Nếu bạn nhận ra được điều khác biệt, thì nó sẽ ảnh hưởng đến bạn. Nếu bạn cảm thấy căm ghét những gắng công sức đó, chúng ta sẽ rơi vào một tình trạng hỗn loạn gấp đôi vì chúng ta vừa cố công lại vừa chán ghét làm vậy.

Lenore: Lại rơi vào nghịch lý trở lại rồi có phải không? Tôi cần phải học hỏi đôi phó ra sao với vấn đề này. Rõ ràng là nó tiềm ẩn nơi tất cả mọi vấn đề. Ý tôi muốn nói là nếu không muốn được giác ngộ thử hỏi bạn còn làm gì được nữa? Và tuy thế bạn cũng có thể giả định là không muốn được giác ngộ. Vâng, thế thì làm sao có thể ước muốn mà lại không dính mắc. Điều đó có giúp gì được không?

Sharon: Vâng, có chứ. Có một vài điểm cần lưu ý. Đầu tiên chúng ta phải hiểu là tại phương Tây mình thường làm gì khi nghe pháp diệt dục nơi Phật giáo, thường được cho là nguyên nhân mọi đau khổ và kết quả là đưa ra một số phán đoán: dính bén là xấu và sai, là xấu xa và tồi bại – thay vì coi đó như là nguyên nhân của mọi đau khổ. Vì chúng ta hay phán đoán, chúng ta không thể nhìn ra được diệt dục chính là thủ tiêu một gánh nặng. Cũng giống như cái sức nặng đang đè bẹp chúng ta và gây ra đau khổ cho ta. Đó là điều đầu tiên tôi suy nghĩ.

Tôi nghĩ bạn có lý, đó chỉ là vấn đề học tập làm sao để muốn mà không dính bén. Không tạo ra một cách tự phán quyết mình xoay quanh vấn đề dính bén hay không. Nếu bạn nhận ra điều đó – thì sự gắng công và phấn đấu của bạn có thể đem lại cho bạn nghị lực mới ngay lúc đó. Và chúng ta cứ phải tiếp tục thực hiện điều đó liên tục.

Lenore: Tôi có thể làm được một nửa, nhưng chỉ ít phút sau tôi cảm thấy thật khủng khiếp.

Sharon: Tôi nghĩ lý do là điều nghịch lý đó vượt quá sự hiểu biết của chúng ta là vì nó quá đơn giản – điều đó cứ tái diễn hoài trước chúng ta mọi giây mọi phút thay vì cố gắng giải quyết trên một bình diện nhận thức và tâm lý. Hãy tận dụng nghị lực đó cho ngay giây phút hiện tại này và cố gắng tích lũy.

Lenore: Vậy thì chỉ cần ý thức được qui trình đó...trong mỗi người là đủ?

Sharon: Chỉ cần vậy thôi.

Lenore: Thật khó tin quá.

Sharon: Tôi biết, tôi dư biết thật là khó tin, nhưng lại là sự thật. Điều chúng ta thường làm là tự trừng phạt mình. Khởi đầu mọi vấn đề chúng ta chỉ thấy những gì hiển nhiên – như ghen ghét, sân hận...

Lenore: Cả ghen tuông nữa.

Sharon: Vâng chính thế, dần dà chúng ta nhận ra được những gì khác hơn, giống như cô gắng hoặc là tham vọng cũng như ganh đua. Nhưng khuynh hướng đó vẫn là một. Đó là phán đoán và củng cố tôi đa cho những phán đoán đó. Chẳng có liên quan gì tới xử lý và bỏ qua mọi sự. Không có nhiều cố gắng bỏ ra để thực hiện thái độ đó. Cơ bản là chúng ta luôn tìm tòi học hỏi để thực hiện mọi sự nhưng lại không thực hiện tốt, rất tốt những điều đó.

Ít lâu sau đó, một vấn đề đã được đề cập đến trong buổi nói chuyện về Phật pháp lại nổi lên đó là: Việc tái đầu thai. Mặc dù đã được nghe cắt nghĩa hàng trăm lần, tôi vẫn thấy thắc mắc: Nếu bản ngã không tiếp tục tồn tại sau khi chết, thế thì làm sao còn có thể đầu thai được. Sharon đồng ý đây là một vấn đề khó tin. Bà hỏi tôi: còn có điều gì hiện vẫn tồn tại nơi tôi giống y những gì hồi tôi lên sáu không. Tôi trả lời là tôi không biết. Bà nói, Phật pháp dạy không có gì giống nhau cả. Chẳng có bản thể lần thực thể nào đã chuyển đổi từ thời gian đó đến nay. Nhưng đã tồn tại một sự liên tục nào đó nơi qui trình này. Thời điểm này ảnh hưởng đến thời điểm kế tiếp và lại ảnh hưởng đến thời điểm kế tiếp sau đó. Chẳng có gì là ngẫu nhiên hoặc bừa bãi. Luôn tồn tại một sự liên tục “không có bất kỳ sinh vật nào bị ngắt quãng qua thời gian”. Và điều này cũng đúng với cả cái chết thể lý nữa. Giống y hết chúng ta đang được tái sinh hàng giờ hàng phút, một sự biến đổi liên tục cũng như thế luôn hiện hữu đó là tái đầu thai.

Tôi gợi ý, “một dòng chảy chất liệu tiếp diễn liên tục”,

“Na ná như vậy”

“Còn gì chưa rõ không?”

“Từ chất liệu hơi có về..”.

“Ô, vâng, tương tự như bản chất. Có một dòng” (hoặc một dòng chảy - tôi nghĩ ra rồi).

“Đúng đó, tương tự như trồng một hạt táo và ta được một cây táo mọc lên có nhiều trái táo với những hạt táo mới không phải là chính hạt táo chúng ta đã trồng lúc đầu. Nhưng có một sự liên tục. Joseph đã dùng hình ảnh cái triện

và chất sáp. Cái triện để lại một dấu ấn trên sáp, nhưng chẳng có cái triện nào còn trên sáp cả.”.

“Vâng, thôi tạm gác vấn đề này lại”, Tôi nói, “còn Quả báo (Karma) vẫn là một vấn đề rất khó khăn đối với tôi”.

“Hãy đề cập đến vấn đề đó xem sao”.

“Đó là đau khổ, đau khổ thuần túy đó tôi không hề chấp nhận điều đó. Cho dù chúng ta có đề cập rất nhiều đến cuộc sống đã qua hay nguyên nhân và hậu quả gì đó, tôi vẫn chưa thoải mái. Tôi vẫn gặp trục trặc ở phía đối diện, đó là sự tàn nhẫn. Nếu nghiệp chướng có thật, thì nó sẽ tạo ra những hậu quả và lại tiếp tục ảnh hưởng đến những gì sau đó. Nhưng cho dù có cố gắng cách mấy để hiểu được bức tranh toàn khối, hình như tôi không thể nắm được”.

“Đó là điều rất phức tạp. Chính Đức Phật đã bảo suy nghĩ quá nhiều về nghiệp chướng sẽ làm bạn u mê một chút là gì”.

“Bà có nghĩ là với khối óc bình thường chúng ta thực sự không thể hiểu được tận căn vấn đề hay không”.

“Ô, vâng, tôi nghĩ điều đó có thật đấy”.

“Vậy bà có thể bình thản với điều bất khả dò xét đó hay sao?”

“Xét dưới góc độ tri thức tôi có thể hành động như vậy. Nhưng với trực giác tôi có thể cảm nhận được sự thật trong đó. Khi tôi tham muốn, căm ghét, tôi cảm thấy đầy chừ. Cảm nhận nó đã tạo ra một bầu khí đặc biệt tôi có thể nhận ra được. Và nó phóng ra một thứ sinh lực có khả năng thu hút một số sinh lực khác. Một điều gì đó được tạo ra tại thời điểm đó lại có được một số yếu tố chấn động và bằng trí tuệ tôi cảm nhận được điều gì đang được tạo thành. Vì thế tôi nhận biết được tôi đã sáng tạo toàn bộ thế giới của tôi ra sao”.

“Toàn bộ hay sao?”

“Vâng, không phải điều tôi có thể kiểm tra được những gì không thích thú xảy ra. Nhưng là toàn bộ mối tương quan của tôi với điều đó”.

“Tôi biết nhiều người tin rằng tất cả những gì ta có được, là do chúng ta tạo ra. Nhưng kinh nghiệm của tôi cho thấy không đơn giản như thế. Luôn có nhiều điều khác tiếp tục xuất hiện. Nếu như có được một mô hình to lớn, thì luôn có sai sót trong đó. Bà hiểu ý tôi không?”

“Vâng, với tri thức tôi không tin có thể hiểu được. Nhưng trực giác nhắc bảo tôi mọi sự không phải ngẫu nhiên mà có, rằng tôi đã sản sinh ra một loại

năng lực nào đó và rồi năng lực đó sẽ phản hồi lại nơi tôi. Tôi đã hiểu điều đó. Giữa những khốn khổ, hận thù hoặc tham muốn tôi thấy có quả báo ngay trong đau khổ trực tiếp do những hành động đang tạo ra dựa trên những hiện trạng đó. Khi tôi đang trong giai đoạn thi thố lòng quảng đại, tôi cảm thấy hài lòng và sung sướng vô cùng. Luật quả báo thể hiện ở chỗ nếu bạn thi thố lòng quảng đại, bạn sẽ nhận lại rất nhiều (cho đi là nhận lại). Nhưng không thành vấn đề, vì điều gì xảy ra chính là đã có quá nhiều không gian tạo thành nó. Bất cứ điều gì tôi có được, tôi cảm thấy như đã đủ. Trong khi đó thì bạn thiếu thốn, thì chẳng có gì là đủ cả. Thế nên tôi hiểu được vấn đề theo nghĩa ở mỗi thời điểm hiện thực của nó. Một loại trực giác về nghiệp chướng (quả báo)”.

Trước khi rời Barre, tôi đã trao đổi với hai người trong ban quản trị tại đó về việc Sharon trở thành thiền sư gây ra cho họ những ấn tượng gì, người đầu tiên phụ trách bảo tàng viện trước khi trở thành người điều hành văn phòng tại IMS. Làm việc với Sharon là một phần quan trọng trong việc luyện thiền của bà, từ khi bà bắt đầu hành thiền vào năm 1977. Và bà cho biết, thực chất Sharon là một phụ nữ là điều vô cùng quan trọng, bà ta đánh giá cao cung cách Sharon kết hợp được tính từ tốn, lòng nhân hậu và với sức mạnh tri thức, lòng trong sáng và tính nghiêm túc trong luyện tập. Cách bà điều hành thiền viện rất dễ mến, với nhân cách rất chan hòa. Tính dễ dãi và sẵn sàng chấp nhận khiến mọi vấn đề đều được giải quyết ổn thỏa và tạo cho mọi sự có cơ may trở thành hiện thực. “Bà không bao giờ xiết dây quá chặt”.

Một điều quan trọng thiền sinh này cũng nhấn mạnh đến đó là trong cái nghiêm túc, Sharon tỏ ra rất sẵn sàng giúp đỡ phụ nữ. Thông điệp của bà thường là, “điều khó, điều sâu sắc dành cho đàn ông thực hiện”. Tính khí của Sharon là một đối chọi rõ nét.

Theo nhận định của thiền sinh này tất cả các thiền sư tại IMS đều chia sẻ những đức tính đơn sơ và không câu nệ hình thức của bà. Tại trung tâm thiền Barre, khái niệm thiền sư là “người bạn tinh thần” đã trở thành một thực tại kiểm nghiệm được. Không có gì phải giải trình thêm hoặc phải bỏ qua cho họ cả. Không có những chi tiết tình cảm hoặc tình dục cần che đậy. Mọi sự đều được phơi bày trước thanh thiên bạch nhật. Bà coi đó như là một phần của tính hà khắc thâm nhập vào hết mọi sự. “Tất cả đều phải đạt đến – sự hư vô tuyệt đối”. Bà cho biết như thế chẳng có gì phải bảo mật cả và điều này tạo ra sự cởi mở và tin tưởng.

Một nam thiền sinh rất đồng tình về sự quan trọng các nữ thiền sư hiện diện tại trung tâm. Theo ý của anh ta, phụ nữ có tính nhạy bén lớn lao, có tầm mức am hiểu sâu rộng hơn, đặc biệt trong những trao đổi tình cảm tế nhị.

Anh nói tiếp, “Rất ít khi xảy ra cọc cần thô lỗ và bản chất nhẹ nhàng dịu hiền của phụ nữ, theo tôi cảm nhận là điều hết sức cơ bản trong một vài giai đoạn luyện tập. Tôi hoàn toàn thông cảm được. Chính do sự tinh tế của Sharon mà mọi sự đã trở nên ôn hòa để cho những bản chất nữ tính của tôi cũng được bộc lộ ra!”

Cậu ta cũng đồng ý rằng các nữ thiền sư cũng rất cần thiết để chứng tỏ phụ nữ cũng có tiềm năng ngang bằng với nam giới trong luyện tập. Thiền sinh này còn nói thêm, “Và đó là điều quan trọng để cho các thiền sinh bộc lộ được trọn vẹn những tiềm năng tri thức. Nam giới đặc biệt thường bị giới hạn trong lãnh vực này vì họ hay tỏ ra thiên vị”.

Cậu ta nhớ lại một cuộc tiếp xúc quan trọng mới đây với Sharon. Đó chính là giai đoạn khi cậu ta đang trong tình trạng ganh đua với một nam thiền sinh khác, anh ta tỏ ra tiến tới nhanh hơn cậu. Trong khi việc luyện tập cậu lại tỏ ra hơi trì trệ và “Dừng chân tại chỗ”. Vì bản chất nam giới là hay ganh đua. Cậu cảm thấy một thiền sư nam sẽ không nhận ra được tình thế rõ ràng như Sharon đâu. Bà nói với cậu, “Khi các bạn ganh đua với nhau, các bạn chỉ đua tranh với chính sự ngu xuẩn mà thôi”. Hình như cậu ta nhớ lại chính xác những lời Sharon thường nói. Và khi chúng tôi rời thiền viện cậu đưa ra kết luận, “Tính ổn định và bình thản của Sharon gây cảm hứng cho mọi người”.

Sáu tháng sau tôi lại được tiếp truyện với Sharon ngay tại thiền viện IMS, có một biến cố hoàn toàn bất ngờ đã xảy ra trong cuộc sống của Sharon. Vào tháng Năm năm 1984 và toàn thể các nhân viên tại Barre đang chờ đón một thiền sư người Miến Điện tên là U Pandita, ông ta đến để tổ chức một khóa huấn luyện kéo dài ba tháng (ông chưa bao giờ ra khỏi Miến Điện). Sharon đã nghe người ta báo cho biết ông sẽ đến, nhưng không thấy phấn khởi lắm. Bà đang ở trong bếp trong khi đó thì thiền sư đã bước qua cửa - và ngay lúc nhìn thấy ông, bà cảm thấy “như bị Sét đánh”. Cho dù bà có nhiều kinh nghiệm giao tiếp với các thiền sư trong quá khứ (như với Goenka và Dipa Ma tại Ấn Độ). Bà nói với tôi bà không hy vọng điều này sẽ xảy đến trong đời bà một lần nữa. Trong suốt khóa huấn luyện ba tháng đó bà đã ngồi thiền với U Pandita và quan hệ giữa hai người ngày càng phát triển tốt đẹp. Ông luôn tỏ ra cứng rắn và đòi hỏi nhiều. Nhưng bà rất phấn khởi sau mười năm trời lại được luyện tập chung với một thiền sư. Bà mô tả thiền sư như một “chiến binh” thà chết vì gắng sức giải thoát còn hơn là chẳng cố gắng gì hết. Luyện tập, một yếu tố quan trọng nhất trong cuộc sống, không được thực hiện điều đó một cách luộm thuộm. Ông yêu cầu phải tập trung tư tưởng từng giây từng phút, không được gián đoạn. Nếu Sharon tỏ ra thiếu tập trung tư tưởng chỉ trong giây phút thôi, ông đã nhắc nhở ngay, “Bà có thấy điều đó không?” Những cử động của bà trở nên chậm chạp đến nỗi phải mất một

tiếng đồng hồ để bà di chuyển từ phòng thiền trở lại phòng mình. Ông còn chọc ghẹo, “sao thiền sư đi nhanh đến thế”.

Đối với một số người, kiểu cách của U Pandita quá cộc cằn và nghiêm khắc. Ông có thể chỉ cần ngược mắt lên đã đủ để biểu lộ không đồng tình rồi. Một số người cảm thấy ông quá cứng nhắc và không thiết thực. Tuy nhiên đối với Sharon phong cách của ông có sức giải thoát. Bà cho biết, “Ông chỉ cần lưu ý đến tư tưởng tương đối giới hạn của Bà về những gì bà có khả năng làm được và đã có thể quảng bá ra một cách vô tận. Lời dạy của ông hàm chứa một sự thật đó là chúng ta có thể được giải thoát ngay trên cõi đời này. Sharon chưa bao giờ làm việc cực nhọc đến thế. Bất cứ lúc nào trong ngày bà cũng cảm thấy như đang bị thách thức. Chẳng phải phong cách của U Pandita đã đem lại cho bà những lời động viên to tát đến thế sao. Nhưng Sharon không cảm thấy có gì phải nghi ngờ và luôn vững tin nơi ông. Và năm 1985 sau mười hai năm vắng mặt, bà đã trở lại Miền Điện để luyện tập chung với U Pandita tại tu viện trong rừng của ông trong vòng ba tháng.

Tại đó bà khám phá ra phong cách của ông hoàn toàn khác. Sharon kể lại, tại tu viện riêng của mình ông tỏ ra rất ngọt ngào và dịu dàng, giống như một “Bà mẹ yêu dấu”. và bài luyện thiền giao cho bà là bốn Kinh *Brahmavihara* – Tụng Kinh lòng Nhân ái, Đức từ bi, Niềm vui đồng cảm và Lòng thanh thản. Bà cho biết một phần những kinh nghiệm có được trong giai đoạn này thật sự là một “niềm vui khôn tả”.

Tuy nhiên, về mặt thể lý mọi sự không dễ dàng chút nào, thời tiết và điều kiện sống thật khắc nghiệt hơn bất kỳ nơi nào khác tại Ấn Độ, với chuột bọ, rắn rết và côn trùng đủ loại. Bữa ăn duy nhất trong ngày được dọn vào lúc 10.00 giờ sáng, sau đó chỉ có nước lã đun sôi cho đến 5.00 giờ ngày hôm sau. Và cuối cùng Sharon trở nên gầy còm ốm yếu.

Tuy nhiên, Sharon vẫn ước ao được trở lại Ấn độ. Hiện giờ U Pandita đã sáu mươi lăm tuổi và bà cảm thấy rất cần thiết học được ở nơi ông tất cả những gì có thể trước khi ông viên tịch. Trong khi đó, công việc của bà với ông U Pandita đã ảnh hưởng rất nhiều đến phong cách giảng dạy của bà tại Barre. Đặc biệt lần đầu tiên, người ta rất dễ nhận ra sự khác biệt đó. Mới đây thôi, Sharon đã phải giải thích:

“Tôi cũng cảm thấy cần phải chỉnh lại công việc để lấy lại thế cân bằng”. Xuất phát từ những kinh nghiệm bản thân về kiểu thuyết pháp đó, cộng với phải tiếp các thiền sinh muốn phỏng vấn về U Pandita, bà cảm thấy bị ảnh hưởng rất mạnh do tính trung thực và đa dạng nơi hệ thống giảng dạy của ông truyền cho. Điều đó đã giúp bà có thể dễ dàng theo sát thiền sinh và hướng dẫn họ cách tự tin hơn trên bước đường hành thiền. Trái ngược với

cách tiếp cận bà thường áp dụng xưa nay, cho rằng mọi sự việc sẽ tự nhiên tuân tự tỏ lộ ra. Hiện giờ bà tỏ ra đòi hỏi hơn và chỉ thị thiền sinh phải tỏ rõ dấu hiệu họ đang luyện tập giúp bà dễ dàng đưa ra những hướng dẫn đặc trưng. Đôi khi bà yêu cầu phải tập trung ý thức ở diện rộng và bao quát hơn. Đôi khi tập trung ý thức lại đem lại hiệu quả hơn. Bà đã trở nên nhạy bén hơn với từng bộ phận liên tiếp phải đạt được. Và tìm ra năng lực kỹ thuật để dẫn dắt các thiền sinh một cách chính xác hơn.

Hơn nữa U Pandita lại có kiến thức uyên bác và nắm vững lý thuyết từ đó Sharon hy vọng có thể tận dụng được. Bà ý thức rất rõ những nguy hiểm khi quá rập khuôn theo một khuôn mẫu quá chật hẹp đối với kinh nghiệm cá nhân. Cùng lúc đó bà cũng nhận ra những giới hạn của cách tiếp cận Á đông với những thiền sinh Mỹ. Việc khử tuyệt tính tham lam là điều chính yếu nhất của thuyết pháp này. và một cách truyền đạt Phật pháp thông dụng tại Á châu. Tại Mỹ, Sharon nhận thấy tham lam không phải là hiện trạng tâm linh trội hơn hẳn so với tức giận. Đặc biệt dưới dạng tự kết án mình.

Thực chất, đó là một yêu cầu mạnh mẽ phải “nhỏ tận gốc những cản trở này” (với các thiền sư Á châu đó là một thông điệp, tích cực, đầy cố gắng và mạnh mẽ) Bà muốn nói, “Được rồi, chỉ cần nhìn lại chính mình – xin đừng chán ghét” Đây là những gì ta phải kết hợp. “Trước tiên nên biết mọi sự đâu còn đó. Rồi bạn sẽ có thể bỏ dần”.

Mùa Đông 2000

Để trả lời những câu hỏi tôi gửi cho bà qua đường bưu điện, Sharon đã gửi lại tôi những câu trả lời chính xác và rất thúc bách khiến tôi không còn cách lựa chọn nào khác là in toàn bộ nội dung những câu trả lời đó, đa phần tôi đã in nguyên văn với rất ít thay đổi hoặc sửa chữa.

“Năm 1989, Joseph Goldstein và tôi đã thành lập tại Barre một Trung Tâm Nghiên Cứu Phật Học. (Center for Buddhist Studies) là trung tâm em của Insight Meditation Society, trung tâm BCBS được lập ra để qui tụ tất cả các thiền sư, học giả, thiền sinh, sinh viên và Phật tử cam kết học hỏi tư tưởng Phật giáo như là một truyền thống sống động. Thông qua những buổi hội thảo, các buổi thảo luận, các lớp học và nghiên cứu, chúng tôi khảo sát lại đâu là ý nghĩa phải trung thành với những nguồn gốc và thể hệ truyền thống Phật giáo và cũng để triển khai một câu trả lời sống động và chấp nhận được trước những vấn đề của thế giới hiện nay. Mục đích của trung tâm chính là tạo ra một cầu nối giữa học hỏi và thực hành, giữa những kiến thức hiểu biết và trực giác hành thiền. Nhằm động viên sự dân thân tích cực với truyền thống trong tinh thần tìm hiểu và nghiên cứu một cách chính xác.

“Năm 1998. Trung tâm thiền IMS đã khởi sự một dự án mang tên Forest Refuge (chỗ ẩn trong rừng) những khóa tập huấn dài ngày sẽ được triển khai tại trung tâm nằm trong rừng giữa IMS và BCBS. Trung tâm thiền này sẽ cho phép chúng ta thực hiện những cuộc hành thiền nghiêm túc bên ngoài cơ cấu của một cuộc huấn luyện hình thức. và với sự giúp đỡ liên tục giữa cá nhân với cá nhân và thiền sinh với thiền sư. Hàng thế kỷ qua tại châu Á, các trung tâm và thiền viện kiểu này là nơi nhiều người có thể luyện tập liên tục và gần gũi với sự dịu dặt của một “Sư Phụ”, đã đào tạo ra được rất nhiều thiền sư vĩ đại. Chúng tôi tin rằng với sự thiết lập trung tâm Forest Refuge (chỗ ẩn trong rừng) là một bước tiến quan trọng để đào tạo các Thiền sư phương tây.

“Trong khoảng thời gian kể từ cuộc phỏng vấn chúng ta đã thực hiện trong nhiều năm qua, tôi cũng đã viết được hai cuốn sách và cũng tạo ra được một đầu mối liên lạc thư từ về thiền, tôi cũng đã biên soạn và biên tập được tuyển tập kệ của các thiền sư tại IMS (đã được nhà xuất bản Shambhala phát hành để gây quỹ giúp cho thiền sư Ram Dass, ông đã bị một cú nhồi máu cơ tim thật thảm hại vào đầu năm 1997) và hiện nay tôi đang viết tiếp một cuốn sách khác với chủ đề về Đức Tin – Và cũng đã thuyết pháp tại bất kỳ cuộc tĩnh tâm nào khác.

“Cuốn sách thứ nhất của tôi viết về *Lòng Nhân Ái: Một Nghệ Thuật Hạnh Phúc Cách Mạng* (Lovingkindness: the revolutionary Art of Happiness), do Shambhala xuất bản, cuốn sách tập trung vào metta, hay tập luyện lòng nhân ái, đã được đức Phật giảng dạy để tập luyện tập trung tư tưởng, tránh hoảng sợ và phát triển một trái tim nhân hậu. Metta không đòi hỏi chúng ta phải từ bỏ con đường chúng ta đang đi, hoặc giả vờ như đang cảm nhận được những gì không thuộc về chúng ta đang khác nó giúp chúng ta cởi mở cõi lòng với hoan lạc và với cả đau khổ nữa. Hậu quả công việc động tác cởi mở này nhằm hiểu biết được sự thiện bản sinh và mối tương quan với bá tánh. Nhận ra rằng chúng ta không bao giờ bị phân chia và sống biệt lập, chính vì vậy đây là một quan điểm cách mạng và là một phương cách giải phóng cuộc sống.

“Cuốn sách thứ hai của tôi mang tựa đề: *Tám Lòng Bao La Tựa Hoàn Vũ* (A Heart As Wide As the World do Shmbhala xuất bản). Gồm hàng loạt những bài viết ngắn, đa số dựa trên những kinh nghiệm của chính tôi trong lúc hành thiền và đề ra những viễn cảnh tập trung ý thức, lòng nhân hậu vào cuộc sống. Cũng có những chương viết về những khái niệm Phật giáo cổ điển kèm theo những câu chuyện về việc tôi bị mất xe hơi và phấn đấu học vi tính. Việc luyện tập thiền của tôi (từ năm 1971) đã liên tục chỉ rõ trái tim chúng ta đủ lớn để ôm trọn được toàn bộ cuộc sống chúng ta kể cả những

kinh nghiệm sung sướng lẫn đau khổ. Tại đây một lần nữa tôi nhấn mạnh đến tình yêu và cởi mở cõi lòng cũng như những tiềm năng thực sự của tự do trong cuộc sống của chúng ta.

Đầu mỗi trao đổi thư từ như tôi đề cập ở trên được gọi là: *Tiếng Nói Trung Thực Về Thiền định (Insight Meditation)* (sounds True Audio), phản ánh kinh nghiệm về khóa huấn luyện. Hiện có mười hai băng cát-sét, một mặt ghi bài thuyết pháp của Joseph hoặc của chính tôi. Còn mặt kia là một hướng dẫn hành thiền do một người trong chúng tôi thực hiện dài khoảng bốn mươi lăm phút. Cũng có cuốn hướng dẫn bài tập luyện và những tiếp xúc liên tục với hướng dẫn viên do chính tôi đảm trách. Điều này cho phép chúng ta rút ngắn lại khoảng cách cho những ai muốn có một cơ cấu trợ giúp việc hành thiền của họ trong cuộc sống hàng ngày bên ngoài các trung tâm thiền. Người tham gia kể cả những người có con nhỏ, những người bị ốm đau kinh niên, các tù nhân (tài liệu được phân phát miễn phí trong các nhà tù), các ni sư trong tu viện, những người mới bắt đầu hành thiền và cả những người đã có kinh nghiệm muốn tìm kiếm thêm hướng dẫn.

Tuyển tập văn học (Voices of Insight, nhà xuất bản Shambhala, 1999) là cuốn sưu tầm duy nhất các bài viết do các thiền sư tại IMS đã được xuất bản. Cuốn sách được chia thành ba chương: một nói về Đức Phật (cũng gồm cả các câu chuyện về các thiền sư của chúng tôi, mối tương quan trong các hệ phái, bản chất Đức Phật của chúng ta, cũng như cuộc hành trình của Đức Phật); một chương khác viết về Phật pháp (gồm những bài viết mô tả việc thực hành về luyện chú ý và lòng nhân ái, các lời dạy về vô thường (impermanence), đau khổ, hư vô và giải thoát); và chương cuối cùng viết về các đoàn thể tu sĩ Tăng già (gồm quảng bá ý nghĩa cổ điển và đương đại về đoàn thể tu trì và các đề tài liên quan đến cách sống trên trần gian này, như là các bài tập luyện hàng ngày, gia đình và các nghi thức phục vụ). Tất cả các lợi nhuận thu được đều dành cho thiền sư Ram Dass.

“Cuốn sách kế tiếp tôi sẽ viết về đề tài Đức Tin. Sau khi nghiên cứu sâu rộng về các kinh nghiệm cá nhân của tôi khi hành thiền, kể cả luyện tập trung ý thức lẫn lòng nhân ái (metta), tôi đã nhận ra một chủ đề phải được nhấn mạnh đến là Đức Tin. Tiếng Pali thường dịch từ Đức Tin từ chữ *Saddha* nguyên từ có nghĩa là “nâng cao tâm hồn lên”. Thế nên hiện thời tôi đang nghiên cứu “*nâng cao tâm hồn lên*” hàm chứa ý nghĩa gì trên bước đường dẫn đến hòa bình; làm thế nào để nhận ra điều đó, trước tiên, chúng ta mỗi người đều có một tấm lòng; và rồi làm thế nào chúng ta thấy được việc dâng hiến hay nâng cao tấm lòng chúng ta mang ý nghĩa là một của lễ tinh tuyền và chúng ta phải tự hào về điều đó. Cho dù chúng ta không nghe đề cập đến đức tin thường xuyên trong Phật giáo, thường cơ bản

chỉ là một truyền thống khôn ngoan, tôi tin rằng nếu được hiểu chính xác, đức tin là một sợi chỉ xuyên suốt bước đường chúng ta đi và là một yếu tố hỗ trợ chúng ta rất đặc lực.

“Từ năm 1983 đến 1989, tôi đã luyện tập Brahmaviharas (metta, nhân hậu, niềm vui cảm thông và bình thản) một cách chăm chú trong những khóa luyện tập cao cấp cũng như trong cuộc sống hàng ngày. U Pandita Sayadaw là bậc thầy của tôi trong những luyện tập này. Điều này đã thực hiện được ý nguyện lâu nay tôi hằng mong ước là hành thiền phải phản ánh được tấm lòng của Đức Phật. Vì muốn luyện tập Brahmaviharas tôi muốn cơ bản khám phá ra khả năng tự yêu chính mình trước đã, vì chính Đức Phật cũng đã làm thế. – với hiểu biết rõ ràng và lòng nhân hậu không hề suy suyển. Tôi tin tưởng (và sau này khám phá ra thông qua kinh nghiệm) là đúng y như những gì Ngài đã khẳng định trong Kinh Phật, điều này là cơ sở để có thể thực sự yêu tha nhân, với cả tấm lòng trong sáng lẫn lòng từ bi đôn hậu. Vun đắp những trạng thái (States) trên làm cho tâm hồn chúng ta tràn đầy đức tin, tràn đầy tình yêu thương với sức mạnh tương quan giữa chúng ta với bá tánh....

“Rất có thể giây phút ấn tượng nhất đã xảy ra khi tôi thực hiện luyện tập cao độ này tại Miên Điện, đó chính là khi tôi khám phá ra tôi có khả năng thực thi điều luyện tập đó với đầy tình thương. Thực sự tôi đã ngồi thiền tại đó đầy sững sốt và suy nghĩ, “Tôi đây có phải không?” Thực tế tất cả chúng ta đều sẵn có một tình yêu rất mãnh liệt, nhưng một khi chúng ta không đụng chạm tới việc luyện tập, thì khả năng tương quan giữa chúng ta vẫn còn bị che khuất, vụn vẹo hay bị bóp méo. Những luyện tập này sẽ mở rộng tầm nhìn của chúng ta đối với những gì có ý nghĩa do hành thiền cao độ mang lại.

“Trong những năm sau này, tôi đã du hành tới nhiều nơi trên thế giới để thuyết pháp về Brahmaviharas. Tôi bị sững sốt liên tục, bất kể tôi đi tới đâu có rất nhiều người lại cho hiện trạng trí tuệ như thế quá yếu kém. Các thiền sinh trong khóa tĩnh tâm cho là, “Nếu tôi tỏ ra nhu mì và nhân hậu, tôi sẽ bị lạm dụng và có thể bị hại”. Hoặc giả còn có người nói, “Đối với tôi, những điều đó chỉ là tình cảm ướm át, không thể nào sống như vậy được”. Thật đáng buồn, thái độ đó đã làm suy yếu sức mạnh do tăng cường Brahmaviharas đem lại, rất có thể vì họ đã trực tiếp thừa nhận và vun xới sự tương quan sâu thẳm nhất với cuộc đời.

Từ năm 1971, tôi đã hoàn toàn cống hiến cuộc đời tôi cho việc quảng bá Phật pháp. Nhờ những giai đoạn áp dụng dài hạn và lòng kính mến như vậy (cũng như tôi đã lớn tuổi), tôi đã được coi là người chị cả trong Phật giáo tại

Hoa Kỳ, điều đó khiến tôi nhiều khi phải kinh ngạc. Đôi khi có người nói, “Ôi, chẳng phải bà cùng với Joseph Goldstein và cả Jack đã chẳng có một tầm nhìn sáng suốt để thành lập Trung tâm IMS vào năm 1976 đó sao, một tầm nhìn tiên tri như thế báo hiệu Phật giáo sẽ được phổ biến thế nào tại nước Mỹ này”. Nhưng tôi luôn trả lời họ, “Không đâu, chúng tôi đâu có nghĩ thế, chúng tôi đã quyết định chúng tôi cho là tốt đẹp nhất mỗi ngày, chúng tôi đã phạm nhiều sai lầm và vẫn còn tiếp tục theo dõi xem công việc sẽ tiến triển đến mức độ nào. Xét từ góc độ nội tâm sống tôi vẫn chỉ đơn giản là cuộc sống của tôi mà thôi, không có gì đáng nói cả. Nhưng tôi cảm thấy rất may mắn đã thực hiện luyện thiền được gần ba mươi năm nay và cũng chính vì thế mà lời khẩn vái của tôi những ngày này là, “Cầu sao cho tôi được là một người hạnh phúc”.

---o0o---

[10] - Thiền Sư Gesshin Prabhasa Dharma

Đang trong thời chiến tranh. Một cô gái mười tuổi trên đường tới trường bằng xe điện. Vạn vật đều phủ một màu xám xịt. Dân chúng đi đường ai cũng khoác áo một màu xám đậm; bầu trời đen ngòm một màu tang tóc, u ám và đầy hiểm họa. Cô bé đảo mắt khắp nơi, đâu đâu cũng hằn lên một mặt đói khát, buồn bã và cay đắng. Lòng cô bé rục lên ý tưởng âm đạm, buồn bã và chết chóc. Cô cảm thấy nếu như phải leo lên chiếc xe điện thêm một ngày nữa, chắc cô sẽ chết mất. Và rồi một luồng sáng chợt lóe trong tâm trí cô: sao không tưởng tượng mình vừa xuất hiện từ một hành tinh khác? Cô chẳng có một chút hiểu biết gì về loài người, không nói được ngôn ngữ của họ? cô luôn cảm nhận mình vừa xuất hiện từ một nơi xa lạ nào đó, có lẽ từ Pleiades đến chẳng? Thế nên cô cảm thấy thật dễ dàng cứ để cho mọi sự bị cuốn hút theo óc tưởng tượng...

Cô mở mắt nhìn quanh. Mọi sự đã đổi khác, toàn một màu tươi mát, bừng sáng lên đầy sức sống và màu sắc. Cô đang quan sát với tâm tình của “một người vừa mới nhập cuộc”.

Một cô gái, thân hình nhỏ nhắn, vóc dáng mảnh khảnh, đang từ căn lều nhỏ trên triền dốc những đụn cát bước xuống bãi biển. Đó là vào năm 1964, gần Malibu, bang California. Người phụ nữ trẻ đó là một họa sĩ, người Mỹ gốc Đức, cùng với chồng là người Mỹ mới đến sinh sống gần đây được dăm ba tháng nay, cô vẽ mỗi ngày trong một khung cảnh duyên hải trong mát. Cô đang chậm rãi bước xuống một lối dốc hơn một trăm năm mươi bậc thang dẫn xuống bãi biển. Thỉnh thoảng ngồi nghỉ ngay trên chiếc ghế kê ngay chính giữa triền dốc, thả hồn bay bổng vào tiếng sóng biển rì rầm dưới chân. Hôm nay cô không ngừng lại giữa đường như mọi khi, nhưng vượt

qua bãi cát, tiến thẳng tới bờ biển, cô chỉ chú tâm tới bọt biển trắng xóa đang tan vỡ. Thành linh như một cú đánh mạnh ngay sau gáy, cô cảm thấy như có một nhân vật vô hình nào đó đã giáng vào sau gáy, nhìn quanh chẳng thấy một ai.

“Tôi thực sự như thả hồn đâu đó”. Cô nhớ lại sự kiện đó hai mươi năm sau, “Tôi như người bưng tỉnh, nhìn chăm chú và mất hút vào trong quá khứ, như thể chính mình thấy lại con đường vừa đi lùi lại phía sau. Hiện tôi như người lạc hướng, cạnh bên lề đường”.

Bà nhận ra con đường đó chính là lối thiêng (spiritual path) bà đang tiến bước trên đó trong nhiều năm trời, “trong một thời gian dài, rất dài”. Nhưng lúc này bà thấy mình như đang bước đi trong một thế giới đầy mộng mơ và bà như người phải quay lại đường ngay nẻo chính.

Phải chăng cuộc hôn nhân của bà là một bước lạc hướng? Và có phải hội họa chính là con đường dẫn bà trở về với chính đạo? Bà chia tay với người chồng và dọn đến một phòng tranh nhỏ tại Beverley Glen Canyon, tại đó bà sống một mình trong một thời gian, vẽ tranh với khí thế mới. Bà bắt đầu ý thức được tất cả mọi sự đều có liên quan hỗ tương mật thiết với nhau. Chọn những đối tượng đơn giản và đơn điệu – như cái ly – bà đã khám phá ra kỹ thuật làm nổi bật vật đó trên nền bức tranh. Như thể vật chất xuất hiện rồi lại biến đi rất nhanh. Đã trở thành một qui trình tự nhiên như chân lý bà cảm nhận được về sự vật. Hoàn tất bức tranh không phải là điều quan trọng. Nhưng qui trình hoàn tất bức tranh đó mới là điều quan trọng nhất.

Bà vẫn còn phấn đấu tìm được một phương cách thông qua nghệ thuật hội họa để chuyển giao một thông điệp, dưới góc độ trực giác bà vẫn còn rất mù mờ – nhưng trên bình diện cảm nhận lại trong sáng và rõ ràng như pha-lê.

Thế rồi một ngày nọ sau khi đã miệt mài vẽ, bà bước ra khỏi phòng tranh, leo lên gác nhìn xuống toàn vùng Canyon. Ngồi trên chiếc ghế thỉnh thoảng bà thường ngồi ngắm từ xa những bức tranh mình vừa hoàn tất. Hôm nay bà tự họa mình trong cảnh kiệt sức.

“Ngay khi tôi vừa ngồi xuống bức tranh đã chiếm lĩnh tôi hoàn toàn. Tôi chẳng còn biết mình đã ngồi đó được bao lâu rồi. Nhưng khi tỉnh dậy, một hình ảnh thoáng hiện lên trong đầu tôi. Đó là một căn nhà nhỏ xếp lại bằng những lá bài, tường làm bằng bốn lá bài dựa vào nhau, hai lá nữa cũng dựa như thế làm thành mái nhà rồi sau đó xuất hiện một âm thanh nhỏ, một tiếng gió thoảng qua và tất cả sụp đổ. Đó là tất cả những gì xảy ra. Và thế rồi xuất hiện một khoảng không bao la mở ra. Và cái khoảng không rộng mở đó chính là tôi. Trước kia tôi cứ tưởng mình nằm trong khoảng không bao la đó, như trong căn nhà của mình. Nếu bạn có ý nghĩ con người đó là bạn, hẳn

bạn đã tìm một chỗ trú ẩn. Nhưng toàn cảnh chỉ diễn ra trong giây lát và tất cả đã sụp đổ. Và rồi chẳng còn gì tồn tại”.

Chỉ trong một khoảng khắc bà nhận ra toàn bộ cuộc sống: như đã xuất hiện. Bà nhận ra chức năng của sáu giác quan và cách sống trong không gian và thời gian đó cũng y hệt như cuộc sống đang trong chuyển động chậm chạp. “Hiện giờ tôi đang sống bên ngoài những chi tiết đặc biệt vừa lóe sáng đó. Khi tôi bắt đầu tìm hiểu về Phật giáo, chỉ ít năm sau tôi khám phá ra những lời dạy trong kinh Diamond Sutra: “Cuộc sống của bạn chỉ tựa như một tia chớp”.

Cô gái nhỏ trên xe điện và người phụ nữ trẻ trên bãi biển, cả hai chính là Gisela Midwer, ngày nay được biết đến với pháp danh Đại đức Gesshin Myoko Prabhasa Dharma, người sáng lập ra Trung Tâm Thiền Phật giáo Quốc Tế tại Hoa Kỳ. Khi bà không đi lưu giảng tại Âu Châu và khắp nơi trên đất Mỹ, tổng hành dinh của bà đóng tại Los Angeles, bang California, tại đó tôi đã lưu lại nghỉ ngơi nhiều ngày thật thoải mái với bà – đàm đạo, khám phá nhiều sắc tộc tại địa phương và tham dự những nghi lễ tại một ngôi chùa Phật giáo Việt Nam gần đó.

Gesshin nói với tôi, “Tôi chỉ là một người chậm đần, những gì tôi thuyết pháp cho chúng sanh là dạy họ thấp sáng đần lên. Tôi không nhận mình là một thiền sư bao giờ. Tôi chỉ muốn thể hiện chính mình một cách trung thực và thụ hưởng cuộc sống như vậy. Và nhiều người khác cũng hưởng được như thế đồng thời yêu cầu tôi chia sẻ với họ. Khi tôi lên tám tuổi, tôi nói rằng điều duy nhất trong cuộc sống tôi ước ao là tỏa sáng lên, tỏa sáng như một vì sao”.

Ngay thời điểm ban đầu đó, một người lớn tuổi đã hỏi bà xem lớn lên bà muốn làm gì. Bà không nghĩ ra được điều gì cả, nhưng tự nhủ mình phải có một câu trả lời, Bà nói ý tưởng đầu tiên xuất hiện trong là: “Tôi muốn lóe sáng như một vì sao”.

“Đó chẳng phải những gì tôi nghĩ ra đâu. Suy nghĩ đó đã xuất hiện trong một hoàn cảnh khác. Khi tôi đã nghe chính mình nói ra, tôi ngạc nhiên không hiểu điều đó có ý nghĩa gì. Những câu trả lời tự phát và bộc trực đã làm tôi kinh ngạc trong suốt cuộc sống. Cuối cùng, khi ở vào tuổi ba mươi tôi nhận ra là tôi rất muốn khám phá xuất xứ câu trả lời đó. Trực giác tự phát. Tôi muốn thực hiện từ khởi điểm đó”.

Ngay thời điểm mới lên mười hay mười một tuổi gì đó, bà đã tiến hành thực hiện điều mà nay bà gọi là “Trạng thái trầm tư”. Đó là thời chiến tranh tại Đức, bom đạn rơi tới ngày, người ta thường xuyên trong tình trạng sợ hãi bị giết. Bà đã thấy bà nội nằm chết trong quan tài, hai tay xếp trên ngực và

kể từ đó bà luôn đi ngủ trong tư thế đó: hai tay xếp lại, tay trái đặt trên tay phải. Nếu bom rơi nhằm lúc đang ngủ. Hẳn bà sẽ nằm đúng vị thế như bà nội đã nằm chết. Bà cũng cảm thấy có thể áp dụng tư thế trầm tư như sau. Bà thấy mình lắng xuống, tan ra. Rồi dừng lại và bay là là và rồi lại chìm lắng xuống một độ sâu hơn, với sự tan biến nhanh hơn rồi lại đến tình trạng bay là là xuất hiện trở lại. Và toàn bộ quy trình đó cứ thế lặp đi lặp lại đến bốn lần liên tiếp”.

Có một lúc thật phấn chấn, như bóng bột giặt tan vỡ ra: một âm thanh nhẹ nhàng – tôi cảm thấy toàn thân như trái rỗng ra. Tôi có mặt ở khắp nơi. Tôi luôn đề cập đến những kinh nghiệm này biết rằng còn có điều gì đó khác với sức nặng thể xác, sự buồn rầu và chiến tranh. Và tôi cảm thấy như có sức mạnh gì đó thúc bách tôi phải truyền đạt kinh nghiệm này cho bá tánh, nhưng tôi không biết phải làm cách nào”.

Ngay trước đó, bà đã mơ tưởng mình sẽ bay bổng được. Trong một giấc mơ, các bạn học hỏi xem bà có thể chỉ cho chúng tôi biết đôi chút được không. Thế là bà dẫn các bạn ra một cánh đồng cỏ, đứng trước họ như là một bà giáo, rướn người lên mười đầu ngón chân và dang rộng cánh tay ra như một con chim. “Cứ giữ trong tư thế đó nhé”, Bà nói, “chờ cho đến khi có một ngọn gió thoảng qua rồi nâng bổng lên trên ngọn gió đó và lướt bay theo chiều gió, cứ để cho gió mang các bạn đi theo”. Khi bà đang nói, một ngọn gió ập tới bà tự nâng mình lên và đã bay theo chiều gió, bà bay cao thêm cao thêm, thích thú với cái cảm giác đó. Nhưng ở trên cao nhìn xuống bà thấy tất cả các bạn vẫn còn đứng bất động tại chỗ như tượng đá. Nhóm bạn cố gắng bay bổng lên khỏi mặt đất nhưng không sao cất bay lên được. Bà rất thích thú và chỉ muốn bay bổng lên cao lên cao mãi. Nhìn xuống đám bạn ở dưới, bất động trên mặt đất, bà nghĩ, “Ồ, tôi phải trở xuống và trình diễn cho bọn chúng xem một lần nữa”.

Tôi nhận ra ngay “Đó là giấc mơ bò tát”.

“Vâng đúng vậy”, bà đáp lại, “Giấc mơ đó thực sự đang thể hiện nơi tôi. “Ước muốn được giải thoát khỏi “cái thân xác nặng nề và vụng về này” đã gọi cho bà thích thú đầu tiên muốn học múa Ballet. Bà nhận ra một thứ kỷ luật nghiêm ngặt với cả thân xác và tâm hồn và thân xác bà phải biến mất. Nhưng cha bà từ chối không cho phép bà theo học ballet vì bà quá nhỏ con, nhẹ nhõm và ông rất quan tâm lo lắng đến sức khỏe của con gái. Nhưng bà luôn áp ủ ước muốn bầm sinh với thứ kỷ luật đó. Để chế ngự những giới hạn của mình. Bà muốn lập lại một lần nữa những thành tích khó khăn, như các nhà nhào lộn thực hiện trên sàn diễn xiếc, khiến cho mẹ bà kinh hoàng. Một

trong các thầy giáo của bà đã hứa cho tiền để bà theo học múa Ballet, nhưng bà từ chối, vì không muốn làm phiền lòng cha mẹ.

Trong khi đó, bà đã ngưng cầu nguyện. Vì chiến tranh không kết thúc, cho dù bà đã cầu nguyện liên tục, bà mới ngưng trong một ngày. Thay vào đó bà lại gấn bó ngày càng nhiều hơn với “trạng thái chiêm niệm bà đã bị tiêm nhiễm và lệ thuộc vào từ lúc nào mà không hay.

Lúc chiến tranh kết thúc, bà mới lên mười ba tuổi. Gia đình đã trốn khỏi nước Đức. Vào một buổi trưa trong khi mọi người đang nghỉ, bà chạy ra cánh đồng lúa mì, vì quá nhỏ con so với tuổi tác, khi ngồi trong ruộng, lúa mì đã vây kín bà như lọt vào trong một cánh rừng. Bà đã ngồi thiền yên lặng tại đó trong sức nóng như thiêu. Quên cả chính mình, bao quanh là biết bao tiếng động ồn ào.

Khi chiến tranh thực sự kết thúc, nhưng sợ hãi kinh hoàng chưa hề chấm dứt. Đôi khi còn tệ hơn trong chiến tranh. Dưới sự chiếm đóng của quân nước ngoài là cảnh đói khát, hãm hiếp, giết chóc suốt cả một vùng đồng quê. Một lần kia, lúc đó Gosshin đã mười bốn tuổi, chỉ nhờ có trực giác sắc xảo của mình Bà mới thoát khỏi một cuộc tấn công rõ ràng của bọn lính đó.

Ngôi làng bị quân đội Mỹ chiếm đóng. Bọn lính đồn trú trong trại trên ngọn đồi nhưng đôi khi chúng xuống và đột nhập vào nhà dân. Đa số đàn ông địa phương đã rời khỏi làng hoặc đã bị giết hay còn bị giam trong trại tập trung. Vì thế mà chỉ còn lại toàn là đàn bà và trẻ con. Mẹ bà đã dựng một rào để bảo vệ nhà. Nhưng một ngày nọ bà ra ngoài lấy sữa nơi một nông trại trên đồi gần đó. Lúc đó vào giữa trưa và rất yên tĩnh. Tại Nông trại chỉ còn lại một bà già và hôm đó lại không có ai ở nhà. Cũng chẳng có người nào có mặt tại kho thóc. Đằng sau kho là một cánh rừng nhỏ nơi bà chủ nông trại thường nấu mứt. Nhìn vào trong, thỉnh thoảng bà linh cảm thấy có người xuất hiện ngay đằng sau. Quay lại, bà thấy hai tên lính. Họ mang súng và lưỡi lê, ngáng ngay lối đi chặn không cho bà lui ra. Bà hoảng hốt, nắm lấy một khúc gỗ. Nhưng ngay sau đó một sức mạnh bình tĩnh xuất hiện trong bà và bảo hãy chờ, đừng hành động gì cả. Hai tên lính cho bà kẹo cao su. Bà nội đã dặn là không được nhận bất kỳ của gì mà những người lạ không quen biết cho. Nhưng trí khôn bên trong như mách bảo, nhận lấy đi đừng làm bọn lính nổi nóng và buồn. Bà đưa tay ra rất bình tĩnh, nói cảm ơn và rời tất cả cùng nhai kẹo nhe răng cười với nhau. Chúng bắt đầu hỏi và bà giả vờ như không sợ sệt gì cả. Một tiếng nói bên trong mách bảo. Đừng hành động gì cả, đến giờ sẽ biết phải làm gì. Và như ánh chớp vụt đến: một tiếng thét phát ra. Bà không trừ liệu hành động như thế, hoàn toàn tự nhiên thốt ra. Bà thét toáng lên và chỉ lên trời, cả hai người lính luống cuống chạy quanh để nhìn xem –

và thế là bà phóng như bay thoát ra ngoài một cách an toàn. Khi chạy xuống đồi bà còn nghe tiếng súng bắn, nhưng chỉ để dọa mà thôi. Bà chạy một mạch về đến nhà và nằm ngay lên sàn nhà và bắt đầu vẽ.

Gesshin cảm thấy những kinh nghiệm trực giác tự phát như thế không phải là chuyện bình thường. Mọi người đều có những tiềm năng đó, tuy nhiên hầu hết chúng đều tiềm ẩn. “Có lẽ đôi với tôi phải trở lại với quá khứ, có lẽ phải kéo dài nhiều lần trong cuộc đời thì phải. Nhưng vào thời điểm ban đầu tôi đã ngưng tìm kiếm những nguồn bên ngoài, tôi ngừng không lục lọi bên ngoài tôi và bắt đầu tìm tòi bên trong. Tôi đã tìm thấy một chỗ bên trong tôi, một nơi đáng tin cậy, an toàn và lúc nào cũng có thể chạy lại đó”.

Bà luôn cảm nhận được sự khôn ngoan nơi những người lớn tuổi. Vào một ngày lễ, mẹ bà thường mời một vài người hàng xóm đến dùng bữa tối cùng gia đình. Những cánh tay dày dặn sương nắng đặc biệt rất hấp dẫn bà và khi họ ngồi vào bàn, bà có thể cảm thấy toát ra một phẩm chất nào đó ngay sau lưng họ.

Bà cho hay, “Cuộc sống của tôi chẳng có gì đặc biệt, nó tựa như một gương sáng, để mọi người trông cậy và tin tưởng nơi chính mình, để họ nhận ra sự thông thái nội tại luôn hiện diện ở đó trong ta. Ngay khi bạn thức tỉnh nó dậy, nó đã hiện diện ở đó rồi. Lý do tôi chọn theo Thiên định chính là vì tôi nhận ra đó là con đường trực tiếp và thẳng nhất dẫn tôi tới trực giác đó”.

“Nhìn bề ngoài thì cuộc sống đầu đời của tôi thật khủng khiếp. Toàn bộ đất nước tôi đã là một trại tập trung.. Chúng tôi có cùng một cách sống, đói khát, cuộc sống bị đe dọa, cùng với sợ hãi bao phủ khắp nơi. Áp lực đó có thể khuấy lên một điều gì đó sâu xa và thẳm kín, như thể chúng ta đang nằm trên giường bệnh. Điều đó xuất hiện thật tự nhiên. Nhưng chẳng thà chúng tôi có được cái chết ngay từ những ngày còn nhỏ vẫn tốt hơn. Một trạng thái khủng hoảng – ảnh hưởng đến tận bản chất như thế - thường có thể đưa vào làm đề tài để hành thiền”.

Chính trong thời gian bà ta đang vẽ rất khấn trương tại gia đình Canyon ở miền nam California, Gesshin đã tiếp cận được với Phật giáo. Vào dịp Giáng sinh, một người bạn đã tặng bà cuốn sách có tựa “*Chuyển giao trí tuệ*” (Transmission of the mind). Bà đã đọc và thực sự hòa nhập với những gì đã đọc. “Tôi không thể tin được có một ai đó có thể mách bảo tôi bên ngoài trái tim tôi”. Không lâu sau đó có một người bạn, là thi sĩ cho bà biết có một Đại sư muốn hội kiến với bà và bà đã đồng ý dùng trà với ông vào Chúa nhật tới.

Khoảng độ mười giờ sáng hai người đã đến gặp nhau tại căn nhà ở Gardena, hơi trễ một chút. Gesshin mặc bộ đồ len đan kiểu Pháp màu xám đậm, hơi

chật và bó sát người. Nhà sư đầu cạo trọc trong bộ cà sa kimono màu vàng tươi di chuyển một cách hấp tấp và trước khi bà có thể mở miệng nói được điều gì, ông đã đẩy bà qua một lối nhỏ có cửa vào ngòai ngay trên một chiếc gối đệm thiền để ngay trên sàn nhà.

“Và tôi cứ tưởng tôi sẽ được uống trà với Đại sư! Chẳng có cuốn sách nào tôi đọc đã động gì đến luyện thiền cả. Nhưng tôi bắt đầu hành thiền. Thế là tôi ngòai xếp bằng trên đệm thiền – chiếc váy của tôi hơi ngắn chỉ đủ che đến đầu gối! Tôi cảm thấy khó chịu và ngượng ngùng khi thấy nhà sư nhận ra điều đó và ông đã đưa cho tôi một vật gì đó để tôi che đui đi. Ông ta để tôi ngòai vào đúng vị trí thiền và tôi phải chịu trận ngòai như thế. Nhưng ngòai như thế để làm gì? Người khác quanh đó sẽ suy nghĩ gì không? Họ đang làm gì trong đó vậy?”.

Thế rồi, theo đúng sách lược của mình, bà tự hỏi. “Ta đang làm gì ở đây vậy? Và bà cố gắng hết sức để ngòai vào đúng vị thế. Bà không cử động gì cả. Và chẳng bao lâu bà đã nhập được vào cái cõi mênh mông bà đã kinh qua trong quá khứ. Các bức tường trong phòng bắt đầu tan biến, chẳng còn bên trong mà cũng chẳng còn bên ngoài, chim chóc, xe cộ hơi thở của bà – tất cả đều đang diễn ra trong một khoảng không gian bao la. Bà tập trung tư tưởng quá sâu trong buổi thiền đó, khi mọi sự đã kết thúc, bà đã ngòai bất động ngay cả quả táo rơi ngay trên đầu bà cũng không biết. Từ giây phút đó bà không còn nghi ngờ gì về việc luyện tập bà phải thực hiện.

“Tôi đã bị mắc câu. Tôi phải trở lại thôi. Cuộc ngòai thiền đó thật tuyệt vời, tôi chưa từng bao giờ thực hiện được trong đời”. Thiền đã giúp bà vượt ra ngoài bản chất nhân loại của mình là nơi đó bà thấy thật an toàn và bà cũng đã hoàn toàn nhận thức được điều đó. Chẳng bao lâu sau bà đã trở lại Gardena mỗi ngày Chúa nhật để hành thiền. Sau đó ít tháng – vào tháng Mười năm 1967 – trung tâm di chuyển về Los Angeles, đến một ngọn đồi mà hiện nay tọa lạc Trung tâm thiền Cimarton. Đã có một thời trung tâm xuống cấp trầm trọng và cần phải tu sửa. Trung tâm đã bị tàn phá và không có người ở trong một thời gian. Trong khi đó Gesshin vẫn còn vẽ và làm việc theo lịch công tác riêng, bà thường xuyên lui tới trung tâm để giúp tu sửa. Chẳng bao lâu sau ngày nào bà cũng có mặt, thoạt tiên bà cộng tác làm việc với người khác, sau một thời gian bà tự đảm trách nhiều công việc tại đó – sửa chữa những vết nứt, làm lại nền mới và sửa lại toàn bộ căn nhà. Ban ngày Đại sư làm việc và viết tại căn phòng trên lầu. Ông chỉ xuống để nấu ăn cho cả hai người. Đôi khi Gesshin cũng nấu bữa tối, ở lại để hành thiền vào buổi chiều và trở về căn hộ của bà. Buổi sáng bà trở lại trung tâm để tham dự giờ thiền vào lúc 4.30 sáng. Một thời gian sau Đại sư nói “Thật nực cười bà đã sống ở đây cả ngày chỉ về nhà ngủ ban đêm một vài

tiếng đồng hồ và lại trở lại đây ngay. Bà có muốn dọn vào đây ở luôn không?” Và ông nói thêm: “Ta muốn huấn luyện con trở thành thiền sư”.

Thế là bà bắt đầu một khóa huấn luyện kéo dài trong năm năm thật nghiêm khắc không thể tưởng tượng nổi. Có điều chắc chắn là, Gesshin tự bản chất là một người thích kỷ luật. Nhưng bà vẫn thấy khó lòng thức dậy vào 4 giờ sáng, làm việc cực nhọc cả ngày và lên giường đi ngủ vào đêm khuya và chỉ ăn cơm trắng với chút ít rau, để chịu đựng tất cả những kham khổ luyện tập kéo dài suốt ngày. Nhưng bà cảm thấy nghị lực trong người tăng thêm nhờ hành thiền và chẳng bao lâu đã nắm giữ được “koan” rất tuyệt ngay mỗi buổi sáng thức dậy.

“Bạn có biết ngay từ buổi sáng tinh mơ khi bạn vừa mở mắt những tư tưởng lọt vào tâm trí bạn thế nào không? Chúng chỉ chờ bạn thức dậy là nhảy vô liền! Tôi phải nhớ thực hiện “Koan” ngay trước khi mọi tư tưởng có thể lọt vào trong đầu. Nắm giữ được “koan”, tôi ung dung đi vào phòng tắm để đánh răng rửa mặt. Tại phòng thiền, tôi ngồi thiền với “koan”. Khi bạn bắt đầu suy nghĩ đến những điều khác, bạn sẽ tự hủy hoại mình. Koan giúp bạn thực hiện dễ dàng mọi sự”.

Ngay những ngày mới tới huấn luyện bà đã nghiệm thấy cây gậy của ông thầy. Trả lời trong phòng thiền một hôm, bà đã bị đánh một gậy rất mạnh. Cho dù phải lãnh một vết bầm tím trên bắp đùi, sáng hôm sau bà vẫn vái lạy và cảm ơn Đại sư vì lòng nhân ái của thầy mình. Bà hiểu rằng thầy mình chỉ dùng đến cây gậy lúc nào cần thiết mà thôi.. “Đó là lúc tôi trở thành đệ tử của thầy”.

Có ba bốn người cũng tham gia khóa huấn luyện này, nhưng chỉ có mình bà là túc trực ở đó cả ngày. Bà nấu ăn, chăm sóc dọn dẹp trung tâm, trả lời điện thoại, đi chợ và lái xe. Thật là bó buộc, nhưng bà luôn ý thức bà có mặt tại đó để học những gì chưa biết. Ngay từ thời còn nhỏ bà đã tỏ ra rất thông minh. Nhưng bây giờ bà đã ý thức được những trở ngại của bản ngã và chúng đã giăng bày bà như thế nào. Một ngày nọ khi đang sửa soạn bữa ăn cho một nhóm người khá đông, thì Đại sư bước vào bếp và ném một món ăn, ông chê bà nấu không được ngon. Và yêu cầu phải nấu lại. Bản ngã của bà chột nổi dậy. Bà đã nấu ăn trong suốt cả một đời người! Ông là cái thá gì mà lên mặt dạy bà nấu ăn đây?

Nhưng ngay sau đó một tiếng trong bà nói nhỏ: “Con có mặt tại đây là vì con chẳng biết sự gì hết. Và ông biết điều đó đấy”. Tức khắc sự nổi dậy đó đã bị dập tắt. Và ngay lúc bà thấy bản ngã mình nổi dậy hoạt động, hãy quan sát toàn diện, ngay lúc đó bà được biến đổi. “Đó là lý do tại sao bạn có thể

tiến tới rất nhanh và tự vun đắp cho chính mình”. Đó là một qui trình đang chín rộ kéo dài trong nhiều năm.

Giả như không cộng tác với Đại sư Joshu Kyozan Sasaki, Gesshin cảm thấy bà không thể tiến tới được như ngày hôm nay. Trong suốt năm năm trời lúc nào họ cũng luôn ở bên nhau. Trong những năm đầu hai người chỉ gặp nhau trong giờ thiền ban sáng và ban chiều, trong giai đoạn đó bà đang luyện “koan”. Một buổi sáng nọ sau sáu tháng đầu tiên chung sống với nhau, bà đã không tìm ra được câu trả lời. Bà đã “đề mất” koan.

“Tôi ngồi thiền và thời gian cứ trôi qua thật mau. Thành linh tôi cảm thấy bị cuốn hút do một nguồn năng lượng lóe sáng trong tôi. Nó chợt nổi dậy và lan tỏa xuống khắp người tôi, tôi cảm thấy như mặt trời đang ở trong tôi. Thế nên khi chuông báo hiệu tôi đã chạy lại phòng Đại sư và nói tôi không có câu trả lời. Tôi đang tỏa ra một cảm giác âm áp lạ lùng. Ông lên tiếng: “Con đã đạt được đến giác ngộ đó”.

“Nhưng rồi bạn lại rơi vào bẫy trở lại, bị kẹt lại và rơi vào thất vọng. Vì thế bạn cần phải có thiền sư hướng dẫn là vậy. Ông sẽ động viên ta và giữ cho ta khỏi vấp ngã và ban cho ta niềm tin và nếu bản ngã của bạn lại trỗi dậy ông sẽ cắt bỏ đi giúp bạn”.

Hơn thế nữa, mỗi khi có cơ hội, Đại sư lại cắt đứt suy nghĩ của bà. Có một lần sau khi ngồi thiền họ đã đi dạo chung với nhau đến một công viên thật đẹp bên kia phố về phía trung tâm thành phố. Trời vào xuân, hoa mộc lan đang nở rộ và khắp nơi chỗ nào cũng có hoa nở. Gesshin thấy một cảnh hoa mộc lan đang rơi trên đường dưới chân hai người bà cười và sửa soạn mở miệng thành thơ, ngay khi đó Đại sư bắt gặ: “Nào, con lại đang suy tư đó sao!” kiểu huấn luyện và tập rượt như thể quý báu biết bao và luôn lúc nào cũng có gương sáng của Đại sư, tức lối sống hàng ngày của Ngài. Đại sư không phải là người thánh, nhưng là một con người, rất nhân bản và thực tế. Sự “thánh thiện” của Ngài hiện tại điểm đó: Ngài không bao giờ bỏ qua một giờ thiền ngay cả khi bị bệnh hay đau đớn.

“Khi có điều gì khó khăn đối với tôi, tôi nhắc lại trong thâm tâm, “nếu ông thầy làm được, ta cũng phải làm cho được” và tôi tiếp tục tiến lên và thực hiện điều đó”. Một trong những việc cực nhọc nhất bà đã làm là phụ trách việc tạo dựng một trung tâm thiền mới được thành lập tại thành phố Mount Baldy. Vào năm 1970 và lúc ấy bà mới qua huấn luyện được ba năm, ngài Đại sư giao trách nhiệm đó cho bà. Toàn cảnh đồi là một trại Hướng Đạo Sinh cũ tọa lạc ngay đỉnh một ngọn đồi có đường dốc đứng dẫn đến trung tâm. Cơ sở có tới hai mươi phòng đang trong tình trạng đổ nát. Không có nhà vệ sinh, không có máy sưởi, không cửa sổ và rất biệt lập. Sở

cứu hỏa, sở y tế và những người có thẩm quyền lâm nghiệp đều tuyên bố không đủ điều kiện để sinh hoạt. Tuy nhiên, với nhiều suy tư lo nghĩ và vì thiếu tiền, nhưng Gesshin đã bắt tay vào công việc với sự giúp đỡ của bốn nhà sư trẻ làm việc tại đó.

Và từng căn phòng một, với những vật liệu được dâng tặng và những người tham gia làm công quả, tất cả các phòng đều đã được sửa chữa lại. Dự án nguyên thủy trung tâm là dành làm chỗ cho bá tánh vùng lân cận Claremont đến sinh hoạt. Nhưng lúc đầu họ đã ngồi chờ từ sáng tinh mơ cho đến tối mịt mà chẳng có ai đến sinh hoạt cả. Chẳng ai muốn lái xe lên núi vào những giờ đó. Vào mùa đông đường trơn trượt do băng tuyết. Vì thế nên trong khi công việc vẫn còn đang tiến hành Gesshin thoát có tư tưởng biến trung tâm thành một thiền viện. Với thời gian huấn luyện thích hợp với các thiền sinh trong suốt mùa đông. Bà cũng nhận ra như vậy sẽ tạo cơ hội thuận tiện giúp bà hoàn tất giai đoạn huấn luyện của mình vì Đại sư sẽ lưu lại tại chỗ ở trong suốt ba tháng huấn luyện. Đến năm 1972 bà được xuất gia làm thiền sư.

Thời gian tiếp theo, bà sang Nhật Bản một năm rưỡi để củng cố thêm việc đào luyện. Bà ghi tên đăng ký tại Chùa Tenruji, ở đó có thiền sư Hirata Roshi hướng dẫn. Bà cũng học thêm tiếng Nhật và theo học viết chữ nho với Morita Shiriyu, một người viết chữ nho nổi tiếng. Đó là quãng thời gian để củng cố và đào sâu; cũng là thời gian đầy rối loạn và bối rối trong quan hệ với Đại sư và các nhà sư đồng môn tại Hoa kỳ. Ngay cả sau khi về lại Hoa kỳ, khi bà đã trở thành lãnh đạo tại trung tâm Phật giáo Zen Cimarron, những vấn đề này không bao giờ được giải quyết. Mặc dù có nhiều cố gắng hòa giải, tiêu cực và hiểu nhầm vẫn tồn tại. Khung cảnh không còn thích hợp. Hình như đã đến thời điểm bà tách ra để thực hiện đường lối riêng.

Cimarron, tháng 12 năm 1969. Ngày thứ ba khóa học thiền Rohatsu. Thực tập từ 3.00 sáng đến 11.00 giờ khuya. Ngồi thiền bốn năm lần một ngày. Đại sư yêu cầu Gesshin lãnh đạo việc hành thiền. Lần đầu tiên trong khóa Rohatsu, bà mang cây gậy thiền. Ngày thứ ba thường là ngày đầy căng thẳng. Nhưng Gesshin cảm thấy mạnh mẽ và đầy nghị lực. Đứng lên và điều hành khóa keisaku, bà cảm thấy có trách nhiệm lớn đối với năm mươi người đang ngồi thiền tại đó. Bà phải cư xử ra sao đây? Tất cả những người có thể làm mẫu cho bà noi theo trong việc lãnh đạo khóa huấn luyện đều là nam giới cả. Theo phong cách truyền thống Phật giáo Rinzai, họ thường hô to và dùng gậy đánh khi có biểu hiện uể oải trong hành thiền. Nhưng Gesshin là phụ nữ. Một phụ nữ thì bà phải hành động ra sao đây? Không một ai bà có thể cầu cứu giúp đỡ, bà đành quay vào tìm kiếm giúp đỡ ngay trong chính nội tâm của mình.

Lần đầu tiên cầm chiếc gậy trong tay đứng đó, bà cảm thấy hoàn toàn bất lực. Thế rồi sự thanh thản bình yên đến xâm chiếm lấy bà: kiên định và sức lực nội tại. Đôn hậu và tử tế bề ngoài. “Bà không thể bỏ rơi năm mươi người đang hành thiền vào ngày thứ ba được. Trong khi đó họ đang mệt mỏi và bối rối, lẩn lộn hoặc muốn thôi lui. Bà phải nâng đỡ họ không phải bằng quát mắng la rầy nhưng bằng chính nhận thức và sức mạnh tinh thần”: bằng cách không hành động thay vì phải ra tay. Bà chỉ dùng sức mạnh nội tâm tỏa sáng ra ngoài mà thôi.

Và mọi sự đều ổn cả, bà cho tôi hay. Cả nam lẫn nữ đều cảm thấy mình được hỗ trợ và chính bà cũng cảm thấy có khí thế. “Bà đã thiêu rụi đau khổ. Bà đã đốt cháy mọi sự trong qui trình thiền này”. Bà cho biết, nam giới đã phát triển ra một tầm nhìn, nhưng nhịp độ của người phụ nữ lại khác. Giống như một luồng sóng biển trôi lên rồi lại sụp xuống. Bà cho phép điều đó vì là điều rất tự nhiên. Phụ nữ và người lớn tuổi gặp khó khăn với cách tiếp cận quá nghiêm khắc và căng thẳng cao của hệ phái trong đó họ được huấn luyện và hiện nay bà đã khám phá ra không còn thích hợp với người Châu Âu nữa.

Vào năm 1983 bà đã rút khỏi hệ phái truyền thống và hiện đang công hiến công việc mình cho những người Mỹ và người Châu Âu để gìn giữ bản chất Phật giáo thiền định được tồn tại.

Bà nói “Với cương vị là một thiền sư tôi phải tỏ ra cởi mở, tôi không có suy nghĩ nào khác. Và khi tôi thuyết pháp ở bất cứ nơi đâu, tôi không bao giờ biết là mình sẽ phải nói gì. Tôi ngồi thiền yên lặng tại đó độ dăm ba phút, tự biến mình thành trống rỗng và rồi tìm cách thu hút cử tọa. Khám phá ra họ và rồi tôi bắt đầu thuyết trình cho hợp với trình độ của họ. Mục đích không phải là dạy họ bất kỳ điều gì. Mà chỉ là gợi cho họ ý thức được thực tế nội tại của họ mà thôi”.

Bà cho biết, tham gia vào những sinh hoạt tôn giáo có nghĩa là trở về lại với chính mình, trở về lại với bản chất nguyên thủy của mình. Trí thông minh là điều bẩm sinh, không có khoảng cách giữa chúng ta. Đó chỉ là cái chúng ta thể hiện (what we are). Đó chính là Phật pháp, là qui trình sinh hoạt, đồng nhất với qui trình đó bạn sẽ nhận ra không còn sinh và tử nữa. Đó là những gì Đức Phật đã dạy và chúng ta rất cần đến giáo lý căn bản này “Tôi sẽ phải làm bất kỳ điều gì trên đời này, với đôi bàn tay, đôi chân và toàn thân tôi, để truyền đạt điều đó cho mọi người biết”.

Một trong những tấm gương trong lịch sử Phật giáo thiền định chính là Đại sư Joshu người Trung quốc. Người ta bảo rằng ông có giọng nói rất yếu ớt, không bao giờ dùng đến gậy và không la mắng thiền sinh. Người ta đồn đại

rằng, bất luận khi nào ông mở miệng dạy dỗ, những lời như vàng ngọc rơi ra từ miệng ông. Với những lời đơn giản ông cắt ngay ngu xuẩn và tình cảm. Gesshin nói: “Tôi cảm thấy rất gắn bó với ông cũng như cách thức ông truyền đạt Phật pháp”. Ở vào tuổi năm mươi chín sáu mươi girdó ông mới trở thành thiền sinh của Đại sư Nansen. Khi Đại sư Nansen viên tịch ông đi du hành trong hai mươi năm, động viên những thiền sư và đại sư khác trong cuộc chiến dành lại Phật pháp. Chỉ khi ở vào tuổi tám mươi ông mới ngồi lại và bắt đầu thuyết pháp. Rất nhiều người muốn đến với ông và ông đã thuyết pháp trong vòng bốn mươi năm nữa và viên tịch ở tuổi trên 120.

Gesshin đã cảnh báo, thiếu nghị lực bền bỉ, việc luyện tập của bạn sẽ không thể thâm sâu được. Với nghị lực nông cạn, nhận thức của bạn cũng sẽ hời hợt. Thế nên bà rất biết ơn đối với việc huấn luyện nghiêm khắc bà đã nhận được nơi Đại sư Sasaki và sau này tại Nhật Bản. Lại nữa. “Đây không phải là Phật giáo thiên định duy nhất” cũng còn có cả các truyền thống thiên định Trung Quốc, Việt Nam và Hàn quốc nữa. Bà tin rằng để được giác ngộ thật sự, cần luyện tập theo một truyền thống nào đó, nhưng một phong cách riêng hoặc tổng hợp lại phải thích hợp cho từng người một.

Bà rất lấy làm sung sướng khi được làm việc với những thiền sinh mới bước vào luyện tập. Một vài điều bà cho tôi hay với một số hoàn cảnh cụ thể đã phản ánh rõ điều đó. Trong một giây phút cao độ trong kinh nghiệm bà có được, chúng ta có thể thấy những tế bào da thịt bà như tan biến với một tiếng động lớn, “Như một ngọn lửa lớn”. Những tế bào chết dường như thoát ra khỏi bà với vận tốc rất lớn khi bà nhìn quanh vào cây và hoa... “tôi thấy mọi vật như liên kết hữu cơ với nhau. Tôi cảm thấy không khí như một vật chất và tôi có thể nhận ra được” – Lệ tôi rơi ra - “Trời ơi, cái mà mọi người cho là đẹp thì đó chỉ là thói rữa”. Khi bạn nhìn vào vạn vật, bạn chỉ nhìn vào bề ngoài ở đó chỉ xuất hiện những tế bào chết. Thế nên cái bạn cho là đẹp thực sự đã là cái gì khô héo rồi. Cái đẹp lớn lao là biết bao nhiêu những gì bên dưới cái vẻ bên ngoài đó. Cuộc sống tinh thần, ngay trước khi được hình thành, chính là giây phút đẹp đẽ nhất. Để quảng bá, cái đẹp đó đã trở thành đường hướng của chính tôi”.

Từ năm 1980 trở đi, Gesshin đã đi khắp nước Mỹ và châu Âu để thuyết pháp và tổ chức các khóa hành thiền cho mọi đối tượng, bà đã quá quen với cái gọi là thiền viện lưu động ở bất cứ nơi đâu bà đặt chân tới. Đôi khi trong rừng, lúc trong thành phố, bà sắp xếp các khóa thiền, đèn nến, hoa và nhang bà mang theo. “Và tôi mang theo cả chuông và chúng tôi chỉ cần ngồi xuống là bắt đầu hành thiền. Tôi giải thích trong bảy ngày như thế đó là thiền viện lưu động của chúng tôi và mọi người rất sung sướng. Họ cố gắng hết mình khiến tôi thật cảm động khi thấy họ tích cực đến thế. Sử dụng đến sức mạnh

là không cần thiết. Có quá nhiều phản kháng tự nhiên nhưng chúng ta phải chống lại điều đó, đặc biệt trong ba ngày đầu. Bản ngã của ta thực sự phản kháng lại”. Nếu như chúng ta phải đốt cháy nó đi, tuy nhiên, nó vẫn sẽ là điều đầu tiên xuất hiện.

“Tôi cảm thấy như là một người mẹ đối với các thiền sinh của tôi. Đó là điều Đức Phật dạy tôi. Khi còn là một vị sư, Đức Phật dạy: “thầy luôn lưu ý tới mọi chúng sanh như con cái trong nhà. Cho dù họ đã lớn tuổi, ngay cả khi họ lớn tuổi hơn thầy rất nhiều, thầy luôn coi họ như con cái. Thầy quan tâm đến từng người một, yêu mến và thông cảm với họ, quan tâm theo dõi xem họ có theo chánh pháp hay không. Một số trong bọn họ có thể đã bị hư mất và một số thầy đã giúp tìm được chánh pháp”. Việc truyền đạt giáo lý không thành vấn đề, nhưng làm việc hết mình, không gây cản trở, không câu nệ quá vào truyền thống và liên hệ trực tiếp với bất cứ điều gì bạn đảm trách – đó chính là bản chất Phật giáo Zen – đó là giác ngộ trực tiếp với bản chất Phật vậy, xuất phát từ tâm lòng đến tâm lòng.”.

Nơi các nhóm Gesshin huấn luyện trong thời gian vừa qua, có người lớn tuổi, nhiều người đã bảy tám mươi tuổi hoặc hơn nữa. Bà cho biết “không bao giờ muộn cả”, Những buổi hành thiền chỉ kéo dài trong vòng hai mươi đến hai mươi lăm phút (lâu hơn đối với các thiền sinh đã tấn tới) xen kẽ những cuộc đi dạo chậm rãi trong nhà hay bên ngoài nếu như thiền sinh có nhu cầu vận động. Bà đưa ra lịch hoạt động mỗi khi sinh hoạt với các nhóm, tùy theo tuổi tác và khả năng của họ. Ngay buổi chiều đầu tiên bà tổ chức hành thiền bách bộ kéo dài một giờ rưỡi. Cho dù hành thiền bên ngoài hay trong phòng thiền, bà cũng sử dụng đến Yoga và luyện thư giãn vào những thời điểm khác nhau trong ngày. Cơ cấu tổ chức thật rõ ràng và nghiêm túc, nhưng nhẹ nhàng, thích hợp với phong cách sống và những hoàn cảnh riêng của mỗi người. Bà nói:

“Bạn phải biết thích ứng trong mọi hoàn cảnh. Và phụ nữ chúng ta theo bản năng rất dễ thông cảm”.

Một thiền sinh của bà viết cho tôi bảo rằng, “Sự hiện diện của bà tại các buổi hành thiền thật là tuyệt vời, một mẫu mực tập trung tư tưởng và điều khiển hơi thở”. Trong việc phục vụ bữa ăn chính, bà rất đúng mực nhưng rất chân thành. Sửa chữa lỗi lầm một cách rất cương quyết. Nhưng, một thiền sinh khác lại cho biết, “Tôi ít khi được sửa lỗi riêng từng người một. Bà hiểu sửa lỗi phải nhắm đến lợi ích chung. Cho dù thiền sinh có thể cảm thấy e ngại khi phải tiếp xúc riêng với bà, lúc nào bà cũng tỏ ra đôn hậu và thông cảm trong giao tiếp. Tôi như bị thách thức với thái độ của bà”.

“Mọi người chúng tôi đặt hết niềm tin nơi Gesshin. Bà am hiểu hoàn cảnh và cảm nghĩ của chúng tôi, kể cả những ngò vức nữa, điều này thể hiện rất rõ trong khi bà thuyết pháp. Bà có thể đề cập rõ ràng đến những nhu cầu riêng tư của từng người và của tất cả mọi người tham dự khóa huấn luyện”.

Một thiền sinh kể về cuộc gặp gỡ đầu tiên với Gesshin như sau, “Khi người phụ nữ nhỏ nhắn này, mặc toàn đồ đen, tiến lên bục nói chuyện, toàn thể cử tọa như bị biến đổi”. Sự liên kết giữa họ xảy ra ngay lập tức và rất nhiệt tình. Và cùng nhau bắt tay vào làm việc ngay. Thiền sinh này kể tiếp, “Gesshin là một “tấm gương sáng” phản ánh rất chính xác như thể bà nhìn được xa hơn, bóí móc tìm kiếm sâu hơn. “Bà là một phụ nữ đáng kính nể, can đảm cương quyết và đầy lòng nhân ái”.

Tháng tư năm 1985, Gesshin nhận được ấn mộc truyền đạt Phật pháp do một thiền sư tiến sĩ người Việt Nam trao cho. Vì trong nhiều năm bà đã cộng tác gần gũi với các đoàn thể Phật giáo Việt nam tại Los Angeles, rất khâm phục tinh thần nhiệt tình và gắn bó của họ, đồng thời họ cũng bày tỏ lòng kính trọng và thông cảm với cách tiếp cận Phật pháp độc đáo của bà. Khi bà không còn thuyết pháp và bắt đầu đi khắp nơi trên thế giới bà đã thành lập tổng hành dinh tại Viện Nghiên cứu Phật Học quốc tế. Bà thường xuyên diễn thuyết vào các ngày Chúa nhật tại Trung tâm thiền Phật giáo Quốc tế và tại các Chùa Phật giáo Việt Nam. Trong ít năm qua Gesshin cũng còn tổ chức các cuộc tĩnh tâm ba mươi ngày tại vùng sa mạc California.

Một ngày nọ trong những đầu thập kỷ sáu mươi, lúc đó Gesshin vẫn còn theo đuổi nghề vẽ tại nhà Canyon ở California. Bà đã nghe điện thoại reo. Mặc dù đang vẽ, vì một lý do nào đó bà cảm thấy cần phải trả lời điện thoại và nói chuyện đôi chút. Khi trở lại giá vẽ với sơn màu và nhỏ giọt trên cánh tay, bà nhìn lên giá vẽ rất ngạc nhiên. Bà đã lọt vào một thế giới hoàn toàn khác. Không ngạc nhiên khi biết là bà không bao giờ hoàn thành bức tranh! Biến đổi đã diễn ra quá mau lẹ đến nỗi bà đã mất liên lạc với công việc hoàn toàn. Với mức độ bà không bao giờ hoàn tất được bức tranh đó nữa. Tương tự như là một kinh nghiệm đã tắt ngấm. Kể như con người vẽ bức tranh đó không còn nữa.

“Vâng” bà suy nghĩ. “Điều gì sẽ xảy ra khi bạn ngã quỵ xuống và tắt thở?” hãy nhìn lại bức tranh xem nó mang ý nghĩa gì ngay thời điểm đó? phải chăng bức tranh đang diễn đạt một thông điệp bạn muốn nói ra chăng?” Ngay tại thời điểm đó bà cảm thấy thấm thía tính chất vô thường của cuộc đời. Rất có thể bà sẽ không bao giờ có cơ hội vẽ lại trên tấm hình đó nữa. “Vì thế cho nên mọi giây phút phải được tận dụng triệt để. Mỗi nét vẽ,

mỗi lần bạn ngồi vào giá vẽ toàn bộ con người bạn phải can dự vào và tỏ lộ ra”.

Sự tập trung của bà gia tăng đáng kể. Bà đã cố gắng nhập tâm đối tượng bà đang làm việc. Trong một lớp học vẽ trực tiếp, bà quan sát rất kỹ một thân hình phụ nữ người mẫu. “Bà ta có một thân hình rất đặc biệt. Tất cả mọi chi tiết đều có hình trái soan, mặt tròn trịa như quả trứng rất cân đối và tuyệt vời. Đùi và cánh tay rất nét và hấp dẫn. Tôi đã vẽ và vẽ liên tục ngày này qua ngày khác không còn để ý đến những gì xảy ra chung quanh tôi. Đến ngày thứ ba tôi cảm thấy như mình đã hóa thân vào người mẫu đó. Tôi có thể vẽ bất kỳ chi tiết nào trên thân hình đó theo ý tôi muốn. Tôi có thể quan sát ở bất kỳ tư thế nào tôi muốn. Rồi tôi bắt đầu vẽ không cần quan sát người mẫu đó, tôi rút ra từ kinh nghiệm đã nhập tâm. Và tôi đã thực hiện một loạt được ba mươi bức tranh trong ngày hôm đó. Tôi đã vẽ như bay. Đây thực sự là những bức ảnh tuyệt tác tôi chưa từng vẽ bao giờ. Lần đầu tiên tôi bắt đầu thực hiện công việc với phong cách độc đáo như thế. Tôi đã vẽ một vài nét chấm phá cho bức tranh rồi bỏ đấy, vẽ một bức khác rồi lại bỏ đấy, không chút suy tư hay thay đổi bất kỳ chi tiết nào. Đó là phong cách vẽ của người Nhật Bản. Chấm phá một vài nét rồi bỏ đó. Riết rồi tôi quen đi và vẽ rất tự nhiên. Tôi vẽ rất hồn nhiên, trực tiếp và rất tập trung”.

Sau này, với kinh nghiệm đã được tích lũy, khi những bức tường ngăn cách bản ngã đã được dẹp bỏ. Một luồng thi ca đã ùa đến với Gesshin lúc nào không hay. Trong những năm qua bà sáng tác thơ nhiều hơn vẽ tranh. Một trong những tập kệ rất hay cộng với tính thơ của Đức Bản Sư người Việt Nam đã được xuất bản vào năm 1983 mang tựa đề *Bất Chợt Một Tia Chớp Lóe: Lời Từ Chấn Thịnh Lặng* (A Sudden Flash Of Lightning: Words Out Of Silence) Gesshin tin chắc một điều.

Tất cả nghệ thuật đều do tập luyện mà có được, trong thực tế, nếu chúng ta thực sự hiện diện và thâm nhập vào đến tận cội nguồn của mọi vấn đề”, Cần phải luyện tập nhiều ngay từ lúc ban đầu và rất có thể phải lệ thuộc rất nhiều vào nguồn nguyên vật liệu, nhưng cuối cùng mọi sự sẽ diễn ra không cần cố gắng, sau đó bạn cứ để mọi sự tự diễn tiến và tiếp diễn một cách ngoạn mục”.

Bôn sư đã ghi lại: “Cuộc gặp gỡ đầu tiên với Gesshin là một biến cố đáng ghi nhớ nhất trong cuộc đời tinh thần của tôi”. Bình luận về thơ Gesshin ông cho biết, “Đọc thơ của Gesshin tôi thấy mình như lâng lâng trên đỉnh ngọn núi cao, lạc lõng vào cõi chị Hằng và vũ trụ bao la với muôn vàn tinh tú, lòng giao động như lọt vào biển cả mênh mông huyền diệu”. Đây là một bài kệ ông tặng cho Gesshin trong tập kệ *Lời Từ Chấn Thịnh Lặng*:

NGÀI ĐẠI THIÊN SƯ
Tặng Gesshin Myoko

*Ngài Đại Sư tiến bước chập chùng
Áo cà sa quá khổ tỏa lượng từ bi
Thời gian chặn nổi bước chân nàng tiến bước
Vang vọng tiếng cười giữa đêm khuya.*

Mùa Đông 2000

Năm 1983 là thời điểm tôi đến phỏng vấn Gesshin để lấy dữ liệu cho lần xuất bản đầu tiên cuốn sách này, lúc đó Trung tâm Thiền International Zen Institute tại Hoa kỳ mới được thành lập và phát triển mau lẹ. Hiện nay trung tâm đã có sáu chi nhánh, hai chi nhánh đặt tại nước Mỹ (Florida và Colorado) bốn chi nhánh khác đặt tại Châu Âu: hai tại Hà lan, một tại Đức và một đặt tại xứ Basque Tây Ban Nha.

Khi tôi gặp bà để cập nhật một số thông tin từ năm 1998 và đầu năm 1999 cho lần tái bản thứ hai, Gesshin rất bận bịu với công việc điều hành, lo bố trí nơi ở cho các thiền sinh đến để được nghe bà thuyết giảng cũng như giảm di chuyển, một trung tâm đào luyện thiền sinh Châu Âu được thành lập vào năm 1996 tại Hà lan với tên gọi “Noorder Poort” nghĩa là “Cổng Bắc”, tọa lạc giữa một vùng quê tuyệt đẹp, tại quận Drenthe, trong một nông trại với nhà mái lợp tranh, bao quanh là những cánh đồng xanh rì và những đàn bò khỏe mạnh”. Gesshin cho tôi biết như thế trong một buổi phỏng vấn qua điện thoại. Tại đây bà tổ chức khóa huấn luyện mùa hè hàng năm cho các thiền sinh đến từ khắp Châu Âu kể cả Bắc Mỹ nữa.

Suốt mười bốn năm qua Gesshin cũng đã tổ chức các khóa huấn luyện Desert Spring (Mùa Xuân sa mạc) hàng năm tại Joshua Tree, bang California. Tất cả các khóa huấn luyện trên đều mang tính chất quốc tế và liên tôn giáo, đặc biệt chào đón tất cả các thiền sinh đến từ khắp nơi trên thế giới thuộc mọi truyền thống tôn giáo. Với giọng nói từ tốn, đầy tính nhạc, bà cho tôi biết, “Tôi đang thể hiện giấc mơ trong thời thơ ấu tại nước Đức chiến tranh, là qui tụ tất cả mọi người thuộc tất cả các quốc gia trên thế giới để sống trong hòa bình và hân hoan”.

Mặc dù tôi đã có dịp đàm đạo với bà hơn ba mươi năm về trước ngay sau khi bà được xuất gia nữ tu Phật giáo Rinzai, Gesshin đã “hết sức ý thức được những giới hạn của cách huấn luyện Phật giáo theo truyền thống Rinzai”. Đặc biệt đối với những người đang đi làm và có gia đình. Để đem thực hành và thuyết pháp giác ngộ đến cho người đời, bà đã thực hiện những thay đổi đáng kể. Trước tiên bà huấn luyện một nhóm “cộng tác viên Phật pháp” để

giới thiệu những thiền sinh mới thực hành zen, sửa soạn họ bước vào việc huấn luyện nghiêm túc hơn với một vị Đại sư theo truyền thống Phật giáo Rinzai. Chúng ta phân biệt rõ ràng thiền sư Zen và Đại sư Zen” Bà cho biết một thiền sư muốn trở thành Đại sư Zen đòi hỏi phải qua những năm dài huấn luyện và học hỏi thường xuyên với một Đại sư Zen.

Chương trình huấn luyện cho các gia đình lại là một đổi mới đầy hấp dẫn, được qui hoạch rất đặc biệt để giới thiệu trong giới trẻ bước vào Phật pháp. Cho đến nay, tinh tâm gia đình đã được tổ chức tại Đức, Hà lan và Tây Ban Nha.

Gesshin cũng thử nghiệm những khóa huấn luyện ban đầu trong vài ba ngày cách nhẹ nhàng và không căng thẳng để cho mọi người có thể bắt đầu tiếp cận với Phật pháp trong một bối cảnh thư giãn thoải mái. Điều này cho phép mọi người thâm nhập dần vào yên tĩnh hành thiền và có được kinh nghiệm trí tuệ cơ bản về bản chất thực sự của bản ngã.

Ngay cả với sự đơn giản tối thiểu trong cấu trúc Phật giáo Zen vẫn được duy trì, người tham gia hành thiền được phép tự xác định mức độ thiết thực với cường độ luyện tập. Thí dụ, đôi khi thay vì ngồi thiền nghiêm túc, họ có thể thay thế vào đó một giai đoạn đi dạo hay nằm thiền bên ngoài phòng thiền. Gesshin rất cảm động trước những động lực thúc đẩy của đa số thiền sinh và mức độ tập luyện uyển chuyển như thế khiến cho nhiều người có thể dễ dàng tiếp cận được với Phật pháp.

Tôi hết sức ngạc nhiên Gesshin cho biết trong vòng mười năm qua, bà đã tổ chức các khóa huấn luyện thiền “trên xe đạp” tại Hà lan. Tại một vùng quê xinh đẹp chằng chịt những đường dành cho xe đạp dài hàng dặm bà và các thiền sinh đã đạp xe đạp cả tuần lễ chủ yếu trong tĩnh lặng. Đôi khi họ ngừng lại tại một cái hồ, cởi quần áo và nhảy tòm xuống hồ, sau đó họ ngồi thiền cạnh bờ hồ. Mỗi buổi tối thường có hành thiền chính thức kèm theo bài thuyết pháp thường do Gesshin đảm trách.

Sau đó, Gesshin cô đọng cuộc phưu lưu cả tuần lễ này vào một ngày duy nhất, giữa khóa huấn luyện thiền bảy ngày. Mọi người có thể thuê xe đạp dễ dàng tại các ga xe lửa, đạp xe lửa đến một điểm hẹn thơ mộng nào đó nhóm gồm khoảng ba mươi đến bốn mươi người tham gia. Đôi khi bà qui định ngày thứ sáu là ngày “tự do” mọi thành viên có thể ngồi thiền hay không tùy ý, bạn có thể ngã lưng nằm cả ngày nếu thích. Một kết quả thật hiển nhiên là trong cơ cấu tổ chức bảy ngày, mọi người vẫn thích chọn tuân thủ một truyền thống cũ. Gesshin tin phải có chuẩn bị tốt, để dễ đối phó với những sự cố thường gặp ngay tại gia đình trong qui trình đào luyện liên tục.

Vào cuối khóa huấn luyện, đôi khi bà còn tổ chức thêm một ngày gọi là “ngày cộng đồng Sangha” trong đó các thành viên người tham gia có thể cử hành chung với gia đình, kể cả con cái, chúng thường lái xe đến rước cha mẹ về nhà. Tất cả những đôi mới này phản ánh sự chăm sóc và nuôi dưỡng tăng thêm hương vị đặc biệt cho các bài thuyết trình quá cứng nhắc về Phật pháp.

Bà cho biết, “Tôi nhìn toàn thể xã hội như là một “cộng đồng Tăng già”, đoàn thể này có thể trở thành tuyệt vời nếu như mọi thành viên trong xã hội có thể sống hiệp nhất trong cùng một sự thật duy nhất đó là: sống trong tình thương bao la và từ bi vô biên với bá tánh”.

Là một thi sĩ thành thạo và một nghệ nhân viết chữ Nho đồng thời cũng là một Đại sư Phật giáo Zen, Gesshin đặc biệt quan tâm đến những cuộc sinh hoạt nghệ thuật và tâm linh. Trong vòng năm năm bà đã cống hiến nhiều khóa học hỏi tại các phòng thiền và các khóa học Phật pháp kết hợp với làm thơ và viết văn (kể cả thơ Haiku) Trung Hoa và Nhật Bản cổ đại, những đạo hữu có trình độ cao hơn thường được yêu cầu bày tỏ kinh nghiệm giác ngộ của mình bằng thơ Haiku kèm theo bình luận văn chương. Được chăm và định giá trị không những chỉ bằng số từ mà cả bằng tài viết chữ nữa.

Năm 1991, sau khi Gesshin khám ra bị bệnh ung thư buồng trứng cấp bốn, bà phải qua một cuộc chẩn đoán cam go. “Bác sĩ không hy vọng gì tôi còn có thể sống được”. Nhưng bảy năm sau khi giải phẫu và trị liệu hậu phẫu thuật bằng thuốc, bà vẫn có thể du hành khắp nơi và thuyết giảng khắp đất nước này và cả Châu Âu nữa. Có ba khóa huấn luyện thiền dành cho các phụ nữ bị bệnh ung thư tại bệnh viện Rhonda Fleming Clinic tại UCLA đã đem lại cho bà biết bao nhiêu niềm vui và hài lòng. Không phải sự nâng đỡ của từng nhóm cá biệt (cho dù yếu tố đó có thể phát triển) nhưng đây lại là những lớp dạy thiền do một đại sư phụ nữ cũng đang mang chứng bệnh quái ác đó trong mình. “Tôi đã nhận được quá nhiều từ những bệnh nhân tại bệnh viện, tôi thật quá sung sướng vì đã cống hiến cho họ Phật pháp” Lúc đầu bà tổ chức được một khóa sáu tuần, rồi một khóa tám tuần tiếp theo, nhưng đã bị gián đoạn vì Gesshin bị bệnh trở lại. Rồi một khóa thứ ba với ba mươi phụ nữ tham gia lần đầu và một số người cũng muốn tiếp tục. Bà cho biết, hoạt động với bệnh nhân khác xa với người bình thường. “Nhưng chính tôi đã có mặt và tôi biết những gì họ có thể thực hiện cũng như những gì họ không làm được”.

“Điều họ học được nơi tôi là làm sao chung sống với ung thư theo cách thiền Phật Zen. Một cách sống mang đậm phong cách Phật giáo. Điều quan trọng nhất là phải đối mặt với một căn bệnh trầm kha và học làm sao đó để tận hưởng được những giây phút hiện tại. Đó là điều tôi vẫn hàng tập luyện với

họ. Những điều đơn giản: Tụng kinh, những giây phút hành thiền ngắn, thiền khi đi bách bộ. Tôi động viên họ thực hành ngay tại bãi biển, ngoài bầu trời trong lành. Những điều hết sức thiết thực, mà mọi người có thể làm được, đã thực sự đem lại hiệu quả khả quan, chẳng cần đến sách vở hay dụng cụ gì cả. Chỉ cần quan sát toàn thân, quan sát trí tuệ, như trong thực tế. Tôi rất thích các lớp thiền như thế. Tôi thấy thật hạnh phúc được sống với những phụ nữ này và có thể giúp họ trút bỏ đi một số gánh nặng nào đó. Sinh hoạt được thay đổi hàng tuần. Một số điều đen tối đã biến mất như: những nỗi lo sợ, nỗi phiền muộn, tức giận. Bạn có thể hỏi tưởng lại bao điều trong quá khứ chỉ cần nhìn vào giây phút hiện tại này. Sau mỗi lần thực tập, tôi nêu lên câu hỏi. Ung thư còn ‘đây không?’ Bạn còn suy nghĩ đến căn bệnh đó không? Hay một khái niệm gì về nó không? Và mọi sự đều biến mất!

Gesshin cũng đã giới thiệu cho các thiền sinh của bà bài “Zen hài hước”. Một lần kia bà kể cho họ nghe về mẹ của bà, vừa thức dậy sau giờ nghỉ trưa và vẫn còn ngái ngủ, bà trả lời điện thoại lớn tiếng và rõ ràng: “A-lô tôi không có ở đây ạ”. Mọi người cười rộ lên. Nhưng bạn cũng có thể gây cười bất cứ lúc nào. “Chỉ cần giang chân ra, tay để sau hông ngửa người ra đằng sau. Rồi lấy lại thế cân bằng (ngay ngắn như khi ngồi thiền) bằng hơi thở và trở lại tư thế ban đầu. Thoạt tiên bạn sẽ thấy như bị ép buộc, nhưng sau khi đã được hiểu rõ, bạn sẽ không nhin nổi cười.

Gesshin kết luận. “Vì chúng ta cùng nhau làm việc để truyền bá Phật pháp vào Phương Tây, chúng ta tiếp tục học hỏi lẫn nhau và yêu thương nhau, xin mọi người ý thức rằng, “Chúng ta chẳng là gì cả, mà chỉ là những người đồng hành cùng nhau sánh bước dưới ánh trăng”.

Đại sư Gesshi Prabhasa Dharma viên tịch vào ngày 24 tháng 5 năm 1999.

---o0o---

[11] - **Thiền Sư Sonja Margulies & Yvonne Rand**

Sonja Margulies

Lần đầu tiên nghe nói đến Sonja Margulies, tôi đã mừng rỡ trong đầu bà phải là một “Kỹ nữ” hiện đại theo truyền thống như tôi đã mô tả trong phần giới thiệu. Hình ảnh tôi hình thành được qua một số chi tiết có được, bà là một thiền sư thuộc khuynh hướng tự nhiên không theo một truyền thống nào cả, tương đối ản dật, chúng ta thấy bà hoạt động ngay tại nhà giữa thành phố San Francisco, tổ chức xuất gia cho thiền sinh ngay tại phòng thiền tại tư gia và hầu như thể hiện Phật pháp ngay trong những công việc cụ thể như lật rau, cắm hoa hoặc trên đường xe cộ đi lại trong thành phố. Hiện tôi đã

tìm đến thăm bà, trí tưởng tượng của tôi đã thay đổi đôi chút, nhưng những ý tưởng cơ bản về bà vẫn còn nguyên.

Sonja Margulies sống ở lầu hai một căn hộ trang trí theo kiểu kiến trúc Châu Âu thế kỷ 18 ngay trên đường cao tốc. Trước khi tới qua điện thoại bà đã chỉ cho tôi thấy căn hộ được trang trí theo kiểu Italia. Tôi không khó khăn gì để định vị được căn hộ. Ngay trên cầu thang, mùi nhang Nhật Bản đã chào đón tôi khi bước vào căn phòng được trải thảm. Cửa phòng Sonja Margulies hé mở và bà đang ngồi chờ tôi trong bộ trang phục áo lụa lộng lẫy, quần đen rộng thoải mái, bà cho biết bà thường ngồi thiền trong trang phục như thế đã hai mươi năm qua.

Chúng tôi uống trà trong phòng khách cũng là nơi một lần trong tuần đã biến thành phòng thiền và tại đây bà đã xuất gia cho ba người vào năm 1985. Sonja Margulies cho biết “Phòng thiền của bạn có thể là bất cứ chỗ nào bạn ngồi”. Dẫu rằng điều này xét về khía cạnh lịch sử có phần không bình thường, đoàn thể Tăng già của bà có thói quen ngồi thiền tại nhà riêng. Kobun Chino, thiền sư của bà đã thành lập một trung tâm riêng mang tên Boldi, ngay tại phòng khách của ông ở Los Angeles và tại đó Sonja Margulies đã tham gia năm 1969. Vào năm 1975 bà đã được xuất gia. Khi tôi thắc mắc, điều đó mang ý nghĩa gì thì bà nói, “Mọi sự đã diễn ra như thế và bạn tin tưởng vào công việc luyện tập của bạn”. bà cho biết. “Hành thiền phải mang một ý nghĩa hoàn toàn tự do thoải mái”,

Tương tự như vậy, về các điều lệ (những gì bà đã dạy và truyền đạt) cũng chỉ là hành động tự nhiên và trạng thái tư duy bình thường. Bạn nhận ra là bạn đã “nắm” được các điều lệ. Và rồi bạn yêu cầu được xuất gia. Bà bình luận, “Các điều lệ không tồn tại và tách biệt khỏi bạn”. Liên quan đến điều lệ “Tôi mang theo Phật pháp truyền thống Tathagatha. Đó chính là hành thiền”.

Sonja Margulies sinh tại Minesota vào năm 1931 trong một gia đình theo phái Tin Lành Luther. Bà hoàn tất cử nhân lịch sử, cưới một người chồng “gốc Do thái thuộc phái bất khả tri” và có hai mặt con. Tại California vào những năm sáu mươi, bà đã theo học tâm lý học tôn giáo với giáo sư Abraham Maslow và Anthony Sutch, bà cộng tác với họ thực hiện Tập San Tâm Lý Học Siêu Cá Thể (Journal of Transpersonal Psychology) trong cuộc nghiên cứu về văn chương tôn giáo Á châu. Bà rất thích thú với một lệnh trong bản văn Tây Tạng là: “Bạn không được tin bất kỳ điều gì không được kiểm tra trước bằng trí tuệ. Khi bà khám phá ra Phật giáo thiền, bà cảm thấy truyền thống này đã thu hút bà một cách đặc biệt, “Không kể đến giáo lý, kinh Phật và những gì liên quan đến bản chất mỗi người”. Bà bắt đầu luyện

tập thiền kể từ năm 1968 khi đó hai đứa con của bà một đứa mới lên sáu và một đứa lên tám.

Trong những năm kế tiếp, Sonja Margulies bắt đầu nghiên cứu kỹ không những về những gì Phật giáo giảng dạy, mà cả những gì thực tế đang diễn ra trong lịch sử Phật giáo, tại những quốc gia Phật giáo và trong cuộc sống của những Phật tử hiện đại. Cho dù bà và nhiều phụ nữ khác được huấn luyện chung với nam giới, đối với bà có một điều rất rõ ràng là các hình thức đào tạo bà đang theo học lại được phân biệt rạch ròi giữa nam giới độc thân và nam giới được huấn luyện bình thường. Nhưng bà gạt bỏ sang một bên tất cả những nghi kỵ về giới tính để theo học một cách toàn tâm. Lòng biết ơn trân trọng với thiền sư, theo như lời bà kể lại không thể nhầm lẫn được khi tôi tiếp chuyện với bà. Tuy nhiên, bà cũng còn nhớ nhiều lần, trong khi xưng tên các vị thiền sư theo thể hệ tông phái truyền thống và khi bà phát hiện ra họ toàn là nam giới, bà cảm thấy cô như bị nghẹn lại, mắt rớm lệ và ngực bà căng phồng lên. Hơi thở như biến mất. Làm sao bà lại có thể ủng hộ và truyền đạt một hình thức tộc trưởng khác nữa.

Rồi vào năm 1982 tại trung tâm thiền Berkeley có cuộc họp mặt một nhóm phụ nữ, trong khi nhiều thính giả quá cảm động đến rơi lệ, Sonja Margulies đã tụng lên bằng giọng đanh thép tông phái nữ giới của chính bà: Là tên tất cả các phụ nữ đã ủng hộ bà ngay từ thời còn nhỏ. Và trong lần sinh nhật thứ bốn mươi bảy, bà đã viết bài kệ:

*Hôm nay tông phái tộc trưởng không diễn ra
Do những hoàn cảnh lịch sử
Các phụ nữ đã nuôi con
Sinh con và ở lại nhà
Mừng ngày sinh nhật bốn mươi bảy
Một quãng đời không chia cắt.*

Sonja Margulies xuất gia cho một trong số những người sau nhiều tháng học tập luật giới ngay tại phòng khách của bà, ông một nhà tâm lý học và đã hành thiền thường xuyên từ những năm bảy mươi. Sau một năm ông đã quyết định cộng tác tích cực với Sonja để kiện toàn và hình thức hóa công việc luyện tập của mình. Hiện nay cùng với nhiều phụ nữ quan trọng ngoài đời, ông cảm thấy thật biết ơn Sonja Margulies đã giúp phát triển được những giá trị ông gọi là “phương ngang” – như nối kết và tương quan qua lại – điều ông cho là căn bản trong thực hành. Ông rất có ấn tượng trước tính thực tiễn đầy tình người của bà trong cuộc sống và trong giảng dạy. Trong nhiều năm qua ông rất cảm kích về việc bà nhấn mạnh đến việc phát triển và cổ vũ lòng biết ơn giữa chúng ta, “Chúng ta đang liên tục đào luyện lẫn

nhau”. Bà nói: “Một thái độ biết ơn cho phép chúng ta chấp nhận tất cả những sinh vật tri giác như là thiền sư của mình”.

Sonja Margulies luôn nhấn mạnh đến giây phút hiện tại và tất cả những gì đang xảy ra trong cuộc sống chúng ta cũng đều trở thành thiền sư của chúng ta vậy. Ông cũng còn nhớ bà nhấn mạnh rất nhiều đến khía cạnh cơ bản và cụ thể của hành thiền: Bà có thể nói: “Thiền thực tế chỉ là luyện tập hành thiền”. Thực sự rất đơn giản như vậy. Thế mà câu nói đơn giản này đã gây ấn tượng mạnh mẽ đối với ông. Ông còn cho biết thêm: ông rất cảm động với tính cách Sonja Margulies luôn sẵn sàng giúp đỡ mọi người, lòng cảm thông sâu xa và tự mình diễn đạt những đức tính đó; bà đã trải qua những mất mát rất lớn trong cuộc sống (kể cả cái chết của người chồng vào năm 1981) cũng như một vài xung đột thể lý tự nhiên trong thời gian gần đây. Lòng can đảm bản thân của bà thật hết sức phi thường. Ông nói với tôi, “Nhưng cùng lúc đó bà rất thích thú vui hưởng cuộc sống, rất khôi hài và hài lòng với những gì bà có được”.

Cách sống đạo của Sonja Margulies cũng được một nhà văn phụ nữ, một nhà tâm lý điều trị và là một trong ba người đã được bà xuất gia năm rồi nhấn mạnh đến. Người học trò này cho biết, “Không có khoảng cách nào giữa những gì Sonja Margulies giảng dạy và cách sống của bà”. Bà không coi mình như là một nhân vật nổi tiếng cũng như có đặc sủng: “đừng bao giờ tự phô trương là mình đã quá siêu thoát. Chẳng có gì “liên quan đến giác ngộ” ở đây cả. Thực vậy, chỉ có điều là Sonja Margulies đã hoàn toàn gắn bó với những gì là “vô hình”

Một thiền sinh khác cũng đề cập đến mối tương quan đặc biệt giữa Sonja Margulies và Tony Sutich, người sáng lập ra *Tạp San Tâm Lý Học Siêu Cá Thể*, (*Journal of Transpersonal Psychology*), ông này đã bị liệt trong nhiều năm và mất vào giữa những năm bảy mươi. Khi ông còn tại thế và cả lúc ông đang hấp hối, Sonja Margulies đã hiện diện và mang lại cho ông thanh thản, lòng kính trọng và tôn kính. Mặc dù thể hiện bằng nhiều cách cuộc sống của bà mang tính “truyền thống” rõ rệt. Bà có lòng từ bi hỷ xả và thông cảm một cách tuyệt vời và cũng rất bình thường. Trong tòa soạn tạp chí bà là một biên tập viên cá biệt “nhạy bén và trí thông minh sắc sảo”. Thế mà Bà chỉ chọn giữ vai trò phụ tá biên tập và chỉ xuất hiện tại hậu trường. Sonja thường hay nói: “Khi bạn thực hiện được điều gì đặc biệt, tức khắc điều đó trở thành bình thường”.

Sonja Margulies đã nhận “cây trượng Phật pháp” từ tay thiền sư của bà vào năm 1983. Đó là một cây gậy ngắn, bằng gỗ một đầu cong và có gắn tua rua màu vàng nhạt làm bằng lông đuôi ngựa. Người ta đã ghi lại một số chi tiết

khôi hài về cách bà sử dụng “cây trượng”. Bà cho tôi biết là bà rất quan tâm đến tinh thần đại kết, hàng tháng đã có một nhóm không chính thức gồm những Ky-tô hữu (Thiên Chúa giáo) và các Phật tử qui tụ lại với nhau ngay tại phòng khách của bà và họ đã cùng ngồi thiền với nhau. Và trong những cuộc hội thảo và đối thoại giữa hai tôn giáo bà đã được đề cử làm người điều phối chương trình và diễn thuyết.

Bà phát biểu, “Trống rỗng” không phải là hiện tượng lạ lùng, là Phật tử không phải là điều quan trọng, tuy nhiên hiểu được Đức Phật là người như thế nào lại là điều vô cùng quan trọng”. Hành thiền chính là luyện cho mình có được niềm tin. Chứ không câu nệ vào bất kỳ một hình thức nào cả.

Sonja Margulies chỉ muốn biết có một điều là “Khi không ý thức được mình là gì, thì lúc đó bạn là ai vậy?”

Mùa Đông năm 2000

Mặc dù hiện nay phòng khách của bà đã được chuyển đến một căn nhà khác tại Santa Cruz, bang California, không còn là một căn phòng nhỏ tại căn hộ ở San Francisco như mọi khi. Nhưng Sonja Margulies vẫn thường xuyên gặp gỡ các thiền sinh dày dặn kinh nghiệm về Phật giáo thiền định, cùng với họ bà tìm tòi nghiên cứu về “koans” và nhiều văn bản Phật giáo khác. Chỉ nhằm mục tiêu tối hậu là hiểu biết sâu rộng về giây phút hiện tại, về cuộc sống đời thường và cách chúng ta tiếp cận với những vấn đề đó.

Sonja Margulies vẫn là một “thiền sư độc lập”. Bà đang nghiên cứu cách hành thiền dành cho người đời và không gắn kết với cách luyện tập zen tại các thiền viện, một việc bà tin là rất phổ biến tại Hoa Kỳ hiện nay. Đại sư Suzuki đã có lần mô tả những người theo đuổi đường lối này như những người “Trung du không là sư sãi, cũng không phải là thường dân”. Sonja rất quan tâm đến những vấn nạn của họ như: Không có những trợ giúp bên ngoài, không theo một lịch trình hoạt động hàng ngày, không tham gia một đoàn thể (sangha) nào, thì làm sao họ có thể hành thiền? Đó có phải là hành thiền thực sự không?

Nhưng sau lần gặp gỡ lần đầu tiên với bà vào đầu những năm 1980, tôi được biết Sonja Margulies đã trải qua những thách thức rất lớn trong cuộc sống, ngay sau khi di chuyển đến San Cruz vào cuối những năm tám mươi. Bà đã khám phá ra mình bị ung thư vú và đã phải trải qua giải phẫu cắt vú vào năm 1987. Sau đó, bà cho tôi biết, trong suốt đoạn đường đến điểm hẹn phẫu thuật, phải đeo những ống dung dịch vào ngực bà phá lên cười. Bà cho biết, “Ngay lúc đó tôi biết ngay tôi đang phải đối mặt với hoàn cảnh thực tế của mình, tôi dự biết thực sự tôi phải đối đầu với cái chết, vì vậy mà tôi phải tìm cách khôi hài cho vui”.

Khi bà trực tiếp đối mặt với đau đớn, kiệt quệ, mất hết nghị lực và khả năng cái chết sẽ đến sớm hơn. Thì “tâm nhìn cuộc sống” của bà đã thay đổi, “Chúng ta phải ôm lấy toàn bộ sự việc như chúng thực sự hiện hữu”.

Và rồi lại còn nhiều thách thức khác xảy đến, bốn năm sau ca mổ, đưa con gái ba mươi một tuổi của Sonja, Robin, cũng phát hiện bị ung thư vú như mẹ. Chẩn đoán bệnh tình con gái Robin của bà còn trầm trọng hơn nhiều và cũng khó lòng chấp nhận. Bà cứ phải tự nhủ mình “Đời là thế đó”.

Từ năm 1991 đến cuối năm 1999, bà và con gái Robin cùng nhau chia sẻ “Cuộc đời điều trị ung thư”. Chính xác là hai mẹ con sống bên nhau không rời một bước. Căn bệnh của Sonja lại tái phát một lần nữa và lại phải giải phẫu lần thứ hai. Trong khi đó bệnh tình của con gái Robin lại di căn vào xương. Robin phải trải qua chế độ điều trị rất nghiêm ngặt, sau đó bà đã suy sụp hoàn toàn và phải vô bệnh viện để được chăm sóc và điều trị. Nhưng một điều không thể hiểu nổi với một phép mầu nào đó con gái bà đã hồi phục lại được và không còn phải được chăm sóc tại bệnh viện nữa. Với thân hình quá tiêu tụy vì bệnh tật, bà đã phải sống cuộc đời còn lại trên giường bệnh, tuân thủ nghiêm ngặt những phương án điều trị và học hỏi những tác phẩm về Phật giáo Zen với mẹ. Ngay trong hoàn cảnh thể lý suy kiệt trầm trọng như vậy, họ vẫn cười nói vui vẻ với nhau trước những nghịch lý trong cuộc sống.

Robin là pháp danh mẹ đặt cho con gái, có nghĩa là “Đại dương chân lý”. Bà đã tìm thấy được nơi thực hành thiền luyện thở và luyện “Vô thức” là những phần luyện thiền rất bổ ích cho bà trong giai đoạn này. Bà thường xuyên trích dẫn một Đại thiền sư Phật giáo Trung quốc, với thuyết pháp chính của ngài là: Đừng hy vọng gì cả. Ông nói “Sống hay chết là con đường thẳng tắp cứ vậy mà tiến tới phía trước”.

Sonja Margulies phải bỏ ra rất nhiều công sức và thời gian để chăm sóc con gái, thế nên bà gác lại công việc thuyết pháp cho các thiền sinh mới tập sự học thiền. Bà tin họ là những người chủ yếu “chỉ muốn có hay tận dụng cơ cấu hay nhóm để hành thiền”. Điều đó bà không thể cung ứng được cho họ vào lúc này. Nhưng bà vẫn cố gắng phục vụ tất cả mọi người, kể cả những người muốn hành thiền tập trung (dokusan), cho những ai đã bỏ không còn luyện thiền chung một thời gian, hay đã hoàn tục sau một thời gian tu hành.

“Đôi khi, chúng ta may mắn tìm được một chút nước mát từ nguồn giếng Phật pháp Zen cổ xưa. Khi điều đó xảy ra, khó biết được ai đã thuyết pháp cho ai. Nhưng một lần nữa, chúng ta đã dễ dàng khám phá ra rằng mỗi ngày chỉ là một trang kinh Phật chung của cuộc sống hàng ngày.

Tôi đã nhận được tin Robin đã qua đời ít tháng vừa qua – vào ngày 17 tháng 11 năm 1998. Sonja Margulies viết cho tôi: Trong khi lâm chung “Sự chết đã thực sự trở thành vị thiên sư và Chiếu Trưng Phật pháp đã được chuyển sang cho Robin, cũng như cho tất cả những ai trong chúng ta phải đi vào chốn vĩnh hằng”. Robin đã trôi lại không được tổ chức tang lễ, truy điệu cho cô. Nhưng tôi thực sự ngạc nhiên thấy hung tin được lan đi rất nhanh. Nhưng sợi chỉ của cuộc đời cô đã liên kết biết bao nhiêu bạn bè và người thân yêu của nàng tạo nên một canh thức tự nguyện trước linh cữu Robin kéo dài hàng nhiều giờ trước khi đưa đi hỏa táng. Một quãng đường dài đầy người hào nến trong tay xếp hàng kéo dài đến tận cửa nhà cô. Hàng trăm người ngang qua linh cữu của cô để chào vĩnh biệt tiếng thôn thức, lệ rơi, xen lẫn tiếng cười nói, những giai thoại về cuộc đời Robin được nhắc đi nhắc lại, những bó hoa và nhất là tình yêu cũng được chia sẻ. Sau cùng một số người trong chúng tôi còn tụng vang Kinh Prajna Parmita Sutra, Robin đã từng được nghe trong suốt cuộc đời.

“Những sự kiện xung quanh cái chết của Robin đã làm rõ nơi tôi một chân lý: đó là Phật pháp đã, đang và sẽ luôn luôn tồn tại. Với tư cách là một thiên sư tôi chỉ biết, “chú ý” và hy vọng giúp được người khác cũng làm như vậy”.

---o0o---

Yvonne Rand

Đã hai mươi năm, kể từ khi bà gặp đại sư Shunryuo Suzuki vào năm 1966 và trở thành thư ký Trung Tâm Thiền Phật giáo Zen bốn tháng sau đó, Yvonne Rand đã gắn bó mật thiết với Trung Tâm Thiền định Phật giáo tại San Francisco. Bà đã nắm giữ tất cả mọi việc quản trị tại trung tâm, cũng như hoạt động rất gần gũi với Đại Sư Suzuki trong suốt quãng đời còn lại. Mới đây bà đã làm việc và sống tại cơ sở Trung tâm thiền Zen Marin County, tại Green Gulch Farm. Yvonne là một mẫu người, một người phụ nữ ăn nói thật trôi chảy, tính tình ngay thẳng, thực tiễn, ai cũng có thể dễ dàng lui tới tiếp cận và bắt chuyện dễ dàng.

Bà cho tôi biết, trong số các thiền sư quan trọng nhất của bà, một số người đã lớn tuổi, ốm đau và sắp chết – gồm cả những người bình thường và cả những người rất tuyệt vời – Bà đã cộng tác với họ rất mật thiết trong suốt mười lăm năm qua. Người đầu tiên phải kể đến là Đại sư Suzuki, viên tịch vào năm 1971. Hai năm trước là ngài Lama Govinda, một tác giả cũng như một học giả Phật giáo Tây Tạng rất nổi tiếng. Trước khi qua đời, ông đã nói với bà: “Vì muốn bỏ đi những hình thức, nên chúng ta đã quen tuân thủ và trở lại với những lời dạy nguyên thủy của Đức Phật”. Yvonne Rand rất cảm

kích với lời khuyên này và đã lấy đó là để chỉ đường cho bà kể từ đó. Kết quả là, bà đã kết hợp những luyện tập vào giảng dạy một số phương pháp tổ chức xuất phát không phải chỉ từ Phật giáo thiên định, mà còn cả từ truyền thống Thiền Minh Sát (Vipassana) và Tây Tạng nữa.

Đối với cá nhân bà, có hai phương pháp luyện tập quan trọng nhất là luyện tập kệ kèm theo đi bộ và “Nụ cười hé nở” cả hai cách luyện tập này do một Đại sư Phật giáo Việt nam, một người rất đôn hậu truyền đạt cho bà. Ông dạy, “Hãy học bước đi như Đức Phật đã bước đi, tập mỉm cười như Đức Phật đã làm, con có thể làm được điều đó đấy. Tại sao lại phải đợi trở thành Phật mới thực hiện? Hãy trở thành Đức Phật ngay bây giờ có được không?” Ngay từ lúc này, Yvonne hiện nay đang luyện “nụ cười hé nở” ngay dưới ánh đèn và ngay trong kho dự trữ thực phẩm. Khi có hơi thở được điều khiển, ta có thể thở một đến ba lần giữa những sinh hoạt giúp cho bà kinh qua được sự liên tục giữa trạng thái trí tuệ nổi lên khi hành thiền và những gì xảy đến trong cuộc sống hàng ngày.

Tất cả những luyện tập khác, đặc biệt về luật giới (những qui luật về hạnh kiểm) rất có lợi để kiểm điểm lại những vị trí sâu thẳm hơn nơi con người của mình. Những vị trí vượt trên hành động, ngôn ngữ và suy nghĩ. Những lớp đối kháng và từ khước phải được tính toán, nhưng hiện giờ bà đã kinh qua sâu hơn rất nhiều phạm vi trong tương quan với người khác. Thiền Minh Sát (vipassana) về tha thứ rất ích lợi để luyện về “tính hung hãn và giọng nói gây cản” – giọng nói đó rất đặc biệt đối với người Mỹ và người Âu châu, Yvonne còn nhận thấy đó là bức tường hay là hàng rào ngăn cản ta “giác ngộ”.

Giới luật là “cơ sở hết sức cần thiết” đối với bà. “Tôi không thể nào bình tĩnh được nếu như cách cư xử của tôi lại bất đồng”. Đôi khi bà chỉ dùng một luật giới để làm thành một lời cầu khẩn (mantra). Trong bối cảnh suy tư bà cho là hình ảnh cái sàng có thể rất thích hợp, chúng ta thấy cái sàng có những sợi nan đan lại với nhau và mỗi sợi tượng trưng cho một luật giới. Qua đó bà sàng tất cả những gì suy tư hoặc nói ra trong ngày. Nó “tạo thành như một tấm lưới – với lỗ to hay nhỏ – tùy thuộc vào kích cỡ nguyên liệu chúng ta định sàng”. Hình ảnh này xuất hiện cả trong việc làm vườn và nhận thấy có biết bao nhiêu kích cỡ sàng để xác định được loại đất chúng ta phải sửa soạn để trồng. Bà tin rằng hình ảnh luôn sống động hơn nếu chúng phát xuất từ những kinh nghiệm cụ thể.

Yvonne Rand luôn tôn trọng cách luyện tập “tác động lên mỗi người chúng ta”. Một trong những luật giới thường nhảy khỏi trang giấy đến với tôi, từ chỗ phát hiện hay chỉ đơn giản ý thức được đâu là “đường biên” của giây

phút hiện tại” tỷ dụ như, giới luật không lấy của người, hoặc không được lấy những gì không dành cho ta (Yvonne thường dịch như vậy) giới luật này còn hàm ý chấp nhận mọi sự với thực trạng hiện hữu của nó. Điều này “rất mãnh liệt” Bà cho biết giới luật này tương tự như sợi dây căng dọc theo lối đi và cho phép bà đi men theo và thực hiện với những hình thức cổ xưa hiệu quả hơn bất kỳ một tập luyện nào bà đã thực hiện từ trước đến giờ.

Bà cho hay, với những nhắc nhở liên tục về tính cách vô thường nơi vạn vật, Phật giáo giúp chúng ta từ bỏ sở hữu đối với mọi sự (*non-possessiveness toward everything*) kể cả những phẩm chất cá nhân của chúng ta, hoặc “kể cả việc chúng ta suy nghĩ chúng ta là gì”. Ý thức trong việc luyện tập, tỉnh táo trước tất cả những gì có thể nổi lên, nhắc chúng ta hãy so sánh tính “dính bện và tha hóa của chúng ta cũng tương tự như hạt lúa sẵn sàng đổ vào cối xay. Sự chán ghét là một trở ngại lớn đối với việc nhìn nhận mọi sự với ý nghĩa thực sự của nó. Mà quan sát được như vậy sẽ dẫn đến khả năng biến đổi.

Bà cho biết: “Tất cả chúng ta đều đã bị tha hóa”. Nhưng mức độ căn cứ vào đó mỗi người chúng ta biết được lượng tha hóa đến đâu chính là mức độ chúng ta không hành động chống lại những tha hóa đó. (Có nghĩa là, vai trò chúng ta đang chiếm lãnh và bột mặt (mặt nạ) mà chúng ta đang thể hiện đã tạo mất cân đối và làm hại chính chúng ta và cả người khác nữa).

Có một cách luyện tập theo truyền thống Tây Tạng gọi là “Cửa lễ nội tại” Yvonne cảm thấy rất có lợi trong trường hợp này. Bà cho biết, “hãy tưởng tượng có một cái tô khát thực chạm hình sọ người (bà mới đưa về từ Ấn Độ). Hãy đổ đầy vào đó tất cả những gì tượng trưng cho “mặt tiêu cực” nơi bạn: máu, xương, điều cấm kỵ, dụng cụ bạo lực và tra tấn, rượu mạnh và ma mãnh. Dùng một con dao bằm thịt, bằm vụn tất cả những thứ đó để biến thành một dạng phấn hoa – để biến thành một cửa lễ”. Yvonne kết luận: “Cũng như thế chúng ta có thể bằm nát tất cả những tha hóa của chúng ta và biến nó thành một cửa lễ”.

Thực hành với nhiều cách tiếp cận khác nhau nơi các môn phái trong Phật giáo khác cũng đã đưa bà quay trở lại và vực tỉnh dậy việc thực hành Thiền định truyền thống nơi bà. Hiện bà đang chú tâm duyệt xét lại một vài hình thức hành thiền như: thụ giáo thiền trực tiếp (*dokusan*) và một vài nghi thức trong việc hành thiền. Bà đã nghiêm túc đặt vấn đề về quyền hạn, chức năng, sự gắn bó và các tương quan trong cộng đoàn các đạo hữu. Thí dụ như, làm thế nào để vun trồng được sự gắn bó và phụ thuộc với nhau đang khi chúng ta thực hiện công việc huấn luyện và thuyết pháp?”

Thường xuyên, trong các trung tâm thiền tại khắp nước Mỹ, những vấn đề quyền lực và tẩy chay nhau cứ triền miên xảy ra. Theo hiểu biết của chúng tôi về truyền thống Phật giáo thiền định được du nhập từ Nhật Bản, chúng ta chấp nhận truyền thống mặc áo cà-sa từ đời Nhà Đường Trung quốc, cạo đầu, các nghi thức khi hội họp, tôn trọng phẩm trật trong cơ cấu quyền lực và tuân theo một truyền thống với một mô hình tổ chức lý tưởng nhất, gồm cả việc sống chung cuộc đời tu trì hàng ngày trong thời gian dài với thiền sư của mình. Nếu tôi thuyết pháp trong bộ áo cà sa truyền thống, uy tín của tôi được tăng thêm trước thính giả, họ dễ dàng chấp nhận những gì tôi thuyết pháp là sự thật mà không cần kiểm chứng hay thắc mắc gì cả. Một số thay đổi nhỏ, nhưng rất triệt để, đã tạo cái gọi là tự tìm vấn đề nơi các thiền sinh. Điều này đôi khi giúp ích cho mỗi thiền sinh trong quá trình học tập, nhưng cũng gây nguy hại cho cả thiền sinh lẫn thiền sư nếu không thực sự ý thức và nằm trong giới hạn cho phép.

“Mỗi người trong chúng ta rất cần đến những ý kiến phản hồi. Bằng không chúng ta có thể lừa dối chính mình về những gì đang được thực hiện cho ta và cho cả người khác nữa. Theo truyền thống Phật giáo tôi thấy tình bằng hữu thiêng liêng rất phổ biến. Tôi có thể theo đuổi cuộc sống tu trì với các bạn đồng môn và cống hiến cho bạn những gì tôi thu thập được trong quá trình thực hành Phật pháp. Nếu như kinh nghiệm của tôi ích lợi và giúp ích cho họ, thật là điều tuyệt vời. Nếu như không được như vậy cũng không hề gì. Trong bất kỳ tình huống nào, chúng ta có thể cùng sánh vai nhau trên bước đường tu trì”.

Một vấn nạn rất cá biệt, mạnh dạn và cụ thể đã được đưa ra. Ivonne muốn biết, lấy ví dụ “làm thế nào chúng ta, những người đang nắm cương vị giảng dạy Phật pháp, có thể để cho các học viên nêu ra mặt tiêu cực của chúng ta để nhận thấy và chỉnh lại?” Bà luôn động viên thiền sinh thực hiện điều này cho cá nhân bà cách trực tiếp và thường xuyên, nhưng bà vẫn cảm thấy chưa đủ. Cũng cần phải làm như thế nơi bạn bè nữa. “Chúng ta cần phải lắng nghe những gì bạn bè chúng ta nói ra, cho dù có thể làm cho chúng ta thêm bối rối”. Bà đã đề nghị thành lập các nhóm tại trung tâm thiền để tham khảo ý kiến với nhau trong sinh hoạt bằng cách các thiền sinh có thể phỏng vấn lẫn nhau. Bà muốn tìm kiếm, làm sao có thể tạo nên một khung cảnh an toàn để có thể nhìn ra mặt trái của mỗi người chúng ta? Một nhóm như thế chỉ cần ít người thôi, nhưng không ít quá (độ năm người là tiện nhất). Các thành viên phải thống nhất với nhau về qui trình thảo luận – thí dụ như, phải cam kết rằng mỗi người tự vạch ra mặt trái của chính bản thân và quan hệ thực sự với nhau, chia sẻ cho nhau những tiến bộ đạt được, sẵn sàng tham gia các bạn khác thuyết trình và để cho các bạn phỏng vấn và cùng nhau mở

xẻ vấn đề. Nói tóm lại, một qui trình thật cởi mở mang phong cách cách mạng nơi hầu hết những bối cảnh Phật giáo Thiền định truyền thống, cũng như tại các trung tâm thiền định.

Hiện nay những hoạt động thuyết Pháp do Yvonne thực hiện gồm cả những cuộc thuyết Pháp ngày Chúa Nhật tại Green Gulch mỗi lần kéo dài trong suốt bốn hay năm tuần lễ; hướng dẫn một ngày tĩnh tâm mỗi tháng một lần (gồm hành thiền, đi bách bộ tập kệ, luyện mỉm cười và các công việc lật vạt khác; các cuộc thảo luận và tĩnh tâm cuối tuần về Phật thiền định cũng như luyện trí tuệ cũng được thực hiện tại trung tâm Green Gulch và nhiều nơi khác; các cuộc tĩnh tâm dọn mình chết lạnh và các cuộc thảo luận về đau khổ; kể cả những cuộc tĩnh tâm hướng nghiệp chuyên biệt giúp cho công nhân, luật sư, hộ lý và bác sĩ. Bà rất quan tâm đến công việc của các bà “nội trợ” – những người đời thường đang luyện thiền trong cuộc sống hàng ngày.

Ngay từ khi còn nhỏ Yvonne đã cảm thấy mối quan tâm đặc biệt đối với các thanh thiếu niên và những người già. Trong khi “Phát triển công việc này đã gặp không ít khó khăn, thách thức và không thuận lợi”. Tuy vậy Yvonne vẫn muốn tiếp tục làm việc với nhóm tuổi này. Trong tương lai bà cũng có ý định làm việc với những người đang phụ trách hướng nghiệp, tổ chức các khóa huấn luyện dài hơn, nghiêm túc hơn trong bối cảnh kinh doanh và công nghiệp. Bà muốn khám phá ra “sự thật rõ ràng nơi những gì chưa thật rõ ràng” và hướng đi là tự thâm nhập sâu rộng hơn nữa vào thế giới đời thường trên cơ sở một tập thể những người tự nguyện đó chính là cơ sở hoạt động của bà trong suốt hai mươi năm qua.

Mùa Đông năm 2000

Để trả lời những câu hỏi “cập nhật” cho cuốn sách của tôi, Yvonne Rand đã viết cho tôi một thư sau đây, tôi xin trích nguyên văn như sau:

“Bà Lenore thân mến,

“Bà có hỏi cuộc đời tôi hiện đang đi về đâu? Tôi đang theo đuổi mục tiêu gì luyện tập? “

“Công việc thường xuyên của tôi vẫn là tiếp tục nghiên cứu trường phái Thiền Soto, với những diễn giải quan trọng xuất phát từ cội nguồn các vị niên trưởng (streams of Elders) thuộc truyền thống Đại Thừa và xoáy mạnh vào các thực hành thuộc phái Phật giáo Đại Thừa Tây tạng* Công việc đó đã được bắt đầu từ mùa đông 1985 – 1986, tôi cũng có diễm phúc đã được học hỏi với Ngài Dalai Lama và Hòa Thượng Tara Tulku, rồi đến một vị Đại thiền sư trụ trì tại một tu viện Tây Tạng tại Bodhi Gaya, Ấn độ. Trong nhiều năm trời, cho đến khi ngài Tara viên tịch tôi đã được nghiên cứu rất gần gũi

với ông ta. Quan trọng nhất là tôi đã nghiên cứu về bản thân cũng như cuộc sống của ông nữa. Tôi đã hiểu được nhiều hơn những gì tôi đã được biết về kiến thức uyên thâm và tấm lòng độ lượng sâu sắc của Ngài và đặc biệt qua việc Ngài liên tục thể hiện lòng từ bi vô hạn của Ngài. Ông đã nâng đỡ tôi rất nhiều trong việc trung thành với con đường tôi đã chọn một cách đặc biệt đến nỗi hiện nay tôi vẫn cảm thấy rất đáng khâm phục. Ông đã dạy tôi cách thức truyền đạt và diễn giải Phật pháp. Và với ngài, tôi đã nếm được thế nào là một con người không phân biệt giới tính trong thực hiện Phật pháp là như thế nào.

“Tôi đã thuyết pháp tại trung tâm Redwood Creek Dharma tọa lạc tại Marin County từ cuối những năm tám mươi. Trung tâm của tôi, tuy nhỏ nhưng rất uyển chuyển, được xây dựng giữa ngôi vườn tuyệt đẹp, có nhiều chỗ hành thiền cả trong nhà và ngoài vườn. Xây dựng Trung tâm này đã cống hiến cho tôi một cơ hội diễn đạt ý định tạo ra một khung cảnh hành thiền hấp dẫn và thoải mái. Công việc tiến hành rất chậm và liên kết hữu cơ với nhau trong khuôn viên không rộng lớn lắm để tôi có thể biết được tất cả những ai đang luyện tập cùng với tôi.

“Tôi cũng có cơ hội học tập với thiền sư Thiên định một nhà yoga bậc thầy, đó là ngài Shodo Harada, Đại sư trụ trì tại Chùa Sogenji bên Nhật Bản.

“Từ đầu những năm Chín Mươi, tôi đã quan hệ thường xuyên với một số thiền sư thuộc nhiều trường phái và truyền thống Phật giáo, việc giao tiếp và tình bạn triển nở từ những cuộc gặp gỡ này đã giúp tôi ý thức được những ảo giác về bản thân và những vấp vấp khả dĩ nơi tất cả những người đang nắm giữ cương vị thuyết pháp, cũng giúp tôi đánh giá được các tập thể tu trì và những phản hồi từ phía các bạn đồng nghiệp và bạn bè muốn tôi biết được những điều cần thiết về việc làm và về cả bản thân tôi nữa. Chúng tôi đã thảo luận về cuộc đời thuyết giảng Phật pháp cũng như cống hiến cho nhau những đề nghị và những nguồn cảm hứng.

“Mùa hè năm 1997, bác sĩ đã chẩn đoán tôi bị ung thư và đưa ra kết luận phải giải phẫu. Toàn bộ đoạn đường từ phẫu thuật đến bình phục là một bài học quý hóa cũng như cơ hội tuyệt vời để thực hành thiền hơi thở. Tôi có thể khẳng định được luyện tập Phật pháp chính là một phương kế tuyệt vời. Trong giai đoạn này, thách thức to lớn đối với tôi là học hỏi để biết tiếp nhận sự trợ giúp, để cảm thấy mình bất lực trước ơn trên và sống với kinh nghiệm tuyệt vời của một con người được người khác cầu bần cho.

“Trong giai đoạn này tôi cảm thấy thấm thía với lời dạy về Vô thường và nghiệm được điều đó không chỉ là một mớ lý thuyết suông. Mẹ tôi qua đời năm rồi, thọ chín mươi tuổi. Sau một thời gian dài sống trong bất hạnh. Cho

dù với tất cả những kinh nghiệm giúp người qua đời, tôi nhận thấy mẹ tôi qua đi rất khó khăn và đáng ghi nhớ.

“Hiện nay, tôi đang điều hành các khóa huấn luyện, cả dài ngày lẫn ngắn ngày, thuyết pháp thường xuyên, làm việc cho cả những cá nhân hay các nhóm thuộc đủ mọi hạng người, vun xới cho một cuộc sống tinh thần thực sự. Tôi vẫn tiếp tục thực hiện nghi thức cầu siêu cho những trẻ em đã chết do phá thai, xảy thai và cả những trẻ em chết bất thành hình nữa. Tôi thực hiện công việc này ba tháng một lần và có nhiều người, khi biết được công việc của tôi đã sẵn sàng gây quỹ hỗ trợ để làm dịu đi nỗi đau buồn và khôn khổ kéo dài nhiều năm nếu không có người giúp đỡ giải quyết.

“Trong nhiều năm qua, tôi cũng được mời diễn thuyết cho nhiều người không phải là Phật tử. Và cảm thấy rất phấn chấn khi được thâm nhập vào thế giới đời thường của một bộ phận dân chúng Mỹ. Cần phải tìm kiếm một phương án dài hạn để truyền bá Phật pháp cho lớp người này bằng chính những kinh nghiệm phát xuất từ lời Phật dạy. Những hình ảnh phát sinh từ bối cảnh văn hóa chúng ta và tìm phương án làm cho Phật giáo có thể bám rễ nơi quảng đại quần chúng. Tôi đang viết một cuốn sách về vấn đề này và cảm thấy viết văn là một cách thể thuyết pháp rất thú vị và trong khi viết về đề tài này cũng giúp tôi phát hiện nhiều điều thú vị.

“Mới đây, tôi đang tìm cách làm sao cho cuộc sống ít bận rộn và không bị chi phối với một lịch trình khít khao, để có nhiều rảnh rỗi vừa giúp bình phục sức khỏe sau ca mổ, là một cái giá quá cao tôi phải trả cho một cuộc sống quá bận rộn trong xã hội Hoa kỳ hiện nay. Tôi đã làm việc cật lực suốt từ năm mười ba tuổi cho đến nay. Đây là lần đầu tiên tôi “thực sự ngưng” hoạt động trong một thời gian dài. Và nhận thấy một khác biệt rất lớn cả về nội tâm lẫn ngoại cảnh.

“Hiện nay tôi chỉ tiếp xúc riêng với một số ít các thiền sinh. Tôi nhận thấy càng ít cuộc hẹn bao nhiêu tôi càng có nhiều thời gian dành để viết sách, nghiên cứu thêm và chăm sóc công việc vườn tược. Tôi dành thời gian ngồi thiền trong ánh sáng ban mai hay ngồi nghe tiếng chim hót và nhìn chúng tung bay trên bầu trời mỗi sáng. Tôi nghiệm thấy sức lực sáng tạo được gia tăng đáng kể khiến tôi phải ngạc nhiên và thích thú. Hiện giờ tôi bắt đầu thực sự ném được hương vị cuộc sống là như thế nào. Càng tăng thêm kinh nghiệm trong cuộc sống hàng ngày là gì tôi không lường trước được. “Và kết quả là cách thuyết pháp của tôi cũng khác đi và đi vào chiều sâu hơn, đương nhiên sự thay đổi này có cái giá phải trả. Nhưng tôi nghĩ cách sống đơn giản là điều cần thiết để vun xới trí tuệ và tâm lòng nhân ái. Và tôi rất thích điều đó. Cộng thêm với công việc viết sách tôi cũng liên hệ trở lại

với bạn bè cũ, bạn tốt cũng như bình thường. Tôi không thể hình dung nổi mối tương quan mới này có ảnh hưởng gì tới cuộc sống bình yên tôi mới có được hay không. Nhưng tôi biết rất rõ, tôi hoàn toàn thích thú cuộc sống hiện nay của tôi”.

Ivonne dùng từ cội nguồn các vị niên trưởng (Streams of Elders) để ám chỉ phái Truyền phái Phật giáo Đại thừa và tiền Đại thừa phái này mang ít đặc tính giáo phái. Phái Phật giáo “Tiểu thừa” bao gồm Nepal, Bhutan, Ladakh Mông cổ cũng như Tây tạng.

---o0o---

[12] - Thiền sư Jacqueline Mandell, Colleen Schmitz, & Ayya khema Jacquelin Mandell

Vào đêm rằm tháng Giêng, 1980 tại thành phố Răng-gun, Miến Điện, lần trong tiếng tụng kinh đều đều của hàng trăm tín đồ nhiệt thành, một phụ nữ nhỏ nhắn ba mươi hai tuổi, quốc tịch Mỹ, mái tóc dài đen tuyền vừa được cắt ngắn; bà vừa được xuất gia Ni Sư (nữ tu Phật giáo) ba tháng trước tuyên giữ tám luật giới. Bà đã tham gia khóa huấn luyện Thiền Minh Sát căng thẳng kéo dài đúng tám năm dưới sự dìu dắt của những vị Đại sư nổi tiếng tại Ấn độ và Đông Nam Á. Kể cả ngài Sri S.N Goenka và Thượng Tọa Mahasi Sayadaw, là người đã truyền Phật pháp cho bà vào năm 1979. Trong mấy năm trở lại đây bà đang tập luyện và thuyết pháp tại Hoa kỳ, đặc biệt tại Trung Tâm Thiền Insight Meditation Society tại Barre, bang Massachusetts bà là một trong những thiền sư chính tại đó. Hiện nay bà đã trở lại Á châu để hâm lại và đào sâu thêm Phật pháp. Bà mặc một áo cà sa màu vàng cam tươi, được dẫn vào tham dự nghi thức do người thầy dạy cũ chủ trì đó là ngài Mahasi Sayadaw.

Người phụ nữ trẻ mới được xuất gia tên là Jacqueline Mandell. Hôm nay bà nhớ lại “Tôi rất vui mừng khi được cạo đầu. Chẳng có gì liên quan đến dáng vẻ bề ngoài. Đích thân tôi hiện diện ở đó với toàn bộ con người tôi. Không có điều gì làm tôi phân tâm trừ cái giây phút hiện tại đó”. Bà đã luyện tập thật căng thẳng trong vòng hai tháng tại trung tâm thiền Thathan Yeiktha Răng-gun Miến Điện và rồi được phép thực hiện một chuyến hành hương kéo dài ba tuần tới miền bắc Miến Điện, thăm những tu viện trực thuộc và những địa danh thánh Phật giáo truyền thống. Tại những ngôi làng nhỏ nhiều nữ tu sĩ đang theo đuổi cuộc sống đơn sơ và chiêm niệm chạy lại vây quanh người phụ nữ trẻ ngoại quốc này.

Sau gần hai năm, trở lại quốc gia này theo lời mời của Thượng tọa Taungpulu Sayadaw, một vị Đại thiền sư khác hiện đang sống tại Hoa kỳ -

Jacqueline lại được xuất gia lần thứ hai. Tại Tu viện Taungpulu Kaba-Aye thành phố Boulder Creek, bang California, lần này bà tuyên thệ mười giới luật và một lần nữa với đầu cạo và mặc áo cà-sa bà lại miệt mài luyện tập trong hai tháng ròng rã. Vào cuối khóa huấn luyện, sau năm đó Đại sư Taungpulu Sayadaw đã yêu cầu bà phụ trách thuyết pháp cho một khóa huấn luyện ngay tại tu viện của ông. Bà đã thực hiện lời yêu cầu đó vào mùa xuân năm 1981, đó là một phụ nữ Tây phương đầu tiên được nhận vinh dự này.

Từ năm 1977, Jacqueline Mandell đã thuyết pháp liên tục tại IMS trong vòng sáu năm. Trong suốt thời gian này bà đã học hỏi với rất nhiều thiền sư đến thăm Trung tâm IMS, trong số đó có ngài Đại đức Dipa Ma, Achaan Cha và Rina Circa (cùng với họ bà cũng đã điều khiển một số những cuộc tĩnh tâm tại đây). Bà đã tham dự rất nhiều các cuộc hành thiền, bà đã hăng say làm việc với thiền sư Joshu Sasaki về thực hiện koans trong nhiều năm.

Vì thế nên không phải là một chuyện nhỏ, khi tôi gặp bà vào năm 1983, Jacqueline Mandell vừa mới kết thúc giảng dạy tại IMS. Bà cho tôi biết, “Tôi không thể đại diện cho Phật giáo theo truyền thống Đại Thừa được nữa vì truyền thống này đã đàn áp và phân biệt đối xử với phụ nữ. Ngay từ lúc sinh ra, phụ nữ đã được coi là ít quan trọng và không được bình đẳng. Chỉ với truyền thống tu trì, người phụ nữ đã là Ni Sư suốt cả cuộc đời và cũng đã giác ngộ hoàn toàn, vẫn phải vái lạy trước một vị sư. Trong các Kinh Phật phụ nữ nguyên thủy vẫn được xem như là những người quyến rũ hoặc là những thợ vật thấp kém đau khổ vì phải sinh con. Trong kinh *Theragatha*, đã mô tả những cuộc sống của phụ nữ thật là khủng khiếp.

“Một phần lý do tôi có thể rời khỏi trung tâm là vì tôi vẫn còn có thể ở lại. Tôi cảm thấy đã hoàn tất trọn vẹn qui trình của tôi. Nhưng cá nhân tôi chưa bao giờ bị các thiền sư phân biệt đối xử. Chính những thuyết pháp được phân phát miễn phí và tôi đã tận dụng được tối đa điều đó. nhưng truyền thống Đại Thừa vẫn còn hơi tinh tế. Họ cho là một phụ nữ có thể được giác ngộ hoàn toàn, nhưng họ vẫn không được trao trọn quyền hành trong phẩm trật.

“Đề được hoàn toàn trung thực trong những gì tôi đang thực hiện, trở lại với thân phận của tôi là một phụ nữ. Tôi không thể đại diện cho một truyền thống chủ trương phụ nữ không thể tự đạt đến giác ngộ hoàn toàn trừ khi họ đã là *arabats*, hay là giác ngộ hoàn toàn. Ngay cả khi họ đã giác ngộ hoàn toàn thì cơ cấu vẫn sẽ giới hạn họ lại”.

- “Bà muốn đề cập đến phương diện xã hội và chính trị có phải không”. Tôi hỏi Bà.

- “Vâng, trên phương diện tinh thần, không có hàng rào ngăn cản để nhận hay luyện tập Phật pháp. Nhưng ví dụ như tại Miến Điện, khi đi ăn cơm thì các nhà sư đi trước, rồi đến người ngoài đời rồi mới tới các Ni Sư (nữ tu). Và sau hết là các phụ nữ ngoài đời. Mọi bước đi đều rất rõ ràng, rõ ràng nơi thanh thiên bạch nhật. Trong suốt những nghi thức quan trọng nam giới được ngồi phía trước và phụ nữ phải ngồi phía sau, nếu như họ được phép tham dự”.

- “Một cách chủ quan, bà suy nghĩ gì về điều đó vào lúc này?”

- “Những thứ linh kinh này không gây ảnh hưởng gì đến tôi vào lúc này. Nhưng thực tế bạn đang sống trong thực tế tương đối mà thôi. Bạn biết câu châm ngôn của Phật giáo thiên định. Khi bạn bắt đầu sự việc thì có núi sông cản trở bạn, rồi núi sông biến mất, nhưng bạn phải quay trở lại thì núi sông lại xuất hiện ngay tức khắc. Thế đấy, có rất nhiều phụ nữ và họ không được tôn trọng ngang bằng như là một người phụ nữ. Toàn bộ bóng mây mờ đó chưa thể nào được dứt khỏi truyền thống Đại Thừa vì truyền thống này rất thích hợp với bóng mây mù của mọi người”.

- “Bóng mờ đó, để có thể hợp thành một thể thống nhất, cần phải được ý thức có phải không thưa Bà”.

- “Vâng, đúng vậy, chính vì thế mà tôi quyết định không dính dáng gì tới ái nam ái nữ. Để cho các phụ nữ không dùng nó như cái vỏ ngoài hoặc từ chối trước áp bức và bất bình đẳng vẫn hiện hữu”.

Để sống *trong* xã hội hiện nay, thoát khỏi những cơ cấu hiện hành ràng buộc họ, để diễn đạt đường hướng tinh thần (tâm linh) của mình và để giúp người khác cũng làm được như vậy. Những điều trên là mục tiêu của Jacqueline Mandell hiện nay với tư cách là một thiền sư độc lập. Trong nhiều năm trời bà đã đưa được sức sống của bà vào trong lãnh vực tâm linh và thuyết pháp thiền. Nhưng đó cũng chỉ là khu vực an toàn. “Tôi không cần phải tỏ ra sức mạnh của mình. Một phần của sức mạnh đó thể hiện ở khu vực an toàn này ngày càng phát triển”. Trong một khóa huấn luyện Thiền Minh Sát tại Yucca Valley vào mùa xuân năm 1983, bà đã công bố một kiểu thiền chỉ dành riêng cho phụ nữ và có một bài diễn thuyết với đề tài “dành cho phụ nữ nói về phụ nữ”. Đó là khúc dạo đầu cho một cuộc hội thảo giữa các nữ thiền sư tại trung tâm thiền Providence mùa hè năm đó. Tại buổi hội thảo đó bà đã phát biểu ít cá nhân hơn, trước một cử tọa đông đảo gồm cả nam giới lẫn phụ nữ.

Thông điệp chính gửi tới phụ nữ là kính trọng tất cả những ai đã thực sự hoặc đang bỏ công sức mình trong quan hệ với bất kỳ bá tánh nào, tổ chức hoặc thiền sư nào, “Trong đó khả năng trực giác và sắc đẹp được bỏ sang một bên”.

Bà trình bày tại Providence, “Lắng nghe trong nội bộ phụ nữ xem trước tiên chúng ta nói gì để có được sức mạnh; có nghĩa là lấy lại uy thế chúng ta đã để mất... chúng ta phải luôn đặt câu hỏi và điều tra các vị có thẩm quyền, thiên sư và truyền thống dưới góc độ thâm niên và đã được thử nghiệm – để họ tôn trọng những kinh nghiệm cá nhân của mỗi người chúng ta và tìm ra đường lối riêng như Đức Phật đã chỉ vẽ”.

Bà nói với tôi, một số điều bà phát biểu đã không được giải quyết ngay tức khắc. Thực tế theo truyền thống thì phụ nữ vẫn chưa được trao cho một số quyền hạn. Theo bà suy nghĩ, bước đầu như vậy không phải chỉ là khó khăn, nhưng còn ích lợi nữa là đang khác. “Khi tôi còn trẻ tôi muốn mỗi người được yên ổn, mọi sự đều tốt đẹp, mọi người được chăm sóc, hiện nay tôi cảm thấy đó là sự thật rõ ràng thực sự đem lại chăm sóc lớn lao nhất cho hết mọi người”.

Cái “chân lý” của Jacqueline Mandell vào ngay thời điểm đó chủ yếu là sống không bị gò bó vào giây phút hiện tại, thoát khỏi kinh nghiệm và vắn nạn trong bất kỳ hoàn cảnh nào nổi lên. Để nhận ra điều đó mà không có điều kiện gì trong quá khứ và tiến tới phía trước mà không bị ảnh hưởng bởi những gì sẽ xảy đến. Bà bỏ qua khía cạnh lịch sử. Trong quá khứ bà có thể phát biểu, “Chúng ta đang luyện tập những gì đã tồn tại cả hai ngàn năm trăm năm qua chẳng phải là điều tuyệt vời sao?” Hiện nay, bà lại nói: “Chúng ta đang thực hiện ngay tại thời điểm này đã chẳng phải là điều tuyệt vời hay sao? Tại đây chính là điều gây sức mạnh”. Điều bà quan tâm và ý nghĩa nhất không phải là đã có nhiều nữ thiên sư hay các vị nữ Bồ Tát trong quá khứ. Điều bà quan tâm nhất trong lúc này chính là khả năng phụ nữ thực sự thể hiện được chính mình. Cho dù một phụ nữ cụ thể nào đó đã từng hành thiên trước đó cũng không liên quan gì đến Bà. “Điều Bà thực sự quan tâm chính là khả năng của người phụ nữ hay nam giới tỏ ra cởi mở trước một kỷ nguyên không ngừng biến đổi và thực sự bắt kịp với thời đại đó. Cuộc sống biến đổi liên tục và đang trên đà tiến tới. Một thái độ cởi mở không ngừng biến đổi để đạt đến trí tuệ chính là kết quả do thái độ tự nguyện tiến tới đó. Không phải chỉ làm rõ hay đánh giá cao bất kỳ điều gì trong quá khứ”.

Bà nhấn mạnh đến tầm quan trọng người phụ nữ phải biết tự tạo sức mạnh cho nhau – không phải bà muốn loại nam giới ra ngoài lề, nhưng vì tương quan giữa phụ nữ, như là một nhân tố đóng góp cho sự triển nở tinh thần, đã luôn luôn không được đánh giá đúng mức theo truyền thống trong quá khứ. Bà nói: “Trong qui trình đào tạo hiện này, thực sự chúng ta vẫn dễ tin tưởng nam giới hơn là nữ giới và chính phụ nữ cũng vẫn tin tưởng ý kiến của nam giới nhiều hơn chính ý kiến giữa họ với nhau”.

Tôi nói: “Theo tôi điều đó đang thay đổi”.

“Mới chỉ trong nhận thức mà thôi, còn trên thực tế thì chưa. Trong hoàn cảnh cụ thể, phái nữ vẫn nhường quyền đó cho nam giới và nghĩ họ vẫn cần phải nghe nam giới diễn đạt vấn đề trước, sau đó họ mới biểu lộ nhận thức của mình. Hướng mở ra cho phụ nữ tiến tới viên mãn và đạt đến tình trạng nguyên vẹn với tư cách một người phụ nữ, theo tôi vẫn chưa thấy xảy ra ngoại trừ nơi một vài cá nhân”.

Bà đã làm rõ bà không tin là nam giới lại đàn áp nữ giới hay hệ thống nào đó lại đã đàn áp bất cứ ai. Bà nói, “Mọi người đều hành động như vậy cả” và mọi lãnh vực đang tồn tại cần phải được cứu xét đến.

Cuộc thảo luận của chúng tôi lại bàn đến tương quan giữa thiên sư và thiên sinh. Jacqueline Mandell vẫn cảm nhận mạnh mẽ rằng đa số mọi người đều vẫn coi các thiên sư là những người có rất nhiều quyền hành, kể cả các nữ thiên sư. “Từ thiên sư chỉ xuất hiện trong các mạch văn cổ xưa, tôi chỉ muốn cập nhật thêm mà thôi! Tất cả những gì tôi biết khi đang trình bày với các bạn chính là tôi không có một khái niệm về thiên sư trong đầu tôi. Đó là điều quan trọng cần phải nói ra. Hệ quả là, tôi không đại diện cho ai cả. Và tôi cũng không đại diện cho điều gì cả, tôi chỉ là một con người trên thế gian này đang liên hệ với chính bản thân và muốn quan hệ với bất kỳ ai”.

Bà không muốn thối thác quá khứ. Bà cảm thấy rất có cảm tình với các thiên sư thân yêu và các vị đồng nghiệp của bà tại IMS. Nhưng với bất kỳ một hoài bão nào, đem theo bất kỳ nhận định gì trong tương lai sẽ hạn chế nghị lực và tự do của bà. Bà cho biết, “Tình yêu đâu cần có điều kiện nào cả. Cũng không cần có lai lịch. Quá khứ chỉ là quá khứ và tôi thực sự chỉ biết có hiện tại chỉ cần chúng ta ý thức được, toàn bộ mạch văn tâm linh sẽ hiện hữu ngay tại đây”.

Trong những năm qua Jacqueline Mandell đã có lần diễn thuyết tại tổ chức Y Tế Thế Giới tại Geneve, Thụy Sĩ. Tại Đại học Brandeis và tại Phân Viện Thần Học Đại học Havard. Bà trình bày với một cử tọa khá rộng lớn và đề ra một căn bản trực giác khá rộng rãi. Tại các cuộc hành thiền (mở ra cho cả nam lẫn nữ) thoát tiên chủ yếu bà chỉ quan tâm đến cộng đồng Phật tử, nhưng sau đó bà đã mở rộng cho cả những nhóm Tôn giáo khác, như Thiên Chúa giáo và Do Thái giáo. Với những khóa huấn luyện dành riêng cho phụ nữ, bà đã đề cập đến những vấn đề hết sức cụ thể như đã được phác họa trong các trung tâm thiền, tại nhà thờ và hội quán. Rồi chuyển sang vấn đề “*tâm linh và phụ nữ*”, bà đã dẹp sang một bên những phân biệt tôn giáo truyền thống và chủ trương một sự đồng nhất căn bản hơn.

Khi bà mới đề cập đến vấn đề phụ nữ lần đầu tiên, nhiều người đã trung ra cho bà những giai thoại về các nữ thiền sinh gây tai tiếng cho các thiền sư. Chẳng bao lâu sau bà đã nhận ra chỉ là cùng một câu chuyện cứ tái đi tái lại luôn cùng một nỗi đau chung, cùng chung một hoàn cảnh, cùng một khó khăn giữa nam giới và nữ giới. “Tôi bắt gặp điều đó khắp nơi tôi đi ngang qua”, bà cho biết, “nhưng điều đó trắng đen không phân minh rõ ràng”. Tất cả chúng ta đều thực hiện những nhiệm vụ đã được định trước. “Đó chỉ là hai người cùng nhảy chung một bản. Tôi mong muốn cả hai đều đáp ứng nhiệt tình với nhau và giúp người phụ nữ đặt câu hỏi. Điều gì đã khiến cho tình trạng đó xảy đến như vậy? Tôi không muốn kết án một ai, nhưng chỉ muốn giúp cho người phụ nữ thấy được phần việc của mình. và có hướng chữa trị đi là vừa. Bạn tìm đâu ra sức mạnh cho chính mình? Làm thế nào để bạn hàn gắn lại các vết thương đó? Làm sao bạn có thể tránh không để rơi vào hoàn cảnh tương tự như thế một lần nữa? Không phải chỉ trách móc sông, nhưng bạn phải kết thúc bất cứ điều cần thiết. Để tránh không để điều đó xảy ra một lần nữa.

Bà nói tiếp, “Điều gì đã khiến bạn chú ý tới một vài đức tính và kiểu mẫu cuộc sống phụ nữ và còn kiểm chứng lại nữa? Và xa hơn nữa, còn nhận ra được nơi bất kỳ một hệ thống nào cũng luôn có sai lầm trong đó. Ngay cả khi đó là hệ thống tín ngưỡng Phật giáo chúng ta đang khảo sát hoặc một bối cảnh thật bác ái Thiên Chúa giáo, tuy vậy, vẫn còn tồn tại những điều kiện nhất định và chúng ta phải xem xét”. Vì thế tôi chẳng còn quan tâm đến bất kỳ “vấn đề” nào nữa – Dầu sao nếu một phụ nữ đến gặp tôi khi có vấn đề rắc rối nào đó. Dứt khoát tôi vẫn muốn đề cập đến. Không cần tôi phải từ chối hay phán đoán vấn đề đó. Điều tôi quan trọng là nhận ra đâu là từ chối sẽ tác hại ra sao. Vì làm thế có thể ngăn cản bất kỳ một hoạt động nào. Tôi nhận thấy điều đó nơi hệ thống Phật giáo. những gì hiện giờ tôi đang bàn tới, lại là một loại tiến hóa nào đó. Rất nhiều trường hợp lại xen lẫn cả sợ hãi, vì chúng ta đang đề cập đến những gì ta chưa được am tường. Phẩm trật đã tồn tại cả ngàn năm, hiện nay là thời điểm nhất định phải có thay đổi. Nhưng điều đó có nghĩa phải bỏ qua một số hành vi, một số tiêu chuẩn không còn cần thiết được chấp nhận nữa”.

Sau này bà còn tái khẳng định. “Tôi vẫn còn đang thực hiện dần dần. Rất nhiều những gì tôi cảm nhận được chỉ là sự rung động của cuộc sống. Không những chỉ có tôi với thân phận là một phụ nữ hoặc cũng là tôi với danh nghĩa là một nữ thiền sư xét trên bình diện thể lý, tình cảm hoặc tinh thần. Chính là một cách tiếp cận bao gồm cả với chính mình và người khác nữa. Đó chỉ là của cho đi và nhận lại mà thôi. Có thể chính vì thế tôi lại cảm

thấy có được nhiều nghị lực hơn. Vẫn còn tồn tại một dòng chảy ngay cả trong tôi và nơi người khác và cả trên thế gian này nữa.

Mùa Đông năm 2000

Trong mười năm qua, một thay đổi cơ bản đã diễn ra nơi cuộc sống Jacqueline Mandell với tư cách là một nữ thiền sư. Khi tôi mới quen biết bà lần đầu tiên với vai trò nữ thiền sư Thiền Minh Sát độc lập. Đặc biệt bà đang làm việc với phụ nữ và đang phát triển một phong cách và một hình thái thuyết pháp riêng. Trong những năm trước đó, bà cũng đã nghiên cứu Phật học Thiền định, kể cả tổ chức rất nhiều khóa huấn luyện với Đại sư Sasaki, Nhưng hiện nay, vì đang chập chững bước vào nghiên cứu các truyền thống Tiểu thừa (Hinayana) và Đại thừa (Mahayana) Bà phát hiện ra mình đang gắn bó với truyền thống Vajrayana và Phật giáo Tây Tạng.

Những hạt giống trở về nguồn này đã được gieo nhiều năm trước, đó là lần đầu tiên bà được nghe Đức Dalai Lama thuyết trình tại Bodh Gaya, Ấn độ vào năm 1972. Trong những năm tiếp theo bà thường trở lại để nghe ngài diễn thuyết dưới gốc cây Bồ đề. Và tình cờ vào mùa đông năm 1973. khi bà đang ngồi thiền một mình trong Chùa Bồ đề. Có hai nhân vật bước vào phòng và lặng lẽ ngồi xuống trước mặt một bức tượng Phật trên một bàn thờ gần đó. Bà “cảm thấy nghị lực đặc biệt chuyển biến trong người”, Jacqueline Mandell tiết lộ. Một trong hai nhân vật đó là một vị sư trẻ tuổi, còn vị kia thân hình to lớn và nhiều tuổi hơn, sau này bà mới biết đó là Dilgo Khyentse Rinpoche, một trong những thiền sư Phật giáo Tây Tạng nổi tiếng – ông cũng là một học sĩ đương đại. Ảnh hưởng của ông đối với Jacqueline Mandell rất hiển nhiên đến nỗi khi ông đứng lên bà cảm thấy như bị cuốn hút theo. Khi ông rời khỏi Chùa bà “cảm thấy như bị cuốn theo ông”.

Vào những năm tiếp theo, Jacqueline Mandell đã gặp rất nhiều Đại thiền sư Tây Tạng khác, kể cả Dungjom Rinpoche và Sakya Pandita, ngài Karnapa thứ mười sáu. Kết quả những lần gặp gỡ đó cộng với sự “kinh ngạc” khiến việc tập luyện của bà phát triển lạ lùng. Nhưng bà cho biết, “Để tiến vào đường thiền Virjayana cần phải có một đức tin mạnh mẽ”.

“Những nguồn cảm hứng để tìm tòi nghiên cứu phát xuất từ lòng ưu ái của các Đại sư Tây Tạng và tinh thần quảng đại của họ. Ngay từ lúc đầu, tôi chẳng bao giờ có thể tiên đoán được sự thay đổi toàn diện này”. Vào những năm 1996-1997 để kết thúc giai đoạn quá độ này, Jacqueline Mandell được tham gia một chương trình huấn luyện thiền sư trong hai năm, trong dịp này bà đã duyệt lại toàn bộ những lời giảng dạy trong những năm đầu. Bà nói là điều đó đã cho phép Bà cam kết toàn tâm hơn với Phật giáo Tây Tạng.

Còn một “cam kết toàn tâm thứ hai” trong cuộc đời Jacqueline Mandell, được khởi sự với lần bà sinh đôi hai nàng công chúa vào năm 1987. Một kinh nghiệm hoàn toàn gian khổ lúc ban đầu giống như một khóa hành thiền kéo dài. Thực tế, bà đã qui khả năng sống sót trong vòng 17 tháng lạnh lẽo mỗi buổi sáng và những lần cho con ăn vào nửa đêm, cho một đứa ăn trước và đến đứa thứ hai vào việc luyện thiền của bà nhiều năm về trước. Bà cho biết, “Tất cả những cuộc tập luyện căng thẳng đó đã trở thành điều sống còn giúp tôi thực hiện được những gì tốt nhất để có thể nuôi hai đứa con song sinh. Tôi rất thích đem hai đứa nhỏ vào một môi trường tích cực và tạo ra một mái ấm tình thương ngự trị tại đó, Tôi tin rằng những gì làm cho chúng được an ủi nhất đó chính là cõi lòng cởi mở”. Bà cảm thấy thật hạnh phúc vì đã thực hiện được quá nhiều tập luyện thiền trước khi hai đứa trẻ chào đời.

Jacqueline Mandell coi hai đứa nhỏ của bà là hai thiền sư tuyệt vời nhất. Chúng động viên bà kiên trì và tự động “thực hành Phật pháp”. Trong một lớp học của mẹ, một trong hai đứa song sinh lúc bảy giờ đã lên bốn tuổi đã định nghĩa sự tập trung tư tưởng (mindfulness) như sau: khi mẹ đang ở trong sân chơi, mẹ ý thức được mẹ đang chơi trên sân”.

Hiện nay để diễn tả những gì bà đang thuyết pháp, Jacqueline Mandell đã dùng từ “*Phật giáo biến đổi*” bà kể lại câu chuyện sau: “Tôi thức dậy vào một buổi sáng tại Ridzen Ling trong thời gian tập thuyết pháp những lời “chỉ giáo” với Chagdud Tulku Rinpoche. Khóa học quá đông người, nên tôi thiền và ngủ ngay tại chính điện. Tôi thức dậy trước 4.00 sáng, nghe thấy những tiếng rõ ràng vắng trong trí khôn tôi: “Những phương thế mới và bao la của Phật pháp”. Những lời đó thật rõ ràng và không thể nhầm lẫn được, đã gây một ấn tượng rất mạnh đến công việc của tôi sau này”.

Bà nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc trao đổi thân tình hơn là thuyết pháp trình trọng và lắng nghe chăm chú bất cứ người nào đang truyền đạt Phật pháp cho chúng ta. Đây là những lời khuyên một số Đại Thiền sư đầu tiên đã truyền lại cho bà, trong đó có Thượng Tọa Mahasi Sayadaw và đồ đệ thân cận của ngài là Usujata, trụ trì tại trung tâm thiền Thatzna meditation Răng-gun.

Trong lớp học cũng như trong các buổi thực tập, Jacqueline Mandell đã tận dụng những chỉ dẫn thiền để hướng dẫn lại cho mọi người biết hồi tưởng. Những bài hướng dẫn về thiền dựa trên truyền thống nhưng “không theo một hình thức giới hạn nào cả”. Bà sử dụng những bài luyện tập “Yên tĩnh và quân bình” để dẫn nhập ý thức nội tâm. Ý thức về cuộc sống có nghĩa là chuyển đổi tập trung từ vật này sang vật khác. Từ cảm giác này sang cảm

giác khác. Từ việc đưa con đến trường tới việc chú tâm vào công việc làm. Cứ để mọi sự diễn tiến tự nhiên đó là chìa khóa mở ngăn hạnh phúc mỗi ngày”.

Một kỹ thuật mạnh mẽ khác nữa Jacqueline Mandell dạy là một phương pháp thiền cổ điển về “32 điểm trên thân thể”. Thiền sư Taungpulu Sayadawm tại thành phố Meilla Miến Điện đã truyền lại cho bà, Jacqueline Mandell đã coi đó như là phương tiện chính để tiến sâu vào ý thức vô thường và sự chết. Và từ đó đã soi chiếu mục đích thực sự của cuộc sống. Bà nói, “Việc thực hành phương pháp cổ điển này vào thời đại chúng ta, tôi thiết nghĩ cần phải dẹp bỏ thành kiến”.

Năm 1996, Jacqueline Mandell lại thực hiện một cuộc hành hương sang Tây Tạng, Bà cho biết “Tôi không chủ tâm tìm kiếm một Đại sư nhưng tôi lại gặp được một vị” đó là ngài Đại sư Adzom Chokul Paylo Rinpoche và tại chỗ thiền cheo leo trên vách đá ở Chimpu, Jacqueline Mandell thụ giáo được bản chất trí tuệ thực sự. Bà cho biết, “Mỗi ngày, ông chỉ hỏi tôi những câu hỏi rồi ban cho tôi những lời giảng huấn chính xác. Tôi đã tập trung cao độ và tuân theo những gì thiền sư chỉ dạy, tôi không cảm thấy bất đồng ngôn ngữ, hay ngăn cách văn hóa nào cả. Chỉ có thiền sư dạy cho thiền sinh những chân lý chính xác và thiền sinh ghi nhận được những lời khôn ngoan tuyệt vời”.

---o0o---

Colleen Schmitz

Colleen Schmitz là một phụ nữ trẻ ba mươi tư tuổi, dáng vóc mảnh khảnh và lịch lãm với giọng nói đặc sệt Ăng-lê (Bà sinh tại Tân Tây Lan), bà luôn tỏ ra kính trọng và tình cảm với ngài S.N Goenka, một thiền sư Ấn Độ dạy thiền Thiền Minh Sát. Lần đầu tiên gặp thiền sư khi Bà vừa tròn 23 tuổi, lúc đó bà đang du lịch tại Ấn độ để nghiên cứu thêm một số vấn đề về Phật giáo. Vừa đặt chân tới Bodh Gaya và nghe nói có một khóa thiền đang được tổ chức tại Dalhousie, bà quyết định tham gia ngay. Thiền sư hướng dẫn là Ngài Goenka-ji và bà cho biết, “Đúng rồi, đây chính là câu trả lời cho tất cả những gì tôi đang tìm kiếm”.

Colleen Schmitz lưu lại Ấn Độ khoảng 16 tháng, du hành và tham gia tất cả các khóa huấn luyện tại bất kỳ nơi nào bà có mặt. Bà cũng sang Nhật Bản một thời gian, dạy thêm tiếng Anh lấy tiền hỗ trợ công việc huấn luyện Ngài Goenka đang thực hiện tại Ấn độ. Bà trở lại Hoa Kỳ sau khi đã lập gia đình với một người bạn đồng môn người Mỹ, sau đó bà thường xuyên mở khóa huấn luyện Thiền Minh Sát Vipassana chung với chồng tại California và hàng năm bà vẫn trở lại Ấn Độ để tổ chức các khóa huấn luyện với Goenka.

Bản chất thiền vipassana (xuất phát từ Đức Phật Cồ Đàm và được lưu truyền từ thiền sư tới thiền sinh qua mọi thế hệ, Goenka-ji cũng được ngài Sayagyi U Ba Khin gốc Miến Điện truyền đạt cho) là phát triển một trí tuệ cân bằng và bình thản trong mọi tình huống. Điều này chỉ có thể đạt được qua quan sát một cách tỉ mỉ những cảm giác thể lý. Qua các kinh nghiệm cảm giác thể lý phát xuất từ bản chất vô thường, vô ngã và không thỏa mãn đích thực để phát triển trí tuệ.

Sau khi tuyên thệ giữ năm luật giới (không nói dối, không sát sinh, không quan hệ tình dục bất chính và không lạm dụng chất gây nghiện). Bà đã tham gia một khóa luyện tập mười ngày nữa. Trong ba ngày rưỡi đầu tiên bà luyện tập anapana, (tập trung trí tuệ vào hơi thở) để được thanh thản rồi tập trung tư tưởng vào từng sự việc riêng rẽ. Colleen cho biết: “Việc này giúp phát triển ý thức (Samadhi). Chúng tôi chọn ý thức vì ý thức rất hiện thực và cũng muốn tập quan sát thực chất bản thân mỗi chúng ta, loại bỏ tưởng tượng, suy luận và thị thức sang một bên”.

Vào buổi chiều ngày thứ tư, Thiền Minh Sát được trình bày. (vipassana có nghĩa là quan sát sự vật đích thực). Tập trung chú ý vào quan sát thân thể. Trong năm ngày, thiền sinh quan sát các cảm giác thể chất và bất kỳ những gì xuất hiện nơi trí tuệ. Colleen cho biết: “Bằng cách quan sát giác quan, chúng ta có thể quan sát được con người toàn diện. Theo Đức Phật, bất luận điều gì nổi lên trong trí ta đều truyền sang cảm giác. Khi những “cảm giác bất chính” như hờn giận nổi lên, nếu chúng không được nuôi dưỡng hay tăng cường thêm nhiên liệu, chúng sẽ mất hết sinh khí và tan biến. Ta cảm nghiệm được điều này nơi cảm giác. Bằng cách thấu hiểu bản chất vô thường của nó. Ý thức có thể chuyển động liên tục xuyên suốt các phần thể lý; hay có thể lan tỏa ra toàn thân, hoặc lập đi lập lại qua hai cách đó”.

Ngày thứ mười, tập trung vào thực hiện metta (lòng từ bi). “Sau khi đã thanh luyện trí tuệ đến một mức độ nào đó, thân xác tràn ngập những cảm xúc yêu thương, từ bi và đôn hậu với mọi người. Một nguồn tình yêu tự nhiên lan tỏa khắp thân xác, lan sang trí tuệ, sau khi đã thoát khỏi mọi căng thẳng và những suy nghĩ bất chính. Qui trình này sẽ phát triển một cách tự nhiên mỗi khi chúng ta bước đi trên chánh đạo”.

Kỹ năng thiền được trình bày trong các khóa huấn luyện này dựa trên Kinh Satipatthana Sutta. (pali) theo giáo lý trên: ý thức của con người tự bản chất hoàn toàn trong sạch. Tuy nhiên trong quá trình cuộc sống chúng ta đã làm dơ bản nó (tỉ dụ như: tham lam, thèm muốn và ghen ghét) nhưng qua luyện tập ý thức cộng với trí tuệ và qui trình thanh luyện hoạt động nhờ đó trí tuệ tự nhiên sẽ được tinh luyện. Một khi chúng ta nghiệm được vô thường,

chúng ta nhận ra mọi sự sẽ mau qua và chẳng còn gì để bám víu và như thế bình thân sẽ phát triển”.

Theo Colleen nhận định thì: thuyết pháp của Goenka nhằm động viên “thư giãn lý thú” – Cố gắng mang đặc tính thư giãn hơn là tạo ra căng thẳng. Bà cho biết. “Vipassana có nghĩa là chú ý đến thực tại luôn thay đổi trong cơ thể. Với một trí tuệ được thoát khỏi mọi tham lam và ghen ghét, chúng ta có thể chấp nhận thực tại này ngay trong giây phút hiện tại. Khi trí tuệ ta được giải thoát khỏi những lôi kéo, hay bám víu vào những gì chúng ta thích và đẹp bỏ những điều đó. Nhỏ sạch những khuynh hướng đó ngay tận gốc rễ trí tuệ sẽ đem lại hạnh phúc và an bình.

Sự sao chép trung thực nhất các giáo lý nguyên thủy của Đức Phật - đã bị thất lạc hay mai một do những ảnh hưởng khác tại Ấn Độ, lại được gìn giữ nguyên vẹn tại Miến Điện. Tuy nhiên, từ xưa cho đến thời đại chúng ta, những giáo lý chỉ mới được truyền đạt cho các nhà sư (nghĩa là nam giới) ngày nay chúng ta thấy ứng nghiệm lời tiên tri đã 2.500 năm trước sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn là: Phật pháp có thể được truyền bá không theo một thông lệ nào đến một số các tín đồ tận các quốc gia xa xăm. Nhưng đối với Goenka và các thiền sinh của ông, sự trong sáng của truyền thống vẫn còn là điều quan trọng có hạng. Không có gì phải thêm vào hoặc bớt đi cả. Colleen nói: “Sức mạnh hiện tại ở lòng trong sáng”. Tinh thần này đã được làm sáng tỏ khi cá tính của chính bà đã không thâm nhập hay tô màu điều bà đã phát biểu.

Điều thật thú vị là, chính kỹ thuật hiện đại đang mang theo hình thái nguyên thủy và nội dung những giáo lý đó đến khắp nơi trên thế giới. Nhờ những băng nghe nhìn, hàng ngày Goenka đã trình bày được những lời huấn đức và những bài diễn văn và các trợ lý thiền sư cũng có thể bám sát thiền sinh trong các buổi họp hàng ngày.

Từ năm 1982, Goenka đã cất cử năm mươi sáu nữ trợ lý thiền sư trên khắp thế giới. Hai mươi trong số đó đang thuyết pháp cùng với chồng; bảy người đang thuyết pháp độc lập. Với mạng lưới thông tin như hiện nay thuyết pháp theo từng cặp là thuận lợi hơn cả. “Vì chúng ta đang giới thiệu việc thực tập này cho người đời. Và với cách thuyết pháp chung với nhau như thế chúng ta có thể động viên họ trở thành những người chủ nhà lý tưởng”. Bà chỉ ra, “Ý tưởng liên quan đến các nữ thiền sư rất có thể chưa phải là một đổi mới trong thời đại chúng ta, vì mặc cảm tự cao tự đại hay mặc cảm thua sút cũng chỉ đơn giản là những trò chơi thuần túy thuộc bản ngã, có thể bị tan biến một khi chúng ta bước đi trên chánh đạo”.

Tuy nhiên trong suốt những khóa thiền, các thiền sinh nam nữ cũng đã được cách ly hoàn toàn - họ có phòng ăn và phòng ngủ riêng và đôi khi còn có cả phòng thiền riêng biệt nữa. – để giảm thiểu đi những lo ra chia trí và để cho ta có thể dễ dàng kiểm chế được cửa sổ giác quan nhằm chỉ để tập trung tra vấn lương tâm mà thôi”. Yên lặng tuyệt đối được duy trì nơi tất cả các thiền sinh. Các kỹ thuật được trình bày mang tính phổ quát, khoa học, thực tiễn và không thần thánh hóa. Thiền sư chỉ là người hướng dẫn và thiền sinh phải hoàn tất công việc của mình, nhưng mọi người chỉ cần có kiến thức trung bình cũng có thể hoàn thành được việc. Những người thuộc đủ mọi lứa tuổi, sắc tộc, quốc tịch và tôn giáo đều học tập với Goenka (kể cả Phật giáo Tây Tạng, Thiên Chúa Giáo, Do Thái Giáo và Ấn Độ Giáo, Jains, Parsis Và Hồi Giáo). Sự trở lại đạo không là không cần thiết mà theo Colleen nhận định, “một sự trở lại mang đầy ý nghĩa đó là sự chuyển biến từ ô uế trở thành trong sạch. Và từ bất hạnh trở thành hạnh phúc mới là điều có ý nghĩa”,

“Chúng ta có thể tự biến đổi bản thân chúng ta, bản chất của chúng ta đâu có cố định. Chúng ta có thể thoát khỏi những phản ứng mù quáng, thoát khỏi giao động”. Kỹ thuật thiền mở cho chúng ta tiến tới vô thức, để cho toàn bộ trí tuệ ý thức trở lại. Bình thường, dốt nát tạo hàng rào cản giữa ý thức và vô thức. Hiện giờ những hành vi quá khứ đang tồn tại trong tiềm thức của chúng ta, chúng tô màu cho nhận thức suốt cả ngày. Nhưng bằng cách kiên trì quan sát các giác quan thể chất, chúng ta có thể thâm nhập sâu hơn vào toàn bộ trí tuệ của ta. “Với mức độ giác quan, chúng ta tạo ra một mớ khúc mắc (kankaras), hay những tư tưởng phản kháng. Cũng với mức độ giác quan đó chúng ta có thể hóa giải được các khúc mắc đó. Mục tiêu của chúng ta là bình yên, kinh qua tất cả những thăng trầm trong cuộc sống hàng ngày. Hành động lúc đó sẽ phát sinh từ trí tuệ cân bằng trên một cơ sở tích cực. Colleen cho biết, “Một khi chúng ta đã có hạnh phúc và khỏe mạnh, chúng ta sẽ dễ dàng ảnh hưởng tích cực đến tất cả mọi người khác”.

Việc tập luyện Vipassana luôn nhấn mạnh đến luân lý, (Sila) tập trung đúng mức, (sila samadhi) và rồi tập trung đến khôn ngoan cả ba đều hỗ trợ lẫn nhau. Theo Colleen suy nghĩ, “Có thể phát triển ở một mức độ nào đó sự tập trung tư tưởng mà không cần phải có luân lý, nhưng một khi bạn cần phát triển khôn ngoan, thì luân lý lại là điều cốt yếu. Những hành động vô luân luôn tạo dao động nơi trí tuệ và nếu chúng ta cứ tiếp tục thực hành, tuân thủ các luật giới sẽ trở thành ngày càng tự nhiên và tùy hi. “Không ức chế, không cấm cản hành động – đó là trung dung chi đạo đức Phật đã dạy” Chúng ta càng tinh luyện trí tuệ bao nhiêu thì càng hài lòng với những gì chúng ta hiện có”. Hạnh phúc phát xuất từ nội tâm và sự hài lòng bên ngoài

không ngại đến kích thích. Và Colleen kết luận, “Nghệ thuật sống đích thực, chính là tận hưởng cuộc sống với ý thức trọn vẹn và bình thản hoàn toàn”.

Mùa Đông năm 2000

Trong mười lăm năm qua tại Châu Á, Châu Âu cũng như Châu Mỹ, Colleen đã nhận thấy rõ lên mối quan tâm đều đặn và đáng khích lệ đến công việc truyền bá Thiền Minh Sát vipassana do các thiền sư Ấn độ yêu quý của bà, đặc biệt là thiền sư S.N. Goenka. Các trung tâm thiền mọc lên khắp nơi trên thế giới như nấm gặp mưa. Riêng tại Bắc Mỹ có đến năm trung tâm mới được thành lập. Trong giai đoạn phát triển này, gần năm trăm người (một nửa là phụ nữ) đã nhận được quyền thuyết pháp trong các khóa huấn luyện thiền, hàng năm trên toàn thế giới đã có tới khoảng năm mươi ngàn người tham gia các khóa huấn luyện nói trên – tại châu Âu và châu Mỹ cũng như tại các nơi xa xăm hơn như Liên Bang Nga và Mông Cổ.

Colleen Schmitz cho biết, “Thật tuyệt vời được thấy biết bao nhiêu người trên khắp thế giới rất ngưỡng mộ bản chất Phật pháp phổ quát”.

Riêng tại California, một sự tiến triển tương tự như thế đã thúc bách Trung Tâm Thiền Minh Sát Vipassana tái bố trí lên một nơi rộng lớn hơn trên một khu đất rộng 110 mẫu tây tại Sierra Nevadas ở độ cao ba ngàn bộ, khoảng ba mươi phút lái xe từ cửa nam đường dẫn vào công viên Quốc gia Yosemite, với cánh đồng cỏ phủ đầy hoa dại, vườn cây ăn trái, cầu cống và các con suối chỉ có nước chảy vào mùa mưa và nhiều mẫu tây rừng sồi, thông, chà là và manzanita.

Mỗi tháng trung tâm thường tổ chức hai khóa huấn luyện mười ngày đón tiếp khoảng 140 người tới tham dự. Cũng có những khóa nâng cao dành cho những người đã thực hành thiền trong nhiều năm - Các khóa Kinh Satipatthan sutta và các khóa huấn luyện kéo dài từ ba đến hai mươi ngày. Cũng có một dự án xây dựng một “Quần thể Chùa Chiền” với nhiều phòng dành cho từng người hành thiền tại đây. Khi nào quần thể này được hoàn thành, trung tâm sẽ bắt đầu tổ chức các khóa huấn luyện ba bốn mươi ngày.

Một sự phát triển kỳ diệu trong những năm qua đó là các khóa huấn luyện dành cho các tù nhân, trước tiên tại Ấn độ, nhưng hiện nay cũng đang gia tăng tại Mỹ và nhiều nơi khác. Khóa huấn luyện đầu tiên dành cho tù nhân đã được tổ chức vào tháng 11 năm 1997 do thiền sư Goenka-ji điều hành tại nhà tù Tihar Delhi, một nhà tù rộng nhất Á châu. Sau khi khóa học kết thúc, ông Kirin Bedi, Giám đốc nhà tù, rất nổi tiếng vì cách nhìn xa trông rộng của ông đã dành riêng một tòa nhà dùng vào việc tổ chức các khóa thiền vipassana và từ đó đến nay vẫn được duy trì đều đặn. Các nhà tù khác tại Ấn độ cũng bắt chước sáng kiến đó. Một cuốn phim nổi tiếng có

tên, *Doing Time, Doing Vipassana* được hai nhà làm phim gốc Do thái do hãng phim Karuna phát hành, năm 1998 đã đoạt giải Ngọn Tháp Vàng tại liên hoan phim quốc tế San Francisco. Và được trình chiếu trong nhiều tháng trời tại rạp chiếu bóng Roxie San Francisco. Đài BBC cũng đã có dự án trình chiếu.

Colleen Schmitz đã so sánh Phật pháp như một đại dương bao la, “Phật pháp thật rộng rãi bao la và sâu thẳm vời vợi”. Lòng nhiệt tình trong thực hành thiền của bà, nhất là đối với các khóa huấn luyện hành thiền dành riêng cho chính bản thân bà đã không bao giờ suy giảm. Bà cho biết, “Phật pháp vẫn tiếp tục hướng dẫn tôi từng bước một, mỗi bước tôi đi lại dẫn tôi tiến xa hơn, dạy cho tôi ngày càng nhiều hơn, soi sáng tôi để vững bước tiến tới”. Bà cho biết tiếp, “Điều rõ ràng là những kết quả bạn thấy được rất tương xứng với công sức bạn đã bỏ ra và càng thực hành bao nhiêu thì hiểu biết của bạn càng gia tăng bấy nhiêu”.

Colleen Schmitz coi mình như là người chỉ đường cho bước phát triển này, bà tin chắc một điều, một khi mọi người tiến tới, chính Phật pháp sẽ trở thành thiền sư cho họ, chứ chẳng phải là một người ngoài nào khác. Bà cho biết, “Quan điểm của tôi về vấn đề này sẽ chẳng bao giờ thay đổi”.

Bà cùng với người chồng đã được dành cho địa vị lãnh đạo Trung Tâm Thiền California, “Nhưng đâu phải là trung tâm “của chúng tôi” hay “của tôi”. Các khóa huấn luyện vẫn tiếp tục được tổ chức miễn phí, cũng không cần đến một khoản chi phí nào dành cho các thiền sư hay nhân sự điều hành trung tâm.

---o0o---

Ayya Khema

Với đầu hớt tóc và áo cà sa màu vàng, Ayya Khema (“một phụ nữ sáng giá”) đến độ chín mùi, tính tình vừa nghiêm khắc pha lẫn ngọt ngào, toát ra là một con người đầy nghị lực và thâm tín tuyệt đối. Bà thường hay nói: “Nếu các bạn muốn đi đây đi kia và lại có phương tiện trong tay và không muốn mất thì giờ thì tại sao chúng ta lại không chú ý đến điều đó” đó là điều bà thường hay nói và cũng là điều bà luôn làm như thế. Nơi Ayya muốn vào là Niết Bàn, hay Nibbana, là từ Pali như bà thường hay sử dụng. Nibbana có nghĩa là, một nơi được giải thoát khỏi bùn lầy và chạm bẫy trong trí tưởng tượng của ta và tất cả những gì có liên quan. Nibbana cũng còn hàm ý sự bình an nội tâm tuyệt đối có được do thâm nhập vào tận chân lý của sự vật vô tận, không thể tránh khỏi và luôn biến đổi.

Ayya cho biết: “Vũ trụ luôn biến đổi liên tục, lại còn thu nhỏ lại và mở rộng liên miên. Trong cái nhịp điệu đó ta có thể trông cậy vào điều gì được đây? Có gì cố định để cho bạn bám víu vào? Bạn muốn cảm tình ngôi sao nào đây? Ngôi sao này liệu có khá hơn ngôi sao tiếp theo hay không? Tất cả đều chuyển động. Chẳng có gì bền vững cả”.

Ayya khẳng định, nếu giây phút nào bạn nhận ra điều đó chính là giây phút giải thoát và chính giây phút đó cũng chẳng phải quà tặng từ trời cao. “Nhu một chiếc áo khoác vàng ánh hạnh phúc”. Không phải vậy đâu, Ayya luôn khẳng định Niết Bàn chỉ được trao bạn do kết quả của công việc lao nhọc lâu dài và vất vả. “Cho tới khi vết nhơ cuối cùng do tội bất chính đã được gỡ bỏ”. Điều bà ám chỉ về “điều bất chính” là thèm khát và dính bén quá độ. Và chúng ta không thể rời bỏ chúng một giây phút nào cả. Khi hành động, chúng ta cần để tâm lưu ý đến chúng, “Chúng ta phải biết rõ những gì chúng ta đã làm để có thể nhắc đi nhắc lại nhiều lần”. Đây là một công việc không dễ dàng gì bà thường đề cập đến thường xuyên – một công việc khó khăn thuộc về ý thức. Bà cho biết: “Thiếu ý thức, những thực trạng bất hạnh sẽ sinh sôi nảy nở và cũng chính vì thế ta thấy rất ít người hạnh phúc, bà nhấn mạnh bằng chính những lời của bà khớp với những lời của nhà thông thái Ấn Độ Ramana Maharshi: “Hạnh phúc và bình an không phải được ban tặng ngay từ lúc mới sinh. Chỉ những ai cố gắng liên tục trong cuộc sống mới đạt được mà thôi”.

Ayya sinh tại Bá linh vào năm 1923 trong một gia đình Do Thái. Mười bốn tuổi Bà đã phải chạy trốn Phát Xít Đức sang Scotland và gặp lại cha mẹ tại Trung Quốc. Bà đã theo học trung học tại Scotland và đại học tại Thượng Hải, lập gia đình hai lần, có hai con và đã sống tại nhiều quốc gia khác kể cả Ấn Độ và Hoa Kỳ và vào năm 1964 bà di chuyển sang Úc. Kinh nghiệm đầu tiên về luyện tập tinh thần bà có được tại Sri Aurobindo Ashram, bang Pondicherry Ấn Độ. Nhưng cuối chính truyền thống Phật giáo Đại thừa đã thu hút bà mạnh mẽ và bà đã qua sống một thời gian tại Miền điện, Thái Lan và Sri Lanka, bà đã thọ giáo với một số thiền sư nổi tiếng. Năm 1978, tại Wiseman Ferry, NSW bà đã thành lập một tu viện trong rừng theo truyền thống Đại thừa mang tên Wat Buddha Dhamma, bà đã sống và thuyết pháp tại đó năm năm, trong thời gian đó bà còn đi chu du khắp nơi trên thế giới diễn thuyết về Phật pháp. Năm 1982 bà lại thành lập một Trung Tâm Thiền Viện Quốc Tế dành cho phụ nữ gần Colombo, Sri Lanka. Một trong những thiền sư quan trọng nhất của bà là Đại đức Nannarama Malia Thera trụ trì tại tu viện Mitirigala Forest. Bà được thượng tọa Narada Maha Thera xuất gia làm Ni Sư (nữ tu Phật giáo). Ông trụ trì tại Chùa Vajirarama tại Sri Lanka vào năm 1979.

Hiện nay bà cho biết, “Tôi không được rõ sự việc xảy vào thời điểm đó, nhưng quả thực đó là một điều tuyệt vời nhất tôi chưa từng bao giờ thực hiện được”. Giây phút tôi nhận áo cà sa và xuống tóc, tôi cảm thấy, “Ô hô! Sao mà tuyệt vời thế! một điều chưa từng xảy đến với tôi từ xưa đến giờ”. Nó ám chỉ việc loại bỏ toàn bộ những trở ngại cuối cùng để bà có thể sống trọn vẹn trong cái không gian tinh thần Phật pháp. “Đây là một loại chuyện tình không làm ai thất vọng cả. Một loại chuyện tình trong đó tình nhân không thể bỏ trốn hay đi theo một người nào khác... không tùy thuộc vào bất kỳ một con người hay chết, cũng như một con người không hoàn thiện nào”. Đây chính là một tương quan không đòi hỏi chúng ta phải được yêu. Mà chỉ yêu cầu chúng ta cố gắng quan sát, mở toàn bộ nhận thức của chúng ta ra để nhìn xem những gì đang xảy ra ngay tại đây trong chính cuộc sống chúng ta. Khi chúng ta nhìn thấy rõ ràng và toàn diện thì cuộc tình này sẽ xuất hiện”. Lòng nhiệt tình và nghị lực của Ayya trong những ngày này chủ yếu đang hướng tới Parappuduwa, một hòn đảo dành cho các nữ tu quốc tế bà thành lập tại Sri Lanka vào năm 1984. Tọa lạc ngay giữa một cái hồ tuyệt đẹp do chính quyền Phật giáo ban tặng. Các Phụ nữ trên khắp châu Âu, Á châu và nước Mỹ đã qui tụ đến đây trong một thời gian từ ba tháng đến một năm hoặc dài hơn để sống cuộc đời một nữ tỳ kheo. Họ có thể được xuất gia làm nữ tỳ kheo hay thực tập làm upasikas tuyên thệ tám luật giới. Tất cả các thành viên trong đoàn thể tuân giữ cùng một lịch trình mỗi ngày. Bắt đầu từ 4.00 sáng, hành thiền sáu tiếng mỗi ngày, làm việc, nghiên cứu kinh Phật, niệm Phật nghe những bài diễn thuyết về Phật pháp và tham gia thảo luận.

Mỗi ngày vào lúc 8.00 tối, sau giờ thiền ban chiều và tụng kinh, Ayya trình bày một bài nói chuyện về một vài khía cạnh trong những lời dạy của Đức Phật hay về cuộc sống trong đoàn thể. Một buổi tối nọ bà đề cập đến sự cố gắng đích thực, bà nói. “Chỉ có một thời điểm duy nhất tồn tại và đó là giây phút hiện tại. Tương lai không tồn tại. Điều đó tồn tại trong tưởng tượng của mỗi người... tất cả chỉ xuất hiện trong một ngày và nếu chúng ta không cố gắng, chúng ta đã lãng phí nguyên cả ngày đó. Nếu chúng ta để mất một ngày, chúng ta phải bị phạt vì đã để lãng phí một cuộc sống của một con người tốt”.

“Cố gắng sẽ được ban thưởng thích đáng. Chỉ cần ta cố gắng, tức khắc ta đã được ban thưởng ngay. Nếu chỉ có cố gắng hơn bình thường một chút, trí tuệ ta sẽ tăng trưởng thêm và nếu ta giữ cho trí tuệ tăng trưởng thêm liên tục, nó sẽ mở rộng ra. Và nếu như chúng ta vẫn tiếp tục cố gắng, cuối cùng thì trí tuệ sẽ mở rộng ra đến một mức độ không thể trở lại tình trạng cũ được nữa. Lúc đó trí tuệ trở thành uyển chuyển, dễ uốn nắn, trải rộng ra, trong đó ta có

thể thấy được toàn bộ hơn là chỉ một đốm nhỏ trong vũ trụ mà mỗi người chúng ta đang chiếm chỗ, chỉ bằng đầu một chiếc kim gút”.

Nhưng cố gắng phải liên tục và trường kỳ, bà nói tiếp. Và không phải điều chúng ta làm là quan trọng, mà chính là chúng ta làm điều đó ra sao. Nếu một việc làm được thực hiện với ý thức toàn tâm toàn lực và không kìm hãm bản ngã, lúc đó hành động như thế là đúng. Vào cuối ngày Ayya yêu cầu chúng tôi tự kiểm thảo lại mình: chúng ta đã cố gắng hơn ngày hôm trước chưa, hoặc chúng ta có lãng phí thời gian không? Nếu như thế, không có gì phê phán. Ngày hôm sau một cuộc sống mới bắt đầu. Mỗi ngày đều có sự phấn khởi, sự nhẹ nhàng và niềm vui riêng của nó. Một cuộc sống thánh thiện không thể chạy đều đặn mà không có niềm vui, tương tự men trong bột. Không có niềm vui thì cuộc sống thánh thiện cũng không thể đạt đến đỉnh cao. Vì thế cho nên hãy thưởng thức mỗi giây phút hiện tại đặc biệt là hãy cố gắng thực sự”.

Một buổi chiều khác bà nói về trí tuệ để đạt đến điều không thể đạt đến được. Vũ trụ đầy đầy những tiềm năng khả thi về điều này chúng ta không được hiểu đại khái qua loa. Bà cho biết, không có tìm hiểu thấu đáo những tiềm năng này, thì chúng ta đã tự giới hạn mình lại. Nhưng trong lòng và trí tuệ ta vẫn tồn tại một kiến thức bẩm sinh nhiều hơn. “Thế nên tại sao lại không lưu ý một chút đến trái tim và trí tuệ của ta? Hãy quan tâm đến chúng một chút nữa đi hãy quan sát chúng kỹ xem, đối xử với chúng như một viên ngọc quý. Bọc kỹ trong hộp với sợi len bông. Như thể một viên ngọc thật giá trị, không để cho nó bị va chạm trầy xước. Một trí tuệ bẩm sinh không thể ngồi thiền được”. Bà tiếp tục, “Trí tuệ chúng ta được ví như trí tuệ trẻ thơ. Chúng cần phải được bảo bọc cẩn thận” và bà cho biết chúng ta là người bảo vệ và chăm sóc cho trí tuệ của ta. Chúng ta cần vun trồng những hạt giống tốt, những trạng thái trí tuệ tích cực. Chúng ta cũng cần phải phát hiện ra rằng trí tuệ bình thường không có chỗ trong phòng thiền. “Trí tuệ bình thường phải được bỏ lại bên ngoài phòng thiền, trên gối nệm ngồi thiền cần phải ý thức được là “Điều không thể thực hiện được lại chính là điều thực hiện được”.

“Không được bỏ qua điều gì cả. Chẳng ai có điều gì để mà bỏ đi. Các bạn phải để mọi sự diễn tiến bình thường”. Ayya khuyên như chúng ta như thế. “Trí tuệ được đem đến phòng thiền phải còn nguyên vẹn, như một đứa trẻ. Bạn chỉ cần ngồi xuống và thực hiện thôi”. Bạn cần phải cởi mở hoàn toàn và thâm tín rằng bạn có thể làm được như thế, giống một đứa trẻ hoàn toàn tin tưởng, không chút nghi ngờ hoặc khả nghi điều gì cả. “Phải có sự tin tưởng như trẻ thơ tin vào những điều bất khả thi”. Tài khéo không thể làm gì được, chỉ tỏ làm rối tung tư tưởng và trí tuệ và tất cả những điều đó cần

được tổng khứ ngay. Không có chỗ dành cho giáo lý của Đức Phật nếu còn bất kỳ điều gì đó rối bời trong trí tuệ. “Chúng ta có thể am tường bất kể bài thuyết pháp nào của Đức Phật và vẫn không có gì lạ xảy ra. Trí tuệ cần được phân tán rộng thêm đến độ chúng ta có thể am tường được sự hiện hữu phổ quát. Và rồi cả thực tế tương đối nữa. Trong đó chúng ta đang sống sẽ không để lại một dấu ấn nào sót lại”.

Ayya thường nói là toàn bộ cuộc sống tinh thần là một qui trình tự nhiên diễn ra, một qui trình quan sát điều gì xảy ra nơi bản thân ta và để cho nó tự diễn tiến. Quan sát và để diễn tiến tự nhiên, “Không còn sự lựa chọn nào khác. Điều đó sẽ dễ dàng hơn khi không còn có một lựa chọn nào khác. Nếu sự bình yên là mục tiêu chúng ta nhắm tới, thì từ bỏ là phương tiện để thực hiện mục tiêu đó”. Thế nên hãy dẹp bỏ đi bất kỳ những gì chúng ta đang bám víu vào. Và hãy để ý đến tính vô thường trong vạn vật. Để được hưởng một giây phút tự do, hãy dẹp bỏ tất cả những vắn vương trong đầu. Chúng ta không cần phải lo lắng điều gì sẽ xảy đến sau cái chết, điều cần thiết chỉ là giây phút hiện tại và trong giờ hấp hối. “Điều này chúng ta có thể thực hiện được bằng cách kinh nghiệm qua thực tế. Nếu như chúng ta để cho mọi sự tự rơi rụng và dẹp bỏ dần dần. Mỗi ngày, một điều nhỏ mọn... toàn bộ cuộc sống này được nhắm tới để thâm nhập vào trí tuệ. Mỗi ngày là toàn bộ cuộc sống của chúng ta”.

Mùa Đông năm 2000

Ayya Khema viên tịch ngày 2 tháng 11 năm 1997. Sau khi đã trải qua căn bệnh ung thư vú mười bốn năm. Bà không tiết lộ cho ai biết bệnh tật của bà cho đến khi phải thực hiện giải phẫu vào năm 1993, khi đó sự đau đớn đã ảnh hưởng đến công việc thuyết pháp của bà. Bên vú phải đã bị cắt bỏ. “Thực sự là cuộc đại phẫu thuật”. Người kế nghiệp Phật pháp của bà, ngài thượng tọa Nyanabodhi đã viết cho tôi khi còn ở nước Đức, “Nhưng bà đã bình phục và tiếp tục cống hiến cho chúng tôi thêm bốn năm nữa, rất có thể là bốn năm độc đáo nhất của đời bà”.

Vào năm 1989, nhiều năm sau khi tôi được gặp bà, Ayya đã thiết lập được Buddha Haus tại một vùng đồng nội bên Đức miền Nam Munich. Trước đó nơi này là một nông trại, chỉ trong một thời gian ngắn đã được biến thành một trung tâm dành cho các cuộc hội nghị và tổ chức các khóa huấn luyện thiền. Tại đây, hàng ngàn thiền sinh đã được nghe giọng nói rõ ràng, có một không hai của bà đang làm sáng tỏ cái tâm của Phật pháp. Nyanabodhi cho biết tiếp: “Bà đã truyền đạt toàn bộ Phật pháp, không chỉ thuộc phạm vi trực giác, phân động tính (male) của Phật pháp mà còn cả phần tĩnh nữ (female). Và điều này quả là vô cùng khác thường ở tại thế giới Phật giáo Tây

phương”. Được thiền sư của bà động viên, ngài thượng tọa Nannarama Mahathera đã nói với bà, “Hãy sang Phương Tây và giảng đấng Jhanas”. Ayya thực tế đã bắt đầu giảng cách hành thiền một cách chính xác với nhiều chi tiết chưa hề được nghe thấy bao giờ tại Phương Tây”.

Tính chất thiên tài của một vị thiền sư nơi bà được thể hiện nơi khả năng diễn đạt bản chất giáo lý Phật giáo bằng văn xuôi đơn giản và thực tế”. Theo lời Sandy Boucher viết trong lời tựa cuốn tiểu sử tự thuật về Ayya vừa mới xuất bản mang tựa đề (*I give you my life*, Nhà xuất bản Shabhala, 1998) “Bà đã thuyết giảng mà không cần ghi chép hay nguồn tài liệu nào cả. Diễn giải thường xuyên theo các Kinh Phật, thuyết pháp rõ ràng minh bạch và mạnh mẽ, mắt nhìn chinh phục toàn bộ cử tọa”.

Thuyết pháp của bà về Jhanas “là phần gây ngạc nhiên bất ngờ và cũng gồm nhiều khía cạnh gây tranh luận nhất”. Leigh Nbrasington, một thiền sinh người Mỹ theo bà trong nhiều năm và là một trong số rất nhiều thiền sinh bà đã cho phép thuyết pháp trước khi bà mất đã cho tôi hay “Hình như tôi là người Mỹ duy nhất dám cả gan thử giảng về Jhanas”. Chỉ trong những lần phỏng vấn riêng lẻ những thông tin chi tiết về cách thức chèo lái những hiện trạng cậu ta cho hay, “Ayya đã nghe chúng tôi mô tả điều gì đã diễn ra trong suốt cuộc ngồi thiền và chỉ rõ điều gì có lợi và điều gì là tận số hoặc nghị lực lãng phí”.

(Trong một cuộc đàm đạo về Jhanas với các nhà biên tập cuốn *Inquiring Mind*, xuất bản vào mùa hè năm 1996, người ta đã hỏi Ayya Khema về những khuynh hướng thường được nghe ngược lại với (absorption) có liên quan đến “xuất thần” hoặc “thôi miên” Ayya Khema trả lời trong cách Absorption chúng ta không chiếu rọi bản ngã chúng ta vào thực tế. Chúng ta chỉ ném thử được một chút kinh nghiệm về sự trống rỗng nơi bản ngã... Và chỉ có một cách duy nhất chúng ta được giác ngộ chính là khi chúng ta cảm thấy hay kinh nghiệm thấy được không có ai ở tại nhà cả”).

Theo lời Leigh Brasington Ayya “Thực sự có khí thế rất riêng của bà”, trong những khóa huấn luyện dài một tháng hay hơn, bà bắt đầu hướng dẫn kể từ năm 1989. “Bà có thể triển khai một Kinh Phật và cắt nghĩa rất cặn kẽ. Tỷ dụ, tháng Bảy năm 1991, bà đã bỏ ra hai mươi lăm ngày để triển khai chỉ có một câu kinh Phật lẽ ra chỉ cần khoảng một tiếng đồng hồ để quảng diễn. Vì bà cho rằng đó là một trong những kinh điển quan trọng nhất trong toàn bộ luật giới Phật giáo.

“Các khóa huấn luyện dài ngày này cũng rất tuyệt vời” Leigh nói tiếp: “Trong đó chúng tôi có thể thực hiện được các cuộc phỏng vấn dài hơn và thường xuyên hơn với Ayya, chúng tôi có thể gặp trực tiếp và vào các ngày

thứ tư và thứ năm trong khóa huấn luyện trong khoảng bốn mươi lăm phút. Và trong những lần gặp gỡ như thế thì thuyết pháp thực sự của bà được bày tỏ rõ nét nhất. Bà rất quan tâm đến những khó khăn tâm lý của chúng tôi. Điều thắc mắc duy nhất của bà là, “Hãy cho tôi biết về việc luyện tập thiền của các bạn”

Tháng năm năm 1994. Leigh ghi lại khóa huấn luyện hai mươi lăm ngày tại Santa Cruz, bang California. Khi ông có mặt, ông được báo đến gặp Ayya ngay. Ông rất xúc động nhận ra những thiệt hại bệnh ung thư đã ảnh hưởng đến sức khỏe của bà như thế nào. Và được biết bà không thể thực hiện được tất cả các cuộc phỏng vấn và bà yêu cầu ông thực hiện một vài việc cho bà, “Khóa huấn luyện này bà Ayya đã dạy tôi để trở thành một thiền sư”. Ông cho biết, một kinh nghiệm khó khăn nhưng rất tuyệt vời. Cũng trong khóa huấn luyện này Ayya đã quyết định không trở lại Hoa kỳ nữa. “Bà quá mệt mỏi vì quan tâm đến qui trình tâm lý của chúng tôi”. Sau này ông còn đề cập đến và vẫn còn một khóa huấn luyện cuối cùng tại Mỹ vào tháng bảy năm 1996 tại Green Gulch Farm, Muir Beach, bang California Leigh và một thiền sinh lâu năm của bà đã thực hiện tất cả các cuộc phỏng vấn và cho dù sức khỏe của bà đã suy sụp hoàn toàn, các cuộc thuyết pháp của bà vẫn mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

“Tôi đến thăm bà tại Đức ba tuần trước khi bà mất, Ông Leigh cho tôi biết, “Bà thực sự rất đau đớn nhưng không bao giờ nói ra. Toàn bộ thái độ của bà chỉ là, “Vâng, toàn bộ sức lực của tôi đã cạn kiệt, đã đến giờ tôi phải ra đi”. Bà không hề có mảy may bận tâm đến cái chết. Tâm trí của bà vẫn còn minh mẫn một cách lạ lùng. Đây là một cuộc viếng thăm thật vui vẻ lạc quan mặc dù tôi dự biết là sẽ chẳng bao giờ gặp lại bà nữa.

Điều quan trọng nhất, Leigh nhớ lại tính trong sáng rõ ràng của Ayya đặc biệt là sự nhân mạnh của bà về việc luyện tập lòng nhân ái (metta). Tại các khóa huấn luyện bà đã hướng dẫn các cuộc thiền với đề tài lòng nhân ái (Metta) rất tuyệt vời vào mỗi buổi tối. Bà tin rằng không có lòng nhân ái thì sự tiến triển thực sự trên đường thiền liêng gặp rất nhiều khó khăn.

Một tuần trước khi qua đời, Ayya đã thành lập một dòng tu tại tu viện Western Forest và xuất gia một phụ nữ đầu tiên bằng tiếng Đức và tiếng Pali. Theo Đức Phật đã nói cách đây rất lâu, Phật pháp sẽ chỉ bén rễ sâu tại quốc gia nào khi những người dân tại đó được xuất gia bằng tiếng bản xứ của họ.

Trong cuộc sống của bà, Ayya đã viết được hơn hai mươi đầu sách. (và nhiều cuốn khác vẫn còn được viết) và phát hành hơn một trăm băng những bài nói chuyện về Phật pháp bằng tiếng Đức và hàng ngàn băng bằng tiếng

Anh. Trong các bài nói chuyện, theo Nyanaboldhi cho biết, Ayya đã trình bày mục đích cuối cùng nhìn từ nhiều góc độ, gồm cả những chi tiết chúng ta mong muốn đạt được. Trích ra từ sức mạnh của chính kinh nghiệm của bà”. Trong chương cuối cuốn tự truyện, Ayya đã viết một cách rất có ý nghĩa như sau: “Đối với tôi chết là điều đương nhiên. Tôi đang sửa soạn để biến mất”. Không còn ý định nào muốn tiếp tục hiện hữu như một bản ngã riêng biệt. Bà đã sẵn sàng không để cho điều gì xảy ra nữa. Và để cho mình tự trôi vào chốn bình an tuyệt đối tại Niết Bàn. Bà đã viết, “Đó là điều hấp dẫn lớn lao cuối cùng”

---o0o---

[13] - **Thiền sư Tsering Everest & Joanna Macy Tsering Everest**

Trong căn phòng lộng lẫy nhìn xuống một khoảng không bao la thuộc vịnh San Francisco, trên tường treo nhiều bức tranh Đông Phương tuyệt đẹp, sàn nhà được trải thảm quý, những bình hoa thật dễ thương cắm đầy hoa tươi càng làm cho căn phòng thêm rực rỡ. Một người đàn ông mặt sần sùi, đội một chiếc mũ cắm lông chim ở phía sau, ông bận chiếc váy Clubba bằng cotton đỏ nhạt (một loại váy dài của phụ nữ và nam giới Tây Tạng vẫn thường mặc), ông đang ngồi xếp bằng trên một trường kỷ màu sét gụ quay mặt vào căn phòng rộng và yên tĩnh. Mắt nhắm nghiền và đôi môi mấp máy lời kinh Mantra tay ông đang mân mê cỗ tràng hạt. Ông quay nhìn từ từ về phía chỗ ngồi thấp rồi lên chiếc ghế gỗ cách đó vài bộ, một người phụ nữ trẻ, tuổi khoảng độ ba lăm đang ngồi bất động, một cuốn sách bìa bằng da to tướng đặt trên đùi. Vẻ mặt tươi cười với cặp mắt xanh nâu, lọn tóc nâu kẹp sau gáy, trước trán gắn một chiếc trâm to bằng cây đũa. Rất đông người ngồi chật cả căn phòng, họ đang ngồi thiền, đùi tựa trên gối nệm thiền hoặc quay mặt vào tường. Họ đang yên lặng chờ đợi hay râm rì nói chuyện nhẹ nhàng với nhau. Họ đến để nghe người đàn ông ngồi trên trường kỷ giảng giải Phật pháp – người đàn ông đó là một vị Thầy Pháp (Lama) Tây Tạng - Ngài Đại đức Chagdud Tulku Rinpoche.

Khi ông mở mắt ra, đặt cỗ tràng hạt trên nệm thiền gần đó và mỉm cười nhỏ nhẹ, ông liếc nhìn sang người đàn bà ngồi kế bên – một cái nhìn thật tin cẩn và thông cảm, được thử thách qua thời gian và tôi luyện bằng tính khí khô hòi. Càng về chiều, ấn tượng đầu tiên này lại càng in đậm nét. Tất cả mọi người hiện diện trong căn phòng đều chứng kiến một sự cộng tác tuyệt vời giữa thiền sư với thiền sinh đó, với giọng nói mang sắc thái ngậm thơ, bà đã truyền đạt lại những tín lý Phật giáo Tây Tạng cổ xưa thâm sâu và nhiệt tình cho cử tọa gồm toàn người Mỹ hỗn tạp.

Chagdud Rinpoche nói Tiếng Anh rất ít và những gì ông nói mọi người đều hiểu hết. Nhưng thiền sinh Tsering Everest của ông đã hiểu chính xác từng lời nói của ông. Bà còn hiểu nhiều hơn cả những gì ông muốn nói. Với tình bạn đã lâu và sự hòa hợp tuyệt vời đó, bà đã hiểu được toàn mạch văn, ý tứ và cả tinh thần đằng sau lời nói của ông. Và bà đã diễn đạt những gì ông nói bằng một giọng văn rõ ràng tự nhiên và xúc tích. Khi Đại sư Chagdud Rinpoche diễn giải, bà ghi chép vào cuốn sách to tương để trên đùi (cho dù sau đó phải dịch lại, bà rất ít khi phải nhìn vào những gì đã ghi chép). Đôi khi bà cắt ngang lời nói của Đại sư để xin giải thích rõ thêm. Bà tập trung tư tưởng cao độ, không chao đảo và hoàn toàn thoải mái. Thỉnh thoảng Chagdud cũng pha trò về một số câu hỏi bà đã đặt ra, ngược lại đôi khi bà cũng tiết lộ một vài chi tiết hài hước, châm biếm về thiền sư của mình. Bầu khí phòng thiền tràn ngập tình nhân ái, vui tươi và với lòng nhiệt tình tuyệt đối để truyền đạt Phật pháp vì lợi ích cho toàn thể chúng sanh.

Tsering có nghĩa là “trường thọ”. Tên đó được ngài Đại đức Dudjom Rinpoche ban tặng, khi bà đến tiếp xúc với Phật giáo Tây Tạng lần đầu tiên vào năm 1979 tại Ashland, bang Oregon; lúc đó bà mới hai mươi lăm tuổi – một bà mẹ độc thân sinh sống và lớn lên tại Helena, Montana, bà đã lập gia đình tại đó lúc mới mười chín tuổi, rồi ly dị và chuyển đến sinh sống tại California sau năm năm chung sống. Bà cho tôi biết, trong quãng đời niên thiếu bà đã có được một đức tin tự nhiên sâu xa và có cảm nhận về một chân lý chung cuộc, nhưng điều đó thật chóng qua. Vị thiền sư đầu tiên bà gặp là một vị cao niên tên là Rosicrucian, chủ nhân một tiệm sách cũ tại Los Angeles, chính ông đã chỉ vẽ cho bà đọc và khuyên bà đừng bao giờ tiếp cận “Guru-shop”. Sau đó ít lâu bà chuyển đến Oregon có hai bà chị đang sống ở đó, bà đã tìm hiểu một số lời dạy bí truyền, kể cả chiêm tinh học. Nhưng đã sớm nhận ra đó “không phải điểm cơ bản bà cần nắm” và bà cần phải tìm được một ông thầy cho mình. Bà thực sự không biết phải kêu cầu đến ai và chỉ biết cầu khẩn với vũ trụ bao la – lạ lùng thay khoảng độ một tuần sau bà được mời tham dự một cuộc diễn thuyết “do một chàng trai trẻ có giọng nói Anglê. Bà cho biết, “Tôi không biết anh ta là một Phật tử, Tôi cũng chẳng hay chàng trai đó là người Tây Tạng”.

Chàng trai đề cập đến thực tại tuyệt đối. – làm sao có thể cảm nghiệm, xem thấy, sờ mó và cảm nhận được thực tại đó. Ngay từ đáy lòng bà đã nhận ra được cái chân lý đã từng một lần am hiểu. “Cả cuộc đời tôi là một quá trình phấn đấu liên tục để tìm kiếm điều gì đó chính xác tuyệt đối, điều gì đó để có thể dốc toàn tâm toàn lực vào đó”. Bà cảm thấy như bị thôi thúc để khám phá ra toàn bộ những gì có thể làm đối với cái chân lý tuyệt đối đó và như bị ép buộc phải thắc mắc ai sẽ là người thầy dạy cho mình đây. Tuy

nhiên vẫn không làm thế nào thu thập được thông tin cơ bản cái tôn giáo (Phật giáo) bà đã có dịp tiếp cận, sau này bà được biết thiền sư cho bà là ngài Đại Đức Diudjom Rinpoche và ông sẽ hướng dẫn một khóa khai tâm về Phật giáo tại Ashland, bang Oregon. Và không chậm trễ, bà đã có mặt ngay tại đó. Trên ngai cao, “Một ông già tuyệt vời đang ngồi”. Nhờ một thông dịch viên ông già tuyên bố, hễ ai muốn ăn mày cửa Phật thì ở lại, bằng không làm ơn rời khỏi căn phòng này.

“Tôi hoàn toàn bị choáng ngợp”. Cho đến giờ phút này bà vẫn tưởng tượng Phật giáo chỉ là một vài việc thờ cúng nhằm nhí và với những chú bò chạy khắp đường phố Ấn-độ. Nhưng bà đã nhận ra nếu như những gì bà cảm nhận được trong mấy ngày qua là hiện thực, thì những ý nghĩ xưa nay bà suy nghĩ đều không chính xác. “Tôi đang đứng trước ngưỡng cửa trở thành Phật tử. Làm sao có thể sống “kiểu đó được đây”. “Tôi phải thực hiện cho kỳ được. Và thế là không chút do dự tôi đã dấn sâu vào Phật giáo kể từ đó”.

Chính cái ngày khai tâm nhập Phật giáo, lần đầu tiên bà đã được gặp Lama Chagud Rinpoche. Ông ta đang giúp việc tại Chùa, mang theo nhang và một cái tô khát thực. Đối với bà ông ta rất mạnh khỏe. Bà suy nghĩ, “Chẳng lẽ ông lại là một thầy Yoga?”. Ngay ngày hôm sau bà nói với Dudjon Rinpoche, bà thực sự muốn tìm hiểu nghiêm túc và bà đã yêu cầu Đại sư phái một thiền sư đến vùng Eugene nơi bà đang cư ngụ. Đáp lại, ngài Đại sư Dudjon Rinpoche yêu cầu Chagdud Rinpoche muốn làm Lama (Tu sĩ Phật giáo) đến cư trú tại đoàn thể mới được thành lập tại Eugene hay không. Và Chagdud Rinpoche đã vui vẻ nhận lời.

Một ít người tham gia buổi khai tâm nhập Phật giáo đó hiện vẫn còn là đệ tử của thiền sư Chagdud Rinpoche cho đến nay. Và rất nhiều thiền sinh khác từ khắp nơi trên thế giới cũng đã nhập bọn với họ trong nhiều năm ngay tại thiền viện Corgage Grove, bang Oregon. Tsering tái giá trở lại vào năm 1982 và sinh được một cậu con trai, Joseph, hiện nay đã mười tuổi.

Khi tôi hỏi thăm mối tương quan khá đặc biệt của bà với thiền sư và sự trong sáng trong mối tương quan này, bà cho biết: “Lúc đầu, tôi hoàn toàn ngưỡng mộ những gì ông thuyết giảng. Tôi ngưỡng mộ cái bản chất và Phật pháp ông đang truyền đạt. Nó đã trở thành huyết mạch trong tôi. Vì thế cho nên từ chỗ tôi ngưỡng mộ ông. Tôi không thấy khó khăn gì trong giao tiếp cả. Thoạt tiên hầu như chỉ có vấn đề trong khi nghe ông nói. Ông không nói được tiếng Anh, còn tôi thì muốn biết mọi sự. Ông khoanh tay hoặc chỉ cười một cách nào đó và tôi thì nhìn vào mà đoán ra ông muốn nói gì. Hiện giờ lại dùng đến hình ảnh. Ông là một họa sĩ vẽ bằng chữ. Như thể là một haiku.

Tiếng Anh của ông cũng giống như là haiku. Nếu các bạn nhận ra hình ảnh bằng chữ như thế, các bạn có thể hiểu được ý nghĩa”.

“Đêm qua hình ảnh gợi cho tôi biết là thầy đang dọn thăm có phải không”.

“Chính xác, thật chính xác. Ông chấm một lằn xuống và tôi đoán ra toàn bộ bức hình ra sao. Rồi tôi thêm vào các chi tiết và vẽ nốt phần còn lại. Điều đó khiến tôi thật sung sướng. Chỉ cần cái chấm trên trang giấy đó đã hàm chứa toàn bộ ý nghĩa ông muốn diễn đạt. Thế nên nếu như tôi có thể làm cho nhiều người hiểu được hình ảnh đó, thật là hạnh phúc cho tôi biết bao”.

“Bà có thể thực hiện điều đó ngay từ đầu không? Bà đã gợi ý cho ông về công việc dọn thăm đấy chứ?”

“Tôi nghĩ là đã kích hoạt được những gì ông giảng. Vì ông dự biết tôi muốn biết điều đó”. bạn thúc và rồi sẽ thấy đó xuất hiện. Và rồi điều còn lại chỉ là đoán ra ý nghĩa. Trong nhiều năm tôi đã thúc ông từng chút ít một và tôi nắm được ý nghĩa điều đó. Vấn đề là cần thực hiện như vậy trong một thời gian dài”.

“Như vậy bà chưa bao giờ biết người Tây Tạng và chưa bao giờ nói tiếng của họ chứ?”

“Chưa, nhưng ông dùng thông ngôn trong một thời gian ngắn. Và tương tự như là một con đập bị vỡ tung. Cuối cùng Rinpoche đã nói được tiếng Anh và những lời thuyết pháp của ông thật là tuyệt. Ông đã có thể nói tám tiếng đồng hồ liên tiếp. Tôi cảm thấy ớn lạnh, nhưng ông đã mang lại cho tôi tất cả những chi tiết tôi cần”.

“Đến nay bà đã phải nghe lại nhiều lần phải không? Nhưng theo chỗ tôi hiểu, những điều đó hoàn toàn mới lạ đối với tôi. Như thể là lần đầu tiên được nghe thấy vậy”.

“Điều đó đã nằm sẵn trong đầu tôi, như hơi thở mới tinh. Tôi cố dùng lại chính xác ở điểm tôi cần phải nghe. Đó là điều gì tôi để vượt mắt và cần phải biết. Thế rồi điều mới mẻ sẽ tới, trở thành hiện thực và cũng chính là điều tôi có thể truyền đạt cho người khác và cũng rất có ý nghĩa đối với tôi”.

“Không phải là học theo nghĩa thu thập kiến thức, nhưng để kiến thức trở thành sống động và coi kiến thức đó như chính cuộc sống của bạn vậy.

“Điều đó thật chính xác và là toàn bộ vấn đề. Tương tự như hơi thở tôi hít vào và thở ra”.

“Thế còn điều gì khác bạn muốn làm hay không?”

“Không đâu, tôi không muốn thực hiện bất kỳ điều gì khác nữa, tôi không có tham vọng nào hết. Đây là điều tôi hằng cầu nguyện rất nhiều mới có được. Đôi khi thật khó khăn đối với gia đình tôi. Tôi thường xuyên phải xa nhà và đôi khi thật là khó với tôi nữa – lúc nào cũng phải di chuyển khăn trương. Lúc nào cũng phải hiện diện trong nhiều phòng thiền khác nhau, thay đổi xe hơi, thay đổi xe lửa tại ga khác nhau. Mọi sự lúc nào cũng thay đổi liên tục. Nhiều người mới tới tham gia, nhiều địa phương mới mở điểm. Nhưng ích lợi thật khôn lường vì ngài Ripoché đã sống chân lý đó. Lúc nào ông cũng làm gương cho tôi phải sống chân lý ấy ra sao. Tất cả chúng tôi đều chao đảo trong việc luyện tập. Nhưng ông tỏ ra kiên trì liên tục, không phải ngừng lại mà cũng không cần bắt đầu bao giờ. Đặc tính đó lan tỏa khắp nơi, kéo dài thường xuyên, không có điểm xuất phát, không có điểm sau cùng, thêm vào đó ông còn thúc đẩy tôi. Vâng đúng vậy, ông thúc tôi liên tục lúc tôi tỏ vẻ lười biếng, khi tôi muốn ra bãi biển để tắm.

“Bà không thấy phiền chút nào sao?”

“Có chứ, nhưng điều đó không kéo dài, vì những gì tôi thực sự mong muốn cũng chính là điều ông đang tìm cách giúp tôi thực hiện vậy”.

“Bà có lúc nào cảm thấy cần phải được yên ổn để thư giãn đôi chút không?”

“Như xem phim chẳng hạn? Ồ, ông cảm thấy mất thời giờ và tốn tiền vô ích. Nhưng tôi vẫn cứ đi. Tôi muốn tiếp xúc trực tiếp với thực tế. Nhưng còn có nhiều điều khác cần phải học hỏi. Tôi thường suy nghĩ, “Chớ gì tôi nắm được điều đó thì rồi tôi có thể làm sụp đổ và xây dựng lại. Nhưng đó là ý tưởng khiến tôi kiệt sức. Thấp lên là thấp lên, không khác gì tắt đi. Tôi đã chăm chú kiểm điểm lại nội tâm trong nhiều năm. Và tôi nhận ra chất lượng luyện tập thật sự là một thực tế tích cực chứ không phải tiêu cực. Mặt trời không thể quyết định tắt ngúm được hay ngưng nghỉ chút ít. Thế nên điều tôi phải làm thực sự là chỉ cần tiếp tục mà thôi. Nếu bạn có thể, thì bạn đâu có thể bị kiệt sức”.

“Dẫu sao cũng cần phải nghỉ ngơi thư giãn đôi chút phải không”,.

“Vâng, đúng vậy. Đôi khi có người đề nghị với Rinpoche đi nghỉ ngơi một thời gian. Nhưng đối với ông điều đó có nghĩa là mất đi vài ba ngày và không ai hiểu được ý nghĩa Hữu Thể là gì cả”.

“Bà có cho đây là vật thể duy nhất mà Phật pháp đã truyền tới cho hai người có phải không? Tôi thấy hình như có điều gì đó giữa hai người, mà chỉ có sự kết hợp giữa hai người mới có thể thực hiện được”.

“Tôi ủng hộ những gì ông đang làm và rồi tôi có được sức mạnh để thực hiện những gì tôi đang chủ trương. Tôi truyền tải ý nghĩa ông muốn diễn đạt.

Trước tiên tôi khơi dậy ý nghĩa đó trong tôi và rồi lan tỏa ra bên ngoài, dùng bất kỳ từ nào tôi có thể hiểu được. Tôi dư sức thực hiện điều này chỉ vì có sự hiện diện của ông mà thôi. Và sự thể hiện rộng rãi nơi tôi chính ông đã ban tặng cho. Tôi thực sự tận dụng được hầu hết những gì ông truyền đạt bằng cách nhận ra nơi ông như là nguồn mạch Phật pháp. Tôi càng giúp ông thể hiện điều đó, tôi lại càng tận dụng được và tự động viên mình và thấy mình tiến triển thêm. Điều giúp ích cho tôi nhiều nhất đó là coi ông như là một Đức Phật, một tấm gương sống động, tôi đang nghe theo, thâm nhuần và phục vụ. Lý do ông thể hiện bản chất Đức Phật không có nghĩa là trong tôi không có bản chất đó, hoặc giả bản chất Phật không hiện hữu trong tôi. Điều đó chứng tỏ nguyên lý nhị nguyên nơi mỗi chúng ta”.

“Và khi chúng ta không nhận ra thì sao?”

“Khi đó chẳng còn gì để bàn nữa”.

Mùa Đông năm 2000

Có đôi lúc đôi với tôi bất kịp được Lama Tsering là điều thật khó khăn. Bà di chuyển liên tục và rất nhanh – Từ bang Oregon đến Arizona sang Brasil rẽ qua El Salvador rồi quay lại Brazil – đến nỗi chúng tôi lạc nhau trên đường đi. Cuối cùng tôi phải dùng thư điện tử để liên lạc với chồng bà, ông David Everest, cũng là một đạo sĩ. Ông đã cung cấp cho tôi rất nhiều chi tiết về cuộc sống của vợ ông. Kể từ khi tôi gặp bà lần cuối. Tsering tiếp tục làm thông dịch viên cho ngài Chagdud Rinpoche từ năm 1981 đến năm 1991. Nhân kỷ niệm sinh nhật của bà vào ngày 01 tháng 09 năm 1990, Chagdud Rinpoche đề nghị bà sửa soạn tham dự một khóa huấn luyện truyền thống trong ba năm. Thế là Tsering cùng với chồng và con trai lại phải di chuyển từ bang Oregon đến cư ngụ tại California, họ bắt đầu xây dựng một trung tâm huấn luyện thiền tại Trinity Alps. Họ đã dọn dẹp một phía căn nhà họ đang ở, với sự hỗ trợ của đoàn thể Sangha, họ đã hoàn tất đủ các tiện nghi để Tsering bắt đầu cuộc huấn luyện vào ngày 11 tháng 7 năm 1991 (nhằm đúng ngày nhật thực). Khi khóa huấn luyện được tiến hành, công việc xây dựng vẫn được tiếp tục. Vì thế bà thường xuyên ngồi thiền giữa tiếng búa bổ cộng với tiếng xe ủi đất gầm vang. Trong thời gian này gia đình vẫn đến thăm bà, còn Rinpoche thường xuyên lui tới để thuyết pháp tại đó. Ông cũng đề nghị bà bắt đầu thuyết pháp trước khi khóa huấn luyện kết thúc. Như thế bà đã bắt đầu giảng đàn sau một bức rèm che qua hệ thống âm thanh để cho mọi người có thể nghe. Vào tháng 12 năm 1994, Rinpoche đến trễ vì tại Napa Valley bị lụt và ông yêu cầu Tsering kéo dài khóa huấn luyện thêm một tháng nữa. Thế là bà đã nhanh chóng sử dụng một hệ thống âm thanh có công suất lớn hơn và những người tham gia khóa huấn luyện, theo như

David cho biết nhiều người chưa từng nhìn thấy Tsering bao giờ, đã bị say đắm do tiếng nói và lòng chân thực của bà. Bất kỳ ai nghe Tsering thuyết pháp đều hiểu được những gì bà đang truyền đạt. Trong số đó có một ông người Brazil tên là Manoel Vidal, một luật sư sống tại thành phố San Paolo, vì quá cảm kích với thuyết pháp của bà, đã đề nghị bà sang Brazil để thực hiện một chuyến hoằng pháp tại đó – và chính ông đã tài trợ kinh phí và thông ngôn cho bà. Thế nên khi khóa huấn luyện kết thúc vào tháng hai năm 1995, Tsering đã được nhận nhiệm vụ mới. Rinpoche đưa cho bà một chiếc va-li và nói “Thầy, con, một va-li lên đường” Ông coi bà như là một Tara mới, một người nắm quyền dòng dõi Red Tara và xuất gia cho bà vào ngày 02 tháng 03 năm 1995.

Hiện giờ Tsering phải điều hành ba trung tâm thiền: Odsal Ling, tại thành phố Sao Paulo (chỗ ở chính của bà) Dorje Ling tại Curitiba Brazil và Mingyur Ling tại Ashland, bang Oregon. Cho dù bà di chuyển rất nhiều trên đất nước này cũng như khắp nơi trên thế giới, trọng tâm chính công việc của bà hiện nay là tập trung vào thuyết pháp tại Brazil.

Cuối cùng tôi và Tsering cũng đã gặp lại nhau qua điện thoại khi bà trở lại California vào tháng 12 năm 1998. Giọng nói của bà vẫn sang sảng và vang dội như những ngày còn trẻ trung như những ngày trước khi xuất gia cũng như nhận lãnh nhiệm vụ như hiện nay. Bà cho biết, “Bất luận vì lý do gì, hay bất kể điều gì sẽ xảy ra bà không có ý định quay trở lại California”. Hiện nay bà đang sống tại một quốc gia xa lạ và có nền văn hóa khác xa với những gì tại quê nhà, ngay tại “giây phút đầu tiên” để thuyết pháp cho những người mới gia nhập Phật pháp, đối với họ bà cảm thấy “như đã gặp nhau và quen biết”. Bà cho biết, “Tôi đã đến đây, đã thực hiện Phật pháp - chỉ có điều ở một cương vị khác. Trước kia, tôi ngồi nghe thuyết pháp; hiện nay tôi giữ vai trò thuyết giảng.

Kinh nghiệm Phật pháp hầu như vượt không gian và thời gian đến với một quốc gia hoàn toàn mới lạ. Vẫn y hệt những người đã tập trung lại tại nước Mỹ, hiện nay họ lại qui tụ lại bên Brazil. Những người có quan hệ trực tiếp với Phật pháp đã đến gặp lại các thiền sư và lắng nghe họ thuyết pháp. Những con người với tâm lòng và nhân cách thể hiện tình thương và nhân hậu để làm cho người khác được giác ngộ”.

“Tôi có thể tưởng tượng điều diễn ra tại bất kỳ quốc gia nào hay ở bất kỳ nơi nào vẫn rất tốt đẹp đối với tôi”. Tôi hỏi xem bà đã quen sống tại Brazil chưa và bà cho biết: “rất tuyệt vời” Nhưng bà biết đó Rinpoche đã đào luyện thật tuyệt vời tại quê nhà. Tôi rất ít khi được ở “nhà”, bởi vì tất cả những năm tháng đi truyền bá Phật pháp, tôi thường xuyên phải di chuyển đó đây, mình

phải làm quen như sống ở nhà bất kỳ chỗ nào đặt chân đến”. Tôi nhắc lại một số điều đã đề cập với bà trong những năm qua, như tìm “thanh thân trong công việc”. Bà trả lời: “Vâng, thanh thân trong công việc lúc nào cũng có đó, cho đến khi nào mọi diễn tiến ra thật đơn giản ngay trong thinh lặng”.

Chúng tôi cùng nhau xét đến hai vấn đề bức xúc: trước tiên là về thực tại tức giận và hận thù trong cuộc sống và trên đời này và chúng ta phải đối phó làm sao thật khôn ngoan; Thứ hai, một điều tối quan trọng là sống với tâm tình cởi mở với mẹ của chúng ta (một khó khăn khá phổ biến nơi các đạo hữu Tây Phương). Tsering phân biệt ba cách tiếp cận khả dĩ đối phó được với tức giận, tương ứng với ba truyền thống Phật giáo: Hinayana (tiểu thừa), Mahayana (đại thừa) và Vajrayana (Mật tông). Nơi truyền thống thứ nhất, tức giận được loại trừ cùng với những khuynh hướng tiêu cực khác. Đối với truyền thống thứ hai, nó được chuyển hóa thành một vài hành động tích cực, tử như, lòng nhân ái hay lượng từ bi. Còn theo truyền thống thứ ba tức giận được giải tỏa bằng cách nhìn nhận chính bản chất tức giận là một năng lực và đương nhiên là hoàn hảo rồi. Bạn không cần thay đổi hoặc chuyển hóa điều gì cả nhưng đơn giản chỉ cần phơi bày bản chất ra mà thôi. Tức giận không thể tách biệt khỏi năng lực giác ngộ, ngay cả khi nó xuất hiện dưới dạng méo mó. Bằng cách giải phóng năng lực cơ bản này, tức giận “giống như cái gương soi” có thể được nhận ra.

Theo Tsering, ta chỉ có thể thực hiện được những điều kể trên chủ yếu là tìm cách thư giãn. “Đó là kết quả của cố gắng tự nhiên, một qui trình cũng rất tự nhiên”. Nhưng theo nhận thức thì rất dễ bị lẫn lộn ở đây, bà cũng lưu ý là “không dễ gì thực hành được Vajrayana”.

Sau này, trở lại với vấn đề thứ hai vừa đề cập đến ở trên, bà cho tôi biết đến một “giây phút khá sững sốt” trong đó bà hiểu ra thực hành Phật pháp chính là bắt đầu một cách tự nhiên với việc học hỏi yêu thương và sống nhân hậu với người mẹ của mỗi người chúng ta. “Người mẹ đâu phải là một người hoàn hảo, bà chỉ là một con người có rất nhiều giới hạn”. Nhưng người mẹ đã cưu mang chúng ta, đã cho chúng ta hiện hữu trong giây phút chào đời. Đôi khi cha mẹ chúng ta không có cả duyên số (karma) ngay cả để nâng đỡ cho sự việc lành mạnh đó”, bà cho biết: “Nhưng một điều đặc biệt quan trọng là đi đến thống nhất ý kiến với mẹ và yêu mến người mẹ của mỗi chúng ta, ngay cả khi mẹ mình có phạm phải nhiều sai lầm, để thông cảm với mẹ và hiểu rằng mẹ cũng chỉ muốn được hạnh phúc. Bạn không cần đạt được nhiều điểm tối ưu, cũng không cần được thiên hạ khen ngợi, nhưng thực chất người đàn bà này đã ban tặng cho bạn một thân xác và làm sao bạn giúp đỡ được mẹ của mình đây?”

Bà cho tôi hay, hiện nay đã có cách luyện tập thiền Vajrayana, được cơ cấu hóa để hiểu được tính “dễ thương” của một bà mẹ một cách trực tiếp và thực tiễn. Bà nói tiếp, “Một phụ nữ đang trông giờ lâm chung, không còn nhiều thời gian, chúng ta phải làm gì đây?” Chúng ta tập trung khả năng trực giác, yêu thương, nhân ái và cả trí tuệ để đem lại lợi ích cho người phụ nữ đã ban tặng cho chúng ta thân xác này. “Mọi niềm vui sướng bạn có được là do ở người đàn bà đó đã sinh hạ ra bạn trên đời này. Mặt khác, đối xử với mẹ chúng ta như vậy còn hàm chứa ý nghĩa lời dạy là mọi chúng sanh đã có một thời là mẹ chúng ta vậy. Bà là người đầu tiên nhưng cũng là gạch nối cho tất cả phụ nữ khác đã sinh hạ chúng ta, rất yêu thương chúng ta, ấp ủ và nuôi dưỡng chúng ta không kể ngày đêm và nơi chốn trong suốt cuộc sống chúng ta. Có quá nhiều kinh nghiệm để đời từ công việc làm này, giúp mở rộng lòng các bạn và phá vỡ cái vỏ bề ngoài của các bạn nữa”.

Tôi kể cho bà về công việc chăm sóc người mẹ 96 tuổi của tôi và làm thế nào tôi đã nhất định giúp mẹ “nhìn ra sự thật”, trong khi tôi đã quá kiệt sức chăm lo cho mẹ mà vẫn chưa làm mẹ bớt đau khổ. Trong thâm tâm, tôi dư biết là tôi hơi cố chấp và tôi cần bỏ qua tất cả và chỉ muốn thực sự yêu mẹ mà thôi. Nhưng tôi vẫn phải chịu trận.

Tsering vạch ra rằng “Hy vọng là bà cụ sẽ hiểu ra. Và ai biết được bà cụ có hiểu ra hay không? Bạn cần phải bỏ qua không cần yêu cầu bà cụ phải hiểu bạn, thông cảm hay xin lỗi bạn. Hoặc để bạn phải dạy cho bà biết. Bà cụ sẽ chẳng nghe bạn đâu! Nhưng nếu bạn có sức mạnh hơn, nếu như tình yêu và thông cảm của bạn ít bị giới hạn, điều đó sẽ biến chuyển cách khác (chắc chắn là như thế).

Tsering nói thêm. “Đây chính là Phật pháp cơ bản nhất, cũng là Phật pháp bước thứ nhất và đó là toàn bộ cả một qui trình. Để chuyển biến chúng ta chỉ cần nhớ lại chính người phụ nữ này đã mang lại cuộc sống cho chúng ta”. Tsering tin tưởng rằng nếu như chúng ta vun trồng tình yêu, lòng nhân ái và trí khôn ngoan đối với mẹ chúng ta, khi các cụ qua đi thì tương quan giữa các cụ và chúng ta sẽ được tăng cường.

Trong nền văn hóa chúng ta, không thấy có quan niệm đơn giản sinh hạ ra chúng ta lại là một hành vi ưu ái. Bà nói thêm, ai cũng vậy thôi, vì thế cho nên ai cũng có một khởi đầu cuộc sống như vậy”.

Kết thúc cuộc nói chuyện, Tsering trở lại với kinh nghiệm có được với Chagdud Rinpoche vào lúc ban đầu. Thực tế ông lúc nào cũng hiện diện tại đó, ngồi thiền tại căn phòng trong khi đó bà đang diễn dịch Phật pháp. Hiện nay cho dù ông không còn hiện diện thể lý, mọi sự vẫn y nguyên như cũ. Những câu chuyện bà kể là của riêng bà chứ không phải là của thiền sư.

“Nhưng giáo lý thì vô hạn” một nguồn mạch chảy dồi dào nơi mọi sự. Như những chiếc ly đựng có khác nhau, Phật pháp có thể được nhiều người khác nhau diễn tả, nhưng chất ngọt của rượu vẫn chỉ là một”. Tôi mỉm cười nói với Tsering. Tôi có thể thấy được hạnh phúc trong giọng nói của bà.

---o0o---

Joanna Macy

Vào một buổi tối tháng Sáu năm 1986, căn phòng đầy nhóc người tại Boulder, bang Colorado, chỉ trong nháy mắt đã biến thành một làng người Sri Lanka. Biến cố này là một phần cuộc hội thảo bàn về Chiến Lược Hòa Bình được tổ chức Naropa và hội Bạn Người Phật tử Vì Hòa Bình đồng bảo trợ. Chỉ trong vòng mười lăm phút đề ra các chi tiết do Joanna Macy hướng dẫn và đơn giản là bàn đến những vấn đề đời thường. Tất cả những người tham dự đã nắm được những thông tin cần thiết cho một sự biến đổi ngoạn mục xảy ra. Trong vòng ba tiếng đồng hồ họ đã đóng vai người nông dân, người lao động, các bà mẹ, người công chức và trẻ em, tất cả họ đều nắm được những thông tin cơ bản về những vấn đề liên quan cách xa họ cả nửa vòng trái đất.

Vào cuối những năm bảy mươi, sau một năm sinh sống và làm việc, Joanna hiểu rất rõ về người Sri Lanka và các vùng nông thôn họ sinh sống. Để tổ chức buổi hội thảo, bà bắt đầu với một cảnh chứa đầy những chi tiết yêu thương – gồm cả màu sắc, âm thanh, mùi vị. Đến thời điểm những người tham dự chọn vai cho mình, họ còn biết cả loại áo nào họ cần mặc. Rồi Joanna hướng họ lên một ngôi chùa trên đỉnh đồi dưới bầu trời chiều trong xanh, tiếng sỏi sào sạt dưới chân, không khí tỏa mùi đồng nội. Chính bà thủ vai người tổ chức cộng đồng Sarvodaya (một phong trào Phật giáo cổ vũ cho những thay đổi xã hội tại Sri Lanka do A.T. Ariyaratne sáng lập) bà hướng dẫn đám đông tụng ba Bài kinh “Trông cây” và tổ chức một buổi thiền với đề tài về lòng nhân ái và đó cũng là nghi thức khai mạc cho bất kỳ một cuộc họp Sarvodaya nào. Kế đến trong vòng hai tiếng đồng hồ tất cả những người tham dự đều nhập vai – rất nghiêm túc, khẩn trương, thực tế và vui nhộn – đám trẻ con nô đùa bên ngoài trước căn phòng để nghe và thêm vào những thông tin trong khi cha mẹ chúng thảo luận những vấn đề cấp bách tại địa phương. Thời gian được rút ngắn lại nên chỉ trong một buổi chiều họ phải dọn ba cuộc họp thường cần đến bốn tuần lễ liên tiếp để tổ chức. Vào cuối thời gian qui định, họ đã thành lập được các nhóm công tác và lập ra một dự án làm việc cho cả làng gọi là *Shramadana*. Bước đầu, những người tham dự phải biết qua một số nguyên tắc Phật giáo được áp dụng vào những qui trình thay đổi xã hội và nhất là về những vấn đề nổi cộm thuộc Thế Giới

Thứ Ba (các nước đang phát triển) để được làm sáng tỏ. Joanna tin là những mặc cảm tội lỗi và mặc cảm thua sút thường làm cho nhiều người bối rối. Nhưng bằng cách nhập vai chúng tôi đã vượt thắng được mặc cảm tội lỗi. Chúng tôi biết họ cũng chỉ là những người giống hệt chúng ta, họ rất tuyệt vời và thông minh và như vậy hàng rào ngăn cách biến mất.

Đến 10.00 giờ đêm hôm đó tại Boulder, trời đã về khuya, nhưng căn phòng vẫn tràn hứng khởi đến nỗi không ai muốn ra về. Mọi người đều sôi nổi mang áp dụng những nguyên tắc vào chính cuộc sống và cộng đồng của mình khi họ rời khỏi phòng thiền. Nhưng theo Joanna thì một dự án Shramadana phải được triển khai trong vòng sáu tuần – bình thường phải sửa soạn trong vòng sáu tháng – “Vấn đề không phải chỉ đề cập nhiều đến việc làm nhưng thay đổi nơi mỗi con người là chính”. Như câu châm ngôn Sarvodayana nêu rõ: “chúng tôi xây dựng con đường và con đường đó sẽ biến đổi chúng ta”.

Hai chủ đề chính cứ diễn tới diễn lui hay xuất hiện trong suốt cuộc đời Joanna - Đó là vấn đề siêu nhiên và chính trị xã hội- Joanna Macy sinh tại Los Angeles vào năm 1929, lớn lên tại Nữ ước, theo học trường Trung học Pháp tại Manhattan, học đại học Wellesley college chuyên về môn Lịch Sử Kinh Thánh. Bà nhớ lại: “Những thắc mắc Tôn giáo và những nhu cầu của giới phụ nữ thực sự đã mê hoặc tôi”. Cùng lúc đó bà lại tỏ ra rất cấp tiến về chính trị và đã nhận được học bổng Fullbright để theo học môn Chủ Nghĩa Quốc Gia tại các nước thuộc Thế Giới thứ ba. Bà lập gia đình vào năm 1953 và có ba người con. Vào những năm sáu mươi chồng bà là nhân viên điều hành chương trình Peace Corps. Cả gia đình đã di chuyển sang sống tại Ấn Độ trong hai năm và chính tại đó, lần đầu tiên ở tuổi ba mươi lăm bà có dịp tiếp cận với Phật giáo – trong một buổi diễn thuyết của Đức Dalai Lama với những người tình nguyện Peace Groups bà cũng có mặt trong nhóm thánh giả.

Trong thời gian đó bà làm việc với một đoàn thể tu sĩ có khoảng một trăm Lama Tây Tạng (tu sĩ Phật giáo Tây tạng) và 300 người đời, điều hành đoàn thể đó là thiền sư, ngài Đại Đức Khamtrul Rinpoche, họ là những người đã chạy trốn sang Ấn Độ từ vùng đất Kham phía đông Tây Tạng vào thời Trung quốc xâm chiếm đất nước này. Họ mang theo một nền văn hóa riêng biệt, phong phú trong vũ điệu, âm nhạc và nghệ thuật, cũng như truyền thống Yoga cổ xưa. Đi theo ngài Đại Đức Khamtrul Rinpoche có sáu bảy thầy Yogi thường gọi là tokdens - hay các thầy pháp Yoga tiến bộ, họ mặc toàn đồ trắng, tóc để dài cột thành từng lọn trên đầu. Đã có một thời họ bị coi là bọn mọi rợ và thần bí và họ đã thực hành một hình thức yoga và có các bài thuốc chữa bệnh huyền bí và mê tín nhất thế giới. Joanna đã gắn bó

rất mật thiết với nhóm này “Chúng tôi thích ứng với nhau rất mau lẹ” – và bà đã sống với họ trong nhiều tuần lễ liên tiếp và suốt mùa hè tại Dalhousie, Ấn Độ. Bà còn nhớ: “Tôi cảm thấy như đang sống ngay ở Tây Tạng”. Với sự giúp đỡ của nhóm tình nguyện Peace Corps bà đã tổ chức những dự án hết sức thiết thực để cộng đồng có điều kiện tự hoạt động được.

Thỉnh thoảng cũng có một vài người Châu Âu đến tìm hiểu về “Phật giáo trong chóc lát” Nhưng Joanna ngăn cản. Bà thăm định hiệu quả và thực tế các tổ chức hiện có và trong một ít tháng sinh hoạt với đoàn thể này bà đã xin thụ huấn tinh thần (Phật giáo). Trong khi đó bà đã gặp và gần gũi với ni sư Palmo (nữ tu sĩ Phật giáo), một phụ nữ người Anh rất tuyệt, Ni Sư Palmo đã lập gia đình với một người Shic và đến sống tại Ấn Độ vào những năm Ba Mươi, bà đã bị bắt cùng với Gandhi vì bị tình nghi phản tử Satyagrahi yêu nước, ni sư đã thọ giáo với thiền sư Mahasi Sayadaw tại Răng-gun vào những năm năm mươi và năm 1959, thủ tướng Nehru đã yêu cầu Ni Sư thành lập các trại tỵ nạn tại miền Bắc Ấn Độ và Nê-pal cho người Tây Tạng chạy trốn khỏi ách thống trị Trung quốc. Khi triển khai công việc này, Palmo đã bắt liên lạc được với các nhà lãnh đạo Phật giáo Tây Tạng trong đó Đức Dalai Lama và Hòa Thượng Gyalwa Karmapa và ni sư đã nhận hai người đó là thiền sư đồng thời công nhận và theo đuổi truyền thống Phật giáo Tây Tạng.

Chính ni sư Palmo đã giới thiệu Joanna nhập thiền và là thiền sư đầu tiên của Joanna. Palmo đã thành lập một ni viện Phật giáo Tây Tạng và Joanna cũng lưu lại đó một thời gian để tập luyện và nhận được những hướng dẫn đầu tiên về truyền thống Thiền Minh Sát. Sau đó ngay tại Ni đoàn Khamtrul một Lama đã truyền Phật pháp cho bà. Hiện nay bà vẫn liên lạc gần gũi với các thiền sư Tây Tạng, cho dù bà không luyện Vajrayana. Joanna chuyên sâu Thiền Minh Sát, nhưng tương quan Phật giáo của bà vẫn mang đậm sắc thái Tây Tạng và tính chất lạc quan cũng như nhân hậu tuyệt vời của họ thể hiện rõ nét nơi cuộc sống bá tánh. Họ không cay đắng trước quân Trung quốc xâm lược, họ chỉ khôi hài, tở dụ như, “Thật tội nghiệp, họ (người Trung Hoa) đã tự rước lấy nghiệp chướng (karma) cho mình”. Tinh thần cao thượng đó đã khơi dậy nơi Joanna lòng quảng đại phi thường.

Trong suốt những năm 1970, ở vào tuổi tứ tuần, Joanna mới hoàn tất kiến thức đại học và đã đạt được học vị tiến sĩ chuyên khoa Tôn Giáo tại Đại Học Syracuse vào năm 1978. Lĩnh vực bà tập trung tìm hiểu lần này là về Phật giáo. Luận án tiến sĩ của bà mang đề tài: Kinh Phật Đại Thừa (Kinh Phật và Luật giới) Thuyết Nhân quả là Phật pháp bà đặc biệt chú trọng và những tương quan giữa tinh thần với thể chất.

Trước hoàn cảnh đó Joanna rất “thực tế” đặc biệt khi phải đụng đến những vấn đề tồn vong của hành tinh này, cũng như quyền lực cá nhân, những vấn đề hiện nay bà rất quan tâm.

Năm 1979, Joanna nhận được học bổng do tổ chức Ford Foundation trao tặng để nghiên cứu phong trào Sarvodaya tại Sri Lanka. Trước tiên bà muốn nghiên cứu những học thuyết Phật giáo giúp thúc đẩy và huy động biến đổi xã hội xảy ra nơi bá tánh, trong khi đó bà thu thập những phương pháp Phật giáo mang nhiều ý nghĩa đối với đất nước và văn hóa Hoa kỳ. Bà cho biết, “Trong khi quá tin tưởng vào trợ giúp kỹ thuật, ngược lại chúng ta cần học hỏi nơi họ rất nhiều”. Bà cảm thấy Phật pháp đã thâm nhập vào phong trào trong mọi lãnh vực, hình thành mục tiêu, hoạch định chiến lược xuất phát từ trên trung ương xuống cho tới các làng xóm. Bà đã quan hệ thân thiết với mọi người trong xã hội nơi bà cư ngụ và tiếp tục liên lạc mật thiết với phong trào và các lãnh đạo Sarvodaya. Cuốn sách đầu tiên, *Phật pháp và phát triển* (Dharma and development) (xuất bản năm 1983, tái bản năm 1985, do Kumarian Press, West Hartford, conn). Bà viết ra dựa trên những kinh nghiệm có được về phong trào này.

Nhưng chính nhờ nhận thức được chiều sâu và tính phổ quát nỗi thất vọng bị ức chế và sự băng hoại tâm linh trong thời đại chúng ta, trước khả năng suy đồi toàn diện khó lòng tránh khỏi được, đã gây cảm hứng tác phẩm mới nhất của bà vừa qua. Bà viết, “Loài người chúng ta đang có nguy cơ diệt vong”. Năm 1981 bà viết một tác phẩm nhỏ mang tựa đề *Công việc đầy thất vọng* (*Despairwork*) (Philadelphia: Nhà xuất bản New Society) trong đó bà có viết: “Nỗi nguy lớn nhất cho tồn vong của nhân loại không phải do hỏa thiêu nguyên tử hay hủy hoại môi trường, nhưng chính thái độ phớt lờ hàng loạt những nguy cơ đó, chúng ta mù quáng lao vào công việc kinh doanh bình thường và tạo ra những vật cấm kỵ trong văn hóa đối nghịch lại những biểu hiện thất vọng đó”. Ngược lại với những thái độ trên, bà đang phát triển hàng loạt những cơ hội luyện tập tập thể dựa trên những trực quan và thực hành Phật giáo, giúp giải thoát và phát hiện những cảm xúc điên loạn hay đau khổ để rồi tăng sức mạnh cho mọi người hành động, bà công nhận những cảm xúc thuộc loại này thường rất phổ biến và xuất phát từ những bận tâm đôi khi vượt xa cả bản ngã cá nhân và đã được chứng thực một cách hùng hồn trong tương quan giữa chúng ta. Không nhất thiết phải đề cập đến Phật giáo, Bà đang tìm cách truyền thông Phật pháp qua kinh nghiệm.

Ví dụ: trong một nhóm luyện tập lấy vấn đề thất vọng và tăng cường sức mạnh làm chủ đề, bà giới thiệu hành thiền về chủ đề lòng nhân ái, theo cách Bodhicitta Tây Tạng. Thoạt tiên bà kêu gọi mọi người bằng tưởng tượng kinh qua đau khổ của người khác, càng sinh động và càng cụ thể bao nhiêu

càng tốt và một khi họ đã thâm nhập được vào đau khổ đó, trong hơi thở, họ hình dung ra những đau khổ đó như là một dòng suối đen ngòm đang tuôn trào trong từng hơi thở. Và qua cả trái tim. Cứ để chúng tuôn trào ra và diễn ra thật tự nhiên. Tập trung vào cảm nhận, chứ không vào tư tưởng. “Bằng cách xóa bỏ những cấm kỵ chống lại thất vọng và hiện rõ chúng lên trong tưởng tượng, bằng cử điệu, rơi lệ, điên loạn và bằng lời nói đơn thuần nữa, những luyện tập thể lý như vậy sẽ giải thoát ức chế. Chính do sự giải thoát và truyền đạt thông tin như thế sẽ dẫn đến cam kết mạnh mẽ hơn trong nhiệm vụ chung là duy trì cuộc sống còn cho chúng sanh”.

Trong sáu năm qua, với sự tập trung cao độ cũng như bằng sức thuyết phục nhân tâm, Joanna đã cung cấp một tầm nhìn Phật giáo cho khoảng từ mười ngàn đến hai chục ngàn người thông qua hàng trăm điểm luyện tập như thế tại Hoa kỳ, Canada, Anh quốc, Tô-cách-Lan Úc và Tân Tây Lan. Mùa hè 1986 với sự trợ giúp của một thông ngôn, bà cũng đã thiết lập hàng chục điểm luyện tập như vậy tại Đức, Đan mạch và Na-uy. Cuốn sách của bà mang tựa đề: *Thất vọng và sức mạnh cá nhân trong thời đại nguyên tử* (Despair and Personal Power in the Nuclear Age). Xuất bản tại Philadelphia: Nhà xuất bản New Society, năm 1983) đã mô tả công việc này rất chi tiết. Vừa rồi bà bắt đầu hướng dẫn những điểm luyện tập sinh thái sâu xa gọi là “Cổ vấn cho bá tánh”. Thông qua những luyện tập và những nghi thức đã phát sinh nhiều ảnh hưởng qua lại nơi bá tánh”. Một phần cảm hứng bà có được do nhà sư người Việt Nam, đồng thời cũng là một thiền sư. Mới đây bà cũng quay trở lại với truyền thống Phật giáo Hua-yen Trung Quốc. Một truyền phái Đại thừa chủ trương một tầm nhìn được sao chép nguyên bản của vũ trụ. Trong kinh Huayen Sutra, Joanna đã tìm ra được những gợi ý về việc tập luyện thiền thôi thúc sự phát triển một thể thức thuần nhất bà rất say mê phát triển.

Niềm tin của bà vào khả năng thấm nhuần những truyền thống đó rất sâu xa. Nhưng cần thiết phải được nêu ra và chúng ta cần có kinh nghiệm để làm rõ điều đó. Bà cho biết, “đó chính là sắc thái công việc tôi đang thực hiện”.

Dầu sao, đôi khi bà vẫn còn nhiều nghi vấn. Một vài năm qua, bà đã đến gặp Đại sư Chogyad Rinpoche, một trong số các anh em và thiền sư Phật pháp của bà tại Tashi Jong miền bắc Ấn Độ. Hơi rụt rè một chút bà cho đại sư biết, bà đang sử dụng những kỹ năng vay mượn và thích ứng từ phía Phật giáo áp dụng cho cả những người thuộc các tôn giáo khác nữa – như Thiên Chúa giáo và Do Thái giáo - những kỹ năng đó đôi khi chỉ mang sắc thái những kinh nghiệm đời thường, nhưng có đôi lúc ngay cả trong các nơi thờ tự nữa. Bà nêu câu hỏi, “Thầy có cho làm thế là sai không?”. Ông cười to

và để lộ một ánh mắt thật yêu thương và ông cho biết, “Ô, Joanna, Đức Phật đâu có phải là một Phật tử đâu!”

Mùa Đông năm 2000

Bằng giọng nói rất hùng hồn và say đắm Joanna kể cho tôi về hai sức mạnh chính đã định hình tất cả những công việc của bà trong những thập kỷ qua. Sức mạnh đầu tiên là trong tiềm thức của chúng ta đã thấy xuất hiện những lãnh vực chính trị và siêu nhiên. Bà cho biết, “Một điều rất rõ ràng là hiện nay bá tánh đã gắn bó với nhau nhiều hơn”, nhưng vào đầu những năm tám mươi những tụ điểm hội thảo hướng dẫn bá tánh đối phó với những vấn đề chính trị dưới một tầm nhìn siêu nhiên, “cần phải có nhiều can đảm”. và hiện nay bá tánh cũng cho đó là điều đương nhiên”.

Trực giác thứ hai đã trực tiếp ảnh hưởng lớn đến công việc của bà đó chính là sự công nhận những trục trặc sâu xa trong cơ cấu của xã hội ta hiện nay – và sức mạnh đó đã gây tác hại và nảy sinh tàn phá ở diện rộng. “Sự phân hóa giàu nghèo. Không ít người ngày càng giàu một cách đê tiện và số người trở nên thiếu thốn dưới mức có thể tồn tại được ngày càng gia tăng – tôi không nghĩ lại có người tưởng tượng được sự việc đã trở thành tồi tệ đến thế”. Những khủng hoảng sinh thái cũng đã vượt quá mức cho phép chúng ta có thể hình dung được trong một thập kỷ qua.

Vì thế cho nên, một đàng, sự khôn ngoan vẫn nở rộ, mặt khác sự gia tăng nguy cơ và ngu xuẩn cũng biểu hiện rõ nét”. Nhận thức được sự thật trái ngược đang xảy ra cùng một lúc như vậy, Joanna đã cảm thấy một mặt được nâng đỡ do Phật pháp của Đức Phật, mặt khác là những hệ thống nguyên lý của Phật pháp. “Những nguyên lý đó áp ủ nuôi dưỡng nhau, đan quyện vào nhau, vận dụng những khả năng tâm lý và tình cảm để kích thích trực giác khiến tôi khỏi bị nghẹt thở”.

Hình như hệ thống của chúng ta đã kéo dài kiểm soát, nơi cái gọi là “các hệ thống thoát khỏi vòng kiểm tỏa”. Thế nên trong một tác phẩm mới đây, Joanna đã nhấn mạnh ngày càng nhiều hơn về lòng biết ơn. “Là con người hiện nay có nghĩa là chúng ta đang tham gia vào một chương sử ý nghĩa nhất trong lịch sử nhân loại”. Đương nhiên bà cũng nhận ra, “Không có gì bảo đảm chúng ta không gặp thất bại. Thế nên chúng ta đang rất phấn chấn, muốn đánh cược tất cả, nhờ có cơ hội biểu lộ đầy đủ lòng can đảm tận dụng tất cả những gì đã học hỏi được trong môi tương quan hỗ tương lẫn nhau, để khám phá ra vẻ đẹp và giá trị nơi tâm lòng con người của chúng ta”.

Cùng lúc đó, Joanna cũng phải đương đầu với tức giận. Sử dụng phương pháp thiền kết hợp cả truyền thống thiền minh sát vipassana lẫn truyền thống Tây tạng, bà đã “đánh bại” được với tức giận. Tức giận và điên loạn có thể

xuất hiện đối lại với bất công và đau khổ dai dẳng trên thế gian này. Một trong các đại thiên sư người Tây Tạng lại cho Joanna biết, “nỗi bức dọc ray rút như thế – lại có thể phát xuất ngay từ tấm lòng đầy lòng nhân hậu”.

Chúng ta đang sống giữa sự chuyển đổi từ xã hội công nghệ phát triển sang một xã hội chịu đựng cuộc sống. Một giai đoạn mà thế hệ tương lai (“nếu thế hệ tương lai còn tồn tại”) có thể coi đó là một bước ngoặt vĩ đại. Trong cuốn sách cuối cùng của bà mang tên “*Trở Lại Với Cuộc Sống*” (*Coming Back To Life*) (Nhà xuất bản Molly Young Brown, New Society, 1998) Bà đã tập hợp nguyên tắc mãnh liệt với những sự kiện đơn giản trong thực tế lại với nhau, đem lại cho chúng ta “những món ăn tinh thần” để nhận định và đối phó với những khủng hoảng toàn cầu được mệnh danh là một khủng hoảng về nhận thức. Thay vì tách biệt những thực tại cạnh tranh liên tục. Bà nhấn mạnh, “Chúng ta đang trôi bồng bềnh trong mối tương quan”, không thể tách biệt khỏi thể chất sinh động trong vũ trụ”.

Trong những trung tâm huấn luyện của bà rải rác khắp thế giới, trong những khóa tập huấn bà chỉ thủ vai giảng viên phụ tại trường Starr King một phân viện thuộc Đại học Berkeley, tại học viện California dành cho việc nghiên cứu tổng quát San Francisco và ngay cả tại viện đại học Creation Spirituality tại Oakland, Joanna đã nhấn mạnh sự khẩn trương lớn lao cũng như sự thâm định mạnh mẽ cuộc khủng hoảng chúng ta đang phải đối mặt và đề ra khả năng tạo bước đột phá mới.

Trong các khóa huấn luyện cao cấp, các thiên sinh đã tụ tập lại trong mười hai ngày và Joanna đã trình bày, “Đến mọi vấn đề tôi đã học được, dưới dạng thích hợp nhất, như thể ngày mai tôi sẽ không còn tồn tại trên trần gian này nữa”. Bà không bao giờ nhấn mạnh đến cái “nhãn” Phật giáo mà chỉ muốn cống hiến một giải thích tất cả mọi tình huống có thể ảnh hưởng trực tiếp đến bá tánh ngay thời điểm hiện tại.

“Vì tất cả mọi sự sẽ có ngày tàn lụi, khi cả những hệ thống đều sụp đổ, chúng ta bắt đầu đay nghiến lẫn nhau và sợ hãi phát triển. Tôi muốn cống hiến cho mọi người sự trợ giúp cần thiết để đối phó với hoang sợ, kinh hoàng và những cuồng loạn xã hội để mọi người có thể vượt qua được mà không cần chạy đến với người khác. Nhưng với đầy đủ tư cách và mãnh lực riêng trên bước đường lưu lạc trên trần gian này cho đến hiện nay. Để nhìn lại và xem xét bước đường tiến hóa của chúng ta đã đạt đến tuyệt vời tới mức độ nào, thì chắc hẳn những khủng hoảng hiện nay chẳng phải là điều gì to lớn. Tuy nhiên chúng ta vẫn nhận ra được với bao khả năng thích ứng, kể những thích ứng kỳ diệu của cuộc sống chúng ta. Tất cả những điều đó cũng

sẽ giúp chúng ta vững bước tiến lên phía trước và sợ hãi là một qui trình co thắt của con tim mà thôi”.

---o0o---

Lời Kết Luận

Tôi tin rằng để vẽ một bức tranh tổng thể và chính xác những thay đổi đã diễn ra trong thế giới phụ nữ và Phật giáo tại Hoa kỳ trong một vài thập kỷ qua, cần phải viết cả một cuốn sách (tôi hy vọng cuốn sách đó sẽ được viết trong nay mai). Tự bản chất bản tường trình dưới đây sẽ rất cô đọng, bỏ qua nhiều chi tiết cần thiết và những sai lầm khả dĩ trong khi nhấn mạnh hoặc cắt nghĩa sai lệch đi một vài điểm. Với ý định cung cấp cho độc giả một cái nhìn khái quát khơi lại những phát triển trong nội vi Thiền định, Thiền Minh Sát và những cộng đoàn Tu sĩ Phật giáo Tây Tạng, cũng như đưa ra một vài hình ảnh khái quát về một số phụ nữ đang hoạt động rất tích cực, biểu lộ ra những biến đổi trong nhận thức đang diễn ra, nói lỏng những bức rào chắn cổ xưa và mở ra những vận hội mới.

---o0o---

Trường Phái Thiền Định (Zen)

Với truyền thống Thiền định (Zen) hiện nay chúng ta thấy đang xuất hiện các nữ thiền viện trưởng mới trụ trì tại khắp các chùa rải rác trên toàn quốc. Trung Tâm Thiền San Francisco là một điển hình với Blanche Hartman được cử làm nữ thiền sư đầu tiên vào năm 1996. Hiện nay đã có vị thứ hai là Linda Ruth Cutts, nghi thức tấn phong của bà vừa được tổ chức vào tháng hai năm 2000. Như đã đề cập đến trong phần mở đầu cuốn sách này. Trung Tâm Thiền Los Angeles đã đề bạt Wendy Egyoku Nakao làm thiền viện trưởng vào năm 1999. Sau khi Đại đức thiền sư Katagiri viên tịch, Trung Tâm Minnesota đã bỏ ra một thời gian dài để cân nhắc và quyết định xem ai sẽ là người thích hợp nhất để tiếp tục nắm quyền điều hành. Đề cử người ngoài vào chức vụ đó có hợp lý hay chỉ chọn người thừa kế Phật pháp của ngài Katagiri? Việc cân nhắc kéo dài trong sáu năm liền (trong suốt thời gian đó một Đại Pháp tạm thời đóng vai trò thừa kế này) cuối cùng mãi đến năm 1998 vị thừa kế Karen Suna mới được chọn vào chức vụ thiền viện trưởng.

Một số thiền viện trưởng nữ khác có cả Mitra Bishop tại thiền viện Mountain Gate, một đoàn thể tu trì ở New Mexico, cũng là lãnh đạo tinh thần Trung Tâm Hidden Valley tại San Marcos. Bang California; Dai-en Bennage trụ trì tại Mt. Equity Zendo gần Williamport, bang Pennsylvania; cũng như hai vị khác: Diane Rizzetto tại trường thiền Bay Zen Oakland,

bang California và Ni- Osho Sherry Chayat tại trung tâm Syracuse, bang Nữ Uớc.

Các thiền sư Zen nắm vai trò lãnh đạo quan trọng khác phải kể đến Jan Chosen Bays, là thừa kế Phật pháp của ngài Meazumi Roshi, bà vừa là vợ, là mẹ và là bác sĩ nhi khoa chuyên về các ca trẻ em bị lạm dụng, cũng điều hành trung tâm thiền tại Portland, bang Oregon; Sunnyana Graef, thiền sư trụ trì tại trung tâm thiền Toronto, Ontario, Canada. Và tại trung tâm Casa Zen ở Santo Thomas, Costa Rica; Tai Taku Pat Phelan, sẽ được đề bạt làm thiền viện trưởng trung tâm Chapel Hill Zen Bắc Carolina vào tháng mười năm 2000, một chi nhánh của trung tâm San Francisco theo trường phái của Đại sư Suzuki Roshi.

Một thực tế rất ấn tượng lúc này là: toàn bộ các vị trí lãnh đạo chính tại trung tâm San Francisco City, Green Gulch Farm và Tassjara Mountain (ba chi nhánh dưới trướng của Trung Tâm San Francisco) đều do các phụ nữ đảm trách. Trong đó còn phải kể đến hai nữ thiền viện trưởng là chủ tịch hội đồng quản trị và ba vị khác làm trưởng nghi thức (tantos).

Trong mọi lãnh vực và nhiều nơi, hiện đang diễn ra sự bùng nổ về số phụ nữ nắm giữ các cương vị lãnh đạo. Sau nhiều năm luyện tập và học hỏi một số đã bắt đầu tổ chức những tập thể hay những nhóm hành thiền tại những nơi trước đó không bao giờ xảy ra. Tại California có Mary Mocine, một thiền sinh khá lâu năm nay đã được xuất gia tại Berkeley, còn tại trung tâm San Francisco. Bà đã thành lập Zendo Clear Water tại bang California vào mùa hè năm 1998. Layla Bockhorst, thừa kế Phật pháp của ngài Đại đức Norman Fisher, người đang điều hành một nhóm mang tên Mill Valley Zen. Fu Schroeder, thừa kế Phật pháp của ngài Reb Anderson, đang dạy nghi thức pha trà, cũng đã lập một nhóm hành thiền tại Tiburon và kiêm luôn chức thiền viện trưởng tại Green Gulch. Wendy Johnson đã được thọ giới do ngài thiền sư Việt Nam, đang làm việc tại một đoàn thể tu trì nhắm tới một cuộc sống tốt lành, ông đã phát triển công việc của mình nơi các gia đình và con cái của họ và đang viết một cuốn sách về phương pháp luyện tinh thần nghệ thuật làm vườn tại Green Gulch Farm, tại đó bà đã một thời gian dài làm nghề làm vườn. Sau cùng tại Minnesota. Joen Snyder O'neil, thừa kế Phật pháp của ngài Đại đức Katagiri, đang làm việc với các sinh viên vừa chịu ảnh hưởng phong cách của Jon Kabat-Zinn cũng như các nguyên lý sống đẹp mà vị thiền sư Việt Nam ấy đã hình thành.

Cách nhìn khái quát vụn vặt này cho thấy một sơ đồ phát triển mới, nhưng tôi cũng muốn cung cấp một vài cá nhân đặc biệt, các vị thiền sư sau đây

không nhất thiết là người nổi tiếng hay tiêu biểu, nhưng theo tôi nghĩ họ thực sự phong phú hóa sự đa dạng đó.

Tôi quen biết Maylie Scott đã hơn ba mươi năm qua, không thân thiết lắm, nhưng chúng tôi đã học chung khoa Anh văn trường đại học Berkeley, bang California trong những năm sáu mươi. Chúng tôi tập luyện thiền cùng một thời gian như nhau. Nhưng Maylie theo đuổi thiền cho đến nay, còn trường hợp của tôi lại hơi thất thường. Tôi đã tham dự nghi thức Jukai (xuất gia cho người đời) của bà vào năm 1976, tôi còn nhớ đã phải rơi lệ khi bà bước vào phòng thiền cạo đầu. Nghi lễ xuất gia Tokudo (xuất gia tu sĩ) cho bà được tổ chức năm 1988 và mười năm sau bà được truyền Phật pháp do Đại đức Mel Weitsman, thiền viện trưởng trụ trì tại Trung Tâm Thiền Berkeley. Hiện giờ bà đang điều hành một trung tâm riêng tại Arcata, bang California, nơi bà vừa dọn tới sáu tháng trước, sau mười năm di chuyển tới lui để thuyết pháp và hành thiền.

Việc di chuyển không dễ dàng và có rất nhiều trở ngại, hiện bà đang phải sống chung với mẹ đã chín mươi bảy tuổi. Bà cũng đã nghĩ phải mang mẹ tới Arcata, điều đó không đơn giản chút nào. Nhưng rồi ba đứa con trai của bà quyết định bà ngoại phải ở lại và chúng lại có ý định quay lại nhà cũ để chăm sóc cho ngoại.

Maylie nhớ lại: “Công việc khó khăn như tách biển ra vậy, tìm kiếm, mua bán và thiết kế lại một ngôi nhà mới tại Arcata thật không dễ dàng chút nào. Mọi nhu cầu cần thiết hầu như đều xuất hiện cùng một lúc. Hiện giờ việc hành thiền diễn ra đều đặn vào mỗi buổi sáng trừ Chúa nhật và hai buổi tối trong tuần. Nhà xe được cải tạo thành một phòng thiền rộng rãi. Có hai mươi người đang hành thiền đều đặn, chín người đang may tám khoác ngoài áo cà sa, sửa soạn cho việc tán phong cho một số người đời; thêm vào đó còn cả trăm người có tên trong danh sách gửi thư. Họ thường lái xe đến khu vực Bay Area (khoảng 300 dặm) để tham gia khóa huấn luyện hàng tháng kéo dài ba ngày hoặc ngồi thiền trong ba ngày liên tiếp.

Maylie cho biết, “Hiện nay, chúng tôi coi nghi thức là chuyện nhỏ”. Bà đã tận dụng nghi thức để phát triển ý thức, nhưng sau này chúng tôi sẽ biến chúng thành những món ăn hợp khẩu vị.

Ý định của Maylie là biến trung tâm thiền thành một nơi chiêm niệm và hoạt động. Bà là một trong những người tiên phong đưa Phật giáo vào đất nước này. Và cách lồng ghép giữa luyện tập tinh thần vào những thay đổi trong xã hội đã trở thành nguồn cảm hứng cho nhiều người. Năm năm qua bà đã giảng thiền trong các nhà tù và các trại giam quanh vùng Bay Area. (bà cho biết, luôn theo phong cách Thiên Chúa Giáo,) bà đang suy nghĩ cộng

tác với một nhóm liên tôn giáo để thực hiện những công việc còn lại tại nhà tù Eureka County. Bà cho biết, “Tôi hy vọng nhà tù này sẽ trở thành một nơi hội tụ các hoạt động tích cực của cộng đồng liên tôn giáo.

Katherine Thanas là cư dân sống gần Trung Tâm Thiền San Francisco đã hơn hai mươi năm và đã được xuất gia tại đó. Bà đã di chuyển xuống miền duyên hải Santa Cruz được mười hai năm và đã trở thành thiền sư trưởng cho cả Trung Tâm Santa Cruz lẫn Thiền Viện Monterey Bay vừa mới được xây cất. Bà nói với tôi, “Bước ra khỏi khung cảnh tu viện thật là một kinh nghiệm tuyệt vời, nhất là tại Tassajara này để hòa nhập vào hai cộng đồng người đời này; mỗi nơi đều mang đậm sắc nét văn hóa và điều kiện dân cư riêng”. Bà vừa phải thích ứng công việc luyện tập thường xuyên lại phải thông cảm với những người mới bắt đầu luyện tập để họ đạt được đôi điều có thể áp dụng trực tiếp ngay vào cuộc đời. Hiện nay bà trình bày Phật pháp truyền thống dưới dạng “Chẳng có gì không liên quan đến cuộc sống tinh thần và vật chất”. Bà đã tận dụng những kinh nghiệm trong chính cuộc sống của mình, áp dụng vào nhiệm vụ hàng ngày được coi như là một thứ “Nước cốt trái cây giúp cho việc thuyết pháp được sinh động”. Bà phơi bày tất cả cho các thiền sinh. Bà nói, “Tổ bày ra những điều thâm kín trong tôi đã giúp động viên rất nhiều các thiền sinh của tôi và khuấy động lên bản chất thiền sư nội tại trong họ”.

Dai-en Bennage, trước là một vũ công Ballet, bà đã đến Nhật Bản với chồng lần đầu tiên vào năm 1963 và đã lưu lại đó ba năm. Bà đã bước vào làng nghệ thuật Nhật Bản, đặc biệt là nghệ thuật vẽ bằng cọ ngay từ hồi còn nhỏ, bà đã học tiếng Nhật (nói và viết) tại Đại học Princeton. Chính vì vậy, sau khi ly dị năm 1969, bà đã trở lại Nhật Bản và sinh sống tại đó hai mươi một năm. Bà luyện thiền rất say mê với một số thiền sư trong giai đoạn đó, áp dụng kỹ năng và kỷ luật huấn luyện vũ công Ballet vào công việc luyện tập này.

Bà cho tôi biết là, năm 1978 bà đã đạt đến “khúc rẽ lớn trong cuộc đời”. Bà đã kết thúc một cuộc hành hương thật khắc nghiệt vòng quanh hòn đảo Shikoku, thăm viếng tám mươi tám ngôi chùa và tụng kinh Heart sutra tại mỗi ngôi chùa đó. Bà cho biết, “Đây thực là một kinh nghiệm sống đầy biến đổi”, và bà đã xác định được sự cống hiến của đời bà”. Đại sư Noda Daito Roschi đã thụ phong cho bà với tư cách là một ni sư độc thân, đại sư muốn trở thành một “Thiền sư lưu động” nên ông đã thiết kế một phòng thiền ngay trên một chiếc xe buýt, trải nệm vàng trên sàn xe. Ông cho biết, “Nếu bạn muốn trở thành một thiền sư thực sự, chẳng cần gì phải có trang thiết bị”. Để thử thách trước khi xuất gia bà đã sống suốt ba tháng mùa đông trong một nơi khổ hạnh tại xưởng sản xuất sữa đậu nành và rồi sau đó hoàn tất mười

hai năm khổ luyện. Trong thời gian này bà đã được truyền Phật pháp và kết thúc giai đoạn huấn luyện thiền sư.

Ngày nay tại phòng thiền Mount Equity miền Trung Bắc, bang Pennsylvania, bà đang sống với hai ni sư, một người Mỹ và một người Pháp, họ giúp bà trong việc huấn luyện. Cả hai đã theo bà luyện thiền và bà đã xuất gia cho họ. Hàng ngày có hai mươi thiền sinh đang thụ giới và ba mươi người đời đang luyện thiền tại đó. Bà cũng đã thành lập năm cộng đồng Sanghas trong các nhà tù, hai đoàn thể trong các nhà tù được bảo vệ tối đa. Bà cũng đã trao luật giới cho năm phạm nhân. Sau một thời gian rỗng rã bảy năm dạy thiền tại nhà tù, bà cho biết, “Các phạm nhân với án tù nhiều năm thường thích luyện thiền Phật giáo vì họ đã “vĩnh viễn bị loại ra khỏi cuộc chơi”.

Một sự kiện nữa là Thiền Phật tại Hoa kỳ người đời tham gia rất nhiều, nên bà suy nghĩ đây là một hiện tượng “tuyệt vời nhưng cũng đáng sợ” Ai trong chúng ta đã đọc hết được bộ bách khoa đại tự điển đây?” Bà muốn biết, “Chúng ta chỉ cần một số ít người đi trọn quãng đường” Nếu Phật giáo trên đất nước này không được xây dựng dựa trên những tu sĩ nam nữ được xuất gia và cả trên những người đời nam cũng như nữ (như Đức Phật đã dạy), thì Thiền Phật tại đất nước này sẽ chẳng đạt được những điều kỳ diệu”

Năm 1985 Charlotte Joko Beck (xem chương bốn) cùng với ba người kế vị Phật pháp đầu tiên đã thành lập một trường phái Phật giáo dành cho người đời. Để bộc lộ việc hành thiền ngay trong đời sống hàng ngày của họ. Trong trường phái này, không tồn tại phẩm trật và mỗi người kế vị Phật pháp tự quyết định cách tiếp cận giáo lý cho những địa điểm mình phụ trách, các thành viên của nhóm tự công nhận là thiền sinh đang được đào luyện, chất lượng thuyết pháp được quyết định dựa vào chất lượng việc hành thiền của họ.

Diane Eshin Rizzetto, một trong những người kế vị Phật pháp đầu tiên đã trở thành thiền viện trưởng tại Trung Tâm Thiền Oakland, bang California từ năm 1994. Trung tâm có lịch trình đầy đủ, với việc luyện tập hàng ngày và những buổi hành thiền, Diane làm việc trực tiếp với từng thiền sinh cũng như qua điện thoại. Bà cũng vận dụng cách tiếp cận của nhiều truyền thống Phật giáo khác nhau, “Mục tiêu để giúp chúng ta nhận ra chân lý cuộc sống thực sự của mỗi người”. Mỗi người thực hành “koans” xuất phát từ những biến cố thường ngày trong cuộc sống. Với vai trò một người vợ, người mẹ và ông bà trong gia đình, Dianne không thể giúp được gì ngoài cách đưa những kinh nghiệm thực tiễn vào trong bài thuyết pháp. Bà thường đặt ra câu hỏi: “Tại sao chúng ta cứ khư khư giữ lấy cho mình phần nộ, kinh

hoàng, hay buồn khổ của mỗi chúng ta mãi như bồng một đứa trẻ trong tay? Tại sao chúng ta cứ chứng kiến mãi trong tinh lặng sự thất bại, nổi cay đắng, sự hoảng loạn tựa như người bất động trước đứa trẻ đang kêu la inh ỏi? Hay chứng kiến những giọt lệ tuôn trào mà không mũi lòng hay sao? Mọi kinh nghiệm sống đó đều là động lực sinh động để tập sống một cách tinh táo, kể cả những khai sáng trong phòng thiền, chứng đau đầu kinh niên, hay cả sinh lực giới tính tăng triển. Tất cả những điều đó không phải là gánh nặng hoặc những điều gây cản trở, nhưng là nguyên liệu làm cháy bùng lên ý thức của chúng ta”.

Năm 1998, Roko Ni- osho Sherry Chayat nhận truyền Phật pháp theo truyền thống Rinzai do ngài Đại sư Eido Shimano Roshi. Bà tin tưởng rằng, phụ nữ tham gia Phật giáo tại Hoa kỳ là một trong những điểm mạnh trong việc loan truyền Phật pháp từ Đông sang Tây. Bà xuất thân từ phong trào phụ nữ rất sớm, nên rất nhạy bén với những vấn đề đồng cảm với người khác – cũng như tính đồng cảm trong việc luyện Phật. “Sống giữa những xung khắc và nghịch lý có thể tạo nguồn thổ lộ và thông cảm nhau rất hữu hiệu” bà cũng tin rằng sự dính líu vào cuộc đấu tranh giải phóng phụ nữ, những thắc mắc về tính bình đẳng trong Phật giáo khiến bà đặc biệt nhạy cảm với những vấn đề các thiền sinh nêu ra liên quan đến tình dục, giới tính, sự lạm dụng, quyền lực và chức quyền.

---o0o---

Thiền Minh Sát

Để nhận ra những biến đổi trong đoàn thể tu sĩ theo truyền thống Phật giáo Thiền Minh Sát, tôi đã mạn đàm với Anna Douglas, một thiền sư sáng lập Trung Tâm Thiền Rock Meditation tại Marin County, bang California. Bà đưa ra chi tiết về một sự việc xảy ra ba năm về trước. Bà phụ trách thuyết pháp một cuộc tĩnh tâm cho các phụ nữ kéo dài một ngày. Bà cho biết: “Một điều thật rõ ràng, nhìn vào nhóm khoảng độ bảy mươi đến bảy mươi lăm phụ nữ đang hành thiền, thành linh tôi nhận ra đa số họ không biết gì về một vấn đề đang tồn tại giữa các phụ nữ và Phật giáo. Những đạo hữu mới tới Trung Tâm Spirit Rock đã quá quen thuộc với các thiền sư nữ. Một tượng Quan Âm (phụ nữ) được đặt kế bên Tượng Đức Phật (nam giới) ngay tại phòng thiền, phụ nữ nắm vị thế lãnh đạo, đại loại đâu cũng có phụ nữ!”

Một khi số nữ thiền sư ngày càng gia tăng, Anna nhận ra họ đã trở thành khá khác biệt. Có nghĩa là, một số đang thuyết pháp theo sát truyền thống, tuân thủ những kiểu mẫu đã được nam giới ấn định. Một số khác lại áp dụng một phong cách nữ tính hơn (một phong cách trực giác hơn, tự nhiên hơn, bao quát và có tương quan nhiều hơn” Anna còn cho biết, “Có nhiều thiền sư nữ

là một chuyện, làm cho mọi người ý thức được nữ tính trong mọi hình thức huấn luyện lại là một chuyện khác”. Những mô hình giáo trưởng (nam giới) vẫn còn đó, hình như nó thâm nhập vào văn hóa và thay đổi rất chậm. Bà tin là cách thức phụ nữ hiện hữu và điều hành những trung tâm thiền chính là vấn đề then chốt đối với Phật giáo Hoa kỳ ngày nay. “Phụ nữ sẽ nắm địa vị lãnh đạo theo kiểu truyền thống hay họ sẽ đưa vào ý thức nữ tính trong mọi cơ chế?”

Tôi đặt vấn đề về những thiền sư mới theo truyền thống Đại Thừa và được cung cấp một biểu mẫu dưới đây:

Catherine Ingram là một trong những thiền sư sáng lập Insight Meditation Society. Sau này bà đã nghiên cứu số thiền sư thuộc cả hai phái (Advaita), kể cả Poonja-ji tại Ấn độ. Hiện nay bà đang thuyết pháp một cách độc lập, một phương thể điều tra cởi mở tại các cuộc Hội Nghị mang tên “Đối Thoại về Phật pháp”.

Sylvia Boorstein, là tác giả và thiền sư tại trung tâm Spirit Rock trong nhiều năm, hiện bà rất quan tâm đến việc hòa hợp Phật giáo với Do thái giáo. Cộng với những lớp giảng tại trung tâm Spirit Rock, bà hiện đang giảng lớp Khai tâm cho các tư tế và các nhà lãnh đạo tinh thần khác.

Deborah Chamberlain - Taylor một trong những thiền sư Thiền Minh Sát thuộc thể hệ trẻ, cùng với chồng là George Taylor, cả hai đều là những nhà tâm lý trị liệu rất kinh nghiệm, hiện đang điều hành các khóa huấn luyện cho các cặp vợ chồng đang muốn kết hợp những vấn đề có liên quan với cách luyện tập thiền.

Mới đây thuyết pháp của Anna Douglas đã xoáy vào hành thiền và qui trình sáng tạo. Bà đã hành nghề họa sĩ trong mười lăm năm. Hành thiền trong hai mươi năm và hiện đang muốn gộp cả hai công việc làm một. Bà cho biết, “Tôi đang dạy vẽ từ một bối cảnh tạo hình và trống rỗng. Thật sự hai vấn đề không liên quan với nhau!”

Trong nhiều năm Julie Wester rất tích cực trong việc điều hành Trung Tâm Thiền Spirit Rock mới đây đã tham gia trong ban quản trị trung tâm, lại rất quan tâm đến chương trình kế hoạch hóa gia đình và hiện đang nuôi dạy một con gái nhỏ.

Mary Orr đã thành lập một Trung Tâm Thiền Minh Sát Vipassana tại Santa Cruz cũng như đang điều hành rất nhiều khóa huấn luyện trên mọi miền đất nước.

Caril Wilson sống gần IMS và du hành khắp thế giới thuyết pháp tại các khóa huấn luyện Thiền Minh Sát truyền thống. Mặc dù bị bệnh hiểm nghèo

và đang “cống hiến hết mình” và nắm giữ một lịch trình làm việc thật căng thẳng.

Tara Brach đã thiết lập một cộng đồng Insight Meditation tại Washington, D.C tại đó bà lên lớp và điều hành các khóa huấn luyện.

Lucinda Green một thiền sinh của Ruth Dension và Ayya Khema quá cố lại thành lập một trung tâm thiền mang tên Rocky Mountain Insight Meditation tại Colorado Springs.

Vì cống hiến rất độc đáo của Arinna Weisman cho truyền thống Phật giáo Thiền Minh Sát tại Hoa kỳ, tôi cũng đã tìm đến phỏng vấn Arinna.

Arinna sinh tại Johannesburg, Nam phi, cha mẹ bà đã bị bỏ tù tại đó dưới chế độ phân biệt chủng tộc với tội danh hoạt động chính trị. Họ rời bỏ Nam Phi vào năm 1961 và kinh nghiệm lưu vong chính trị hun đúc khao khát tự do đã ảnh hưởng đến cả cách giảng dạy của bà cho đến tận ngày nay. Bà đã được huấn luyện theo trường phái U Bha Khin và Ruth Dension, nhân mạnh đến những kinh nghiệm trực tiếp đến thể lý thông qua Niệm Hơi thở, nhìn toàn cảnh thân xác và chuyển động.

Arinna đã thành lập Trung tâm thiền Dhamma Dena tại Northampton, bang Massachusetts vào năm 1998, bà đang chỉ đạo các lớp học và các khóa huấn luyện dành cho cộng đồng nói chung và đặc biệt dành cho các phụ nữ đồng tính luyện ái nói riêng. Tại Seattle, Spirit Rock, Washington D.C. và Nữ ược bà cũng tổ chức các khóa huấn luyện hàng năm cho các cộng đồng tình dục đồng giới nữ / tình dục đồng giới nam/ tình dục với cả hai phái. Bà nói, “Có điều gì đó “rất đặc biệt” về các khóa này, một nghị lực đặc biệt để họ cùng hiện diện chung với nhau đó đã là điều thật đáng yêu rồi”,

Bà nhấn mạnh cùng trở lại chung sống với nhau thành một cộng đồng và bà cũng nhấn mạnh đến lòng nhân ái, khả năng tự yêu thương lẫn nhau, bà bỏ lại đằng sau các thông điệp tiêu cực. “Tất cả chúng ta đều có khả năng trở thành tự do ngày càng nhiều hơn”.

Cuốn sách mới của Arinna, dự kiến sẽ có tên *Hướng dẫn thực hành thiền Meditation Insight*, sẽ được nhà xuất bản Random House xuất bản vào mùa hè hay mùa đông năm 2000.

---o0o---

Thiền Theo Phật Giáo Tây Tạng

Ngay trong truyền thống Phật giáo Tây Tạng tại quốc gia chúng ta (thường ám chỉ phái Mật Tông) cũng thấy xuất hiện sự bùng nổ những cố gắng của phái nữ trong số các thiền sư mới sau này. Với sự bùng nổ này ta

thấy xuất hiện một hiện tượng mới đó là thần thánh hóa phụ nữ như Tara và Yeshe Tsogyal kèm theo những vấn nạn như, “Trong trí năng truyền thống Tây Tạng luôn luôn có liên quan đến nữ giới mang ý nghĩa gì?”

Trước khi nêu ra đây một vài thiền sư nữ theo truyền phái Phật giáo Tây Tạng tôi muốn đề cập đến Tsultrim Allione, rất tiếc là bà đã không được nhắc đến trong lần xuất bản thứ nhất cuốn sách này. Nhưng chính bà là phụ nữ Hoa Kỳ đầu tiên được xuất gia nữ tu theo truyền phái Phật giáo Tây Tạng. Và cũng là một trong những người phụ nữ Hoa kỳ đầu tiên giảng dạy Phật giáo Tây Tạng trên đất nước này. Sau khi đã theo học tại Ấn Độ và Nepal với nhiều thiền sư Tây Tạng cao cấp, bà bắt đầu giảng dạy vào đầu những năm Sáu Mươi và cộng tác với Chogyam Trungpa thành lập học viện Naropa tại Boulder, bang Colorado. Bà đã được thiền sư Namki Norbu huấn luyện trong vòng hai mươi năm và hiện đang giảng dạy dưới sự dìu dắt của ông ta. Trung tâm Tara Mandala Pagosa Springs, bang Colorado đã tổ chức những khóa huấn luyện vào mùa hè. Tsultrim đang thực hiện chương trình giảng dạy trên khắp thế giới, bà cũng đang hướng dẫn những cuộc hành hương đến những thắng cảnh Phật giáo linh thiêng tại khắp Ấn Độ, Tibet và Bhutan.

Lama Palden Drolma (Caroline Alioto) một phụ nữ bốn mươi bảy tuổi, sinh tại California và đã là thiền sinh lâu năm, bà đã theo học với ngài Đại đức Kalu Rinpoche. Bà đã sống hai năm tại Bhutan, Sikkim, Ấn Độ và cũng được chỉ định là Lama theo dòng hệ Kagyn. Sau khi đã giảng dạy Phật giáo truyền thống Vajrayana mười bốn năm tại California, ba năm vừa qua bà đã thiết lập một trung tâm Dharma Marin County mang tên Sukkasidhi Foundation. Tại đó bà giảng dạy Vajrayana, mahamudra và luyện tập Dzogchen chuyên sâu về tâm linh phụ nữ. Bà rất sùng bái Tara. Bà tin là phụ nữ tính trong vạn vật không thuộc phạm trù nhận thức, rất có giá trị và rất khó diễn đạt bằng từ nhưng lại thích hợp trong thực hành.

Bà nói với tôi, “Tôi rất ngưỡng mộ qui trình luyện tập của mỗi cá nhân” và bà cố gắng tạo thuận lợi cho kiến thức cá biệt của mỗi thiền sinh được thể hiện. Bà đề ra cách thực hành và cách thức luyện tập tinh thần phù hợp cho từng cá nhân, hy vọng rằng đường hướng của mỗi thiền sinh sẽ tự hé mở. Chính vị thiền sư của bà cũng đã thực hiện phương thức này. “Tôi cảm thấy họ đem lại may mắn và sức mạnh cho tôi”.

Đây là một “qui trình thao tác được chia sẻ” không mang tính độc đoán, nhân mạnh đến lòng nhân ái và “tham gia cách vui vẻ”. Tổ chức này phát triển chậm nhưng vững chắc. Hạnh phúc cá nhân được “lưu ý trước hết sau đó mới tới tổ chức.!” Cơ cấu không mang tính phẩm trật, dựa trên nhóm tập

trung. Ban điều hành hay đoàn thể rõ ràng tồn tại trong nhóm, nhưng điều quan trọng nhất vẫn là thái độ trí tuệ. Công hiến của mỗi cá nhân được trân trọng “Sức mạnh luồng vào trung tâm, rồi chuyển qua các nhóm. Sau đó lan rộng ra khắp thế giới”.

Theo truyền thống, các tổ chức Phật giáo Tây Tạng mang tính phẩm trật, phong kiến và phụ quyền. Tuy nhiên nơi các tu viện bà theo học tại Himalayas, Lama Palden chưa bao giờ gặp tình trạng phân biệt giới tính. Bà nhắc tôi nhớ lại một số câu chuyện về những đạo hữu phụ nữ thành đạt và đáng kính trọng trong Phật giáo Tây Tạng, Một người trong số họ là Mẹ của thiền sư Kalu Rinpoche.

Lama Palden cũng hành nghề tâm lý trị liệu bà được huấn luyện rất tốt và tin tưởng mạnh mẽ rằng để cho việc luyện tập siêu nhiên tiến tới mau lẹ, nhất thiết cần phải xét đến yếu tố tâm lý. Thay vì “chỉ phán đấu” chống lại những điều tình cờ để đạt đến mục tiêu đề ra (điều này khá phổ biến nơi bối cảnh các tôn giáo khác). Bà động viên các thiền sinh cùng nhau nghiên cứu trên mọi lãnh vực: tinh thần, tình cảm, tâm lý và thể lý.

Chủ biên tờ tạp chí Mandala là Đại đức Robina Courten, thuộc phái Gelugpa, đã thành lập *Dự án Nhà Tù Maitrya* và thủ vai trong một phim sản xuất tại Úc mang tên *Chasing the Buddha* (Săn tìm Đức Phật), vừa được trình chiếu tại Liên Hoan Phim Sudance. Bà đã đi thuyết pháp khắp nơi trên thế giới, một thiền sinh của bà đã mô tả cách thuyết pháp của bà thật là “mãnh liệt, trực tiếp, rõ ràng, ấm áp và đầy tình người”.

Anne C. Klein là giảng viên và Trưởng Khoa Tôn Giáo tại Đại Học Rice Houston, bang Texas, Bà đã giảng các khóa Phật học và ngôn ngữ Tây Tạng. Năm 1995 trong cuốn sách Bà viết mang tựa đề *Meeting the Great Bliss Queen: Buddhism, Feminism, and the Art of the Self* (tìm gặp Bà hoàng hạnh phúc: Phật giáo, phụ nữ và nghệ thuật bản ngã). đã được Beacon Press xuất bản. Bà cũng là thành viên thiết lập ngôi chùa Tây Tạng Dawn Mountain, một trung tâm cộng đồng và nghiên cứu ở Houston và vài năm vừa qua bà đã tổ chức những cuộc hành hương thánh địa tại Tây Tạng và Nepal, đặc biệt là đến thăm nơi sinh của Yeshe Tsogyal (Bà hoàng hạnh phúc). Cùng với Phyllis Pay, một cố vấn và đạo hữu Phật giáo Tây Tạng thuộc tông phái Sakya, bà đã thiết lập một chương trình mang tên “Buddhist in the Body” nhằm liên kết việc “luyện tập giác ngộ” với cách tập luyện theo truyền thống Tây Tạng.

Chín năm sống tại Úc, Julie Henderson đã tổ chức các khóa huấn luyện với các Đại Thiền sư Tây Tạng. Trong số đó có các vị Gyalwang Drukpa thứ mười hai và cha của ông. Ngài Nyinmapa Lama Vairochana Tulku – Bà đã

trở lại Hoa kỳ vào năm 1993. Với sự chấp thuận của các vị đó bà đã thuyết pháp một cách không chính thức tại Châu Âu, Châu Úc và Hoa kỳ. Các cuốn sách Bà viết gồm có: *Embodying Well-being: How to Feel As Good As You Can in Spite of Everything; I Ching: Revealing Story, Training Mind, and The Hum Book*. (Bản về hạnh phúc: làm sao có hạnh phúc bất chấp mọi khó khăn. Chuyện kể về luyện trí nhớ và sách kể chuyện vui).

Những thiền sư sau đây, tôi chỉ đưa ra tên Tây Tạng, nhưng tất cả họ đều là người Mỹ. Lama Inge, tên gốc Lama là Chagdud Tulku, Rinpoche, thiền sư cư trú tại Padma Ling Spokeane, bang Washington. Bà đi thuyết pháp rất nhiều nơi, như Canada, Alaska và nhiều nơi khác trên đất nước này.

Lama Yeshe Wangmo là thiền sư cư dân Hawaii thuộc Tổ chức Vajrayana Foundation, đặt bản doanh tại Orgyen Dechen Cho Dzong, một trung tâm huấn luyện của thiền sư Dzogchen Lama Tarchin Rinpoche tọa lạc trên một hòn đảo lớn ở Hawaii, bà thuyết pháp thường xuyên khắp Hawaii và trên đất liền.

Karma Lekshe Tsomo, cũng đặt bản doanh tại Hawaii, là thiền sư không thuộc giáo phái Phật giáo nào cả được huấn luyện tại cả bốn trường phái Phật giáo Tây Tạng, cũng như truyền thống Miền điện, Korea và Trung quốc. Bà đang điều hành tám dự án giáo dục cho phụ nữ tại Ấn-độ (thuộc tỉnh Dharmasada, Spiti, Ladakh và Kinnaur) Bà dạy môn Phật học và các tôn giáo khác tại Đại học Chaminode Honolulu. Bà là thư ký của tổ chức Sakyadhita: một hiệp hội Phụ nữ Phật giáo quốc tế và còn đang thiết lập một trung tâm huấn luyện khác trên quần đảo Kauai.

Đại đức Thubten Chodren, thuộc tông phái Gelugpa, giảng tại Dharmna Friedship Foundation Seattle, bang Washington.

Sangyey Khantrul, thiền sinh của ngài Gelugpa Rinpoche, đang thuyết pháp khắp miền duyên hải phía Tây, đặc biệt tại vùng Bay Area và Portland, bang Oregon.

Lama Shengen Drolma do Đại đức Chagdud Tulku Rinpoche xuất gia, chủ yếu đang thuyết pháp tại vùng Arizona và New Mexico và cả Trung tâm Chagdud Gonpa Foundation.

Bà Chagdud Khadro, vợ của Chagdud Tulku, Rinpoche, lại thuyết pháp nhiều nơi trên đất nước này và mới đây hàng tháng lại cũng thuyết pháp tại Brazil.

Cuối cùng, tôi muốn đề cập đến ba khía cạnh khác nữa trong thế giới phụ nữ và Phật giáo trong thập kỷ qua. Cho dù có liên quan đến giới tính hay chỉ thuần túy là các khuynh hướng vượt khỏi giới tính thì không dễ gì thăm định

được. Dù sao đi chăng nữa, những khuynh hướng trên đã xuất hiện cùng thời điểm với những vấn phụ nữ đang trở nên nổi cộm trong thế giới Phật giáo phương Tây hiện nay.

Trước tiên là những hiện tượng ảnh hưởng chòng chéo giữa Phật giáo và các tôn giáo phương Tây khác cũng như ngay cả giữa các truyền thống Phật giáo với nhau. Cuộc đối thoại Phật giáo và Ki-tô giáo không phải là điều gì mới mẻ. Nhưng những tương quan vừa chớm nở giữa Do thái Giáo và Phật giáo là điều mới mẻ và đáng ngạc nhiên. Các thiền sư Phật giáo và các Giáo Sĩ Do Thái Giáo như: Sylvia Boorstein (Vipassana) và Norman Fisher (thiền) đang giang tay tới các thầy Rabbis và các cộng đoàn Do Thái giáo để tìm hiểu nhau và phong trào thiền Do Thái Giáo mới đã đăng cai những cuộc đối thoại với các thiền sinh và thiền sư Phật giáo.

Trong nội tình Phật giáo, các thiền sinh Zen cũng tham gia các khóa huấn luyện vipassana chung và ngược lại. Nhiều thiền sinh truyền thống Tây Tạng cũng đã xuất hiện tại cả hai nơi. Các thiền sinh theo truyền thống Zen cũng tham gia các cuộc huấn luyện do Toni Packer chủ trì, bà không coi mình nhà thiền sư Zen. Trong nhiều năm (chương I) chính các thiền sinh của bà cũng đã tham gia rất nhiều khóa huấn luyện thuộc các truyền thống khác, nhiều đạo hữu vipassana cũng như thiền sư cũng đang học hỏi với các Đại sư Tây Tạng.

Khía cạnh thứ hai là một thay đổi quan trọng trong cấu trúc và tinh thần nơi nhiều tổ chức Phật giáo tại Hoa Kỳ (đôi khi nhẹ nhàng cũng có khi thật gắt gao). Được mô tả như là dân chủ hóa, phụ nữ hóa, dần dà phẩm trật được nói lỏng hoặc biến mất và qui trình thiết lập quyết định đang trở nên cởi mở và uyển chuyển. Trường phái Ordinary Mind Zen của Charlotte Joko Beck và các thừa kế Phật pháp của Bà được qui hoạch hoàn toàn không có phẩm trật và mở ra cơ hội đối mới cho mọi thành viên. Trung tâm thiền San Francisco hiện có một hệ thống thiền thật tỷ mỉ để giải quyết các tranh cãi và thiền viện trưởng không được giữ chức trọn đời nhưng chỉ thực hiện quyền trong những khóa kéo dài bốn năm (mới có quy định khóa chỉ còn kéo dài ba năm). Hội Suhasiddhi Foundation của Lama Palden lại dựa trên quyết định của nhóm để thực hiện công việc kinh doanh cũng như công việc tinh thần. Mọi người đều bình đẳng; mọi tiếng nói đều quan trọng. Sultrlm Allione và Anne Klain cũng thuyết pháp tại các nhóm.

Điều cuối cùng và rất quan trọng, tôi muốn công nhận sức mạnh và sức sống mãnh liệt của phong trào Phật giáo đang thống lĩnh tại đất nước này. Một cuốn sách mới đây, mang tựa đề *Engaged Buddhism in the West* (Phật giáo dẫn thân tại phương Tây) do Christopher S. Queen, ghi lại toàn bộ hoạt động

của phong trào này. Trong một chương mang tựa đề “*Phật giáo hoa kỳ và các Chính khách Phụ nữ*”, Susan đã nêu ra câu hỏi: Phụ nữ đã thích nghi ra sao trên đất nước này? Câu trả lời của bà đề cập đến những vấn đề: Với thân phận là phụ nữ, chúng ta dư biết điều gì đã tầm thường hóa chúng ta và sự hiểu biết đó có thể giúp chúng ta thực sự liên kết với nhau. Với thân phận phụ nữ, chúng ta đã giúp cho ai đó củng cố vị thế của mình bằng cách công nhận cơ cấu phụ quyền đã bám sâu nơi các qui luật Phật giáo và chúng ta dư biết đó không phải là chân lý tối hậu. Vì thế cho nên khi đề cập đến tín lý chúng ta thật uyển chuyển. Là phụ nữ chúng ta cũng hiểu được phần nào nỗi thống khổ do áp bức gây nên và chúng ta cảm nhận có một mệnh lệnh tinh thần là phải chỉnh lại điều này... phải nhỏ nhẹ là điều quá gần gũi với phụ nữ chúng ta vì vậy giờ đây chúng ta muốn đi thẳng ngay vào vấn đề đau khổ.

Maylie Scott cho tôi biết, “Dấn thân vào công tác xã hội hiện nay thường được coi là một khía cạnh luyện tập. Một số người trong chúng ta cảm thấy góc độ thực hành là tối quan trọng: làm sao có thể diễn đạt được điều đã nghiệm được trên gối thiền đây? Có sự luyện tập bên trong và luyện tập bên ngoài. Đức Đạt-lai Lat-ma nói chúng ta cần đến cả hai thứ đó”. Tôi tin tưởng những ấn tượng phát triển dựa trên sự tiến hóa Phật giáo tại phương Tây sẽ không bị giảm sút. Chúng đang tạo biến đổi nơi những tông phái và ngay cả đặc tính các tổ chức cũng như những cộng đồng tu trì nữa (Sanghas) và rõ ràng không thể đảo ngược được nữa. Phật giáo phương Tây đang trở thành một nhân tố khác hẳn với Phật giáo phương Đông, (như đã diễn ra trong lịch sử mỗi khi Phật giáo di chuyển từ phần lãnh thổ này đến phần lãnh thổ khác trên thế giới). Tuy nhiên, nhiều người trong chúng ta vẫn tiếp tục đánh giá cao sự hiện diện và đóng góp của các nữ thiền sư truyền thống như Dai-en Bennage, nhiều người trong số họ đã được các Đại thiền sư Á châu đào tạo. Một số các thiền sư khác đang đứng ở phía bên kia đường ranh, trong lúc đang gắn bó với những phong cách truyền thống thì họ lại chấp nhận cả những giá trị phụ nữ trong đó, theo truyền thống thiền Zen, Dianne Rizzetto và Ni-Osho Sherry Chayatt đã nghĩ đến điều đó, nơi truyền thống Phật giáo Đại thừa, có Lama Palden và Tsultrim Allione, trong khi đánh giá cao di sản Tây Tạng, họ đưa vào những hình thức nữ giới mới rất nhạy bén và đáng khâm phục, đồng thời mang tính chất hết sức cách mạng.

Để kết thúc những lời kết luận này, tôi muốn trích dẫn ra đây lời nói của Wendy Egyoku Nakao, thiền viện trưởng Trung Tâm Los Angeles., lần đầu tiên xuất hiện trên *Turning Wheel* là tạp chí của hội *Buddhist Peace Fellowship*, số mùa xuân năm 1999.

Đâu là những hình thức phụ nữ chúng ta sẽ tạo ra? Đâu là những cơ cấu hoạt động sẽ xuất hiện trong cuộc sống chúng ta? Đâu là những phương thức khôn ngoan nhất với thân phận là phụ nữ chúng ta sẽ đề xuất? Chúng ta thường nói: “Đừng hắt luôn đũa bé đi với nước tắm của bé”. Còn tôi nói, “Đứa trẻ là gì nào? Và nước tắm của bé có là chi? Cứ đồ cả hai đi rồi quan sát xem điều gì xuất hiện với kiến thức quá nông cạn của chúng ta.

---o0o---

Thuật Ngữ Chuyên Môn

- *Abhisheka (Phạn)*: Nguyên nghĩa, rảy nước. Thánh hiền hay kết nạp làm thành viên chính thức.

- *Anapana (Pali)*: Niệm hơi thở, thở ra hít vào. Một trong các bài luyện tập phổ biến nơi mọi truyền thống Phật giáo.

- *Avalokiteshvara (Phạn)*: Một trong những “bồ tát” nổi bật nhất trong Phật giáo Đại thừa “người nhìn xuống chúng sanh (nhân loại) với lòng từ bi.

- *Bhikhuni (Pali) Bhikshuni*: Tỳ kheo ni, nữ tu Phật giáo, (Bhikkhu) tỳ kheo, nam tu sĩ Phật giáo. Khất sĩ giữ 227 giới, cạo đầu, mặc cà sa màu vàng, sống nhờ vào thực phẩm khất thực. Còn có nghĩa là những người cố gắng tu trì Giới, Định, Huệ để giải thoát.

- *Bodhicitta (Phạn)*: Cái tâm thông thái. Khát vọng của “Bồ tát” để được giác ngộ tột đỉnh nhằm lợi ích cho chúng sanh

- *Bodhisattva (Phạn)*: Một người thể hiện bản chất của họ là “bồ tát” hay là “giác ngộ” sự thông thái có được từ tri giác được chân lý. Bồ tát, hay “Đức Phật từ bi” nhắm tới giác ngộ cho tất cả chúng sanh. Không phân biệt bản ngã hay vô ngã.

- *Brahmavihara (Phạn)*: Tứ vô lượng tâm, từ, bi, hỉ, xả. Bốn trạng thái tâm linh siêu nhiên hay chỗ ở tinh thần, phương pháp thiền trong đó tâm linh vượt thoát ra khỏi vũ trụ với lòng nhân ái (metta) từ bi (karuna) hoan hỷ (mudita) và bình thản, thanh thản trong tâm hồn (upekkha).

- *Buddha (Phạn)*: Tước hiệu, tên riêng, có nghĩa là “người được giác ngộ” hay “tỉnh ngộ”. Đức Phật lịch sử, Thích Ca Cồ Đàm, sinh năm 563, tại tỉnh Lumbini, Ấn Độ.

- *Chakrasamvara (Phạn)*: nguyên nghĩa, Sự trói buộc, liên kết giữa các Chakras (các tâm điểm chủ yếu của thân thể ảo tượng).

- *Daisan (Nhật)*: Cuộc gặp gỡ hay đối mặt cá nhân giữa thiền sinh và thiền sư, theo truyền thống thiền tương tự như Dokusan với một thiền sư đã đạt đến bậc Đại sư (Roshi).
- *Dharma (Phạn)*: Chân lý, tín lý, Phật pháp, cũng có nghĩa là hiện tượng hay những yếu tố cơ bản.
- *Dokusan (Nhật)*: Cuộc gặp gỡ, đối thoại riêng tư, mặt đối mặt với một Đại sư (Roshi), tinh thần gặp gỡ đó tràn ngập bản chất cuộc sống.
- *Dukkha (Pali)*: Đau khổ.
- *Gassho (Nhật)*: Một cử chỉ kính trọng trong đó tay nâng lên chắp lại trước ngực cúi đầu hay gập về phía trước.
- *Guru yoga (Phạn)*: Sự luyện tập ngondro thứ tư, có liên quan tới việc nhận các lời chúc lành.
- *Hara (Nhật)*: (lực nội Công, xuống tấn) Tâm điểm sâu xa của trọng lực trong con người được phát triển trong khi hành thiền; từ chuyên môn chỉ một vùng bên dưới vùng rốn ba phân (cm).
- *Inka (Nhật)*: Nguyên nghĩa, dấu (triện) chứng thực. Trong truyền thống Thiền Rinzai tương đương với Phật pháp được truyền từ Đại thiền sư sang thiền sinh, đạt được khi hoàn tất khóa học chính thức.
- *Kagyü (Tibet)*: Một trong những tông phái Tây Tạng tiên khởi trong đó thuyết pháp truyền khẩu (không viết) các Phật pháp đã diễn ra.
- *Karma (Phạn)*: Quả báo. Thuyết nhân quả theo đó chúng ta sẽ gặt hái những gì chúng ta đã gieo ngay tại đời này hay tại đời sau.
- *Kensho (Nhật)*: Quan sát đến tận bản chất sự vật; một kinh nghiệm cởi mở, thông cảm. Kinh nghiệm đầu tiên trong trạng thái ý thức satori, hay ý thức không phân biệt rõ ràng.
- *Kinhin (Nhật)*: Kinh đi rước. Cuộc đi rước xếp hàng một xung quanh phòng thiền sau một giai đoạn hành thiền nghiêm túc.
- *Koan (Nhật)*: Một phương cách trình bày Phật pháp, rất khó đối với khả năng suy luận lô-gic, chỉ ra chân lý vượt trên tri thức.
- *Kwan Yin (Trung-hoa)*: Quan Âm, một nhân vật nữ bồ tát.
- *Kyosaku (Nhật)*: Cũng còn gọi là keisku. Một chiếc gậy bằng gỗ đánh vào vai để thức tỉnh những người ngủ gục cũng như những người cứng đầu để động viên thiền sinh trong việc tập hành thiền.

- *Mahamudra (Phạn)*: Đại tượng, biểu tượng, hoặc cử điệu. Sự truyền thông thiền được truyền lại đặc biệt do trường phái Kagyu. Ở trong trạng thái này toàn bộ kinh nghiệm được biến thành kiến thức siêu vượt và các phương tiện khéo léo.

- *Mahayana (Phạn)*: Trường phái Phương Bắc hay trường phái Đại thừa gồm Tây Tạng, Mông cổ, Trung quốc, Korea và Nhật bản nhấn mạnh đến cái tâm và trực giác vượt trên tri thức và lượng từ bi của Bồ tát còn-đương-tại- thể.

- *Maitraya (Phạn)*: Đức Phật giáng lâm, “Bồ Tát” phổ biến nhất trong nghệ thuật Phật giáo (Tại Nhật gọi là Hotei một nhân vật mập, vẻ mặt tươi cười).

- *Mandala (Phạn)*: Nhóm hay hội thần bí và nghi thức, tại Tây Tạng một mô thức (biểu đồ) được dùng trong câu thần chú, hành thiền và phụng vụ trong các Chùa.

- *Mantra (Phạn)*: Mô thức hay sự cầu khẩn dùng trong Phật giáo Tây Tạng và trường phái Sington Nhật Bản, dựa trên khoa học sức mạnh thần bí của âm thanh.

- *Metta (Pali)*: Lòng nhân ái, xả hỷ, ý ngay lành. Điều thứ nhất trong Tứ vô lượng tâm - từ, bi, hỷ, xả.

- *Mu (Nhật)*: Hay còn gọi là koan, thường ám chỉ việc luyện tập đầu tiên được chỉ định cho thiền sinh nơi truyền thống thiền (zen) Rinzai. Ý nghĩa của Mu không thể diễn tả bằng ngôn từ lý luận được và được chỉ định chính là để thiền sinh nhảy bèn trong lý luận. Một câu chuyện liên quan đến Mu chỉ đơn giản là nhà sư nêu ra một câu hỏi (liệu con chó có bản chất Phật không?) và Đại thiền sư Joshi trả lời: “Mu”

- *Ngondro (Tibet)*: Bốn việc thực hành mở đầu trong Phật giáo đại thừa, gồm 100.000 kiêu tỏ bày tôn kính, (vái, xá..). lời cầu khẩn, nhóm nghi thức hành thiền, nhận phép lành.

- *Nirvana (Phạn)*: Hiện trạng giác ngộ siêu nhiên vượt khỏi quan niệm tri thức, trong đó những tách biệt bản ngã được hủy bỏ kết hợp với thực tại kết chung.

- *Osho (Nhật)*: Chức vị, gán cho vị sư trụ trì tại một tu viện Phật giáo.

- *Rakusu (Nhật)*: Một miếng vải khoác ngoài áo cà sa, hình vuông từ vai trở xuống, các nhà sư mặc trong tu viện.

- *Rinzai (Nhật)*: Một Đại sư thiền (zen) thế kỷ thứ 9, đệ tử của Huang Pô thiết lập Rinzai hoặc trường phái “Sudden” của Phật giáo Thiền những lời

dạy của ông được sưu tập trong Rinzai Roku được coi là một điển hình tuyệt vời trong văn chương Phật giáo Thiền.

- *Roshi (Nhật)*: "thiền sư cao niên" tên được gán cho một Đại sư Phật giáo thiền thuyết pháp trực tiếp cho chúng sanh hay các đồ đệ trong tu viện.

- *Sadhana (Phạn)*: Một thể loại văn bản nghi lễ thiền định (Vajrayana) cũng như việc thực hành thiền loại này như đã mô tả.

- *Samadhi (Phạn + Pali)*: Hiện trạng ý thức tập trung thoát khỏi suy tư nhị nguyên vượt lên trên những tách biệt giữa bản ngã, vô ngã và các mối tương quan. Samatha (Phạn + pali) Tĩnh lặng tâm hồn.

- *Sangha (Phạn)*: Tăng già, Chúng, cộng đồng tu sĩ Phật giáo, gồm những nhà sư ăn mặc theo kiểu Phật, tu trì giới (227 giới). Cộng đồng đạo hữu. Viên ngọc thứ ba

- *Sankhara (Phạn + Pali)*: Một tập hợp các nội dung tâm linh bao gồm những tập hợp cảm xúc, phản xạ có điều kiện, những thói quen vô thức và cả những kỷ niệm. Chất liệu tâm linh ảnh hưởng đến ý thức và cũng bị ý thức chi phối.

- *Sanzen (Nhật)*: Cuộc thảo luận nghiêm túc giữa thiền sư, Đại thiền sư, hay một vị sư hoặc một đạo hữu được huấn luyện thiền. Có thể kéo dài hàng phút, hàng giờ, trong khóa huấn luyện có thể được lên lịch trong hàng ngày hay nhiều ngày liên tiếp.

- *Satori (Nhật)*: Trạng thái ý thức vượt khỏi tách biệt và khác biệt thuần túy, không thể diễn tả và truyền thông cho nhau được. ám chỉ sự khởi đầu thay vì kết thúc huấn luyện hành thiền đích thực.

- *Sesshin (Nhật)*: một cuộc tĩnh tâm (khóa huấn luyện) Thiền (zen) nghiêm túc.

- *Sakyamuni (Pali)*: Đức Phật lịch sử, Thích ca mâu ni Phật.

- *Shambhala (Phạn)*: Vương quốc thần thoại trong đó mọi Công dân đều tử tế tốt bụng với nhau, hiểu biết lẫn nhau và thực hành thiền. Cũng được dùng như là biểu tượng của tinh thức (ý thức) và tinh thần minh mẫn thể hiện như là một tiềm năng nơi mọi chúng sanh.

- *Shunyata (Phạn)*: Trống rỗng, khoảng không – cũng là không có cả khái niệm về trống rỗng.

- *Sila (Phạn + Pali)*: Giới, đức hạnh, các luật giới liên quan đến luân lý. Soto (Nhật)

- *Tathagata (Phạn)*: Một chúng sanh đã hoàn toàn giác ngộ trở nên đồng nhất với tuyệt đối, tước hiệu Đức Phật dùng để ám chỉ chính mình và các đệ đệ của ngài.
- *Theravada (Phạn)*: Nguyên thủy, lời dạy của các vị trưởng lão hay trường phái Phật giáo phương nam, trước kia được các Mahayana (đại thừa) gọi là Hinayana (Tiểu thừa), rất phổ biến tại Đông Nam Á (Miến Điện, Thái Lan, Cambodia và Sri Lanka).
- *Tonglen (Tibet)*: luyện tập trao đổi bản ngã với người khác. đạo hữu hít vào sự đau khổ của người khác đồng thời thở ra hơi ấm và lòng quảng đại hi xả.
- *Tulku (Tibet)*: dáng vẻ thân xác trần thế của Đức Phật. Một người thánh thiện nhập thể vào một đứa trẻ, cần nghiên cứu và tìm tòi bằng chứng.
- *Upasika (Phạn + Pali)*: hình thức nữ giới của upasaka – một thiện sinh người đời gắng sức giữ năm và tám luật giới vĩnh viễn, để theo bát chánh đạo. Đang khi vẫn còn sống tại thế.
- *Vajrayana (Phạn)*: trường phái Tây Tạng thuộc Phật giáo bắc Ấn Độ và Tây Tạng.
- *Vajrayogini (Phạn)*: Thần tính tượng trưng cho nguyên lý nữ giới của Prajna, hay là trí tuệ, hiểu biết bao gồm sự chuyển hóa từ u mê và đau khổ sang vô vi và từ bi.
- *Vinaya (Phạn)*: Luật, giới điều, kỷ luật, để điều hành đoàn thể tu trì.
- *Vipassana (Pali)*: Thiền minh sát
- *Yana (Phạn)*: Cỗ xe, cỗ xe cứu thoát, mọi chúng sanh đều được đưa từ cõi mê tới cõi giác. Thế nên ta có Mahayana.
- *Yidam (Tibet)*: Thần tính cá nhân nhập vào bản chất giác ngộ của một đạo hữu
- *Zabuton (Nhật)*: Thảm trải tại phòng thiền.
- *Zafu (Nhật)*: Gối đệm khi hành thiền.
- *Zazen (Nhật)*: Ngồi thiền, hành thiền (zen)
- *Zendo (Nhật)*: Phòng hay phòng hội, thường là một căn nhà biệt lập, dùng để hành thiền.

---o0o---

HẾT

-
- ¹ B.H. Blyth, *Zen and Zen Classics*, cuốn 5 (Tokyo: Hokuseido Press, 1960) trang 53. Xin đọc thêm *Zen and Zen Classics*:trích đoạn R.H. Blyth do Frederick Franck biên soạn (New York:Vintage books xuất bản, 1978) trang 172.
- ² Rick Fields: i truyện kể về Lịch sử Phật giáo tại Hoa kỳ (Boston: Shambhala Publications, 1981. Tái bản và cập nhật, 1986)
- ³ Gary Snyder, *The Real Work: Interviews and Talk, 1964-1979* (New York: New Directions, 1980, p. 106)
- ⁴ I.B. Horner, *Women under Primitive Buddhism* (London: George Routledge & Sons, 1930; Delhi: Motilal Banersides, Delhi, 1975).
- ⁵ Diana Y. Paul, *Women in Buddhism* (Berkeley:Asian Humanities Press, 1979)
- ⁶ T.W Davids and C.A F. Rhys Davids, dịch: *Dialogues of Buddha*, tái bản lần thứ 5 (London: Luzas & Co., 1966)
- ⁷ Frances Wilson, “The Nun,” chương 3 trong cuốn *Women in Buddhism* các trang 78-108)
- ⁸ Sulak Sivaraksa, “Buddhist Women, Past and Present”, *Kahawai: A Journal of Women and Zen* 6 số 1 và 2 (Winter/Spring 1985): trang 3-11.
- ⁹ Ayya Khema, *Can Women Attain Bibbana?* (Sri Lanka: Private Printing, 1984) p. 5
- ¹⁰ J. Hughes, *Buddhist Feminism* (Main Circleville, Ohio: Private Printing) p. 1
- ¹¹ Như trên. p. 3
- ¹² Susan Murcott and John Tarrant, dịch “The Therigatha” (trích đoạn), *Kahawai* 1 số. 3 (1979): 1-14.
- ¹³ Khema, *Can Women Attain Nibbana?* Trang 14.
- ¹⁴ Francs Wilson in Paul, *Women in Buddhism*, các trang 98-102.
- ¹⁵ Trích Paul, *Women in Buddhism*, các trang 175-176.
- ¹⁶ John Blofeld, *Bodhisattva of Compassion: the Mystical Tradition ở KwanYin* (Boulder: Shambhala xuất bản, 1978)
- ¹⁷ Tsultrim Allione, *Women and Wisdom* (London: Routledge & Kegan Paul, 1984), p 12”

-
- ¹⁸ Women in Kamakura Buddhism: Dogen's Raihai Tokuzui" Deborah Hopkinson dịch, Kahawai 1 số 2 và 3 (Spring/Summer 1979): 9-13 và 1-4 bản dịch khác do Francis H. Cook đăng trên Women in Buddhism, ấn bản do thiền sư Komei Larson, O.B.C (Mt. Shasta, Calif. Shasta Abbey Press, 1981 các trang 43-52.
- ¹⁹ "Kahawai Koans," Robert Aitken và Thomas Cleary dịch, tạp chí Kahawai 3 số 3 (1981): 1-8 cuốn 4, số 1 (1982) trang 14-16 và cuốn 6, số 2 (1984) 16-23)
- ²⁰ Thich Nhat Hanh, Zen Keys (Garden City, N.Y.: Anchor Press/doubleday, (1974), trang 76
- ²¹ Elsie Boulding, The Underside of History: A View of Women through time (Boulder: Westview Press, 1976)
- ²² Iris Murdoch, Bài giảng tại Đại Học California, Berkeley, 1984
- ²³ Peter Haskel, dịch Bankei Zen, XB. Yoshibo Kakeda (New York: Grove Press, 1984) trang 8.
- ²⁴ Phỏng vấn trích trong Karuna: A Journal of Buddhist Meditation 3 số 2 (1986) trang 11-14 và trích trong Inquiring Mind: A Journal of the vipassana Community 3, số 21 (1986) trang 8-9.
- ²⁵ Allione, Women and Wisdom, trang 18
- ²⁶ Carol Och, Women and Spirituality (Totawa, N.J.: Rowman & Allanhedl, 1983, trang 19
- ²⁷ Như trên, trang 104.
- ²⁸ Carol P. Christ and Judith Plaskow, xb, Womanspirit Rising: A Feminist Reader in Religion (New York: Harpet Forum Books, 1979), các trang 9-10
- ²⁹ Thông tin thêm về giáo hội phụ nữ, một phong trào trong nội tình các phụ nữ và các nhà thần học Công giáo, kể cả Rosemary Radford Ruether, liên lạc với phong trào Water (Women's Alliance for Theology, Ethics and Ritual) số 8035 Thirteenth Street, Suites 1 và 3, Silver Spring, MD 20910. USA
- ³⁰ Charlene Spretnak, XB. The Politics of Women's Spirituality (Garden City N.Y.:Anchor Press/ Doubleday, 1982), các trang xv- xxiv.
- ³¹ Blyth, Zen and Zen Classics, trang 53 (Franck Edition, các trang 173-174)
- ³² Tuyên bố không chính thức tôi có được do một thiền sư tại trung tâm huấn luyện thiền định (vipassana), tháng 3 năm 1986 và sau này Jack Kornfield đã thâm định lại.
- ³³ Robert Aitken, "The Body of Buddha," Parabola 10, số 3 (Fall 1985) các trang 26-31

³⁴ Một số sửa chữa, tôi muốn ghi nhận Judith Simmer Brown, Judith Lief và Lila Rich, cả ba người dưới trào Chogyam Trungpa đã và đang dạy tại Vajradhatu hay học viện Naropa tại Boulder, bang Colorado.

³⁵ Philip Kapleau, *The Three Pillars of Zen* (Boston: Beacon Press, 1965)